PHẠM - VĂN - SƠN

VIỆT-SỬ TÂN BIÊN

NAM BẮC PHÂN TRANH

HAY LÀ

Loạn Phong-kiến Việt-Nam



QUYỂN III

TỦ SÁCH SỬ - HỌC VIỆT - NAM

CƠ SỞ XUẤT BẢN ĐẠI NAM

Tài-liệu của Việt-sử Tân Biên quyển III một phần được viết theo các bút-ký, thư tịch, ký-ức lục của các giáo-sĩ, các nhà du hành và thương-gia ngoại-quốc nên đã trình bày được một cách tinh-tế và vô-tư nhiều sử-sự xảy ra ở nước ta trong thời cận-đại. Chúng tôi tin rằng lần này các độc-giả thân mến sẽ được hài lòng hơn.

PHẠM VĂN SƠN

Từ nhà kho Quán Ven Đường

PHẠM VĂN SƠN

VIỆT-SỬ TÂN BIÊN

QUYỂN III



1959

TÁC-GIẢ GIỮ BẢN QUYỀN

Sunday, July 30, 2017

Lời tác-giả

XÃ-HỘI Trung-Hoa đến đời Hán Hiến-Đế (thế-kỷ thứ ba sau T.C.) thì trở nên suy bại, rối ren do các ông vua cuối cùng của nhà Đông-Hán mỗi ngày một hèn kém.

Vua Hiến-Đế mất hết thực-quyền, nước Tàu liền bị chia xẻ làm ba Bắc do Ngụy chiếm, Tây-Nam thì Thục nắm giữ, Đông-Nam lọt vào tay nhà Ngô. Thời đó, người ta gọi là thế chân vạc hay là loạn Tam-quốc, và một nước khi đã bị ba lãnh-chúa xâu xé tất nhiên phải có nội-chiến. Cuộc nội-chiến dưới đời Tam-quốc cũng khốc-liệt hết chỗ nói như những cuộc chiến-tranh với các dị-tộc. Đã có những trận đánh vĩ-đại, quyết-liệt như trận Xích-Bích, trận Đương-Dương tràng bản giữa Thục và Ngụy có phen đã huy-động tới 800 ngàn binh-sĩ thì đủ hiểu.

Máu và nước mắt của những người bình-dân Trung-Hoa trong dịp này đã đổ ra chan hòa như nước lũ ở khắp đầu sông ngọn nguồn và thây chiến-sĩ đời này qua đời khác từng chất cao tầy núi.

Thật đúng câu :

« NHẤT TƯỚNG CÔNG THÀNH VẠN CỐT KHÔ »

Loạn Tam-quốc, may thay, bắt đầu từ năm 220 sau Công-Lịch tới 265 thì cáo chung nhưng cũng đã để lại một kỷ-niệm vô-cùng bi-đát, não nề cho nòi giống Hán.

Ở Việt-Nam ? Than ôi, cái thế chân vạc trên đây cũng đã bày ra. Đầu thế-kỷ XVI, con cháu vua Lê Thái-tổ hư hèn, nạn chém giết nhau vì quyền vị đã khai diễn hàng ngày giữa các phần-tử trong Hoàng-gia, rồi ra tới ngoài triều-đình việc vua giết tôi, tôi giết vua cũng luôn luôn xuất-hiện khiến cái ngai vàng của vua Lê Chiêu-tông phải gây gục, rồi nhà Mạc ra đời chiếm giữ toàn thể cõi Bắc.

Họ Trịnh lấy vua Trang-tông làm bung-xung xưng vương ở đất Thanh, họ Nguyễn chẳng chịu kém cũng dựng cờ tự-trị tại hai miền Thuận, Quảng.

Loạn phong-kiến Việt-Nam được kể từ 1527 đến 1802 mới chấm dứt và nền thống-nhất của nước ta được phục-hồi với sự khởi-nghiệp của nhà Tây-Sơn. Nhưng giữa Tây-Sơn và họ Nguyễn còn nối tiếp một cuộc tranh hùng đến 1802 mới hết.

Tính ra, Việt-Nam bị các ông chúa phong-kiến tranh giành chia xẻ từ đầu thế-kỷ 16 đến cuối thế-kỷ 18 mới thôi, nghĩa là ngót 300 năm nhân-dân Việt-Nam đã đau khổ lầm than, cha mất con, vợ mất chồng, gia-đình tan-tác, xóm làng điêu-linh.

Ở điểm này, ta thấy lịch-sử của ta và Trung-Hoa giống nhau : Trung-Hoa đã chịu cái họa phong-kiến tranh hùng từ đời Chu đến đời Tần 800 năm — dưới đời Tam-quốc 45 năm.

Ở xứ ta, nạn Thập-nhị Sứ-quân cuối thế-kỷ thứ X, dài 20 năm, cuộc phân tranh của ba họ Mạc — Trịnh — Nguyễn làm bầu trời nước Việt u-ám liền ngót ba thế-kỷ.

Người dân Việt cảm thấy gì, nếu không nghĩ rằng họ đã là dụng-cụ cho các cuộc tranh vương độ bá ; họ đã là nạn-nhân của biết bao trận giặc tàn khốc từ miền Cao-Bằng, qua Thăng-Long và Thuận-Hóa ?

Tình-trạng bi-thảm của họ đã được phô bày qua các thi ca, văn-phẩm của giới trí-thức và bình-dân thử thời mà ta có thể dan-cử tập « Chinh-phụ-ngâm » của Đặng Trần-Côn là cả một thiên trường-hận của biết bao chinh-phụ tựa cửa trông chồng một cách vô vọng.

« TÚY NGỌA XA TRƯỜNG QUÂN MẠC TIẾU
CỔ LAI CHINH CHIẾN KỶ NHÂN HỒI ? »

VƯƠNG-HÀN

hoặc câu

« TIẾNG AI RỀN RĨ NỈ NON,
« HAY VỢ CHỒNG LÍNH TRÈO HÒN CÙ-MÔNG ? »

cũng diễn tả cái số phận hẩm-hiu của biết bao người dân lành sống lay-lắt trong cuộc tranh giành liên miên của các dòng vua họ chúa.

Hôm nay, lần coi các sử-liệu nước nhà, kiểm-soát đến tình tiết của cuộc Nam — Bắc phân tranh, chúng tôi muốn thét lên rằng : « Hỡi các nhà làm chánh-trị, các ngài phong-kiến, các người đã để lại cho Lịch-sử nước nhà những kỷ-niệm vô cùng chua chát, các người đã quá coi thường quyền dân lợi nước ! Các người đã lôi cuốn cả một dân-tộc vào cuộc chiến-tranh vị-kỷ hết thế-hệ này qua thế-hệ khác. Các người đã làm cho nguyên-khí quốc-gia phải hao mòn khiến mất bao nhiêu cơ-hội tiến-bộ và tự-cường. Các người phải hoàn toàn chịu trách-nhiệm về sự sụp đổ của xã-hội Việt-Nam vào cuối thế-kỷ XIX nó là hậu-quả bi-thảm của những vụ loạn ly, đói khổ từ nhiều triều-đại...»

Phải chi không có những cuộc quật-khởi bền-bỉ và anh-dũng truyền thống của nhân-dân thì biết bao giờ chúng ta rửa cho hết cái hận vong-quốc ?

Hỡi các người dân ! Đã kinh nghiệm về cái khốc hại của các chế-độ chuyên-chính, ích-kỷ, tham tàn, hãy gấp rút nỗ-lực mở đường dân-chủ, hãy tỉnh táo và kiên-quyết tranh đấu để từ nay khỏi thành nạn-nhân của các chính-thể phi-dân, vô nhân-đạo reo rắc bao nhiêu tang tóc, đau thương,

Tôi ngừng bút ở nơi đây, lòng tràn đầy hy-vọng một nền Cộng-hòa lành mạnh, cấu-tạo bằng bao xương máu, trông chờ từ những thế-hệ xa-xôi sẽ giải phóng xứ-sở, sẽ giải phóng con Người và đem lại một đời sống huy-hoàng cho toàn dân nước Việt.

PHẠM VĂN SƠN

Sàigòn, ngày 20 tháng 4, năm 1959

SÁCH THAM KHẢO

- Việt-sử đại toàn	*Mai Đăng-Đệ*
- Khâm định Việt-sử thông giám cương-mục	*Quốc-sử quán đời Nguyễn soạn*
- Đại-Nam nhất thống-Chí	*- nt -*
- Đại-Nam thực lục	*- nt -*
- Đại-Nam liệt-truyện sơ tập (Quyển 30-32)	*- nt -*
- Thiên nam dư hạ-tập	*Chánh quyển đời Hậu Lê soạn*
- Việt-Nam khai quốc chí truyện	*nt -*
- Quốc Triều Hình-luật	*- nt -*
- Hồng-Đức thiện chính thư	*- nt -*
- Hoàng-việt luật-lệ	*Chánh quyển đời Nguyễn soạn*
- Đại-Việt sử-ký toàn thư	*Ngô-Sĩ-Liên soạn*
- Thanh-triều sử-lược	*Sách chép bằng tay không tìm ra tác giả (Sách của Trường Bác Cổ)*
- Lê-Kỷ dã-sử	*Phan Huy-Chú*
- Lịch triều hiến chương loại chí	*Ngô Thời-Chí*
- Hoàng Lê nhất thống chỉ	*Phan Huy-Ích*
- Dụ am ngâm-tập — Dụ am văn tập	*Hoàng-Thúc-Trâm*
- Lịch-sử Xã-Hội Việt-Nam	*- nt -*
- Quốc-văn đời Tây-Sơn	*Trần Trọng-Kim*
- Việt-Nam sử-lược	*Đào Duy-Anh*
- Việt-Nam Văn-hóa sử cương	*Hoàng Xuân-Hãn*
- La-Sơn phu-tử	*Trần Trọng-Kim*
- Nho Giáo	*Lương Đức-Thiệp*
- Xã-hội Việt-Nam	*Cao Xuân-Dục*
- Quốc-triều sử toát yếu	*Hoa-Bằng*
- Quang-Trung Nguyễn-Huệ	*Vũ Văn-Mẫu*
- Quan-niệm cổ truyền về pháp-luật	*- nt -*
- Dân-luật khái-luận — Vấn đề nhân quyền trong phạm-vi pháp luật	*- nt -*
- Kinh-tế thế-giới đang đi đến đâu (Phồng-Thông — 1952)	*Vũ Quốc-Thông*
- Việt-Nam phong-sử	*Nguyễn-Văn-Mại*
- Việt-Nam văn-học sử-yếu	*Dương Quảng-Hàm*
- Tang thương ngẫu lục	*Phạm Đình-Hổ và Nguyễn Án*
- Nam sử tập biên	*Nguyễn Văn-Tố*
- Bánh xe khứ quốc	*Phan Trần-Chúc*
- Hậu các anh-hoa	*Ngô Thời-Nhậm*
- Quốc-sử đính ngoa	*Lê Văn-Hoè*

- Những bài học Lịch-sử I, II, III — *Lê văn Hòe*
- Việt-Nam Lịch-sử giáo trình — *Đào Duy-Anh*
- Việt sử giai-thoại — *Đào Trinh-Nhất*
- Văn hóa Nguyệt San — *Của Bộ Quốc-gia Giáo-dục xuất bản tại Sàigòn*

- Abrégé de l'Histoire d'Annam — *par Schreiner*
- L'Empire d'Annam. — *par Gosselin*
- Première étude sur les sources annamites de l'Histoire d'Annam. — *par MM Pelliot et Cadière*
- La Cochinchine religieuse. — *par L.E. Louvet*
- Mission de la Cochinchine et du Tonkin. — *par des missionnaires de la Sᵉ de Jésus*
- Voyages et missions du P.A. de Rhodes
- Notes et souvenirs au Tonkin 1873, 81 et 86 — *par R. Bonnal*
- Revue indochinoise 1924, Bulletin des études indochinoises 1904
- Histoire moderne du pays d'Annam. — *par C.B. Maybon*
- Bulletin de l'école francaise d'Extrême-Orinent 1906.
- Histoire militaire de l'Indochine de 1664 à nos jours.
- La geste française en Indochine. — *par G. Taboulet*
- Histoire naturelle, civile et politique du Tonkin. — *par A. Richard*
- Histoire des missionnaires en Cochinchine. — *par A. Launay*
- Histoire générale des voyages. — *par A. Prévost*
- Documents historiques relatifs à la Cochinchine et au Cambodge. — *par A. d' Epinay*
- Contribution à l'histoire de la Nation Vietnamienne. — *par Jean Chesneaux*
- L'Empire d'Annam et le peuple annamite. — *par J. Silvestre*
- Etudes d'histoire d'Annam (B.E.F E.O.) — *par H. Maspéro*
- Les Chams d'autrefois et d'aujourd'hui. — *par J. Leuba*
- Essai sur les Tonkinois. — *par Dumoutier*

NHỮNG PHẦN CHÍNH-YẾU

— NỀN THỐNG-NHẤT VIỆT-NAM TAN RÃ.

— NHÀ MẠC RA ĐỜI.

— LOẠN PHONG-KIẾN VIỆT-NAM.

— CUỘC NAM-TIẾN CỦA DÂN-TỘC V.N.

— NGUYỄN MẠT — TRỊNH VONG

— TÂY-SƠN DẤY NGHIỆP.

NAM-BẮC PHÂN TRANH

HAY LÀ

LOẠN PHONG-KIẾN VIỆT-NAM

(1527 - 1667)

Việt-sử tân biên quyển III được viết ra với thành-ý thông-cảm những thống-khổ của quốc-dân lầm-than trên hai thế-kỷ do cuộc tranh giành của phong-kiến Trịnh-Nguyễn. Sách này còn kính tặng hương-hồn các tiền-nhân đã đổ bao nhiêu xương máu trên con đường Nam-tiến, để xây-dựng cho Quốc-Gia Việt-Nam một xứ-sở phong-phú, hùng-cường từng phen oanh-liệt vào bậc nhất dưới trời Á-Châu

PHẠM VĂN SƠN

PHẦN THỨ NHẤT

CHƯƠNG I

« THIÊN HẠ VI CÔNG »

KHỔNG-TỬ

NHÀ MẠC
(1527–1667)

I– TÌNH TRẠNG VIỆT-NAM ĐẦU THẾ-KỶ XVI.

Đầu thế-kỷ XV, vua Thái-tổ nhà Hậu Lê, với sự hậu-thuẫn mạnh-mẽ và kiên-quyết của toàn dân, đã lập nên một sự-nghiệp bất-hủ trong sử xanh là đánh đuổi được quân xâm-lược của triều Minh ra khỏi bờ cõi, sau 10 năm chiến-đấu đầy hy-sinh gian-khổ.

Từ Thái-tổ đến Thánh-tông, hùng-khí của dân-tộc Việt-Nam mạnh như sóng cồn, nếu đem so sánh Việt-Nam với các lân-quốc Á-châu thì ta có thể tự hào rằng mình là một quốc-gia cường-thịnh bậc nhất ở Đông-Nam Á về mọi phương-diện.

Văn-trị, võ công rạng rỡ đến tột bực, cả vấn đề cương-vực cũng được mở rộng hơn bao giờ hết, nếu ta nhớ rằng dưới đời Hậu Lê biên-giới Việt-Nam đã đi sâu vào đất Chàm. Vua

Thánh-tông đã xua đuổi Chiêm-quân đến Phan-Lung rồi chia Chiêm quốc ra làm ba tiểu quốc, một gọi là Chiêm thành, một gọi là Nam-phan và một gọi là Hóa-Anh — Còn đất Chà-bàn, đất Đại-chiêm và Cổ-lũy được quy-hợp mà tạo thành ra đạo Quảng-Nam.

Trong giai-đoạn lịch-sử này, nếu ngó về cục-diện Âu-châu ta thấy nước Pháp vừa mới phục-hồi được ít lâu sau cuộc Bách-niên chiến-tranh *(Guerre de cent ans)* và nước Anh còn đang đau khổ trong các cuộc khói lửa vô cùng tàn hại *(Guerre des deux roses)* trên khắp mọi nơi của đảo-quốc. Đây là nhận xét của giáo sư Jean Chesneaux, tác giả cuốn « *Contribution à l'histoire de la Nation Vietnamienne* » (1) kể ra để khen ngợi với đời Hồng-Đức nước Việt-Nam đã văn-minh thịnh-trị so ngay cả với nhiều nước lớn ngày nay ở Âu-châu vào thời ấy.

Đáng tiếc đến hết đời vua Thánh-tông thì cái đà tiến-hóa của dân-tộc bị ngừng lại. Lý-do của sự ngừng tiến là bởi các vua kế vị Thái-tổ, Thánh-tông, Hiến-tông đều nhỏ tuổi cả và như thế kém cả tài lẫn đức nên không những không thúc đẩy thêm được cái đà tiến hóa của dân tộc mà còn đi đến chỗ dật lùi rồi dần sa vào hố suy-vong.

Tại đây ta nhận thấy vai trò lĩnh-tụ thời quân-chủ quả là hết sức quan trọng. Từ quan đến dân hầu chỉ ỷ-thị vào vị quốc chủ, một khi không có minh-quân thường không có lương-tể, do đó mà chính-sự rơi dần đến chỗ suy bại. Cái khuyết-điểm của chế-độ quân-chủ là không xây dựng được những nền tảng chắc chắn và vĩnh-cửu cho sự tiến-hóa của toàn dân, bởi vậy mỗi khi những ông vua non kém ra đời, nhiều biến cố thường xảy ngay tại triều-đình, các biến cố này dĩ nhiên ảnh-hưởng lớn tới toàn thể dân-chúng. Nói cách khác, nếu nền quân-chủ là một cái nhà có một cái móng bằng sắt bằng đá, các cột kèo bằng lim, sến, táu, cửa to cửa nhỏ đều mở rộng, những người sống bên trong được mọi sự dễ chịu thì cái nhà ấy sẽ bền vững mãi mãi, các gia chủ cũng sẽ không

(1) Xuất bản tại Ba-Lê (1955).

bao giờ nghĩ đến sự phá-hủy hoặc sửa-chữa các bộ phận hay toàn thể cái nhà đó. Ngược lại nếu nó không có nền móng chắc chắn, nó bồng-bềnh như xây trên bãi cát hay sình lầy thì dù người ở cái nhà đó không nỡ hủy bỏ, mưa gió cũng hắt nhào nó xuống.

Xét lịch-sử Việt-Nam cũng như lịch-sử của nhiều dân tộc Á-Đông, việc xây dựng chính-quyền không được cấu-tạo trên những nguyên-tắc hợp lý, hợp pháp, sáng suốt, do đó mỗi triều đại một chánh-sách, một chế-độ. Xã-hội được các vị lĩnh-đạo tài giỏi, yêu nước thương dân thì chúng nhân được cơm no, áo ấm. Trái lại xã-hội sẽ rối loạn từ ngay nơi các vua quan rồi sự rối loạn bùng lớn ra tới ngoài nhân dân, nếu không xảy ra nội-tranh thì cũng có ngoại biến. Ở nhiều cường quốc Âu-châu ngày nay tỉ-dụ như Anh-quốc, Hòa-lan, Thụy-điển, Na-uy và tại Á-châu là Nhật-Bản dân tuy vẫn mến Hoàng-gia, nước tuy gọi là quân-chủ nhưng thể-chế là thể-chế lập hiến, rồi tuy đôi khi Hoàng gia có hèn kém nhưng đời sống của nhân dân vẫn không bị xáo trộn vì thực-quyền vẫn ở tay nhân dân. Tóm lại với chế-độ quân chủ độc-tôn, phong-kiến tuyệt đối xưa kia, nhiều quốc-gia sống rất bất trắc, bếp bênh, thất thường.

Với quốc-gia Việt-Nam, vua Lê Thánh-tông trị vì 38 năm làm được bao nhiêu điều ơn-ích cho quốc dân, nếu các vua kế-vị cũng ngang tài ngang đức, đâu đến nỗi có sự tan rã, suy-bĩ sau này, khiến cho trăm họ phải ly-loạn lầm than, đói khổ.

Con cháu nhà Hậu Lê từ vua Tương-Dực tới Chiêu-tông và Cung-Hoàng đã tỏ ra bất lực, vô tài do đó các đại-thần tướng lĩnh tha hồ mà tranh giành quyền vị. Từ giai-đoạn này trở đi mối loạn bắt đầu. Tính ra, từ vua Thái-tổ đến Cung-Hoàng là lúc khởi sự cường thịnh đến lúc khởi sự suy vong vừa đúng một thế-kỷ (1428-1527) sau 10 ông vua lớn nhỏ.

Theo tác giả *« Xã-hội Việt-Nam »*, khi nhà Hậu Lê mới dấy nghiệp, các lĩnh-tụ phong-kiến đều vừa là quan-liêu vừa là địa-chủ. Bấy giờ họ còn non nớt và còn biết e-dè uy-quyền của

nhà vua xây dựng trên những nguyên-tắc thương dân thương nước, họ chưa dám tác-yêu, tác-quái. Các quyền lợi của họ một phần đã do ân sủng vì công lao chiến đấu với vua Thái-tổ trước đây mà có, sau này lại do sự bóc lột dần dần mà lớn lên mỗi ngày. Buổi đầu cái phú quý của họ đã do những căn nguyên chính đáng rồi sau do chỗ lạm-quyền, lạm-thế. Tới khi uy-quyền của nhà vua sút đi thì uy quyền của họ lại lớn lên. Ngoài ra giữa các quan liêu, địa chủ, họ càng đông thì mầm chia rẽ càng nhiều rồi một cơ hội đã thuận-tiện cho mầm chia rẽ đó là nước Đại-Việt từ thế-kỷ XV đã thành một quốc-gia rộng lớn nhưng nền kinh-tế phát triển không kịp, lãnh thổ chia xẻ quá nhiều vào các quan-liêu, địa chủ, sau này triều-đình yếu-hèn quá không kiểm-soát nổi họ. Rồi quan-liêu mạnh bao nhiêu, sự bóc lột và áp chế nhân dân nhiều bấy nhiêu. Dân có đau khổ mà kêu thì *« thiên cao, hoàng-đế viễn»*. Trong cái tình-trạng bế-tắc ấy, chính người dân cũng muốn phiến động để tìm ra lối thoát.

Thế là giữa các phần - tử của chính-quyền đã có sự cạnh tranh chia rẽ — mà chính-quyền vì không giải-quyết nổi quyền-lợi của nhân-dân nên đối với nhân-dân cũng thành giáo mộc, thù-nghịch, xã-hội Việt-Nam ung-nhọt như vậy sớm chầy phải tan rã và đi vào một trật-tự mới, đó là lý đương-nhiên. (1) Và nhan-dân chúng tôi nói đây là tất cả mọi người đã chung sống trên mảnh đất Việt-Nam, từ kẻ sĩ-phu đến người áo ngắn cũng là nạn-nhân của cái không khí chính-trị nghẹt thở đời bấy giờ.

Cái không-khí nghẹt thở ấy đã phát sinh từ đời vua Uy-Mục đến Chiêu-tông, luôn 20 năm ròng mới sinh ra cuộc biến-loạn trên toàn bộ Việt-Nam kể cũng là quá muộn.

---

(1) — Trong cuốn « Contribution à l'Histoire de la nation Vietnamienne,» *giáo-sư thạc-sĩ Jean Chesneaux cũng nêu ra điểm này :...« Mais le problème féodal, le problème des rapports entre les paysans et les privilégiés qui vivent à leurs dépens, reste le problème fondamental. Les Trịnh ne sont pas plus en mesure de le résoudre qu'aucun de leurs prédécesseurs. »*

Dưới đây chúng tôi sẽ giới thiệu ba nhân-vật đã tranh hùng, tranh bá, đã chịu trách-nhiệm làm tan rã nền thống-nhất của nước nhà và đã gây nên bao nhiêu cảnh núi xương, sông máu từ Cao-Bằng vào tới bờ sông Nhật-Lệ : Mạc Đăng-Dung, Trịnh Kiểm, Nguyễn Hoàng.

II.— MẠC ĐĂNG-DUNG TRÊN LỊCH-SỬ

VỚI những trang cuối cùng *Việt-Sử Tân-Biên* quyển II, trong chương nói về vua Lê Chiêu-Tông và Lê Cung-Hoàng, chúng tôi đã trình bày những cuộc rối loạn của hai triều vua này đã thành nguyên-nhân thúc đẩy họ Mạc ra đời cũng như các anh-hùng khác, ai nấy đều tự cho mình có đủ lý-do chánh đáng để ra khôi-phục tình-thế.

Chúng ta hãy bắt đầu với Mạc đăng-Dung.

Mạc đăng-Dung thuộc dòng dõi Trạng-nguyên Mạc đĩnh-Chi và là cháu 7 đời của ông — quê ở Đông-Cao, một làng thuộc huyện Bình-Hòa, tỉnh Hải-Dương. Huyết-thống của Ông như vậy đáng kể là cao quý. Sau cha mẹ Ông dời sang làng Cổ-Trai(thuộc huyện Nghi-Dương, tỉnh Kiến-An bây giờ). Đến thế-hệ của Ông thì đã sa-sút nhiều nên gia-đình Ông phải sinh sống bằng nghề đánh cá nhưng nhờ có sở-trường vũ-nghệ, họ Mạc thi đậu Đô lực-sĩ dưới đời vua Uy-Mục rồi trên hoạn lộ, ông tiến bước dần đến tước Vũ-Xuyên-bá. Ông thăng Vũ-Xuyên hầu dưới đời vua Chiêu-tông và được giao giữ trọn binh-quyền của nhà nước trong tay thuở ấy, sau khi Hoàng duy-Nhạc vì báo thù cho chủ (Trần-Châu) mà gây loạn ở kinh thành.

Theo Đặng đình-Long, tác giả *Ái vô xứ Nghệ*, lý-lịch của họ Mạc có những chi-tiết đặc-biệt như sau :

« Họ Mạc thuộc dòng dõi Cơ-chất-Khiết tức là con cháu họ Cơ nhà Châu làm vua bên Trung-quốc. Gặp hồi suy vong nhà Châu mất nước. Cơ-chất-Khiết về quận Trác-Lộc rồi ra làm Chấp-kích-lang với nhà Hán. Có quân-công nên được tứ tính

là họ Mạc và được cai-trị đất Trịnh-Ấp. Ngày nay ở hạt Nhâm-Khâu, phủ Hà-Giáp, còn có nơi gọi là Mạc-châu, đó là chỗ phát-tích của họ Mạc. Về sau, con cháu Mạc-chất-Khiết đều hiển-đạt cả rồi dần dần di-cư về mé Nam Trung-quốc, Đến đời nhà Nam-Tống, họ Mạc ở đất Quảng-Đông rất thịnh. Rồi một chi họ Mạc ở Phiên-Ngung chuyển sang làng Lũng-Động, huyện Chí-linh Hải-Dương. Đến đời Mạc Hiển-Tích mới hiển-đạt.

Mạc hiển-Tích đỗ Văn-học thủ-tuyển năm Bính-Dần, niên hiệu Quang-Hựu triều vua Lý Nhân-Tông làm đến Thượng-thư.

Em Mạc hiển-Tích là Mạc hiển-Quan đỗ Văn học thủ tuyển niên hiệu Quang-Hựu, năm Kỷ-Tị, huynh đệ đồng triều, sự nghiệp vô cùng hiển hách.

Sau năm đời đến Mạc đĩnh-Chi.

Mạc đĩnh-Chi hiệu là Tiết-phu, người bé nhỏ, tướng mạo cực xấu nên người ta thường cho là hầu-tinh giáng thế. Mạc đĩnh-Chi thông minh rất mực, đỗ Trạng-nguyên năm Giáp-Thìn niên hiệu Hưng-Long triều vua Trần Anh-Tông, đi sứ Tàu có tài ứng đối được phong : « Lưỡng quốc Trạng-nguyên », rồi về nước làm quan đến Đại-liêu-Bang Tả-bộc-Xạ, tính rất thanh-liêm, sau xin từ-chức về quê dạy học. (Nay ở xã An-Ninh còn di-chỉ nền nhà học tức là Trạng-nguyên cổ-đường. Làng Long-Động thờ làm thành-hoàng).

Con Mạc đĩnh-Chi là Mạc Khán, Mạc Trực đều đỗ Hương cống giữ chức Viên-ngoại-lang dưới đời Trần dụ-Tông.

Đến đời thứ tư, một chi sang đất Ma-Khê, huyện Thanh-Hà rồi lại phân sang làng Cổ-Trai, thuộc huyện Nghi-Dương. Ở Cổ-Trai hai đời thì sinh ra Mạc đăng-Dung... »

Trong việc thay trò đổi cảnh trên sân khấu chính-trị nước ta bấy giờ, ngoài việc của Chiêu-tông bại trận bị giết, còn lại vua Cung-Hoàng, bà Thái-hậu cùng đám quan-liêu không thuận theo chiều gió mới cũng rơi rụng là lẽ dĩ nhiên. Những nhân-vật tuẫn-tiết bấy giờ có các ông Vũ công-Duệ, Ngô Hoán, Đỗ ngự-sử

Nguyễn Thái-Bạt, Lễ-bộ thượng-thư Đàm Thận-Huy, Tham-chính sứ, Nguyễn Duy-Tường, Quan-sát sứ, Nguyễn Tự-Cường, Bình-hồ bá Nghiêm Bá-Kỳ, Đô ngự-sử, Lại Kim-Bảng, Hộ-bộ thượng thư Nguyễn Thiệu-Trị, Phó Đô ngự-sử Nguyễn Hữu-Nghiêm, Lễ bộ tả thị-lang, Lê Vô-Cương, hết thảy là những người có cơm dày áo nặng với cựu triều. Theo *Việt-Nam Sử-lược*, những người này đã mắng chửi họ Mạc, nhổ vào mặt họ Mạc, hoặc ôm ấn nhảy xuống sông tự vẫn. Đây là một thứ phản-ứng tiêu-cực của những kẻ yếu thế hay thất thế, chỉ có thể có những hành-động tuyệt-vọng mà thôi. Một số người khác như Lê công-Uyên, Nguyễn Ngã, Nguyễn Thọ-Tường đã khởi binh ở Thanh-Hóa nhưng thất bại. Sau có Lê Ý nổi quân ở đất Mã-giang... mấy lần thắng được quân Mạc nhưng cũng bị tiêu-diệt vì khinh-địch.

Sự-kiện trên đây không đáng lạ, vì sự luyến tiếc một triều-đại cũ đã gây ra sự chống đối một triều-đại mới là lẽ dĩ-nhiên và thường luôn luôn có trên lịch-sử, do mối liên-hệ về quyền lợi vật chất hay tinh-thần, mà một phần cũng do cái đạo-nghĩa chúa tôi.

« TRUNG-THẦN BẤT SỰ NHỊ QUÂN

« LIỆT-NỮ BẤT CANH NHỊ PHU »

Câu này thường hay được hiểu theo một ý nghĩa cố-chấp cũng có.

Nhà Mạc bắt đầu từ năm Đinh-hợi (1527), lấy niên-hiệu là Minh-Đức. Mặc dầu họ Mạc bị một số cố-thần nhà Lê không tán thành để giữ tiết-tháo, vừa cướp xong chính-quyền Mạc Đăng-Dung đã ra công thu dụng các cựu-thần của tiền-triều, các con cháu các nhà danh gia vọng-tộc và truy-phong cả những người tuẫn-tiết.

Theo Minh-sử, Mạc Đăng-Dung vừa lên làm vua, có ban bố 59 điều luật gồm trong tân chính-sách để áp-dụng cấp-thời về việc trị nước. Rất tiếc sử ta cũng như sử Tàu không nói rõ 59 điều của họ Mạc ra sao.

Chúng nghĩ rằng tòi những điều luật của họ Mạc đưa ra không

ngoài việc thi ân và thị uy đối với quốc dân thuở đó, nghĩa là vừa để vỗ về trăm họ vừa là nêu cao những ý sửa đổi chính sự hầu chấm rứt những sự rối-ren, đổ nát từ hai chục năm trước.

Đăng-Dung ở ngôi được ba năm thì theo lối họ Trần nhường ngôi cho con là Mạc đăng-Doanh rồi về ở Cổ-Trai làm Thái thượng-Hoàng. Tuy vậy Đàng-Dung vẫn trực-tiếp điều-khiển quốc-chính.

Năm Canh-Dần (1530) Mạc Đăng-Doanh lên ngôi lấy niên-hiệu là Đại-Chính. Doanh làm vua đến 1540 thì mất, truyền ngôi lại cho con là Mạc Phúc-Hải. Hải lấy niên-hiệu là Quảng-Hòa

Từ Mạc Đăng-Dung đến con cháu, triều Mạc vẫn theo đuổi những công cuộc của nhà Lê và có nhiều thiện-chí trong việc trị-dân giúp nước. Trật-tự được phục-hồi dần, việc canh-nông được khuyến-khích, việc thi-cử học-hành được mở-mang, Mạc lại cho đúc tiền sắt, tiền đồng để tiện-dụng trong sự mua bán. Uy-quyền của triều Mạc nhờ vậy mà thấu khắp cõi Bắc-Việt, trong khi này các lực-lượng đối-lập bị dồn hết vào Tây-Đô, Nghệ-An, Thuận-hóa.

III.— VỤ TRẦN THIÊM-BÌNH THỨ HAI TRÊN LỊCH-SỬ VIỆT-NAM

TRONG lúc xã-hội Việt-Nam đi dần đến chỗ đều-hòa, thăng-bằng, người dân đang tu-tạo lại sự-nghiệp sau hai chục năm nước nhà lụn bại về mọi phương-diện, một bọn quan lại nhà Lê không thắng nổi họ Mạc lại phải dùng cái chước hèn-hạ nhất và cũng tai-hại nhất là sang lạy con cháu Minh Thành-Tổ dùng cái vai trò vô-sỉ của bọn Bùi-bá Kỳ, Trần Thiêm-Bình đã làm hơn một thế-kỷ trước.

Tâm lý của bọn trước thế nào thì với bọn sau cũng thế. Bài học lịch sử trước đây đã ghi rằng : khi Minh cất quân sang đánh nhà Hồ có tuyên-ngôn rằng để dựng lại họ Trần, rồi khi họ

Hồ bị diệt, Minh dở mặt lập ngay cuộc đô-hộ. Vậy với chuyến thứ hai này, cón cháu Minh Thành-Tổ sẽ tử tế, nhân đức hơn ông cha chăng ?

Bọn Trần Thiêm-Bình chưa có kinh nghiệm về Bắc-Phương còn tha thứ được một phần nào, chớ bọn cố-thần nhà Lê đầu thế kỷ thứ 16 không còn bào-chữa tội lỗi vào đâu nữa.

Xét ra, muôn đời bọn cổng rắn cắn gà nhà chỉ vì mờ mắt về cái lợi cá nhân mà thôi, chớ đâu họ có tâm-huyết như Thân-Bao-Tư một lòng vì nước thật sự. Hoặc gỉa họ có trung thật thì đấy cũng là một thứ trung ngu-tối bởi họ không nghĩ rạ rằng giặc Bắc mà lọt được vào nhà thì khó mà ngóc đầu lên nổi ; Cái nhục 10 thế-kỷ vong quốc trước Tây Lịch, lại thêm cái nhục Minh-thuộc cuối đời Hậu-Trần trên 10 năm, có thể quên được ư ? Và từ đời Hậu-Trần đến đời Mạc khởi nghiệp mới có 100 năm, tưởng những việc áp-bức, bóc-lột, bạc hành của giống Hán dưới đây dầu kẻ kém trí nhớ đến đâu cũng nhớ được : Giặc Bắc bắt dân ta những ngày mùa Đông tháng giá cũng phải lặn xuống biển sâu để tìm hạt châu, hàng đoàn người đói rách không cơm không áo mà cũng phải vào rừng đầy hổ báo để kiếm hươu đen, chim trả, sừng tê. Chúng lại di-phong đảo-tục, sát phu hiếp phụ, thẳng tay moi gan mổ bụng các nhà cách mạng treo lên cành cây không ngớt... Than ôi, những hình ảnh kinh-khủng vô ngần ấy tưởng còn phải ghi-tâm khắc-cốt chứ ! Nếu sống dưới chế-độ Mạc Đăng-Dung là nhục, hỏi so-sánh với cái nhục dưới chế-độ của giặc Minh đàng nào nhục hơn ?

Ngoài bọn người phản đối họ Mạc bằng những xuần-động này, một bọn người khác đàng hoàng hơn giữa thanh-thiên bạch-nhật, tung gươm múa giáo, đo tài thử sức với họ Mạc bằng thực-lực riêng của mình, tuy còn phải khoác cái nhãn hiệu « Phù Lê » để có lớp vàng son của chánh-nghĩa. Đó là bọn Nguyễn-Kim, Nguyễn-Hoàng, Trịnh-Kiểm v.v....

Còn Minh triều lần này, nghĩ ngợi thế nào về vấn-đề nước Nam ? *Cuốn Quận-huyện thời đại chi Annam* do tác giả

Lê Chinh-Phụ biên soạn đã kê cứu khá đầy đủ những cuộc bàn luận của vua tôi nhà Minh và cũng nhân đây nhắc cả đến quan niệm của Trung-quốc từ Hán, Đường, Tống, Nguyên về dân-tộc và đất đai nước ta. Ai thiết-tha đến sử học xin lưu-ý đến đoạn này.

Lê-Chinh-Phụ viết : Theo *Minh-sử cuốn 182* — Lưu-đại hạ truyện, từ vua Lê Thái-Tổ đến Lê Thánh-Tông, Việt-Nam là một nước hùng cường đánh Chiêm dẹp Lào, có phen lại dám phạm cả biên-cảnh các tỉnh Quảng-Đông (Quỳnh-lôi) Quảng-Tây (Long-Châu Hữu-Bình) Vân-Nam (Lâm-An, Quảng-Nam, Trấn-An) các tiền-triều Trung-quốc cũng làm ngơ. Đến đời vua Tuyên-Đức bấy giờ, triều Minh cũng không muốn gây sự với Việt-Nam nhưng Thái-giám Uông-Trực vốn được vua yêu muốn lập biên công, nhân thấy Lê Thánh-Tông trước đây không thành công trong việc đánh Lão-Qua đã dâng kế-hoạch chiếm An-Nam (1).

Uông-Trực kiếm bản-văn kế-hoạch chiếm An-Nam năm Vĩnh-Lạc đưa ra, Đại Hạ-nặc không tán-thành, mật báo với quan Thượng-Thư Du Tử-Tuấn rằng : *« Nếu đấy binh đánh An-Nam thì miền Tây-Nam Trung-quốc không khỏi tơi bời trong khói lửa,»* Tử-Tuấn nghe ra liền đề-nghị bãi bỏ ý-kiến của Uông-Trực.

Vương-Miễn phụng-mệnh Minh-đế qua khám xét việc rối-ren do An-Nam gây ra tại Quảng-Đông trở về cũng xin động binh để hạch-tội Lê-Thánh-Tông liền bị giam vào ngục Cẩm-y-vệ (thật đáng ngạc nhiên là không thấy cuốn sử Việt-Nam nào nói đến vụ này).

Chiếu xét các việc trên đây ta thấy triều Minh rất kiêng nói đến vấn-đề biên-giới phương Nam (hẳn là do vang bóng các

(1).— *Việc này không đúng vì vua Lê-Thánh-Tôn, trái lại có đánh Lão-Qua và thành công. Uông-Trực đã nghe lầm hay cố ý đưa ra tin thất thiệt để tính lập biên công ?*

chiến công diệt Minh của Lê-Thái-Tổ) rồi cái tâm-lý ấy đã hiện trong bài-biểu của Đại-học-sĩ Từ-Phổ như sau :

« Chúng tôi được biết Hoàng-đế rất có lòng nhân, không phân biệt Di, Hạ. Nhưng trộm xét : Xuân-thu truyện có nói đấng vương-giả không trị di-địch, vậy việc ngự di và trị nước không cùng, nước Ann m tuy theo chính sóc quan chức nhưng vẫn là ngoại di, cậy có thế hiểm hay chống lại thiên-triều nhưng thường được các liệt-thánh bỏ qua. (!)

« Chúng tôi lại thấy trong Tổ-huấn chép : « Mọi rợ bốn phía đều ngăn sông cách bể, ở hẻo lánh xa xôi, được đất của họ cũng không đủ tồn phí, được dân của họ cũng chẳng đủ sai khiến ; nếu họ không lượng sức mà làm bậy, xâm phạm biên-cảnh của ta chỉ chuốc lấy đều tai hại mà thôi ; còn ta đánh dẹp cũng không nên, e con cháu sau này cậy giầu-mạnh, ham chiến-công nhất thời vô-cớ hưng binh sẽ tổn hại sinh-mệnh dân chúng. Lời khuyên bảo của Liệt-thánh thật là quảng-đại, xác đáng cho vạn thế huống chi ngày nay binh-mã của ta mạnh yếu thế nào chưa rõ, hao tổn tiền bạc nhiều để chiếm mảnh đất không cỏ mọc chẳng là làm một việc vô ích thì lại càng không nên ».

Ngự-giao-ký quyển 8 chép :

Bọn Từ-Phổ coi nước Annam là ngoại-di, đất Annam không cỏ mọc, việc đánh Annam là vô ích. Họ đã quên rằng từ đời Tống trở về trước Giao-Chỉ đã nội thuộc Trung-quốc hơn ngàn năm. Trong khoảng thời-gian dài đằng đẵng này Annam chịu một chế-độ chánh-trị, văn-hóa như các quận-huyện của người Hán. Là một đại-học-sĩ mà không hiểu biết một thực sự trong hơn một ngàn năm Lịch-sử há chẳng là điều quái gở sao ?

« Năm Hồng-Đức thứ 8 (?) tháng 6 mùa Hạ, quan trung-thư nói về Annam như sau :

Đất Annam ở tận phía Tây-Nam, gốc không phải là đất Hoa-hạ, phong-tục riêng biệt, nếu gọi là xứ mọi rợ thì các rợ khác khó sánh kịp, có thể nói trái lại, Annam là một nước văn-hiến nên lấy lễ độ mà dẫn dắt... »

Nam giao-ký quyển 3 viết: Đức Minh-Thái-Tổ chửa từng có ý coi Annam thnộc các rợ. Lời Tổ-huấn mà bọn Từ-Phổ đã nêu ra là : « Mọi rợ bốn phương trong đó không có đất Annam » là đúng vả lại từ Hán đến Đường, trải qua các triều-đại khác đều cho đất Giao, Quảng là vùng đất phì nhiêu, tại sao đời Minh lại quan-niệm Giao-chỉ khác Hán, Đường ?

Ta có thể kết luận rằng đời Minh một số triều thần chán việc binh cách với Việt-Nam lại sợ trách nhiệm bởi thuở đó nước ta đang hùng mạnh nên nói nước ta là đất cỏ không mọc, được người chẳng đủ để sai khiến, của cải chẳng là bao nhiêu chỉ là để làm nản lòng tham của cái triều-đình vốn sặc mùi thực-dân đế-quốc mà thôi. Thực ra một số khá nhiều người Thanh rất hiểu nước ta ở chỗ văn hiến, kiêng nể chúng ta ở chỗ quật cường và không dám xử với ta như với các dân mọi rợ. Đó là điều vô cùng vinh hạnh cho nòi-giống Việt-Nam.

Đến đời Minh-Thế-Tông (1522-1566) con mắt của Bắc phương lại bắt đầu dòm ngó về phương Nam vì họ biết nước ta đang có biến lúc ấy,

Năm Gia-Tĩnh 15, mùa Đông nhà vua sinh Hoàng-tử, theo lệ thường ban chiếu cho các nước phụ thuộc biết để đến mừng. Lễ-bộ là Hạ-Ngôn trình : « Nước Annam bỏ cống từ hai chục năm nay... », nhà vua có ý bất-bình và có lẽ trong thời gian này một số vong thần nhà Lê đã trốn sang Bắc-triều cáo tố việc đảo-chính của Mạc Đăng Dung nên nhà vua quyết định việc xuất binh « hỏi tội ». Vua ra lệnh cho Ngôn họp bàn với Binh-bộ để tổ-chức việc xâm-lược : một mặt cho hai quan Cẩm-y qua xét tình hình Việt-Nam ; một mặt sắc-chỉ cho quan trấn các tỉnh Quảng-Đông, Quảng-Tây, Vân-Nam chỉnh đốn quân lương đợi ngày hưng sự. Công tác cật vấn tội danh giao cho Thiên-hộ Đào phượng-Nghi. Các tỉnh Tứ-Xuyên, Hồ-Quảng, Phúc-Kiến, Giang-Tây cũng phải dự-trữ các thứ quân-nhu để cung-cấp cho đoàn quân viễn-chinh.

Xin nhắc rằng trong dịp vua Minh Thế-Tông đem vấn đề Nam chinh ra thảo luận, một số người đã không tán thành công

cuộc này, đó là Hộ-bộ thị-lang Đường Trụ người Quỳnh-Sơn dâng sớ trình bầy bầy điều không nên dụng binh mà chỉ nên dụng chính trị :

1o) Các bậc đế-vương trước không lấy việc trị Trung quốc để trị các man dân cho nên không đánh Annam, điều này nó ghi trong Tổ huấn. (1)

2o) Vua Thái-Tông đã diệt Lê quý-Ly (tức Hồ quý-Ly), tìm dựng con cháu họ Trần không được mới đặt nước Nam làm quận huyện để cai trị, sau bị người bản thổ quấy nhiễu hao quân nên Đức Chương Hoàng đế noi theo chí liệt thánh mà không giữ lấy nước này nữa, ngày nay cũng nên nối tiếp việc cũ. (1)

3o) Mọi rợ bên ngoài phân tranh là điều phúc cho Trung quốc *(tức là Trung quốc được yên)* như vậy họ lục đục với nhau mặc họ, ta dây vào thêm tổn người hại của ; để lấy cái oai nhỏ mọn, cắt tâm phúc vá tứ chi, việc không những không lợi mà có hại.

4o) Nếu bảo nước Nam gần Trung-quốc, nên lúc nước này có loạn mà đẹp đi thì hãy xét việc Mã-Viện Nam chinh, tiến sâu vào tận Lãng-Bạc sĩ tốt chết quá nửa mà việc lập cột đồng trụ làm bờ cõi cuối cùng thì lại lập gần phủ Từ Minh (2) ngày nay. Người nước Nam nay hàng mai phản, mỗi lần đánh dẹp phải huy động tới vài chục vạn quân, xuất tài lực luôn một hai chục năm mới được thêm mươi quận huyện thì chỉ là chạy theo một hư danh lại có khi thất bại nữa, vậy xin xét việc trước để làm gương.

---

(1) Tổ huấn hẳn là những sách lược của các vua trước để lại cho đời sau làm kim chỉ Nam trong các vấn đề nội-trị và ngoại-biên.

(2) Trồng cột đồng ở Từ-Minh là việc của Mã Tông con cháu Mã-Viện Đương-Trụ, nhầm ở chỗ này. Còn chính cái cột đồng do Mã-Viện dựng thì ở giáp Lâm-Ấp (Chiêm-Thành) ngày nay không còn dấu tích đâu nữa. Xin coi Việt-sử tân biên quyển 1 đoạn nói về nhà Trưng

5o) Bảo họ Mạc không triều cống mà « Vấn tội » thì cũng không thuận (1) họ có mang phương-vật để dâng hoàng-đế nhưng quan trấn ngoài cõi lấy cớ tên họ không phù hợp với vương-triều Annam đã được thừa nhận nên không cho vào, nếu đem điều đó ra trách thì lời không ổn.

6o) Dấy quân tức là cần lương-thực, binh sĩ, hiện nay Tứ-Xuyên lo việc thái-mộc, Lưỡng-Quảng tuy có trừ-bị vài mươi vạn quân những đã bị hao về việc Sầm-Mãnh ở Điền-châu, lại thêm phải khởi công xây-dựng nhiều việc lớn lao, số quân này đang bị trưng-dụng vào các việc đó, nay hưng binh thì đâu cung cấp người và của ?

7o) Miền Bắc hiện nay càng ngày càng mạnh, quân tướng ngoài biên luôn luôn lạm phận, dầu phía Bắc có tạm yên nhưng khi Nam-chinh rủi có sự bất-trắc ai chịu lỗi đó ?

Rồi tác giả bài sớ *« Bảy điều không nên »* xin bãi bỏ việc đánh dẹp, cho rằng nếu được thì đó là cái may lớn cho thiên hạ.

Annam truyện quyển 203.— Phan-Trân truyện chép : ngoài Đương-Trụ còn có quan Thị-lang Phan Trân dâng sớ can bị vua mắng quở, cách chức đuổi về. Con Trân là Đán làm Tổng-đốc Lưỡng-Quảng cũng dâng sớ nói « Mạc Đăng-Dung cướp ngôi nhà Lê cũng như họ Lê cướp ngôi họ Trần vậy ; nếu Đăng-Dung chịu dâng biên nộp cống thì đối với quốc-thể cũng đủ vậy ».

Tuần-án ngự-sử tỉnh Quảng-Đông là Dư-Quang cũng có lời tâu về Minh-Triều như trên cũng bị trách tội và tước bổng.

---

(1) Nhà Mạc quả không có nạp cống. Hộ-bộ thị lang Đường-Trụ nói vậy để tăng cường lý-luận của mình mà thôi. Trái lại Lễ bộ Hạ ngôn cũng đã nói nước Nam bỏ cống từ 20 năm (trang 25)

Ngay sử của hai triều Lê, Nguyễn đối lập với nhà Mạc cũng không hề ghi rằng nhà Mạc có mở cuộc giao-thiệp với Tàu và xin nạp cống trước khi nhà Minh ra quân.

Xét ra các biên thần của nhà Minh không ai tán thành việc đánh Annam, phần họ ở cạnh nước ta hiểu rõ hùng khí của chúng ta, phần họ thấy sẽ phải vất vả nhiều nếu chiến tranh xảy ra mà tương-lai lại rất bấp-bênh. Chỉ riêng vua Thế-Tông và lũ triều-thần bên cạnh, ở xa không thấu đáo sự-thực nên không ngớt lòng tham ; Binh-bộ thượng-thư là Trương-Toản tuy sợ phật ý vua Thế-Tông nhưng vẫn không đưa ra một quyết-sách nào. Rồi sau này người ta chỉ chờ có cơ-hội nào tốt là nêu ngay đề-nghị bãi binh.

Minh-sử quyển 103 cũng nói :Tuy có nhiều người can ngăn, vấn đề đánh Annam bàn đi bàn lại hàng tháng, rút cục vua Minh Thế -Tông vẫn muốn nối chí Minh Thành-Tổ là chiếm nước Nam để làm quận huyện như trước.

Bộ-Lễ và Bộ-Binh sau đó đã ra chỉ thị cho các tướng lĩnh viễn-chinh như sau :

— Nêu tội giết vua cướp nước của cha con Mạc Đăng-Dung làm cớ hưng binh.

— Cừu-Loan làm đô đốc, Mao-Bá-Ôn làm tham-tán quân-vụ phụ-trách việc đánh dẹp.

— Hồ-Liên, hộ-bộ thị-lang và Cao-Công-Thiều đi đốc thúc quân lương ở các tỉnh Vân-Nam, Quảng-Đông, Quảng-Tây.

— Đô-đốc Kiểm-sự Giang-Hằng và Ngưu-Hằng làm tả-hữu tổng binh dưới quyền xử-dụng của Cừu-Loan và Mao-Ba-Ôn.

Rồi mùa thu năm thứ 19 đời Minh Thế-Tông đoàn quân xâm lăng lên đường qua nước ta.

Quân-đội của Cừu, Mao tới Nam-quan thì ngừng lại. Họ cũng tung ra lời hịch như bọn tiền bối (1) của họ rất là thương dân *Annam* và thương họ Lê rồi hứa ai bắt được cha con họ Mạc

(1) — *Tiền bối nói đây là Trương-Phụ, Hoàng-Phúc v.v...*

sẽ được thưởng hai vạn lạng bạc và quan tước. Bề khác, họ đưa thư tới cho Mạc Đăng-Dung đòi phải đem sổ-sách điền-thổ sang nộp thì được tha khỏi chết.

Theo *Việt-Nam sử lược* (trang 273) : « Đến tháng 11 năm Canh Tí (1540), Mạc Đăng Dung thấy quân Minh sửa soạn sang đánh, sợ hãi quá chừng, bèn để Mạc Phúc-Hải ở lại giữ nước, rồi cùng bọn Vũ Như-Quế cả thảy hơn 40 người, tự trói mình ra hàng, sang chịu tội ở cửa Nam-quan, lạy phục xuống đất để nộp sổ điền-thổ và sổ dân đinh, lại xin dâng 5 động : là động Tê-phù, động Kim-Lạc, động Cổ-Xung, động Liễu-cát, động La-phù và đất Khâm-châu. Lại đem vàng bạc dâng riêng cho nhà Minh.

« Quan nhà Minh tuy làm bộ hống-hách nói đem binh sang đánh nhưng cũng sợ phải cái vạ như mấy năm bình-định ngày trước, và lại được tiền bạc của Đăng-Dung rồi, cái lòng vị-quốc cũng nguội đi cho nên mới tâu với vua Minh xin cho Mạc-Đăng-Dung làm chức Đô-thống-sứ hàm quan nhị phẩm nhà Minh..... »

Một sự-kiện cần được chú-ý để hiểu rõ thái-độ của triều Mạc khi nhà Minh sai Cừu-Loan và Mao bá-Ôn đem quân sang Việt-Nam vào năm Đinh-dậu tức là năm 1537 (ba năm trước khi Mạc-Đăng-Dung thân gặp các đại-diện Minh triều) lúc nghe tin Minh dấy quân, triều Mạc chỉ cử một phái đoàn ngoại-giao do Nguyễn văn-Thái cầm đầu. Sử không chép phái-đoàn này đã thu xếp cách nào mà việc binh giữa Tàu và ta lại êm hẳn được ba năm rồi tới Canh-tý (1540) lại thấy Minh đem lực-lượng võ-trang sang ta.

Về phía Minh-đế, ta thấy có chi-tiết này đáng kể Minh triều buổi đầu quả đã cương-quyết diệt Mạc để cướp nước Việt-Nam nên đã cử Đô-đốc Cừu-Loan và Tán-lý Mao-bá-Ôn thuộc loại danh-thần, danh-tướng của họ. Trước khi Mao lên đường vua Minh đã tặng một bài thơ lời lẽ rất trang-trọng, đầy kính mến và khuyến-khích.

Nguyên văn bài thơ đó như sau

Đại-tướng Nam-chinh đởm khí-hào,
Yên-hoành thu-thủy nhạn linh-đao.
Phong-xuy đả cổ sơn-hà động,
Điện-thiểm tinh-kỳ nhật-nguyệt cao.
Thiên thượng kỳ-lân nguyên hữu chủng,
Huyệt trung lân nghị khởi năng đào.
Thái bình đãi chiến qui lai nhật,
Trẫm dữ tiên sinh giải chiến-bào.

Lược dịch :

« Đại-tướng Nam-chinh khẳng-khái sao,
« Lưng đeo sáng quắc nhạn linh đao.
« Gió lay trống trận sơn-hà động,
« Chớp nhoáng cờ dồn nhật-nguyệt cao,
« Trời thẳm kỳ-lân sinh giống sẵn,
« Hang sâu kiến cỏ trốn đàng nào ?
« Thái bình khi chiếu đòi về nước,
« Trẫm cởi dùm ông chiếc chiến-bào.

Tới khi họ Mao tiếp xúc với ta, tương-truyền Mao với cụ trạng Giáp-Hải của nhà Mạc đã trao đổi thơ từ để dò xét thái-độ của nhau. Trên trường ngoại-giao Hoa-Việt, việc này gần như một thủ-tục đặc biệt vốn có trước khi định đoạt chiến hay hòa. Sử chép không rõ ràng cuộc chiến-tranh bằng miệng lưỡi và tâm-lý này đã xảy ra với đoàn phái Nguyễn-văn-Thái hay với phái đoàn Mạc Đăng-Dung, theo thiển ý có lẽ với phái đoàn dưới này thì đúng hơn.

Nguyên xướng của Mao bá-Ôn với thi đề :

Vịnh cánh bèo (1)

Tùy điền trục thủy mạo ương châm,
Đáo xứ khan lai thực bất thâm.
Không hữu bản căn không hữu cán,
Cảm sinh chi tiết cảm sinh tâm.
Đồ tri tụ xứ ninh tri tán,
Đản thức phù thì ná thức trầm,
Đại để trung thiên phong khí ác,
Tảo qui hồ hải tiện nan tầm.

Lược dịch :

« Ruộng nước lênh-đênh nhỏ tựa kim,
« Nơi nơi trông thấy mọc nông mèm,
« Đã không cành cỗi còn không gốc,
« Dám có rễ mầm lại có tim.
« Nào biết nơi tan duy biết tụ,
« Chỉ hay khi nổi nọ hay chìm.
« Giữa trời giông-tố thình lình nổi,
« Quét bạt ra khơi hết kế tìm.

---

(1) Với đầu đề « Vịnh Bèo » Mao-bá-Ôn đã có ý khinh-thị triều Mạc, hẳn họ Mao muốn ví dân ta mỏng mảnh như cánh bèo mà Trung-quốc là giông-tố giữa trời đánh tan cánh bèo biệt-tích như chơi. Mao không ngờ đại-biểu của triều Mạc đã trả lời họ một cách hào hùng, ngạo nghễ không kém. Ta có thể nghĩ rằng chính bài thơ họa vần này với cái hùng khí của nó đã làm cho Trung-quốc hoảng sợ mà chịu bãi binh và tất nhiên Mạc Đăng-Dung có mặt ở đó,để quyết định thái độ thì trạng giáp Hải mới dám cương quyết ăn miếng trả miếng.

Đại-biểu nhà Mạc đã trả lời :

Cẩm lân mật mật bất dung châm,
Đối diệp liên căn bất kế thâm.
Thượng dữ bạch vân tranh thủy điện,
Khẳng giao hồng nhật chiếu ba tâm.
Thiên tùng lãng đả thành nan phá,
Vạn trận phong xuy vĩnh bất trầm.
Đa thiểu ngư long tàng giá lí,
Thái công vô kế hạ câu tầm.

Lược dịch :

« Vầy gấm khen dầy chẳng lọt kim,
« Lá liễu (1) dễ mọc kẻ nông mèm
« Mây bạc không cho soi thủy điện,
« Ánh hồng đâu dễ dọi ba tầm.
« Sóng dồn ngàn lớp không xô vỡ,
« Gió rập muôn cơn khó đánh chìm,
« Rồng cá ít nhiều nương dưới đó;
« Cần câu Lã-Vọng hết mong tìm,

Sau cuộc gặp gỡ này Minh-triều bãi binh và phong cho Mạc Đăng-Dung chức Đô thống-sứ như trên đã nói và nhà Mạc nhường cho nhà Minh 5 động ngoài biên giới (*Việt-Nam sử lược* kể cả Khâm-Châu. Đây là điều sai lầm vì đời Lý đã định biên-giới với Trung-quốc mấy trăm năm trước thì Khâm-Châu là một địa-hạt lớn đã từ lâu thuộc về nội-địa Trung-quốc).

---

(1) Trong bài lược dịch trên đây có chữ LIỄU *ở câu 2 thất luật và chữ* TẦM *ở câu 4 hơi ép vận. Vì trọng quyền của dịch giả Lê-văn-Hoè nên chúng tôi phải để nguyên theo chính bản.*

Có thể nói rằng đây là một thắng-lợi ngoại-giao đặc-biệt của nhà Mạc vì cùng đứng trước một trường hợp mà nhà Minh đã quyết-định đánh nhà Hồ, trái lại Minh đã lui quân và chịu thông-hiếu với nhà Mạc. Tránh được một cuộc chiến-tranh với một đại cường-quốc giữa lúc trong nhà gặp cảnh huynh-đệ huých tường, nhân dân bạc nhược mà chỉ mất ít vàng bạc và 5 động biên-giới, nhà làm sử còn muốn đòi hỏi gì hơn ?

IV.— VỤ ÁN MẠC ĐĂNG-DUNG

THEO cáo-trạng của Trần Trọng-Kim trong V. N. S. L. « Mạc đăng-Dung đã làm tôi nhà Lê mà lại giết vua để cướp ngôi, vậy là người nghịch thần, đã làm chủ một nước mà không giữ lấy bờ cõi, lại đem cắt đất mà dâng cho người, ấy là một người phản quốc. Làm ông vua mà không giữ cái danh-giá cho trọn-vẹn, đến nỗi phải cởi trần ra trói mình lại, đi đến quỳ lạy trước cửa một người tướng của quân nghịch để cầu lấy cái phú quí cho một thân mình và một nhà mình, ấy là một người không biết liêm-sỉ.

« Đối với vua là nghịch-thần, đối với nước là phản-quốc, đối với cách ăn ở của loài người là không có nhân-phẩm một người như thế ai kính phục ? Cho nên dẫu có lấy được giang-sơn nhà Lê, dẫu có mượn được thế nhà Minh bênh vực mặc lòng, một cơ-nghiệp dựng nên bởi sự gian-ác hèn-hạ như thế, thì không bao giờ bền chặt được. Cũng vì cớ ấy mà con cháu họ Lê lại trung-hưng lên được. » (1)

Xét bản cáo-trạng và cả lời luận tội của tác-giả V.N.S.L. ta thấy có vẻ dễ-dàng và quá giản-dị khiến ta ngạc-nhiên về lối suy-

(1) *Trang 274.*

luận của họ Trần, một nhà nho kiêm cả tân học. Căn-cứ vào cuốn sử nào mà Trần-trọng-Kim đã hạ những nhát búa quá nặng nề đối với nhà Mạc, một triều đại mà ta không thể phủ nhận tinh-thần phục vụ quốc gia của nó ? Trên tuần báo Đời Mới năm 1951, ông Lê văn-Hoè có viết một bài khảo-luận khá đầy đủ để thân oan cho Mạc đăng-Dung, Họ Lê đã tỏ ra có công-tâm và sáng-suốt trong vụ này.

Theo ông Lê thì cả sử Tàu lẫn sử ta đã vô tình hay hữu ý, hữu-ý có bề nhiều hơn trong việc miệt-thị đối-phương. Đó là cái thông-bệnh của một số sử-gia cận-đại ở nước ta mà các sử-gia Âu-châu gần đây cũng không tránh được, Sử Tàu đã chép hai Bà Trưng bị quân Đông-Hán bắt được xin làm tì-thiếp không xong rồi bị đem về chém ở Lạc-Dương, bà Triệu thị-Trinh thì gọi là Triệu-Ẩu (chữ Ẩu đã phô bày rõ sự hằn-học cục-cằn của sử-gia Tàu khi nói đến một nữ anh-hùng cách mạng của một địch quốc).

Sử ta như *Việt-sử toàn-thư*, *Đại-Nam thực-lục* là những cuốn sử do chúa Trịnh sai chép từ đời Lê trang-Tông đến Gia-Tông... đến sử của triều Nguyễn thì lại càng dễ hiểu. Họ Mạc đã thí vua Chiêu-Tông, đã đầu độc Nguyễn-Kim tổ phụ của họ Nguyễn, tóm lại Mạc là kẻ thù số một của cả Trịnh lẫn Nguyễn luôn từ 1527 đến 1592. Hai bên đều nhúng tay vào máu của nhau khá nhiều thì các sử-thần của Trịnh và Nguyễn há dám giữ mực vô tư chăng ? Dưới thời quân-chủ độc-tôn, phong-kiến tuyệt-đối, đa số các nho thần chỉ biết uốn mình theo giòng tư-tưởng của nhà

---

(1) Theo lời giáo-sư thạc-sĩ Sử-Địa Melzi d'Eril người Ý đã gặp chúng tôi trong một hội nghị các giáo-sư sử-địa Việt-Nam tại Bộ Quốc-gia giáo-dục (ngày 12-12-1958), các nhà sử học Âu-châu cũng có cái tật sàm báng ngoại quốc khi viết đến một sự-kiện lịch-sử có liên-hệ với các nước láng giềng.

vua, nhà chúa thì ta không lạ gì nếu họ Mạc bị bôi nhọ và sự-nghiệp ngót 150 năm của Mạc-triều bị lãng bỏ để lu-mờ với thời-gian.

Chúng ta hãy đi vào các chi-tiết : Mạc đăng-Dung bị buộc là nghịch-thần, vì giết vua cướp nước, cắt đất dâng địch, thiếu liêm-sỉ, nhân-phẩm, gian ác nên không được bền vững lâu dài.

Ta hãy mở dần cuốn sử đời Hậu-Lê coi đoạn nói về các vua Túc-Tông, Uy-Mục, Tương-Dực, Chiêu-Tông. Ta thấy các ông vua này hầu vừa bước lên ngai vàng đã chém giết lẫn nhau, đồng thời sát hại cả các đại-thần. Dĩ nhiên việc này phải xảy ra vì mỗi ông vua hay ông hoàng thường có một phe nhóm riêng, do đó một khi có việc thay bậc đổi ngôi thì nhiều kẻ tay chân thành nạn-nhân của thời-cuộc.

Vua Uy-Mục còn giết cả bà Thái-hoàng thái hậu (chết theo có hai đại thần Đàm-văn-Lễ. Nguyễn-Quang-Bật).

Giản-tu-Công giết Uy-Mục để rồi làm bao nhiêu chuyện hoang dâm vô đạo khác, xây rất nhiều điện đài, phí-phạm công-nhu và nhiều sinh mạng.

— Có thể coi thời đó là một thời không đại loạn chăng ?

— Ai chịu trách nhiệm đã gây các mối loạn này ?

— Các ông vua trên đây có còn xứng với địa-vị nguyên thủ của mình nữa chăng ?

Hậu-quả của những hành động trên đây là triều đình từ đó bị một cuộc khủng hoảng tinh-thần liên-miên và mãnh liệt. Quan to, quan nhỏ hoang-mang, dân chúng cũng lo sợ, ai cũng thắng thốt sợ đến lượt mình bị lôi kéo vào các cuộc tranh giành ảnh-hưởng, địa-vị. Rồi các việc trên đây thành một cái rớp. Nó mở đường cho bao

nhiêu cuộc phiến-động khác, bởi căn-nguyên *Thượng bất chính, hạ tắc loạn.*

Ngoài các kẻ bị chết, có kẻ oan, có kẻ chẳng oan, còn lại mấy nhân vật khác không kém quan trọng, đó là Trần-Chân, Mạc-đăng-Dung. Nguyễn Hoằng-Dụ v,v... là những nhân vật có đầu óc, có khí cương-cường và cũng có cả quyền bính. Tất nhiên các con người ấy dầu muốn dầu không, đã phải có một thái-độ nào đối với thời-cuộc, chớ không chịu ép trong cái thế bị động. Họ biết rằng nếu nằm ép trong cái thế bị động thì chắc chắn phải đi tới chỗ chết uổng nguy-hiểm hơn. Họ còn nghĩ rằng thời có loạn, anh hùng mới có dịp thi thố tài-ba, xây-dựng sự-nghiệp.

Tâm-lý của những anh-hùng thời bây giờ là vậy; đến phụ-nữ dưới đời Trần như bà Bích-Châu quanh năm ở trong chốn phòng the, khi thấy việc nước rối-ren cũng điên đầu sốt ruột phải lên tiếng đòi canh-cải quốc-sự, cô gái chăn chiên Jeanne d'Arc ở nơi đồng-bãi của nước Pháp thời trung-cổ còn không khoanh tay ngồi nhìn cái nạn quốc-phá gia-vong thử thời, huống hồ những tu-mi, nam-tử. Nhiều nghĩa-sĩ, anh-hùng, vĩ-nhân, hào-kiệt, đã xuất đầu lộ diện ở Trung-Hoa dưới đời Xuân-thu, Chiến-quốc không ngoài lý-do này. Xã-hội đã loạn mà ta muốn con người sống trong cái thế tĩnh được sao!

Vì vậy Mạc Đăng-Dung chẳng xuất hiện vào giờ phút này tất nhiên cũng có kẻ khác bước ra để làm một cuộc cách-mạng triều-đình. Và nói cho cùng họ Mạc không ra tay cũng không xong vì vua Chiêu-Tông đã mật với Phạm-Hiến, Phạm-Thư hạ sát họ Mạc khi Mạc vừa trừ xong nhiều vụ loạn đời bấy giờ (loạn Trịnh-Tuy, Trần-Cao, Lê-Do, Hoàng-Duy-Nhạc v.v...) bởi dẹp xong các vụ loạn này thanh-thế của Đăng-Dung bốc lên như gió, dù Đăng-Dung muốn hay không muốn.

Tóm lại vào thời các vua Tương-Dực và Uy-Mục, Hoàng-gia đã suy-đốn, hôn-ám, vô-đạo, thác-sinh đủ mối loạn, trên không ra trên dưới không ra dưới, nghi ngờ mà giết nhau. hoang-

mang mà hại nhau, người làm tôi không còn biết đặt chữ trung vào đâu hết.

Tác-giả Nho-giáo cũng là họTrần, đã từng giảng-giải rất rành rẽ hai chữ Trung và chữ Trinh giờ đây có lẽ đã quá thiên về lý-thuyết không nhìn vào các tội ác của mấy ông « quỷ-vương » (1) nhà Hậu Lê nên đã khép Mạc Đăng-Dung vào tội nghịch-thần.

Ông Lê-văn-Hòe trái lại, nói : «... Muốn họ Mạc cúc cung tận-tụy thờ các vua Uy-Mục, Tương-Dực thật là bắt Võ, Thang thờ Kiệt-Trụ (2) ». Và triều Lê rối loạn hai chục năm rồi Mạc-Đăng-Dung mới bước lên sân khấu để thay trò đổi cảnh kể ra đã chịu nghe ngóng lòng người, xét-suy thời cuộc nên tới năm Đinh-Hợi mới tự lãnh vai trò hoán cải chánh sự, không thể bảo là vội vã và thiếu thận-trọng.

Ông Lê còn nói nếu giết vua là nghịch thần bất kể trường hợp hữu lý hay không hữu lý thì Lịch-sử của các quốc-gia hẳn chỉ có và chỉ nên có một dòng họ làm vua mà thôi chăng ? Lý-công-Uẩn cướp ngôi nhà Tiền-Lê, Lê-Hoàn thông với Dương-Hậu thay thế nhà Đinh, Trần Thủ-Độ lừa dối một cô gái nhỏ (Lý-chiêu-Hoàng) xét họ Mạc cướp ngôi nhà Hậu-Lê còn đàng hoàng hơn. Hạ sát vua Chiêu-Tông, Mạc chỉ có mục đích hủy bỏ cái bình phong mà các lĩnh-tụ phong-kiến đã dùng để che đậy hành động mưu đồ vương bá của họ và còn vì lý-do bảo-vệ cho chính bản thân mình nữa.

Và đứng trên lập-trường nhân-dân, theo quan-niệm *« Dân vi bản — dân vi quý — quân vi khinh — xã-tắc thứ chi »* thì lại càng vô lý nếu người ta muốn rằng đám vua quan ác bạo, thối nát đời bấy giờ cứ đè đầu cưỡi cổ người dân mãi mãi.

---

(1) Sứ Tàu làm thơ gọi Uy-Mục là Quỉ-vương (xin coi Việt-Nam sử lược *trang 251.)*

(2) So sánh của ông Lê văn-Hòe hơi quá bạo.

Xin nhắc lại

Không có họ Mạc ra đời thuở đó, thì trong nhân dân cũng phải có một số người khác nhảy ra để thiết-lập trật-tự mới. Có bao giờ trong một quốc-gia chỉ có một dòng họ duy-nhất xứng-đáng để làm vua, còn những dòng họ khác chỉ đủ tư-cách làm thứ-dân mà thôi. Chỉ có những tôi-tớ của phong-kiến mới có luận-điệu tồn quân mù-quáng như trên.

Đáng buồn cười là mấy nho-thần viết-sử đã thiếu lý-luận và nhận xét thực-tế cứ luôn luôn đem chữ Trung và Trinh ra đọc như kinh nhật-tụng, dạy người ta *Trung, Trinh* một cách bừa-bãi, bất kể *Trung, Trinh* phải tùy trường-hợp. Nói một cách khác, cuộc sống của con người vô cùng phức-tạp, mỗi chặng đường đi phải có một quan niệm xử thế riêng, đâu có thể lúc nào cũng *Trung* và *Trinh* một cách máy móc và phải chăng cái sở-học của thời phong kiến tai hại là ở chỗ này ?

Tác-giả Kim-vân-Kiều là Nguyễn-Du cũng nặng về giáo lý Khổng-Mạnh mà còn có câu :

« Xưa nay trong đạo đàn bà
« Chữ trinh kia cũng có ba bảy đường :
« Có khi biến, có khi thường
« Có quyền nào phải một đường chấp kinh...»

thì ta thấy tuy Nguyễn-Du không làm sách dạy người ta *Trung, Trinh* mà ông hiểu chữ *Trung, Trinh* rất là khoáng-đạt, tinh-tế và có lẽ vì thế nên đứng giữa triều Nguyễn sau này ông đã có cái tâm sự :

« Bó thân về với triều đình
« Hàng thần lơ láo phận mình ra chi... »

Còn tác giả V.N.S.L. đã vô tình hay hữu ý hiểu chữ « TRUNG » ở một khía cạnh gò bó, chật hẹp, lựa theo thời-thế mà kết tội Mạc Đăng-Dung là « thoán nghịch » còn bởi lý-do nào nữa chăng ?

Ngoài ra nếu chẳng là lầm lẫn thì ta thấy một số sử-thần đã sợ uy-quyền độc-đoán của vua chúa nên không dám phát-biểu một cách thẳng-thắn quan-niệm Trung, Trinh, Hiếu, Nghĩa. e bị ngờ vực hay buộc tội là có manh-tâm, dị chí. Cũng có thể họ còn mềm yếu vì các thành-tích chói lòa của mấy ông vua Thái-Tổ, Thế-Tổ nên con cháu các ông ấy dầu xấu xa thế nào họ cũng cố bênh vực. Họ quên rằng cái cảm tình đó trên thực tế thường rất nguy hại cho quốc-gia dân-tộc hay làm như vậy là phản tiến-hóa của xã-hội

Nay ngược lại chúng ta thử đặt giả thuyết « Nếu họ Mạc hết lòng phù trợ con cháu vua Thái-Tổ nhà Hậu-Lê thì sao ? » Đó là một giả thuyết chúng tôi đã từng nêu lên trong chương bàn về Hồ quý-Ly.

Một thời đại hỗn loạn như thời Tương-Dực-đế, Uy Mục-đế, hoàng-gia cũng kéo bè kéo đảng, các triều-thần tướng lĩnh cũng năm lòng bảy dạ, chẳng ai tin ai thì dầu Mạc đăng-Dung thiết tha phù Lê diệt nguỵ có được chăng ? Mạc dẹp xong các mối loạn, quy phục được các lực lượng phiến-động, tất nhiên uy-tín lên cao thì bao nhiêu kẻ ghét ghen xúm nhau dèm pha khiến họ Mạc dầu muốn hay không cũng phải bước từ thế thủ qua thế công, nhất là có sẵn phương tiện trong tay. Nói cho phải ở địa-vị của họ Mạc, không ai làm khác hơn được.

Còn việc cắt đất cầu hòa của Mạc ?

Để bãi một cuộc chiến-tranh với một cường quốc trong khi dân mình yếu hèn, rối loạn, Mạc phải cắt năm động Thổ, Mán vùng thượng-du, thật ra chưa là bao. Đây không hơn không kém là cái lối cũ Tần hiến ngọc báu và ngựa quý cho nước Ngu, Hán Cao-

Tổ nhường đất Quan-Trung cho Hạng-Vũ khi xưa để hòa hoãn với địch trong một giai đoạn. Trong Lịch-sử cổ kim Đông, Tây, chuyện này rất thường. Ngay gần đây, năm 1854, Nhật phải mở hải-cảng Hạ-Điền, Châu-Quan cho Mỹ-quốc, mở Deshima cho Hòa-Lan vào giao thương và gượng gạo đón chào cả Pháp, Bồ-Đào-Nha cùng một dịp.

Năm 1876, Nhật mạnh sau cuộc Duy tân, đến lượt Nhật bắt Triều-Tiên mở ba hải-cảng cùng đặt Ngoại-trị pháp-quyền. Trung-quốc với nhà Thanh gần đây phải cắtHương-Cảng cho Anh, nhường Mãn-Châu cho Nhật, đó là chuyện yếu phải nhường mạnh, có hiếm gì hôm qua cũng như hôm nay ?

Về cận-đại, Nguyễn Vương (Ánh) cần được Pháp cứu-viện để đánh Tây-sơn có cho giám-mục Bá đa-Lộc mang hoàng-tử Cảnh và quốc thư gồm 14 khoản trong đó có việc nhường cho Pháp cửa Hội an, đảo Côn-Lôn và độc quyền thương-mại chỉ cốt xin có 1500 quân sĩ và mấy chiếc tàu cùng súng ống đạn dược, như vậy có là cắt đất dâng ngoại bang và rước giặc vào nhà không ?(1)

Nay so với việc nhường 5 động Thổ, Mán ngoài biên của họ Mạc để mưu hoà bình cho đất nước, ai đáng chê trách ?

Tóm lại trên trường chánh-trị quốc-tế, việc nhường đất để giảng hòa, để bãi một cuộc binh đao tai hại hơn, các nhà lãnh đạo vẫn phải làm. Nhà viết sử không chiếu xét kỹ tình thế mà cứ hạ lời phê phán gắt gao không khỏi có sự cố-chấp, nông cạn.

Trái lại, không lượng sức mình mà đưa cả một dân tộc vào chiến tranh đến nỗi mất cả xứ sở, chết chóc muôn ngàn sinh mạng, đó mới là xuẩn-động và đáng trách. Tại đây chúng tôi muốn ngừng lại để chúng ta cùng suy tưởng : cái bại trận dưới đời nhà

(1) (Tài liệu này có chép trong Việt-Nam sử lược trang 353)

Hồ chưa đủ cho ta rút kinh nghiệm sao ? Nước ta dưới đời Uy-Mục, Chiêu-Tông có nên có một chính sách gắng trì với nhà Minh không ? Nếu nói rằng không thì Mạc-Đăng-Dung nhường năm động ngoài biên là có ý thức sáng suốt về thời-vụ và đó là một hành động khôn khéo cần được tán thưởng.

Ngoài việc nộp 5 động V.N.S.L. còn nói Mạc-Đăng-Dung cởi trần, tự trói mình trước cửa viên của địch có thật chăng ? Sử nào chép chuyện này ? (1)

Chúng tôi e rằng việc này đã căn cứ vào tài liệu trong « *An-Nam truyện* » quyển 231 có nói đến quyết định của vua Minh Thế-Tông là : « NẾU CHA CON HỌ MẠC CHỊU TRÓI VÀ QUI HÀNG THÌ SẼ THA TỘI CHẾT ». Theo chúng tôi đây chỉ là một cách nói mà thôi cũng như câu « BÓ GIÁO LAI HÀNG » còn trên thực tế miễn là có sự qui-thuận của đối-phương chớ có mấy khi người ta áp dụng triệt-để hình thức này. Trái lại nếu người ta bắt được kẻ địch tự trói ra hàng thì kẻ đó lại khó lòng mà thoát chết (tỷ-dụ trường hợp tướng Phạm-Ngô-Cầu giữ thành Thuận-Hóa cho họ Trịnh năm Bính-Ngọ (1786) thấy quân Tây-Sơn mạnh quá vội xe áo quan và trói mình xin hàng thì bị Nguyễn-Huệ đem giết).

Nay xét tình-trạng và tâm-lý của Mạc Đăng-Dung thuở đó có thể có chuyện tự trói mình trước cửa viên của Mao Bá-Ôn không?

Chúng tôi quyết đoán rằng không, bởi vì lúc này trong nước có lực-lượng của vua Lê Trang-Tông và Nguyễn Kim đang dấy động,

---

(1) Việt-vương Câu-Tiễn ngày xưa khi mất nước phải đem cả vợ con cùng các đại thần sang giữ ngựa cho vua Ngô Phù-Sai, rồi nếm phân đoán bệnh cho Phù-Sai để thi hành kế-hoạch phục quốc của Phạm-Lãi, các nhà viết Sử còn không ai chê. huống hồ chỉ có chuyện trần vai áo, dầu có chăng nữa !!

bên ngoài thì quân Minh đang ngấp nghé, họ Mạc dại gì mà nghe giặc tự trói mình để lao mình vào một cuộc phiêu-lưu vô cùng nguy hiểm có thể tiêu-tan sự-nghiệp như chơi. Nếu bảo Mạc Đăng-Dung là con người quỷ quyệt thì con người đó có thể tin giặc để trói mình để dàng như thế chăng ? Chắc rằng không bởi nếu giặc dở mặt thì còn gì nữa !

Về việc này ông Lê văn-Hòe viết như sau : « ... *Chính-trị quân-sự đâu có phải vì một việc « cởi trần trói mình » mà giải quyết được. Mạc đăng-Dung và tướng Minh dâu lại ngây thơ đến thế !*»

Qua Lịch-Sử, ta thấy người Việt rất nghi-ngờ đế quốc Trung-Hoa và nghi-ngờ là phải, vì ta quên sao được, trước đây chuyện 5 người con của Sĩ Nhiếp đã dại nghe lời Lữ-Đại, tướng nhà Đông-Ngô ra hàng rồi cả 5 anh em cùng quyến thuộc đều bị giết hết. Nhà Nguyên sau khi bãi chiến với vua Trần Nhân-Tông đòi Nhân Tông sang chầu vẫn bị kiếm cớ từ chối ; nhà Minh với vua Lê Thế-Tông, nhà Thanh với vua Quang-Trung sau này cũng đều bị phản ứng cách này hay cách khác. Vua Lê Thế-Tông trong khi tranh chấp với họ Mạc vào tháng 3 năm Bính-Thân 1(596) bị nhà Minh mời lên họp ở Nam-quan một lần mang 10.000 quân, một lần mang đến 50.000 quân để tự vệ. Vua Quang-Trung thì cho Phạm Công-Trị làm giả-vương thay mình sang triều-cận vua Thanh.

Tóm lại càng ở hoàn-cảnh nguy nan là nội-công ngoại-kích như hoàn cảnh của Mạc Đăng-Dung bấy giờ sự nghi ngờ càng lớn. Do đó chúng tôi nghĩ-rằng không có chuyện Mạc Đăng-Dung tự trói mình để hàng giặc.

Một chứng cớ nữa về sự khôn ngoan của Mạc Đăng-Dung là khi Mao Bá-Ôn đưa thư sang đòi Mạc nộp sổ sách ruộng đất, nhân dân và chịu tội thì được tha chết như *Việt-Nam Sử-lược* đã chép, Đăng-Dung chỉ có phái bọn Nguyễn Văn-Thái lên Nam-Quan mà thôi, việc này vào năm Đinh-dậu (1537)

Phái đoàn Nguyễn Văn-Thái thành công nên Bắc quân không tiến vào nội-địa nước ta nữa.

Rồi tháng 11 năm Canh-tị (1540) quân Bắc lại sang. Lần này họ Mạc biết rõ tình ý của nhà Minh chỉ hư-trương thanh-thế mà thôi nên có thân lên gặp người Minh. Sự thực đôi bên cần giáp mặt nhau để cùng quyết định mọi vấn đề đã nêu ra ba năm trước mới có tính cách đại-cương và sơ-bộ mà thôi.

Một điểm khác, ngoài điểm tâm-lý của Mạc Đăng-Dung trong việc đụng chạm với người Minh thuở ấy đã nói khá nhiều ở trên, còn thái độ của Mạc Đăng-Dung cũng cần phải xét để hiểu Mạc Đăng-Dung có hèn như *Việt-Nam Sử-lược* đã nói không. Ta xem bài thơ xướng họa giữa Mao Bá-Ôn và cụ trạng Giáp-Hải nhà Mạc thì càng rõ. Kẻ xướng có vẻ kiêu-căng, người họa cũng không kém phần ngạo-nghễ.

« Nào biết nơi tan duy biết tụ
« Chỉ hay khi nổi nọ hay chìm
« Giữa thời giông tố thình lình nổi,
« Quét bạt ra khơi hết kế tìm !

(MAO BÁ-ÔN)

« Sóng dồn ngàn lớp không xô vỡ
« Gió rập muôn cơn khó đánh chìm
« Rồng cá ít nhiều nương dưới đó (!)
« Cần câu Lã-vọng hết mong tìm !

(TRẠNG GIÁP-HẢI)

Để kết luận việc này chúng tôi nghĩ rằng tuy Trung Quốc Xuân-Thu chiến-quốc vốn có phong tục kẻ bại trận tự trói mình

và trần vai áo ra hàng nhưng Mạc Đăng-Dung không đến nỗi lâm phải nhục này. Vậy dầu Sử Tàu có chép chăng nữa cũng chẳng đáng tin, và bàn rộng thêm ra nếu sự- kiện này có ghi trong sớ tâu của Mao Bá-Ôn thì cũng chỉ là chuyện thêu dệt về phần Mao để vuốt ve lòng tự ái của triều-đình và để đề-nghị bãi binh cho dễ. Bề khác đề-nghị này có thể còn nhắc thêm rằng « *Trung-quốc chưa hề bao giờ đắc ý ở phương Nam* » thì nay mở cuộc đao binh với An-nam chưa dễ đã thắng lợi, nên dùng ân uy mà đối với họ Mạc thì hơn. Thực ra nếu triều Mạc không đủ uy-thế, dân-tộc chúng ta không có một quá-khứ oai hùng (sau cuộc điều tra của quân đội Mao Bá-Ôn) thì đại-binh của Mao Bá-Ôn đang đóng tại Nam Quan đâu có thể vì món vàng bạc hối lộ (1) của Mạc Đăng-Dung mà rút về quá dễ dàng như vậy. Mao có thể một mặt bắt chém cả bọn họ Mạc ngay bấy giờ, một mặt tiến ngay binh vào nội địa *An nam* với danh nghĩa « *phù Lê khử bạo* » để đền đáp lòng kỳ vọng và trang trọng của Minh-đế đối với mình trước khi ra đi như ta đã thấy.

Xin coi bài thơ họa của nhà Mạc đã đáp lại bài nguyên xướng của Mao Bá-Ôn ở trên từng điểm đủ rõ, nếu Minh quá gắng thì Mạc cũng dám đo gươm thử giáo. Chúng tôi cho rằng thái độ của Mạc không hèn như người ta đã gán cho, nên lần đầu Mạc chỉ cử phái đoàn ngoại giao Nguyễn văn-Thái ra mắt quân Minh, sau này hiểu rõ thái độ của các tướng lãnh nhà Minh, Đăng-Dung mới tự mình xuất hiện để mở đường cho cuộc hòa-hiếu được kết liễu tốt đẹp.

Một điểm chót cần phải xác-định về lời phê phán của

---

(1) Việc cho tiền bạc trong những công-cuộc ngoại-giao cũng là những chuyện thông thường. Tỉ-dụ đời Trần cũng đã xảy ra những chuyện này nếu ta nhớ chính Trần Hưng Đạo đã kể ra trong bài hịch đọc trước ba quân, sau này vua Quang-Trung tuy thắng nhà Thanh mà vẫn sai bọn Nguyễn quang-Hiển sang đút lót tiền bạc cho Phúc-khang-An và Hòa-Khôn để xin vua Kiền-Long bãi binh.

Trần Trọng-Kim cho rằng Mạc đã xây dựng sự-nghiệp trên sự tàn ác nên không bền.

Đấy là một lời ngụy-biện để cưỡng-bức sự thật hoặc rất trắng trợn, hoặc rất ngây thơ. Ông Lê-văn-Hoè cho rằng người ta đã cố ý quên rằng nhà Tiền-Lê, nhà Hậu-Lý, nhà Trần và các chúa Trịnh sau này cũng đi đường lối ấy. Các xã-hội phong-kiến bao giờ cũng gây ra những cuộc đảo lộn ngai vàng. Nó hư hỏng ngay từ nền tảng, khuôn nếp hay hệ thống tổ-chức thì mối loạn là một tình-trạng thường-trực không sao tránh được, nếu không, làm gì có nhà Đường, nhà Nguyên, nhà Minh bên Trung-Quốc.

« Nếu cho rằng nhà Mạc đã làm việc ác thì Trần Thủ-Độ âm-mưu với Trần-Thị *(vợ vua Lý huệ-Tông)* đem cháu trai vào cung nữ-chúa bầy cuộc hôn nhân để chiếm ngôi nhà Lý. Thủ-Độ lại lấy vợ của Huệ-Tông là em gái họ mình, giết hết con cháu nhà Lý, ép vua Trần-Thái-Tông bỏ Chiêu-Hoàng lấy chị dâu là vợ Trần-Liễu, (anh ruột Trần-Cảnh) đã có thai ba tháng, ra lệnh cho con cháu họ Trần lấy nhau, các hành động có gian ác không ? Vậy mà họ Trần còn làm vua được 175 năm.

« Nhà Tây-Sơn sau này dấy nghiệp lên trừ tham nhũng của Trương-phúc-Loan, đạp đổ chế-độ đồi bại của hai họ Trịnh, Nguyễn ở miền Nam Bắc-Hà, giải nạn xâm lăng cho dân tộc, oanh-liệt, đường hoàng như vậy mà chỉ ở ngôi có 24 năm, có nói được là bền chăng ? (1)

Nhà Mạc phát khởi từ năm 1527 đến 1667 mới tuyệt hẳn.

---

(1) Ông Lê-văn-Hòe quên không kể Mạc-đăng-Dung vì tình thế đã giết một ông vua (Chiêu-Tông) nhà Lê, trái lại họ Trịnh sát hại năm bảy ông mà cũng kéo dài nghiệp chúa tới luôn hai thế kỷ (238). Như thế có gian ác không ? Sự nghiệp của họ Trịnh có thể là không bền chăng ?

Nhìn vào các việc mở mang văn-học chính-trị, kinh-tế, ta thấy họ Mạc cũng đã có nhiều thiện-chí với dân với nước và với sự lâu bền trên đây bảo rằng dân không theo, không mến sao được. Tiếc rằng nhà Mạc khởi nghiệp chưa lâu, trong nước đã có phong-trào qua-phân Nam-Bắc rồi nước Việt-Nam ở vào thế chân vạc *(Trung-Nam-Bắc)*. Bắc thuộc Mạc, Trung từ Thanh tới Nghệ thuộc Lê-Trịnh, Nam từ Thuận-hóa trở vào thuộc Nguyễn gây nên bao nhiêu cuộc lộn sộn để rồi cùng mang tội với quốc dân.

Tóm lại cái án Mạc Đăng-Dung cần phải xóa bỏ trên bộ quốc sử của chúng ta để tránh một sự vu-hãm và thóa-mạ tiền nhân một cách bất công và vô lý. Chúng tôi tin rằng các trí thức và học giả ngày nay xét việc hay bày tỏ sự việc không hàm-hồ như một số sử-thần của thời phong-kiến vừa qua.

NAM - BẮC TRIỀU

(1533—1592)

Nam-Triều

Lê-trang-Tông

(1533-1548)

Niên hiệu Nguyên - Hòa Trang-Tông là con cuối cùng của vua Chiêu-Tông húy là Duy - Ninh được Nguyễn-Kim lập lên ở đất Cầm-Châu (Lào) rồi về Thanh-Hóa lập hành-điện tại làng Vạn-Lại. Nhà vua lên ngôi năm 16 tuổi, thọ 31 tuổi.

Lê-trung-Tông

(1548-1556)

Niên-hiệu : Thuận-bình. Trung-Tông là con vua Trang-Tông, húy là Duy-Huyên. Ngài làm vua được 8 năm thọ 28 tuổi.

Bắc-Triều

Thái-tổ : Mạc-đăng-Dung

(1527-1529)

Niên hiệu : Minh-Đức

Thái-tông Mạc-đăng-Doanh

(1530-1540)

Niên-hiệu Đại-chính

Nhà Lê trung-hưng ở Thanh-Hóa. Lúc này nhà Mạc nắm ảnh hưởng toàn cõi miền Bắc và đóng đô ở Thăng-Long.

Hiến-tông : Mạc-Phúc-Hải

(1541-1546)

Niên-hiệu : Quảng-Hòa

Lê-anh-Tông

(1556-1573)

Niên-hiệu : Thiện-hựu

Anh-Tông tên húy là Duy-Bang là cháu huyền-tôn ông Lê-Trừ anh vua Thái-Tổ. Vua Trung-Tông không người kế tự. Trịnh-Kiểm tìm ngài về làm vua.

Sau Trịnh-Kiểm mất, Trịnh-Tùng lên thay. Không chịu được sự lộng quyền của Tùng, Anh-Tông bỏ trốn vào Nghệ-An bị Tùng cho quân đuổi theo và giết đi. Ngài làm vua được 16 năm, thọ 42 tuổi

Tuyên-tông: Mạc-phúc-Nguyên

(1546-1561

Niên-hiệu Vĩnh-định

(1547) Cảnh-lịch (1546-53)

Quang-Bảo (1554-61)

Trong giai-đoạn này nhà Mạc luôn luôn đem quân vào diệt nhà Lê ở Thanh-Hóa nhưng không lần nào đắc ý.

Lê-thế-Tông

(1573-1599)

Niên-hiệu : Gia-thái

(1573-77)

— Quang-hưng

(1578-1599)

Mạc-mậu-Hợp

(1562-1592)

Niên-hiệu Thuần-phúc

(1562-1565) — Sùng-khang

(1566-1577) — Diên-thành

(1578-1585) — Đoan-thái

Thế-tông húy là Duy-Đàm, con thứ 5 của Anh-Tông do Trịnh-Tùng lập lên hồi 7 tuổi. Ngài làm vua được 27 năm, thọ 33 tuổi.

(1586 - 1587) — Hưng-Trị
(1590) — Hồng-Ninh
(1591-1592)

Mạc Mậu-Hợp là ông vua nhà Mạc ở ngôi dài nhất (30 năm) sau bị Trịnh-Tùng bắt được đem chém ở Thăng-Long và bêu đầu ở Thanh-Hóa

Sau khi rút khỏi Thăng-Long, con cháu nhà Mạc còn nắm giữ được vùng trung-du, duyên-hải và thượng-du được 80 năm nữa mới tuyệt.

« Dân-tộc Việt-Nam lúc nào cũng sẵn-sàng hy-sinh xương máu để bảo-vệ giống-nòi, giữ-gìn tự-do, nhưng không bao giờ tán-thành những cuộc chiến-tranh vì lợi riêng của các dòng họ hay đảng-phái... »

PHẠM VĂN SƠN



Tỷ-ấn của chúa Nguyễn phước-Chu

CHƯƠNG II

TRÒ TAM PHÂN NGŨ LIỆT TRÊN ĐẤT VIỆT-NAM GIỮA THẾ-KỶ XVI

NAM BẮC-TRIỀU

(1527—1592)

Trịnh-Kiểm và Nguyễn-Kim. — Mạc Đăng-Dung lên ngôi, một số người bất cộng tác với tân trào hoặc tuẫn tiết, hoặc chạy thất-tán đi về các nơi thâm sơn cùng cốc, nhưng cũng có một số chạy qua Ai-Lao. Thủ-lĩnh của những người này là Nguyễn-Kim (hay Nguyễn hoằng Kim) con Nguyễn Hoằng-Dụ là một vũ tướng dưới đời Chiêu-tông, cũng có nhiều tài năng, có chí lớn và cũng nắm giữ một số binh-sĩ trong tay.

Mạc Đăng-Dung mạnh, Hoằng Dụ phải rút về Tây-kinh (Thanh-Hóa) giữ thế cố-thủ để nghe ngóng tình-thế. Trước đây trong lúc việc nước rối bời, Hoằng-Dụ đã có phen kết liên với Đăng-Dung để khỏi bị Đăng-Dung đem quân chinh phạt do lệnh của vua Lê Chiêu-tông Trong giai đoạn này, Chiêu-tông đã liệt-kê

Hoằng-Dụ vào loại loạn-thần vì Hoằng-Dụ và Trịnh-Tuy đi dẹp giặc Trần-Cao xong trở về triều thì xung đột với nhau bằng quân bản bộ, vua không can được. (V.S.T.B quyển II đã nói trong trang gần chót).

Mạc Đăng-Dung lên ngôi được ít lâu thì Hoằng-Dụ mất và con là Nguyễn-Kim thay cha nắm giữ binh quyền. (Xin nhắc Kim đã từng làm Hữu-vệ Điện-tiền tướng-quân An-Thanh hầu đời Lê).

Kim trốn qua Ai-Lao được vua Xạ-Đẩu cho nương náu ở xứ Cầm-Châu, thuộc Trấn-man phủ, tỉnh Thanh-Hóa. Tại đây Kim lo tìm con cháu nhà Lê để dễ hiệu-triệu các cựu-thần và khôi-phục lại sự-nghiệp đã tan vỡ của dòng họ Lê cũng như của mình.

Năm Quí-tị (1532), Kim kiếm được người con út của vua Chiêu-tông là Duy-Ninh lập nên tức là vua Trang-tông.

Trong việc mưu đồ đại sự, Kim đã thâu nạp được một kiện-tướng là Trịnh-Kiểm, một thảo dã anh-hùng xuất thân tại xã Sóc-Sơn, huyện Vĩnh-Lộc, tỉnh Thanh-Hóa.

Kiểm có tài-đảm, có mưu-lược tuy không được học-hành nhiều vì hàn-vi từ thuở nhỏ. Sử chép về ông cũng như chép về Mạc Đăng-Dung rất sơ sài từ lý lịch, thân thế đến sự nghiệp khiến ta phải ngờ rằng các sử-thần cận-đại không dám nói dài về Mạc Đăng-Dung cũng như Trịnh-Kiểm bởi hai người này đã nhúng tay vào máu các tiền-nhân nhà Nguyễn.

Theo lời truyền tụng, Kiểm rất có hiếu, mồ côi cha rất sớm. Mẹ Kiểm hay ăn thịt gà, nhưng nhà nghèo quá không làm thế nào có gà để mẹ ăn, Kiểm thường phải đi ăn trộm. Xóm làng mất gà nhiều giận lắm, sau truy ra biết thủ-phạm các vụ trộm gà là Trịnh-Kiểm. Họ liền hè nhau bắt Kiểm đưa lên quan. Kiểm làm một bài thơ trần-tình, quan huyện thương nên tha cho. Từ đấy dân làng thù mẹ con Trịnh-Kiểm bèn lập kế xô bà mẹ Trịnh-Kiểm

xuống ao cho chết đuối. Dã-sử chép là ao đó sau được mối đùn thành gò mả chôn luôn xác của mẹ Trịnh-Kiểm. Kiểm buồn bực bỏ làng ra đi, vào nương nhờ cửa họ Nguyễn làm gia-thần, được Nguyễn Kim mến tài nên gả con gái là nàng Ngọc-Bảo. Từ đấy nhiều việc quan-trọng thường giao cho Kiểm.

Phe Nguyễn-Kim ở Cẩm-Châu được bảy tám năm, chiêu binh luyện mã đến năm Canh-tí (1540) thì đã có một lực lượng khá khá về đánh Nghệ-An. Hai năm sau quân của vua Trang-tông tiến ra Thanh-Hóa rồi năm sau nữa (1543) Kim nắm hẳn được Nghệ-An và thu phục được cả Tây-Đô (Thanh-Hóa) bởi Tổng-trấn nhà Mạc là Dương chấp-Nhất ra hàng.

Theo *Việt-Nam sử-lược*, Dương chấp-Nhất ra hàng là một âm mưu của nhà Mạc. Năm Ất-tỵ (1545), Nguyễn-Kim tiến ra Sơn-Nam (vùng Nam trung-châu Bắc-Việt gồm các tỉnh Nam-Định, Thái-bình, Ninh-Bình, Hà-Nam) đi tới huyện Yên-Mô (Ninh-Bình), thì bị ngộ độc mà chết. Người ta cho rằng chính Dương chấp-Nhất đã đánh thuốc độc.

Nguyễn-Kim chết đi, mọi quyền hành dĩ nhiên là sang hết tay Trịnh-Kiểm — Kiểm thấy cuộc Bắc tiến bất lợi vì cái tang của chủ tướng liền rút quân về Thanh rồi lập Hành-điện ở đồn Vạn-lại (thuộc huyện Thụy-Nguyên, tỉnh Thanh-Hóa) để tổ-chức thêm quân-lực và lương-thảo. Tại đây phe vua Trang-tông đã bắt đầu có thanh-thế và nhiều nhân sĩ đã tìm đến giúp, tỉ-dụ Phùng Khắc-Khoan tức Trạng Bùng và Lương hữu-Khánh.

Bấy giờ, Việt-Nam chia ra làm hai lực-lượng đối thủ một ở miền Bắc, kể từ Sơn-Nam đổ ra thuộc ảnh-hưởng của nhà Mạc gọi là Bắc-triều, một từ Thanh-Hóa trở vào là khu vực của nhà Lê hay là Nam triều. Tương-đối cho tới năm Bính-Ngọ (1546) là năm Mạc Phúc-Hải mất, truyền ngôi cho con là Mạc Phúc-Nguyên lấy niên hiệu là Vĩnh Định, Bắc-hà còn mạnh hơn Nam-hà.

Về phía Nam-hà, năm Mậu-thân (1548), cũng xảy ra một biến-cố : vua Trang-tông chết. Trịnh Kiểm lập Thái-tử Duy-Huyên lên ngôi tức vua Trung-tông cũng vắn số sau 8 năm.

Vua Trung-tông không có người kế tự theo dòng đích-tôn của vua Thái-tổ — Trịnh-Kiểm bấy giờ nắm giữ hết mọi quyền hành, định tự lập làm vua nhưng còn do-dự chỗ chưa chắc được lòng người nên bí-mật phái sứ-giả ra Hải-Dương hỏi ý kiến cụ Nguyễn Bỉnh-Khiêm (tức Trạng Trình, người làng Cổ-Am thuộc tỉnh này) Nguyễn Bỉnh-Khiêm là Trạng nguyên đời Mạc với Phùng Khắc-Khoan (Trạng Bùng) theo dã sử là anh em cùng mẹ khác cha nổi danh đời bấy giờ về cái học uyên-bác trong các môn y, nho, lý, số, nhất là về thuật số Ông được người ta coi như một nhà tiên-tri biết việc mấy trăm năm trước, mấy trăm năm sau. Ông có để lại một tập sấm truyền nói rất đúng về cả những thời cuộc xảy ra gần đây. (1)Tập sấm này chắc ngày nay không còn nữa.

Vì đã từng làm tôi triều Mạc, dù bấy giờ đã về ở ẩn nhưng bởi thế nước chia đôi, lẽ thuận nghịch cũng chưa về hẳn bên nào nên Ông có một thái độ rất dè-dặt mỗi khi người ta đến hỏi ý kiến Ông về quốc sự. Có thể nói rằng tuy Ông đứng ngoài vòng chính-sự, nhưng vẫn gián tiếp và bí-mật làm cố-vấn cho các chính-khách thuở đó. Với sứ-giả của Trịnh-Kiểm, Ông trả lời bằng cách ngoảnh bảo đầy tớ rằng : « *Năm ngoái mất mùa, thóc giống không tốt, đi tìm giống cũ mà gieo mạ* ». Rồi ông lại sai đầy tớ ra bảo tiều quét chùa và dâng hương để ông ra chơi. Ông bảo tiều « *Giữ chùa thờ Phật thì ăn oản* ».

Sứ trở về Thanh thuật lại từng lời nói, từng cử chỉ của cụ Trạng Trình, Kiểm hiểu nên không thi-hành dự định cướp ngôi nhà Lê nữa rồi tìm được người cháu huyền-tôn ông Lê-Trừ

(1) Xin coi tiểu-sử Trạng Trình ở cuối chương này.

(anh ruột vua Thái-tổ), tên là Duy-Bang ở tại làng Bố-Vệ, huyện Đông-Sơn.

Nhà Mạc đến Mạc Phúc-Nguyên thì không còn dám coi thường lực lượng của nhà Lê, sai Mạc Kính-Điển (chú vua Mạc) làm đại-tướng đem binh vào Thanh tới 10 lần nhưng lần nào cũng không có kết quả. Trịnh-Kiểm tiến ra Sơn-Nam trước sau cũng đến 6 lần, cũng chẳng thắng-lợi hoàn-toàn lại trở về, duy năm Kỷ Mùi (1559) Trịnh-Kiểm huy động tới 6 vạn quân ra Bắc đánh các tỉnh Sơn-Tây, Hưng-Hóa, Kinh-Bắc, Lạng-Sơn rồi vòng xuống Hải-Dương theo chiến lược phá hàug rào trước, đột nhập vào Đông-đô sau, bởi kinh-nghiệm đánh thẳng vào quân chủ-lực của nhà Mạc thì không đủ sức.

Trên con đường cánh cung đó, Trịnh đã bại được Mạc, tưởng có nhiều hy-vọng thành công thì Mạc cũng khôn khéo chẳng kém, cử đại quân của Mạc Kính-Điển theo đường bộ đánh gấp vào Thanh-Hóa là sào huyệt của nhà Lê. Trịnh-Kiểm hay tin hoảng sợ, vội vã bỏ mặt trận Việt-Bắc về cứu hậu-phương của mình.

Tình-hình này cứ nhùng-nhằng mãi, khi thì Mạc Nam-chinh, khi thì Lê Bắc-tiến, chẳng bên nào được thua dứt khoát cho tới năm Tân-Dậu (1561), Mạc Phúc-Nguyên qua đời, con là Mạc Mậu-Hợp lên nối ngôi.

II.— BIẾN-CỐ TẠI NAM TRIỀU

NĂM Canh-Ngọ (1560), Trịnh-Kiểm hết số, trao binh quyền cho con trai là Trịnh-Cối, nhưng Trịnh-Cối thiếu nhiều đức tính làm lãnh-tụ, ưa rượu chè sắc dục, không chuyên cần như cha nên tướng sĩ mất cảm tình.

Em Trịnh-Cối là Trịnh-Tùng liền mưu với bọn Lê Cập-Đệ,

Trịnh-Bách rước vua về Vạn-Lại là nơi hành-điện cũ của nhà Lê (trung hưng). Ý Tùng lúc này là cướp địa-vị của anh. Tất nhiên Nam triều nảy ra nội-chiến vì sự tranh giành của hai anh em Trịnh-Tùng. Mạc không bỏ lỡ dịp tốt này, cất luôn 10 vạn binh vào Tây-đô, Trịnh-Cối tự liệu không chống nổi liền hàng Mạc, được giữ quan tước như cũ (1).

Những ngày đầu, quân Mạc thừa thế tiến lên sông Mã, đóng ở đất Hà-Trung rồi vây An-Trường là chỗ căn-cứ then chốt của vua Lê (thuộc huyện Thụy-Nguyên),

Vua Lê Anh-tông thấy thế nguy rồi, về Đông-Sơn phong Trịnh-Tùng làm Tả thừa-tướng thống-nhiếp binh đội để chống Mạc. Quân Nam do sự điều-khiển khéo léo của Trịnh-Tùng đã trấn giữ được các địa-điểm trọng yếu nên Mạc Kính-Điển đánh mãi không xong, phải rút về Bắc (2).

Xét ra, vào thời đó hai quân Nam Bắc đã gặp một trở ngại lớn nhất là vấn đề chuyển-dịch và tiếp-vận. Mỗi khi chiến-cuộc kéo dài thì đám quân ở xa tới không chịu nổi rồi phải bỏ ra về, do đó ta không lạ sự tấn công của bên này cũng như của bên kia luôn luôn khó khăn, thế-hệ này qua thế-hệ khác.

Tạm yên với quân Mạc, vua Lê phong cho Trịnh-Tùng làm Thái-úy Trưởng Quốc-công và khao thưởng binh sĩ, lại sai Phùng khắc-Khoan chiêu tập các hoang-dân ở Thanh-Hóa trở về làm ăn và chỉnh đốn lại mọi việc chính-trị, quân sự.

---

(1).— Theo C.B. Maybon thì Trịnh-Cối bị các binh tướng không phục nên phải trốn sang bên Mạc.

(2).— Cũng theo C.B. Maybon trong « **Histoire moderne du pays d'Annam** », *một số bộ đội của nhà Mạc chạy vào Thuận-Hóa bị Nguyễn-Hoàng là con Nguyễn-Kim đón đánh tan tành.*

Giờ phút này, Trịnh Tùng nắm mọi quyền, lên mặt hống hách.

Vua Anh-tông lo ngại, bàn với Lê Cập-Đệ tính trừ Trịnh Tùng. Công việc chưa ra sao thì Trịnh Tùng được biết liền dùng mưu giết Cập-Đệ. Vua Lê thấy thế nguy và không còn thế lùi, liền cùng bốn con rời khỏi Tây-đô chạy vào Nghệ-An.

Sau khi vua xuất ngoại, Trịnh Tùng cho rước ngay hoàng-tử thứ 5 là Duy-Đàm ở làng Quảng-Thi, huyện Thụy-Nguyên về làm vua lấy hiệu là Thế-tông, một mặt cho Nguyễn hữu-Liên đem quân đuổi theo vua Anh-tông.

Vua Anh-tông vào tới Nghệ-An, thế cùng phải vào ẩn ở một vườn mía, bị quân Trịnh tóm được, Tùng cho giết vua rồi tuyên cáo vua thắt cổ tự vẫn.

Từ năm Qúy-Dậu (1572) đến Qúy-Vị (1583), quân Nam-triều vẫn giữ vững được đất đai từ Thanh đến Nghệ. Các tướng Mạc là Mạc kính-Điển, Nguyễn Quyện và Mạc ngọc-Liễn nhiều lần đem quân vào đánh chỉ hao quân tổn tướng mà thôi. Sau Mạc-kính-Điển có Mạc Đôn-Nhượng thay thế, cũng vẫn được thua một vài trận, lại bỏ ra về cho tới năm Qúy-Mùi (1583), Bắc triều lâm dần vào giờ phút đen tối trước khi bị tận diệt.

III.— NHỮNG CUỘC THẤT-BẠI CỦA BẮC TRIỀU

NHƯ trên chúng tôi đã nói, cho tới năm Qúy-Dậu (1573) lực-lượng của Bắc-triều có phần sung-mãn hơn lực-lượng của Nam-triều, nhưng người cầm quân của Bắc-triều là các tướng-lãnh thân-vương nhà Mạc không sành chiến-thuật, chiến-lược như họ Trịnh ở miền Nam, do đó Mạc chỉ mua lấy sự

hao binh tổn tướng. Rồi cũng từ năm Dậu, Trịnh Tùng áp-dụng kế cố-thủ để đợi quân Mạc vào, càng va chạm bao nhiêu càng tổn-thất bấy nhiêu. Tất nhiên như vậy Trịnh ở vào tình trạng sức cố-thủ thì có thừa, sức tấn-công thì đuối. Việc tấn công của Mạc có khi theo thế gọng kìm là đánh cả vào Thanh-Hóa do đường bộ và đánh thốc cả vào hậu-tuyến của Tây-Đô là Nghệ-An. Với cuộc hành-quân đại qui-mô này, Mạc phải chia quân làm hai cánh nhưng không đủ sức nên chẳng thâu lượm được kết-quả nào đáng kể.

Trong giai đoạn này họ Trịnh dưỡng được sức quân-đội và đến năm Quí-Mùi thì lực-lượng Nam triều bắt đầu mạnh mẽ. Rồi năm nào quân Nam-hà cũng rạ quấy phá Sơn-Nam để lấy thóc gạo về. Chắc chắn là Tây-Đô không sẵn thực-phẩm như vùng Sơn-Nam ngay từ bấy giờ đã là kho gạo như ngày nay.

Nam-triều mạnh thì Bắc-triều không những đình-chỉ việc tấn công mà chỉ còn sức để giữ thế thủ mà thôi. Ngay tại thành Đại-La (vào đời Lý là Thăng-Long thành, thủ-đô của Đại-Việt) Mạc cũng phải cho xây đắp lại : lũy đắp tới ba tầng, hào cũng đào thành ba lần, vậy mà vẫn không đủ chống lại quân Nam, do vậy mà Trịnh Tùng cương quyết cả phá Thăng-Long để ăn thua một lần chót với họ Mạc.

Năm Tân-Mão (1591), Trịnh Tùng bố-trí cuộc Bắc-tiến như sau : phòng xa quân Mạc đánh vào hậu-tuyến của mình như trước đây khi Trịnh-Kiểm đem quân ra Rắc (hành quân năm Kỷ-Mùi), Trịnh Tùng bèn chia một phần lực-lượng phòng thủ ở nhà do Diễn Quận-công Trịnh văn Hải, Thái Quận-công Nguyễn thất-Lý trấn giữ các cửa bể xét quân Mạc có thế tiến vào, Thọ Quận-công Lê-Hòa giữ Tổng hành-dinh (ngự-dinh) là toàn hạt Tây-Đô.

Đạo quân tiến ra Bắc gồm có 5 đội, tổng số là hơn 5 vạn, có các quan Thái-phó Nguyễn Hữu-Liên, Thái-úy Hoàng Đình-Ái, Lân Quận-công Ngô Cảnh-Hữu, mỗi người phụ-trách một đội. Riêng

Trịnh-Tùng lãnh đại quân hai vạn người tiến ra Ninh-Bình. Binh tướng Nam-hà lần này hăng-hái hơn bao giờ hết.

Mạc Mậu-Hợp cũng điều động tới 10 vạn quân (quân bốn vệ và năm phủ) để ứng chiến. Mạc Ngọc-Liễn và Nguyễn-Quyện làm tả hữu-dực, Mạc Mậu-Hợp dẫn trung-quân tiến đánh.

Quân Trịnh tinh-thần cao, chiến-đấu rất mạnh nên chẳng bao lâu quân Mạc thua to chạy về Thăng-Long. Bấy giờ Tết Nguyên-Đán đã đến, Trịnh-Tùng ngưng chiến cho binh sĩ nghỉ ngơi, rồi qua tháng sau (giêng Nhâm-thìn, 1592) Trịnh-Tùng thiết ba điều quân-luật để gây cảm-tình với dân chúng Bắc-hà.

— Không được lấy đồ ăn và củi đuốc của dân.

— Không được cướp bóc, phá hủy vườn tược.

— Không được hiếp-dâm, giết người vì tư-thù.

Ai vi-phạm ba điều kể trên sẽ bị tử hình.

Thấy thế bất lợi, vua nhà Mạc cắt các tướng Mạc Ngọc-Liễn, Bùi văn Khuê và Nguyễn-Quyện chống nhau với quân Trịnh ở Thăng-Long, còn mình đem quân qua Nhị-hà, đóng ở làng Thổ-Khối.

Mặc dầu thành cao hào sâu, cuộc phòng-thủ đáng kể là chu đáo, quân Mạc vẫn thua vì thành lũy bị phá hết. Bọn Bùi Văn Khuê và Mạc Ngọc-Liễn bỏ chạy, Nguyễn Quyện bị bắt.

Sau cuộc toàn-thắng này, Trịnh-Tùng cho san phẳng thành Thăng-Long rồi rút về Thanh-Hóa. Sử không chép nguyên-nhân việc rút quân của Trịnh-Tùng sau khi hạ được thành Thăng-Long tại sao quân Trịnh không thừa thắng mà tiêu diệt họ Mạc ? Câu hỏi này chưa được giải đáp một cách thỏa đáng. Theo ý chúng tôi thì khi kéo quân Bắc-tiến, lực-lượng của Trịnh gồm có 5 vạn người trong cuộc viễn chinh đã phải đánh với một toán quân

đông gấp đôi (10 vạn) của nhà Mạc, mà toán quân ấy lại ở trong thế thủ, đỡ vất vả khó nhọc cũng như khó khăn trong việc tiếp-tế lương-thực, quân-giới v.v...Tuy rằng đã thắng quân Mạc, nhưng sự thật thì sau khi công phá được Thăng-Long rồi, sức quân Trịnh cũng đã mệt. Tàn quân Mạc cũng chưa hẳn là bạc-nhược mà lại rút về phía Bắc, nơi có địa thế núi rừng, thuận cho việc cố thủ để dung thân thì quân Trịnh có muốn cũng không thể thắng Mạc ngay được. Sở dĩ không giữ lấy Thăng-Long có lẽ vì Trịnh nhận thấy sức quân mình đã yếu, khó thực-hiện được cuộc bình định một cách chu-toàn, vả lại thành trì đã phá hủy, dân-sự nghèo khổ vì chiến-tranh, khắp nơi tan-hoang thì giữ cũng chẳng lợi gì, mà Mạc có trở về cũng phải nhiều công xây dựng lại mới có hy-vọng xử dụng được. Hơn nữa rút quân về sớm cho quân sĩ nghỉ ngơi sau cuộc trường chinh để kết quả của sự chiến thắng sẽ làm nức lòng họ trong cuộc hành-quân ở tương lai. Đó là cớ mà Trịnh lui quân về vậy.

Về phần nhà Mạc không nhìn vào cuộc thất bại chua cay này để tu chỉnh lại quân đội, trái lại Mạc Mậu-Hợp đã bạc đãi tướng-sĩ, trễ nải chính-sự, đắm say tửu sắc, có cái thái độ chán nản của kẻ vừa qua một cơn chiến-bại (Mạc Mậu-Hợp lại thấy vợ Bùi văn Khuê có nhan sắc định giết Khuê để chiếm lấy. Khuê hoảng sợ chạy sang hàng Trịnh-Tùng. Sau này Mạc Mậu-Hợp thất bại hẳn thì riêng cái tính hiếu sắc cũng đủ thành nguyên-nhân cho họ Mạc tiêu-ma sự nghiệp rồi. Xưa nay các ông vua cũng như các ông tướng hiếu sắc có bao giờ được ở địa-vị trọn vẹn)

Sử không chép keo vật cuối cùng giữa Mạc và Trịnh vào tháng nào năm Nhâm-Thìn (1592), có lẽ nghỉ ngơi được ít lâu quân Nam lại tiến ra Thăng-Long. Đôi bên gặp nhau chặng đầu tại cuối huyện Ý-Yên và huyện Phong-Doanh, tỉnh Nam-Định. Mạc mất 70 chiến thuyền, tướng chỉ-huy ở đây là Trần Bách-Niên ra hàng.

Chặng thứ hai, quân Nam ra tới Bình-Lục (Hà-Nam) kéo lên

Thanh-Oai, đóng ở bãi Tinh-Thần (thuộc xã Thanh-Thần, huyện Thanh-Oai) bằng đường thủy rồi ra tới Hát-giang.

Thủy quân nhà Mạc cầm cự không nổi, bị mất hàng ngàn chiến thuyền. Mạc Mậu-Hợp chạy sang Kim-Thành (Hải-Dương) bị quân Nam đuổi theo. Vào thành Thăng-Long. Trịnh Tùng thâu được rất nhiều của cải và bắt được Quốc-Mẫu của nhà Mạc (mẹ Mạc Mậu-Hợp). Một số quan nhà Mạc 17 người xin đầu hàng là Đỗ Uông, Ngô Tạo v.v....

Đại quân của Trịnh Tùng đóng ở huyện Vĩnh-Lại. Phạm văn Khoái được lệnh tiến lên huyện Yên-Dũng và Vũ-Ninh (Bắc-Giang) bằng đường sông. Mậu-Hợp chạy lên bộ vào ẩn trong một ngôi chùa ở huyện Phượng-nhỡn thì có kẻ tố cáo. Mạc Mậu-Hợp bị Phạm văn Khoái bắt được và giải về Thăng-Long, làm tội sống ba ngày rồi chém đầu đem bêu ở Thanh-Hóa.

Trước ngày tàn của mình, Mạc Mậu-Hợp đã cử Mạc Toàn thay thế để rảnh tay chống quân Trịnh. Con Mạc Kính-Điển là Kính-Chỉ cũng tự lập làm Vua cùng 100 người trong tông-tộc và các quan văn võ lại cố quy-tụ phen nữa ở huyện Thanh-Lâm lại chiêu tập quân đội được hơn 7 vạn người. (tài liệu của *Việt-Nam sử lược*, trang 281) (1) Mạc-Toàn lại theo Mạc Kính-Chỉ. Thanh thế quân Mạc nổi lên, chiến cuộc kéo dài được ít tuần. Sau Trịnh Tùng tự mình đem quân sang huyện Cẩm-Giàng và Thanh Lâm đánh rất gắt, bắt được Kính-Chỉ cùng 60 thủ-túc của họ Mạc,

---

(1) Trong giờ phút đen tối này mà chỉ trong ít ngày nhà Mạc lại chiêu-mộ ngay được sáu bảy vạn quân sĩ thì rõ lòng dân không phải là không theo họ Mạc. Có lẽ Mạc bại chỉ vì những người lãnh-đạo cuộc chiến đấu kém tài mà thôi. Việt-Nam sử lược *trang 282 nói* **Chỉ tiếc vì họ Mạc không ai chịu theo ».** *Chúng tôi không đồng-ý, theo lẽ trên đây.*

Theo tài liệu Maybon, có lẽ đúng hơn, Mạc-Toàn bị bắt sau Mạc Mậu-Hợp ít lâu do đó Mạc Kính-Chỉ mới lên kế vị ; lẽ nào Mạc-Toàn còn ở bên ngoài mà Mạc Kính-Chỉ lại lên thay rồi Mạc Toàn lại chạy về với Kính-Chỉ như *Việt-Nam sử lược* đã nói (1).

Điều chắc chắn là sau đó cả Mạc-Toàn cùng Kính-Chỉ đều bị tử-hình cùng một ngày, chỉ khác kẻ bị bắt trước kẻ bị bắt sau.

Mặc dầu bị chém giết bắt bớ nhiều như vậy, con cháu nhà Mạc vẫn không tuyệt. Mạc còn chiến đấu dằng-dai cho tới hơn 80 năm sau nữa mới hết hẳn (1677) — (2).

Tính ra Mạc khởi nghiệp từ 1527 đến 1592 mới tạm ngừng, vừa đúng 65 năm ở ngôi ngự trị xuốt cả miền Bắc, lấy Thăng-Long làm thủ-đô đàng-hoàng như mọi triều vua trước và sau. Duy từ 1592 trở đi, con cháu họ Mạc bắt đầu tàn, phải rời khỏi Thăng-Long để lên chiếm cứ từ trung-du và duyên-hải miền Bắc lên đến Cao-Bằng cho tới 1677 mới tuyệt.

Vậy sử cần chép rằng nhà Mạc có hai thời-kỳ. Thời kỳ thứ nhất là thời ngự-trị oanh liệt toàn cõi miền Bắc, hưng-thịnh như các tiền-triều. Thời-kỳ thứ hai là thời-kỳ thất-thế chỉ còn nắm giữ được nửa xứ Bắc từ vùng Cao-Bằng, Lạng-Sơn, Thái-Nguyên trở lên mà thôi, cũng kéo dài được trên nửa thế kỷ nữa.

Sau cuộc đại thắng nhà Mạc, Trịnh-Tùng cho người đón

---

(1) Theo **Mạc-triều thế-phổ** *thì Mạc Kính-Chỉ là chú ruột Mạc Mậu-Hợp, tức là ông chú của Mạc-Toàn. Ta có thể nghĩ rằng lúc này họ Mạc đang suy bĩ mà ông cháu tranh nhau ngôi-vị chăng ? Nếu có sự tranh giành thì Mạc-Toàn khi nào lại chạy theo Kính-Chỉ. Vậy xin lưu-ý độc-giả sự-kiện này cho hợp với sự thực.*

(2) Các sử gia Pháp cũng chép sau khi rút khỏi thủ-đô Thăng-Long nhà Mạc còn kéo dài được hơn 80 năm nữa.

vua Thế-tông ra Thăng-Long và mở tiệc ăn mừng cùng khao thưởng tướng sĩ. Từ giai-đoạn này nhà Lê lại trở về cố-đô, còn con cháu nhà Mạc bị phiêu-bạt khỏi miền trung-châu xứ Bắc nhưng vẫn không thoái chí.

Năm sau, tôn-thất nhà Mạc là Mạc Ngọc-Liễn lại tôn lập con Mạc Kính-Điển là Mạc Kính-Cung giữa châu Yên-Bắc ở đất Lạng-Sơn làm căn-cứ nhưng chẳng bao lâu lại bị Thái-úy Hoàng-đình-Ái đuổi chạy sang Long-Châu. Nấn ná tại đây được ít tháng Mạc Ngọc-Liễn lâm bịnh rồi trước khi chết để thư lại cho Kính-Cung khuyên đừng tranh dành với họ Trịnh nữa : *« Nay nhà Lê lại nổi lên được, đó là việc trời định, dân có tội gì mà khổ mãi vì chiến tranh ? Nên đành phận mình ở nước ngoài, còn hơn là ganh nhau lại rước người Tàu sang, càng hại cho dân nước ».*

Lời khuyến cáo tốt đẹp này không được con cháu của họ Mạc nghe theo, nay xưng vương nơi này, mai dấy quân nơi khác, khiến họ Trịnh cũng lao-tâm, khổ-trí khá nhiều. Và sở-dĩ con cháu họ Mạc còn hoạt-động, một phần cũng bởi nhà Minh vẫn tiếp tục giúp đỡ mà dân chúng cũng chưa bỏ họ Mạc.

Theo *Việt-Nam sử-lược* trong đám con cháu họ Mạc còn có Mạc Kính-Chương xưng Tráng-Vương ở Đông-Triều, Quảng-Yên bị Trịnh-Tùng cử trấn-thủ Hải-Dương là Phan Ngạn đánh dẹp và bắt được. Lại có Mạc Kính-Dụng (con Mạc Kính-Chỉ) giữ đất Yên-Bắc (Lạng-Sơn) xưng Uy-Vương sau cũng thất-bại.

Năm Kỷ-Hợi (1599) vua Thế-tông qua đời, hoàng-tử Duy-Tân lên thay, lấy hiệu là Kính-Tông. Năm sau, bọn Phan-Ngạn, Ngô đình-Hàm và Bùi-văn-Khuê nổi loạn ở cửa Đại-An (Nam-Định) vì họ Trịnh kiêu-hãnh và lộng quyền thái quá. Về phía con cháu nhà Mạc cũng không ngừng chống đối, phần bọn Bùi-văn-Khuê cũng có một lực lượng đáng kể nên Trịnh-Tùng lại rút quân về Thanh-Hóa.

Đảng nhà Mạc trước tình-thế này liền tôn thứ mẫu của

Mạc Mậu-Hợp là Bùi-thị lên làm Quốc-mẫu rồi đón Mạc Kính-Cung ở Cao-Bằng về, tiếp-tục chiến-tranh ở trung-châu Bắc-Việt.

Sau khi bọn Bùi văn Khuê và Phan Ngạn (1) nghi ngờ mà giết lẫn nhau, còn Ngô đình-Hàm chạy qua phía nhà Mạc.

Trịnh-Tùng lúc này lo chống Mạc ở miền Bắc, lại ngại họ Nguyễn ở phương Nam đánh thốc lên nên cho người vào gặp Nguyễn-Hoàng lúc này kế nghiệp cha là Nguyễn-Kim làm Trấn-thủ ở Thanh-Hóa (Xin coi mối bất hòa Trịnh, Nguyễn ở chương sau). Được rõ thái-độ của Nguyễn-Hoàng không có ý phá Trịnh vì kiêng nể nhà Lê nên Trịnh-Tùng có thể đem quân ra Bắc phen nữa. Thủy, bộ đại quân của Trịnh bắt được Bùi-thị giết đi, còn Mạc Kính-Cung chạy thoát được về Cao-Bằng.

Dưới đời vua Lê Thần-Tông (1619-1643) Mạc Kính-Cung lại nhiều lần chiêu-tập được những quan lại bất mãn của họ Trịnh khởi binh đánh nhau với họ Trịnh. Năm 1625, Kính-Cung bị bắt rồi bị giết. Mạc Kính-Khoan là cháu Mạc Kính-Cung về hàng vua Thần-Tông được phong tước Thái-úy Thông Quận-công, cho giữ đất Cao-Bằng, nhưng con là Mạc Kính-Hoàn không chịu nộp cống, năm 1660 chúa Trịnh-Tạc lại đem quân đánh lui nhiều phen, sau Kính-Hoàn phải chạy qua biên-giới. Đất đai của họ Mạc lại bị Trịnh thu lại. Nhà Minh liền can thiệp, vua Lê Huyền-Tông phải hoàn lại cho con cháu nhà Mạc vào năm 1669.

Tám năm sau, Kính-Hoàn trở về vẫn ỷ vào cảm-tình của nhà Minh lại mở mang thực-lực. Trịnh-Tạc mất khá nhiều công-phu mới đuổi nổi. Kính-Hoàn ẩn náu tại Nam-Ninh, một châu quận thuộc tỉnh Quảng-Tây và từ đấy, (1677), không còn

(1) *Có sách chép là Phan Nghiễn*

ai nói đến họ Mạc. Đất Cao-Bằng lại trở thành quốc-thổ nhà Lê. (1)

TIỂU-SỬ CỦA NGUYỄN BỈNH-KHIÊM

Kể đến danh-nhân Việt-Nam, không ai có thể quên được ông Nguyễn Bỉnh-Khiêm, một nho-giả không nhàm thường như các nho-giả đời trước cũng như đời sau.

Ông quán-triệt được mọi điều cổ-kim và nhờ có tinh thông lý số, Ông biết được các việc đã xảy ra trong các đời trước và ngay cả những việc xảy ra trong thế hệ đương thời của chúng ta. Ông còn là một triết-gia kiêm thi-nhân, đạo-đức, tác-phong cùng tài-học uẩn-súc vào bực thày thiên hạ.

Tục gọi ông là Trạng Trình.

Sinh quán của Ông ở làng Trung-Am (nay là Cổ-Am), thuộc phủ Vĩnh-Bảo, tỉnh Hải-Dương, Cha ông là Nghiễm quận-công Văn-Định, mẹ ông họ Nhữ (không được biết tên) được phong là Từ-thục phu nhân.

CHÚ-THÍCH.— Theo tài-liệu của Deneria thì vua Khang-Hy nhà Thanh không giúp họ Mạc là vì bị mắc mưu nhiều vào việc đánh dẹp Ngô Tam-Quế là tướng nhà Minh ở các tỉnh miền Nam Trung-Quốc. Xin nhắc rằng khi Trịnh — Mạc đánh nhau ở các vùng Trung-du và thượng-du Bắc-Việt thì nhà Thanh dấy nghiệp sau khi diệt được nhà Minh. Năm 1662, vua Lê đã cử sứ-bộ qua Bắc-Kinh xin thần-phục tân triều và nộp các đồ tiến cống : vàng bạc, trầm hương, lụa bạch. sừng tê, ngà voi và bắt nộp một thân-vương nhà Minh, Nhà Thanh bằng lòng cho vua Lê Huyền-Tông thông hiếu từ đó. Năm 1666, nhà Lê đem cái ấn nhà Minh đã cấp nộp lại triều Thanh. Năm sau, nhà Thanh cho quan đem sắc và ấn sang Việt-Nam để tấn-phong cho vua Huyền-Tông. Chiếc ấn này có hình con lạc-đà. dấu hiệu sự thần-phục của các nước thuộc về Thanh triều.

Tên tự của Ông là Hạnh-Phủ, hiệu là Bạch-vân cư-sĩ. Đời tôn ông là Tuyết-giang phu-tử. Người Tàu cũng kính mến Ông gọi là Trình-Toàn,

Ông ra đời vào năm 1491, tức là lúc nước nhà đi sang một khúc quanh của lịch-sử giữa đời Hậu-Lê. Ngay từ lúc mới 4 tuổi Ông đã có trí nhớ phi thường về những bài thơ truyền khẩu, lớn lên văn-chương thông suốt hơn cả mọi người, do đó mà thầy học của ông là cụ Cử Nguyễn Lương-Bằng truyền cho khoa Thái-ất thần-kinh để biết được việc các đời trước, việc các đời sau, nhờ vậy Ông đã làm ra một cuốn Sấm-ký, đến nay còn rất ứng-nghiệm.

Thời Lê vong, Mạc khởi, quốc-sự rối như tơ vò, ông ẩn náu mãi ở quê nhà cho đến năm Ất-Mùi (1535) mới xuất đầu lộ diện.

Dưới triều Mạc Đăng-Doanh, niên hiệu Đại-Chính thứ 6 (lúc này ông đã 44 tuổi) ông mới ra thi, đậu Trạng-nguyên và làm quan đến Lại-bộ thị-lang kiêm Đông-các Đại học-sĩ.

Ông làm quan được 8 năm, sau dâng sớ xin trị tội 8 kẻ lộng thần, không được toại-nguyện bỏ về chí-sĩ ở quê hương. Ông lập ra Bạch-vân Am, bắc cầu Nghinh-phong và Tràng-xuân, dựng quán Trung-Tâm ở bến Tuyết làm chỗ di-dưỡng tinh-thần, ngâm thơ đọc sách (Bến Tuyết là một bến trên một khúc sông thuộc sông Thái-Bình chảy qua huyện Vĩnh-Bảo). Được nhàn rỗi ông thường dùng thuyền đi thăm sông, biển và ngoạn cảnh các nơi rừng núi.

Tuy đã về nghỉ ở nơi thảo dã, mỗi khi triều Mạc có việc quan-trọng Ông vẫn là một cố-vấn tối-cao nên vua nhà Mạc vẫn quý trọng Ông đặc biệt. Các chính-khách đời bấy giờ cũng hay bí-mật tìm đến hay cho người đến vấn-kế ông.

Ông về chí-sĩ được hai năm thì nhà Mạc lại phong Ông thêm tước Trình Quốc-công.

Văn thơ của ông rất giản-dị và nhiều ý-tứ, phóng-khoáng thanh-tao lại tỏ một phẩm-cách siêu-phàm, thoát-tục, nhưng bên cạnh loại này, ông còn làm những bài thơ ngụ ý đạo-đức răn đời nó phản-ảnh cuộc sống xã-hội đời bấy giờ đang có nhiều điều bê bối, điên đảo.

Trong những bài thơ đó, người ta còn thấy một cái gì trào phúng nhẹ nhàng, kín đáo, phát-xuất ở tâm-hồn một triết-gia nhiều từng trải về thế-tình, nhân sự.

Về tài lý-số, Ông đáng gọi là một bậc tiên-tri như trên đây đã nói. Tỉ-dụ bài báo trước làng Cổ-Am sẽ bị một cuộc thả bom của người Pháp, vì có đảng viện Việt-Nam quốc-dân đảng trú ngụ ở đây đã nổi lên đánh phá các tỉnh Kiến-An, Hưng-Hóa, Yên-Báy, Phú-Thọ, Lâm-Thao vào năm 1930.

Kìa cơn gió thổi lá rung cây,
Rung Bắc sang Nam, Đông tới Tây.
Tan tác KIẾN kiều AN đất nước,
Xác xơ CỒ thụ sạch AM mây.
Sơn LÂM nổi sóng mù THAO cát,
HƯNG địa tràn đầy HÓA nước đầy.
Một ngựa một YÊN ai sùng BÁI,
Cha con người VĨNH-BẢO cho hay !...

Bề ngoài, bài thơ này nhường chỉ tả một cuộc giông-tố làm tung mờ cát bụi mà thực-nghiệm ra là tiên-tri một cuộc cách-mạng phản Đế đời Pháp thuộc bốn thế-kỷ sau và làng Cổ-Am sẽ bị thực-dân triệt-hạ.

Người ta được hay rằng khi Pháp thả bom xuống làng Cổ-Am thành đống gạch vụn (làng này có nhiều quan và đủ mặt

trí-thức tân cựu) lộ ra một tấm bia đá có bài thơ trên đây trong đó có ẩn cả tên người ra lệnh hủy-diệt làng này và cái tai họa xảy đến sau này cho y :

Giữa năm hai bảy mười ba
Lửa đâu mà đốt TÁM GÀ trên mây ? »

Câu này nghe có vẻ ngây ngô, lại sai cả về toán-học. Hai bảy phải là 14 mà đây lại nói là 13 thôi, thì ra năm ấy nhuận hai tháng bảy Âm-lịch thành 13 tháng. Còn « *tám gà* » không có nghĩa là 8 con gà, mà phải chuyển *nôm* ra *tự* mới rõ là « bát » là « kê » (tên viện Toàn quyền Pasquier thuở ấy ở Đông-Dương, sau đáp phi cơ về nước bị máy bay phát hỏa, y bị cháy thành than giữa trời).

Một sự ứng-nghiệm nữa về tài thuật số lý học của ông :

Năm Minh-Mạng thứ 14, về đời sau này chẳng rõ vì duyên cớ gì mà vua Minh-Mạng hạ chỉ sai Nguyễn Công-Trứ phá đền thờ Trạng Trình. Tuân thượng-lệnh, ông Trứ thi-hành phận-sự. Nhưng khi phá tới đền thì gặp ở cây đòn dông có hàng chữ khắc từ lâu rằng :

« Minh-Mạng thập tứ,
« Thằng Trứ phá đền !
« Phá đền thì lại làm đền,
« Nào ai cướp nước tranh quyền với ai ?»

Ông Trứ hoảng sợ, tâu vua sự thể như vậy, vua lại cho lệnh làm trả đền thờ của Trạng Trình !

Luận về nhân-tình thế-thái, đời bấy giờ Nguyễn Bỉnh-

Khiêm có bài thơ dưới đây

« Thế gian biến cải vũng nên đời,
« Mặn, nhạt, chua, cay lẫn ngọt bùi.
« Còn bạc, còn tiền, còn đệ-tử,
« Hết cơm, hết rượu, hết ông tôi.
« Xưa nay đều trọng người chân thực,
« Ai nấy nào ưa kẻ đãi bôi,
« Ở thế mới hay người bạc ác,
« Giàu thì tìm đến, khó tìm lui ! »

Xét ra ông Nguyễn Bỉnh-Khiêm cũng là một nhân-vật dị-thường trong hàng danh-nhân thế-giới, vì nói về các bực tiên-tri mấy ngàn năm trước có vị thánh Ai-Cập, kế đến Khổng-Minh đời Tam-quốc (khoảng thế-kỷ thứ III sau Tây lịch) rồi đến ông vào thế-kỷ XV.

Người Tàu rất kính phục Ông nên đã viết « *An-Nam lý-học hữu Trình-Toàn* » chỉ tiếc rằng học-vấn uyên-thâm như họ Nguyễn vào bậc nhất trong đám nho-giả Việt-Nam trước đây mà không nêu ra được một học thuyết nào khả-dĩ nâng cao được giá-trị người Việt và để nhìn thẳng vào mặt giới trí-thức Trung quốc từ Tống qua Thanh, Dầu sao thuở đó tài của Ông cũng đã vang tới nước Tàu. Ông từ trần vào năm 1585, thọ 95 tuổi.

CHƯƠNG III

NƯỚC VIỆT-NAM TỪ BẮC VÀO NAM

(1674 — 1775)

I.— HỌ TRỊNH LÀM CHÚA MIỀN BẮC

NHƯ ta thấy từ đầu thế-kỷ thứ XVI, toàn-bộ Việt-Nam đã trở nên một bãi chiến-trường đẫm máu suốt cả một trăm năm giữa hai họ Mạc — Trịnh. Qua tiền-bán thế-kỷ XVII thì họ Mạc suy tàn, họ Nguyễn tại Thuận-Hóa bắt đầu thay thế vào vai trò của họ Mạc cũng không ngoài mục-đích tranh giành vương-bá. Cả hai họ Trịnh — Nguyễn đều nêu cao chiêu-bài *« Phù Lê »* tức là lấy danh-nghĩa nhà Lê để phát-động chiến-tranh mà cả trong việc tàn sát con cháu vua Lê Thái-Tổ họ cũng dựa vào cái nhãn hiệu này (về phần họ Trịnh) mới thật là mỉa-mai.

Họ Trịnh, bắt đầu từ Trịnh-Kiểm chưa có thái-độ gì quá đáng nhưng với Trịnh-Tùng, sau khi dẹp được họ Mạc liền lên mặt kiêu-hãnh với khắp mọi người và lấn-áp cả vua, bất-chấp dư luận của quốc-dân, cậy mình có công cướp lại được ngai vàng cho vua Lê khỏi tay họ Mạc. Ngoài ra, Trịnh-Tùng lại được yên tâm

hơn nữa để lộng-hành thêm là thành công trong việc bang-giao với nhà Minh, tuy việc này không được thắng-lợi đầy đủ như vua Lê và họ Trịnh mong muốn để thêm phần uy-thế trước nhân-dân.

Khi quân Trịnh đã vào được Thăng-Long và thấy tình-thế bất lợi, người nhà Mạc sang kêu với vua Minh rằng họ Trịnh nổi lên tranh ngôi chớ không phải con cháu nhà Lê.

Một phái đoàn của Minh triều được cử sang Nam-quan khám xét.

Tháng 3 năm Bính-Thân (1596), các quan nhà Lê là Hộ-bộ Thượng-thư Đỗ Uông, Đô Ngự-sử Nguyễn văn Giai (sau lại có hai Hoàng thân Lê Cảnh, Lê Lựu cùng Công-bộ Tả thị-lang Phùng Khắc-Khoan) đem 10 người kỳ-mục, 100 cân vàng, 1.000 cân bạc, và cái ấn An-Nam Đô thống-sứ của nhà Mạc cùng cái ấn An-Nam Quốc-vương của vua Lê ngày trước lên trình các quan nhà Minh.

Các quan nhà Minh đòi vua Lê Thế-Tông phải lên gặp họ. Trịnh-Tùng đành cử Hoàng Đình-Ái, Nguyễn Hữu-Liêu đem một vạn quân đi hộ-giá.

Nhà Minh đòi phải nộp người vàng và ấn vàng như cũ, rồi không chịu đến hội. Chờ lâu không được, vua Thế-Tông lại trở về.

Tháng tư năm sau, nhà Minh lại mở hội-nghị thứ hai cũng vẫn tại Nam quan. Lần này 5 vạn quân đi hộ vệ nhà vua cũng do Hoàng Đình-Ái chỉ-huy, chừng e quan nhà Minh trở mặt bắt vua Lê chăng ?

Hội-nghị lần này có kết-quả vì phái-đoàn của nhà Lê chịu nhượng bộ với chức Đô thống-sứ và cử phái-đoàn sang nộp cống tại Yên-Kinh, mặc dầu Phùng Khắc-Khoan dâng sớ cố kêu nài nhà Minh phong Vương cho vua Lê. Từ đó hai nước có sự thông sứ như trước còn nhà Mạc thì được nhà Minh can-thiệp nên nhà Lê phải để đất Cao-Bằng thuộc quyền nhà Mạc.

Năm Kỷ-Hợi (1599), Trịnh-Tùng tự xưng làm Đô nguyên-súy, Tổng quốc-chính Thượng phụ Bình-an vương, chỉ cho vua Lê thu thuế 1.000 xã gọi là lộc Thượng-tiến và 5.000 lính làm quân túc-vệ, 7 con voi và 20 chiếc thuyền. Rồi Trịnh-Tùng lập Phủ Liêu là một triều đình riêng gồm Lục phiên (cũng như lục bộ), tự quyền đặt quan, thu thuế, bắt lính và chỉ khi nào có dịp long trọng đặc biệt mới mời vua ra để thiết-triều hay tiếp sứ. Tóm lại vua Lê chỉ có hư vị, mọi quyền hành đều qua phủ Chúa hết. Từ đó chế-độ phong-kiến toàn-thịnh ở Việt-Nam ra đời và con cháu nhà Chúa được cả quyền thế-tập với danh vị là Thế-tử (Thái-tử là con Vua — Thế-tử là con Chúa).

Trước sự hống-hách của Trịnh-Tùng, vua Kính-Tông (là con vua Thế-Tông, mất năm Kỷ-hợi 1599) húy là Duy-Tân, lên ngôi năm 1600 (niên hiệu Thận-Đức) không chịu nổi, nhân con Trịnh-Tùng là Trịnh-Xuân muốn tranh quyền với anh cả là Trịnh-Tráng liền mưu g ết Trịnh-Tùng. Công việc bại-lộ, Trịnh-Tùng bức vua thắt cổ giữa năm 32 tuổi.

Hoàng-tử Duy-Kỳ lên thay tức là Thần-Tông.

Năm Quý-hợi (1623), binh quyền của nhà chúa được chia cho Trịnh-Tráng và Trịnh-Xuân, một làm chánh, một làm phó. Nhưng Trịnh-Xuân không chịu, nổi loạn đốt kinh thành. Trịnh-Tùng phải chạy về xã Hoàng-Mai *(một làng ngoại ô Hà-nội ngày nay)* ngụ tại nhà Trịnh-Đỗ. Trịnh-Tùng dụ được Trịnh-Xuân đến rồi giết đi. Mấy hôm sau thì Trịnh-Tùng mất ở chùa Thanh-Xuân, thuộc huyện Thanh-Trì, tỉnh Hà-Đông. Vì thời cuộc bấy giờ còn rối ren, dư đảng của Trịnh-Xuân còn hoạt-động, Trịnh-Tráng phải tạm thời đưa vua về Thanh-Hóa, Tráng được vua phong làm Thái-úy Thanh Quốc-công tiết-chế thủy-bộ chư-quân.

Sau này dẹp xong Mạc Kính-Khoan, bình định được Đông-đô, Trịnh-Tráng lại rước vua ra Bắc và tự xưng là Nguyên-súy Thống quốc-chính Thanh-đô vương.

Kể từ thế-kỷ XVI có thể coi rằng uy-quyền của con cháu vua Lê Thái-tổ không còn gì nữa, họ Trịnh còn công nhiên giết vua này, lập vua khác, làm mưa nắng trên sân-khấu chính-trị miền Bắc như không còn biết có ai dưới mắt nữa.

VÀI BIẾN-CỐ CỦA TRUNG-QUỐC TRONG THỜI TRỊNH — MẠC

Năm 1644, nhà Thanh dấy nghiệp thì ở Bắc Việt-Nam Trịnh-Tráng thay Trịnh-Tùng lên giữ ngôi chúa. Trịnh-Tráng còn phải luôn luôn lên đánh dẹp họ Mạc ở Cao-Bằng.

Nhà Thanh thuộc giống người Nữ-Chân, sinh tụ ở Mãn-châu là một xứ thuộc miền Đông Bắc nước Tàu, đã thành một nước lớn, một thời gọi là nước Kim xưng Đế được 120 năm, sau bị mất về nhà Nguyên, thành Vạn-hộ-phủ.

Khi nhà Minh dứt được nhà Nguyên, Mãn-châu được tự-trị. bấy giờ chia làm bốn bộ :

1) — Mãn-châu bộ (thuộc về Kiến-châu vệ-địa)
2) — Trường-bạch bộ (thuộc về Kiến-châu vệ-địa)
3) — Đông-hải bộ (» » Dạ-nhân vệ-địa)
4) — Hỗ-luân bộ (» » Hải-tây vệ-địa)

Vua Thái-tổ nhà Thanh là Nỗ-nhĩ Cấp-Kích xuất hiện ở Trường-bạch bộ, nổi lên đánh được cả bốn bộ, lập kinh-đô ở Thẩm-Dương. Cháu là Phúc-Lâm (tức Thái-tông) đánh lấy được Liêu-Tây của nhà Minh.

Lúc này nhà Minh gặp nội-biến.

Giữa khi tướng Minh là Ngô Tam-Quế chống nhau với nhà Thanh ở Sơn-Hải-quan thì Lý Tự-Thành lợi dụng sự rối ren của triều Minh nổi lên đánh Yên-Kinh. Vua Trang-Liệt nhà Minh gọi Tam-Quế về dẹp thì Yên-Kinh đã thất-thủ. Ngô Tam-Quế lại quay về đánh Sơn-Hải-quan, sau hàng nhà Thanh mặc dầu có lời kêu gọi của Lý Tự-Thành.

Về hàng nhà Thanh xong thì Tam-Quế đem quân đánh Lý Tự-Thành, thắng trận, nhờ vậy nhà Thanh chiếm được Yên-Kinh và cũng lấy Yên-Kinh làm kinh-đô.

Các quan của nhà Minh lập Phúc-Vương lên ngôi để kháng chiến (vua Trang-Liệt và Hoàng-hậu đã bị giết khi Yên-Kinh thất-thủ về tay Lý Tự-Thành) nhưng vì nội-bộ lục-đục, Phúc-Vương phải ra hàng Thanh.

Đường-Vương thay Phúc-Vương chẳng được bao lâu cũng bị bắt và phải nhịn ăn mà chết.

Con cháu nhà Minh còn sót lại là Quế-Vương, xưng đế ở Quảng-Tây được mấy năm thì bị quân Thanh đuổi qua Miến-Điện. Miến bắt Quế-Vương nộp cho Ngô tam-Quế. Quế-Vương bị giết từ đó nhà Thanh nhất thống nước Tàu.

Khi Quế-Vương còn ở Quảng-Tây (đất Triệu-Khánh) có sai sứ sang phong cho vua Thần-Tông nhà Lê làm An-Nam Quốc-vương. cho Trịnh-Tráng làm Phó-vương.

Họ Mạc bấy giờ đã về hàng, Trịnh-Tráng mới rảnh tay mang quân vào Nam đánh họ Nguyễn.

II— HỌ NGUYỄN XƯNG HÙNG TẠI PHƯƠNG NAM

Đường vô xứ Nghệ quanh quanh

Non xanh nước biếc như tranh họa đồ,

Ai vô xứ Nghệ thì vô ! (1)

Những cuộc xung-đột đẫm máu của ba lãnh chúa Mạc — Trịnh—Nguyễn đã khai diễn thế nào ?

A.— Giai-đoạn thứ nhất

Trong khi hai họ Mạc, Trịnh chống nhau gay-gắt, đồng thời với Trịnh-Tùng (kể từ khi Trịnh-Kiểm qua đời là năm Canh-Ngọ 1570) một nhân-vật kiệt-hiệt không kém bắt đầu lộ-diện đó là Nguyễn Hoàng.

Nguyễn Hoàng là con thứ hai của Nguyễn Kim (mà các sử-thần nhà Nguyễn đã đề cao vai trò phù Lê diệt Mạc và bị tướng nhà Mạc là Dương Chấp-Nhất đánh thuốc độc năm Ất-Tỵ (1545) Sự thực thì vào đời bấy giờ con cháu nhà Lê không còn ai có tài đảm, tuổi lại đều quá non-nớt nên nước Việt-Nam như cái nhà vô chủ. Nguyễn Kim cũng là người thèm muốn làm chủ ngôi nhà đó nhưng kém thực-lực hay chậm chân nên họ Mạc chiếm được trước. Đã bị hất ra ngoài Nguyễn-Kim chưa lấy làm thất-vọng, nhất là buổi đầu địa-vị họ Mạc chưa vững vàng trong lòng dân chúng, Kim tính còn có thể tranh đấu được với Mạc. Việc tôn lập vua Trang-tông chỉ là một thủ-đoạn chính-trị đã từng được dùng rất nhiều trên chính-trường các quốc-gia Á-châu theo chế-độ quân-chủ từ nhiều thế-hệ để dễ hiệu-triệu dân chúng, nêu cao chính-nghĩa Thực ra cái nhân-nghĩa, cái vô-tư có chăng nữa cũng là điều rất hiếm và thường rất đáng ngờ ở các con người làm chính-trị trong thời buổi nhiễu-nhương, hôm qua cũng như hôm nay.

Sự nghiệp tranh bá đồ vương của Nguyễn Kim chưa ra khỏi chỗ khởi-điểm thì Nguyễn Kim bị bất-đắc kỳ tử. Bao nhiêu binh quyền của Nguyễn bấy giờ hoàn-toàn chạy qua tay Trịnh Kiểm, một nhân-vật có chí lớn, có nhiều mưu-cơ và cũng đầy tham-vọng.

---

(1) Đây là câu ca-dao tuyên truyền cho nhà Lê khi mới nổi lên ở hai miền Thanh Nghệ.

Dòng họ Nguyễn kể từ Nguyễn Hoằng-Dụ tới Nguyễn-Kim đã được thiên-hạ liệt-kê vào các anh-hùng thời-đại, rồi tới con cháu là Nguyễn Uông, Nguyễn Hoàng người ta cũng thấy có nhiều khả-năng, thủ-đoạn lợi-hại. Trịnh-Kiểm có con mắt xanh nên đã thấy hai ông em vợ có thể trở thành nguy-hiểm cho cái địa-vị đang được độc-tôn của mình thuở ấy, nhất là anh em Hoàng đã từng phục-vụ dưới cờ của Trịnh-Kiểm, lập được nhiều công lao và được phong một người làm Lạng Quận-công, một người làm Đoan Quận-công. Nhận xét này không lầm, sau đó thì Nguyễn-Uông chết Cái chết của Uông là cả một nghi vấn, người ta ngờ Uông đã bị độc-thủ của anh rể sớm biết người biết mình.

Ư-Kỷ là Thái-phó của nhà Lê bấy giờ và là anh cả của mẹ Nguyễn-Hoàng thấy thế nguy liền khuyên Nguyễn-Hoàng một thời giả ngây-dại để khỏi bị Trịnh-Kiểm để ý (1). Trong lúc này gia-thần của Kiểm là Nguyễn Hùng-Long thúc dục Kiểm trừ Nguyễn-Hoàng để tránh hậu họa.

Sau này, Nguyễn-Hoàng ngày đêm tìm cách lánh xa Trịnh-Kiểm, không còn cách nào hơn là nhờ chị vận-động cho mình đi vào Thuận-Hóa với chức vụ Trấn-thủ. (2) Dịp may là lúc này Thuận-Hóa vẫn bị người Chàm quấy rối, mặc dầu đất này của họ đã thuộc về ta từ một thế-kỷ trước mà trong giai-đoạn này Thuận Hóa cũng như Quảng-Nam thường bị nhà Mạc đem quân vào đánh để chia lương-thực của nhà Lê.

Sau khi nghe vợ tỏ bày ý-kiến này, Trịnh-Kiểm bèn chấp

---

(1).— Nguyễn-Kim gửi Ư-Kỷ nuôi Nguyễn-Hoàng từ năm hai tuổi để rảnh tay chạy qua Ai-Lao vận-động sự giúp đỡ của quốc vương xứ này cho con cháu nhà Lê.

(2) Theo Thực-lục, Liệt-truyện và Cương-Mục, *Nguyễn-Hoàng được phong chức Trấn-Tiết, theo* Toàn-thư *là Trấn-thủ.*

thuận cho Nguyễn Hoàng vào trấn-thủ Thuận-Hóa. Phải chăng Kiểm đã lầm lẫn mà thả hổ về rừng, mở đường cho rồng ra biển ? Có phải Kiểm không nghĩ tới cái họa Nguyễn Hoàng ở đất Thuận-Hóa là nơi địa-thế tiện cho việc dụng võ chăng ? Để trả lời những câu hỏi này, xin nói chính ra Trịnh Kiểm không khờ như người ta tưởng Như trên đã nói Kiểm rõ cái họa Uông — Hoàng nên Uông đã chết một cách bí mật. Nếu Kiểm mạnh tay hạ nốt Hoàng thì sao khỏi mang tiếng bất nhân (anh rể giết hai em vợ) với giới sĩ-phu và nhân dân trong nước. Hơn nữa Kiểm còn mắc mưu về tình cảm ; vợ Kiểm còn đó cũng làm cho Kiểm khó thực-hành ý định. Không giết được mà để bên cạnh nách thì là một mối lo. Vì vậy Kiểm thuận cho Hoàng làm Trấn-thủ Thuận-Hóa có ngay cái lợi là nhổ được cái gai trước mắt, về tương-lai có dịp thuận-tiện hơn sẽ tính lại và được thêm một dũng-tướng đặt sát đất Chàm để đối phó với con cháu Chế-Bồng-Nga thường hay quấy nhiễu biên cảnh. Bởi thế nên Trịnh Kiểm chấp-nhận luôn cho Hoàng vào Thuận-Hóa (1) với nhiệm-vụ bình-định, bảo-vệ và thu thuế ở địa-phương này, đồng thời Hoàng phải cộng-tác với Tổng binh Quảng-Nam để cùng giải-quyết mọi vấn-đề ở đây.

---

(1) Thuận-Hóa tức là hai châu Ô và Rí, sau này gồm ba tỉnh Bình, Trị, Thiên và một phần phía Bắc Quảng-Nam. Khi Nguyễn Hoàng đến trọng-nhậm, miền này đã được chia thành hai phủ Tân-Bình và Triệu-Phong, Tân-Bình là đất Quảng-Bình và Quảng-Trị, Triệu-Phong gồm hai phần đất phía Nam của Quảng-Trị gồm Thừa-Thiên và Bắc Quảng-Nam, đã do Chiêm-vương Chế-Mân dâng vua Trần Anh-tông làm lễ cưới Công-chúa Huyền-Trân vào năm 1306. Sau này nhà Trần thất ước đem Huyền-Trân về nước đáng lẽ nàng phải lên đàn-hỏa. Người Chiêm giận đánh lại nhiều phen. Sau đến 1471 vua Lê-Thánh-tông đánh bại được hẳn người Chàm, đất này tuy đã trở thành đất Việt, nhưng Chiêm vẫn thường nổi lên quấy rối.

Người ta nói rằng trong khi có mưu định đi Thuận-Hóa, Nguyễn-Hoàng đã cho người ra Hải-Dương hỏi ý kiến cụ Trạng Trình. Cụ đang đứng ngắm hòn giả-sơn trước nhà và tại đây một đàn kiến đang bò theo chân ngọn núi. Cụ chỉ vào giả-sơn nói : *« Hoành sơn nhất đái, vạn đại dung thân »* (1). Thế là Hoàng yên trí lên đường vào cuối năm Mậu-Ngọ (1558) đời vua Anh-Tông mang theo một số bà con họ hàng và binh sĩ vốn quê ở đất Thanh-Nghệ. Hoàng bấy giờ mới 34 tuổi.

Nơi đồn trú đầu tiên của Nguyễn-Hoàng là xã Ái-tử (sau gọi là khó Cây Khế) thuộc huyện Đăng-Xương, tỉnh Quảng-Trị (2) ở giáp ranh của hai phủ Tân-Bình và Triệu-Phong.

Tại Quảng-Nam bấy giờ cũng có một quan Tổng-binh là Nguyễn bá-Quýnh. Vào năm Kỷ tị (1569) Hoàng ra chầu vua ở An-Tràng, lại sang thăm Trịnh-Kiểm rất là thân thiết. Qua năm sau (1570) trước khi Trịnh-Kiểm chết, Nguyễn bá-Quýnh được triệu về kinh. Quảng-Nam từ đó hợp vào Thuận-Hóa và đặt dưới quyền của Hoàng, định lệ mỗi năm Hoàng phải nộp 400 cân bạc và 500 tấm lụa

---

(1).— Nghĩa là một giải Hoành sơn có thể bao dung cho vạn đời. Cụ Trạng khuyên Hoàng vào Thuận-Hóa để yên thân Và nếu ta để ý đến hai chữ **dung thân** *» thì đủ rõ nhà Nguyễn chẳng làm nên một sự-nghiệp gì đáng kể là oanh-liệt trên lịch-sử.*

(2).— Khi Nguyễn-Hoàng mới đến Ái tử tỉnh Quảng-Trị, lúc đó có nhiều cồn cát, dân địa-phương mang biếu ông bảy vò nước. Ư-Kỷ bảo Hoàng Đó là điềm nhà Chúa được Nước trong khi Hoàng tổ về bỡ ngỡ, Đây là một phong-tục của Ai-Lao thuộc giống Thái có lệ vảy nước vào bạn bè, thân thuộc để chúc hạnh-phúc.

(1). Chuyện này thành-tựu, Hoàng cho người con thứ sáu vào trấn Quảng-Nam, và khuếch-trương mọi việc.

Các sử-sách tới nay chép về Nguyễn Hoàng đều có sự khen ngợi Ông là người khôn ngoan có tài tổ-chức, biết cách trị dân nên được dân chúng mến yêu. Chẳng bao lâu, vùng Thuận-Hóa của Ông trở nên trù-phú, sầm-uất. Sau khi Hoàng vào Thuận-Hóa được một năm hai tỉnh Thanh-Nghệ bị lụt to, nhiều dân ở các vùng lụt đã di-cư vào Thuận-Hóa để nhờ cậy. Hoàng cho đặt các đồn binh dọc theo bờ biển vì lý-do phòng-thủ. Cũng nên nhắc rằng tại đây, Hoàng gặp đủ loại người mà thành phần xã-hội rất là phức tạp ngoài số gia-nhân và những người trung-thành theo Ông từ lâu, Hoàng còn phải dung nạp cả những tay vong mạng, tù đồ, những kẻ thanh-tích bất-hảo và cả những người Chàm thường không hẳn thực-thực lòng qui-phục, lại có cả một số người trước kia đã theo họ Mạc đã có mặt nhiều năm tại địa-phương. Vậy mà Hoàng đã cảm hóa được hết bằng đủ phương pháp cương nhu. Chẳng bao lâu. Thuận-Hóa có chợ búa, phố phường làm ăn vui vẻ và thành một đô-thị được các nước xa gần *(kể cả các nước Tây phương)* đến giao thương và dưới chế độ của Hoàng việc thuế má và sai dịch cũng rất nhẹ nhàng, dễ thở. Do đó Hoàng được dân chúng mệnh danh là chúa Tiên.

Năm Nhâm-Thân (1572), Trịnh Kiểm vừa mất, Trịnh Tùng và Trịnh Cối giành nhau quyền bính như trên đã nói, sau đó Trịnh Cối thua chạy sang hàng nhà Mạc. Lúc này (1571), Mạc động binh

---

(1).— Nguyễn Hoàng ra chầu vua ở An-Tràng, sau đó Tổng binh Quảng-Nam bị triệu về để đất này nhập vào Thuận-Hóa thuộc quyền duy-nhất của Hoàng. Việc này là một sự thu xếp khéo léo mới có thể thành-công, vì như vậy giang-sơn của Hoàng rộng lớn thêm ra và họ Trịnh tất đã không ngờ vực họ Nguyễn có dị-chí.

đánh cả Trịnh lẫn Nguyễn tại Thanh-Hóa và Thuận-Hóa nhân giữa Nguyễn-Hoàng và Trịnh-Tùng có sự xung đột nhưng Mạc không thành công.

Nguyên Trịnh-Tùng vừa nắm được địa-vị thay cha liền khiến ngay Tham-đốc Mỹ-Lương, (Mỹ-Lương là người của huyện Khang-Lộc thuộc phủ Quảng-Ninh tỉnh Quảng-Bình ngày nay) vào thâu thuế ở miền Bắc Thuận-Hóa. Có lẽ Mỹ-Lương được chỉ-thị ngầm (1) đi đánh Nguyễn-Hoàng cùng với hai em là Văn-Lan và Nghĩa-Sơn được lĩnh chức Thủ-vệ. Nhân cơ hội thuận-tiện, bọn này chiếm lấy huyện Võ-Xương (phủ Triệu-Phong, tỉnh Quảng-Trị bây giờ) và Minh-Linh, trong khi Mỹ-Lương do đường núi vượt qua địa-phận Bái Trời và Cam-Lộ tới Ngọa-Kiều cách thành Quảng-Trị bốn cây số về phía Nam. Đây có giòng sông nối Quảng-Trị vào Thừa-Thiên. Rồi hai đạo quân của Trịnh nhất tề đánh vào căn-cứ của Nguyễn-Hoàng.

Nhờ được biết trước kế-hoạch này, Nguyễn-Hoàng cũng chia quân mình làm hai, một giao quyền chỉ huy cho tướng Trương-Trà gốc gác ở Tống-Sơn (cùng quê với Hoàng) đón đánh quân Nghĩa-Sơn Còn một Hoàng thân giữ mặt Ngọa-Kiều. Quân Trịnh bị đánh bất ngờ tan vỡ ngay. Mỹ-Lương bị bắt sống rồi bị chết, doanh trại bị đốt sạch. Còn quân của Trương-Trà gặp quân Nghĩa-Sơn ở trên quan-lộ phía Bắc Quảng-Trị ba chục cây số tại làng Phú-Thị. Quân Nguyễn lúc đầu bị bất lợi vì chủ tướng bị bắn không còn gượng được, đã tính thảo chạy thì vợ Trương-Trà vội mặc quân phục thay chồng chỉ-huy lại thúc quân tiến lên. Người đàn bà này họ Trần và chính

---

(1) Sử của Nguyễn-triều cho rằng vụ Mỹ-Lương đem quân đánh Nguyễn-Hoàng là do mật lệnh của Trịnh-Tùng và cả vụ Lập Bạo nữa. Chính các sử-gia Pháp cũng hay thường nghi ngờ tấm lòng vô tư của các sử gia dòi Nguyễn. Sự kiện này không phải là vô căn-cứ.

bà ta đã chém được Nghĩa-Sơn. Văn-Lan thấy anh tử trận, thế núng đành rút về với họ Trịnh.

Năm Nhâm-Thân (1572) sau khi đánh Thanh-Nghệ vô kết quả (dưới quyền chỉ-huy của Mạc Kính-Điển) thì quân Mạc tiến vào Thuận-Hóa do tướng Lập-Bạo, (tước Quận-công, người Bố-Chính) kêu gọi ; Mạc còn cho 60 chiếc thuyền do hải-đạo vào đóng ở làng Hồ Xá và Lãng-Uyển qua cửa Việt. Theo sách *Việt-Nam khai-quốc* thì lục-quân của nhà Mạc có 1.000 người đi từ Khang-Lộc tới.

Hai bên cách nhau chừng vài cây-số thấy quân Mạc mạnh và thiện-chiến vì đã phải đánh nhiều ở chiến trường miền Bắc, Hoàng liền dụng mưu. Ông kiếm được một cô gái thật đẹp là Ngô-ngọc-Lâm (1) (người là Thế-Lai, huyện Hương-Trà), sai mang vàng lụa sang cầu hòa. Lập-Bạo chịu liền tin rằng Trịnh-Nguyễn xung đột với nhau thì Mạc với Nguyễn đoàn-kết để diệt Trịnh là điều hợp lý và có lợi.

Lập-Bạo không phòng-bị nên lúc đến gặp Nguyễn Hoàng thì bị quân của Nguyễn phục-kích bắn chết. Quân của Lập-Bạo phần chịu hàng được đưa vào khẩn hoang ở vùng Tây-Bắc Quảng-Trị (vùng Bái Trời) lập được thêm 36 làng quanh Cồn-Tiên.

Năm Quý-tị (1593), vào tháng năm, Trịnh-Tùng đuổi được nhà Mạc ra khỏi thành Thăng-Long, nhưng lực-lượng của nhà Mạc còn hoạt-động ở nhiều nơi. Nguyễn Hoàng đem quân-đội ra chúc mừng vua Lê thắng trận và ở lại Bắc-hà luôn 8 năm. Ông lập được nhiều chiến-công nhưng họ Trịnh vẫn không hết nghi ngờ.

Tháng 5 năm Canh Tị (1600), bọn Phan Ngạn, Ngô Đình-

(1) Ngô-thị sau được gả cho một vị quan triều của họ Nguyễn.

Hàm, Bùi văn Khuê nổi loạn chống họ Trịnh. Nguyễn-Hoàng tình nguyện đi chinh-phạt, rồi Hoàng cho đốt doanh trại và đem thẳng quân bản-bộ do đường thủy qua cửa Đại-An về Thuận-Hóa.

Trịnh-Tùng cho binh-sĩ đuổi theo nhưng không kịp,

Về được đến nhà, Hoàng cho đem con gái là nàng Ngọc-Tú ra gả cho Trịnh-Tráng là con Trịnh-Tùng sau đó 5 tháng và đồng thời lấy lời nói khéo dâng biểu xin lỗi vua Lê thế-tông cùng họ Trịnh.

Một điều đáng chú-ý nữa là Hoàng còn để lại tại triều Lê người con thứ năm tên là Nguyễn-Hải và cháu là Nguyễn-Hác (con Nguyễn Hán, là một trong hai người con đã tử trận khi Hoàng giúp Lê đánh Mạc suốt 8 năm qua) không ngoài ý để làm con tin. Việc này tỏ sự khổ-tâm và sự hy-sinh của Hoàng đến bực nào trong khi còn phải nhẫn-nại và bí-mật mài nanh rữa vuốt chờ cơ-hội.

Về vụ khởi loạn của bọn Phan-Ngạn, *Toàn-thư* cho rằng có bàn tay của Hoàng bên trong để Hoàng có dịp thoát về Nam-hà, nghĩa là có thể Hoàng đã súi dục bọn Phan-Ngạn gây rối cho có cơ-hội thi-hành kế-hoạch về Nam của mình.

Việc đốt doanh trại không có ý nào khác hơn là để tỏ cho quân phiến-loạn tin Hoàng cùng chí-hướng, nếu không Hoàng khó lòng mượn được cửa Đại-An mà về Thuận-Hóa, vì nơi này khi đó đang ở trong tay loạn-quân, còn đường bộ trên vùng Sơn-Nam thì thuộc họ Trịnh nắm giữ hết.

Theo nhận-xét của sử-gia C. Maybon mà chúng tôi hoàn toàn đồng-ý, cha con ông cháu Nguyễn-Hoàng trở ra Thăng-Long chuyến này thực ra chẳng phải có ý mừng vua Lê, chúa Trịnh đã thắng Mạc và ở lại 8 năm cũng chẳng do thiện chí nào khác hơn là nghiên-cứu mọi hành-động, mọi chính-sách, các bí-mật quân-cơ của họ Trịnh và tình dân Bắc-hà đối với vua Lê chúa Trịnh.

Nhưng thời-kỳ nghiên-cứu này kéo quá dài là do họ Trịnh đã cố giữ họ Nguyễn ở lại vì nghĩ rằng Trịnh-Kiểm đã lầm thả-hổ về rừng, nay hổ trở ra đồng bằng thì cố nhốt hổ vào cũi sắt mãi mãi.

Như vậy hai bên quả là tri-kỷ của nhau hết sức. Có điều đặc biệt là nhất cử nhất động của Hoàng đều luôn luôn phủ một lớp vàng son nhân-nghĩa vì Hoàng là con người rất sành chính trị, còn họ Trịnh thì có phần kiêu-ngông không coi dư luận sĩ-phu và nhân dân ra gì hết.

Sau khi Hoàng thoát khỏi nanh vuốt của họ Trịnh, Trịnh cho Thiêm-Đô Ngự-sử Lê-nghĩa-Trạch mang một bức tâm-thư vào cho Hoàng. Chúng tôi gọi là bức tâm-thư vì Trịnh-Tùng không lấy danh nghĩa triều-đình mà viết cho Hoàng, trái lại Tùng lấy tình cháu mà gửi thư cho cậu ruột. Bức thư này cũng rất khéo léo, rất chính-trị, đã đề cập đến các vấn-đề dưới đây :

1o) Ca ngợi tài đức của Nguyễn-Hoàng, những tài đức này do tổ tiên là những bậc anh hùng hào-kiệt để lại.

2o) Nêu cái tình thân-mật đặc biệt giữa Hoàng và Tùng nói riêng, giữa hai họ Trịnh, Nguyễn nói chung.

3o) Nói đến sự-nghiệp phục-hưng đất nước, diệt Mạc phù Lê là công lao của hai họ

4o) Nhắc nhở đến điểm Trịnh vẫn luôn luôn đề-bạt Nguyễn vào những chức-vụ quan-trọng trong nước ; ngay cả khi Trịnh dẹp xong Mạc vô cùng vất vả gian lao Hoàng mới ra Bắc mà vẫn được giữ chức lớn (quản-đốc phủ Hà-Trung thuộc tỉnh Thanh-Hóa và 7 huyện thuộc Sơn-Nam với chức Hữu-Tướng)

5o) Trách Hoàng nhân dịp có vụ loạn Bùi văn-Khuê, Phan-Ngạn, Hoàng xin đi đánh rồi bỏ về thẳng Thuận-Hóa. Trong việc này Tùng phàn-nàn Hoàng và có ý ngờ Hoàng bí mật nhúng tay vào vụ

loạn hay đồng-lõa với phiến loạn mà Tùng không dám nói ra một cách quyết liệt.

6o) Khuyến cáo Hoàng kíp sửa đổi những điều lầm lỡ, cho người mang thơ ra xin lỗi vua Lê cũng lo nộp thuế cho Triều-đình để cung-ứng cho các nhu-cầu của nhà-nước, như thế là vẫn giữ được thanh-danh của mình và của tổ-tiên, nếu cứ ngang-ngạnh nhà vua sẽ phải đem quân trị tội, e lúc đó có hối tiếc lại quá muộn».

Rồi Hoàng tiếp được thư này rất niềm nở, hậu đãi sứ giả theo lời Tùng dâng biểu lên vua Lê và đề-nghị kết thông-gia với Tùng như trên đã nói...

Về vấn đề lương thuế giữa nhà Lê và họ Nguyễn, sử chép có những vụ lôi thôi như sau :

Năm Bính-Tuất (1587), Tùng cho Hiến-sát sứ Nguyễn Tạo vào Thuận-Hóa khám xét ruộng đất. Do việc này, ta thấy việc Hoàng đóng góp với Lê-triều bấy giờ có lẽ rất là sơ-khoáng nên từ 1600 tình thế giữa hai họ Trịnh-Nguyễn trở nên rất căng thẳng. Việc thuế cống hẳn là rất thất-thường cho tới 1620 vấn đề thuế má đã thành cớ cho Trịnh đem quân vào hỏi tội Nguyễn.

Có lẽ chúng ta cũng nên hiểu Hoàng phải đóng góp thế nào với nhà Lê ?

Giáo-sĩ Đắc-Lộ (*A. de Rhodes*) đồng ý với sử-sách Việt-Nam rằng thực ra việc Hoàng chối từ không nộp thuế cho vua Lê chỉ là cái cớ cho chúa Trịnh khởi hấn mà thôi. Nguyên nhân vẫn là hai vũ-sĩ cùng đứng trên võ-đài thì chẳng ai nhượng ai bao giờ. Khi Hoàng vào trấn Thuận-Hóa, triều Lê định cho Hoàng phải nộp thuế hàng năm nhưng không thấy nói là nộp những gì. Đến đời vua Lê Thế-tông, Hoàng phải nộp đầy đủ thóc lúa cho kho nhà-nước(1573) ngoài ra phải nộp thêm số tiền lấy ở chỗ thừa của lợi tức là 400 lạng bạc và 500 tấm lụa. Người ta không rõ trước đời vua Thế tông, Hoàng có phải đóng nộp như trên đây hay không và điều người ta biết là

Hoàng luôn luôn kiếm cách thoái-thác trong việc nộp thuế kể trên.

Sử chép rằng nhờ những vụ lộn-xộn giữa hai họ Trịnh, Mạc trên đây Hoàng được rảnh tay để mở mang địa-phương của mình về mọi mặt, chính-trị, kinh-tế, xã-hội và quân-sự.

Với Chàm, năm 1606, Hoàng có mở cuộc giao-hiếu, nhưng việc này không được lâu bền. Hai năm sau, Chàm xua quân vào đất Quảng-Nam bị Hoàng đánh lui sau đó Hoàng chiếm thêm của Chiêm-Thành một phần đất để lập ra tỉnh Phú-Yên, gồm ba phủ dưới đây

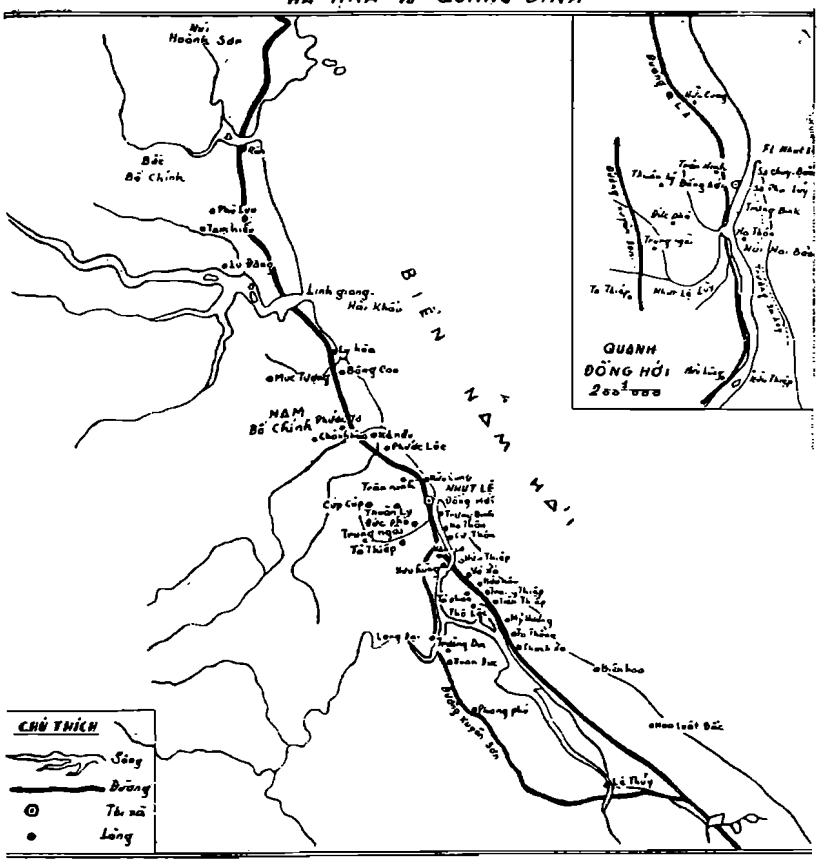
1.— Phủ Thăng-Hoa có 3 huyện	Lê-Giang Hạ-Đông Hi-Giang
2.— Phủ Tư-Nghĩa có 3 huyện	Bình-Sơn Mộ-Hóa Nghĩa-Giang
3.— Phủ Hoài-Nhơn có 3 huyện	Bồng-Sơn Phù-Ly Tuy-Viễn

Sử-gia Pháp C. Maybon còn nói rằng Hoàng thành-công trong việc kiến-tạo giang-sơn và sự nghiệp ở miền Nam nhờ ở bàn tay một số quan-lại và tướng-lãnh miền Bắc đã mến cái đức của Hoàng mà tới. (1)

---

(1) Maybon viết « **Il n'en dégagea pas moins de l'ensemble des faits que le fondateur de la dynastie des Nguyễn fut aimé de son peuple et qu'il sut, par ses qualités morales, s'attacher un certain nombre de mandarins et d'officiers tonkinois qui l'aidèrent puissamment lui et ses successeurs à organiser le royaume naissant.**

HÀ TĨNH và QUẢNG BÌNH



Sao đúng theo bản đồ

Trong Bulletin de l'E.F.E.O

Trang 255 năm 1906 'N° 45(6).B'

Rồi nhờ cái thời gian 55 năm yên ổn từ 1572 đến 1627, họ Nguyễn đã xây dựng được khá nhiều cơ-sở ở Nam-Hà. Ba Tỉnh Quảng-Bình, Thuận-Hóa, Quảng-Nam (1) dần dần trở nên phồn thịnh. Riêng tỉnh Quảng-Bình sau này đã thành một chiến-trường đầm máu luôn 45 năm nếu không được thời gian trên đây để kiến-thiết, bố-phòng thì Nam-hà lấy gì để đương đầu nổi với binh hùng tướng mạnh của miền Bắc? Ảnh hưởng của việc bố-phòng còn đi xa hơn nữa: họ Nguyễn cầm cự nổi đối với họ Trịnh rồi cuộc phân tranh được kết liễu bằng cuộc hòa-hoãn lấy sông Gianh làm phân-giới cho hai vùng Nam-Bắc sau đó họ Nguyễn mới yên tâm để đẩy sâu ngọn cờ Nam-tiến vào đất Chàm và Chân-

---

Chú-thích: *Họ Mạc và họ Nguyễn cũng có vài mối liên-hệ về họ hàng rất mật-thiết: Mạc cảnh-Huống, em Mạc kính-Điển, người đã xua quân vào Thuận-Hóa năm 1569 đem cả gia-đình theo Nguyễn Hoàng. Mạc Kính-Điển lại là em Mạc Phúc-Hải, ông vua thứ ba của triều Mạc (1540-1546) Cảnh-Huống lấy em vợ Nguyễn-Hoàng và giữ địa-vị quan-trọng trong binh-đội Nam-Hà. Rồi do sự môi giới của Cảnh-Huống, Sãi-Vương (con kế vị Nguyễn-Hoàng) lấy con gái Mạc Kính-Điển.*

Mặc dầu có tình bà con thân-mật như vậy mà ba dòng họ Mạc, Trịnh, Nguyễn vẫn xô-xát với nhau kịch-liệt, ngay cả giữa họ Trịnh với con cháu nhà Lê. Thế mới rõ trước những quyền-lợi chính trị, tình-cảm gia-đình có khi gần như vô nghĩa.

(2) Người Âu-châu gọi ba tỉnh này là Haute-Cochinchine, dĩ-nhiên từ Nha-Trang trở vào là Basse-Cochinchine. Xin nhắc rằng đạo Quảng-Nam trước đây do sự sắp đặt của vua Lê-Thánh-tông gồm 3 phủ Thăng-Hoa, Tư-Nghĩa và Hoài-Nhơn

Lạp (1) mở rộng thêm cương-vực cho nước Việt từ Phú-Yên đến vịnh Thái-Lan ngày nay.

B.— Giai đoạn thứ nhì.

Trong giai-đoạn đầu tiên ta thấy Trịnh-Nguyễn chưa ra mặt chống nhau. Cả hai tuy bên trong muốn ăn gan nuốt mật nhau mà vẫn e-dè sự dị-nghị của quốc-dân nên thư đi từ lại vẫn dùng lời lẽ nhân-nghĩa, ôn-hòa. Đôi bên còn tiếp-tục thông-gia với nhau và Trịnh còn đề-nghị thăng tước cho chúa Nguyễn là khác (2) Địa-vị của chúa Nguyễn chỉ kém chúa Trịnh mà thôi. Trịnh được phong Vương còn Nguyễn chỉ đến tước Công là hết (3). Tước của Hoàng tới 1563 là Đoan Quận-công, còn khi Hoàng vào làm Trấn-thủ Thuận-Hóa, Hoàng mới được có chức Thái-phó. Việc này khiến họ Nguyễn rất uất-ức vì Nguyễn nghĩ rằng ít nhất địa-vị của mình phải ngang địa-vị của Trịnh bởi họ Nguyễn chẳng đã có công trung-hưng nhà Lê sao ? Nay Trịnh nắm hết quyền-hành ở triều Lê, tất-nhiên Nguyễn chỉ còn nước trở về Thuận-Hóa mở rộng thực-lực để đạp đổ họ Trịnh một ngày kia thì mọi ước-vọng mới thành-tựu. Quả vậy, lúc này Trịnh tuy không xưng vương mà có khác gì vua, ngang nhiên sinh-sát từ thiên-tử trở xuống, thiên-hạ và triều-đình là của riêng Trịnh thì Nguyễn không còn mảnh đất nào giữa Bắc-Hà để mà đứng.

---

(1) Cuộc Nam-tiến đem lại cho dân-tộc Việt-Nam nhiều vùng đất mới, mầu mỡ tốt tươi, thực ra đã do một tình cờ của lịch-sử vì nếu không có cuộc tranh-hùng của các họ Trịnh, Nguyễn từ thế-kỷ XVI thì đã chắc đâu bóng người Việt đã in hình tại các đồng bãi hay các vùng chân sim bóng đá miền Nam mau lẹ đến thế, tuy rằng việc bành-trướng cương-thổ sớm muộn vẫn phải có vì nhu-cầu sinh sống.

(2) Theo ý chúng tôi thì sở-dĩ hai bên hòa-hoãn với nhau ngoài mặt là bởi những duyên cớ sau đây

Về phía Nguyễn thì cố cầu cho được yên thân, tránh chiến

May nhờ được rảnh rang ngót 60 năm, miền Nam-hà được-xây dựng đầy đủ nên trở nên cường thịnh không thiếu về một phương-diện nào thì sự kình địch, sự ghen ghét giữa họ càng nẩy-nở mạnh lên cho tới năm Canh-Thân (1620) cuộc xung-đột bằng sắt máu bùng ra, không còn cần che đậy nữa,

Trịnh tuyên-bố diệt Nguyễn không phải do thù ghét riêng nhưng vì Nguyễn không tôn-trọng uy-quyền của nhà Lê.

---

tranh để dành thời giờ củng-cố nội-bộ và tu-tạo lực-lượng. Lúc ấy xét ra thực-lực của Nguyễn cũng còn non kém nên chưa dám ra mặt chống lại họ Trịnh.

Về phía Trịnh thì tuy biết rằng Nguyễn là cái mũi nhọn sẽ có ngày đâm vào mình nhưng vẫn phải xoa vuốt Nguyễn vì cái họa Mạc còn chưa yên, miền Bắc còn loạn, Trịnh sợ bị kẹp vào cái thế gọng kìm của Mạc từ Bắc đánh xuống, Nguyễn từ Nam đánh lên. Thêm nữa, cả hai bên Nguyễn, Trịnh đều không dám khởi chiến vì sợ thất nhân-tâm. Trên thực tế thì cả hai đối với nhà Lê đều là có công phù Lê diệt Mạc. Nếu Nguyễn đánh trước thì Trịnh dựa vào Lê mà cho Nguyễn cậy công làm phản. Nếu Trịnh đánh trước thì Nguyễn sẽ nói Trịnh lạm-quyền giết hết công-thần để và mưu-đồ, thoán-nghịch. Đó là nguyên-nhân sự hỏa-hoãn của hai họ Nguyễn-Trịnh vậy.

(2) Trịnh-Tùng tự xưng Bình an Vương. Trong khi này Nguyễn-Hoàng được phong làm Đoan Quận công, Trịnh-Tráng được phong Thanh-đô Vương, Nguyễn Phúc Nguyên được phong Thụy Quận-Công v.v...

Bề ngoài thì vua Lê phong các quan từ họ Trịnh. họ Nguyễn trở xuống như sự thực từ đời Trịnh-Tùng mọi việc lớn nhỏ đều do Phủ-Liêu (phủ Chúa) định-đoạt. Vua Lê chỉ biết nhắm mắt ký vào các sắc chỉ,

Nguyễn cáo-tội Trịnh đã cướp quyền nhà Lê, thì Nguyễn có nhiệm-vụ chinh-phạt kẻ lộng-thần.

Tóm lại, dưới chế-độ quân-chủ và phong-kiến, ông vua là hiện thân, là đại-biểu tối-cao của quốc-gia, các ông chúa tranh giành quyền lợi riêng đều mang Hoàng-gia ra làm bung-xung để có chính-nghĩa phát-động cuộc đồ máu.

Quân-lực của Trịnh, Nguyễn nếu so sánh có khác nhau nhiều. Những giáo-sĩ ngoại-quốc từng ở Việt-Nam thuở đó kể rằng bộ binh của Bắc-hà có tới 100.000 người, 500 thớt voi, 500 chiến-thuyền, mỗi chiến thuyền được ít nhất là 3 khẩu thần-công (đại bác) yểm-hộ. Theo A. de Rhodes, lực-lượng thủy-quân này với sự mau lẹ của hỏa-lực có thể khuất-phục được cả các chiến hạm Âu-châu thường vãng lai trên bờ biển Trung-Hoa thuở đó (1).

Con số kể trên lớn như vậy, thật ra không có nói ngoa vì từ quan đến dân bấy giờ chỉ có việc lo chuẩn-bị chiến-tranh và sống vì chiến-tranh. Mọi việc của triều-đình đều hướng cả vào đấy. Mỗi một vị quan lớn có một thực-ấp gồm một số làng, hàng năm phải nộp thuế để quan nuôi lính. Ngay cả các võ-quan cỡ nhỏ cũng được đặc-quyền này. Còn bổng lộc của binh-sĩ có thể còn trông vào các chiến-lợi-phẩm nữa và cả những phần thưởng bất-thường, nên một số người rất thích đi lính vì những quyền-lợi được hưởng. Ngoài ra, ấp lớn hay nhỏ tùy theo công trạng nên các quan ra công chiêu binh luyện mã để giúp triều-đình.

Về quân-lực của nhà Nguyễn, các sử của ta không thấy nói rõ rệt mà các nhà viết sử ngoại-quốc cũng không đưa ra được

---

(3) — Trong những trang dưới đây có bản biên-khảo về thực lực Bắc-hà và Nam-hà để độc-giả biết qua sức mạnh của mỗi họ chúa. Bản biên-khảo này chỉ có một giá-trị tương-đối vì lực lượng của mỗi bên mỗi thời đều có thay đổi ít nhiều.

những con số nào khả-dĩ chuẩn-đích, người ta chỉ biết rằng Nguyễn ít lính và chiến-thuyền hơn Trịnh bởi sông ngòi ở đây chật hẹp nên chúa Nguyễn không tính đến thủy-chiến chăng? B. Vachet trong cuốn ký-ức-lục về Nam-hà do linh-mục L. Cadière xuất bản năm 1943 (*(Mémoires sur la Cochinchine)* nói tuy vậy trong năm 1674 các chúa Nguyễn có 133 chiến thuyền nhưng chắc là họ Nguyễn lưu tâm đến lục-quân nhiều hơn cả. Các giáo-sĩ cũng nói Nguyễn có tới 40.000 quân chia ra như sau : 15.000 canh phòng biên-giới — 9.000 đặt tại kinh-đô — 6.000 phòng-vệ Hoàng-gia và các thân-vương—10.000 trấn đóng tại các tỉnh.

Nhờ sự giao-dịch với người Bồ-Đào-Nha, có lẽ Nguyễn đã tu chỉnh được một phần nào vũ khí của mình, đóng tàu chiến, đúc súng đại bác và xây thành đắp lũy rất kiên-cố để chống nhau với quân Bắc. Đáng kể nhất là lũy Trường-Dục và thành Đồng-Hới quả đã bảo vệ được miền Nam rất có hiệu-lực, nếu không, với những cuộc tấn công ào-ạt của miền Bắc, tình thế của Nam-hà khó mà giữ vững.

Rường cột của Nam vào thời Trịnh-Nguyễn phân tranh còn vài nhân-vật đáng kể, có tài năng xuất-sắc ngoài Đào Duy-Từ là Nguyễn Hữu-Dật và Nguyễn Hữu-Tiến. Hai ông này thiên về quân sự nhiều hơn, tiếc rằng tiểu-sử của hai ông không được ghi chép nhiều.

Ngnyễn Hữu-Dật sinh quán ở Gia-Miêu, huyện Tống-Sơn, tỉnh Thanh-Hóa, là một nho-gia uyên-bác, có tài ăn-nói, thông-thạo chiến trận.

Nguyễn Hữu-Tiến quê ở làng Vân-Trai, huyện Ngọc-Sơn tỉnh Thanh-Hóa, tinh thao-lược, dùng binh rất có kỷ-luật và là một thượng tướng của Nam-hà, lập nhiều võ công hiển-hách,

Nhờ có mấy vị tướng tài và bề tôi trung-kiên trên đây, việc chính trị và quân-sự Nam-hà được hùng mạnh, lại thêm thành-trì

hào lũy vững-chãi, vũ-khí phong phú, lợi hại, chúa Sãi mới dám ra mặt tranh hùng với họ Trịnh sau này.

TIỂU SỬ ĐÀO DUY-TỪ

Họ Đào sinh năm 1572, người xã Ngọc-Sơn, tỉnh Thanh-Hóa là con ông Đào Tá-Hán làm kép hát (hát bộ) (1), vốn thông-minh đĩnh-ngộ. Theo luật phong-kiến bấy giờ, ai là con nhà tiện-dân như kép hát, mõ, sãi v.v... thì không được triều-đình cho nộp quyển ứng-thi.

Đào phải đổi họ để có thể dự thi, đậu xong hương-cống thì bị phát-giác nên bị tước bỏ. Đào chán nản rời Bắc-hà vào Nam-hà để tìm lối tiến thân cho tới hết thời trung-niên cũng chưa gặp kẻ mắt xanh

Giữa lúc thất thời, như Bách-lý-Hề đời Xuân thu, Đào vào chăn trâu cho một nhà giầu ở Tùng-Châu thuộc tỉnh Qui-Nhơn (Bình-Định). Tại đây có mở một thi-đàn thường có các văn-nhân thi-sĩ địa-phương đến ngâm vịnh và bàn kim luận cổ.

Một buổi, Đào đánh bạo xin dự cuộc họp, được thi thố các điều hiểu biết của mình khiến cử-tọa phải ngạc nhiên trước một kẻ quần nâu áo vá mà tài năng xuất chúng. Trong cử-tọa có quan Khâm-lý Trần Đức-Hòa, bấy giờ cũng là thân-thần của chúa Sãi, thấy Đào có tài ứng-đối, có ý-kiến sâu rộng về thời-cuộc cổ kim nên đem về làm gia-sư và gả con gái cho.

---

(1) Xưa ai làm nghề hát xướng bị dư-luận khinh-thị là xướng ca vô loài nên không được Triều-đình cho phép dự các kỳ thi trong nước. Dưới thời phong kiến mới có sự bất công này.

Sau Trần Đức-Hòa đem bài « NGỌA LONG CƯƠNG VĂN » (xin coi bài *«Ngọa long cương văn»* trang 95) của Đào dâng lên chúa Sãi. Chúa lấy làm xứng ý và tuyển dụng ngay vào chức Nha-úy nội-tán Lộc-khê hầu, kiêm quản các việc quân-dân-chính trong ngoài.

Bấy giờ Đào đã 55 tuổi.

Năm Kỷ-tỵ (1626), Trịnh Tráng muốn xâm nhập miền Nam của chúa Nguyễn bèn dùng kế *« Điệu hổ ly sơn »* là sai Nguyễn Khắc-Minh đem tờ sắc-thư của vua Lê vào phong cho chúa Nguyễn làm Thái-phó Quốc-công và hối chúa ra Đông-đô dẹp giặc.

Chúa Nguyễn bèn hội quần thần lại bàn mưu đối phó. Đào Duy-Từ tâu rằng :

«Đó chẳng qua họ Trịnh mượn sắc-mạng vua Lê để lừa ta ra. Nếu nhận sắc thư mà không ra, ắt kẻ kia đem binh vào đánh, như vậy tất sinh kiềm-khích. Vả lại thành quách của ta chưa bền vững, quân-sĩ chưa thao-luyện, chống với họ Trịnh hẳn không lại. Chi bằng hãy cứ nhận sắc-thư cho họ Trịnh khỏi ngờ vực, rồi gấp sửa sang bờ cõi, sau dùng kế trả lại sắc-thư. Họ Trịnh khi đó dầu có muốn làm gì cũng không được »

Chúa Nguyễn theo lời, nhận sắc thư và hậu-đãi sứ-giả, rồi cho về.

Đào Duy-Từ bèn xin đắp lũy Trường-Dục từ chân núi Trường-Dục đến bãi Hạc-Hải để phòng-thủ bờ cõi và tâu chúa Nguyễn từ rày không nạp thuế cho họ Trịnh nữa. Rồi trước khi chống lại Bắc-hà một cách công khai, chúa Nguyễn theo mưu của Đào-duy-Từ đã trả lại sắc-thư của vua Lê như sau : Đúc một cái mâm đồng hai đáy và dấu sắc-phong vào giữa. Trên cái mâm này sứ-giả của Nguyễn sẽ đặt vàng lụa và quý-vật.

Lại Văn-Khuông ở ty Tướng-thần-lại phụ-trách ra Bắc.

Sau khi chúa Trịnh-Tráng nhận đồ lễ, sứ-giả bí-mật rời khỏi thành Thăng-Long không trở lại lấy mâm, Người ta sinh nghi rồi ngắm nghía cái mâm đồng mới thấy cái mâm có hai đáy, mở ra thấy sắc phong ở đó kèm bài thơ mà chẳng ai hiểu ra thế nào :

Mâu nhi vô dịch

Mịch phi kiến tích

Ái lạc tâm trường

Lực lai tương địch

Thái-Úy Phùng Khắc-Khoan phân tích bài thơ này như sau :

Mâu nhi vô dịch chữ **MÂU** bỏ dấu phẩy thành chữ **DƯ**

Mịch phi kiến tích chữ **MỊCH** bỏ chữ **kiến** thành chữ **BẤT.**

Ái lạc tâm trường chữ **ÁI** làm mất chữ **tâm** thành chữ **THỌ.**

Lực lai tương địch chữ **LAI** đứng ngang nhau với chữ **SẮC.**

Như thế phải hiểu là : DƯ BẤT THỌ SẮC (ta không chịu phong).

Chúa Trịnh giận lắm định xuất quân ngay nhưng vì có quân Mạc hoạt-động ở Hải-Dương và Cao-Bằng nên đành nán lại.

Sãi-Vương còn khiêu-khích thêm là xua quân đánh Nam Bố-Chính và năm sau (1631) cho xây một bức thành thứ hai tức

là thành Đồng-Hới.(*Đồng-Hới (tỉnh-lỵ tỉnh Quảng-Bình) chính tên là Động-Hải (động là hang, hải là biển ; động-hải tức là hang biển). Chúng ta ước-đoán rằng núi Ông-Hồi và khe Động-Hải là những địa danh xưa nhất đã phát-sinh ra địa-danh Động-Hải, mà người Tây-Phương đã viết ra Denghei, rồi người Việt đọc là Đồng-Hới*). Với những trang dưới đây ta hiểu biết việc xây dựng của Đào-Duy-Từ lợi hại thế nào.

Ngoài thành-tích xây thành đắp lũy đáng kể là vĩ-đại, Đào Duy-Từ còn giúp chúa Nguyễn đặt ra phép tuyển-duyệt để kén quân tráng, lập ra phép khảo-thí thâu-lượm nhân-tài, phục-vụ được 8 năm huân-công rỡ ràng, thọ được 63 tuổi. (Có sách nói rằng Đào đã có phen làm mưu-sĩ tại Bắc-hà sau có điều không vừa ý mới bỏ vào Nam).

NGỌA LONG CƯƠNG VÃN

(Bài này thuộc bản dịch của ông Nguyễn-Quỳnh, tác-giả cuốn lịch-sử tiểu thuyết nhan đề là « Lũy thầy *» .)*

Ngẫm đời trước tranh hùng bầy nước,
Tần Thủy-Hoàng thao-lược ai bì ?
Muốn binh vượt cõi biên-thùy
Gồm thâu thiên-hạ trị vì giang-sơn.
Bởi chính-sách vua Tần khắc khổ,
Khiến lê-dân chẳng chỗ yên vui.
Nho-sinh đánh đập chôn vùi,
Thương-gia phú-hộ ngậm ngùi thuế cao.
Non nước đẫm máu đào vô tội,

Chốn lao tù lắm lội xương khô.
A-phòng gái đẹp nhởn nhơ,
Thôn quê rầu rĩ xác xơ võ vàng.
Hội dân chúng Lưu-Bang khởi nghiệp,
Một lưỡi gươm quyết diệt nhà Tần.
Ngôi trời truyền bốn trăm năm,
Bốn phương thịnh-trị toàn dân thái-hòa.
Giặc khăn vàng can qua quấy rối,
Khiến anh hùng vùng trỗi khắp nơi.
Trung-nguyên Tào-Tháo gặp thời,
Giang-san, Tôn-sách điềm trời tam phân.
Đất Tây-Xuyên riêng phần Lưu-Bị,
Bởi không người chỉ dẫn đường ngay.
Long-đong nương náu qua ngày,
Khi vui Viên-Thiệu lúc say họ Tào.
Ngọa-Long-Cương ngồi cao tính số,
Tài Khổng-Minh thông-cổ đạt-kim,
Đợi chờ chân chúa đến tìm.
Nằm nơi lều cỏ ngắm nhìn non xanh.
Thấy nghiệp Hán tan-tành nghiêng ngả,
Muốn ra tay xếp đá xây nền,
Triều-đình quan lại ươn-hèn.
Nào ai còn muốn bon-chen vào vòng ?
Buồn thay lũ chim lồng cá chậu,
Huênh-hoang phường củ đậu cành mai.
Ngựa xe mũ mãng cân-đai,
Mua danh bán tước khoe tài kinh-luân.
Ngẫm thế sự muôn phần chán-ngán,

Tìm non xanh vui hẹn tháng ngày.
Bụi trần chẳng gợn mảy may,
Xem hoa cười gió, xem mây lững lờ.
Tạm ẩn bóng đợi chờ tri-kỷ,
Hỏi rằng ai lập chí bá vương ?
Long-Trùng chốn ấy đã tường,
Cầu hiền, chân chúa tìm đường đến mau.
Nay tuy phải trồng rau cuốc đất,
Nhưng có ngày cờ phất trên yên.
Tài cao đâu chịu sống hèn,
Giúp vua lo giữ vững bền non sông.

TIỂU-SỬ CỦA PHÙNG-KHẮC-KHOAN

Trên đây chúng ta đã được hiểu biết thân-thế và sự-nghiệp của cụ Trạng Trình tức Nguyễn Bỉnh-Khiêm là một danh-thần đời Mạc.

Nguyễn Bỉnh-Khiêm ra phò triều Mạc lúc đó đã vào buổi cao niên và con người tiên-tri ấy đến với họ Mạc không phải là một sự ngẫu-nhiên. Chúng ta cũng có thể nghĩ rằng cụ Trạng Trình cũng muốn đem tài khang-tế của mình ra giúp Mạc để thay đổi thời-thế để làm nên sự-nghiệp trị-loạn cũng như trị-bình nhưng rồi việc chẳng vừa lòng, hoặc nói lối duy-tâm, vận-hội của họ Mạc không thể tiến phát hơn, cụ phải rũ áo đứng dậy tuy lòng còn lưu luyến rất nhiều đối với quốc-sự.

Cùng thời đó ông Phùng Khắc-Khoan tục gọi là Trạng Bùng, tự là Hoằng-Phu, hiệu là Nghi-Trai (quê ở Phùng-Xá, tổng Thạch-Thất, tỉnh Sơn-Tây) là anh em cùng mẹ khác cha với cụ cũng là một nhân tài thông minh lỗi lạc nổi danh về văn-học từ

20 tuổi và xuất đầu lộ diện giữa cái thế tam phân thiên-hạ của quốc-gia Việt-Nam thuở đó.

Ông từng quan-niệm dùi mài kinh-sử không phải là để thông thạo hư văn rồi do đó giành lấy phần công danh phú quý một cách vị-kỷ. Trái lại ông chỉ có ước-vọng đem cái sở-học của mình ra giải-quyết các vấn-đề dân-sinh, quốc-kế, nên ngoài việc nghiên-cứu thiên-văn, địa-lý, binh-thư, thuật-số, ông còn để ý cả đến việc nông tang, công nghệ.

Nhờ sự học khác người này, ông soạn được cuốn « *Nông sự tiện lãm* », tiếc rằng sách này sau bị thất lạc nên không còn lưu truyền được đến hậu-thế do nhiều cơn binh-hỏa đã bùng ra liên miên trong đời bấy giờ.

Thày học của ông không ai khác hơn là cụ Trạng Trình thường cùng ông bí-mật luận đàm quốc-sự. Biết rằng nhà Mạc không oanh-liệt mãi được và nhà Lê có cơ trung-hưng, một đêm cụ Trạng-Trình đến gõ cửa nhà ông nói : « *Gà đã gáy, trời đã sáng, sao không dậy, còn ngủ mãi ?* ».

Khắc-Khoan hiểu ý liền sửa soạn vào Thanh-Hóa giúp vua Lê. Khi tới bái biệt, Khắc-Khoan không thấy ảnh nói gì chỉ thấy khi mình trở ra cụ Trạng Trình cuốn chiếu ném theo.

Khắc-Khoan biết đấy là lời dặn bảo về chiến-thuật giúp Lê đánh Mạc khi thắng nên thừa thế tràng khu như cuốn chiếu vậy.

Vào dịp này triều-đình nhà Lê đang mở khoa thi hương để thâu nạp nhân tài. Ông nạp quyển và đậu thủ-khoa.

Lệ thường có tân khoa được vào trình diện Thái-sư Trịnh-Kiểm. Khắc-Khoan được chúa hỏi về tình hình Đông-Đô (Thăng-Long) ; mọi lời trình bày của Khắc-Khoan đều tỏ ra có nhiều nhận xét sâu-sắc về thời-vụ nên Trịnh-Kiểm có ngay nhiều cảm tình đối với Khoan.

Trịnh-Kiểm nói riêng với Lê Bá-Kỳ là kẻ thân cận rằng : « Nếu ta được Khắc-Khoan sớm hơn hẳn việc trung-hưng đã xong từ mấy năm trước rồi ». Rồi Kiểm dùng Khắc-Khoan vào chức Ngự-doanh Ký-lục, luôn luôn mang theo trong các dịp quân-thứ. Khắc-Khoan được dịp thi-triển tài năng và tỏ ra rất đắc lực nên mỗi ngày được trọng đãi thêm do đó khiến nhiều kẻ thủ-hạ của Kiểm sinh ghen ghét tìm cách dèm pha. Song Kiểm sáng suốt đã trả lời những kẻ xấu bụng : « Khoan là Trương Tử-Phòng của ta, trung thành mẫn cán hay không chỉ riêng ta biết, các ngươi nông cạn hiểu sao được ! »

Năm 1580 Nam-triều mở khoa thi Hội. Ông cũng dự thi và đỗ Nhị-giáp tiến-sĩ tức Hoàng-giáp, bấy giờ ông đã 53 tuổi.

Sau này (1592) Mạc bại, vua Lê trở về Thăng-Long, Khắc-Khoan được cử đi phủ-dụ nhân dân, trăm họ tin lời đâu lại về đấy làm ăn như cũ. Vua phong cho ông chức Binh-khoa Cấp sự-trung rồi thăng Lễ-bộ Cấp sự.

Nhưng có một lần vì lời ngay lẽ thẳng trái ý vua, ông bị cất chức và đầy ra thành Hà-Nam ở phủ Tương-Dương (?). Buồn nỗi nỗi chìm thế-sự, ông có làm một bài ca bằng quốc-âm kể truyện Ngư-phủ nhập Đào-Nguyên than nỗi oan tình nhưng vẫn tỏ ra nặng lòng trung-ái với vua với nước.

Bài ca của ông rất hay cả lời lẫn ý được nhiều người truyền tụng đến tai vua, ông lại được hồi kinh phục chức.

Năm Đinh-Dậu, hiệu Quang-hưng thứ 20 (1597) đời Lê Thế-Tông, ông đã 70 tuổi được cử làm chánh sứ sang Yên-Kinh cầu phong cho nhà vua.

Bấy giờ nhà Minh còn nặng cảm tình với nhà Mạc, sứ-bộ nhà Lê bị quan lại của nhà Minh gây sự khó dễ ngay khi vừa tới cửa Nam quan. Khắc-Khoan phải trổ tài ăn nói, lui tới khéo léo ròng rã một tháng trời mới vượt được qua biên-cảnh. Rồi sau ba tháng lặn ngòi nơi nước, sứ-bộ mới đến Yên-Kinh.

Các cống-phẩm đưa vào Bộ Lễ, hết thảy được thâu nhận duy có người vàng thì bị khước từ vì quan Tàu cho là vi-thức (*không hợp lệ*). Căn nguyên việc nộp người vàng đã có từ đời vua Thái-Tổ, các bạn đã rõ. Theo cách thức của Tàu đã định để triều Lê theo, thì người vàng phải đứng ngay ngắn và ngửa mặt. Tới nhà Mạc chiếm ngôi nhà Lê, nhà Minh bắt đúc người vàng cúi mặt cong lưng để tỏ ý tạ tội, Nhà Mạc phải chịu cho êm truyện. Nay nhà Lê, trung-hưng dâng người vàng như cũ, bọn quan Tàu không nhận rồi không cho sứ vào bệ-kiến.

Khắc-Khoan phải ra công biện-bạch mãi mới xong rồi nhân gặp lễ Vạn-thọ của vua Minh, đình-thần và sứ-giả các nước được lệnh mỗi người dâng lên một bài thơ. Khác hẳn người ta, Khắc-Khoan làm một lúc 36 bài, ý hay lời khéo khiến Minh Thần-Tông nhiệt liệt ngợi khen, phê vào tập thơ : « HÀ ĐỊA BẤT SINH TÀI ? » nghĩa là đâu mà chẳng có người giỏi rồi đặc cách phong ông làm Trạng-Nguyên. Do việc này khi trở về ông được gọi là Trạng Bùng tuy ở nước nhà ông chỉ đỗ có Nhị-giáp tiến-sĩ.

Còn việc cầu phong cho Quốc-vương, ông không được như ý vì vua Minh nhất định chỉ phong cho vua Lê chức An Nam Đô-thống-sứ, hàm quan nhị-phẩm của Minh-triều. Ông không chịu nhận sắc-thư nói rằng « Đô-thống-sứ là chức cũ của họ Mạc, chứ vua Lê thuộc dòng chính-thống cũng phong theo chức đó thì thật không xứng... ».

Vua Minh an ủi: « Tuy Mạc không ví được với Lê nhưng cứ nhận tạm chức này, sau sẽ phong vương cũng không muộn... »

Ra về ông được vua Minh thưởng cho một kim-tiền và quan phó-sứ Nguyễn Nhân-Thiêm được một đồng Ngân-tiền, niên-hiệu Vạn-lịch có khắc 4 chữ : « VẠN LỊCH THÔNG BẢO » để đeo. Về đến quán-dịch ông cởi bỏ đồng Kim-tiền, vứt xuống đất nói

— « Vua Tàu coi rẻ vua mình không chịu phong vương như thế giữ vật này làm gì cho nhục ! »

Quan Phó-sứ nhặt lấy đáp :

— « Vua Minh còn thiên về họ Mạc, ta nghịch với họ thì tránh sao khỏi cuộc binh đao, thì đành chịu nhục vậy. Nếu việc ông ném đồng Kim-tiền đến tai vua Minh thì hai ta khó lòng mà về được nước. Ông nên nguôi giận là hơn. Tôi xin giữ cả hai đồng tiền để chung vào một cái hộp làm kỷ-niệm cho việc đi sứ, ông nghĩ sao ? »

Khắc-Khoan cười : « — Ông muốn giữ để mà chơi thì cứ việc giữ, nhưng về nước mà đeo thì chẳng đẹp đâu !

Tục truyền việc này lọt vào tai vua Minh, họ liền ra cho Khắc-Khoan một vế câu đối có ý khiêu-khích thêm :

« ĐỒNG TRỤ CHÍ KIM ĐÀI VỊ LỤC »

(Cột đồng đến nay rêu chửa xanh, có ý nhắc truyện Mã-Viện đánh bại chúng ta chưa xa).

Ông liền trả lời ngay :

« ĐẰNG-GIANG TỰ CỔ HUYẾT DO HỒNG » (1)

(Sông Đằng từ xưa máu còn đỏ, nhắc chuyện Ngô-Quyền đánh tan quân Nam-Hán, Trần-Hưng-Đạo tiêu-diệt quân Nguyên trên con sông Đằng). Người Minh tức lắm nhưng cũng phục ông có kỳ tài và gan dạ. Họ thấy ông thông minh đặc-biệt nên tìm hết cách ngăn ông đem những sách lạ của họ về bên An-Nam nhưng ông lại còn có cái trí nhớ bằng mắt nên ông vẫn học được của họ vài việc dưới đây :

---

(1) Trong V.S.T.B. quyển 1 nói về câu đối này được đặt ra do Trạng-nguyên Mạc Đĩnh-Chi. Nay xin đính-chính là của Trạng Bùng và xin sửa về :

Trong lúc ông đi thăm các đô-thị của Tàu, ông có được đi ngang đất Thục (tức là tỉnh Tứ-Xuyên bây giờ) thấy dân Tàu dệt lụa. Ông xem máy móc và kỹ-thuật ươm tơ, dệt lụa của họ. Trở về ông truyền bảo cho dân làm Phùng-Xá mọi cách thức nhờ vậy mà làng của ông có được nghề dệt the, lụa và trở nên rất thịnh-đạt.

Ông lại còn để ý đến việc trồng tỉa của Trung-Quốc, thấy có hai thứ cây mà bên ta không có là cây ngô và cây vừng (mè). Hai thứ nông-sản này dùng làm thực phẩm để nuôi dân rất quý.

Ông bỏ tiền định mua một ít để làm giống nhưng có lệnh vua Tàu cấm bán cho sứ-giả Việt-Nam bất cứ thứ gì, vậy mà ông cũng vẫn dấu được một ít hạt đem về nước tuy qua cửa Nam-quan việc khám xét của Tàu rất là kỹ-lưỡng.

Sau này hai thứ nông-sản kể trên được sinh xôi nảy nở khắp mọi nơi, mỗi ngày một có nhiều, dân có thêm thức ăn và được một mối lợi lớn ở thôn quê.

Ông chết đi, Phùng-xá dựng đền thờ coi ông là tổ nghề dệt và nghề trồng ngô, trồng vừng.

Xét sự-nghiệp của ông từ trẻ đến già, ai mà không nhận thấy ông là người trí-thức có những quan-niệm rất thực-tế để giúp dân, giúp đời. Đóng vai sứ-giả, ông bảo-vệ được phong-thổ quốc-gia, ông lại có đầu óc mở mang nông-nghiệp, kỹ-nghệ để nhân dân rộng đường sinh hoạt.

Nếu ở nước ta những người cầm đầu biết trọng thực-học, khinh hư văn và hư-danh thì nhân dân đâu đến nỗi phải lầm than, túng đói trong bao nhiêu thế-kỷ.

Đồng trụ chí kim dài DĨ lục, ra : Đồng trụ chí kim dài VỊ lục cũng xin tạm dịch ra nên bằng hai câu thơ lục bát như sau

Cột đồng rêu vẫn chưa xanh
Sông đằng lự cổ còn tanh máu thù

CÁC VUA CHÚA TRONG THỜI

NAM - BẮC PHÂN TRANH

(1600 – 1786)

Lê-kính-Tông (1600-1619)

Niên hiệu : Thận-đức (1600)

Hoằng-định (1601-1619)

— Húy là Duy-Tân. con vua Thế-Tông

— Làm vua đến năm Kỷ-mùi (1619) thì bị Trịnh-Tùng bắt thắt cổ chết.

— Ở ngôi được 20 năm,

— Thọ được 32 tuổi.

Trịnh

Bình-an-Vương Trịnh-Tùng (1570-1620)

Trịnh-Tùng tranh quyền của anh là Trịnh-Cối, nối nghiệp cha và đã thành công trong việc đánh nhà Mạc ra khỏi Thăng-Long, lập nên nghiệp chúa ở Bắc-hà nhưng bề ngoài vẫn tôn phù nhà Lê.

Nguyễn

Đoan-quận-Công Nguyễn-Hoàng (1600-1613)

Được truy tôn là Thái-Tổ Gia-dụ Hoàng-đế, dân chúng gọi là chúa Tiên do cảm-tình. Ông là con thứ hai của Nguyễn - Kim vào trấn - thủ Thuận-hóa rồi cát-cứ ở đất này để xưng chúa, biệt-lập

đối với chính quyền Bắc-hà. Ông lấn đất Chiêm-Thành, đặt ra phủ Phú-yên rồi mất năm Quí-sửu (1613) thọ 89 tuổi.

Thụy-quận-Công Nguyễn-phúc-Nguyên (1613-1635)

Được truy tôn là Hi-tông-Hiếu văn Hoàng-đế, đương thời gọi là chúa Sãi.
Ông là con thứ 6 của Nguyễn-Hoàng.

Lê-thần-Tông (1619-1643)
Niên hiệu : Vĩnh-tộ (1620-1628)
Đức-Long (1629-1634)
Dương-Hòa (1655-1642)
— Húy là Duy-Kỳ, con vua Kính-Tông
— Làm vua 2 phen, phen thứ nhất từ 1619-1643 rồi nhường ngôi cho Thái-tử lên làm Thái-thượng-hoàng.

Trịnh

Trịnh-Tùng mất năm Quí-hợi (1623)

Nguyễn

Nguyễn - Phúc - Nguyên chống nhau với họ Trịnh ở Quảng-Bình (Quảng - Bình trở vào Thuận-hóa từ đời chúa Nguyễn-Hoàng được mệnh danh là Nam-hà) và mất năm Ất-hợi (1935) thọ 73 tuổi.

Thanh-đô-Vương
Trịnh-Tráng
(1623-1657)

Miếu-hiệu : Văn-tổ nghị-vương
— Kế tiếp Trịnh-Tùng
— Đánh nhau với nhà Mạc tại Cao-Bằng và khởi sự diệt Nguyễn ở Quảng-Bình.

Nhân-quận-Công
Nguyễn-phúc-Lan
(1635-1648)

Truy-tôn Thần-Tông Hiếu-Chiêu Hoàng-đế, đương thời gọi là Chúa Thượng. Ông là con thứ hai của Sãi Vương, đánh nhau với Trịnh ở Quảng-Bình.

Lê-chân-Tông (1634 - 1649)

Niên-hiệu : Phú-Thái

Húy là Duy-Hựu, con vua Thần-Tông, làm vua được 6 năm, thọ 20 tuổi. Trong đời ngài, nhà Minh bên Trung-quốc thất thế chạy xuống miền Hoa-Nam có sai sứ phong ngài làm Annam quốc-vương.

Trịnh

Trịnh-Tráng giao tranh với Nam-hà như các đời trước.

Nguyễn

Nguyễn-Phúc-Lan mất năm Mậu-tí (1648) thọ 48 tuổi.

Dũng-quận-Công
Nguyễn-phúc-Tần
(1648-1687)

Truy tôn là Thái Tông Hiếu triết Hoàng-đế, đương thời gọi là Chúa Hiền.
— Đánh nhau với Trịnh, có phen đã tiến ra tới Nghệ-An.

— Chiếm thêm đất Chiêm lập ra phủ Ninh-Hòa và Diên-Khánh (tức Nha-Trang ngày nay).

Lê-thần-Tông (1647-1662)

Niên - hiệu	Khánh - đức (1649-1652)
Thịnh-đức	(1653-1657)
Vĩnh-thọ	(1657-1661)
Vạn-khánh	(1662.....)

Trịnh

Nguyễn

Vua Chân-Tông mất đi không người kế-tự, Trịnh Tráng lại vời vua Thần-Tông ra cầm quyền. Với lần thứ hai này vua Thần Tông trị vì thêm 13 năm thì mất, Ngài thọ được 56 tuổi,

Trịnh-Tráng mất năm Đinh Dậu (1657)

Tây-Vương Trịnh-Tạc (1657-1681)

Miếu-hiệu : Hoằng-tổ Dương-vương, đánh nhau với Mạc ở Cao-Bằng. Tự bãi lệ vào chầu vua không lạy, sớ tấu không viết tên, đặt giường ngồi ở bên tả ngai vua, lộng quyền, hống hách ra mặt.

Lê Huyền-Tông(1663-1671

Niên-hiệu : Cảnh-trị

Húy là Duy-Vũ, con thứ của vua Thần-Tông, từ đời Ngài Đại-Việt bắt đầu thông-sứ với nhà Thanh và cấm đạo Thiên-Chúa. Ngài làm vua được 9 năm thọ 18 tuổi.

Trịnh

Trịnh-Tạc

Nguyễn

Nguyễn-phúc-Tần

(Chúa Hiền)

Lê-gia-Tông (1672-1675)

Niên - hiệu Dương - Đức) (1672-1673)

Đức-Nguyên (1674-1675)

Húy Duy-Hội, con thứ ba vua Thần-Tông, được Trịnh-Tạc nuôi từ năm lên hai, sau khi Thần-Tông qua đời, Khi Huyền-Tông mất không có con. Trịnh-Tạc lập ngài lên làm vua. được 4 năm thì hết số, thọ 15 tuổi.

Trịnh

Trịnh-Tạc

Lê - hi - Tông (1676-1705)

Nguyễn

Nguyễn-Phúc-Tần

Niên - hiệu Vĩnh - trị (1678-1680)

Chính - hòa (1680-1705)

Húy là Duy-Hợp, con thứ tư vua Thần-Tông.

Bà mẹ họ Trịnh khi có thai được 4 tháng thì Thần-Tông mất. Sau này cũng như anh, Duy-Hợp được Trịnh-Tạc mang về Vương-phủ nuôi. Gia-Tông mất không có con ; ngài lên làm vua được 29 năm rồi truyền ngôi cho thái-tử.

Trịnh

Trịnh-Tạc mất năm Nhâm-tuất (1682)

Định-Vương Trịnh-Căn (1682-1709)

Miếu-hiệu Chiêu-tổ Khang-Vương, Trịnh-Căn giữ ngôi chúa được 28 năm thì qua đời. Kế vị Trịnh-Căn là cháu huyền-tôn Trịnh-Cương.

Nguyễn

Nguyễn-phúc-Tần mất năm Đinh-mão (1687) thọ 68 tuổi.

Hoằng-quốc-Công Nguyễn-phúc-Trăn (1687-1691)

Truy-tôn là Anh-Tông Hiếu-nghĩa Hoàng-đế, đương thời gọi là Chúa Nghĩa.

Lập phủ Chúa ở Phú-Xuân tức Huế sau này. Mất năm Tân-mùi (1691) thọ 43 tuổi.

Tộ-quốc-Công Nguyễn-phúc-Chu (1691-1752)

Truy tôn là Hiến-tông Hiếu-Minh Hoàng-đế — đương thời gọi là Quốc chúa.

Nguyễn-phúc-Chu lấy một phần đất của Chiêm-Thành

tức tỉnh Bình-Thuận ngày nay mở thêm lĩnh thổ vào Gia-Định, Hà-Tiên của Chân-Lạp.

Lê-dụ-Tông (1706 - 1729)

Niên-hiệu : Vĩnh-thịnh (1706-1719)

Bảo-Thái (1720-1729

Húy là Duy - Đường không được lòng Trịnh-Cương nên bị cưỡng - bách nhường ngôi cho con là thái-tử Duy-Phương Làm vua được 24 năm. Mất năm Tân - hợi (1731) thọ 52 tuổi.

Trịnh

Trịnh-Căn mất năm Kỷ - sửu (1709)

An-đô-Vương Trịnh-Cương (1706-1729)

Miếu - hiệu : Ni - tổ Nhân-Vương. Mất năm Kỷ - dậu (1729)

Nguyễn

Nguyễn - phúc - Chu mất năm Ất - tị (1725) thọ 51 tuổi. Khắc hẳn các tiên chúa, Nguyễn-phúc-Chu có tới 146 người con.

Đinh-quốc-Công Nguyễn-phúc-Trú (1725-1738)

Truy-tôn là Túc-tông Hiếu-minh Hoàng - đế tiếp tục việc khai thác và bảo - hộ nước Chân-Lạp.

Lêduy-Phương (1729-1732)

Niên-hiệu Vĩnh-Khánh

Duy - Phương là một ông vua xấu số như nhiều vị tiên - đế của nhà Lê, làm vua được 3

năm thì bị Trịnh-Giang vu cho tư thông với vợ Trịnh-Cương phải truất ngôi, giáng xuống là Hôn-đức-Công rồi bị giết vào năm Nhâm-tí (1732)

Trịnh

Trịnh-Cương mất

Uy - nam - Vương Trịnh-Giang (1729-1740)

Miếu - hiệu Dụ - tổ Thuận-vương

Trịnh-Giang là một ông chúa ham xa xỉ và tàn ác đặt nhiều thuế khóa và làm thất nhân tâm, vì vậy trong nước xảy ra nhiều việc rối ren đói khổ.

Từ Trịnh-Giang cơ nghiệp của nhà chúa ở Bắc-hà bắt đầu suy sụp.

Nguyễn

Nguyễn-phúc-Trú

Lê-thuần-Tông (1732-1735)

Niên-hiệu Long-Đức

Húy là Duy-Tường, con vua Dụ-tông đã được làm Thái-tử trước Duy-Phương. Sau Duy-Phương bị bỏ, ngài lại được lập lên để thay. Mất vào năm Ất-mão (1735) thọ được 37 tuổi.

Trịnh-Giang Nguyễn-phúc-Trú

Lê-ý-Tông (1735 - 1740)

Niên-hiệu : Vĩnh-Hựu

Húy là Duy-Thìn cũng là con của Dụ-Tông. Trịnh-Giang bỏ con vua Thuần - Tông mà lập ngài, nhưng 5 năm sau (Canh-thân 1740) ngài bị Trịnh-Doanh bắt nhường ngôi cho con vua Thuần-Tông rồi lên làm Thái-Thượng Hoàng. Mất năm Kỷ-mão (1759) thọ 41 tuổi.

Trịnh-Giang bị đảo chính năm Canh-thân (1740) lên làm Thái-thượng-vương. Em là Trịnh-Doanh lên thay.

Nguyễn-phúc-Trú mất năm Mậu - ngọ (1738) thọ 43 tuổi.

Trịnh

Minh - độ-Vương Trịnh-Doanh (1740-1767)

Niên-hiệu : Nghị-tổ Ân-vương Trong thời Trịnh-Doanh lên làm chúa, Bắc-hà bị nhiều cuộc cách mạng của nông-dân nên phải đi đánh dẹp liên miên.

Nguyễn

Võ-Vương Nguyễn-Phúc-Khoát (1738-1765)

Truy-tôn là Thế-tông Hiếu-võ Hoàng-đế. Nguyễn Phúc-Khoát cũng tiếp tục sự-nghiệp của ông cha ở Gia-định.

Lê-Hiển-Tông (1740-1786)

Niên-hiệu Cảnh-hưng

Húy là Duy-Đào, con vua Thuần-Tông. Tính tình nhu nhược, chịu khuất phục nhà Chúa nên ở ngôi được nhiều nhất (46 năm). Thọ 70 tuổi.

Trịnh

Trịnh-Doanh mất năm Đinh-hợi (1767)

Tĩnh-đô-VươngTrịnh-Sâm (1767-1782)

Miếu-hiệu : Thánh-tổ Thịnh-vương. Trịnh-Sâm dẹp xong các vụ loạn-ly ở Bắc-hà rồi vào chiếm được Thuận, Quảng của họ Nguyễn. Trong gia-đình có nhiều lục-đục do việc bỏ trưởng lập ấu,

Từ đời Trịnh-Sâm bọn kiêu binh ngày một lộng hành thêm rồi do chúng mà ngai vàng nghiệp bá của vua chúa bị nghiêng đổ trước cơn gió lốc Tây-Sơn. Mất năm Nhâm-dần (1782)

Tôn-đô-Vương Trịnh-Cán

Làm chúa được hai tháng thì bị cuộc đảo chính của Kiêu-binh

Nguyễn

Võ-vương Nguyễn-Phúc-Khoát xưng vương-hiệu năm Giáp-tí (1744) và mất năm Ất-dậu (1765). Từ Nguyễn-Phúc-Khoát các chúa Nguyễn bắt đầu lấy vương-hiệu.

Định-vương Nguyễn-phúc-Thuần (1765-1777)

Truy tôn là Duệ-tông Hiếu định Hoàng-đế.

Lên làm chúa giữa năm 12 tuổi. Vì quá non nớt nên mọi quyền hành đều lọt vào tay Tả-ngoại Trương-phúc-Loan. Nam-hà lúc này bị tệ chính nên nhân tâm ly tán, do đó Tây-Sơn dấy nghiệp. Định-Vương phải chạy vào Gia-Định sau bị Nguyễn-Huệ bắt được và giết đi. Thọ 24 tuổi.

Trịnh-khải được tên lên làm Chúa.

Đoan-nam-Vương Trịnh-Khải (1783-1786)

Lên làm chúa được ít lâu thì bị Tây-Sơn ra Bắc-hà. Một người dân làng Hạ-Lôi (tỉnh Phúc-Yên) bắt nộp cho Tây-Sơn, Khải móc ruột tự vẫn, chết năm 1786.

Lê-mẫn-Đế (1781 - 1788)

Niên-hiệu : Chiêu-Thống

Mẫn-Đế là cháu đích tôn vua Hiền-Tông, được kiêu - binh lập lên. Bị quân Tây - Sơn đánh thua chạy sang cầu viện Thanh - triều. Quân cứu viện của Tàu sang giúp cũng thất bại. Chiêu-Thống trở qua Bắc Kinh thấy mình bị bỏ rơi buồn phiền rồi chết ở đấy.

Chiêu-Thống là ông vua cuối cùng và bạc phước nhất của dòng họ Lê.

Trịnh

Ân-đô-Vương Trịnh-Bồng

Sau lần thứ nhất, quân Tây-Sơn ra Bắc-hà rồi trở về thị

Nguyễn

Nguyễn - phúc - Ánh

Bị Tây-Sơn đánh đuổi nhiều phen ra khỏi nội địa, Việt-Nam

Trinh. Bồng nhờ bọn tay chân cũ họ mình phù tá tự động lên làm chúa.
Bồng lại lộng quyền như ông cha nên vua Chiêu Thống triệu Nguyễn hữu Chỉnh ra diệt.

Bồng thua trận rồi chạy lên Lạng-Sơn bỏ đi tu và mất tích từ đó.

sau nhờ Giám-mục Ba-Đa-Lộc cùng một số người Tây Phương giúp sức diệt được nhà Tây-Sơn và lên ngôi năm 1802 lấy niên hiệu là Gia-Long.

PHẦN THỨ HAI

TRỊNH - NGUYỄN PHÂN TRANH

HAY LÀ

Loạn phong - kiến Việt - Nam

(1627 - 1775)

TRỊNH NGUYỄN PHÂN TRANH

CHƯƠNG I

(Bảy cuộc xung-đột đẫm máu từ 1627 đến 1672)

GIAI-ĐOẠN CÔNG KHAI GÂY HẤN

Qua các trang-sử trên ta thấy đến 1592 nhà Mạc bị đánh bật ra khỏi cố-đô Thăng-Long và nhà Mạc mỗi ngày đi rõ rệt vào cái thế suy bại.

Qua tiền-bán thế-kỷ XVII còn lại trên vũ-đài chính-trị Việt-Nam có hai họ Trịnh và Nguyễn là đáng kể mà thôi sau khi Mạc tàn lụi dần.

Đẩy được họ Mạc lên vùng rừng núi Cao-Bắc-Lạng, mang vua Lê về được chốn núi Nùng sông Nhị, thế-lực của họ Trịnh trở nên lớn lao hơn bao giờ hết. Trịnh quan-niệm lợi-dụng ngay cái ưu-thế đang có trong tay để tiêu-diệt nốt Nguyễn, kẻ thù thứ hai và là kẻ thù cuối cùng.

Trịnh nhận định rằng nếu không sớm diệt Nguyễn-thị, thì cái họa Nguyễn-thị rồi ra cũng sẽ tai hại không kém cái họa Mạc-thị vừa qua nhất là con cháu của Nguyễn-Hoàng nhiều thủ đoạn, lắm mưu trí không thua gì ông cha. Trịnh lại còn bồn-chồn bởi nỗi Thuận-Hóa được một số chuyên-viên Bồ-đào-Nha và Pháp giúp đỡ rất lợi hại về việc đóng các tàu chiến và đúc các đại-bác theo kiểu Tây - phương mà về phần Bắc-Hà vẫn chưa lợi dụng được ngoại-quốc vào công cuộc đấu tranh của mình (C. Maybon chép rằng năm Giáp Dần (1614) chúa Sãi được Jean de la Croix người Bồ-đào-Nha mở lò đúc súng ở Thuận-Hóa. Nơi có lò đúc súng ở Thuận-Hóa. (Huế) bây giờ còn mang tên là Phường Đúc).

Về phía họ Nguyễn nếu không có 70 năm chiêu binh mãi-mã là cả một sự may mắn cho Nguyễn mà cứ phải đương đầu ngay với họ Trịnh sớm hơn thì lực-lượng một địa - phương còn bán-khai về mọi phương diện, với mớ dân nghèo hai vùng Thuận-Quảng, với một nhóm thân thuộc người Tống-Sơn đề đối-thủ với một triều-đình dài hai thế-kỷ, của lắm người nhiều có thể được chăng ?

Giờ phút này con cháu của Nguyễn - Hoàng đã dám cười duyên với Bắc-hà sau khi đã có một binh-đội thuần-thục, đủ võ-khí quân-nhu. đủ cơ cấu bố-phòng biên-cảnh.

Điều-kiện vật-chất phong-phú, đó là bảo-đảm tốt đẹp cho tinh-thần, tình-trạng lúc này của Nam-hà là như vậy. Tóm lại con chim Bằng miền Thuận-Quảng đã được cơ-hội bay bổng. Việc này đánh dấu vào năm Đinh-Mão (1627). Bấy giờ Nguyễn-Hoàng đã mất (Quí-Sửu 1613). Lên kế-nghiệp chúa Tiên là Nguyễn-phúc-Nguyên, con thứ sáu, tục gọi là chúa Sãi (Từ chúa Sãi họ Nguyễn lấy chữ *Phước* làm đệm).

Trịnh-Tráng liền lợi-dụng ngay việc này vào năm Giáp-tí(1624) để gây sự, biết rằng họ Nguyễn vốn quen thói lần khần và lần này Trịnh không mong gì hơn là chúa Sãi cứ theo thói cũ của ông cha để có lý-do chính đáng đem quân chinh-phạt. Sau đó Công-bộ thị-

lang Nguyễn duy-Thì và hoạn-quan Phan-văn-Trị được cử vào Thuận-Hóa đòi thuế chúa Nguyễn.

Xét ra chúa Sãi lên thay cha vào năm 1613 thì Trịnh-Tráng nối nghiệp Trịnh-Tùng vào năm Quý-Hợi tức 1620. Chúa Sãi với Trịnh-Tráng là hai kẻ đối-thủ ngang tài, ngang chí với nhau, tất nhiên chẳng ai nhường ai và bên nào cũng chỉ có chờ cơ-hội thuận tiện để hạ đối-phương của mình cho sớm.

Nhưng Trịnh gây sự với Nguyễn, muốn sao vẫn e-dè dư-luận một phần nào bởi Nguyễn trước sau bề ngoài vẫn tỏ được cái thái-độ trung-chính là phò vua giúp nước.

Giờ đây Trịnh chỉ còn vịn vào cái cớ lương-thuế của triều-đình không được trấn Thuận-Quảng nộp đều hòa và đầy đủ để lấy danh-nghĩa cho cuộc xuất-binh.

Rồi sứ-giả của Trịnh đã gặp chúa Sãi. Sãi-Vương đối phó với việc này thế nào ?

Sãi-Vương trả lời sứ-giả Bắc-hà rằng Thuận-Quảng mất mùa luôn không thể nạp lương-thuế cho triều-đình, xin khất chừng nào được mùa sẽ hay.

Thiết tưởng cũng cần chép ra đây tờ sắc mà Trịnh-Tráng đã mượn lời vua Lê gửi tới chúa Sãi để hiểu rõ thái-độ của đôi bên :

« Hoàng Thượng sắc-dụ cho Thái-bảo Thụy Quận-công là Nguyễn phúc-Nguyên được biết rằng :

« Mệnh-lệnh triều đình, đạo làm tôi phải tuân thủ ;

« Thuế má phủ huyện, tưởng cõi ngoài không được tự chuyên,

« Trước đây Trẫm có sai Công-bộ Thượng-thư Nguyễn duy-Thì, Bá-khê hầu Phan-văn-Trị vào Thuận-Hóa đạo-đạt tình ý, chỉ bảo đường họa-phúc để cho tỉnh biết mà phục-tùng quyền-chính triều-đình. Không ngờ nhà ngươi mang lòng dùng-dằng, tối đường tới lui, nói thoái-thác cho lôi-thôi ngày tháng, để đến nỗi thuế má

thiếu thốn, không đủ việc chi nhu, đạo làm tôi như thế đã phải chưa? Nhà ngươi nay nên đổi lỗi trước, giữ gìn phép-tắc. Phàm ngạch thuế trong hai xứ Thuận, Quảng từ năm Quí-Hợi về trước (1), có phải đã mất mùa thì xá cả cho ; còn từ năm Giáp-tí đến nay phải tính cho đủ theo lệ trước, tải thuyền đem ra nạp đủ ; và phải chỉnh-tề binh mã, hoặc thân đến kinh-đô triều-hạ, hoặc phải sai con đi thay, để coi xem nghi-vệ trong nước, và để tỏ giải tấm lòng làm tôi. Nếu thế thì triều-đình sẽ phong thêm cho tước vinh-hiển, để rạng tỏ đến tổ-tông. Nhược bằng thoái-thác không đến thì tức là phạm tội với triều-đình.

Khâm tai dụ sắc !»

Thấy sứ-giả trở về không, Trịnh-Tráng lại cho sứ quay lại Thuận-Hóa một lần nữa, không nói đến chuyện thuế mà đòi chúa Sãi cho con ra chầu và lấy 30 con voi cùng 30 chiếc thuyền để cống nhà Minh.

Chúa Sãi khước-từ nốt nhưng tiếp đãi sứ-giả thi rất ân cần, trọng-hậu.

Trịnh-Tráng liền cương-quyết gửi Đô-đốc Nguyễn-Khải và Thiếu-bảo Nguyễn danh-Thế, tháng 8 năm Bính-dần (1626) đem 5.000 quân làm tiên-phong, còn mình đem đại binh và rước vua Lê đi đánh họ Nguyễn sau.

Chúa Sãi được tin quân Bắc kéo đến liền phân-phối quân đóng giữ các nơi hiểm yếu dưới quyền của Tiết-chế Nguyễn phúc-Vệ và Nguyễn hữu-Dật.

Hai quân gặp nhau bên bờ sông Nhật-Lệ. Quân Bắc bị đánh lui nhiều lần và bị thiệt hại lớn. Sau bọn Nguyễn-hữu-Dật phao tin

---

(1) Từ 1620 Sãi-Vương đã không chịu nộp thuế cho nhà Lê về hai châu Thuận-Hóa và Quảng-Nam lấy cớ dân mất mùa và xin khất chừng nào được mùa sẽ xin chu-tất.

rằng ở ngoài Bắc bọn Trịnh-Gia và Trịnh-Nhạc đang mưu loạn, Trịnh-Tráng hoảng hốt vội lui quân về Bắc.

Đây là tài liệu của *Việt-Nam sử lược*, nhưng theo chúng tôi sự việc có khác ít nhiều :

Về việc đòi thuế sau khi được tin Sãi Vương không chịu thì tháng 8 năm Bính-Dần (1626) Tráng phái Thái-Bảo Nguyễn-Khải và Thiếu-Bảo Nguyễn Danh-Thế đem 5.000 quân đến đóng ở xã Hà-Trung, miền Nam Hà-Tĩnh làm như sắp đánh quân Nguyễn. Rồi tháng 10 cũng năm ấy Tráng lại cử người khác vào Thuận-Hóa (Cấp-sự-Trung Nguyễn-hữu-Bồn) đòi thuế những năm trước năm Giáp-tý (1624) đồng thời đòi Sãi-Vương ra chầu theo lệnh của vua Lê.

Việc này thất bại, Tráng giận lắm tính đánh ngay Nguyễn nhưng e lý-do chưa đầy đủ nên đầu năm Đinh-Mão (1627) Trịnh-Tráng lại sai Lê Đại-Nhậm vào Thuận-Hóa đòi Sãi-Vương gửi con ra kinh-đô thay mình để tỏ lòng trung-thuận và nộp 30 con voi cùng 30 chiếc thuyền nộp cho vua Minh. Thuận-Hóa lắc đầu lần nữa.

Bị khước từ luôn ba lần. Trịnh-Tráng ra lệnh cho bọn Nguyễn Khải khai chiến và Tráng cũng huy-động đại-quân vào cửa Nhật-Lệ (lúc này giáo-sĩ A. de Rhodes và một số người Bồ-Đào-Nha có đến gặp Trịnh-Tráng ở trong quân. A. de Rhodes nói rằng vua Lê Thần-Tông không đi theo đại quân của Trịnh như một vài cuốn sử của nhà Nguyễn đã chép). Nhưng, theo A. de Rhodes, nhà vua lúc đó cũng có rời Thăng-Long để vào Tây-Đô mà thôi (1) Vàng

---

(1) Tây-Đô là Thanh-Hóa được mệnh danh từ đời Hồ. Và xem như việc mỗi khi Trịnh đem binh vào đánh Thuận-Hóa mà vẫn phải chuyển dịch cả cung quyến đi theo, để chờ ở Tây-Đô thì đủ hiểu rằng tuy Mạc bị đánh bật ra khỏi Thăng-Long (1592) Mạc vẫn còn làm cho Trịnh luôn luôn giật mình.

bạc cùng cung quyến của nhà vua và của họ Trịnh đều chuyển theo về đây cho yên tâm (vì Trịnh-Tráng tuy đi đánh Nguyễn mà vẫn e ngại sự nổi dậy bất ngờ của con cháu nhà Mạc).

ĐẠI CHIẾN LẦN THỨ NHẤT (*ĐinhMão 1627*)

Cuộc đại chiến thứ nhất thế nào ?

Như trên ta đã thấy, quân Trịnh gồm hai đạo . một do bọn Nguyễn-Khải đã đến đóng ở Hà-Trung sẵn, chờ lệnh của Trịnh-Tráng. Một đạo dĩ-nhiên quan trọng hơn là đại-quân do vua Lê và Trịnh-Tráng chỉ-huy. Theo Maybon tổng số quân đội thủy-lục của Bắc-Hà có tới 200.000 người và con số này có thể không ngoa. A. de Rhodes cũng nhận như vậy để nói rằng với cuộc đại-chiến thứ nhất này Trịnh-Tráng đã tính quyết liệt ăn thua với họ Ngúyễn do đó Trịnh động-viên quân lực toàn quốc vào cuộc Nam-chinh. Còn ngày thường thì quân chính-quy chỉ có tới 50.000 mà thôi, Đây là những binh-sĩ sinh quán ở mấy tỉnh Thanh-Nghệ được coi là thân binh và đã tuyển dụng từ thời đánh Mạc, ngoài ra là lính lâm thời lấy ở Trung-châu Bắc-Việt khi các cuộc Nam-chinh cần đến. (Giáo sĩ dòng Tên Tissanier ở Bắc năm 1663 viết rằng số lính Thanh-Nghệ kể trên thường nhật là lính cận-vệ coi giữ hoàng-thành và cung phủ của vua Lê chúa Trịnh, trong đạo quân này có 500 con voi thành một đạo tượng-binh và 500 chiến thuyền sơn son thiếp vàng rất đẹp)...

Khi Sãi Vương được tin quân Bắc tiến vào, vội cho huy động quân-lực để chống lại. Chúa phong hoàng thân Vệ lãnh quyền tiết-chế, Nguyễn-hữu-Dật làm Giám-chiến lục quân. Con đẻ của Chúa là Nguyễn-phúc-Trung chỉ-huy thủy-quân tiếp tay cho Nguyễn-hữu-Dật nếu cần đến.

Quân Bắc đến thì đóng ngày ở phía Bắc sông Nhật-Lệ thuộc hữu-ngạn. Quân Nam cũng cắm trại bên này sông.

Bắt đầu, kỵ-binh của Bắc do Lê-Khuê cầm đầu xông vào đánh quân của Sãi-Vương tính gây một cuộc lộn xộn lớn nhưng quân Nam nhờ có đại-bác chống trả lại rất có hiệu-lực.

Quân Bắc liền rút về giữ các cồn cát nổi lên ở chỗ cửa sông để tránh hỏa-lực của quân Nam. Đêm đến, quân Nam nhân nước thủy triều dâng tiến đánh úp trại của Nguyễn-Khải bằng đại bác. Quân của Khải rối loạn thì Tráng đem viện binh tới nên trấn-tĩnh được tình thế rồi quân Trịnh đánh chiếm được một phần quân-nhu của quân Nguyễn.

Quân Nguyễn rút lui rồi tung tượng-binh ra — Quân Trịnh hoảng sợ bỏ chạy để lại nhiều xác chết trên bãi chiến-trường.

Tráng vẫn còn ham chiến, chỉnh đốn lại quân-sĩ ở một nơi xa đó và tính tái chiến phen nữa.

Nguyễn-phúc-Dật và một tướng tùy thuộc là Trương-phúc-Gia liền lập mưu viết một lá thư nặc-danh gửi đến cho Tráng nói ngoài Bắc đang có cuộc chuẩn bị dấy loạn của Trịnh-Gia và Trịnh-Nhạc là anh em của Tráng. Tráng sinh nghi lại thấy quân mình bị đẩy lui nhiều phen và bị thiệt-hại nhiều liền rút về hậu-tuyến

Cuộc chiến tranh này đã kéo dài được bốn tháng, xuất quân vào ngày đầu tháng ba dương-lịch, rút lui vào đầu tháng 7 (1). Nhưng Trịnh-Tráug về cũng kịp thời cho một việc, đó là vừa

---

(1) Hạm đội của Trịnh mà Giáo sĩ A. de Rhodes hết lời ngợi khen đã bị Nguyễn chăng dây sắt có danh nhọn đặt ngầm ở dưới sông Nhật-lệ làm đắm một số lớn nên không lợi cho lục quân được bao nhiêu. Các chiến-thuyền này đi quá lẹ không ngờ mắc độc thủ của Nam quân. Việc này không có ghi ở sử sách Việt-Nam, nhưng các sử thần cũng có nói đến năm 1631 sau khi xây xong thành Đồng-Hới, Đào-duy-Từ có đánh xích sắt thả ngầm xuống sông Nhật-Lệ và Minh-Linh (Cửa Tùng) để phá các chiến thuyền của Trịnh. Đến bấy giờ mới có thể coi rằng việc bố-phòng ở Quảng-Bình, trên sông Nhật-Lệ là hoàn-bị và có đủ hiệu-lực.

đúng lúc quân Mạc đang hoạt-động ở miền Truug-Châu. Chúa Trịnh đánh tan được ngay trong vài ngày do đó chúa về đến Đông-kinh được đón tiếp gần như đã thắng trận.

MỘT ÂM MƯU ĐẢO CHÍNH THẤT BẠI

Chúa Nguyễn-Hoàng mất năm Quí-Sửu (1613) trao quyền cho người con thứ 6 là Nguyễn phúc-Nguyên(người con thứ năm thì còn ở lại Thăng-Long để làm con tin như trên đã nói. Bốn người đầu lòng đều đã chết cả).

Nguyễn phúc-Nguyên được tôn lập tức là Sãi-Vương nhưng anh em không phục, trong số này có Nguyễn phúc-Hạp và Nguyễn phúc-Trạch (con thứ bảy và thứ tám của Chúa) đang giữ chức Chưởng-Cơ và sau được thêm tước Quận-Công.

Tới năm thứ bảy đời Sãi-Vương (1620) hai người này bí-mật giao thông với họ Trịnh. Lúc này Trịnh-Tùng còn sống nhưng đã trao phần lớn chánh-sự cho Trịnh-Tráng. Đôi bên đã thỏa-thuận nếu cuộc đảo-chính ở Thuận-Hóa thành công thì miền Nam sẽ chia đôi và Hạp cùng Trạch trấn giữ với danh-nghĩa của họ Trịnh.

Trịnh-Tráng liền cử Đô-Đốc Nguyễn-Khải đem 5.000 quân đóng sẵn ở Nhật-Lệ đúng nơi xây thành Đồng-Hới bây giờ để nếu cần sẽ hỗ-trợ cho việc đảo-chính.Nhưng lúc đó Hạp và Trạch còn nghe ngóng chưa dám bạo-động ngay. (1).

Được tin quân Trịnh có mặt bên kia sông Nhật-Lệ Sãi-Vương cho họp các quan lại bàn cách chống cự. Hạp và Trạch có ý e ngại về Tuyên là cháu của mình. Tuyên là con thứ tư của Hà

(1) Vì vụ âm mưu làm phản của Nguyễn-Phúc-Hạp và của Nguyễn Phúc-Trạch nên có vụ hành-quân đã kể trong trang trên.

và Hà là trưởng-tử của Nguyễn-Hoàng. Y là kẻ khôn ngoan hơn cả trong bọn cận thần của Chúa Sãi.

Hai người liền bàn cử Tuyên đi đóng quân ở xã Ái-tử (lúc đó đang là Tổng-hành-doanh của Chúa Sãi) lấy cớ rằng trong các tướng lãnh không ai có tài hơn Tuyên lúc này để đi đánh giặc.

Tuyên nghe lời đề nghị có ý nghi ngờ liền nói riêng với Sãi-Vương : *« Nếu cháu đi xa lúc này e sẽ có biến ở đây... »*

Sãi-Vương liền cắt Vệ là con thứ hai của Hà và là anh cả của Tuyên khi ấy giữ chức Chưởng-Đinh, cầm quân ra đón ngăn quân của Nguyễn-Khải.

Thấy cơ mưu của mình nhưng bị bại lộ, Hạp và Trạch đành ra mặt khởi loạn cùng với một số thủ-túc chiếm luôn một căn-cứ ở Ái-Tử và đào hào đắp lũy chống lại Chúa Sãi.

Chúa cho người đến khuyên dụ nhưng không xong đành cử Tuyên đi tiên-phong dẹp loạn còn chúa dẫn đại-quân theo sau.

Hạp và Trạch thua trận và bị bắt sống, đem về nạp cho Sãi Vương. Trông thấy hai em, chúa Sãi khóc nói . « Các người tước đến Quận-công, giàu sang có kém ai, có gì thiệt thời mà làm loạn ? ».

Sãi-Vương muốn tha thứ nhưng các quan xin cứ lấy phép nước sửa trị kẻ có tội, sau đó cả hai bị hạ ngục, xấu hổ rồi chết.

Còn binh-đội miền Bắc thấy việc không thành lặng-lẽ bỏ ra về. Đây là cuộc xung đột đầu tiên để mở màn cho các cuộc động binh sau lớn lao hơn trong những giai-đoạn liên tiếp không cách nhau bao nhiêu và đã kéo dài luôn ngót nửa thế - kỷ.

Sách *Việt-Nam khai quốc* bàn về việc đảo-chính kể trên có nói : khi Sãi-Vương thấy Hạp và Trạch bị giải đến trước mặt, giận dữ hết sức và đòi chém ngay hai kẻ nghịch này. Nhưng các quan can ngăn một cách rất thảm-thiết. Luận-điệu nầy xem chừng có

lẽ đúng sự thật hơn. Người ta ngờ rằng các nhà chép sử sau này của nhà Nguyễn đã xuyên-tạc sự thật để tô-điểm cho Sãi-Vương những tính - tình quá tốt đẹp và cao cả mà thật ra nhà chúa không có.

Còn hai người sau bị chết, chưa dễ đã vì đau buồn mà có thể đã phải chịu tội bí-mật trong ngục tối.

BINH LỰC CỦA CHÚA TRỊNH NĂM ĐINH-MÃO (1626)

Vào những tháng đầu năm Đinh-Mão (1627) Giáo-sĩ A. de Rhodes đến Bắc-Việt với mục đích gặp Chúa Trịnh và vua Lê để thương lượng việc truyền giáo. Lúc này đoàn quân viễn chinh đã lên đường. A. Rhodes đã gặp chúa Trịnh trên đường thủy từ Thăng-Long đến Nhật-Lệ.

Cuộc gặp gỡ này vào tháng 4 năm ấy.

Giáo-sĩ đã lấy làm ngạc nhiên về hạm-đội hùng mạnh hết sức của Chúa Trịnh và đã kể lại những điều trông thấy một cách rất hào hứng trong thiên ký-sự của ông.

Câu chuyện kể ra gần như có điều sai ngoa hay phóng đại vậy mà là chuyện có thật theo sự nhận định của Sử-gia C. B. Maybon sau khi đã đối-chiếu với các sử-liệu Việt-Nam do đó ta có thể có những ý-thức khá xác-thực về thủy-quân của miền Bắc hồi ấy.

Giáo-sĩ kể : » Chúng tôi trông thấy 200 chiến thuyền đóng rất đẹp sơn son thiếp vàng và được tô điểm bằng nhiều màu rực rỡ đi trước ngự-đạo. Trên các chiến thuyền này quân đội rất đông. Các chiến thuyền tiến lên rất có trật tự, nghĩa là có hàng, có lối hẳn hoi, ngay ngắn, đủ làm cho người ta phải khiếp oai về sự linh động của nó. Rồi chúng tôi thấy Ngự-đạo gồm 24 chiếc thuyền dễ phân biệt với các thuyền kể trên bằng những lớp vàng son lộng lẫy, bằng cánh buồm vải nõn như lụa nhuộm mầu đỏ. Nhà vua ngồi ở chiếc thuyền đi chính giữa.

« Chúng tôi ở trong quân đội ít lâu thì chúng tôi nhận thấy đội chiến thuyền đi sau ngự đạo đông hơn đội chiến thuyền đi dẫn đầu. Còn những thuyền nhỏ đủ mọi cỡ thì nhiều không biết là bao nhiêu.

«Ngoài ra thuyền chuyên chở quân lương cũng lớn lắm và tới 500 chiếc. Thuyền đánh nhau có thể tới 600 chiếc và ta có thể nghĩ rằng những chiến thuyền này còn lớn hơn các chiến thuyền của Âu-Châu thời ấy.

«Mỗi chiến thuyền có 3 khẩu đại bác, một đặt ở đằng trước hai đặt ở đằng sau. Lính chèo mỗi bên mạn thuyền có 25 người. Chen lẫn vào đám thủy thủ có nhiều chiến binh.

«Tóm lại,theo như các võ khí được trang bị và sự mau lẹ của các chiến thuyền Bắc-hà bấy giờ thì đến thủy-quân của Âu-châu cũng phải kinh sợ.»

ĐẠI CHIẾN LẦN THỨ HAI (năm Canh-Ngọ 1634)

Trận đánh này khai diễn vào mùa Đông do Nguyễn-đình-Hùng, cháu của Nguyễn Ư-Kỷ (gọi bằng ông) Mục-tiêu là châu Nam Bố-chính đang do Nguyễn-Tịch coi giữ và đóng ở Dinh-Ngói.

Tịch bị tử trận, tất cả địa-phương này mất về quân Nguyễn. Trại-tráng ở đây bị quân Nguyễn xung vào làm lính được 24 đội, đổi tên cũ ra Dinh (ý nghĩa của Dinh là nơi vua chúa ở—Năm 1626 đổi ra phủ. Sau này Dinh chỉ có nghĩa là một đơn vị hành-chính mà thôi và đặt dưới quyền một quan Trấn-thủ. Dưới đời Võ-Vương sau này giang sơn của họ Nguyễn chia ra làm 12 dinh tức là tỉnh-bộ ngày nay).

Trương-phúc-Phấn được cử đến làm Trấn-thủ đầu tiên ở địa-hạt này.

Đầu năm 1634 quân Bắc lại vào,

Bia *Trường-Kiều* chép rằng vào tháng 12 (31.12.1633 — 28.1.1634) Trịnh-Tráng họp quân thủy-bộ mở cuộc Nam-chinh.

Chúa Nguyễn cử Nguyễn Hữu-Dật làm Đốc chiến và Chưởng cơ ra ngăn địch. Quân Trịnh ngừng lại và giữ thế-thủ cách Đồng-Hới không xa.

Hữu-Dật ra lịnh tấn công. Quân Trịnh yếu thế trở nên rối loạn, thiệt hại đến một nửa rồi bỏ chạy. Lúc này người con thứ ba của chúa Sãi tên là Ánh ngầm tổ-chức một cuộc đảo-chánh và thông đồng với chúa Trịnh.

Năm Tân-vị (1631) con cả của Sãi Vương là Kỳ trấn-thủ ở Quảng-Nam chết. Ánh bấy giờ là Chưởng-cơ được thay thế cùng với em là Tứ (con thứ tám của chúa Sãi) giữ chức Tham-tướng (phó tướng), Sãi Vương không ưa Ánh vì tính kiêu-ngạo và bất nhất, lại có phần nghi ngờ nên đặt một ký-lục tên là Phạm rất thân với người con thứ hai của chúa là Nguyễn phúc-Lan (Chúa Thượng) để dò xét Ánh.

Sau này nhờ có Phạm mà chúa Sãi biết Ánh có dị-chí. Về phần Ánh biết rằng không thể với vài trăm thủ-túc mà cướp được địa-vị của chúa nên Ánh phải nhìn về phía Trịnh. Nhưng Quảng-Nam xa, chỉ còn cách xin ra Quảng-Bình làm Trấn-thủ thì Ánh mới dễ giao thông với Trịnh được. Do đó Ánh cử người ra điều-đình ngầm với Lý-Minh là văn-chức ở tỉnh Quảng-Bình vận động nhân dân đòi triệt-hồi Trấn-thủ Tuấn là cháu chúa Nguyễn-Hoàng rồi xin cho Ánh ra thay. Sãi Vương thấy dân kêu ca về sự hà-khắc của Tuấn nên tin lời và cho Ánh ra Quảng-Bình. Nhưng khi sắc-phong tới Quảng-Nam, Ánh lại vắng mặt bởi cuộc đi săn luôn một tuần lễ. Chúa giận nên cử Nguyễn cửu-Kiều.

Ánh vẫn không thoái-chí cho Lý-Minh dò xét về Kiều. Lý Minh nói Kiều nhút nhát, nếu quân Trịnh vào ắt sẽ bỏ chạy.

Ánh liền viết thư cho Trịnh nói cứ đem quân vào và khi nghe súng nổ, Ánh và đồ đảng sẽ nổi dậy.

Được lời, Trịnh-Tráng đưa ngay quân vào Nhật-Lệ. Nghe thấy quân Trịnh có mặt ở đây chúa Sãi liền mang quân cự địch.

Hữu-Dật là một chiến-lược-gia sành-sỏi vội cho đắp thêm về phía cửa Tùng một cái thành gọi là thành Cát dưới thành Đồng-Hới vài cây số về phía Nam, vì e rằng nếu Trịnh khôn ngoan biết đổ bộ ở chỗ này mà quân Nguyễn lại ra nghênh địch trước thành Đồng-Hới tức là tiến vào khoảng giữa sẽ bị cả hai nơi bắn rồn lại ắt hết đường thoái lui.

Về phần Trấn-thủ Quảng-Bình thì đã cho đóng cọc ở giữa sông để ngăn các chiến-thuyền của Trịnh.

Khi quân Trịnh, Nguyễn đối diện nhau, Trịnh bắn đại-bác làm hiệu cho Ánh. Nhưng rồi Trịnh không thấy động tĩnh về phía Nam, quân chúa Trịnh sinh nghi, vội lùi lại nghe ngóng. Tình-trạng kéo dài luôn mấy tuần, chúa Trịnh rất bực tức. (1)

Sau quân chúa Sãi tiến đánh, quân Trịnh thua bỏ chạy.

Trịnh đành mang quân trở về Bắc và để Nguyễn khắc-Liệt ở lại giữ Bắc Bố-chính.

---

(1) Năm Ất-Hợi (1635), chúa Sãi mất, chúa Thượng lên thay. Ánh vẫn có ý bất mãn rồi được vài người Nhật buôn bán ở Hải-phố (Faifoo) giúp đỡ, Ánh dấy loạn. Công-Thượng Vương mang quân đánh Ánh ở gần cửa Hàn, bắt được và đem về Huế giết, đồng thời chúa bắt giam cả bốn em con vợ nhỏ của cha,

ĐẠI CHIẾN LẦN THỨ BA (ẤT-HỢI 1643)

Chúa Sãi mất năm Ất-Hợi (1643) (1),Nguyễn phúc Lan là con lên thay tức là Công-thượng Vương (2) và việc đầu tiên của Chúa Thượng là tiến quân qua chiếm miền Bắc-Bố-Chính.

Theo Giáo-sĩ A. de Rhodes, Bắc Bố-Chính bị quân Nguyễn chiếm vào năm 1640. Sự kháng cự của quân Trịnh tại địa-phương này không được bền bỉ rồi Trấn-thủ Nguyễn khắc-Liệt bỏ chạy về Bắc, vợ con bị quân Nguyễn bắt làm tù binh. Khắc Liệt ra đến Thăng-Long thì bị Tráng bắt giam rồi để chết đói (xin nhắc Trịnh Tráng lại là bố vợ của Nguyễn khắc-Liệt)

Liệt-truyện và *Thực-lục* của nhà Nguyễn công-nhận sử-sự này, nhưng đưa ra ít nhiều chi-tiết khác.

Theo hai cuốn sách trên thì năm ấy là năm Canh - Thìn (1640) vào tháng 8 (16-9-1640), quân Nguyễn chiếm Bắc Bố-Chính. Thanh-đô Vương Trịnh-Tráng phạt tử hình Trấn-thủ Nguyễn khắc-Liệt. Trước đây Liệt có bí-mật giao-thông với chúa Sãi, nhưng khi Chúa Thượng lên thay quyền, Liệt có ý nghi ngờ rồi xua quân quấy rối Nam Bố - Chính (đất thuộc quyền chúa Nguyễn). Chúa Thượng giận lắm họp các quan bàn mưu trừ Liệt.

Nguyễn Hữu-Dật nổi danh túc kế đưa ý-kiến bầy cuộc phản-gián giữa Chúa Trịnh và Khắc-Liệt, xét rằng chúa Trịnh và con rể vốn không tin nhau. Nay Nguyễn gửi cho Trịnh một bức thư nói Khắc-Liệt vốn có tư thông với Nguyễn mà bề ngoài thì vờ có thái-độ quyết-liệt, ước-hẹn khi quân Nguyễn đến đánh, Khắc-Liệt sẽ đem quân bỏ chạy. Rồi Nguyễn yêu cầu Trịnh mang quân

(1) Sãi Vương mất lấy tên thụy là Thần-tông Hiếu-Chiêu Hoàng-đế.

(2) Tục gọi là Chúa Thượng.

vào mở cuộc ăn thua, sự thế sẽ đàng-hoàng hơn và nên giết kẻ phản-thần ấy đi vì Nguyễn không thèm lợi dụng một kẻ bất-trung. Bề khác quân Nguyễn qua sông Gianh (Linh-giang) dụ Khắc-Liệt đến hội-kiến, Liệt đến Nguyễn cũng sẽ giết đi. Liệt có chạy thoát được ắt cũng bị Trịnh ngờ, mưu của Nguyễn vẫn là có kết-quả.

Mưu này được Công-Thượng Vương cho thi-hành. Nhận được thư của Nguyễn, Tráng phái Thái-Úy Trịnh Kiều đem 5.000 quân vào Bắc Bố-Chính để bắt Khắc-Liệt nhưng Trịnh-Kiều đến nơi thì giữa Khắc-Liệt và Nguyễn đã có cuộc giao tranh. Kiều cho là Liệt giả vờ, liền bắt Liệt đem về cho chúa Trịnh giết.

Thắng lợi trong truyện này rồi, Công-thượng Vương càng có nhiều tham vọng diệt Trịnh. Một hôm Chúa ra cửa Thuận-An coi thủy quân luyện tập không vừa ý liền bắt ba huyện Hương-Trà, Quảng-Điền và Phú-Vang thiết-lập khu huấn-luyện thủy-quân tại làng Hoàng-Phúc (bây giờ đổi là Hồng-Phúc thuộc huyện Phú-Vang). Người ta dựng ở đây một ụ đất cao 12 thước tây và dài hơn 60 thước tây để ngắm vào đấy mà bắn. Thủy-quân tập ráo riết luôn 7 tháng, chèo thuyền và bắn đại-bác rất là thành thạo.

Vì quân Nguyễn lo chuẩn-bị chiến tranh và đã chiếm một phần miền Bắc Bố-Chính nên chúa Trịnh sốt ruột lại đem quân vào Nam tháng hai năm Quí-tị (20-3 tới 17.4.1643).

Đại quân do Thái-Bảo Trịnh-Tạc và Trịnh-Lê, hai con của Chúa, cầm đầu với sự giúp đỡ của Thị-lang Nguyễn Quang-Minh, Tự-khanh Phạm Công-Trứ (một sử-thần có tiếng của nhà Lê) và Nguyễn Danh-Thọ.

Hai quân gặp nhau ở Trung-Hòa (tức Mỹ-Hòa ngày nay) gần cửa sông Gianh về hữu-ngạn.

Tướng Nguyễn là Bùi Công-Thắng chống không nổi bị bắt và

bị giết (hay bị tử trận, chỗ này sử không nói rõ). Quân Trịnh thừa thắng tiến luôn vào cửa Nhật-Lệ.

Vào tháng ba (18-4 tới 17-5-1643), chúa đem vua Lê Thần-tông đến An-Bài lập Tổng-hành-dinh (An-Bài là một làng cách sông Gianh về phía Bắc 4 cây số). Chiến-sự bị ngưng ở đây vì trời nóng quá, quân Trịnh bị bệnh dịch chết hại rất nhiều. Chúa lại phải trở ra về lưu lại 10.000 binh-sĩ để phòng-thủ chờ dịp tấn công khác.

Hình như chuyến này chúa Trịnh chỉ mong đuổi quân Nguyễn ra khỏi vùng Bắc Bố-Chính mà thôi.

Quân Trịnh về Bắc được vài tháng thì vua Lê Thần-tông nhường ngôi cho con cả là Duy-Hựu tức Lê Chân-tông vào tháng 10 tức là tháng 11/11-10/12 năm 1643.

CUỘC GIAO-DỊCH GIỮA NHÀ LÊ VÀ TÂY-PHƯƠNG

Trong những năm tháng này chúa Trịnh là Thanh-Đô Vương có ý thất-vọng vì đánh mãi không thắng được Nguyễn. Chúa liền nghĩ đến việc kêu gọi sự giúp đỡ của người Bồ-đào-Nha nhưng vận-động đã nhiều mà người Bồ-đào-Nha vẫn lừng khừng, trái lại tại miền Nam họ đã cộng-tác rất hữu-hiệu với các chúa Nguyễn.

Trịnh đành quay về phía người Hòa-Lan vốn có ý cạnh-tranh với người Bồ từ nhiều năm. Người Hòa-Lan từ mấy năm trước đã được nhà Lê cho vào mở thương-điếm ở đất Bắc và đôi bên giao-dịch với nhau đã thân-mật từ năm 1636.

Tháng tư năm 1637, đại-diện của Hòa-Lan là Karl Hartsinck đã tới Kẻ chợ, bằng chiếc tàu Grol do Thương-hội của Hòa-Lan ở Batavia gửi đến. Vua Thần-tông và chúa Trịnh tiếp-đãi rất ân-cần. Nhưng khi nhà vua hỏi người Hòa-Lan có sẵn

lòng giúp Bắc đánh Nam hay không thì Karl Hartsinck nói vấn đề này lớn quá y không đủ thẩm-quyền để trả lời.

Ngày 24-1-1641, tàu Hòa-Lan lại nhổ neo từ Đài-Loan sang Bắc-Việt. Họ đến Kẻ Chợ, gặp vua Lê trình lên một bức thư và nhiều tặng-phẩm của Caron là Giám-đốc hãng Hirado, một thương-điếm của Hòa ở Nhật. Một người đàn bà Nhật đã làm thông-ngôn cho hai bên nói chuyện với nhau.

Với lần này, người Hòa-Lan cũng không cam-kết gì với nhà Lê và cũng không dám giúp đỡ gì. Họ chỉ muốn giao dịch riêng về thương-mại mà thôi, bởi họ e nếu dính líu vào chính-trị thì quyền lợi của họ ở Thuận-Hóa sẽ bị thương-tổn tức khắc do sự hờn giận của chúa Nguyễn.

Rồi khi trở về Batavia (Hòa-Lan đã chiếm xứ này làm thuộc-địa từ cuối thế kỷ XVI và lấy đây làm thủ-phủ để giải-quyết mọi vấn đề ở Á-châu). Sứ thần Hòa-Lan đã mang theo hai bức thư, một của vua Lê, một của Thái-tử. Hai bức thư này đáng kể là hai văn-kiện ngoại-giao đầu tiên của nước Nam đối với Tây-phương và do văn-kiện này ta được biết hai họ Trịnh-Nguyễn bấy giờ tha thiết làm quen với Tây-phương để lợi-dụng văn-minh khoa-học của họ hầu có những phương-tiện hữu-hiệu hơn để tiêu-diệt nhau.

Thư của Vua Lê được dịch đại-khái như sau :

An-Nam Đại hoàng-đế ngự-trị toàn thể xứ Bắc thành thực tỏ tòng biết ơn liệt-vị nhiếp chính đại-thần triều-đình Hòa-Lan và kính gửi chút quà mọn biếu quí vị gồm có một khẩu súng trường kiểu riêng của bản quốc nạm vàng và 300 tấm lụa mộc hạng nhỏ tơ nhất

Nếu bên quí quốc có những sản-phẩm quí giá thì bản-quốc có thể tiêu-thụ, xin quý vị cứ mua cho và ứng tiền giúp, chúng tôi sẽ xin thanh-toán sau và thâm tạ.

Chúng tôi thiết tha được mua các chất sơn đỏ, đen, đỏ sẫm hồ phách các mầu trắng đỏ và các loại vải lụa bóng nhiều mầu có kẻ hoa...

Thư của Thái-tử đề : *An-Nam quốc Thái-tử kính gửi Hòa-Lan đại-quốc thư này mục-đích kết giao và yêu cầu quý quốc giúp đỡ theo tình huynh đệ. Chúng tôi ước ao rằng quý vị đối với chúng tôi cũng sẵn tình hữu-nghị và việc giao hiếu giữa chúng ta được muôn năm bền chặt. Trái lại nếu miệng nói một đằng mà lòng nghĩ một nẻo thì tình thân-hữu phải đi đến chỗ phai nhạt. Vì vậy trước đây chúng tôi không ngại muôn trùng sóng gió hiểm nguy gửi sứ-bộ theo tàu của các ngài đến thăm quý quốc và dâng chút quà mọn. Chúng tôi rất hài lòng được biết chút quà mọn đó được quý quốc hân-hoan tiếp nhận.*

«Đại-diện của qui quốc là ông Coukebacker, giám đốc thương-điếm đã trở lại xứ tôi mang các tặng phẩm rất quý giá và đã cùng chúng tôi hội nghị về các điều thương mại. Ông ta là người rất thông-minh và hùng-biện, chúng tôi rất mến phục.

« Xưa kia chúng tôi đã phiền quý quốc giúp chúng tôi trừ kẻ nghịch, được quý quốc hẹn lời. Chúng tôi rất mừng, vậy mà đến nay lời hứa vẫn chưa thấy thực-hiện. Tuy vậy chúng tôi vẫn cảm-kích như việc đã thành.

«Quân Nam vừa khởi sự chống lại chúng tôi, chúng tôi tính trừng phạt chúng sao cho đích-đáng. Chúng vốn là thần tử của bản - triều, nay dám nghịch lại, thói bậy ấy không thể tha thứ được.

Kèm với thư này chúng tôi xin gửi ít quà mọn mong Quốc vương Batavia cùng chúng tôi tiếp tục tình thân-mật giữa hai dân tộc. Xin quý ngài giúp chúng tôi trong trường hợp chúng tôi phải tranh chiến với một hai lân - quốc. Nếu do sự giúp đỡ của quý ngài mà chúng tôi thắng được kẻ địch, quý ngài sẽ là ân-

nhân tối trọng của chúng tôi và ngàn năm tình hữu-nghị của chúng ta sẽ bền chặt.

Tới đây chúng tôi xin ngừng bút, thư nói chẳng hết tâm tình và xin quý ngài nhận đây tấm lòng thịnh-ái của tôi.

Nếu ở quý-quốc có những sản-phẩm thiết dụng xin mua-dùm, chúng tôi sẽ xin nộp tiền lại đầy đủ và vô cùng biết ơn.

Dương-hòa năm thứ bảy, tháng giêng, ngày 13 (tức 22 2.1641)

Rồi một chiếc tàu Hòa-Lan rời bến Batavia ngày 15-5-1641 đến bờ biển Bắc-Việt vào ngày 10-6, lên tới Kẻ-Chợ vào ngày 19-6. Chúa Trịnh-Tráng nhờ chiếc tàu này (vì tàu đi Đài-Loan) gửi Thống đốc Đài-Loan là Paulus Trandenius người Hòa-Lan một bức thư nữa cũng để vận động một cuộc viện-trợ quân sự như sau :

« An-Nam, Đại nguyên-soái thống-quốc chính sự Thanh-Đô Vương, kính gửi Các-hạ lời sau đây

« Chúng tôi thành thực mong được kết-thân cùng dân tộc Hòa lan, vậy có thư này lên Các-hạ và xin thân-ái chào Các-hạ. Được biết Các-hạ lòng khoan hòa và trí thông suốt mọi vấn-đề, chúng tôi rất mến yêu và xin gửi một ngàn lạng tơ trắng và một ngàn lạng tơ vàng biếu Các-hạ gọi là có chút quà mọn để tỏ tình bạn hữu giữa Các-hạ, và chúng tôi những mong tình bạn này sẽ muôn năm vĩnh cửu Chúng tôi ước ao các thương-thuyền của quý quốc luôn luôn ra vào mua bán ở nước chúng tôi vì chúng tôi đã được giao-thiệp thân mật với vị toàn-quyền của quý quốc. Ngài đã hẹn giúp chúng tôi tiêu-diệt kẻ thù và chúng tôi tin rằng lời hứa này sẽ được thi-hành.

« Chúng tôi đã sửa-soạn ít tặng-phẩm và đợi tàu của quý quốc tới nhận để đem về Batavia do sứ-thần của chúng tôi chuyển đệ qua sự trung-gian của Đại-úy Hartsinck thường đi lại với chúng tôi. Vậy yêu cầu sang năm Các-hạ cử ông này sang để hướng-dẫn nhân-viên của

bản quốc đi Batavia. Ông đối với chúng tôi được coi như chỗ thủ túc vì lòng ngay thẳng. Vậy chúng tôi khẩn nài Các-hạ thêm một lần nữa gửi ông qua chúng tôi để người của chúng tôi có thể tới bái-kiến quan Toàn-quyền...

«Xin Các-hạ chấp nhận lời chúng tôi, chúng tôi xin thâm tạ và thành thực chúc tình thân-hữu giữa chúng ta sông cạn núi mòn cũng không hết..»

Thư viết vào niên-hiệu Dương-Hòa, tháng 6 ngày 17 tức là ngày 24-7-1641.

Ngày 26-4-1643 hai chiến-hạm của Hòa-Lan có vào xứ Bắc. Đó là chiếc tàu Kievit và Nachtegaels. Chúa Trịnh-Tráng bấy giờ đang có mặt ở cuộc Nam-chinh được tin liền viết thư bảo viên Giám-đốc thương-điếm Hòa-Lan ở Thăng-Long là Bronckhorst cho hai chiếc tàu này vào ngay trong Nam họp tại sông Gianh với Chúa.

Trước khi tàu Hòa-Lan tham chiến (nếu hai chiếc tàu này không giúp chúa Trịnh thì cũng không về Batavia được vì đã qua mùa gió thuận) Bronckhorst nhiều lần đòi nhà vua và các quan đại-thần trả một số tiền nợ mua hàng là 4.725, 10 florins (mỗi florin ăn 5 quan tiền của Pháp bấy giờ) nhưng chẳng ai trả cả. Và sở-dĩ họ phải giúp vua Lê, chúa Trịnh cũng là để mong thanh toán nợ nần dễ dàng. Ngoài ra nhà vua lại đang phẫn-nộ với người Hòa-Lan, cầm tù năm kẻ vì đã bán vũ-khí cho họ Mạc, kẻ thù số một của nhà Lê lúc đó ở Cao-Bằng. Nếu không giúp thì cũng khốn đốn.

Mặc dầu các lý-do kể trên hai chiếc tàu Hòa-Lan này cũng chưa dự-chiến vào năm 1643.

Nguyên ngày 14-8-1643, nhà vua trở về Bắc, ngài rất giận người Hòa-Lan nên trong thư gửi ngày 6-7 năm thứ 9 hiệu Dương-Hoa (tức là 19-8-1643) trước khi thoái-vị vào vài tháng sau, ngài

rất phàn nàn thái-độ của người Hòa-Lan với viên Toàn quyền tại Batavia nói rằng ngài phải rút quân về vì hạm-đội Hòa-Lan không tới. Sự nhút nhát của người Hòa-Lan một thời đã thành chuyện cười cho quân Nam-Hà và dân chúng xứ Bắc rất phẫn nộ cho rằng cuộc Nam-chinh thất bại vì họ. Người Hòa-Lan thấy không khí căng thẳng giữa họ và người Việt nên không còn dám ra khỏi nhà.

Sau vì không lan trốn mãi vào đâu được nên năm sau (1644) ba chiếc tàu Hòa-Lan (chắc là chiếc Kievit, Nachtegaels và Wœkende Book đã tiến vào bờ biển của chúa Nguyễn.

Giáo sĩ A. de Rhodes kể rằng ba chiếc tàu này đến gần một cửa biển (không thấy nói tên cửa biển nào) thì hai chiếc bị đánh chìm, còn một chiếc chạy được về Bắc khiến chúa Thanh đô Vương phát ngán.

Theo *Thực Lục*, việc này xảy ra vào năm Giáp thân (1644) khoảng tháng tư (từ 6/5 đến 4/6) tại cửa Nộn (Thuận an). Lính tuần các hải-phận thấy có ba chiếc tàu ngoại quốc khả nghi tới liền trình lên chúa Thượng. Các quan đang bàn thì thế-tử (chúa Hiền sau này) gửi thư cho Trung, ông hoàng con thứ ba của Sãi Vương đang giữ chức Chưởng-Cơ hẹn cùng đi đánh chiếc tàu lạ mặt ấy. Nhưng Trung thấy chưa có lệnh của Chúa Thượng nên không dám cử-động. Thế-tử liền thúc hạm đội của mình tiến ra, Trung làm dấu gọi lại không được. Đôi bên giáp chiến kịch-liệt, tàu Hòa-Lan bỏ chạy về phía Đông. Một chiếc tàu lớn ở lại đoạn hậu. Thế-tử cho thuyền của mình vây đánh và hỏa-lực tung ra rất mạnh. Viên thuyền trưởng hết cách chống đỡ phải tự đốt thuyền của mình mà chết.

Còn về phần Công thượng Vương khi nghe tin Thế-tử đã đi rồi mang quân tiếp viện thì việc đã xong. Chúa quở cả Thế-tử và Trung nhưng trong bụng hẳn rất hứng-thú.

CUỘC ĐẠI CHIẾN THỨ TƯ (MẬU-TÍ 1648)

Năm 1647, Lê Chân-Tông ra lệnh cho các quan huy-động quân-đội vào tháng 6 (ngày 2-3-7) kiểm sóát những người lành mạnh, bổ-xung quân-số ở khắp các tỉnh.

Năm sau là măm Mậu-tí (1648), chúa Trịnh-Tráng cử Lê văn Hiểu giữ chức Đô-đốc (ở các sách khác nói là Trịnh-Đào) tước Tấn-quận Công lãnh quyền tổng chỉ-huy quân-đội Nam chinh.

Quân Trịnh tiến thẳng đến cửa sông Nhật-Lệ. Tướng giữ căn-cứ này này là Hoành Lễ đánh không lại vội xin tiếp viện của Trấn-thủ Quảng-Bình là Nguyễn Cửu-Kiều.

Kiều cho tham tướng là Nguyễn triều Văn (1) đi cấp cứu nhưng Triều Văn vốn hèn nhát đi tới nửa đường thì ngừng lại do đó quân Trịnh đi thẳng một lèo tới gần tỉnh-lỵ Quảng-Bình (bấy giờ đặt là Dinh) đóng ở tả ngạn sông Nhật-Lệ trước làng Văn-La.

Quân Nguyễn ở đây do cai đội Trương-triều-Lương và Trương-triều-Nghi đem quân cự địch, bị tử trận, Kí-lục Thanh-Hội tới đánh cũng bại trận phải rút về bên kia sông.

Quân Trịnh thừa thế đuổi theo tới làng Võ-xá (qua sông) là vào đúng giữa Quảng-Bình dinh, một phần tiến theo hữu-ngạn sông Nhật-Lệ, đến An-Đại (tức Long-Đại ngày nay) ngừng trước lũy Trường-Dục. Lúc này Văn-Hiểu lập hành-doanh tại Nam-Bố-Chánh gần Dinh ngói

---

(1) Tham-tướng Nguyễn Triều-Văn vì tính-tình nhút nhát nên trong trận đánh năm 1648 đã bị thay thế bằng tướng Triều-Phương Sau đó đến tháng 8 năm ấy thì Triều-Văn bị cách chức hẳn.

Rồi thành Đồng-Hới và Dinh Mười lọt vào tay quân Trịnh. Trấn-thủ Nam Bố-Chính là Trương Phúc-Phấn không thất-vọng trước những thắng lợi liên-tiếp của quân Trịnh lui quân vào phòng-tuyến thứ hai do Đào Duy-Từ xây từ 1630 tức là đóng binh trong đồn Trường-Dục để cự địch. Thành đắp bằng cát nên bị đại-bác của Trịnh bắn thủng toang, khiến quân Nguyễn kinh-khủng mười phần tháo chạy đến sáu bảy. Phấn cứ điềm-nhiên thúc trống, phất cờ tiếp tục trận đánh, cho quân lấy thuyền chở cát lấp lại các chỗ bị phá. Tên của quân Trịnh như mưa rào bắn vào chỗ Phấn ngồi. Nhờ có sự can đảm và cố-thủ này quân tiếp viện của Nguyễn kịp tới do Thế-tử Nguyễn phúc Tần cầm đầu (tức Hiền Vương sau này). Quân bộ có Nguyễn phúc-Lộc giữ chức Chưởng-dinh, Tống hữu-Đại trấn-thủ Cựu-dinh và giám chiến Nguyễn-hữu-Dật chỉ-huy Và thủy quân có tham tướng Nguyễn triều Văn nhưng trận đầu vẫn dành thắng-lợi cho quân Trịnh.

Quân tiền-phong của Nguyễn đến An-Đại (trước đồn Trường-Dục) thì Dật bàn với Lộc chia nhau đóng các nơi hiểm yếu biết rằng Bắc quân không thông thạo địa-hình, địa-vật ở đây.

Cũng lúc này Thế-tử Nguyễn phúc-Tần kéo đến Quảng-Bình gần sát quân Trịnh lợi dụng đêm tối tung tượng-binh bất thình lình đánh vào trại Trịnh hồi canh năm. Nguyễn hữu-Tấn phụ-trách chỉ huy 100 con voi trong công tác này còn Thế-tử Nguyễn phúc-Tần đi sau với đại-quân. Quả nhiên quân Trịnh bị đánh bất ngờ bỏ chạy về Đồng-Hới thì bị quân Nguyễn đem thủy-quân chờ ở Cầm-La, chỗ đường bộ đi qua sông đón đánh chết hại rất nhiều.

Sử của Nguyễn-triều nói rằng trong các cuộc chiến đấu giữa hai quân Nguyễn, Trịnh, qua nhiều trận đánh chưa trận nào ác-liệt bằng trận này khiến một câu ca-dao còn nhắc lại rằng :

« Thứ nhất nguỵ hiểm lũy Thày,

« Thứ nhì Võ-Xá đồng lầy gớm ghê ! »

bởi ở đây quân Nguyễn nhờ có ưu-thế của núi sông khiến quân Trịnh chết hại vô kể.

Trong trận này, Trịnh còn bị bắt mất mấy tướng và vài ngàn binh-sĩ. Trịnh-Đào thấy tiền-quân của mình bại trận liền rút lui bị quân Nguyễn đuổi tới sông Gianh.

Trịnh Trang nghe tin không hay cho mình vội cho Phạm-tất-Toàn lĩnh hữu-quân tới đóng ở Tam-Hiệu gần chợ Ba Đồn cố ý giữ Bắc Bố-Chính và con đường về phía Tây để chặn quân Nguyễn tiến lên

Nếu nơi này bị Nguyễn quân tấn-công thì có hai đạo quân của Lê-hữu-Đức và Vũ-Lương yểm-trợ. Hai đạo này có vào khoảng 10.000 người, một đóng ở Hoành sơn (đèo Ngang) tại miền Bắc Quảng Bình có nhiệm vụ giữ con đường phía Đông (quốc lộ số 1 ngày nay) một đóng ở Hà-Trung, phía Nam Hà-Tĩnh, lúc cần có thể dễ điều-khiển mọi việc trên cả hai con đường Đông Tây.

Quân Nguyễn thì có 3.000 người đóng đồn ở Võ-Xá theo lệnh của Nguyễn Hữu-Dật.

Chiến tranh tới đây thì ngừng lại do cái chết của Công-Thượng Vương cũng đi đốc chiến vào tháng 2 năm ấy tức là lúc khởi chiến (23-2 đến 23-3). Công-thượng Vương tới làng Trung-Chỉ, cách Quảng-Trị độ 10 cây số, vào ngày 25-2 thì bị bệnh (ngày 3 tháng 2 ta) Đến ngày 18-3 thì tình-trạng của Chúa quá nguy-kịch, nên phải đưa Chúa về Thuận-Hóa bằng đường thủy, đến phá Tam-giang thì Chúa mất trên thuyền, đúng ngày 19-3-1648.

Nguyễn Phúc-Tần lên thay tức là Hiền-Vương, bảy năm sau quân Nguyễn lại tái chiến với quân Trịnh.

QUÂN SỐ TRONG MỘT CUỘC THAO DIỄN CỦA CHÚA HIỀN

Tháng 8 năm Mậu-tí (1648), chúa Hiền mở một cuộc duyệt binh rất long trọng. Dưới đây cuốn *Thực-lục* cho ta biết tỉ-mỉ các đơn-vị riêng biệt đã họp thành quân-lực của Chúa Nguyễn vào giữa thế kỷ XVII.

1·) Trung hầu-cơ, gồm 10 thuyền có 300 người

2·) Nội-bộ, gồm có 60 thuyền có trên 3280 người

3·) Tả-trung và hữu trung-cơ ; — Nội thủy = 58 thuyền và 6410 người

4·) Cơ tả trung-kiên. cơ : 12 thuyền và 600 người

5·) Hữu trung-kiên cơ : 10 thuyền và 500 người

6·) Hai cơ tả hữu trung bộ = (mỗi cơ có 10 thuyền tất cả có 4.150 người)

7·) Cơ tiền trung-bộ : 12 đội (mỗi cơ có 5 thuyền gồm có 2.700 người)

8·) 4 cơ tả hữu, tiền, hậu được mỗi cơ có 5 thuyền tất cả có 1.100 người

9·) 4 đội tả, hữu, tiền, hậu thủy có 5 thuyền — mỗi đội có 2.100 người

10·) Tả, hữu, tiền, hậu súng có 6 thuyền mỗi cơ có hơn 2 100 người

11·) Đinh tả bộ có 10 thuyền : 460 người

12·) 4 đội tiền, hậu, tả, hữu Bình = 4 thuyền (mỗi đội có hơn 200 người)

13·) Tả thủy cơ có 5 thuyền (hơn 200 người)

Tổng-số có chừng 20.740 người.

Cơ : quân số lên xuống thất-thường

Đội : có quân số nhất-định.

TRẬN ĐÁNH THỨ NĂM (ẤT - VỊ 1655) TẠI NGHỆ - AN

Trước cuộc chiến-tranh mở vào tháng 6 năm ấy tức là 25-6 đến 22.8.1655, Chúa Hiền có đem quân đánh Chàm chiếm đất của họ thuộc tỉnh Khánh-Hòa ngày nay (Nha-Trang) lập ra Dinh Thái-Khang

Cửa sông Nhật-Lệ lại được phòng-thủ thêm về phía tả-ngạn bằng một cái đồn nhỏ nữa gọi là Sa-Chung hay là Chung-Phong. Việc xây-dựng này tỏ rằng chúa Nguyễn luôn luôn ra công phòng-thủ biết tình thế của hai miền Nam-Bắc vô cùng quyết-liệt.

Hai năm sau (Ất-vị), cuộc xung đột lại tái diễn. Lê văn Hiểu ra lệnh cho Phạm tất-Toàn đem quân vượt sông Linh-giang đánh vào Nam Bố-Chính. Chúa Hiền cử Nguyễn hữu-Dật và Nguyễn hữu Tiến (Tấn) tiến lên đối chiến với quân Trịnh ở đây. Quân Trịnh bị đánh bất ngờ. Phạm tất-Toàn phải đầu hàng và Bắc Bố-Chính đổi chủ. Quân Nguyễn liền chia ra đánh Hoành-sơn. Quân của Hữu Đức giữ không nổi bỏ chạy nhờ vậy mà quân Nguyễn đánh ra Dinh Hà-Trung. Lê văn Hiểu ra công cự địch nhưng cũng thua rồi chạy về An-Trường với Hữu Đức. Nguyễn Hữu-Tiến đánh Thạch-hà. Tham-đốc của Trịnh là Đặng minh-Tác ra hàng, Văn Hiểu và Hữu Đức kéo quân về đóng đồn ở Đại-Nại cố giữ không cho quân Nguyễn đi xa hơn nữa.

Theo *Thực-lục*, *Liệt-truyện* và *Toàn-thư*, kế-hoạch đánh Trịnh của Nguyễn hữu-Dật được bàn với chúa Hiền như sau

« Từ 1643 đến giờ. quân ta chưa hề phạm tới miền Bắc sông Gianh. Nay chia quân ra làm 3 đạo Tiền-quân đánh Tất-Toàn trước. Trung-quân đánh vào phía sau lưng để quân Trịnh ngờ rằng hai đạo qnân này lúc cần sẽ tiếp tay cho nhau để chiếm lấy Bắc Bố-Chính. Văn-Hiểu ở Hà-Trung hẳn nghĩ rằng quân

Nguyễn chỉ có lo đánh Tất Toàn mà thôi ắt sẽ đến tiếp-viện gấp cho Toàn. Lực-lượng giữ thành của Văn Hiểu hẳn không còn bao nhiêu thì nhân dịp này tiền quân sẽ đánh tạt bất ngờ vào Hoành-sơn (nơi này đang do Hữu-Đức trấn giữ) rồi chiếm nốt Hà-Trung bấy giờ gần như bỏ ngỏ.

Nhiệm-vụ đánh vào Hà-Trung sẽ trao cho hậu quân... » Trên đây ta đã thấy quân Nguyễn đánh Bắc Bố-Chính như thế nào, riêng hậu -quân có những hoạt động không kém quan-trọng để quyết-định tình thế của miền Bắc Bố-Chính bấy giờ. Bộ Tổng-chỉ-huy của chúa Hiền cắt đặt như sau cho hậu quân :

Tướng Xuân - Sơn làm tiên-phong điều động bốn đội do Nguyễn-Cửu-Kiều, Cai-cơ Cao bá-Phúc, Tống-Oai và Nguyễn-Nghĩa chỉ huy (mỗi đội có từ 200 đến 500 người) Đạo quân này do Nguyễn Hữu-Tiến làm tư-lệnh, có phận sự đánh vào Hà Trung (1).

Rồi ở đây chiến-sự đã diễn ra như sau :

Ngày 22-5-1655, quân Xuân-Sơn chiếm đóng cửa Ròn cách sông Gianh 18 cây số về phía Bắc và cách Hoành-sơn 10 cây số rồi tiến thẳng tới Hoành-sơn, Hữu - Đức thua bỏ chạy về Lạc - Xuyên cách Hà-Trung 15 cây số về phía Bắc chiếm được vũ - khí và ngựa voi khá nhiều vì đồn này có tới từ 1.000 đến 5.000 quân. Rồi nhân

---

(1) Từ đấy chúa Nguyễn coi Hữu-Dật có mưu cơ như Tử-Phòng và Bá-Ôn là hai chiến-lược-gia cừ-khôi nhất ở đời Hán.

Giáo sĩ A. de Rhodes còn kể rằng quân Nguyễn lại bày cả mưu làm những bù-nhìn lấy hình các binh sĩ Bồ-đào-Nha cầm gậy giả súng nhấp nhô trên các cồn cát bên tả ngạn sông Nhật-Lệ để quân Bắc ngờ rằng quân Bồ-đào-Nha giúp quân Nguyễn trong trận đánh thời đó. Qua sự-kiện này ta có thể nghĩ rằng quân đội Bồ-đào-Nha đã có phen dự chiến giúp Nam-hà chăng ?

cuộc thắng trận này,quân Nguyễn đánh luôn Hà-Trung cách đó độ 30 cây số về phía Bắc. Tại đây Văn-Hiểu thân đốc.chiến rất là hăng-hái cùng với hai bộ tướng là Trần-Bái và Kỉ-Thiệu. Quân Nguyễn đuổi sức phải rút lui về Khe Bàn Thạch, may được Hữu-Tiến đem đại quân đến trợ-lực vừa kịp. Tướng Trịnh là Trần-Bái tử trận, Kỉ-Thiệu bỏ chạy rồi Dinh Hà-Trung lọt vào tay quân Nguyễn.

Văn-Hiểu rút vào rừng núi tính đánh lạc đường quân Nguyễn bằng cách chạy qua thung-lũng Ngàn-Sâu tháo về phương Bắc.

Hữu-Dật đã dự đoán sự-kiện này nên đã đặt một đội quân mai phục ở núi Bàn-Thạch, Văn-Hiểu vừa tới thì Hữu-Dật nhô ra đâm trúng tay trái của Hiểu nhưng viên tướng Trịnh vẫn chạy được về tới An-Trường. Hữu-Đức cũng kịp tháo về tới đây. Hữu-Dật định nhân cuộc thắng trận này cố đuổi theo quân Trịnh, nhưng Hữu-Tiến cẩn thận hơn bàn với Hữu-Dật rút về Hà-Trung và cho báo tiệp về chúa Hiền.

Vì chuyện này, chúa Hiền khen ngợi Hữu-Tiến không ham chiến là phải vì địch chưa yếu hẳn và khuyên Dật từ nay nên thảo luận mọi việc với Hữu-Tiến nhưng hai người bắt đầu khó chịu với nhau từ đấy. (1)

Tóm lại trong chiến-dịch tấn-công miền Bắc sông Gianh nhờ có mưu của Hữu-Dật mà quân Nguyễn đại thắng. Nhưng sau cuộc đại-thắng này Hữu-Dật còn đánh được một đòn ly-gián vào chúa tôi họ Trịnh mà Lê văn Hiểu sẽ thành nạn-nhân (2)

---

(1) Sau này quân Nguyễn có phen bại trận chỉ vì chỗ hai tướng bất-hòa với nhau.

(2) Các sử-gia Âu-châu không tán thành mưu này cho rằng thiếu tính-cách quân-tử.

Hữu-Dật gửi một bức thư cho Văn-Hiểu khuyên ra hàng. Văn-Hiểu khẳng-khái từ chối. Tuy vậy Dật vẫn bí-mật cho Nguyễn văn-Phượng và em là Nguyễn văn-Trường liên lạc với quân do-thám của Trịnh cho biết Hiền có ý về đầu Nguyễn. Đô-đốc của Trịnh ở đó là Sùng, liền báo tin cho chúa Trịnh, chúa tin ngay nên ra lệnh bắt giải Hiểu về Thăng Long. Hiểu về nửa đường thì chết vì vết thương trong trận đánh ở Bàn-Thạch (Hà-Trung). Theo giáo sĩ A. Launay trong cuốn *Histoire d'Annam* (trang 161-162) thì Lê văn-Hiểu bị oan tình nên đã uống thuốc độc tự vận. *Toàn thư* nói Hiểu chết vào tháng 5 và sắc-chỉ làm tội Hiểu ra vào tháng 6 thu hết bằng sắc và chức tước. Dĩ-nhiên sách này không nói rõ mưu kế của Hữu-Dật.

Còn Lê hữu-Đức, Vũ-Lương và nhiều tướng-tá miền Bắc dự vào trận này cũng bị giáng chức hay lột chức.

Rồi Thanh-Đô Vương tháng 6 năm ấy cử Thái-bảo Khê Quận-công Trịnh-Trượng làm Thống-lĩnh Kinh-lược đất Nghệ-An, Bồi-tụng Nguyễn văn-Trạc làm Đốc thị, Nguyễn-Tính làm Phó Đốc-thị và 18 tướng tá đem quân vào miền Nam sông Lam-Giang để phục thù (tức là sông Cả bây giờ).

Đầu tháng 8 năm ấy tức là 31.8 đến 2.9.1655 Trượng đến Lạc-Xuyên cách Bắc Hà-Trung 15 cây số thì hạ đồn. Võ văn-Thiêm đem 50 chiến thuyền đóng ngay tại cửa sông Kỳ-la là thủy-đạo lên đến đồn Hà-Trung.

Thấy quân Bắc tới, Hữu-Tiến và Hữu-Dật bàn nhau lui binh về sông Giang, bí-mật đặt lục-quân phục-kích ở Lũng Bông, thủy quân giữ cửa Ròn. Nhưng quân Trịnh không mắc bẫy vì biết Hữu-Tiến và Hữu-Dật là hai danh-tướng của Nguyễn vốn nhiều thủ-đoạn.

Nhử địch không xong và đã hơn một tháng quân Trịnh không cử động, Hữu-Tiến và Hữu-Dật liền thay đổi chiến-lược được sự chấp thuận của Hiền Vương, đi tấn công.

Đây là trận đánh thứ hai trong năm Ất-Vị (1655).

Nguyễn chia quân đóng hết các nẻo đường. Tiền-quân của Trương phúc-Hùng, Phù-Đương, Thuần-Đức và Khuê-Thắng đánh vào quân tuần-thám của Trịnh ở Hà-Trung. Quân Trịnh bị bại, quân Nguyễn tiến tràn vào Lạc-Xuyên, Trịnh-Trượng thua chạy.

Đại quân Nguyễn do các tướng Tống hữu-Đại, Xuân-Sơn, Phù-Tài quản đốc nghe Lạc-Xuyên hạ bị bại liền tiến đánh Lạc-xuyên thượng cũng đại thắng và thu được nhiều voi ngựa vũ-khí. Thủy-quân của Hữu-Dật tiến vào cửa Kỳ-La đánh lui được Võ văn-Thiêm về cửa Đơn-Giai (sông Vinh). Sau cuộc tấn công này, quân Trịnh rút cả về An-Tràng (tỉnh lỵ Nghệ-An ngày nay) rồi thiết-lập căn-cứ ở phía Bắc sông Lam-giang từ Nghĩa-liệt đến cửa Đơn-Giai. Quân Nguyễn định tiến nữa, sau e đi quá sâu vào đất lạ bất lợi nên ở lại giữ Lạc-Xuyên.

Bảy huyện của Nghệ - An ở phía Nam Lam - giang về đầu quân Nguyễn. Xin nhắc tỉnh Nghệ bấy giờ chạy dài xuống tới sông Gianh và gồm cả tỉnh Hà-Tĩnh và miền Bắc Quảng-Bình. Bảy huyện kể trên là : Kỳ-Hoa, Thạch-Hà, Thiên-Lộc, Nghi-Xuân, La-Sơn, Hương-Sơn, Thanh-Chương tức là toàn bộ tỉnh Hà-Tĩnh và một phần Nghệ-An.

Trước tình thế nghiêm-trọng này,chúa Trịnh Tráng lo ngại, ủy Tây-Định Vương Trịnh-Tạc (con Chúa) vô Nam. Tháng 9 năm ấy, Tạc mang đại quân vào Nghệ An rồi đóng ở An-Tràng.

Rồi sau hai tháng, Thanh-đô Vương lại kêu Trịnh-Tạc về để Hữu đô-đốc Ninh Quận công Trịnh-Toàn thay thế. Toàn là con út của Chúa là một danh tướng tuy trẻ tuổi nhưng có nhiều khả-năng, đức-độ khiến binh sĩ rất mến phục. Một số tướng lĩnh mới

được cử ra thay những tướng lĩnh cũ đã thất trận mấy tháng trước đây (1) trong dịp có viên tổng chỉ-huy mới.

Quân Bắc đóng ở An-Tràng từ tháng 9, qua tháng sau mới hoạt động, tiến đánh Kỳ-Hoa. Hữu-Tiến rút quân của mình ra khỏi Lạc-Xuyên và tới đóng ở Hà-Trung, (có lẽ để nghe ngóng thực-lực của Trịnh). Nhưng đến tháng 11 quân Trịnh trở về An-Tràng.

Vào tháng 12 (Ất-Vị), quân Trịnh đóng ở Minh-Lương vào đánh huyện Kỳ-Hoa trước đã về hàng Nguyễn.

Hữu-Tiến đem quân đánh chiếm huyện Thạch-hà đuổi được quân Trịnh, còn Hữu-Dật trong giai đoạn này lo làm binh-vận về phía quân-đội Bắc-hà, bên kia bờ Lam-giang.

Mật số nhân-vật bất mãn với họ Trịnh như Mạc Kính-Hoàn ở Cao-Bằng, Quận-công Danh Phấn ở Hải-Dương, Phạm hữu-Lễ ở Sơn-Tây đều hứa nếu binh đội của Hiền-Vương vượt được qua Lam-giang, họ sẽ động binh hưởng-ứng. Hải-Dương sẽ kháng thuế để triệt lương quân đội. Cao-bằng sẽ đánh xuống Lạng-Sơn, Sơn-Tây sẽ chiếm lấy thành của tỉnh này.

Tháng giêng năm Bính-Thân (1656), quân Nguyễn Bắc tiến đuổi được quân Trịnh tới sông Tam-Chế thì bị một lực lượng Bắc-hà đánh lui. Trận này quân Trịnh thắng khá oanh-liệt nên nhiều tướng lĩnh được thăng thưởng ngay lập tức.

Tháng hai, Hữu-Dật tiến đến núi Hồng-Lĩnh (quân kéo từ Bắc xuống Nam qua hai huyện Nghi-Xuân và Thiên-Lộc) gặp quân Võ văn-Thiêm đang cho thủy quân đổ bộ, Hai bên giáp-chiến. Quân

---

(1) Trong dịp này chúa Trịnh, nghiêm phạt các tướng lĩnh thất trận, một số bị chém và xử giảo, một số bị lột chức, giáng chức. Xét ra quân-pháp của chúa Trịnh còn nghiêm hơn quân-pháp ngày nay.

Trịnh ở đây cũng như ở nhiều nơi khác lại rút về An-Tràng. Hữu-Dật và Hữu-Tiến tập hợp các cơ-đội về Vân-Cát (huyện Thạch-hà) Chúa Hiền cho đem vàng lụa đến khao thưởng.

Vào tháng 5, Trịnh Nguyễn lại khởi chiến, Trịnh-Toàn mang quân đến Thạch-hà, Đào quang-Nhiêu (trấn-thủ cũ của Nghệ-An) và Dương-Hồ đóng ở Đại-Nại, Hương-Bộc ở ngoài thành (thành Hà Tĩnh bây giờ) với bộ binh. Quận-công Thung, Lê sĩ-Hậu Bùi sĩ-Lương đem thủy quân đóng ở cửa Nam-Giới, cửa Sót. Võ văn-Thiêm đóng ở Đơn-Giai (cửa sông Vinh). Bọn Hữu-Dật thấy quân Trịnh kéo đến cũng động-viên quân-đội thủy lục.

Thủy-quân của Nguyễn do Dương Trí kéo đánh cửa Nam-Giới do Quận-công Thung giữ. Tại đây một trận thủy chiến đã diễn ra : Quận-công Thung bị đánh rất nguy, được Trịnh-Toàn cho Quận-công Lý đến cứu viện. Về phần Hữu-Dật cũng đem bộ binh chạy tới tăng cường cho Dương Trí đang ở giữa khơi, đánh quân Trịnh rất hăng đến nỗi thủy-quân Trịnh vừa bị thủy-quân Nguyễn tấn công mà trên bộ đại-bác của Nguyễn cũng nã xuống,

Quận-công Lý chạy được, Quận-công Thung bị bắt với ba chục chiến-thuyền. Phò mã Trịnh đến giải cứu bằng thủy-quân nhưng lại rút lui vì hỏa-lực của Nguyễn dữ dội quá. Các tướng của thủy quân Trịnh là Lê sĩ-Hậu, Bùi sĩ-Lương, Nguyễn Hữu-Sắc, Thái bá-Trật cũng chạy hết.

Hữu-Dật liền tiến đánh Trịnh Toàn tại bến đò Hoạt-Độ, cố bao vây nhưng bị đánh lui phải bỏ về cửa Nam-Giới thủ thế với Dương Trí. Trong lúc này ở phía Nam cách đó không xa quân Nguyễn bị quân Trịnh đánh thua, tiền quân của Nguyễn do các tướng Phúc-Khang, Phù-Dương bao vây tướng Đào quang-Nhiêu của Trịnh tại Hương-Bộc rất ngặt. Trịnh-Toàn liền đến cấp cứu. Toàn trao cờ lệnh cho Đốc-thị Dương-Hồ làm bùng cháy lòng ái quốc và trung-thành của y nên y trèo lên mình voi xông ra chiến-địa thúc quân đánh rất hăng, còn Toàn tự mình dẫn đạo kỵ-binh sát phạt quân Nguyễn như vũ bão. Nhờ có viện-quân tới, Đào-

quang-Nhiêu mở rộng cửa thành đánh ra, quân Nguyễn bị đánh dồn dập cả hai mặt không chịu nổi phải thua chạy.

Tại Đại-Nại, quân Bắc cùng quân Nam cũng giao-tranh kịch liệt. Quân Nguyễn cũng thua và mất một số lớn binh sĩ, voi ngựa và vũ khí. Tướng Nguyễn là Nguyễn cửu-Kiều bị trọng thương ở trận này rồi chết (Kiều mất vào năm 58 tuổi là em vợ Sãi-Vương vốn thuộc họ Mạc được đổi sang họ Nguyễn vì tín-nhiệm).

Bại trận luôn hai lần, quân Nam phải rút về Hà-Trung quân Bắc đuổi theo nhưng không dám vượt qua làng Tam-Lộng, huyện Cẩm-Xuyên.

Hữu-Tiến liền nghĩ ra một kế-hoạch là phục-kích quân Trịnh ở các thủy-lộ bằng thủy quân của mình ở Phù-Thạch thuộc huyện La-Sơn, Triều-Khẩn thuộc huyện Hưng-Nguyên, Việt-An thuộc huyện La-Sơn, lại cho Hoằng-Tín nấp ở sông Minh-Lương (huyện Thiên-Lộc) với một số chiến-thuyền còn đại quân của, Hữu-Dật thì mai-phục ở làng Nam-Ngàn (La-Sơn) Xem cách bố trí này của Hữu-Tiến, thì Tiến đoán Trịnh vừa thắng hai trận lớn ắt thừa thế sẽ từ Hà-Tịnh tiến vào Nghệ-An nên cho quân ẩn nấp ở các nẻo đường thủy chờ chặn đánh quân Trịnh. Thủy-quân của Nguyễn phần lớn bấy giờ để ở Lam-giang.

Được biết Hữu-Dật đang có mặt ở Nam-Ngàn, Trịnh-Toàn cử hai tướng là Quận-công Tào-Nham và Diễn-Thọ đi đánh. Đạo quân này bị rơi vào ổ phục-kích của Nguyễn và hai tướng bị chết về tay Đỗ-Tín. Còn Trịnh-Toàn qua Bình-Hồ (La-Sơn) gặp quân Hoằng-Tín cũng thiệt-hại nhiều nhưng chạy được về An-Tràng.

Xét ra, đôi bên cũng không hơn kém nhau bao nhiêu. Quân Trịnh bấy giờ không tiến được hơn đành chỉ cố-thủ ở miền Bắc sông Lam mà thôi.

Tháng 7 năm 1656, Hiền-Vương do tin thắng trận của quân mình, tính đem binh lên Bắc Bố-Chính nhưng lại thấy quân rút

về Hà-Trung nên cho rằng ngừng lại ở An-Trạch (Nam Quảng-Bình) thì hơn.

Hữu-Dật về hội-kiến với chúa Hiền ở đây kiểm-thảo rút riết kết quả của các cuộc hành quân thấy rằng không đáng kể là khả quan, bảy huyện bên kia sông sẽ khó giữ nổi và thêm tổn phí nên giữ thế thủ là hơn rồi quyết-định xây dựng trường-thành bên tả-ngạn sông Lam.

Hữu-Dật còn phê-bình việc cắt đặt các tướng-tá không đúng nguyên-tắc vì đã đặt tình họ hàng, thân thuộc lên trên hết, khiến nhiều kẻ đã làm việc sằng bậy,cướp phá nhân dân do đó lòng người ta thán, thà cấp riêng cho họ tiền bạc để họ sống còn hơn.

Những tháng chót của năm Bính Thân (1656), hai phe Trịnh Nguyễn đều im hơi lặng tiếng. Có lẽ người ta đã muốn dưỡng sức cho quân dân sau những trận giặc vô cùng khốc-liệt. Về phần Nguyễn, tuy thường thắng trận nhưng thực-lực của miền Thuận, Quảng rõ ệt không đủ để theo đuổi một chiến-cuộc trường-kỳ. Về phần Trịnh đã bị bất lợi nhiều cũng xuống tinh thần và cần phải cởi yên bỏ giáp, còn do nội tình bối-rối nữa, vì Trịnh-Tráng lâm bệnh sắp thở hơi tàn, trong nhà anh em lại có sự nghi ngờ nhau nên Trịnh-Tạc đang hành-quân ở Nghệ An đột-nhiên được gọi về Thăng-Long.

Trịnh Tạc đã được phong Vương để thay Trịnh Tráng nhưng giữa Trịnh-Tạc và Trịnh-Toàn có sự ghen ghét.

Tháng 5 năm ấy, con Trịnh-Tạc là Trịnh-Căn được phong Thế-tử mang chức Thái-Bảo, tước Quận-công, tháng sáu được cử vào Nghệ An làm Thống-lĩnh bề ngoài để giúp Trịnh Toàn nhưng bề trong là để kiểm soát và chia xẻ quyền hành của chú. Rồi liên tiếp mấy tháng sau, nhiều mưu thần võ tướng được lĩnh chức mới gửi vào Nghệ An trong đó có Trịnh-Đống.

Tháng 11 Bính Thân (17-12-1656 — 13-1-1657), quân-đội Bắc-hà chuyển động và tiến xuống miền Nam Lam-giang. Trịnh-Toàn đương ở Quảng-Khuyến tại huyện Thiên-Lộc; Trịnh-Căn cắm trại cũng ở huyện này, đào hào đắp lũy phòng nhau. Rồi Toàn có ý mang hết binh đội về An-Tràng, Trịnh-Căn lo ngại lui về đóng ở Phù-Long, huyện Hưng-Nguyên tình-thế rất là gay-go.

Chúa Hiền tiến quân lên Dinh Trạm (Nam Quảng-Bình) rồi lên đến Dinh mười. Tại đấy Chúa tiếp đón một vài nhân-vật đối-lập của Trịnh ở Bắc-hà là Phụng, con Phạm hữu-Lễ (Sơn Tây) Văn-Tường và Hoàng-Sinh đã hứa hẹn sẽ tiếp tay cho Chúa nếu có cơ-hội.

Ngày 16 tháng 4 năm Đinh-Dậu (1657), chúa Thanh-đô Vương qua đời. Trịnh Tạc liền thanh toán ngay vấn đề Trịnh Toàn là cho người vào đòi Toàn về kinh. Một số thủ-túc của Toàn, sợ cháy thành vạ lây, chạy qua đầu hàng quân Nam.

Toàn chịu bó tay về Thăng-Long sau khi trao hết tướng sĩ cho Trịnh-Căn. Số phận của Toàn ít ngày sau là bị giam và chết trong tù.

Trịnh-Căn được thay Trịnh Toàn làm chủ Nghệ-An.

Quân Nam bấy giờ vẫn tiếp tục giữ thế thủ. Tháng 6 năm ấy, Trịnh Căn. khởi chiến, chia ra ba đạo thuộc Lê thì-Hiến, Hoàng nghĩa-Giao và Đặng thế-Công chỉ-huy vượt, sông Lam vào mé trên gặp quân Nam ở địa-phận làng Nam-Hoa. Giai-đoạn đầu quân Bắc tiến thì quân Nam lùi, sau đó quân Nam phản-công Trịnh Căn thấy quân mình núng thế liền đến cứu viện cho Đặng thế-Công đánh ập vào sườn quân Nam. Thủy quân Trịnh đổ bộ kịp thời, quân Nam thua chạy. Nhưng tuy được, quân Trịnh vẫn rút về An-Tràng và khao thưởng tướng sĩ.

Tháng 9 năm Dậu, Trịnh-Căn phái Thắng-Nham đi chiếm Đồng hôn nhưng thấy vùng này ẩm thấp, e bị nước lụt nên sau quân Trịnh lại rời tới Thổ-sơn-hạ. Quân của Hữu-Dật nhân một cơn

mưa to gió lớn, nước sông dâng lên cao, tấn-công quân Bắc ở đây. Quân Bắc bỏ chạy.

Đầu năm Mậu-Tuất, Trịnh-Tạc gửi thêm tướng sĩ mới cho Trịnh-Căn.

Trận giặc này kéo dài khiến hai bên đều hao tổn mạnh. Tháng 5 năm Mậu-Tuất (1-30.6.1658), vua Lê Thần-tông phải ra sắc dụ kêu gọi nhân dân giúp gạo. Triều-đình tùy theo số gạo mà cấp chức tước.

Chúa Nguyễn cũng phải đứng trước sự khó khăn về quân lương mà từ xưa đến nay vẫn do các tỉnh miền Nam cung-đốn. Bấy giờ Hiền Vương phải thiết lập ở phía Nam Lam-giang (Nghệ An) một ty kiểm-tra dân-số, phân làm ba hạng: hạng khỏe mạnh tức là hạng để sung vào cơ ngũ, hạng dân đinh là những người ở nhà có thể gọi nhập ngũ và thường dân, loại già yếu, tật-nguyền. Ai cũng phải nộp thuế thân để nhà nước cung-ứng cho quân đội. Việc thuế này làm dân chúng địa-phương bất mãn, Hữu-Dật phải cho người đi giải-thích. Chúa Hiền còn phải thi hành một đạo Dụ đánh thuế ruộng ở 7 huyện Nghệ An, cũng do nhu-cầu trên đây.

Tháng 8 năm Dậu, chúa ra lệnh tuyển các người có văn học ở Bắc Bố-Chính và ở 7 huyện bên kia Lam-Giang để trông nom các việc quân dân chính.

Dầu sao thì những việc thuế má ở Nghệ An cũng đã làm cho dân chúng ở đây vỡ mộng vì họ thấy chính-quyền mới chẳng cho họ một lợi lộc gì, vì vậy nhiều kẻ lại trở về với Chúa Trịnh.

Trong tháng cuối cùng của năm 1658, có mấy trận đánh như sau: một tù-trưởng tại Quỳnh-Lưu tên là Lang-công-Cần dẫn một đạo quân Nam theo đường núi đến tận Dương-Hợp (huyện Đông-Thành) đánh vào quân Trịnh thì bị đẩy lui trở về phía Nam Cần tiếp tục ẩn-nấp để chống nhau với quân Bắc, sau bị Phạm-Thành và Đàm cảnh-Giai bắt được, đóng cũi mang về Thăng-Long.

Tháng bảy, quân Nguyễn vượt Lam-giang đánh vào đồn của Nguyễn Hữu-Tá tại làng Mỹ-Dư, huyện Hưng-Nguyên. Tá cho rằng không đủ sức kháng cự đã bỏ chạy. Lè thì-Hiến vội xuất quân chặn quân Nguyễn làm cho địch chết đuối rất nhiều. Tá bị lột chức ngay lập tức vì đã tỏ ra hèn nhát.

Tháng 8, quân Nguyễn trở lại đóng ở Bạch-Đàn và Nam-Đàn. Đào quang-Nhiêu ứng chiến, Sau trận đánh ở Đông-Thanh một tướng Bắc là Hoàng nghĩa-Chấn bị xử giảo vì không tiếp viện cho Quang-Nhiêu.

Cũng dịp này, Phạm-Phụng, con Phạm-hữu-Lễ ở Sơn-Tây vẫn làm gián-điệp cho quân Nguyễn báo Hữu-Tiến, tướng giữ đồn Vân-Khả là kẻ tham ác có thể đánh được. Hữu Dật nghe lời, lựa hồi mưa lụt đánh tan được quân Trịnh nhưng lại rút vì đồn này xa căn-cứ của Nguyễn khá nhiều. Trịnh Căn đợi quân Nguyễn rút lại cho chiếm đóng đồn này trở lại.

Cuối năm 1658. Trịnh-Căn lại mở cuộc tấn công vào Tuần-Lê, quân Nguyễn đại bại.

Suốt năm 1659, Trịnh-Nguyễn không có hoạt-động gì đáng kể. Qua năm sau cuộc gây hấn diễn ra rất muộn. Quân Nam thấy mình không mạnh nên không tiến đánh. Quân Bắc cũng có chủ trương đợi thời. Xem ra quân Nguyễn đến bấy giờ xa nhà đã lâu nên có ý nản muốn về. Hữu-Dật muốn động binh nhưng các tướng sĩ không tán-thành. Hữu Tiến lại có ý ghen ghét về những việc chúa Hiền thăng thưởng đặc-biệt cho Hữu-Dật...

Tháng 9 năm 1660 Hữu Tiến đem quân vượt sông Tam-Chế đánh vào đồn Do-Nha. Binh sĩ đào ngũ rất nhiều, Hữu-Tiến phải trở về. (Xem thế đủ rõ tinh-thần quân Nguyễn lúc này xuống cũng mạnh).

Trịnh-Căn thấy quân Nguyễn đóng ở Lận-Sơn chuyển binh sang sông Lam-Giang tính tới nửa đêm sẽ đánh vào quân Nguyễn. Nhưng tới Lận-Sơn thì quân Trịnh đã bị quân Nguyễn vây rất kỹ. Đại quân của Trịnh-Căn vội đến giải vây, quân Nguyễn phải lùi.

Đạo quân khác của Trịnh do Lê-Hiến và Mẫn văn-Liên gặp quân Nguyễn ở làng Tả-Ao. Mẫn văn-Liên tử trận nhưng quân Nguyễn phải bỏ Hoa-Viên về đóng ở Nghi-Xuân.

Quân chủ-lực của Nam-hà lúc này đều đóng cả ở đây. Hữu-Tiến và Hữu-Dật không đồng - ý với nhau về chương-trình hành-quân do sự đố-kỵ cá-nhân như ta đã thấy.

Giữa khi đó, Trịnh-Căn cho quân đánh làng An-Điềm và Phù-Lưu, quân Nguyễn bị thua. Nghe tin này Hữu-Tiến quyết định đem quân về nhưng hư-truyền đến tối 28 thì đem hết binh đội sang đánh An-Tràng, Hữu-Dật đi hậu tiếp. Nhưng Hữu-Tiến trái lại cho các tướng rút hết về Nam Bố-Chính không cho Hữu-Dật biết.

Đến khi bọn Hữu-Tiến đi hết thì quân Trịnh đã sang sông đánh vào đồn Khu Độc, Dật phải dùng kế nghi-binh mới chạy thoát được về Hoành-sơn thì gặp được quân Tiến.

Trịnh, Nguyễn kịp đuổi nhau đến đây, giáp-chiến một trận nửa chết hại rất nhiều. Sau đó, quân Trịnh đóng ở Kỳ-Hoa, quân Nguyễn đóng ở Nhật-Lệ. Bảy huyện thuộc vùng Lam giang từ đấy lại thuộc về Bắc. Mấy tháng cuối cùng của năm Canh-Tý (1660) đã rất đen tối cho quân Nguyễn. Họ đã bị đánh lùi về vị-trí cũ là Nam Bố-Chính. Tinh-thần chiến-đấu bị suy giảm rất nhiều, quân dân đã theo hàng quân Nguyễn ở 7 huyện thuộc Lam-giang trước đây cũng bỏ Nguyễn theo Trịnh hết.

Hữu-Tiến tới đóng ở Đồng Hới — Hữu-Dật thủ thế ở tiền-đồn Đông Cao, thuộc tả-ngạn sông Kỳ-Hoa phòng quân Trịnh đánh xuống Nam Bố-Chính.

Tháng chạp năm ấy, bốn đại diện của Triều-đình nhà Lê là Nguyễn quốc-Khôi, Nguyễn công-Bích, Phạm duy-Chất và Nguyễn tôn-Lễ mang sắc-dụ vào Nghệ-An khen ngợi Trịnh-Căn và phong

chức Khâm-sai Đại-thần thống-lĩnh quân-đội toàn-quốc, Thái-úy Nghi Quốc-công.

Tháng hai năm sau (Tân Sửu), Trịnh Căn về Thăng-Long để Đào quang-Nhiêu làm Trấn-thủ Nghệ An kiêm cả quyền quản trị Bắc Bố-Chính, Lê-sĩ-Triệt, Hồ sĩ-Dương và Trịnh thì-Tế lĩnh chức Đốc-thị giữ Hà-Trung và Kỳ-Hòa.

Tháng tư,có việc thăng thưởng các tướng tá đã chiến-thắng trong các trận đánh năm Tý. Đến đây,chiến-dịch Nghệ-An cáo-chung sau 6 năm ròng và thắng lợi mà Trịnh lượm được một phần nhờ ở tướng lĩnh Nam-hà bất hòa, một phần ở thực-lực Bắc-hà dồi dào và sau cùng là chính-sách thuế khóa của nhà Nguyễn đã làm cho nhân dân Nghệ An thất vọng.

Còn nên nhớ điều nữa là do 6 năm chiến-đấu xa nhà, quân Nguyễn đã mòn mỏi tinh-thần khá nhiều.

ĐẠI-CHIẾN LẦN THỨ SÁU (TÂN-SỬU 1661)

TRỊNH-CĂN về Thăng-Long tháng hai năm Tân Sửu, như trên đã nói, do hai cớ : Cớ thứ nhất là để hưởng-thụ sự chào đón tưng bừng của vua quan và nhân dân miền Bắc đối với người anh hùngchiến-thắng miền Nam. Cớ thứ nhì lâ để binh sĩ có dịp nghỉ ngơi sau 5 năm gian lao, mệt mỏi, rồi cuối năm Sửu, Trịnh lại khởi chiến (1).

Trịnh Căn vẫn giữ chức Thống-lĩnh ; Đào quang-Nhiêu

---

(1) **Cương mục** *nói Trịnh khởi trận đánh vào tháng 10 nhuận. Theo De Calendrio sinico của P. Hoàng thì vào tháng 7.*

Thực lục *cho rằng cuộc khởi hấn Trịnh - Nguyễn nhập vào tháng chạp (tức là 20-1 — 17-2-1662).*

làm Thống xuất (2) Lê-Hiến và Hoàng-Nghĩa giao là Đốc-xuất, thêm 3 Đốc-thị là : Lê sĩ-Triệt, Trịnh thì-Tế và Thân-Tuấn.

Lần này, chúa Trịnh rất khôn khéo, mời vua Lê Thần-tông đi dự chiến để lấy thêm uy-tín vì dân Hà-Tĩnh và Bố-Chính vừa đây nghiêng ngả theo Nguyễn. Vua đóng ở Phù-Lộ trên hữu-ngạn sông Gianh mà trước đây không lâu chúa Hiền đã có dịp đến hạ Tổng-hành-doanh.

Quân Trịnh chia ra 3 đạo : thủy-quân đến đóng ngay tại cửa sông Nhật-Lệ. Bộ-binh qua sông Gianh tiến vào Nam-Bố Chính, còn đại-quân hẳn tùy sự điều-khiển của Thống-lĩnh mà chuyển dịch nên không thấy sử nói rõ đóng ở nơi nào.

Hữu-Dật được lệnh của Chúa Hiền cho lui về Phước-Lộc hạ trại ở Dinh Ngói.

Quân Bắc tiến theo đến làng Phước-Tự, cách Phước-Lộc bằng con sông Rào dinh.

Bộ Tổng-tham-mưu của Chúa Hiền cho đắp gấp một bức thành bằng đất, bắt đầu từ làng An-Nan giáp bờ biển đến chân núi Châu-Thị (3). Thành này có tác-dụng bao lấy thành Đồng-Hới về phía Tây. Người ta đặt đại-bác ở đây rồi hải-quân đối diện nhau chỉ cách có bức thành này mà thôi.

---

(2) Theo Việt-Nam sử-lược : Nhiều làm Tổng xuất, ý-nghĩa vẫn như vậy,

(3) Theo sự kê-cứu của C.B. Maybon thì thành này xưa kia đã do Trịnh-Toàn đắp, có tên là Lũy ông Ninh. Ninh là tước Ninh Quận Công của Toàn vì thành này cũng đi từ đường quan lộ đến chân núi như sử sách của triều Nguyễn đã nói. Vậy lúc này quân Nguyễn chỉ có sửa lại mà thôi.

Trịnh cho một quan tham-mưu là Hoàng-Trung mang lọng vàng và hương án cùng vài tên lính đến dụ địch bằng một sắc-chỉ của vua Lê.

Tướng giữ đồn là Vân-Trạch không chịu tiếp sắc và bắn chết Hoàng-Trung rồi đôi bên nổi lệnh đánh nhau kịch-liệt tại tả-ngạn sông Rào Dinh.

Chúa Hiền cho lệnh rút quân tới phía sau thành Đồng-Hới để cố-thủ, vì rào lũy phía trước không đủ vững để che-chở cho quân-đội.

Quân Trịnh lại tiến đóng tại làng Trấn-Ninh, phía Bắc thành Đồng Hới, giữ con đường biển vào làng Chính-Thỉ (tức Trung Ngãi bây giờ) gần phía Tây thành Đồng-Hới, như thế là Trịnh giữ cả đường đi vào miền núi.

Hữu-Dật lại rút về Vũ-Xá (Dinh Quảng-Bình tức Lưu Đồn)

Nhiều lần Trịnh muốn đánh mà không thấy quân Nguyễn ra mặt, (1) sự thực Nguyễn trốn đánh bởi không đủ sức chống trọi thì cứ kéo dài sự cố-thủ để quân Trịnh hao mòn về lương thực có lợi hơn. (Các vùng Nam, Bắc Bố-Chính vì là chiến-trường

---

(1) Theo bia TRƯỜNG-KIỀU dựng ở phía Nam thành Đồng-Hới cách vài cây số, từ 1661-62 quân Trịnh không dám nhìn quân Nguyễn tận mặt. Lời nói ngoa này đã bị các sử liệu khác đính-chính bởi 10 năm sau, vào 1672 quân Bắc còn kéo vào đánh Nam-hà lần nữa làm cho chúa Nguyễn hết sức lo lắng. Đây là một trong nhiều chứng cớ tỏ rằng sử-liệu của triều Nguyễn thường hay xuyên-tạc sự thực để làm đẹp lòng vua chúa. Các nhà bác-học Pháp đã phải luôn luôn tranh luận để tìm ra sự thực trong khi nghiên - cứu lịch - sử Việt-Nam.

lâu năm nên quân-đội của đôi bên không nhờ được một thứ gì của dân sở tại)

Quả nhiên, sau một tháng quân Trịnh nao núng về điểm này, bấy giờ Hữu-Dật mới bất thần đánh vào hậu-tuyến của Trịnh trong một đêm tối.

Quân Nguyễn lại còn mặc cả quần áo quân Bắc để đánh bất ngờ vào trại của Quang-Nhiêu, giết được 100 người rồi bắn súng lên trời, khua chiêng trống ầm ỹ như đang mở cuộc tổng phản công, quân của Quang-Nhiêu phải bỏ chạy hết.

Quân của Trịnh Căn cũng rút theo và quân Nguyễn đuổi đánh đến sông Gianh mới thôi.

Trong dịp này Hữu-Dật và Hữu-Tiến đắp thêm một cái lũy nữa là lũy Trấn-Ninh bên hữu-ngạn sông Nhật-Lệ, có ý ngăn thủy quân của Trịnh. Bên tả-ngạn đối chiếu với lũy Trấn - Ninh, Nguyễn xây thêm lũy Sa-phụ về phía đầu sông,tục gọi là Đồng Cát.

ĐẠI-CHIẾN LẦN THỨ BẢY (NHÂM-TÍ 1672)

THÁNG 6 năm Nhâm-tí, tức là 10 năm sau hai họ. Trịnh Nguyễn còn xô xát với nhau một lần nữa và lần này là lần chót.

Quân Bắc có 100 ngàn nhưng phao đồn có 180.000 Trịnh Căn làm Nguyên-soái coi thủy-quân, Lê thời-Hiến làm Thống-xuất coi lục quân, Vua Lê Gia-tông cũng có mặt trong trận đại chiến này bên cạnh Tây-Vương Trịnh-Tạc.

Quân Nam lúc này có tân Nguyên-soái là Thế-tử Thuần (tên lúc nhỏ là Hiệp) (1) mới hai mươi tuổi, phụ-tá có Vệ-úy Mai

(1) *Hiệp là con thứ của chúa Hiền.* **Việt-nam sử-lược** *nói là em thứ tư thì không đúng.*

phúc-Lãnh, Ký-lục Võ phi-Thừa làm Tham-mưu, Chưởng - cơ Trương phúc-Cang con thứ Trương-phúc-Phấn (đã nổi danh trong nhiều trận vào năm 1648) và Nguyễn đức-Báu. Cang giữ chức Tiên-phong hữu-dực, Báu làm Tiền-phong tả dực. Ty tướng-thần-lại (2) lo liệu việc thâu thuế bằng tiền bạc hay thóc gạo để cung cấp cho quân-đội, xung vào ba kho ở Lai-Cách (Bắc Quảng-Trị) An-Trạch và Trường-Dục (Nam Quảng-Bình) — Tượng binh có 5 đội mỗi đội có 150 con voi trận.

Tháng 7 năm ấy Thuần mang quân đến Quảng-Bình, Hữu-Dật trước đây giữ chức Chưởng dinh được thay Hữu-Tiến đang làm Đồng-suất ở Lưu Đồn hồi tháng 6, nay được phụ trách giữ thành Sa-phụ (xây năm 1662)

Mỹ-Đức trấn thủ Dinh Quảng-Bình nay được coi Chính-lũy là phần chính của thành Đồng-Hới ở mạn Bắc sông Lệ-Kỳ.

Trương phúc-Cang được ủy giữ Trấn-Ninh để đón cuộc tấn công đầu tiên của Trịnh.

Triều-Tín, trấn-thủ Dinh Bố-Chính giữ thành Đồng Hới về phía Tây. Thuần-Đức trấn-thủ Cựu Dinh giữ phần thành giáp núi Đầu-Mâu (cũng về phía Tây. chắc nơi này cần giữ ráo-riết hơn cả)

Thuận-Trung,cai-cơ đóng ở cầu Mũi-Nại(nơi làm muối)ngay ở đầu ngã ba sông Nhật-Lệ và Lệ-kỳ (sau này quân Nguyễn cũng đắp ở đây một cái lũy nhỏ gọi là Lũy Ngang vì lũy này chạy ngang theo thành Đồng-Hới ra sông,thành một phòng-tuyến thứ hai.)

Tham-tướng Tài Lê lĩnh thủy quân cho đóng một hàng rào cây lớn ở cửa sông để ngăn cản sự đột-nhập của các chiến thuyền bên Trịnh.

---

(2) *Tướng-thần lại là Ty coi việc thâu lương thuế như Nha Quân-nhu ngày nay.*

Nhìn vào vào việc bố trí này, ta thấy thủy-quân và lục-quân của Nguyễn cố ý đóng liền nhau để dễ liên lạc và tiếp ứng.

Tháng 8, quân Trịnh kéo đến Bắc Bố-Chính. Giám-sát Nguyễn Lũng đã được cử lại đây từ lâu để mộ một số dân-quân địa-phương. Trịnh Căn qua sông Gianh hạ trại ở làng Thanh-Hà bên tả-ngạn và gần cửa sông Lý hòa rồi tung ra tại đây một bản tuyên-cáo với nhân dân Thuận, Quảng nói ý nghĩa cuộc chiến-tranh của miền Bắc là để đòi hỏi họ Nguyễn sự thần-phục vương-quyền chính-thống của nhà Lê. nhắc rằng đất đai các vùng Thuận, Quảng là đất đai của nhà Lê, đất đai này đã do nhà Lê và nhân dân Bắc-hà đổ bao nhiêu xương máu mới dành được của Chiêm Thành ; nay chúa Nguyễn một bề chống lại nhà vua là bất trung, một bề chiếm miền Nam làm của riêng là làm một hành-động phản-nghịch. Từ Nguyễn Hoàng đến con cháu ngày nay đã nghịch-mệnh triều-đình mặc dầu được luôn luôn tiếp nhận những lời chỉ bảo họa phúc mà không chịu mở mắt, vẫn cứ xây thành đắp lũy, vẫn cứ bắt dân chịu sưu cao, thuế nặng, bắt phu, bắt tráng khiến các dân chúng bỏ cả việc học hành, thi thư, lễ nghĩa... Nay Triều-đình bất đắc, dĩ phải động binh chỉ để trừng phạt kẻ có tội và trừ hại cho dân đến bao giờ thành-công trọn vẹn mới thôi...

Ngoài ra, bản tuyên-cáo này còn kêu gọi dân chúng trở lại qui thuận triều đình để được mọi điều khoan-hồng và những ai có công sẽ được trọng-thưởng, mọi việc sưu-dịch sẽ giảm bỏ hết. Những người nguyên quán ở Bắc vì tội lỗi lánh vào Nam cũng được tha thứ và được ban phát chức-vụ v.v...

Bản tuyên-cáo này nếu thật ra có đến tai dân-chúng cũng chẳng có kết quả gì khả quan, vì ta thấy nhân-dân Nam Bắc, sau ngót nửa thế-kỷ chìm đắm trong vòng máu lửa, đem tính-mệnh, tài-sản đóng góp cho chiến tranh đã quá nhiều mà chẳng được hưởng-thụ gì nên họ chẳng ưa Trịnht hì cũng khó thương cả Nguyễn. Có lẽ họ đã có những phản-ứng khá rõ rệt ngay cả trong các hàng tướng sĩ, vì thế nên trong trận đánh 10 năm trước (Tân-Sửu), càng về những giai-đoạn chót, tinh-thần của đôi bên càng uể-oải khiến

họ Trịnh cũng như họ Nguyễn phải tự-động bãi-binh. Đến trận đánh lần thứ bảy này các nhà Chúa càng nhận thấy sự-trạng bất khả đó, rồi chẳng phải mở cuộc thương-lượng cùng tự ý xếp bỏ can-qua...

Và đây là những cuộc hành binh cuối cùng: tháng 9, quân Trịnh tấn công vào quân của Triều-Tín tướng giữ thành Đồng-Hới được thắng-lợi. Tín liền áp-dụng chiến-thuật của Hữu-Dật năm 1662 là chuyển nhân dân miền Nam Bố-Chính vào bên trong thành để khỏi vướng vít. Quân Trịnh dàn đánh phía Tây từ làng Chính-thỉ tới chân núi phía Đông từ làng Phú-Xá, trên các chỗ cao nhìn xuống những bãi đất bằng của Đồng-Hới. Ở giữa bỏ trống vì có đồng nước nhưng sau cánh đồng nước vòng theo chỗ cao-nguyên và để tập-hợp hai đạo quân, Trịnh đắp một cái thành lớn kéo dài từ chân núi ra tới bãi biển. Ngày nay ai đi qua đường quan lộ, cách Phú-Xá hai cây số về phía Bắc còn thấy tàn-tích của cái thành đất này. (1)

Ngoài ra, Trịnh - Căn còn cho tập-trung một ngàn chiến thuyền ở cửa sông Gianh và sông Nhật - Lệ. Quân thủy bộ có thể hoạt-động cùng nhịp.

Chiến-cuộc xem chừng gay go, quân Nguyễn phải đắp các mô bằng đất để đặt súng đại bác tại lũy Trấn - Ninh và bắt dân ở chân núi chắn giữ quân Trịnh ở các đầu sông, ngọn nguồn.

Chúa Hiền thấy lực-lượng quân Bắc quá hùng-hậu, họp các quan tỏ ý lo ngại bàn nên đánh hay nên giữ.

Cai-cơ Tống đức-Minh nói :« Quân Bắc ở xa các căn - cứ quân lương, việc tiếp - tế chậm chạp, nên cố-thủ là hơn. Xin cho

---

(1) Tác-giả kể cứu việc này vào 1906 nên tới đời chúng ta khó lòng còn thấy di-tích của cái thành đất nói trên. Bao vạn con người đã bỏ mạng nơi này vì quyền lợi của hai họ Chúa. Ai đi qua, hẳn khó mà ngăn nổi cảm-khái trong lòng.

đào hầm hố rất nhiều để tiện ẩn nấp. Họ bị hao mòn sẽ sinh nản bấy giờ phản-công ắt có lợi...»

Trần đình-Ân chủ-trương mộ thêm lính mới và phao đồn quân Nguyễn có tới 16 vạn, cho rằng quân Trịnh chưa dễ đã có tới 10 vạn.

Hiền-Vương nghe theo liền cho tuyển lính mới ở hai tỉnh Quảng-Bình và Quảng-Trị. Nếu ai ương ngạnh sẽ do quân-pháp thẳng tay trừng phạt (sự-kiện nầy tỏ rõ ngay tại đất Nguyễn bấy giờ đã có phản-ứng của nhân dân đối với chiến-tranh).

Ngày 23 tháng 9 năm Ất-Vị,hai quân thủy-lục lên đường để lại hai đạo thủy quân phòng-bị hậu-tuyến và cửa Thuận-An, lấy dân quân năm quận miền Nam Quảng-Bình gồm tỉnh Quảng - Trị và Thừa - Thiên lập các đồn theo dọc bờ biển từ Đồng-Hới vào tới phía Đông kinh-thành Thuận-Hóa.

Cuộc phòng-thủ này bớt được phần lo ngại cho dân-chúng.

Tháng 11, tướng Trịnh là Lê thời-Hiến dẫn quân đến trước thành Trấn-Ninh. Nguyên soái của Nguyễn là Hiệp vội tới Cừ-thôn và Hạ-thôn là hai làng nằm trên tả ngạn sông Nhật-Lệ để thị-sát. Trước mặt Hiệp về Tây-Nam và Đông-Bắc là thành Đồng - Hới. Ở giữa là bức thành chính dựng sau bức thành nhỏ ăn vào Mũi Nại. Bên tay trái tại chân núi là thành Đồng - Hới và thành Đầu-Mâu, ở bên tay phải trên hữu-ngạn sông Nhật-Lệ là thành Trấn-Ninh.Quân Trịnh tập - trung mọi năng-lực ở đây và cả bên tả-ngạn, có thành Sa-phụ, xét Sa-phụ hơi xa cửa sông không đủ sức phòng-thủ, Hiệp cho quân đóng ngay ở cửa sông Nhật-Lệ và ở Sa - chung. Lê-thời-Hiến ra lệnh xung-phong nhưng quân Trịnh bị đánh bật ra và thiệt hại nhiều. Tây-Vương Trịnh-Tạc lúc này cũng thị chiến cho đội một số tướng lãnh đến khiển-trách nghiêm ngặt.

Lê thời-Hiến lại đem ba ngàn sĩ tốt xung-phong lần thứ hai. Quân Trịnh vừa đánh vừa lấp các hầm hố.

Quận Nam trên thành vội bố-trí hỏa-lực và bắn xuống quân Trịnh đang leo lên thành đông như kiến.

Để tránh đạn của Nguyễn, quân Trịnh đào hầm hoặc đắp ụ rồi ẩn ở dưới hay ở đàng sau, đồng thời tung những diều có lửa để đốt doanh trại của quân Nguyễn hoặc ném cả quả nổ có chất cháy.

Thành bị ba bốn lần nao-núng, suýt lọt vào tay quân Trịnh, Tướng Nguyễn là Trương phúc-Cang thất vọng ,tính rút quân ra khỏi thành để về giữ thành Mũi Nại nhờ vào thế sông Lệ-Kỳ. Nhưng Hiệp không nghe đòi cứ kháng-cự kịch-liệt và sẽ cho viện binh đến giúp vì nếu quân Nguyễn rút, toàn-thể quân-đội sẽ thoái chí.

Sau Hiệp lại sai Hữu - Dật đi cứu Trấn-Ninh, còn tự mình đem quân đến trợ lực cho Sa-Phụ.

Quân Trịnh biết Trấn - Ninh sẽ được cứu cấp nên cho 30 chiến-thuyền lọt vào sông Nhật-Lệ để ngăn quân tiếp viện. Quân Nguyễn cũng đoán được sự - kiện này, cho đặt đại bác đợi thủy quân Trịnh tiến vào sông thì bắn xuống.

Tại đây,thủy quân Trịnh bị hai phía đánh rập lại nên vừa tới thì bị tan vỡ ngay.

Còn Hữu-Dật tới Trấn-Ninh thì trời tối mù, phải lấy cỏ rác và cành cây đốt làm đuốc để soi chiến-địa. Thấy quân cứu-viện của Nguyễn đến, quân Trịnh ngừng xung-phong.

Quân Trịnh đã phá được một khúc thành chừng 30 trượng (120 thước), quân Nguyễn và dân-chúng vội lấy cọc và ván dựng lên để che đậy mất suốt một đêm thì hôm sau địch lại tấn-công. Thành được hàn vá cẩn-thận nên không bị hạ và binh sĩ đôi bên đều chết hại khá nhiều.

Đây là lời thuật của các sử-thần nhà Nguyễn trong *Đại-Nam liệt truyện*, *Đại-Nam thực-lục* v. v... còn sử-thần nhà Lê tuy không nói rằng các cuộc tấn-công trên đây là không gay go mà nói rằng trận đánh năm Nhâm-tí (1672) phần thắng về quân Trịnh, rằm tháng 11 năm ấy Thống suất Lê thời-Hiến tiến đánh đến chân lũy Trấn-Ninh. Các tướng Lương đăng-Quang, Võ tuấn-Tài đánh quân Nguyễn ở Đa-lận đốt phá được nhiều đồn ải, bắt được nhiều tù binh và võ-khí mang về nạp cho Vua và Chúa Trịnh-Tạc.

Nhưng chiến-sự còn đang khai diễn thì chúa Trịnh-Tạc về Bắc tháng chạp năm ấy, thấy quân mình đánh lũy Trấn-Ninh mấy tháng trời không chuyển, thời tiết lại quá xấu (mưa lạnh buốt vì có gió Đông-Bắc) Trịnh-Căn bị bệnh nặng ở Linh-giang. Lê Gia-tông lui về Phù-Lộ, thuộc tả-ngạn sông Gianh. Sử-liệu này chứng minh quân Nguyễn bị đánh lùi nên vua Lê, chúa Trịnh mới vào được tới miền Nam Bố-Chính, mà bị đánh lùi tất-nhiên quân Trịnh có thắng.

Trước khi lên đường về Thăng-Long, chúa để Lê-thời-Hiến ở lại làm Trấn thủ ở Nghệ-An, Lê sĩ-Triệt làm Đô-đốc Hà-Trung để giữ các căn-cứ trọng-yếu vùng sông Gianh.

Từ đó sông Gianh là đường phân giới cho hai miền Nam-Bắc, chiến sự ngừng lại, cho đến năm Bính-Ngọ (1786) tức là năm 47 đời Lê cảnh-Hưng nhà Tây-Sơn dấy nghiệp thì Nguyễn cũng vong mà Trịnh cũng mạt.

Có điều đáng buồn cười là sau cuộc đại-chiến năm Nhâm-tí)1672), Trịnh và Nguyễn cả hai đều cho là mình thắng trận. Trịnh-Tạc tâu vua phong cho Trịnh-Căn tước Định-Nam Vương tưởng-lệ binh tướng, chúa Hiền về đến Thuận-Hóa cũng tế cáo trời đất, làm lễ tại nhà Thái-miếu và khao thưởng quân-sĩ, bãi thuế cho dân các vùng lâm vào khói lửa. Thực ra cuộc Nam-chinh của Bắc-hà chẳng có lợi gì đáng kể, mà Nam-hà giữ vững được tình-thế cũng là vô cùng khó nhọc, gian-lao.

CHƯƠNG II

LÝ-DO THẮNG-LỢI CỦA HỌ NGUYỄN

XÉT qua các cuộc xung đột Trịnh-Nguyễn kéo dài ngót nửa thế-kỷ, ta thấy lực-lượng của Trịnh bao giờ cũng sung-mãn hơn của Nguyễn. Quân số có khi tới 200.000 người, thủy-quân của Trịnh cũng trội hơn của Nguyễn, rất nhiều về số chiến thuyền cũng như về vũ-khí. Tiền bạc của Trịnh cũng rất dồi dào (theo lời giáo-sĩ A.de Rhodes) và tiền bạc chẳng là gân cốt của chiến-tranh xưa cũng như nay sao ?

Vùng Trung-châu Bắc-Việt lại phồn-thịnh, dân chúng đông đảo nên có thể cung cấp nhiều cho chiến-tranh bằng tiền thuế má hay thóc gạo.

Trái lại,Nam-hà khi đó lĩnh-vực mới chỉ tràn tới gần Khánh-hòa, còn các tỉnh của Nguyễn bấy giờ chưa mở mang được bao nhiêu, cung cấp cho nhân-dân cũng còn chưa đủ, huống-hồ nhân dân lại còn thưa thớt Nhưng thua kém về phương-diện này, Nguyễn lại được bù đắp về phương-diện khác quân Nguyễn được chiến-đấu trên đất nhà của mình. Binh sĩ của các tỉnh Thừa-Thiên,Quảng-Nam, Quảng-Trị ra Quảng-Bình chỉ mất có vài ngày đường. Họ rất quen với địa-hình, địa-vật ở đây, lại có những vị-trí hiểm-trở bảo-vệ cho họ dễ dàng về mặt chiến-lược.

Một yếu-tố khác nữa làm họ nức lòng chiến-đấu là vì có chiến-đấu mới giữ được vườn ruộng, hoa-lợi trước mắt của họ, và việc tiếp-tế lương-thực của họ cũng được dễ dàng.

Ngoài ra nếu Trịnh thắng, Nguyễn bỏ có thể sung quân số rất nhanh.

Một điểm nữa đáng chú - ý : quân Nguyễn có vẻ nhất-trí hơn quân Trịnh (tuy có xảy ra một vài vụ âm mưu khởi loạn trong con cháu của các chúa) nên trước sau Trịnh không bao giờ lợi-dụng được những sự hợp-tác của người địa-phương.

Về mặt tuyên-truyền, tướng Hữu - Dật khéo nêu ra chính-nghĩa của cuộc kháng-chiến rằng quân Bắc là ngoại-quốc, là quân xâm-lăng, quân Nam đánh họ để giữ-gìn độc-lập, xứ-sở và quyền-lợi thiết-thực cho bản thân họ,

Còn binh - sĩ của Trịnh, họ chỉ thấy đi chiến-đấu, không phải cho họ, mà để bảo-vệ địa-vị và quyền-lợi của nhà chúa. Lòng hăng-hái của họ dễ bị sút giảm mỗi khi chiến-cuộc khó khăn.

Họ đều ở Trung-châu Bắc-Việt cả, từ xa tới và mỗi lần đi đánh lại đem những đội quân mới vào, lương-thực lại phải đem theo. Đáng ngạc nhiên là ở đây chúa Trịnh không áp-dụng chính-sách định - cư có thể làm nhẹ đi một phần nào việc tiếp-vận, nếu không thắng mau thì sẽ gặp ngay nhiều sự lúng túng, lại nữa phải đối phó với thủy-thổ, thời-tiết, tật-bệnh thường là những vấn - đề nan-giải.

Đã thế, Trịnh vẫn còn lo ngại cái nạn họ Mạc quấy rối ở hậu-phương bởi Mạc vẫn chiếm giữ được một phần đất miền Bắc thuở đó.

Một vài giáo-sĩ ngoại-quốc cho rằng quân Nam yêu nghề chinh-chiến hơn quân Bắc. Sự thật, họ yêu nghề chinh-chiến không ngoài nguyên-nhân đặc-biệt kể trên. Ta còn phải chú ý đến điểm

những đạo quân đông thường không đáng sợ. Quân Trịnh tuy có khi lên tới 100 ngàn nhưng đa-số ô-hợp vì tuyển mộ có khi vội vàng, nên lắm khi gần như vô dụng do thiếu luyện tập. Còn một yếu-tố rất lợi nữa cho quân Nam là người Bồ-đào-Nha giúp đỡ chúa Nguyễn rất nhiều, còn chúa Trịnh thì không nhờ vả được họ chút nào, nhưng đây chỉ là là nhận-xét của vài sử-gia ngoại-quốc, theo chúng tôi sự chiến thắng của Nguyễn quân một phần quan trọng còn do công.cuộc phòng-thủ của Đào duy-Từ.

LŨY TRƯỜNG-DỤC VÀ THÀNH ĐỒNG-HỚI

Xét lịch-sử chiến-tranh Trịnh-Nguyễn, chúng ta thấy bảy lần quân Trịnh vào tấn-công quân Nguyễn (1) đều thất bại, nếu

---

(1) Về phần quân Nguyễn cũng vậy. trong 7 trận đánh, quân Thuận-hóa chỉ có một lần lấy được 7 huyện ở phía Nam sông Lam-giang (Ất-vị 1655) huyện Kỳ-hoa, Thạch-hà, Thiên-Lộc, Nghi-Xuân, La-sơn, Hương-sơn và Thanh-Chương. Bảy huyện này lại thuộc về đất Bắc vào cuối năm Canh-Tí (1660). Điều này tỏ rằng quân đội Trịnh cũng như Nguyễn đi xa đều bị bất lợi, nhất là lực lượng Nam-hà.

Trận đánh năm Ất-Vị kéo dài đến năm Canh-Tí tức là được 5 năm mà quân Nguyễn gần chiến-trường như vậy còn không tiến ra khỏi được quá địa-phận sông Lam-giang, huống hồ quân Trịnh vô Nam đường dài quá gấp đôi.

Thực ra, nếu quân Nam-hà đủ sức tiến ra Sơn-Nam hay Thăng-Long thì mục-tiêu chiến trường đối với Nguyễn không phải chỉ đến vùng Nam,Bắc Bố-chính.

Ngay khi chúa Sãi nghe Đào duy-Từ đem trả sắc-dụ của nhà Lê (1630),lấy cớ bất khẳng thụ Trịnh gia, ta đã thấy Nguyễn không còn đếm xỉa gì đến uy-quyền của nhà Lê rồi. Vậy nếu thừa sức thì quân Nguyễn hẳn cũng không ngại gì mà chẳng làm chuyện Bắc-tiến. Sau này Nguyễn-Ánh dẹp xong Tây-Sơn ngang nhiên tự tuyên-bố cáo chung địa vị nhà Lê đủ rõ cờ đến tay ai người ấy phất, người làm chính trị đời xưa cũng như đời nay mấy ai chỉ vụ vào nhân nghĩa ?

chúng ta không nghiên-cứu xâu xa hẳn cho rằng vì quân Nguyễn hoặc tài giỏi, hoặc trung kiên từ cấp chỉ-huy đến binh-sĩ nên Nam-hà đã luôn đẩy lùi được quân Bắc.

Thực ra những đức tính này cũng chỉ là một trong nhiều yếu-tố đã tạo nên ưu-thế cho Nam-hà, nhưng không phải là yếu-tố chính-yếu. Trái lại, qua các trang trên mà các bạn đã đọc,một vài ông chúa miền Nam quả có hùng tài,đảm lược như Nguyễn-Hoàng, Nguyễn-phúc-Lan, Nguyễn phúc-Tần v.v... nhưng nội-bộ Phú-Xuân không phải là không có sự chia rẽ ngay từ chỗ anh em ruột thịt của họ Nguyễn cũng từng phen công-khai dành nhau ngôi chúa và bí-mật giao thiệp với họ Trịnh.

Bề khác, các chúa họ Trịnh phải đâu hèn kém, binh-lực của Bắc-hà, thủy cũng như bộ, ngay những người ngoại-quốc cũng phải khen là mạnh mẽ nếu không hơn thì chẳng kém gì binh-lực Âu-châu thuở ấy,nhất là hải-quân.

Quân-đội thủy, bộ của Trịnh vào đầu thế-kỷ 17 đã có phen lên tới 200.000 người thì có thể nói đáng kể vào bậc nhất, nhì ở Á-châu bấy giờ.

Vậy mà Trịnh đã không thể diệt được Nguyễn từ đời Sãi-Vương trong khi quân đội miền Bắc trội cả phẩm lẫn lượng đối với Thuận-Hóa ?

Theo sự nhận xét của chúng tôi, họ Nguyễn tồn tại được do hai điểm khác có thể nói là chính-yếu mà tinh-thần của quân đội miền Nam nếu đem so sánh qua hai điểm chính-yếu này chỉ là yếu-tố phụ-thuộc mà thôi :

a) Vị-trí chiến-lược của Thuận-Hóa.

b) Công cuộc phòng-thủ của Đào duy-Từ ở Quảng-Bình.

Các bạn hẳn nhớ trước khi Nguyễn-Hoàng lên đường vào trấn Thuận-hóa có vấn-kế cụ Nguyễn bỉnh-Khiêm (Trạng Trình) là

bậc thầy của các chính-khách đời bấy giờ, cụ đã khuyên (có lẽ trước khi Nguyễn-Hoàng có ý định vào Thuận-Hóa thì phải hơn) nên xa Trịnh, vô Nam thì được yên thân. Mà vô Nam khi ấy tức là vô trấn Thuận-Hóa bởi Tây-Đô (Thanh-Hóa) trở ra còn trực thuộc nhà Lê.

Câu *« Hoành-sơn nhất đái, vạn đại dung-thân »* thật đã bao gồm cả một kế-sách cứu tử cho Hoàng trong lúc nguy-ngập ấy.

Thật vậy, Thuận-Hóa một bề được biển bao bọc như một hào lũy thiên-nhiên, với hải-quân mạnh đến đâu cũng không thể lần vào được đến Phú-Xuân là kinh-đô của họ Nguyễn, bởi thủy đạo chập hẹp, các hạm-đội vào không lọt.

Thủy-quân chỉ còn nước vượt qua sông Nhật-Lệ rồi đổ bộ lên Quảng-Bình để theo con đường quốc-lộ số một ngày nay, mới có điều-kiện đem quân tấn-công vào Thuận-Hóa. Đây là cả một vấn-đề nó đưa ra câu hỏi dưới đây.

— Làm thế nào để vượt sông Nhật-Lệ ?

— Cửa sông Nhật-Lệ có những trở ngại thế nào ?

Các chiến-lược-gia Trịnh, Nguyễn đã hao tâm tổn trí rất nhiều về câu hỏi này trong khi một bên lo tấn-công, một bên lo phòng-thủ.

Quân Trịnh mạnh, chiến thuyền rất sung-mãn, võ-khí dồi dào mà chẳng vượt nổi cửa sông Nhật-Lệ, vậy mặt thủy là một trở lực thứ nhất cho Bắc-quân.

Một trở-lực thứ hai nữa là mặt bộ do dãy Hoành-sơn là một bức trường-thành thiên-nhiên rất lợi hại về quân-sự cho chúa Nguyễn.

Các binh-gia tự cổ chí kim bao giờ cũng rất lưu-tâm đến địa-hình, địa-vật để thiết-lập chiến-trường, hòng đưa địch

vào tử-địa thì quả như lời Nguyễn-Hoàng trước khi thở hơi cuối cùng đã nhắc con cháu phải lợi-dụng triệt-để cái thế sông núi của Trung-Việt mới giữ được sản-nghiệp của ông cha *(Đất Thuận Quảng, phía Bắc có Hoành-sơn, Linh-giang, phía Nam có Hải-Vân-sơn và Bi-Sơn là nơi trời cho để người anh-hùng dụng võ)* nghĩa là bám chặt vào thế sông núi ở đây mà sống.

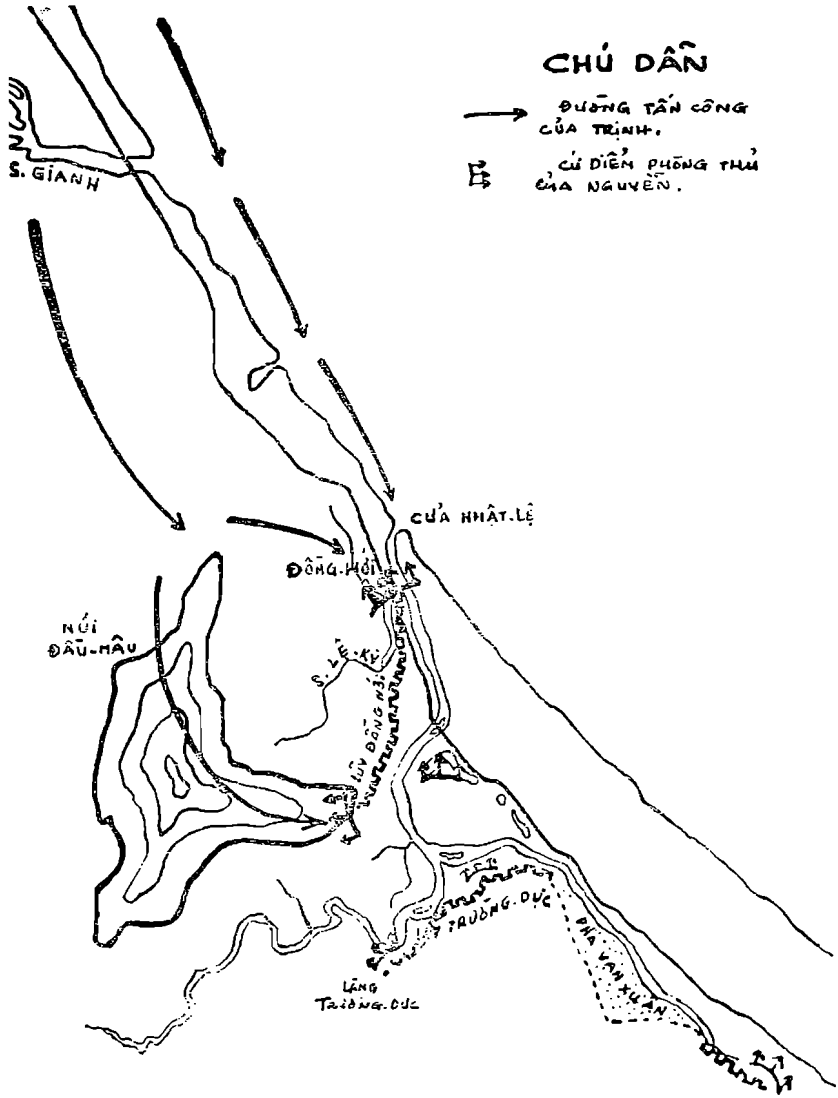
Trịnh đánh Nguyễn không còn một chiến-trường thứ hai nào ngoài đất Quảng-Bình, mà vào Quảng-Bình nếu không vượt được sông Nhật-Lệ thì vẫn là đứng bên ngoài lĩnh-địa của họ Nguyễn. Vậy vấn-đề cốt tử cho Trịnh là vẫn phải tấn-công vào Nhật-Lệ và cho Nguyễn là vẫn phải giữ cho được Nhật-Lệ thì thiên binh vạn mã của Trịnh cũng chẳng làm gì nổi và khéo bố-phòng được cửa Nhật-Lệ thì nơi nầy là tử-địa chắc chắn của Bắc-quân.

Có người bàn rằng nếu Trịnh không dùng hải-đạo xộng vào Phú-Xuân được thì đi xuôi xuống một chút về mạn Nam, tiến vào đất Chàm như Toa-Đô đánh vào Chiêm-quốc rồi cũng xông lên được Thanh-Nghệ dưới đời Trần thì sao ?

Theo thiển-ý, các chiến-lược-gia của Trịnh không phải là chưa nghĩ đến điều này nhưng đánh vào đất Chàm có thể mắc vào thế gọng kềm, tất nhiên sẽ đi đến chỗ bất lợi,vì nếu quân Trịnh bị cả Chiêm lẫn Phú-Xuân, hai bên đánh ập lại khó mà khỏi nguy. Mà nếu còn phải chia quân đánh thêm cả vào Quảng-Bình thì lực-lượng phải yếu đi, huống-hồ từng đi Nam-chinh ngay vào thượng-bán thế kỷ XVII, Trịnh vẫn còn lo thêm một cái nạn nữa là họ Mạc sẽ không quên lợi dụng sự vắng mặt của họ Trịnh trên đất Bắc. Ngoài ra thêm một quãng đường dài nữa, vấn-đề quân lương tiếp vận lại càng khó khăn hơn.

Đổ bộ lên một địa-điểm dọc bờ biển từ Quảng-Bình đến Phú-Xuân có được chăng ?

Nói vậy là không vượt cửa Nhật-Lệ, cũng chẳng đổ-bộ vào cửa Thuận-An,mà đưa quân tràn vào khúc giữa giang-sơn của họ Nguyễn lại càng khó khăn hơn. Tại đây theo ven bờ biển chỉ có



Thành Đồng-hới và Lũy Thầy do Đào duy-Từ dựng lên ở Quảng - Bình năm 1630

những bãi cát và vào bên trong là những giải đất sình lầy rất nguy hiểm. Giải đất này quanh năm úng thủy cũng là một thứ hào thiên-nhiên bất khả xâm-phạm,

Tóm lại, đánh Nguyễn, Trịnh vẫn chỉ có một đường là đánh vào cửa Nhật-Lệ để đổ bộ lên Quảng-Bình.

Về phần Nguyễn, giữ vững được cửa Nhật-Lệ thì Thuận-Hóa vững vàng muôn thuở.

Năm 1630, một người đã hoạch được cái kế phòng-thủ cho chúa Nguyễn, đó là Đào Duy-Từ,để miền Nam khai thác được triệt để cái ưu-thế thiên-nhiên của núi Hồng sông Lam.

Do kế-hoạch phòng-thủ kể trên, năm 1630 Đào đã động-viên binh-sĩ và nhân, công hai vùng Thuận, Quảng xây-dựng ráo riết luôn hai tháng ròng thì xong lũy Trường-Dục (lũy này còn gọi là lũy Thày).

Lũy Trường-Dục được đắp tại làng Trường-Dục. huyện Phong-Lộc tỉnh, Quảng-Bình, nơi đây dựa vào chân một giải núi dá chạy xát núi Hoàng-sơn. Lũy bắt đầu từ làng này tức là từ chân núi chỗ có một ngôi chùa gọi là chùa Non chạy dài tới cồn cát khô, tiếng chữ gọi là Hạc-hải, theo dọc sông Nhật-lệ, tả-ngạn gọi là sông Rào-đá và từ đây nó đi tới sông Nhật-Lệ, lại từ sông này tiến lên hữu-ngạn đến chỗ cao của làng Quảng-Xá, đi qua địa-phận các làng Xuân-Dục, Cổ-Hiền rồi quặt về phía Đông và Bình thôn. Quân Trịnh vượt được sông Nhật-Lệ mà tiến lên thì vấp phải núi và đồng lầy cùng bãi cát ở đây.

Đồng này xưa kia quanh năm úng-thủy, và ở đây có một cái phá ngày nay hãy còn gọi là Phá Vạn-Xuân chạy vòng theo phía Nam khá xa về phía Bắc, phá này ăn tới làng Mỹ-Hương, được nối tiếp bằng một cái lạch chạy theo bãi cát dài song hành với đường quốc lộ số 1 đến tận phía trước làng Văn-La.

Thành dài chừng 10 cây số, cao khoảng 3 thước và chân thành rộng tới 6 thước. Tại đây có một đồn quân xưa gọi là Dinh, có kho thóc cho quân-đội dùng.

Năm sau (Tân-vị — 1631), vào mùa thu, Đào lại mời Chúa Sãi đi ngắm thế sông núi từ cửa Nhật-Lệ vào tới mũi Đầu-Mâu. Núi này chia ra hai giải : giải thứ nhất chạy tới sông Nhật-Lệ, làng Văn-La hay Cầm-La mà người ta thường gọi là Cồn-Hàn ; giải thứ nhì chạy tới bờ biển thì hết, 15 cây số về phía Bắc tới làng Phú-Hội (Kẻ Địa).

Hai giải này như cái càng của ôm lấy một bãi rộng hình bán nguyệt úng thủy về mùa Đông rất bất-lợi cho việc hành-quân (bãi này đã được nói ở trên).

Rồi Đào cho đắp một cái thành thứ hai ở đây gọi là thành Đồng-Hới (cũng thuộc Quảng-Bình) tại giữa đường kính nối hai đầu cái bán nguyệt đó. Chỗ thuận tiện nhất về việc xây dựng cho công cuộc phòng-thủ là con đường đi từ Đồng-Hới chạy lệch về phía Nam rồi tiến về phía Tây tới chân núi, cắt ngang bãi Đồng-Hới vào khoảng giữa.

Thành này cao một trượng năm xích (vào khoảng 6 thước tây). Bên ngoài thành là một hàng rào đóng toàn cọc lim. Bên trong đắp đất có 5 bậc để ngựa voi đi lại, lên xuống.

Chiều dài của thành là 3000 trượng tức là 30 dặm (khoảng 18 cây số). Cứ cách 12 đến 20 thước người ta lại đặt một ổ súng đại bác cỡ lớn và cách 40 thước lại có một cái máy bắn đá. Gần đó có những thùng thuốc súng và đạn dược.

Vị-trí của thành được lợi do phía Bắc có một con sông chảy gọi là sông Lệ-Kỳ khá rộng, hai bên toàn ngập sình lầy. Nơi con sông này đổ vào sông Nhật-Lệ có một cái lạch nối liền. Nước ở bãi Đồng-Hới tiêu hết vào cái lạch này.

Đứng xa mà nhìn, ta thấy hai thành Trường-Dục và Đồng-Hới đều đi xiên chéo về phía bờ biển để ngăn sự xâm-nhập của quân Trịnh và ta thấy quân Trịnh ở Bắc kéo vào đây chỉ có thể đi hai đường:

1— Về phía Đông dùng hải-đạo nghĩa là theo dọc quốc lộ số 1 ngày nay.

2— Về phía Tây thì phải vượt núi. Bãi Đồng-Hới ở giữa cản trở sự đột nhập của họ do ở hai đầu thành đều có quân đội túc-trực thường-xuyên.

Ví như quân Trịnh hạ được đồn ở phía Bắc thành này tiến bằng bộ binh hay thủy quân, cuộc tiến quân bao giờ cũng diễn hành vào mùa Đông đầu mùa Xuân vì lúc này hết mưa to gió lớn. Quân Bắc nhờ có gió Đông-Bắc bấy giờ mới tiến vào Nam được. Xin nhắc rằng cả bộ binh lẫn thủy quân đều dùng đường biển để vào Nam, tuy có đôi khi họ dùng cả đường núi. Họ tập-trung vào chỗ cửa sông Nhật-Lệ rồi thủy, bộ tiếp ứng cho nhau trong cuộc tấn-công.

Tới đây họ vấp phải thành Đồng-Hới, sau này được tăng cường thêm bằng những quẫng xây nối tiếp.

Quân Nguyễn dùng các giây thật lớn hoặc giây sắt gài đanh giăng ngầm dưới nước để phá các chiến thuyền của Trịnh.

Nhưng nhiều khi Trịnh vẫn thắng. Thủy quân của họ vượt được sông Nhật-Lệ còn lục-quân đi ngang qua thành Đồng-Hới lần theo quan-lộ tới chỗ đi qua Nhật-Lệ. Tại đây, Nguyễn có một doanh-trại gọi là Dinh Mười là tỉnh-lỵ hành-chính Quảng-Bình trên đất làng Võ-Xá ngày nay. Nơi này rộng vài chục cây số. Bắc và Nam đều có những thành nhỏ dựng lên để ngăn địch.

Năm 1648, Dinh Mười sa vào tay quân Trịnh, nhưng Trịnh

vẫn chưa thể làm chủ chiến-trường được vì còn vấp phải sự cản trở của Lũy Trường-Dục kiên-cố, lợi hại không kém.

Rồi quân Trịnh tổn-thất khá nhiều ở đây và nhiều phen phải rút lui tuy có khi thắng trận lẻ tẻ ở vài nơi.

Tóm lại ta có thể nói sự tồn-tại của Nam-hà nhờ ở công cuộc bố phòng của Đào duy-Từ rất nhiều. Nó đã chận được cuộc tiến quân của Trịnh vào Nam-hà và đồng thời nó kéo dài chiến tranh khiến lực-lượng của miền Bắc hao tổn trông thấy qua bảy trận tấn-công đại quy-mô. Ta nghĩ rằng nếu không có hai thành Trường-Dục và Đồng-Hới thì Nam-hà rất có thể mất vào tay họ Trịnh từ lâu cứ xét nhân-sự và kinh-tế Nam-hà đã quá sút kém nếu so với miền Bắc.

BÀN VỀ THÁI-ĐỘ CỦA HAI HỌ TRỊNH NGUYỄN ĐỐI VỚI NHÀ LÊ.

Viết về lịch-sử cận-đại tức là lịch-sử hai họ Trịnh Nguyễn các người ngoại-quốc xưa kia cũng như chúng ta đều thấy một điểm đặc-biệt của các sử-thần Trịnh Nguyễn là chỗ thiếu vô-tư.

Cũng đứng trước một sự kiện lịch-sử, sử-thần của nhà nào tô điểm cho nhà ấy và cả hai đều nhân nghĩa và trung thành với nhà Lê hết và bên này bảo bên nọ là tiếm quốc lộng thần, bên kia bảo bên này là chống vua nghịch nước. Đâu là sự thật ?

Sử-gia C.B. Maybon khảo về lịch-sử của ta đã không ngăn nổi sự bực tức khi phải đọc những luận điệu phản sự thực và khoa-học ấy,hoặc có ít xít ra nhiều. Tỉ-dụ khi được nghe Trịnh-Tùng thở hơi cuối cùng năm 1623, Sãi-Vương liền cho bắn ba loạt súng đại bác và nói với các văn võ bá quan rằng chúa rất muốn đem quân ra đánh Trịnh và lợi-dụng dịp này để phục-hồi uy-quyền của nhà Lê, nhưng nghĩ rằng đánh kẻ thù trong lúc họ bị tang gia

bối rối là một hành-động không quân-tử, lại nữa Trịnh-Tráng cũng là chỗ bà con máu mủ. Vậy chúa sai gửi đồ phúng cho Tráng rồi sứ-giả nên nhân dịp này xem xét tình-hình Bắc-hà để sau sẽ tiện soạn-thảo kế-hoạch hành-binh...

Maybon nói các quyển sử biên-niên của nhà Nguyễn thường hay nêu ra những sự cao thượng của các chúa Nguyễn trong những cơ-hội tương tự. Rồi chúng ta lại thấy những luận-điệu này được đưa ra khi Trịnh-Tráng qua đời trong dịp hành-quân vào Nghệ-An.

Có lẽ nên nghĩ rằng khi đó Chúa Sãi chưa chuẩn-bị đầy đủ quân-lực để hạ kẻ địch của mình thì phải hơn (1)...

---

(1) Tùng était mort en 1623, Tráng lui succeda. A la mort de Tùng, Sãi-Vương avait fait tirer trois salves de canon. Il déclara à ses officiers qu'il avait grandement envie d'entrer en campagne et de profiter de la circonstance pour rétablir les Lê dans leur ancienne puissance ; mais il avait considéré qu'il serait peu noble et peu chevaleresque d'attaquer son ennemi pendant qu'il était dans la douleur et dans l'embarras étant donné surtout que Tráng lui était cousin par les liens du sang(Tráng là anh rể họ của Sãi-Vương vì vợ Trịnh-Kiểm là chị Nguyễn-Hoàng). Il préferait donc envoyer à son cousin des présents de condoléances ; les ambassadeurs profitant de la circonstance pour se faire une idée de l'état du pays, dans la suite, on combinerait tout à loisir les plans d'altaque.

«Les annales des Nguyễn aiment à faire ressortir la magnanimité des seigneurs de Huế dans des circonstances semblables. Nous verrons plus tard le même fait se reproduire à la mort de Trịnh-Tráng pendant la campagne de Nghệ Án... Il paraît plus conforme à la réalité de croire que Sãi-Vương n'était pas suffisamment préparé et ne pensait pas sérieusement à entamer le lutte avec son adversaire,.. C.B. Maybon.

Ở đoạn khắc bàn về cái nhân-nghĩa của Sãi-Vương trong một vài việc, Maybon nói Lời nói của Sãi-Vương thế nào, thật khó mà hiểu được, nhưng ta thấy trong câu Sãi-Vương trả lời sứ-giả khi vào hỏi thuế và luận-điệu của các sử-thần, của họ Nguyễn đều luôn luôn có sự thắc-mắc về nỗi Bắc-hà ngờ vực lòng trung-thành của Nam-hà đối với vua Lê, nên các sử-thần đó đã viết như sau :

«... Các chúa Nguyễn, kể từ Nguyễn-Hoàng ra khỏi Thăng-long năm 1600 đến Sãi-Vương và các người kế-vị,tuy có khi cầm vũ-khí chống lại quân Bắc,nhưng vẫn không bao giờ có ý thoát-ly khỏi quyền-uy của nhà Lê. Các chúa bao giờ cũng là bề tôi trung thành, nếu phải làm một vài điều gì bất thường, đó chỉ do sự ghen ghét của họ Trịnh mà ra. Trịnh đã giữ hết quyền-hành trong nước rất là bất chính, các tiên chúa của họ Nguyễn không thể thừa nhận cái quyền hành đó. Trịnh nắm các vua dòng chính-thống, các đại diện của họ Lê để có danh nghĩa, Nguyễn muốn phục-hồi họ Lê và lập lại uy-quyền cho con cháu vua Thái-tổ không thể cho là không chính-đáng.»

Luận-điệu này bề ngoài có vẻ chân-thực vì quả họ Nguyễn chỉ chống họ Trịnh mà thôi, còn Nguyễn vẫn công-nhận các vua Lê. Xem như các đền-đài, dinh-thự, những bia ký, chuông chùa, khánh-nhạc tại Nam-hà đều có ghi, có khắc niên-hiệu các vua nhà Lê.

Ngoài ra, phe Nguyễn vẫn nói : « Vua Lê làm chủ mọi việc nhưng riêng trong việc giao-dịch với Nam-hà, nhà vua phải làm nhiều điều miễn-cưỡng, nghĩa là chịu áp-lực của chúa Trịnh,.. »

Rồi người ta gán cho vua Lê những ý-tưởng có khi chính các vua không có. Nói cho phải, ở vào hoàn cảnh các vua nhà Lê bên các chúa Trịnh, các Vua đâu có thể có những cử-chỉ nghịch với các nhà Chúa ! Lại có thể rằng chính các vua Lê cũng cho rằng họ Trịnh mới là bề tôi trung-thành mà họ Nguyễn là phiến-loạn, dầu Nguyễn vẫn luôn luôn tuyên-bố phù Lê.

Muốn sao thì tới đầu thế-kỷ 17 Việt-Nam đã thành một quốc-gia qua-phân vào tay hai họ chúa. Miền Bắc nằm dưới ảnh hưởng của họ Trịnh rõ rệt như ban ngày nên thời-nhân có câu « *Vua Lê chúa Trịnh* » với ý nghĩa vô-cùng mỉa mai. Miền Nam thuộc họ Nguyễn do thực-lực bấy giờ chửa phong-phú nên còn có thái-độ úp-mở mà bề ngoài thì vẫn đầy đủ hình-thức tôn-phù nhà Lê vậy.

Rồi sử-gia C.B MAYBON nói tiếp rằng :

« Sự trung-thành của họ Nguyễn đã là điều đáng ngờ thì thâm tâm của Nguyễn chỉ còn có hai điều :

1) Giành nhau địa-vị với họ Trịnh.

2) Giành không được thì lập triều-đình riêng một góc trời. Phải chi Nguyễn đạp đổ được Trịnh, ảnh-hưởng và uy-thế tràn lấn khắp Bắc-hà thì số phận các ông vua Lê đã chắc hơn gì...»

Ý-kiến của C.B. Maybon đại-khái như vậy và đáng kể là sáng-suốt. Chẳng thế qua đầu thế-kỷ 19 họ Nguyễn thống-nhất được giang-san, con cháu vua Lê Thái-Tổ còn đầy dẫy mà ngôi Hoàng-đế Việt-Nam có trở lại với con cháu người diệt xâm-lăng đầu thế-kỷ 15 đâu ?

CHƯƠNG III

XÃ-HỘI VIỆT-NAM DƯỚI QUYỀN CHÚA TRỊNH và CHÚA NGUYỄN

(từ thế kỷ 17 đến thế kỷ 18.)

MỘT VÀI NÉT VỀ TÌNH-TRẠNG MIỀN BẮC.

GIÁO-SĨ Giuliano Baldinotti, có lẽ là vị thừa-sai Pháp thứ nhất giảng đạo ở Đàng trong (Nam) vào năm 1585, vốn người Ý sinh ở Pistoria gần Florence là vị Giáo-sĩ Dòng Tên (Compagnie des Jésuites) tả xứ Bắc như sau :

Về quân-sự thì linh của vua Lê, chúa Trịnh ai nấy đều vác một chiếc giáo dài và gươm trần trên vai. Họ là những người dễ cảm, có thể điều-đình được, trung thành, vui vẻ và không có nết xấu của người Tàu.

Nhà vua có một đội quân lớn trong thời chiến-tranh. Dưới quyền vua có 600 thượng-quan, lúc cần các ông quan đó có phận sự tuyển mộ binh sĩ cho vua, ông thì một ngàn, ông thì hai ngàn cho đến lúc hết chiến-tranh mới thôi. Để các quan có thể làm được

phận sự này nhà vua cấp cho mỗi người một thực-ấp gồm nhiều làng hay ít là tùy theo sức đóng góp quân-lực cho triều đình củamỗi vị mỗi khi có cuộc binh đao.

Nhà vua có một hạm đội rất lớn chừng 4000 chiến thuyền cho đồn trú ở nhiều nơi. Các chiến thuyền đó mỗi bên có 26 tay chèo, mỗi lúc đi thao-diễn hay đi tuần đều có đặt trọng-pháo *(hạng súng 14 livres)*, cổ chiến thuyền và đầu mũi sơn son thiếp vàng rất đẹp. Nhất là khi nhà vua đi đón sứ Tàu. ngài đem những chiến thuyền rất lộng lẫy sắp thành hàng trên sông...

Vua xứ Bắc-Kỳ làm bá chủ chín nước : ba ông tiểu-vương phải cống hiến nhà vua, đó là nước Lai (1), chúa xứ Đàng trong và chúa xứ Bầu (2). Chính vua Bắc-Kỳ lại phải cống hiến vua Tàu và hàng năm phải đem cống ba pho-tượng bằng vàng và ba pho tượng bằng bạc (3). Số lợi tức hằng năm của nhà vua có độ 2 triệu.

Nhà vua rất hiếu chiến, thường tập bắn bia, cưỡi ngựa và voi. Ngài lại thích coi các cuộc thao-dượt của thủy-quân diễn ra nhiều cách, tiến lui theo nhịp của người cầm hiệu lịnh.

---

(1) Tức là nước Lảo. (Ai-Lao ngày nay)

(2) Tức là miền Tuyên-Quang, Hưng-Hóa bấy giờ do Vũ công-Mật, một tướng trung thành của nhà Lê trông coi. Lúc này Trịnh đang đánh Mạc, và Mạc đã phải rút lên Lạng-Sơn và Cao-Bằng. Hai tỉnh kể trên đã thành một khu tự-trị gọi là nước Bào (theo lời Giáo-sĩ Marini) gồm có hai sắc dân phần đông là Mán và Tàu và một số người Việt. Hàng năm Vũ-công-Mật phải cống cho vua Lê hoặc tiền bạc, hoặc gỗ để làm nhà. Dân chúng ở đây chất phác thực-thà như dân chúng dưới đời Saturne mà các thi-sĩ đã không ngớt lời ca tụng.

(3) Việc này không đúng hẳn. Xin coi V.S.T.B. quyển 2 trang. 492

Kinh-Đô Bắc-Kỳ ở vào vỹ-tuyến 21 độ. Lúc không có gió thổi thường vào tháng 6 tây thì khí-hậu rất nóng. Người ta thấy không có thành-trì và cơ-quan phòng-thủ gì (có lẽ Giáo-Sĩ này đến Bắc-kỳ vào thời Trịnh đánh Mạc vừa xong, nên thành Thăng-long đã bị san-phẳng mà chưa kịp xây dựng lại chăng ?)

Ngoài cung vua ra xây bằng những tảng đá lớn và lợp ngói, còn các nhà cửa trong kinh thành thì đều lợp tranh và dựng bằng tre không có cửa sổ.

Ở đây có nhiều hồ ao để phòng hỏa-tai trong có chỗ lấy nước chửa cháy. Đã từng có những vụ cháy năm sáu ngàn nóc nhà, nhưng chỉ bốn năm hôm người ta lại làm ngay được những nhà mới.

Thành phố chu-vi độ năm sáu dặm, dân cư đông vô kể.

Gần thành phố có một con sông lớn, thuyền bè lưu-thông rất sầm-uất ra tới biển cách kinh-đô độ 18 bặm.

Nước sông đục, nhưng người ta vẫn phải dùng vì không có giếng hay hồ chứa nước. Mỗi năm nước sông dâng lên hai bên bờ vào đầu tháng 6 và tháng 11 dương-lịch làm ngập đến nửa thành phố nhưng nước lại rút ra cũng rất sớm. (1)

Samuel Baron một nhà buôn Anh do công-ty Ấn-độ ở Pantam phái sang mở hiệu buôn ở Hà-Nội và Phố Hiến vào năm 1681 có viết về Kẻ-Chợ (*Hà-Nội*) là thủ-đô xứ Bắc-Kỳ như sau :

Hà-Nội ở Bắc vĩ-tuyến 21 độ và cách biển độ 40 dặm, diện-

---

(1) Đoạn này trích ở cuốn ký-sự về xứ Bắc-kỳ (**Relation sur le Tonkin**) *của Giáo-sĩ Baldinotti do bác-sĩ Mario Carli dịch ra tiếng Pháp đăng vào tập kỷ-yếu của trường Bác cổ Viễn-Đông cuốn thứ 3 năm 1903 trang 77 (C. G. C. T. G)*

tích thành phố này có thể so sánh với nhiều thị-trấn khác ở Á-châu, nghĩa là lớn bằng nhau. Còn về dân số thì dân ở đây đông hơn, nhất là vào hai ngày: mồng một và ngày rằm (âm lịch) mỗi tháng là hai ngày phiên chợ. Dân các vùng xa gần kéo về họp đông không thể tưởng-tượng được.

Có nhiều phố rộng-rãi, quang-đãng thế mà vào những ngày chợ có khi chen chân không lọt. Qua được những đám đông độ 100 bước có khi phải mất đến nửa giờ là may mắn nhất.

Hàng hóa bán riêng từng thứ ở mỗi phố. Và mỗi phố còn chia làm một hay hai khu là nơi chỉ những người ở trong khu mới có thể mở cửa hàng được, thật chẳng khác gì các hội buôn, các nghiệp-đoàn tại các đô-thị Âu-châu...

Tu-sĩ Richard viết: chỉ có Kẻ-Chợ (*Thăng-Long*) mới đáng gọi là một thành phố theo đúng ý-nghĩa của nó, và Kẻ-Chợ là kinh-đô của miền Bắc. Các đường phố ở Kẻ-Chợ thì rộng rãi và đẹp đẽ được lát gạch, một phần khác không lát gạch thì để cho voi, ngựa và xe của nhà vua qua lại.

Số tàu bè ở đây đông vô kể nên khó mà tiến gần được đến bờ sông. Các hải-cảng và sông ngòi của chúng ta dầu là chỗ buôn bán tấp nập nhất như Venise với tất cả các thương thuyền hay các thuyền ăn chơi của du khách cũng chưa đủ cho ta có một ý-niệm về sự hoạt-động và dân số trên con sông của Kẻ-Chợ (*Theo Contribution à l'histoire de la Nation Vietnamienne trang 47-48*)...

Triều-đình và các dinh-thự, cung, phủ của vua quan đều đóng cả ở đây, trên các khu vực rộng rãi. Các dinh-thự đều làm bằng gỗ nên bề ngoài không được lộng lẫy lắm. Các nhà của thường dân đều làm bằng tre lợp lá và bao quanh bằng những phên tre đan rất vụng.

Nhà gạch cũng có nhưng không được nhiều, trừ những nhà của các ngoại-kiều (1) có bề rực-rỡ hơn.

Khi đứng trước ba lớp thành và lầu đài cổ, người ta phải lấy làm ngạc nhiên : những di-tích còn lại tỏ ra thành phố ấy xây rất vững vàng, có cửa lớn và đẹp lát bằng một thứ cẩm thạch ; lâu đài cổ có chu vi độ 6, 7 dặm, cứ xem các cửa ngõ sân và các gian nhà còn lại cũng đủ biết lâu đài đó trước kia (trước thời chiến-tranh) có thể rất đẹp-đẽ, huy-hoàng.

Trong khu thành đó có nhiều doanh-trại của quân đội lúc nào cũng dự bị sẵn sàng, và kho chứa quân-khí của nhà vua thì ở bên sông (sông Nhị Hà) gần bãi cát mới bồi.

Người Âu-Châu qua thăm Kẻ-chợ hồi thế-kỷ 18 rất để ý đến thiên ký-sự này của Baron nhưng không còn thấy các di-tích trên đây nữa. Ngay đến cả sách địa-dư cổ của các tiền-triều cũng nói về thành trì và cung điện ở Hà-Nội tức Đông-Kinh, Đông-Đô tức Long-Biên và Thăng-Long thuở xưa, nhưng không được rõ ràng.

Cuốn « *Hà-nội địa-dư chí* » có chép rằng : « Năm Dần, niên hiệu Thuận-Thiên nhà Lý (1010) đã định đô, xây cung điện và hoàng-thành. Thành có 4 cửa : Cửa Đông là Tường-Phù, cửa Tây là Diệu-Đức, cửa Nam là Đại-Hưng, cửa Bắc là Quảng-Phúc. Phía ngoài có xây thành bằng đất.

Niên-hiệu Thiên-thành thứ hai (1029) xây thành chung quanh gọi là Phượng-thành. Đến đầu đời nhà Trần nhân đó lại xây nội thành gọi là Long phượng-thành.

Đến đầu niên-hiệu Quang-Thuận nhà Lê (1460) xây Đại-la

(1) Ngoại-kiều đây là các nhà buôn Tây-phương.

thành và theo lệ cũ của nhà Lý, nhà Trần, xây rộng Phượng-thành ra 8 dặm ».

Tóm lại hồi thế-kỷ 17 là lúc Baron đến Bắc-kỳ, thành quách cung điện của mấy đời Lý, Trần, Lê đã bị chiến-tranh tàn phá hầu hết, đến hết thế-kỷ 19 bác-sĩ Hocquard dự vào cuộc chinh phục Bắc-kỳ thì chỉ còn được thấy một cái cổng thành đổ nát mà thôi.

Rồi trước cảnh biển-dâu bi-đát này, thêm vào là sự suy vong luôn luôn tái diễn của quốc-gia hơn một thế-kỷ sau, con người nhiều tình-cảm với non sông đất nước là bà huyện Thanh-Quan đã biểu-lộ những mối u-hoài dưới đây :

THĂNG-LONG THÀNH HOÀI CỔ

Tạo hóa gây chi cuộc hí-trường ?
Đến nay thấm thoát mấy tinh sương.
Lối xưa xe ngựa hồn thu thảo,
Ngõ cũ lâu đài bóng tịch dương.
Đá vẫn trơ gan cùng tuế nguyệt.
Nước còn cau mặt với tang thương.
Ngàn năm gương cũ soi kim cổ,
Cảnh đấy người đây luống đoạn trường.

Giáo-sĩ Marini cũng tả Hà-nội và lâu đài rất lộng lẫy của nhà vua về thế-kỷ 17 :« Nếu ta muốn đi từ Kinh-đô tức là thị-trấn vào các lâu đài của vua ở với tất cả các quan thì chúng ta sẽ trông thấy, không những chỉ một lâu đài mà cả một thị-trấn rất đẹp và rộng tuy về cách kiến-trúc không có gì là lạ, cả về cách chạm trổ cùng các đồ đạc cũng không có gì đặc sắc.

Số lính canh và các quan văn võ rất đông, voi, ngựa

khí-giới và đạn dược rất kỳ lạ quá hẳn sức tưởng-tượng của người ta. Tuy cung điện vua chỉ làm bằng gỗ, nhưng ở đây có nhiều đồ vàng, đồ thêu, những chiếu và thảm rất tốt có đủ màu sắc để tô điểm, thực không đâu sánh kịp. Người ta còn trông thấy trên những cửa tò-vò bằng đá và những bức tường dày của lâu đài nhà vua, đó là một công trình kiến-trúc mà người ta cho là của người Tàu khi họ còn cai trị xứ này. Nay lại nói đến hoàng-cung cũng ở trong khu đó và là nơi vua thường ngự thì ta biết rằng lâu đài đó xây trên một rừng cột chắc chắn, cao chỉ bằng một tầng gác và phải bước lên những bậc tam cấp mới tới. Khi xây lâu đài đó người ta gọi những nhà kiến-trúc, những thợ rất khéo ở khắp trong nước đến, còn thường-dân và phụ dịch thì không được dự vào. Lâu đài còn lại hiện nay xây trên một chỗ cao người Bắc-Kỳ nếu muốn xây một lâu đài khác thì bao giờ cũng chọn một vị-trí cao rộng, có thể trông ra xa và để dễ tránh nạn lụt,

Các phòng trong cung vua rất rộng, các hành-lang đều lợp kín và rất dài, sân rất rộng để tiện cho các quan văn võ đến chầu. Phía trong là nơi các cung-nhân ở, chỗ nội, cung đó canh giữ rất cẩn mật chẳng khác gì một nhà tu kín hay một nơi nhà giam.

Các nhà ở nội-cung cũng khác nhau, có cái đẹp hơn dành cho những cung-tần được nhà vua sủng-ái, nhưng các nhà đó bao giờ cũng thấp hơn cung vua. Các hoạn-quan và thị-vệ cũng có nhà trong khu đó, cả các quan trong triều cũng vậy.

Số cung-nhân không nhất định vì nhà vua muốn lấy bao nhiêu tùy ý mình. (về việc này có cuộc kiểm tra các gái đẹp, con cái của các quan-gia, vọng-tộc trong nước. Ngoài số được tuyển vào cung có một số dự-bị để nếu cần thì nhà vua cho lấy thêm, để bù vào số thải ra vì quá chiều xuân, hoặc ốm đau tật bịnh. Những người này ra ngoài có thể được đi lấy chồng. Có thể sau thời kỳ bắt buộc phải chờ ít năm nhà vua cho lệnh các người dự-bị đi lấy chồng). Mỗi cung nhân lại có nhiều thị-nữ hầu hạ. Số đó

vào khoảng năm sáu trăm người. Những người ngoài số một trăm gọi là cung-nữ.., ».

PHỐ HIẾN

Ngoài nơi Kinh-kỳ của Bắc-hà đã tỏ ra trên đây còn vài thị-trấn khác đáng chú ý về sự phát-đạt của thương-mãi thời đó là Phố Hiến và Vân-Đồn.

Phố Hiến ở ngay gần tỉnh Hưng-Yên giữa vùng Trung-châu. Ở Nam thì có cửa Hàn (Tây gọi là *Tourane*) Faifoo (*Hải-phố*) và Qui-Nhơn.

Từ cuối thế-kỷ 16 qua thế-kỷ 17 người ngoại-quốc (Hòa-Lan Anh, Bồ-đào-Nha, Thái-Lan, Pháp, Tàu, Nhật v. v... lui tới các vùng này để mua bán rất sầm-uất và đã làm hưng khởi rõ-rệt nền kinh-tế quốc-gia Việt-Nam. Nếu Nam-Bắc không có nạn phân tranh, nếu vua chúa đời đó có một chánh sách ngoại-giao và kinh-tế khéo léo thì Việt-Nam đã cường thịnh rất nhiều, thật là điều rất đáng tiếc.

Còn một việc đáng chú ý là các đô-thị thương-mãi này đặt xa Kinh-thành (*Thăng Long cũng như Phú-Xuân*), là do vua chúa Việt-Nam ngay từ thế-kỷ 16 qua 17 đã nghi ngờ có sự nhòm nom của người ngoại-quốc về phương-diện chánh-trị, ngay cả các giáo-sĩ trở đi (1). Việc này xét ra vì chính các giáo-sĩ Tây-phương cạnh tranh với nhau, kể nọ tố cáo, dèm pha người kia lĩnh trách-nhiệm gián-điệp cho một vài cường quốc Tây-phương hấy giờ đang thi

(1) Xét ra buổi đầu tức là vào cuối thế-kỷ 17 người Anh và Hòa-Lan đã có phen được mở cửa hàng ở Kẻ-chợ (Thăng-Long) rồi sau này họ phải rời xuống phố Hiến cũng bởi lý-do chúng tôi đã trình bày trên đây,

đua nhau thực-dân-hóa nhiều nước lạc-hậu ở Á-châu (1). Cứ xem buổi đầu vua chúa Việt-Nam rất muốn gần người ngoại-quốc, lại không có chủ trương bài đạo nhưng rồi sau này có những hành động khe-khắt, xét ra cũng do các người Tây-phương gây nên các vụ lộn-xộn về mọi mặt ở nước ta...

Phố Hiến ở bên sông Nhị-Hà, cách tỉnh-lỵ Hưng-Yên vài cây số, một thời nổi tiếng thịnh-vượng về việc mua-bán với ngoại-quốc. (2)

Người Tàu làm ăn ở đây khá đông nên có một phố gọi là phố Khach, vì phố này hoàn toàn thuộc về các thương-gia Tàu, đến thời của chúng ta sau này thì phố Hiến không còn gì nữa chắc do nhiều biến-cố chính-trị ở Việt-Nam đã xảy ra nên các người ngoại-quốc đã bỏ ra đi hết.

Phố Khách (3) là trung-tâm cho các việc mua bán tơ lụa. Các nhà buôn tơ lụa Nhật từ Vân-Đồn vào đây có ý muốn mở các thương-điếm gần các nơi sản-xuất thứ hàng này của Việt-Nam cho tiện.

---

(1) Những sự nghi ngờ của các chúa Trịnh, Nguyễn có lý bởi kể từ hạ-bán thế-kỷ 16 người Tây-ban-Nha đã chiếm Phi-luật-Tân làm thuộc địa (1568), người Hòa-Lan lấy đất Chà-Và (Java) và dần dần người Bồ-đào-Nha, Pháp và Anh đều chia nhau đất Ấn-Độ cũng cùng một mục-đích.

(2) Phố-Hiến vì là nơi buôn bán vui vẻ, phồn thịnh nên dân ta thời bấy giờ đã có câu : Thứ nhứt Kinh-kỳ thứ nhì phố-Hiến.

(3) Phố-Hiến sau này có tên là Hiến-Nam và chữ Phố khách không phải chỉ riêng là phố của người Tàu. Chữ khách có nghĩa là người ngoại-quốc ở xa tới (tức là là chủ mà họ là khách).

Theo lời nhà du-lịch Anh Dampier tới Phố-Hiến năm 1688, Phố-Hiến bấy giờ có khoảng 2000 nóc nhà và một trại lính khá đông. Một phố dành riêng cho người Tàu lúc đó không còn được ở Kẻ-chợ. Người Tàu hồi bấy giờ vẫn để tóc dài, có lẽ họ chưa chịu ảnh hưởng phong-tục của nhà Mãn-Thanh. Người Nhật khi ấy còn được vua Nhật cho phép buôn bán cũng như người Tàu và người Xiêm-La chỉ ở phố Hiến. Người Pháp cũng có tiệm buôn ở Hưng-Yên vì không được lên Kẻ-chợ (như chúng tôi đã nói trên).

VÀI THƯƠNG-CẢNG CỦA CHÚNG TA

VÂN-đồn là một cửa bể ở giáp biên-giới Việt-Hoa sau có nhiều tên khác như Tân-Yên, Tinh-Yên, Yên-Bằng, Yên-Quảng tức Vạn-Ninh(Quảng-Yên) lại có cả tên la Quibenhu trong các bản-đồ nước ta do các nhà du-lịch Âu-Châu vẽ hồi thế-kỷ 17. Đó là một hải-cảng lập ra từ 1148, đã là nơi đi về của nhiều lái buôn Mã-Lai, Xiêm-La, Miến-Điện và Nhật-Bổn, những người này đã được phép trú ngụ ở mấy hải-đảo gần biên-giới Tàu trong vịnh Bắc-Kỳ.

Còn ở Trung-kỳ thì Faifoo (Hải-phố), Tourane (Đà-nẵng) cũng là những hải-cảng cho người ngoại-quốc tới thông-thương đầu thế-kỷ XVII. Khi các giáo-sĩ đầu tiên vào nước ta thì đã có một phố của người Nhật và người Tàu.

Trước và đầu thế-kỷ XVII nhiều nhà buôn Nhật được nhà vua (chúa Nguyễn) cho phép đến hai thị-trấn trên đây và cả ở Vinh (Nghệ-An).

Từ Nhật qua giang-sơn của chúa Nguyễn có hai đường hàng hải thuở đó, một đi từ Trường-kỳ đến Faifoo, một từ Trường-kỳ đến thẳng Vinh.

Ngay từ 1615, giáo-sĩ Buzomi đã thấy có các thương-gia Nhật ở Faifoo, và giáo-sĩ Borri năm 1618 cũng khen ngợi Faifoo là một

thành phố và một hải-cảng đẹp nhất nước, có nhiều nhà buôn ngoại-quốc luôn luôn đi lại.

Nhưng hoạt-động thương-mại nhiều nhất ở đây là người Tàu và người Nhật, do đó họ được chúa Nguyễn cho thiết-lập một khu riêng biệt để họp chợ cho tiện, tức là Tàu có khu riêng và Nhật cũng được hưởng quyền tương-tự.

Mỗi khu có một thị-trưởng cai-trị theo luật-pháp của chúa. Nơi này còn được sầm-uất thêm do nhiều người Nhật công-giáo chạy sang để tránh việc bài đạo của Nhật-Hoàng. Họ lấy cớ qua Việt-Nam buôn bán bắt đầu từ 1614, theo lời A. De Rhodes. (Xin nhắc rằng người Âu-châu bắt đầu tiếp-xúc với người Nam ở xứ Đàng trong trước (*Cochinchine*) (1), rồi dần dần họ mới tìm đường ra Bắc).

Năm 1634, đến lượt chúa Nguyễn cấm đạo thì những người Nhật công-giáo ở Faifoo muốn được ở lại buôn bán phải bỏ đạo.

Từ Tourane đến Faifo, hồi thế-kỷ XVII, có một đường đi bằng ghe thuyền lần theo vũng biển dài. Vũng đó hiện nay đã bồi. Tại Tourane bấy giờ cũng có một số Nhật-kiều ở về phía Tây vũng bể đó.

---

(1) — **Cochinchine** *là do chữ* **Cauchi-china** *của Tây-ban-Nha và chữ* **Caoci-china** *chữ Ý mà ra, bắt nguồn từ chữ* **Kiaoche** *(Giao-chỉ) rồi thêm vào chữ Chine để khỏi lầm với Cochin ở Ấn-độ. Chữ Cochinchine được người Pháp dùng để chỉ xứ Nam-kỳ. Bắt đầu từ thế-kỷ XVII người Âu đã dùng chữ này để chỉ các tỉnh từ Linh-Giang trở vào thuộc quyền chúa Nguyễn. Chữ Tonkin hoặc* **Tonquin** *(Đông-kinh) dùng để chỉ đất thuộc quyền chúa Trịnh. Sau này chúa Nguyễn lấy được đất Chân-lạp là lục-tỉnh Nam-Việt ngày nay. Pháp gọi miền này là* **Basse-cochinchine,**

Cũng vào thế-kỷ XVII, tại Faifoo (*Hải-phố tức là Hội-An*) người Nhật có cất một cái cầu bằng gỗ,t rên có mái lợp ngói, dân ta gọi là cầu chùa hay cầu Nhật-Bản, hiện nay vẫn còn.

Ở Vinh thì không thấy di-tích gì về việc buôn bán của người Nhật hồi thế-kỷ XVII. Người ta nhớ rằng tàu Nhật hồi xưa có đến giao-thương ở phía Bắc Trung-Việt thường đậu ở phía trên sông Vinh, tại chợ Phúc-Lê, thuộc phủ Hưng-Nguyên (tức là Bến-thủy ngày nay). Tại địa-phương này, có một ông quan chuyên cấp giấy phép cho họ bán và mua hàng hóa lúc trở về nước họ hay mang đi nơi khác.

Ngoài các thị-trấn nói trên, hồi đó ở thành-phố Qui-Nhơn ngày nay mà người ngoại-quốc gọi là Pulocambi (1) vốn là một tỉnh ta mới cướp được của Chàm, còn hai thị-trấn nhỏ nữa ta gọi là Nước mặn và Nước ngọt.

Trong bản-đồ của giáo-sĩ A. de Rhodes có ghi hai thành phố này ở vào phía Bắc Qui-Nhơn. Có nhiều khu buôn bán phồn thịnh, dân-cư đông đúc, thuyền bè đi lại tấp nập.

Một thời chúa Nguyễn cho các giáo-sĩ đạo Thiên-Chúa (*Buzomi, p. di pina, Cristoforo, Borri*) xây dựng nền tảng Công-giáo ở đây.

NAM-HÀ CÓ GÌ ĐÁNG CHÚ Ý ?

DƯỚI đời Võ-Vương, từ khi chinh phục được xứ Chân_Lạp, nhà vua có thể tuyển được 60.000 quân lính nhưng khí-giới thì chỉ có giáo mác, gậy gộc, súng hỏa-mai, súng đại-bác do người Bồ-đào-Nha mua hộ hay đúc cho hoặc biếu.

---

(1) Hay là **Pullacambi** *Poulo Gambir giữa Qui-Nhơn và Sông-Cầu. Bồ-Đào-Nha gọi là Quiguin (Qui-nhơn là Pullucambi). Xem tập kỷ-yếu của trường Bác-cổ Viễn-Đông quyển 24 trang 568).*

Phải nên nhận rằng người Đàng-trong vốn sẵn có thiên-tài về binh-bị. Tất cả những người ngoại-quốc từng đặt chân đến Nam-hà cùng cho rằng phần nhiều người nước này đều ra làm lính và làm tướng, lúc cần rất can đảm và khôn ngoan trong cách ăn ở. Cứ thường đến 25 tuổi thì người con trai ở đây phải ra lính, rồi ở lính đến 60 tuổi. Ngày nào họ cũng phải tập tành võ-nghệ từ 6 giờ sáng đến quá 10 giờ. Họ tập bắn súng, bắn tên, đâm chém bằng gươm giáo và ném cả tạ trên bộ và trên chiến thuyền. Trong khắp cả miền Đông-phương, không dân-tộc nào ưa chuộng khí-giới tốt bằng dân Việt. Các khí-giới này còn được mạ vàng hay mạ bạc. Một thanh kiếm xấu nhất cũng bọc hết hơn 12 đồng tiền bạc nguyên-chất.

Khi còn ở trong cơ-ngũ, người lính cũng có một số lương phải chăng là một đồng tiền và một thùng gạo đủ nuôi mình và vợ con (!) Cứ ba năm ,họ được nghỉ phép một lần để về thăm cha mẹ, quê quán. Đến 60 tuổi thì nhà vua cho nghỉ hẳn và được cấp dưỡng trong lúc mình già tuổi yếu.

KINH-ĐÔ CỦA CHÚA NGUYỄN

Như chúng ta đã biết, chúa Nguyễn-Hoàng vào trấn-thủ Thuận-Hóa năm Mậu-ngọ (1558), đời vua Anh-tông. Ông đến đóng ngay tại Ái-Tử và Trà-Bát, sau này để có một vị-trí tốt về chánh-trị và quân sự, các chúa Nguyễn đã dời đô lùi thêm vào trong tức là Phú-Xuân (Huế). Có lẽ Ái-Tử quá gần khu vực của vua Lê, chúa Trịnh,là Minh-Linh, địa-phương này ở sát tỉnh Quảng-Trị ngày nay về phía Bắc. Triều-đình đóng ngay ở Phú-Xuân thì sự điều-khiển các việc ở Quảng-Nam và ở Quảng-Trị đều tiện cả.

Pierre le Poivre là một nhà buôn Pháp đã qua Huế năm Kỷ-tị (1749), bằng đường thủy đi vào sông Hương. Ông ta đứng trước hoàng-cung trong đó có nhiều hành lang chạy dài hàng mấy trăm thước. Ở bờ sông bên kia, Poivre không thấy lâu-đài nghỉ

mát của nhà vua, là một ngôi nhà rất xinh, xây trên một cái cầu hình chiếc thuyền dài. Trên nóc lâu-đài sơn son, sơn đen thiếp vàng và chạy một đường chạm trổ. Theo lời Poivre « chỉ có ngôi nhà đó là có vẻ đặc-biệt và đáng để ý », và đã có một phố khách ở phía dưới Hoàng-cung. Poivre cùng người tùy-tùng, do người thông-ngôn là Michel Rương giới-thiệu, đã trú ngụ ở phố ấy.

Chắc hẳn trên bờ sông Hương hồi đó, ngoài phố khách ra còn có nhiều phố khác nữa, như phố Thợ đúc là nơi Jean de la Croix đã đến đúc súng cho chúa Hiền hồi giữa thế-kỷ XVII...

MỘT VÀI NÉT VỀ VŨ-VƯƠNG VÀ CÁC QUAN TRIỀU-THẦN

NHÀ vua ra chỗ công-chúng cứ thường mỗi ngày hai lần giữa hai hàng binh-sĩ gươm giáo tuốt trần. Nhưng trong lúc vua xuất-hành, bất cứ người dân nào cũng có thể đệ đơn khiếu-nại lên Ngài.

Ông vua Đàng-trong bấy giờ là một ông vua vừa công bằng vừa thích vũ-bị. Nhà vua thường thân ra tòa án đóng vai chánh-thẩm. Ngài làm cả việc của viên dự-thẩm, nghĩa là nghe cả nguyên bị cung khai và xét cả việc đối-chứng.

Luật pháp của xứ này rất nghiêm-ngặt. Người mắc tội khi-quân phải bị lăng-trì. Khi hành hình, nếu tội-nhân là quân lính thì mỗi người lính phải cắt một miếng thịt của tội-nhân rồi phải ăn. (1)

---

(1) Theo tài-liệu của « **Lịch-sử Công-giáo Việt-Nam** »*. của L. Cadière qua bản-dịch của Nguyễn-văn-Tố.*

Bình-luận về Vũ-Vương, vị chúa thứ 8 ở miền Nam (1) của dòng họ Nguyễn, Pierre le Poivre viết « Vũ-Vương là ông vua mạnh và độc-đoán nhất đã cầm quyền ở xứ Đàng-trong. Ngài 39 tuổi và đã trị-vì từ 20 năm nay.

« Ngài mạnh khỏe, vạm vỡ, nét mặt nở-nang, đầu tròn tóc đen, dài và rậm. Trán ngài rộng, mép râu đen và nhiều, tai dài, mắt và lông mày đen, mũi ngắn, miệng cân đối với bộ mặt ; cằm to, cổ vững, hai vai và ngực rộng, bụng to và chân béo.

«Khi nhà vua mặc lễ-phục thì có vẻ rất uy-nghi. Đi giữa các quan, hình dáng Ngài nổi bật hẳn lên vì không một ai đẹp bằng Ngài.

« Nét mặt Ngài hiền từ, da mặt trắng, nhưng thường hay thay đổi cũng như những người thuộc miền nhiệt-đới ; khi hi trắng khi thì xám, là tùy tình-trạng sức khỏe...»

Nhưng về đức-tính của nhà Vua, Pierre le Poivre đã hạ nhiều lời nặng nề : « Vị vua đó có ba dục-vọng chính ,do đó mà có nhiều tính xấu ; nhà vua keo kiệt mà thành ra tàn ác, không từ việc gì tồi bại mà không làm.

«Tình yêu đối với đàn bà thì lộn-xộn khiến ông đã lơ lảng việc nước và hóa ra nhu-nhược (2). Đó là một thứ tình yêu tàn

---

(1) Vũ-Vương (hay Võ-Vương) tức là Nguyễn Phúc-Khoát là ông chúa thứ nhất của họ Nguyễn bắt đầu xưng vương, định triều-nghi, lập cung-đình ở Phú-Xuân, công-khai coi mình ngang hàng với chúa Trịnh.

(2) Đoạn trên, Pierre le Poivre nói Võ-Vương là một ông vua khỏe mạnh và độc đoán nhất, thế mà đoạn dưới, tác-giả lại cho là lơ-lảng và hóa ra nhu-nhược. Poivre đã tự mâu-thuẫn trong sự nhận xét của mình.

nhẫn, thiếu nhã-nhặn về tính tình, và không phải tự lòng thương mến mà sinh ra, rồi tình yêu đó làm cho nhà vua chẳng thiết-tha đến việc gì.

«Tóm lại, ông vua này chỉ biết đến nội-cung và két bạc, sống nhiều với một lũ đàn bà nhặt ở khắp nơi trong xứ dạy ông khâu vá, thêu thùa và sống giữa một lũ « *công đạo* » cùng chia với nhà vua cái xác chết của một nước khốn-nạn, rồi lại dùng một phần của đó để mua cái quyền ăn cắp một cách tự-do hơn, không hề bị ai trừng phạt cả.

«Tính kiêu-hãnh là dục-vọng thứ ba, chỉ có hại cho riêng vua và làm cho vua trở nên đáng khinh.»

Cảm-tưởng của Pierre le Poivre đối với các quan đại thần trong triều Võ-Vương cũng không tốt đẹp hơn. Ông ta đã từng tiếp xúc với ông Tả-ngoại Trương phúc-Loan khi đó là nhân-vật trọng-yếu nhất của miền Nam.

Họ Trương là Quốc-cữu và lại thông-gia với nhà vua. Tinh tham nhũng của Trương khét tiếng do Trương nắm hầu hết mọi quyền hành trong triều-đình.

Vị quyền-thần này mỗi năm thâu lợi được tới bốn năm vạn quan, lại thêm vài bốn vạn quan khác về việc kiểm-soát tàu bè. Đã thế, Trương còn ăn hối-lộ rất mạnh.

Sau một vụ nước lụt, Trương đã từng đổ hàng hòm vàng ra phơi đầy sân.

Chính do sự nhũng-lạm và tàn ác của Trương nên có nhiều vụ loạn lạc đã bùng ra mở đường cho Tây-sơn xuất-đầu lộ-diện, rồi giang-sơn của họ Nguyễn nghiêng đổ hẳn một thời.

Còn các ông quan khác, theo Poivre le Pierre thì cũng hết thảy là bọn « không thạo việc, chỉ ham mê tình dục. ngoài ra không biết gì ráo ». (1)

Tóm lại từ thế-kỷ 16 đến 18 nước Việt-Nam trải nhiều cuộc phân tranh vô cùng tai hại nên dầu có một vài vị vua chúa thông minh lỗi lạc, thành tâm giúp dân, giúp nước để có những vũ-công, văn-trị rực rỡ mà nước Việt cũng không thế nào tiến-bộ và cường-thịnh được.

Xin nhắc rằng khi người Tây-phương bước vào nước ta thì ta đang ở tình-trạng nội-chiến và qua-phân, hết Nam-Bắc-triều là thời Mạc đánh đổ Lê lại đến Trịnh-Nguyễn phân tranh kéo dài từ thế-kỷ 17 (2) tới hạ-bán thế-kỷ 18 mới hết (1623-1788).

---

(1) — Pierre le Poivre đến triều Vũ-vương được tiếp đãi rất ân cần vậy mà phải thốt ra những lời trên đây thì quả họ Nguyễn đến Vũ-vương là quá tệ, rồi chế-độ mục nát mà quyền thần Trương phúc-Loan gây nên đã làm ngại vàng của chúa Ngnyễn đã phải đổ gục.

Poivre lại nói đời sống của quân lính miền Nam bây giờ rất thiếu thốn. Trái hẳn với các thời trước, với thời Vũ-Vương dân miền Nam rất chán ghét nghề đi lính đến đỗi mỗi khi cần lính chúa Nguyễn phải cho đi bắt như bắt tù. Poivre đã trông thấy một toán thanh-niên hai trăm người cổ mang gông. Đó là những lính mới mộ (!).

(2) Ở nước ta dưới đời vua Lê-anh-Tông (1556-1573) người ta đã thấy sức mạnh và nền văn-minh rực rỡ của Tây-phương qua nơi các người Bồ-đào-Nha, Tây-ban-Nha, Hòa-Lan v,v... Vua Anh-Tông có bắt được một chiếc tàu Bồ-đào-Nha và tìm thấy dưới tàu một bức thư của một tu-sĩ dòng thánh Phan-xi-cô gửi cho nhà vua. Anh-Tông trả lời yêu cầu vị tu-sĩ đến nước mình nhưng vị tu-sĩ ấy không thể đến được, vua liền gửi sang Macao cho tu-sĩ.

Triều đình nào cũng chỉ lo mở mang vũ-bị để mong thỏa cái chí tranh vương đồ bá thì còn thời giờ nào nghĩ đến việc chấn hưng nông-nghiệp, khuếch trương kinh-tế, văn-hóa, xã-hội cho dân nhờ cậy.

Nếu không có cuộc tương tàn luôn ngót ba thế-kỷ và nếu lợi dụng được sự hợp-tác của Tây-phương thì ai bảo nước Việt-Nam không tiến-bộ và phát-đạt ngay từ mấy trăm năm trước tại Đông-Nam Á-Châu ?

VIỆC BUÔN BÁN GIỮA NGOẠI-QUỐC VÀ NAM-HÀ CUỐI THẾ-KỶ XVI.

VIỆC buôn bán giữa ngoại-quốc và Nam, Bắc-hà không được ghi chép đầy đủ trong các cuốn sử chữ nho của chúng ta nhưng ta có thể căn-cứ vào bút-ký của một số người ngoại-quốc đủ biết đại-khái như sau :

Những hóa-vật mà người Tây-phương đến mua ở Nam-hà là hồ-tiêu, lụa mộc, đường, gỗ qui, gỗ mun, yến sào, vàng cốm hay vàng nén. Còn hàng nhập-cảng vào đây là đồ đồng và đồ sứ của Tàu, của Nhật.

Nhà buôn ngoại-quốc rất ta-thán về thuế nhập-thị, thuế xuất-cảng và thuế cư-trú của các thương thuyền đánh quá nặng.

Ở Nam-hà thì các thuế này không đến nỗi đề phàn nàn và thuế thương-chính chỉ vào khoảng 3 hay 4o/o đối với giá hàng.

Tàu đến thì phải trình quan xuống khám. Quan bằng lòng cho dỡ thứ hàng nào xuống mới được rồi bắt đếm và đem cân rất tỉ-mỉ.

Về việc tiền bạc thì lôi thôi lắm. Đồng tiền nào cũng cùng

một cỡ, cùng làm bằng một chất, giá-trị chỉ khác do chữ in vào mặt đồng tiền mà thôi. Mỗi đồng tiền có mặt phải, mặt trái, Mặt phải có 4 chữ nho, mặt trái thì để trơn. Phải biết chữ nho mới phân biệt được giá-trị của tiền trong việc mua bán. Nếu không sẽ bị những người nhà buôn Nam-hà lừa bịp.

Trong ít năm vừa đây, nhiều nhà buôn Macao kiếm được nhiều lời về thứ tiền bạc này vì chúa Nam-hà chưa đánh dấu bằng chữở góc đồng tiền, mà tiền thì do ngoại-quốc mang vào. Nhưng từ khi chúa đúc được tiền lấy thì ngoại-quốc không xoay-xỏa được về món này trừ họ nhất tâm chịu thiệt một nửa...

... Khi chẳng may có chiếc tàu nào bị đắm thì được cứu vớt ở Nam-hà chu đáo hơn bất cứ ở một nơi nào khác. Quan lại địa-phương cho thuyền ra cứu các thủy thủ, thả lưới vét các hàng bị chìm rồi người ta tận lực sửa chữa cho.

... Chúng tôi thấy có hai điều thiệt cho người ngoại-quốc, chính ra có thể tránh được một. Việc thứ nhất là việc tàu trở ra về, nếu không xin phép trước một tháng là hay bị lỡ chuyến. Nhưng việc thứ hai thì không sao tránh khỏi, đó tà phải bán chịu hàng cũng hại nhưng không tai hại lắm như người ta nói vì nếu nhà buôn khiếu-nại- lập tức chúa trừng trị ngay.

Người Pháp cũng như các công-ty Hòa-Lan, Anh-cát-lợi đã tới buôn bán ở Bắc-hà một thời. Họ mua được rất nhiều vải, lụa và sạ-hương. Sạ-hương ở nước Nam thì quí đặc-biệt, ai ai cũng phải khen vì nó ít bị hả nhất nếu so sánh với sạ-hương ở khắp thế-giới.

... Nói thật ra tuy lụa của người Việt không đẹp bằng lụa Tàu, lụa Mạnh-gia-Hợp (Bengale) lụa Ba-Tư và Ý-đại-Lợi nhưng người Anh buôn về Âu-châu rất nhiều và kiếm được rất khá.

Theo ý tôi thì nước Siam là nước duy-nhất cho chúng ta có thể cư-trú để mở rộng việc buôn bán sang Bắc-hà...

(Đây là một bút ký về việc buôn bán với Nam-hà và Bắc-hà khoảng 1690-1700 — Chúng tôi không kiếm ra tên tác giả và một phần trích ở tập Lettres édifiantes et Curieuscs của nhà xuất bản Panthéon littérature trang 544-558).

Pierre le Poivre phàn nàn thiếu hàng hóa, thời-tiết xấu, mưa nhiều, bệnh tật ở địa-phương quá nhiều, chánh-phủ bản-địa ngờ vực, các thương nhân,các giáo-sĩ ngoại-quốc ghen ghét nhau, dèm dèm pha nhau, thiếu sự hiểu biết về bản-thổ, các người Việt buôn bán gian giảo, hay bắt chẹt... Đến xứ này thì phải có quà nhiều cho vua quan. Người miền Nam nghèo quá, kẻ gần chỗ vua quan hay vụ lợi — vua quan cũng thế. Người ngoại-quốc xin vào gặp vua bị ngăn trở do đám quan hầu hay những kẻ canh cửa. Phải cho quà cả bà ái-phi, ông hoàng con bà, và lễ vật được nhận một cách lạnh lùng như là chuyện phải có tuy rằng rất quý-giá và rất lạ đối với họ.

... Hàng hạ xuống, quan đến khám thấy cái gì đặc-biệt thì đem ngay vào cho vua. Nếu nhà vua ưng thì cứ việc lấy và muốn trả bao nhiêu tùy ý, khi thì phải chăng, khi không. Nếu nhà vua không lấy thì hai ba tháng mới hoàn lại, mất cả đồ gói hàng hoặc làm hư nát, có khi bọn phụ cận lấy đi rồi mượn tiếng vua mà trả giá bậy bạ. Thật là khó khăn vô cùng cho nhà buôn.

Vua trả tiền cho các tàu buôn thường vào tháng 6 và nếu nhà vua trả vào dịp khác, đó là một đặc-ân phải trả một giá rất đắt.

Còn với các quan họ rất đủng đỉnh, bắt chờ chán chê, trả giá đếu sái quai hàm, đi lại có khi đến vài chục lần rồi còn phải tiền thù phụng đám thư-lại hay tôi tớ, xét ra với vua còn đỡ mệt hơn.

Những ông quan xuống khám tàu tới hay tàu sắp nhổ neo cũng làm khó dễ, để thày trò làm tiền chán rồi mới cho tàu đi.

Nay chiếu theo bút-tích của những nhà buôn ngoại-quốc trên đây, chúng ta thấy về phần vua quan Việt-Nam ở Bắc cũng như ở Nam đều không có một chính sách nào đứng đắn và khôn ngoan về việc thương-mại. Bên trong chúng ta không có sự mở mang thị-trường cho có nhiều sản phẩm, bên ngoài ta không biết đối xử chu-đáo với người ngoại-quốc và đặt ra những thứ thuế hợp lý. Chúng ta lại không am hiểu giá cả các hóa-vật trên thị-trường quốc-tế nên có thứ hàng bán đắt quá, có thứ lại bán rẻ quá. Cái tai hại này, theo sự nhận xét của người ngoại-quốc là ở chỗ chúng ta không quen nghề hàng-hải, không có tàu bè đủ sức vượt các đại-dương và không biết dùng cả địa-bàn để đi biển.

Nếu nhìn vào các bạn đồng chủng ở Á-châu, thật đáng xấu hổ với người Tàu, người Nhật bấy giờ đã biết xuất ngoại để khuyếch-trương nền kinh-tế quốc-gia của họ.

Phải chi đã kém thì ra công mà học hỏi, lấy sự khôn khéo đãi người để thâu thái lấy các mánh lới thương công, kế nghiệp hoặc tìm hiểu cách này hay cách khác lề lối tổ-chức doanh-thương của họ.

Đáng buồn hơn nữa là việc tầm thường nhất như sửa đổi phong-tục buôn bán, tránh sự gian xảo mà cũng không làm nổi. Đến vua quan cũng chỉ biết ỷ quyền thế mà ăn hiếp người ngoại-quốc để thủ lợi, cái lợi lại chẳng to tát gì cho cam.

Phải nên nhận rằng vua quan nước ta đã bỏ lỡ những cơ-hội vô cùng tốt đẹp làm cho nước giàu dân mạnh suốt ba thế-kỷ 16, 17 và 18. Ta có thể tha thứ một phần vì từ thế-kỷ 16 đến thế-kỷ 17, Nam Bắc còn mắc miu vào nội tranh, nhưng từ hạ-bán thế-kỷ 17 trở đi đã có 100 năm yên ổn do cuộc đình-chiến mà vua quan hai miền Nam-Bắc vẫn chẳng để ý gì đến việc buôn bán với ngoại-quốc trong khi nhiều quốc-gia từ Đông qua Tây đã xuất dương rầm rập khắp bốn phương trời mở rộngcuộc giao thương từ lục-địa này qua lục-địa khác.

Mưu thuật phú quốc, cường dân đã chẳng có, đến cơm áo của nhân dân cũng không giải-quyết nổi do đó mà nạn chết đói đầy đường đã diễn ra rất là bi-thảm luôn mấy phen liền khắp thôn quê thành-thị.

Đã đành đói rách thường là hậu-quả của chiến-tranh, nhưng đói-rách còn do chỗ nhà cầm quyền bất tài bất lực, vị kỷ thì trách-nhiệm ấy phong-kiến Việt-Nam còn đổ cho ai được?

Y-PHỤC CỦA NGƯỜI ĐÀNG-TRONG.

Giáo-sĩ Christophe Borri lưu trú ở Nam-hà vào năm 1618-1623 tại tỉnh Bình-Định có viết về cách ăn mặc của người Đàng trong như sau

«... Người Đàng trong ưa dùng lụa để may quần áo hơn là dùng vải. Ở miền Á-châu này quần áo của người đàn bà Việt kín đáo nhất vì tuy khí hậu ở đây rất nóng nảy, đàn bà vẫn không bao giờ để lộ da thịt.

« Họ mặc tới năm, sáu chiếc áo dài (ta vẫn thường nói áo mớ bảy, mớ ba là như vậy), cái nọ phủ cái kia và mỗi cái một mầu. Cái áo thứ nhất dài đến mắt cá chân có vẻ rất là trịnh trọng. Rồi những cái khác ngắn dần. Để che vú, người ta mặc một cái yếm tức là một miếng vải mầu có ô vuông ở ngoài, phủ bằng một miếng vải khác rất mỏng.

Tóc của phụ nữ rất dài, ộng chuốt thả xuống hai vai và có khi dài xuống tới đất, tóc càng dài người ta càng cho là đẹp. Quàng đầu là một thứ khăn gọi là khăn vuông có mỏ nhọn (ngoài Bắc gọi là khăn mỏ quạ, chỉ đàn bà trùm ; ở Nam-hà thì cả đàn ông và đàn bà đều đội chiếc khăn này), và với người giàu sang thì khăn được dệt bằng kim-tuyến. Các bà khi đáp lễ thường mở khăn ra để người ta được trông thấy mặt (!).

Đàn ông cũng mặc tới năm sáu chiếc áo bằng lụa mầu vừa rộng như áo của các giáo-sĩ Saint Benoit. Những âo nầy từ chỗ thắt lưng trở xuống được cắt từng mảnh dài rất đẹp nên khi đi lại những mảnh vải đó chuyển động và hòa màu vào với nhau.

Mỗi khi có cơn gió nhẹ thổi thì những mảnh vải đó bay tung như con công xòe cánh rất ngoạn-mục (!).

Đàn ông cũng để tóc rất dài như đàn bà cùng chùm khăn như phụ-nữ và để râu. Xem ra ở xứ này ít người có râu nhiều và trông họ giống người Tàu. Họ cũng để cả móng tay cho dài, nhất là giới quý phái, có lẽ để phân biệt với những người lao động (*nông dân hay công nhân*).

Các thày khóa hay các ông cống. ông nghè thì ăn mặc nghiêm trang hơn và không dùng nhiều mầu sắc lắm.

Thường thường họ mặc một chiếc áo dài đen bằng lụa hay xuyến phủ ra ngoài các thứ áo khác. đầu đội mũ hơi giống mũ của các giám-mục.

Đàn ông cũng như đàn bà hay cầm chiếc quạt như để trang sức hơn là do sự cần dùng.

Người Âu-châu ta khi có tang mặc đồ đen thì ở đây trái lại, người ta mặc đồ trắng.

Khi chào nhau, người ta không bỏ khăn ra mà chỉ cúi đầu và chắp tay vái. Bỏ khăn ra là vô phép.

Người Đàng trong không đi giầy và bi-tất, nhưng đi dép là một miếng da đặt dưới bàn chân có giầy buộc chéo vào các ngón chân.

Đi chân đất ở đây không là điều bất lịch-sự,nhưng mỗi khi vào nhà ai thì người ta lấy nước sạch ở một cái chum hay vại đặt

trước cửa nhà, rửa chân rồi mới vào bên trong. Dĩ-nhiên là khi vào nhà, dép phải để bên ngoài, như thế để khỏi làm bẩn sàn nhà hay chiếu...

(Tài-liệu này trích ở trong cuốn Relation de la nouvelle Mission des Pères de la Compagnie de Jésus au Royaume de la Cochinchine, Lille 1631).

KÝ-SỰ VỀ ĐẢO CÔN-LÔN CUỐI THẾ-KỶ XVII

Ngày 5 tháng 11-1686 Véret là giám-đốc công-ty Đông Ấn của Pháp ở Ayuthia đã có tờ trình về nước sau khi đã qua thăm quần đảo Côn-Lôn. Véret có ý muốn lập ở đây một căn-cứ thương mại để tiêu-thụ hàng hóa đi khắp Viễn-Đông. Trước người Pháp tại đảo Côn-Lôn đã có người Anh vừa nhà buôn, vừa quân nhân đến chiếm đóng sau ít lâu thì bỏ ra đi vì binh-sĩ của họ là người Mã-Lai bị giữ quá hạn định đã nổi loạn giết người cầm đầu.

Năm 1721 Công ty Pháp ở Ấn-Độ cho chiếc tàu DANAÉ đi từ cửa bể St Louis đến thăm thú đảo này. Renault là người chỉ-huy phái-đoàn Pháp được ủy nhiệm vào việc kể trên viết trong bản ký-ức-lục của hắn như sau :

... *« Đảo Côn-Lôn là một cái đảo cằn-cỗi, khó đi lại, ra vào có bãi biển dài chừng ba phần tư dặm, rộng chừng một phần tám dặm, trong là đồng lầy. Nhà cửa của cư-dân thưa thớt, có độ vài bốn chục nóc nhà làm bằng tre. Dấu tích đồn trại, kho hàng của người Anh và một đống mảnh đĩa bát còn lại. Họ đã ở đây khoảng năm sáu năm, sau bị người Mã-Lai làm thuê cho họ nổi lên giết họ. Chúng tôi đã reo ít hạt giống nhưng không mọc được thành cây. Cư-dân ở đảo có chừng độ hai trăm kể cả đàn bà con trẻ, vốn ở Cao-Mên hay Nam hà qua. Nếu người Âu-Châu ta muốn cắm nơi này làm đồn trại và lập căn-cứ thương-mại thì phải tốn lắm... »*

Trang ký-sự này tỏ rằng người Âu-Châu bấy giờ đã tham lam lại rất tò-mò, mạo-hiểm, các nước lạc-hậu ở Á-Châu lần lượt bị thôn tính là lẽ dĩ-nhiên.

BÁ TƯỚC D'ESTAING ĐỊNH ĐÁNH CƯỚP VÀNG BẠC CỦA CHÚA NGUYỄN KHOẢNG 1758-1759

TRONG tập-san nghiên cứu về Đông-Dương năm 1942 (B. S. Et. Ind.) ông L. Malleret nhân-viên trường Bác-cổ Viễn-Đông có viết hai bài nhan đề là; *Một mưu toan thiết lập căn cứ Pháp ở Đông-Dương đến nay chưa ai biết và những nhận xét của Thủy-sư đô đốc d'Estaing.*

Hai bài này tiết-lộ nhiều âm mưu đen tối của Thực-dân Pháp hồi cuối thế-kỷ 18 đối với nước ta.

— Âm-mưu thế nào ?... Của ai ?

— Âm-mưu đem binh-đội đến cướp vàng bạc của chúa ở Nam-hà do nơi bá-tước d'Estaing !

— và âm-mưu cướp Nam-hà làm căn-cứ cho Pháp ở Viễn-Đông của quận-công De Choiseul-Praslin. (Xin coi phần 4 chương II)

Tài liệu này thuộc bản ký-ức-lục mà chúng tôi trình bày gần trọn vẹn vì nó rất mới lạ không rõ viết hồi nào, hình như vào hồi Bá-tước d'Estaing đi từ Pondichery đến đảo Pháp-quốc (Ile de France) (1) cuối 1758 và đầu 1759.

---

(1) Đảo Pháp-quốc tức Ile de France và đảo Bourbon là hai hòn đảo ở phía đông đảo Madagascar và đảo de la Réunion.

Ông L.Malleret viết như sau :

«...Bị mê say vì tin đồn khắp Viễn-Đông về tài sản vô cùng phong-phú của các vua Nam-hà (1), d'Estaing khi ở Ấn-độ đã nẩy ra ý muốn tổ-chức một vụ đánh cướp vào kinh-thành Thuận-hóa : công việc là đột-nhập vào các cung-điện một cách bất ngờ, chiếm đóng độ ba ngày để khuân hết vàng bạc xuống tàu, sau đó lấy tiền mở một cuộc doanh-thương lớn ở Phi-luật-Tân và ở Trung-Hoa,

«Thế là làm trò cướp biển, hẳn có người nói vậy. Có lẽ ! nhưng làm cướp biển cho một lý-do tốt đẹp (!) bởi một nửa phần của cải đánh cướp được sẽ đem chia cho những người tham-gia vụ cướp, còn một nửa sẽ đem về cho Công-ty thương-mại của ta tại Ấn-độ lúc này đang hết sức cùng quẫn về tài-chính .Được sự cứu-trợ bất thần này, ta sẽ khôi phục được nhiều việc của công-ty và đồng thời cả nhiều việc của nước Pháp nữa... (2) Vậy có chước gì thì phải thi-hành ngay chước đó nếu không chỉ có khoanh tay chịu chết mà thôi, nghĩa là tuyệt vọng.

« D'Estaing đã nghĩ rất kỹ về việc này và đã ấn-định mọi chi-tiết. Lally-Tollendal rất tán thành âm mưu đánh cướp này hồi tháng tư 1759 và cũng xin dự vào việc chia lời.

«Tiền bạc lo liệu xong xuôi, các vai trò chỉ huy cũng cắt đặt đâu vào đấy chỉ còn việc khởi sự thì việc phải đình lại vì cần đi cứu hầu-tước Conflans đang bị giam cầm ở Mazulipatan. Sau đó d'Estaing lại bị phái về nằm ở đảo Pháp-Quốc. Ông ta lại tiếp tục nghiên-cứu kỹ thêm kế-hoạch bạo-động kể trên.

«D'Estaing đã đi từ hải-cảng St Louis bằng chiếc chiến-hạm

---

(1) Một số người ngoại-quốc vẫn cho rằng nước ta có hai vua : Vua Bắc-hà và vua Nam-hà.

(2) Do câu này ta rõ thực-lực của nước Pháp hồi đó chưa phong phú lắm và tuy cạnh-tranh với Anh, nhưng Pháp vẫn e-sợ.

Condé có 64 khẩu đại-bác yểm-hộ và chiếc Expédition nhỏ hơn có 18 khẩu. Bạn đồng-hành có Le Floch de la Carrière là tay chuyên môn về các bờ biển Đông-Dương.

Trong khi chờ gió mùa, d'Estaing đi chiếm đánh thương-điếm của Anh ở Bender-Albas ở vịnh Ba-Tư (tháng 10-1759) rồi cho tàu trực-chỉ phía Đông-Dương. Tại đây d'Estaing bỗng nghĩ rằng trước khi làm một cuộc phiêu-lưu dầu có lợi tại Nam-hà, cho hợp với quyền lợi quốc-gia hãy lo đối phó với kẻ thù của nhà vua đã (1). Rồi d'Estaing lần lượt đánh chiếm dần hết các thương-điếm và đồn, ải Anh ở bờ biển phía Tây đảo Sumatra. Việc này xong, d'Estaing lại nghĩ ngay đến Nam-hà.

Nhưng rồi gió mùa lại không thuận, chiến-hạm của d'Estaing bị hư hỏng, các thủy-thủ phần thì bị chết vì bệnh tật, phần bị chết vì chiến-đấu, các võ-quan thì ngoắc-ngoải, ngay cả d'Estaing cũng khặc-khừ đành nuốt hận trở về hải-cảng Louis rồi về Pháp sau đó bị người Anh bắt làm tù-binh ở ngoài khơi Lorient.

Những năm sau này, d'Estaing vẫn còn bị việc Nam-hà ám ảnh. Rồi mười năm sau, khi thảo những *ký sự về Á-châu (30-4-1768)* y còn nhắc đi, nhắc lại rất một cách rất ân-hận về dự định kể trên. Nhưng lúc này tình thế đã khác xưa, nước Pháp cần phải xây dựng một đế quốc khác... và ở một địa phương khác.

Lúc này d'Estaing đã cao niên, ý nghĩ đã chín chắn và mạnh dạn hơn. Trong tập ký-sự về Á-châu, y nghĩ không như hồi 1759 là làm một vụ đánh cướp chớp nhoáng vào Huế nhưng lần này là mưu một sự trường cửu và đứng đắn thật sự. Theo sự hướng dẫn của Pierre le Poivre thì chỉ nên thiết lập một căn-cứ thường-xuyên tại cái đảo nhỏ nhìn thẳng vào Tourane đã. Đảo này phải được

(1) Kẻ thù của vua nước Pháp nói đây bấy giờ là người Anh.

tăng cường và chiếm đóng không như trong dự định năm 1759 do một đạo quân gồm 150người Âu-châu và 150 người da đen(Cafres)mà bằng một lực lượng 3.000 chiến-sĩ để đồ bộ (quân số này còn nhiều hơn là quân-số đang đồn-trú ở Pondichéry khi đó) và trong đầu óc của d'Estaing, đảo này vừa là căn cứ tốt đẹp cứ hành quân, vừa là nơi phát-triển việc buôn bán và chính trị,trong *« hệ-thống Á-châu »* với các thương-điếm thứ-yếu ở các hải-phận trong các eo biển, các đảo có đồ gia-vị thuộc Mã-Lai, Siam, Phi-luật-Tân và Trung-Hoa. D'Estaing viết : Căn-cứ ở Trung-Hoa tốt đẹp hơn cả, triển vọng của nó cũng vĩ-đại hơn hết ».

Mặc dầu Quận-công Choiseul đã sắp đặt mọi việc, dự định này cũng không có cơ hội để được thực-hiện và d'Estaing cũng chẳng trở lại được với sóng nước biển Ấn-độ, cái mộng-tưởng năm 1759 cũng như mộng tưởng 10 năm sau (1768) vẫn chỉ là mộng tưởng mà thôi.

Công việc trên đây đã được nghiên cứu thế nào ?

Dự-định bạo-hành ở Nam-hà đã tính toán xong vào tháng tư năm 1759 khi sắp đem ra thực-hiện ở Pondichéry là nơi Pháp đã chiếm được tại Ấn-độ. Các ông de Lally và Leyrit đã ký vào bản dự định này. Mọi việc chuẩn bị xong và các hội-viên cũng đã đưa ra những tờ cam-kết. Chiếc tàu Ville de Harlem được võ trang bằng 52 khẩu đại bác trong chuyến đi này. Ông Chevalier du Poète, sĩ-quan hải-quân của nhà vua đi với các hải-quân và điều-khiển chiến-hạm. Ông đại-tá Chevalier de Crillon sẽ chỉ huy lục quân trong đó có một số lính da đen được lựa chọn kỹ càng. D'Estaing quán xuyến hết công việc này. Một khi thành công d'Estaing sẽ mở một cuộc doanh-thương lớn ở Manilles (Phi-luật-Tân) sẽ bỏ ra một số tiền tà 250.000 roupies để làm vốn buôn hàng ; phần của công ty là ở chỗ cho mượn tàu và quân-đội, cung cấp đạn-dược và thực-phẩm, tất cả trị giá vào 250.000 roupies, cộng lại là 500.000 quan. Lỗ lãi đã được quyết định là mỗi bên một nửa.

Nhưng rồi vì được tin về mối nguy ngập ở Mazulipatam mọi việc chuẩn bị này phải xóa bỏ đi hết.

NHỮNG NHẬN XÉT VỀ NAM-HÀ

Dân ở đây không có tinh thần chiến-đấu như dân Ấn-độ thuộc bờ biển Coromandel. Họ nhút nhát như các người Mexicain xưa kia. Bốn chục thủy binh võ trang áp tải các quà biếu của Poivre làm cho bọn lính cận-vệ của nhà vua sợ hãi bỏ chạy hết. Pons là người chỉ huy trung-đội lính thủy này nói rằng nhà vua cũng không ưng trông thấy lưỡi-lê, đòi phải hạ xuống ; tiếng đại-bác nổ để chào các quan khi xuống xét hay thăm tàu cũng làm cho các quan hoảng hốt. Một người Âu-châu say rượu hay nổi giận đã làm cho cả một đám dân ở đây bỏ trốn.

Xứ này xưa kia thuộc về nước Tàu, sau thuộc Bắc-hà, bây giờ đã độc-lập rồi vì vậy không có sự che chở của đế-quốc lớn này nữa. Người Tàu ở đây không được ưu-đãi và bị hạn-chế. Chánh quyền e ngại họ và hay gây sự phiền-phức cho việc buôn bán của họ ; họ phải chịu nhiều thứ thuế nặng ; cách đây 40 năm nhiều thương thuyền của họ bị cướp phá và đốt cháy...

Vàng của Nam-hà tốt hơn vàng của Trung-hoa nên làm cho người Trung-hoa đổ xô đến. Chỉ nhà vua có quyền có vàng bạc mà thôi, rồi nhà vua đổi ra tiền để phát hành trong nước, như thế vua là nhà buôn duy nhất ở vương-quốc của mình.

Xứ này giàu lắm; thuế khóa thu được và cái khát vọng của vua là làm sao để lại được nhiều vàng bạc cho con cháu hơn các vị tiền-bối.

Vàng bạc của nhà vua thì để ở trong cung điện, nhưng cái kho vàng bạc cũ thì lại ở một nơi cung điện cũ cách đó một phần tư dặm. Dầu dân chúng nghèo nhưng xứ này có nhiều mỏ. Nhìn

vào cái đống vàng bạc này mới thấy một cuộc xuất quân nếu cần lớn đến đâu cũng vẫn nên để đánh chiếm.

Cung điện của nhà vua ở bên bờ sông. chỉ cần nước thủy-triều dâng lên là tầu bè vào được. Không có cuộc bố-phòng nào ở đây. Bao quanh cung-điện chỉ là một bức tường gạch cao độ ngót ba thước có bố-trí một số đại-bác để làm cảnh hơn là để xử-dụng thực sự.

Số đại-bác được tăng lên đến 400, một ít bằng gang. Các đại-bác này là súng của người Bồ-đào-nha làm ra hay đã lượm được ở những vụ đắm tàu ngoài đảo Paracels. Giá-trị của nó chắc chắn đủ bù đắp vào sự tổn phí và do đường thủy tải đi cũng tiện.

Súng này không có hiệu-lực chiến đấu là bao nhiêu. Ta sẽ đổ bộ vào nơi mà súng không hoạt động được.

... Lính phòng-vệ cũng không đáng sợ như các pháo-binh. Bọn này có súng thì chỉ là có súng hỏa-mai mà thôi (súng phải đốt ngòi) và không đông lắm, còn nếu ta đánh bất thần, họ sẽ không biết chúng ta có bao nhiêu.

Một bản đồ về các đường biển, đường sông và lối vào cung-điện đã được ông de la Carrière minh-họa rất tiện lợi cho việc đột nhập. Ông Laurent và Banal đã công nhận bản đồ này vẽ không có chỗ nào sai.

CHI-TIẾT VỀ CÁC PHƯƠNG-TIỆN CẦN-THIẾT.

Vấn-đề thể-thức và phương-tiện để hành binh vào giang-sơn của Chúa Nguyễn hoàn toàn tùy thuộc các nhà cầm quyền và hoàn cảnh ở đảo Pháp-quốc, Lúc này có hai chuyến thuyền đi Trung-hoa, nhưng lỡ chuyến và đang cần lấy thủy-thủ, những kẻ bị đau yếu được các người da đen thay thế.

Hai chiến-hạm này đi từ Macao vào tháng giêng và cùng thời với chiếc chiến-hạm được cử vào việc hành-binh có thể tới Nam-hà khoảng 8 ngày. Hai chiếc tàu này sẽ phụ-lực cho chiếc chiến-hạm kia. Xét ra thêm một chiến-hạm như chiếc Coridé hay d'Argenson được võ trang là sẽ đủ, kèm theo một chiếc tàu nhỏ như chiếc Volant vừa có thể vượt được biển khơi vừa ra vào sông Hương được dễ dàng.

Thời tiết cũng không có ngăn trở gì, đi vào cuối tháng 7 thì rất tốt. Người ta sẽ không bỡ ngỡ khi thấy tàu cập bến cho rằng tàu vào ăn hàng để qua Trung-quốc. Rồi dưới hai duyên cớ này ta lấy những người tình nguyện, nếu không tìm được ở đảo Pháp-quốc thì lấy ở đảo Bourbon cũng dễ, hứa với họ là không đi Ấn-độ, sẽ cho họ hồi-hương sau 9 tháng là cùng, sẽ miễn quân dịch cho họ trong thời bình kèm thêm cho họ ít quyền lợi mà không tổn phí nhiều cho công-ty(!)như thế có thể lấy được một số lớn. Một trăm hay 150 thủy binh của ta sắp ra khỏi nhà thương sẽ có ba hay 400 người Las-cars và từ hai đến 400 người Cafres (lính Phi-châu) ta mua hay mướn được phụ-lực, đó là những lực lượng đang cần đến. Việc mua hay mướn những lính đen tức là vốn của các hội-viên. Số hàng bông-gòn, gỗ mun được phép mua và đem bán qua Tàu cũng đủ bù đắp cho sự tổn-phí trên đây... Số võ quan sẽ lấy rất ít để khỏi tiêu pha nhiều, ngoài ra,thuyền-trưởng và bộ tham-mưu cũng phải phụ trách điều khiển một phần bộ đội..,

CHÚ THÍCH... Vì chương III có bài khảo luận tổng quát về xã hội Việt Nam từ thế kỷ XVII đến thế kỷ XVIII nên có vài việc kể ra hơi sớm tức là không theo luật định về thời gian nếu so sánh với các sử sự đang tuần tự diễn tiến từ phần I đến hết phần II.- Xin độc giả hiểu cho.

PHẦN THỨ BA

SỰ-NGHIỆP CỦA TRỊNH-NGUYỄN TRÊN LỊCH-SỬ VIỆT-NAM

PHẦN THỨ BA

SỰ-NGHIỆP CỦA HAI HỌ TRỊNH NGUYỄN TRÊN LỊCH-SỬ VIỆT-NAM

CHƯƠNG I

A.— HỌ TRỊNH ĐÃ LÀM ĐƯỢC NHỮNG GÌ CHO DÂN-TỘC VIỆT-NAM ?

CUỘC đại-chiến năm Nhâm-Tị (1672) chấm dứt thì từ đó đến 1775 tức là vừa đúng một thế-kỷ nhân-dân Việt-Nam được thoát khỏi sự ám-ảnh của khói lửa mịt-mù của cảnh xương rơi máu đổ vô cùng kinh-khủng đã dồn dập liền trong 45 năm.

Người dân Việt ngày nay cũng nên tìm hiểu hai họ Trịnh, Nguyễn đã làm những gì khác, ngoài những cuộc nội-chiến hết sức tàn hại mà đứng về phía nhân-dân, chúng ta không thể không lên án một cách nghiêm-ngặt.

Nói rằng họ có tội thì cái tội của họ đã sờ-sờ trước mắt mọi người chúng ta rồi, vì chúng ta quan-niệm những cuộc đổ máu của nhân dân chỉ hợp-lý khi cần bảo vệ những quyền lợi tối cao của nhân dân mà thôi : tỉ-dụ chống xâm lăng, diệt phiến loạn. Còn gây chiến tranh để mưu đồ vương bá do tham vọng cá-nhân hay đảng phái thì nhân dân coi đó là những hành động vô lý, ích-kỷ và hại dân, không hơn không kém,

Dầu sao, ngoài cái tội của phong-kiến Trịnh-Nguyễn thuở đó, ta cũng phải nhận họ làm được ít nhiều công chuyện có lợi ích để ta có thể giảm bớt một phần nào những tội lỗi và trách-nhiệm của họ.

Kể từ Trịnh-Tùng, phong-kiến Việt-Nam nắm được uy-quyền tuyệt-đối. Vua Lê ở bên cạnh họ Trịnh chỉ là bù-nhìn, một con người máy cho con cháu họ Trịnh tha hồ thao-túng. Rồi mỗi khi thất ý, chúa Trịnh ngang-nhiên triệt-bỏ hoặc hạ-sát nhà vua với những lý-do phần nhiều có tính cách vu-hãm, hoặc cũng có đôi khi họ Lê ức quá mà phải tìm cách phản-ứng. Sau rốt, kẻ yếu-thế bao giờ cũng chịu thiệt.

Năm 1573 Trịnh-Tùng giết vua Lê Anh-Tông, đặt Thế-Tông lên thay ; Thế-Tông qua đời đáng lẽ tôn lập thái-tử Duy-Trì thì họ Trịnh đặt Duy-Tân mới 12 tuổi, tức vua Lê Kính-Tông, lại đem con gái gả cho vua, vậy mà hai chục năm sau, Trịnh vẫn đang tay bắt vua thắt cổ mà chết.

Người Pháp với tinh-thần dân-chủ và cách-mạng khi nghiên-cứu đến điểm này tỏ ra không khắc-nghiệt với hành-động tàn bạo của họ Trịnh,chỉ nói rằng không cần kể ra cho nhiều những bạo-hành của Trịnh, nếu Trịnh nắm hết quyền-bính thì cũng được, nhưng quyền-bính lớn bao nhiêu thì trách-nhiệm nặng bấy nhiêu.

Nếu Trịnh thiếu sót về điểm này thì Trịnh càng phải chịu nhiều tội với quốc-dân và lịch-sử. (1)

---

(1) Thay Lê Kính-Tông là vua Lê Thần-Tông hoàn toàn chịu uy quyền của họ Trịnh từ 1619. Vua Lê Huyền-Tông còn ban nhiều đặc-quyền cho Trịnh-Tạc như phong làm Đô nguyên-súy với tước là Tây-vương, chúa vào chầu được ngồi bên hữu ngai vua và miễn lạy (không phải quỳ như các thân vương và đại thần khác).

Cuộc Nam-chinh chấm dứt được 46 năm thì họ Trịnh càng nghênh ngang hơn, Trịnh-Cương thiết lập phủ chúa mệnh danh là Phủ liêu gồm « Lục phiên » tức là « Lục-bộ » nắm hết mọi quyền quân, dân, chính. Một triều-đình trong một triều-đình là thế, vì triều-đình của vua Lê chỉ có sinh-hoạt khi nào có sứ Tàu qua hay khi có tế-lễ đặc-biệt, còn thường nhật nó vắng như bãi tha-ma.

Trịnh-Cương thay Trịnh-Tạc ép vua Dụ-Tông thoái-vị cho con là Lê Duy-Phương lên làm vua tức là Lê Đế Duy-Phương, được ba năm thì Duy-Phương mất ngôi rồi bị giết vì Trịnh-Giang vu cho tư thông với vợ Trịnh-Cương (1732).

Lê Thuần-Tông lên ngôi cũng chẳng được yêu chuộng gì vì chẳng bao lâu uy-thế của nhà vua nhường bất lợi cho chúa, may thay chúa chưa kịp ra tay thì vua Thuần-Tông đã vắn số. Lần này Trịnh-Giang đem Duy-Thìn là con vua Dụ-Tông đã nuôi trong phủ Chúa từ lậu lên làm vua tức là vua Lê Ý-Tông (1735-1740). Đáng lẽ ngôi vua thuộc về con Thuần-Tông mới phải.

Năm 1739, để lấy lòng Trịnh-Giang, vua Lê Ý-Tông phong Trịnh-Giang làm Thái-thượng-Vương rồi khi Trịnh-Giang mất đi, thế-tử Trịnh-Doanh kế-nghiệp bắt vua Ý-Tông nhường ngôi cho Duy-Diêu (V. N. S. L. chép là Duy-Đào) tức là vua Hiển-Tông làm vua từ 1740 đến 1786,

Hiển-Tông có lẽ là ông vua tại vị được lâu dài nhất của dòng họ Lê (46 năm) tuy đời làm vua của Ngài không có gì oanh-liệt bởi quyền-hành về họ Trịnh tất cả. Ngài tự ví mình là bụt ngồi trong chùa để ăn oản.

VẤN ĐỀ HỌ MẠC.

Dẹp họ Mạc có phải là một sự-nghiệp của họ Trịnh chăng?

Về điểm này, chúng tôi không thể đồng ý với các sử-thần đời trước.

Theo quan-niệm của các sử-thần cận-kim, người ta cho rằng họ Trịnh có công đánh dẹp con cháu nhà Mạc. Chúng tôi muốn hỏi rằng Trịnh đánh Mạc cho ai ? Cho nhà Lê theo ý-nghĩa phù Lê chăng? Thiết tưởng không ! Quan-niệm của chúng tôi việc đánh Mạc của Trịnh chỉ là chuyện hai con thú dữ đứng trước một miếng mồi, không chia xẻ cho nhau được thì chỉ còn nước một kẻ phải sống một kẻ phải chết, nghĩa là cái thuyết phù Lê của họ Trịnh cũng như của Nguyễn, chỉ là ngụy-ngôn, tà-thuyết để che đậy manh-tâm vụ lợi cá-nhân của mình mà thôi.

Cứ như Mạc-Đăng-Dung xuất thân ở một thời hỗn-loạn bằng tài sức, cơ mưu nhảy ra cướp cái ngai vàng gần như vô chủ chẳng tuyên bố phù ai, còn thẳng-thắn hơn, thái-độ đó là thái độ đàng-hoàng. Vì mang mấy ông quỷ vương (1) ra làm bung-xung lợi dụng danh nghĩa huy-hoàng của ông vua đại anh-hùng dân tộc là Lê Thái-Tổ để dành thiên hạ với nhau, đó là giả-dối, hèn hạ, lừa bịp quốc-dân.

---

(1) Vì lẽ rằng khi vua Hiến-Tông mất, bà Thái-Hậu và hai ông Đàm Văn-Lễ và Nguyễn Quang-Bật có ý không chịu lập Uy-Mục, nên Uy-mục khi lên ngôi đã giết cả ba, Uy-mục đã làm điều bạo-ngược lại say đắm tửu sắc ; đêm nào Uy-mục cũng cùng với cung-nhân uống rượu, đến khi say thì giết đi. Có khi bắt quân sĩ lấy gậy đánh nhau để làm trò chơi. Nhà vua đã hung ác lại hay phản trắc ; nên sử Tàu sang làm thơ đã gọi Uy-Mục là Quỷ-Vương.

Trước đây khi Thủ-Độ lập mưu cướp ngôi nhà Lý, nếu chúng tôi không lầm, thời nhân đại-khái đã có câu : « *Của đời muôn sự của chung, ai khéo vẫy vùng thì là của riêng* » như vậy người xưa đâu có câu-chấp, chật hẹp.

Tóm lại, dẹp Mạc trước quan-điểm của chúng tôi chỉ là sự-nghiệp riêng của dòng họ Trịnh. Việc này xét ra chẳng lợi gì cho nhân-dân hết. Chúng ta còn có thể nghĩ rằng nếu Mạc không bị Trịnh hất nhào vì khi Mạc Đăng-Dung vừa lên ngôi Mạc đã tiếp tục mọi chính sách cai-trị, kinh-tế, khoa-cử, trọng dụng nhân-tài như các tiền-triều' ai dám bảo Mạc không thể là một triều-đại đứng đắn để phải than tiếc một cách buồn cười mấy ông hoàng-đế ấu-trĩ hoặc hôn-ám, vô đạo. bất tài, bất lực như Tương-Dục. Uy-Mục, Chiêu-Tông, để cho mấy ông đại-thần đua nhau lợi dụng. Chúng ta không thể vì thế coi việc tiêu diệt nhà Mạc là một sự nghiệp của Trịnh đối với dân tộc ta để kỷ-công vào lịch-sử.

Còn chiến-sự giữa Trịnh và Mạc gay go nhiều giai-đoạn, từ giữa thế-kỷ XVI qua cuối thế-kỷ XVII là tàn cuộc của con cháu nhà Mạc mà chúng tôi đã có trình bầy ở các chương trên.

Xin qua các việc khác.

VIỆC GIAO THIỆP VỚI NHÀ THANH

Nhà Minh cáo chung vào năm 1663, nhà Thanh lên thay cho sứ sang ta dụ triều cống. Cháu Trịnh-Tạc cho sứ đem cống-vật sang Yên-Kinh mở cuộc giao hiếu và xin phong vương cho vua Lê theo tục-lệ cũ. Bốn năm sau vua Khang-Hi cho sứ sang phong cho vua Lê làm Annam quốc vương.

Cuộc giao hiếu này xét ra nên có, vì mềm dẻo với kẻ mạnh để được yên thân vẫn là một chánh-sách khôn ngoan thuộc đường lối cổ-truyền của các nhà chánh-trị xưa kia của chúng ta.

Cũng do chỗ biết kết-thân này nên sau tuy có đôi khi xảy ra việc giặc cướp ở các vùng biên-giới hoặc có chuyện tranh chấp đất đai ở các điểm lân-cận của hai nước, nhưng đôi bên vẫn biết nhường nhịn nhau.

Xin nhắc lại rằng bản-đồ xưa kia của nước Tàu và nước ta không có gì rõ rệt, nhất định, lại thêm cư-dân các nơi biên-viễn của đôi bên hay chuyển dịch (dân Nùng, Thổ, Mường, Mán...) vì không chịu ở lâu năm tại những vùng đất cũ nên đã tạo ra lắm điều phiền-phức cho các nhà cầm quyền của hai nước.

LUẬT PHÁP

Luật pháp bấy giờ vẫn theo luật Hồng-Đức và như chúng ta đã thấy, bộ luật đời Hồng-Đức có nhiều điều rất hợp lý, cấp-tiến và dân-chủ. Biết áp-dụng luật-pháp đời Hồng-Đức dẫu chỉ là làm theo người xưa cũng vẫn đáng khen.

Mọi tội khinh, trọng đều qui định vào 5 thứ ; xuy, trượng, đồ, lưu, tử nhẹ nhất đến nặng nhất.

Chỉ khác : xưa thì có thể lấy tiền chuộc tội (1) nhưng đến đời Trịnh-Tạc đặc ân này của triều-đình đã chấm dứt nghĩa là phạm tội thì phải chịu hình phạt, trừ riêng những ai thuộc các trường-hợp

---

(1) — Bát nghị có các trường-hợp ; Nghị thân là chỗ thân thích của nhà vua. nghị-cố là chỗ người cũ của vua : nghị-năng là kẻ năng-lực trong việc quân chính ; nghị-công là kẻ có nhiều thành-tích phục vụ chánh quyền ; nghị-qui là chỗ các người thuộc qui-tộc, danh cao vọng cả ; nghị-cần là những người làm quan to cần-cán gian-lao ; nghị-tân là các tông-thất của tiền-triều được coi là tân khách của triều sau.

bát nghị (1) (*xin coi Việt-sử tân biên quyển 2 trang 493—94*). Ngoài ra cũng có sửa đổi về tội lưu (*cũng thuộc tội trọng*) là tội phải chặt hai bàn tay và đầy đi xa. Đời chúa Trịnh-Cương và vua Dụ-Tông, tội này cải sang chung thân. Trường-hợp nhẹ hơn là phải chặt một bàn tay và đầy ra ngoại-châu (ngoại-châu cũng như biệt-xứ ngày nay) thì ấn-định đổi làm tội 12 năm. Ai phải tội chặt hai ngón tay trỏ và phải lưu cận-châu nay đổi làm tội đồ 6 năm, những kẻ trộm cướp không thuộc vào những lệ này.

Đời chúa Trịnh-Tạc phép xử kiện cũng phân từng loại để định đoạt nặng nhẹ:

a) Mưu. sát, đạo, kiếp thuộc về đại-tụng (tức đại-hình ngày nay).

b) Hộ. hôn, ẩu, đả thuộc tiểu-tụng. (tức tiểu-hình ngày nay)

Có điều đặc-biệt về vấn-đề xử-kiện và đi kiện là quan án

---

(1) — Quan tam phẩm mà bị phạt trượng thì mỗi trượng phải nộp 5 tiền.

Quan tứ phẩm phải nộp 4 tiền.

Quan ngũ, lục phẩm phải nộp 3 tiền

Quan thất, bát phẩm phải nộp 2 tiền.

Từ cửu phẩm trở xuống nộp một tiền.

Tội đồ làm lính coi chuồng voi phải chuộc 60 quan, lính đồn điền phải 100 quan.

Tội lưu cận-châu phải chuộc 130 quan.

Tội lưu viễn-châu phải chuộc 290 quan.

Tội tử thì phải chuộc 330 quan.

xử không minh phải phạt tiền. Đi kiện được xử công bằng mà còn kháng-án thì cũng phải phạt tiền. (1)

Để xét xử các vụ hộ, hôn, điền, thổ, trộm cướp nhà vua cũng đặt thứ tự như án mạng thì cấp phủ, huyện xét trước rồi đệ lên Thừa-ty và Hiến-Ty họp nhau duyệt lại.

Việc trộm cướp ở Kinh-thành thì có quan Đề-lĩnh xử (ở các trấn thì quan Trấn-thủ xét. Trấn-thủ ngày xưa là chức võ quan kiêm cả việc hành-chính. Chế-độ trấn-thủ áp-dụng vào thời chưa có thái-bình thật sự).

Xin nhắc rằng việc kiện dầu nhỏ, dầu to mà các huyện, phủ, thừa-ty. trấn-ty xét không xong, người dân còn có thể khiếu lên Hiến-ty. Giám-sát, Đề-lĩnh và Ngự-Sử-đài, Ngự-Sử-đài là tới triều tức là đến nhà vua. Ngự-Sử-đài có nhiệm-vụ đưa ra Chính-đường (như hội-đồng nội-các của chính phủ đời nay) vào tháng chạp mỗi năm, bản phúc trình về các tố tụng đã duyệt lại từ các cấp dưới trở lên, đề-nghị cải-cách, tu-bổ luật-pháp và thủ-tục tư-pháp và luật-lệ kháng-án. (việc này do sáng-kiến của Trịnh-Cương).

Xin nhớ rằng sứ-mạng của Ngự-Sử-đài hay Đô-sát-viện thời xưa không hẳn như sứ-mạng của Nha thanh-tra hành-chính và chính-trị ngày nay mà thôi, nó còn mạnh hơn nữa : trên thì can ngăn nhà vua nếu nhà vua thi-hành một chánh-sách gì sai lầm có nguy hại cho quốc-gia, dưới có thể đàn hặc từ tể-tướng xuống đến các đại-thần. Vai trò của Ngự-sử, đô-sát hay giám-nghị đại phu

---

(1) Ngày xưa người dân được phép đánh trống ở Ngọ-môn để nạp đơn khiếu oan tới nhà vua, vua là quan tòa để làm việc phá án hay là chánh án tối cao để xét lại các việc của Bộ-hình trở xuống đến các việc tư-pháp ở các tỉnh-bộ. Dân còn có thể đón đường vua đi, miệng cắn cỏ đệ đơn lên vua.

gần như một vai trò đối lập để kìm-hãm những lỗi lầm của vua chúa và những tham-nhũng của quan lại. Họ được làm việc theo tinh thần nầy đủ tỏ thời quân-chủ, phong-kiến có khi không độc-đoán hay chuyên-chế như ngày nay mà một số người đã tưởng. Sự hiện-diện của những ông quan trên đây có thể chứng-minh rằng vua chúa ngày xưa không phải là không có ý-thức dân-chủ.

Thời hạn xử án cũng được ấn-định như sau : việc án mạng thì bốn tháng phải xử xong; trộm cướp, điền thổ thì ba tháng; hôn nhân, ẩu-đả thì hai tháng, không được kéo dài bất kể lẽ nào vì e mất thì giờ và công ăn việc làm của dân.

Chúng ta phải nhận rằng các việc cải-cách trên đây, dưới chế-độ nhà chúa đều có tính-cách công-bằng, tiến-bộ và tôn-trọng dân-quyền càng chau-chuốt thêm tinh-thần khoáng-đạt của luật Hồng-Đức mà các luật-gia ngày nay không hết lời khen ngợi. Vài điều dưới đây đáng được chú ý

1.— Sử còn chép rằng triều-đình có lệnh cho các cấp hành-chính tìm cách giảm bớt những việc tố-tụng, xét ra vì ảnh-hưởng sâu xa và lâu dài của thời ly loạn, dân tình, dân phong bê-bối quá do đó mà xảy ra nhiều vụ tranh chấp, bất-hòa. Kiện lắm dân cũng coi thường mà quan cũng phát ngán, vậy ý của chánh-quyền là lo ngăn ngừa bớt việc kiện cáo (chỉ-dụ này ban hành năm 1718).

2.— Theo C.B. Maybon, chúa Trịnh không để ý đến luật về các việc hộ, nhưng sự-nghiệp chính của họ Trịnh là tổ-chức hay có thể nói rằng là sáng lập ra các thủ-tục tư-tụng đã cải thiện rõ ràng nền tư-pháp Việt-Nam.

3.— Đầu đời Trung-hưng, nghĩa là từ khi có chế-độ nhà chúa, luật Hồng-Đức mới được áp dụng đại-khái mà thôi trong những năm đầu tiên, đến đời Trịnh-Cương thì luật này được thi-hành triệt-để hơn bao giờ hết.

BINH CHẾ

Buổi đầu đời Trung-Hưng là lúc họ Trịnh khởi đánh họ Mạc, số quân vào lúc thịnh nhất là 56.000 người bởi binh-sĩ chỉ có thể tuyển-mộ ở riêng hai tỉnh Thanh-Nghệ. Nhưng sau khi đuổi được họ Mạc ra khỏi miền Trung-châu Bắc-Việt (1592) binh-lực của Trịnh mới tăng lên nhiều hơn, vì đồng-bằng miền Bắc vừa là kho người vừa là kho của.

Binh chia ra làm hai hạng : ưu-binh và nhất binh.

Ưu-binh là lính mộ ở ba phủ thuộc tỉnh Thanh-hóa và bốn phủ thuộc tỉnh Nghệ-An (Đàng trong).

Nhất binh là lính tuyển ở bốn trấn ngoài Bắc (Đàng ngoài) : Sơn-Nam, Kinh-Bắc (Bắc-Ninh), Hải-dương, Sơn-Tây, cứ 5 xuất đinh bắt một người sung quân ngũ.

Lính ưu-binh đóng ở Kinh-đô, được kén làm quân Túc-vệ để bảo-vệ hoàng-gia và nhà chúa, được nhiều đặc-ân, đặc-quyền như được cấp công-điền, được cả chức sắc.

Lính nhất binh phục-vụ tại các trấn, phục-dịch các quan có việc loạn-ly và chiến-tranh mới được gọi đến còn bình-nhật thì về làm ruộng (1). Đến đời chúa Trịnh-Doanh có nhiều giặc-dã ở nhiều nơi nên phải gọi lính tứ trấn, động-viên cả thảy được tới 115.000 (2) hợp thành các đơn-vị lớn nhỏ như sau :

---

(1) Số lính được giải ngũ về làm ruộng là một nửa rồi lại luân phiên ra thay những người hết hạn quân-dịch.

(2) Giáo-sĩ L. Cadière nói rằng tổ-chức quân đội này sau có thay đổi lớn, do một thời con cháu nhà Mạc có quân thế rất mạnh mẽ và do hai miền Thuận Quảng ly-khai với chánh quyền Bắc-hà. Vào thời Trịnh-Nguyễn phân tranh, Bắc-Hà có tới 100.000 quân-sĩ và 500 chiến thuyền, điều này có thật.

1— Đội gồm có	20 người.
2— Cơ gồm 20 đội có	400 người.
3— Vệ gồm từ 5 đến 6 cơ có	2.000 hay 2.400 người.
(Bên Vệ thì có Tư là đơn-vị có	100 người)
4— Thuyền gồm có	Từ 40 đến 50 người.

Vì có sự phân biệt thân sơ và quyền lợi chênh-lệch, tinh-thần quân-đội bị sút kém không ít, rồi đến đời vua Lê Hiển-Tông sau này thì nảy ra loạn Kiêu-binh do bọn lính Thanh-Nghệ làm lộng. Sự-kiện này đã vô tình thành cái đòn chí tử vào ngai vàng nghiệp chúa của họ Lê, Trịnh giữa lúc suy mạt và là một trong vài nguyên-nhân khác đã khuyến-khích Nguyễn-Huệ tiến quân ra Bắc.

Sự chia rẽ trong nhân-dân là một điều nguy-hiểm, nhưng sự chia rẽ giữa quân-đội trong thời loạn là một việc tự-sát cho chánh quyền. Đây là một điều đã được thực-nghiệm nhiều lần trên Lịch-sử của các quốc-gia.

Đến Trịnh-Cương (1709-1729) là lúc Nam-Bắc đã đình chiến khá lâu, việc tuyển mộ và bao dưỡng quân-đội cũng cáo chung. Xưa kia triều-đình cho phép các quan lớn nhỏ tùy sức chiêu mộ trai tráng. Ai mộ được nhiều lính thì được cấp nhiều ruộng đất để có lợi-tức dùng vào việc nuôi quân cung cấp cho chiến tranh, nay thời không còn nữa.

Việc này xét ra thích-đáng vì do được ủy-nhiệm vào công tác đặc-biệt trên đây, nhiều ông quan đã có những thực-ấp rất lớn(thực-ấp gồm nhiều làng) nên có nhiều uy-thế, và sự lạm-quyền ảnh-hưởng tai-hại đến đám dân đen.

QUAN CHẾ

Họ Trịnh về việc này cũng thay đổi một phần chế-độ

quan lại đã do đời Hồng-Đức lập ra. Xưa kia phụ-trách về chánh-trị cấp tối cao trong triều-đình là hai quan Tham-tụng và Bồi-Tụng có nhiều quyền-hành như chức Tể-Tướng đời xưa.

Dưới có lục-bộ thượng-thư :

1— Đứng đầu Lục-bộ là Lại-bộ, cơ-quan tuyển-dụng, thuyên-chuyển, thăng-thưởng, trừng phạt các nhân-viên trong bộ máy chính-quyền.

2— Hộ-bộ coi về điền-thổ, thuế-khóa, chi-thu của nhà-nước.

3— Lễ-bộ coi việc học-hành, thi-cử, lễ-nghi, tế-tự, định các phẩm-phục, phù-ấn, làm chương, biểu, sắp đặt các sứ-bộ ngoại-giao, coi thiên-văn, làm lịch, làm thuốc, bói toán, trông coi cả tôn-giáo, âm-nhạc, xướng-ca.

4— Binh-bộ coi các võ quan, binh-sĩ, việc động-viên, quốc-phòng như Bộ quân-lực hay Bộ quốc-phòng ngày nay.

5— Hình-bộ tức là Bộ tư-pháp coi việc án-từ, tu-chỉnh luật-pháp.

6.— Công bộ lo xây đắp đường xá, cầu cống, thành-trì, dinh-thự. đào sông. lấp ngòi, khai thác rừng núi.

Năm Mậu-Tuất (1718) đời vua Dụ-Tông,để tiện việc nắm hết quyền hành, vì sao vua Lê thị triều cũng làm phiền ít nhiều cho họ Trịnh trong mọi hành động chuyên chính, Trịnh-Cương lập phủ Liêu là một cái triều-đình thứ hai để tự do quyết-định mọi việc lớn nhỏ. Từ đó phủ Liêu át hẳn triều đình của nhà vua do sự hoạt động của lục Phiên (Phiên ở đây thay Bộ) còn khi nào phải tiếp sứ Tàu hay có quân-quốc trọng-sự chúa Trịnh mới đem các quan đến họp với vua Lê. Thật ra ở phủ Liêu cũng như ở triều-đình, họ Trịnh vẫn giữ vai chủ-tể và vua Lê có cũng bằng thừa, không hơn không

kém chỉ là cái bóng ma lởn-vởn trên guồng máy chính quyền đời bấy giờ mà thôi.

Về võ-bị, trước kia có ngũ phủ : Trung-quân phủ, Đông-quân phủ, Nam-quân phủ, Tây-quân phủ, Bắc-quân phủ. Mỗi phủ đặt dưới quyền của một Đô-Đốc.

Mỗi phủ đây có ý-nghĩa một quân-khu ngày nay. Tỉ-dụ : dưới đời vua Lê Thánh-Tông, Thanh-hóa, Nghệ-An thuộc về Trung quân ; Hải-Dương, An-Bang thuộc Đông-quân ; Sơn-Nam, Thuận-hóa, Quảng-Nam, thuộc Nam-quân ; Tam-Giang, Hưng-Hóa thuộc về Tây-quân ; Kinh-Bắc, Lạng-sơn thuộc về Bắc-quân.

Năm quân-phủ này được đặt dưới quyền hai cơ-quan tối cao như Bộ Tổng tư-lệnh đời bây giờ, tức là Chưởng-phủ-sự và Thự-phủ-sự. Hai cơ-quan này được đặt ra vào đời vua Huyền-Tông và chúa Tây-vương Trịnh-Tạc (1657-1682).

Giới quan lại xưa nay chỉ có hai ban : văn và võ, nhưng để kiện toàn chánh-sách chuyên-chính, họ Trịnh lập thêm một ban nữa là Giám-ban, Ban này có vai trò như một Nha Tổng Giám-Đốc hành-chánh và chánh-trị mà nhân-viên là các Nội-Giám, tay chân của chúa.

Ngai vàng, nghiệp Chúa của Lê,Trịnh sập đổ vào năm Bính-Ngọ, niên-hiệu Cảnh-Hưng (1786) thì ban này cũng vừa tận số với lũ kiêu-binh là những con sâu mọt, phường ruồi nhặng tai hại mà vua với chúa đã dại dột thác sinh ra có ngờ đâu nó đã đầu-độc thêm chế-độ suy bại của mình...

Quan lại cứ sau mấy năm lại phải khảo-hạch một lần, những kẻ bất tài bị loại, những kẻ sút kém năng-lực thì phải giáng chức.

Sự-kiện này đáng kể là một sáng-kiến đặc-biệt để luôn

luôn có sự đều hòa trong bộ máy nhà-nước có hiệu-lực đào thải những công-bộc có tinh-thần bạc-nhược và thoái-hóa.

Hưu-bổng của quan lại được định như sau : quan nhất-phẩm mỗi năm được lĩnh 400 quan tiền, dân lộc của bốn năm xã ; quan nhị-phẩm được 300 hoặc 250 quan tiền của hai ba xã ; quan tứ-phẩm được 150 quan của một xã ; quan ngũ-phẩm được 100 quan của một xã.

Để tránh những vụ lạm-dụng áp-bức dân-chúng, triều-đình cấm những quan lại lập trang-trại ở địa-phận đang nắm dưới quyền cai-trị của mình.

Bộ máy cai-trị đời Trung-Hưng cho tới An-Độ Vương Trịnh-Cương đáng được coi là lành mạnh, được các sử-gia Pháp khen tốt đẹp vào bậc nhất (1)

Với lời bình luận kể trên ta thấy các chính-trị gia họ Trịnh không phải chỉ biết tiếp tục những khuôn phép tốt đẹp của các tiền triều, họ còn tìm cách cải-thiện, canh tân những qui-mô lập quốc cho đời sống của xã-hội Việt-Nam được tiến bộ hơn. Trước vấn đề này họ tỏ là đủ tư cách làm sứ-mạng cao quý của họ, tiếc rằng đến đời Trịnh-Giang, ông chúa này chơi bời xa-xỉ sinh ra nhiều vụ phiến loạn vì vậy mà công khố thiếu hụt nên phải làm tiền bậy bạ. Bấy giờ có lệ cứ tứ phẩm trở xuống ai nộp 600 quan thì được thăng một bậc.Bạch đinh mà nộp được 2.800 thì được bổ tri-phủ, 1.800 quan thì bổ tri-huyện. Thế là triều-đình công khai buôn

---

(1) Maybon viết Ils s'occupèrent du gouvernement du pays avec activité et it faut dire avec succès ; presque tous eurent à coeur de bien remplir les obligations afférentes aux charges qu'ils se faisaient attribuer et furent à la hauteur de la tâche qu'ils assurraient. Au 18è siècle, définitivement assis ils eurent même le souci d'innover.

bán tước (1) (sau này dưới thời Tây thuộc người Pháp lập ra phiếu công-thải để lấy tiền của dân Việt-Nam hầu cung cấp cho nhu-cầu chiến tranh thế-giới kỳ thứ nhất 1914-18 cũng có chuyện bán phẩm hàm, chiếu theo phong tục của các triều-đình Việt-Nam thuở xưa.)

Quan, chức mà thành trò mua bán, tất nhiên không còn giá-trị gì nữa, chánh-quyền còn đâu uy tín trước quốc-dân ?

CHẾ-ĐỘ THUẾ KHÓA.

Muốn việc thuế-khóa được minh-bạch, chúa Trịnh-Cương đã cải cách nhiều. Tỉ-dụ: chúa sai các quan phủ, huyện, quan Thừa-sát và Hiến-sát định phép đo-đạc và làm sổ thuế điền-thổ khiến không còn ai ẩn-nặc để trốn thuế hay bớt thuế. Chúa lại lập cả ngạch thuế mới đánh về rừng, mỏ, sửa sang các hải-cảng ở hai tỉnh Thanh-Nghệ cho thuyền buôn ngoại-quốc ra vào buôn bán và lấy thuế thương-chính.

Điền thổ chia ra làm ba hạng ; hạng nhất mỗi năm đóng đồng niên 1 quan, hạng nhì 8 tiền, hạng ba 6 tiền.

Số thâu hoạch nhờ phép mới này mà táng lên rất nhiều.

Về thuế đinh, trước cứ 6 năm sổ hộ-tịch phải làm lại một lần. Đồng niên mỗi xuất đinh tùy giai cấp xã-hội và tình-trạng tài-sản, hoặc đóng một quan hay một quan tám gọi là thuế thân.

Thời ông Phạm công-Trứ làm quan Tham-tụng (năm Kỷ-dậu — 1669 — đời vua Huyền-Tông) xin đặt ra phép bình-lệ nghĩa

(1) Xét ra Trịnh-Giang đã bắt chước Trần Dụ-Tông và Lê Thánh-Tông nhưng đi quá xa, Dụ-Tông và Thánh-Tông chỉ có bán hàm mà thôi, còn Trịnh-Giang bán thực-chức mới quá tệ.

là mỗi làng chỉ phải làm sổ đinh nhất định một lần, rồi mỗi làng cứ chiếu theo số xuất đinh đã ghi trong sổ mà nộp thuế cho quan. Nếu làng nào đẻ thêm hay có người chết đi số tiền nộp về thuế đã ấn-định một lần thì cứ theo thế mà nộp mãi mãi, nghĩa là không tăng không giảm nữa. Với phép này ta thấy Tham-tụng họ Phạm muốn giản-dị-hóa vấn-đề thuế đinh, cho rằng khó tin và khó kiểm-soát số đinh và số tử hàng năm, tốt hơn hết Nhà-nước khoán trắng cho thôn xã lũy tiện bổ bán với các đinh, miễn sao đủ số thuế nhất định hàng năm thì thôi. (1)

Đến năm Quí-tị (1713) đời vua Dụ-Tông, sử chép rằng số dân nội-tịch phải đóng thuế cho triều-đình cả thảy chỉ được 206.315 xuất (đinh).

Chúng tôi e chuyện này sử chép sai vì thời trước đây nghĩa là ngót nửa thế-kỷ, khi Nam — Bắc đang phân tranh, riêng binh-sĩ dự vào chiến trận đã có lần tới 200.000 người mà số dân nội-tịch lại chỉ có 206.315 mà thôi sao ? (2)

Xin nhắc rằng giữa thế-kỷ XV dưới đời Lê Thái-Tổ, ông Nguyễn-Trãi được lệnh kiểm-tra nhân-khẩu bấy giờ đã biết tổng-số nhân-dân đã có tới khoảng 7 triệu người (dĩ-nhiên cả nam, phụ, lão, ấu) Chắc-chắn con số 206.315 xuất mà sử-thần đời Trịnh-Cương đưa ra sai lầm rất lớn.

---

(1) Sau này trong thời Pháp thuộc việc ruộng đất được đo-đạc cẩn-thận rồi mà ở nhiều nơi chính-phủ thuộc-địa cũng còn thi-hành lối « khoán trắng » này.

(2) Số trai tráng đi binh-dịch chỉ là một phần nhỏ mà thôi vì đời bấy giờ chưa có tổng-động-viên, ngoài ra số dân nội-tịch còn gồm nhiều lớp người khác nữa ở nhà. Những người này rất đông và phải chịu thuế hết, tất nhiên nhiều gấp mấy mươi lần mới đúng.

Ngoài hai thứ thuế chính trên đây, còn một thứ thuế nữa là tiền sưu-dịch, thứ tiền để nhà-nước chi dụng vào việc xây dựng cầu cống, đường xá, tế-tự, giữ gìn đê-điều v.v... các quan cũng liệu bổ bán cho các xuất đinh.

Mười bốn năm sau tức là năm Quí-Mão (1723) Tham-tụng Nguyễn Công-Hãng thay đổi phép thuế đinh-điền theo kiểu nhà Đường bên Tàu như sau :

a) — Phép tô (thuế điền thổ) cứ mỗi mẫu công-điền phải nộp 8 tiền thuế, ruộng cấy hai mùa thì chia ba, quan lấy một phần thóc.

Đất bãi của quan thì mỗi mẫu phải nộp 1 quan 2 tiền ; Ruộng dâu mỗi mẫu nộp một nửa bằng tơ, chỗ nào không trồng dâu thì nộp cả bằng tiền.

Ruộng tư điền xưa không phải chịu thuế (!) đến đầu thế kỷ 18 mới phải nộp : ruộng hai mùa mỗi mẫu 3 tiền — Ruộng một mùa chịu 2 tiền.

b) Phép dung (thuế thân) mỗi xuất đinh đồng niên đóng một quan 2 tiền, sinh-đồ (học trò đang bận khoa cử), lão hạng(từ 50 đến 60 tuổi) và hoàng-đinh (từ 17 đến 19 tuổi) chỉ phải đóng một nửa.

c) Phép điệu : (tiền sưu-dịch) mỗi xuất đinh phải đóng nhất định 6 tháng một kỳ vào mùa Hạ và mùa Đông, mỗi kỳ 6 tiền không như trước làm đến đâu gọi dân đóng góp đến đấy, có điều phiền nhiễu lôi thôi hơn nhiều.

CÁC THỨ THUẾ LINH TINH

1) *Thuế tuần-ti* — Thuế này đánh vào các thuyền buôn đi lại trên các giòng sông. Bấy giờ có tất cả 23 sở tuần-ti trong nước. Tre,

gỗ, nứa, lá gồi thì cứ đánh lấy 1/10 — hàng tạp-hóa thì đánh lấy 1/40

2) *Thuế muối* — Năm Tân-Sửu (1721) Trịnh-Cương đặt quan Giám-đương (quan Thương-chính ngày nay) để đánh thuế muối, cứ 10 phần thì phải nộp hai phần vào thuế Người buôn muối có thẻ của Giám-đương mới được mua muối, mà phải mua của quan trước, sau mới được mua của người làm muối. Vì muối phải chịu thuế nên giá cao tới một tiền một đấu muối, dân sự ta thán rất nhiều. Năm Nhâm-tí (1732) chúa Trịnh-Giang bỏ thứ thuế này.

Đến năm Bính-thìn (1746) chúa Trịnh-Doanh lại tái lập việc đánh thuế muối, cho chia ra 50 mẫu ruộng muối thì phải làm một bếp, mỗi bếp phải nộp thuế cho nhà-nước bốn trăm hộc muối (mỗi hộc muối bấy giờ giá là ba tiền, mỗi tiền là 60 đồng).

Thuế thổ sản — Năm Giáp thìn (1724) dưới đời Trịnh-Cương các thứ thổ sản như vàng, bạc, đồng, kẽm, sơn, than gỗ, diêm-tiêu, tre, tơ lụa, quế, cá, mắm, rượu, mật ong, dầu, giấy, chiếu, vải v.v... phải chịu thuế.

Về đời Trịnh-Giang, giặc đã nổi lên như ong, nhà-nước phải chi-tiêu nhiều, mà vấn-đề sổ sách kế-toán cho tới bấy giờ chưa được thiết-lập nên không biết được tình-trạng công-khố, chúa mới cho các quan cùng Hộ-phiên lập sổ sách chi thu đồng niên để liệu trước vấn-đề ngân-sách hàng năm.

Chúa Trịnh-Giang ấn-định thể lệ khai mỏ, giảm bớt thuế cho người Việt nhưng đánh thuế nặng vào Hoa-kiều. Dưới đời Lê Thuần-Tông, chúa lại khuyến-khích viện in các sách như tứ-thư, ngũ-kinh, sử-ký và các loại sách học do nơi người Việt để khỏi mua của Tàu và chúa còn cấm không cho Tàu nhập cảng sách vào đất Việt nữa. Riêng về điểm này chúa Trịnh-Giang được sử-gia Pháp rất ngợi khen cho rằng Trịnh-Giang cũng là một tay sành nghề trị dân và sốt sắng với công-ích.

Vấn đề khai mỏ vào thời chúa Trịnh cũng có nhiều điều phức-tạp đối với người Tàu. Trước chúa Trịnh-Giang, chúa Trịnh-Cương đã phải ấn định số người Tàu sang khai mỏ ở nước ta, chỗ đông nhất chỉ được tới 300 người, đông vừa 200 và ít là 100, vì để cho họ tập-trung đông quá rất khó giữ gìn an-ninh, trật-tự. Vậy mà về sau công nhân Tàu có chỗ đông tới hàng vạn người hay sinh sự đánh nhau và quấy nhiễu dân sự làm triều-đình có phen phải huy-động quân-đội đánh dẹp như trừ giặc vậy. Xin lưu ý rằng nhân-công khai mỏ phần nhiều là những người Nùng, Thổ sinh quán ở các vùng biên-giới Hoa-Việt (giáp Quảng-Đông và Quảng-Tây) tính tình ngang ngược và thường là những thổ-phỉ nên phải áp-dụng biện pháp cứng rắn trên đây. (1)

Sau này đến chúa Trịnh-Giang phải sửa đổi hay đưa ra thêm điều-lệ mới hẳn về vấn-đề khai mỏ của người Tàu, vì lúc bấy giờ vẫn chưa ổn-định về nhiều phương-diện. Sử còn chép rằng trong việc khai mỏ, người Tàu thu 10 phần mà nộp cho ta không được một, hẳn là họ gian lận và ta không có các chuyên viên để kiểm-soát chăng ?

Còn mỏ của chúng ta thì có khá nhiều ở các tỉnh Hưng-Hóa, Tuyên-Quang, Lạng-sơn, Thái-ngnyên. Ở các nơi này có đồng, bạc, vàng, kẽm v. v... nhưng phương-pháp khai mỏ của người Tàu bấy giờ cũng chưa được chu-đáo lắm.

VIỆC ĐÚC TIỀN

Đến đời Lê trung-Hưng người ta còn tiêu tiền đúc của

(1) Tại Thái-Nguyên có hai họ Trương, Cát là người Tàu quê ở Trấn-Châu chuyên nghề khai mỏ, đúc quặng đã có lần tụ tập được tới một vạn người để hưởng ứng với quân Nghĩa-Dũng Điền-Châu của nhà Thanh sau này theo Tôn sĩ-Nghị để xâm chiếm nước ta.

đời Hồng-Đức. Đời Trung-Hưng nối tiếp việc này, cho các trấn lập sở đúc tiền lấy nên nhiều việc lạm-dụng đã xảy ra.

Năm Quí-Dậu (1753) chúa Trịnh-Doanh muốn chấm dứt tình trạng này đã cho bỏ các sở đúc tiền ở tứ Trấn, chỉ giữ lại hai sở gần Kinh-thành.

Năm Bính-Thân (1776) đời vua Lê Hiển-Tông, Trịnh lấy được Thuận-Hóa lại mở ở đây một lò đúc tiền, đúc ra ba vạn quan tiền Cảnh-Hưng để tiêu dùng trong xứ.

Ta còn thấy đời bấy giờ đúc cả bạc lạng nữa. Mỗi lạng trị-giá 10 đồng, mỗi đồng ăn hai tiền. Bạc ấy chặt ra tiêu cũng được.

SỰ ĐO LƯỜNG

Cho tới năm Giáp-Thìn (1664) việc đo-lường ở nước ta vẫn cứ 6 hạp là một thăng, có chỗ gọi là thưng. Thưng có lẽ là đồ đo-lường rất thông-dụng để đong ngô, khoai, đậu, đỗ. Ngoài ra ta còn cái đấu. Đấu cũng có đấu lớn đấu nhỏ nữa cho tới gần đây ở các vùng quê miền Bắc vẫn dùng. Nhà thơ Trần Kế-Xương đất Vị-Xuyên, tỉnh Nam-Định cảm-khái về cái nhục khoa-cử về cận-kim có câu :

« NGÀY MAI TỚ HỎNG TỚ ĐI NGAY »
« THƯNG, ĐẤU NHỜ LƯNG MỘT MẸ MÀY »

Chúng tôi ngờ thăng là đồ đo-lường của Tàu mang sang từ lâu chớ không phải của ta có từ trước.

Theo Việt-Nam Sử-lược trang 314, ông Phạm Công-Trứ định lại, lấy một cái ống gọi là Hoàng-chung-quản làm chừng.

Ống này đựng được 1.200 hột thóc đen gọi là *thược*, rồi cứ *10 thược là một hạp, 10 thăng làm một đấu, 10 đấu là một hộc (1)*

Tài-liệu này không đúng, theo Hoa-Bằng, tác-giả Quang-Trung Nguyễn-Huệ anh hùng dân-tộc thì thưng là đơn-vị đong-lường ngày xưa : cứ 10 hợp (hạp) là một thăng (thưng), một thưng bằng 316 tấc khối tức là 10.354.688 công thăng ngày nay.

Ngoài ra chúng tôi nghĩ đấu là đồ đo lường nhỏ nhất mới phải. Ở các vùng quê, chúng ta thấy việc đo lường còn dùng *cái thủng gỗ* có đai sắt ở quanh miệng và đáy. *Thùng* có thùng đại (lớn nhất) và thùng chung, *thúng* có thúng đại, thúng chung đựng được trên dưới 20 cân tây thóc, hay gạo.

HỌC-CHÍNH VÀ KHOA-CỬ

Về việc học vào thế-kỷ XVII các triều đình của nước ta vẫn không có gì thay đổi, khoa-cử cũng vậy (xin coi Việt-Sử tân-biên quyển II có khảo về chế-độ giáo-dục và khoa-cử ở nước ta). Nho học vẫn được tôn sùng, duy việc học hành, khoa-cử bị gián-đoạn ít nhiều vì nội-tình rối-ren của quốc-gia từ thượng-bán thế-kỷ thứ XVI.

Khi nhà Mạc còn thịnh (1527), Mạc vẫn mở khoa-cử để tuyển-dụng nhân-tài ở Thăng-Long, còn nhà Lê lúc bấy giờ thất-thời chỉ đủ thì giờ lo việc binh-nhung mà thôi.

Tới năm Canh-thìn (1580) Nam-triều (nhà Lê) mới mở được khoa-thi ở Tây-đô. Cách-thức thi-cử còn sơ-lược và ba năm

(1) Đời nhà Hồ ruộng tư-điền phải đóng 5 thăng thóc ; trước đó nhà Trần chỉ thu 3 thăng. Thăng hay thưng cũng là một tiếng.

thì có một kỳ thi Hội. Ngót một thế-kỷ sau (1664) đời vua Huyền-Tông, chúa Trịnh-Tạc mới qui-định lại thể-thức thi Hội. Còn thể-lệ thi Hương tới năm Mậu-Ngọ (1678) cũng có chỉnh-đốn lại. Từ đó 3 năm lại có một kỳ thi Hương.

Trường thi đặt tại Thanh-Hóa, Sơn-Nam (Nam-Định) Sơn Tây. Kinh-Bắc, Hải-Dương, Thái-Nguyên. Hưng-Hóa, Tuyên-Quang, Lạng-sơn và Yên-Quảng.

Sử chép rằng, tuy vậy thi Hương vẫn còn luộm-thuộm lắm không nghiêm như dưới đời Hồng-Đức. Đời Dụ-Tông niên-hiệu Bảo-Thái có lệ nộp tiền Minh-kinh là tiền kinh-phí cho các quan trường.

Năm Canh-Ngọ (1750) đời Cảnh-Hưng. nhà nước thiếu tiền ai nộp được ba quan gọi là tiền thông-kinh thì được thi, khỏi phải khảo hạch (!). Sự kiện này đã gây nhiều vụ lộn xộn làm mất uy-tín của khoa-cử do đó người làm ruộng, kẻ đi buôn, học hành lỗ mỗ cũng nạp quyển để thi. Vào đến trường họ chen chúc nhau, có kẻ bỏ mạng ; nhiều người còn làm những trò gian lận như thuê người gà bài, thí-sinh với quan trường thông-gian, khiến người ta có cảm-tưởng là đi họp chợ chớ không phải là thi cử nữa...

Chúa Trịnh-Cương cũng mở cả trường dạy võ, đặt quan Giáo-thụ trông coi. Học-sinh thường là con cháu các quan đến học võ-kinh. chiến-lược, cùng một tháng một lần *tiểu-tập*, ba tháng một lần *đại-tập*.

Ngoài ra trường-học vào cấp sơ-đẳng thì vẫn do nhân-dân tự-động mở lấy khắp thành-thị, thôn quê do tư-nhân hay các ông đồ xuất thân là các vị khoa-mục hay các nhà nho số phận hẩm-hiu với cử-nghiệp, hoặc các quan trí-sĩ hay các ẩn-sĩ không muốn ra làm quan với triều-đình.

Về phần nhà-nước cũng có mở trường cho các thanh-niên ưu-tú đến học như Quốc tử-giám. Giảng dạy ở đây là quan

Tế-Tửu hay Tư-nghiệp, mỗi tháng một lần *tiểu-tập*, ba tháng một lần *đại-tập* để bình-luận văn-thơ, thi phú và khảo hạch năng-lực của các nho-sinh.

Mùa Xuân, mùa Thu thì tập võ-nghệ, (đánh-côn, đánh-quyền, bắn cung, cưỡi ngựa, múa khiên, múa gươm, giáo, chạy bộ v.v...). Mùa Đông, mùa Hạ thì tập võ-kinh (phần lý-thuyết).

Ba năm Nhà-nước mở một khoa thi-võ. Võ-sinh phải biểu-diễn các môn kể trên rồi vào vấn-đáp là để duyệt-khảo phần lý-thuyết.

Năm Canh-thân (1740) chúa Trịnh-Doanh cho lập võ-miếu thờ Vũ thành-Vương, Khương thái-Công, Tôn vũ-Tử, Quản-tử v. v... Đàng sau có miếu thờ Hưng đạo-vương Trần Quốc-Tuấn và có cả miếu thờ Quan vân-Trường.

Xuân thu đôi lần triều-đình cử các quan ra tế-lễ.

VIỆC CHÉP SỬ

Cho tới đời Lê Trung-Hưng chúng ta mới có bộ Đại-Việt sử-ký gồm các bộ chánh sử làm trong hai triều Trần-Lê do ông Lê văn-Hưu biên soạn, bộ Đại-Việt sử-ký toàn thư do ông Ngô sĩ-Liên làm ra thế cho bộ sử trên mất đi, bộ Đại-Việt sử-ký tục biên của Phan Phủ-Tiên phụng mệnh vua Lê Nhân-Tôn chép tiếp vào bộ Đại-Việt sử-ký, nay cũng không còn nữa.

Đến đời vua Lê Tương-Dực, ông Vũ-Quỳnh được lệnh soạn ra cuốn Đại-Việt thông-giám thông-khảo xong vào năm 1511 cũng như bộ « Toàn thư » của Ngô Sĩ-Liên chép từ đời Hồng-Bàng đến năm đầu đại-định của Lê Thái-Tổ (1428).

Năm 1665 ông Phạm công-Trứ soạn bộ « Đại-Việt sử-ký bản kỷ tục biên » là một công trình không riêng của ông (phần sáng tác của ông Phạm công-Trứ kể từ Lê trang-Tôn đến hết đời Lê Thần-

Tông 1662), sau chúa Trịnh-Tạc sai ông và nhiều người khác sửa và xét lại.

Đến năm Bính-Thìn (1676) vua Hy-Tôn sai Hồ sĩ-Dương xét lại bộ quốc-sử chẳng bao lâu họ Hồ mất, đến Lê-Hy và Nguyễn quỳ-Đức chép nối từ đời vua Huyền-Tông đến vua Gia-Tông gọi là Quốc-sử thực lục.

Năm Ất-vị (1775) đời Cảnh-Hưng, chúa Trịnh-Sâm sai các ông Nguyễn-Hoàn, Lê quí-Đôn, Ngô thời-Sĩ, Nguyễn-Du chép thêm từ Hi-Tông đến Ý-Tông gọi là Quốc-sử tân biên.

« CHÚNG NGU NHI THẦN »

Dân tuy ngu nhưng sự hiểu biết của dân rất là mau-lẹ. Nếu họ bị xé lẻ thì quả thật họ không biết gì nhưng cái thiên-năng chung (instinct collectif) *của họ thì thần-tốc và kỳ-diệu lạ-lùng. Họ có thể hiểu một cách trực-giác tất cả những cái gì bí-hiểm nhất, gian-ngoan nhất của những nhà lĩnh-đạo.*

Vậy ai làm chính-trị mà coi thường nhân-dân thì chính người đó mới là kẻ u-mê và sớm muộn phải đi đến chỗ thất-bại.

PHẠM VĂN SƠN

CHƯƠNG II

NHỮNG VỤ BẠO-ĐỘNG CỦA QUÍ-TỘC VÀ NÔNG-DÂN V. N. DƯỚI ĐỜI CHÚA TRỊNH (1739-1769).

XÉT các công việc làm của các ông chúa họ Trịnh kể từ Trịnh-Tùng, Trịnh-Tạc, Trịnh-Căn, Trịnh-Cương về phương-diện cai-trị, mở-mang văn-học, kinh-tế, chánh-trị, quân-sự ta thấy đại-khái các ông chúa này đều đã tỏ ra xứng đáng là những người cầm đầu dân-chúng.

Có thể nói rằng họ không thua gì những ông vua từng được quốc-dân và lịch-sử khen ngợi vì họ đã làm được nhiều điều ích-lợi theo nguyện-vọng của quần-chúng.

Những trang-sử kế trên đã gián-tiếp nói lên rằng nếu họ có lên làm vua, thì có khác gì Lê đại-Hành thay nhà Đinh, Lý công-Uẩn kế tiếp nhà Tiền-Lê, họ Trần thay họ Lý. Nhân dân vẫn có thể tán-thành sự thay trò đổi cảnh vì để những ông vua bất tài, sự tai hại đã đến mức nào, tưởng chẳng cần phải nói. Nhưng vì e-dè dư-luận của quốc-dân mà một phần đã bị huyễn-hoặc về chủ-nghĩa tôn-quân, một chủ-nghĩa đã được nhiều kẻ khéo lợi-dụng để tranh giành quyền-lợi riêng tây, nên họ Trịnh đành chịu giữ nguyên vẹn địa-vị có sẵn của mình cho bớt phiền phức. Rồi cũng chính Trịnh phải khoác cái danh-nghĩa phù Lê trong mọi hoạt-động.

Theo kinh-nghiệm lịch-sử, mỗi khi một biến-cố triều-trung xảy ra chỉ giới cầm quyền nghĩa là những người có quyền lợi

trực-tiếp với cựu triều mới thường bị khủng-khoảng tinh-thần trước nhất và mạnh hơn cả, còn nhân-dân thì chỉ có thái-độ nghe ngóng, trông chờ.Tỉ-dụ:họ Mạc lật nhào cái ngai vàng của vua Chiêu-tông.ta chỉ thấy phản-ứng ở đám quan-liêu,phong-kiến bùng ra rồi thất bại (phản-ứng bằng sự bất hợp-tác, bằng vài cuộc khởi nghĩa v. v,..), Nếu như nhân-dân hùa theo đám quan-liêu phong-kiến trên đây, sự thế đâu có thể thuận lợi cho họ Mạc bấy giờ.

Trái lại, Mạc giữ nổi chánh-quyền từ 1527 đến 1592 mới phải bỏ Thăng-Long chạy lên Cao-Bằng, thăng trầm nhiều giai-đoạn mà vẫn được dân chúng ủng-hộ. Mỗi lần Mạc nổi lên vẫn có hàng vạn người theo, chỉ tiếc rằng cái hùng-khí của con cháu họ Mạc thì vẫn có dư (Mạc đến 1677 mới tuyệt) mà tài điều-binh, khiển-tướng thì kém hẳn hai họ Trịnh-Nguyễn, do đó sau trên 60 năm Mạc không còn ưu-thế nữa.

Các chúa kế tiếp Trịnh-Kiểm đối với con cháu nhà Lê tuy quá tệ nhưng không thể bảo rằng họ hững-hờ hẳn với quyền-lợi của dân. Ngoài họ còn những ông quan tài giỏi, liêm chính như Phạm Công-Trứ, Nguyễn Công-Hãng cũng giải-quyết được nhiều việc trọng đại về dân-sinh, quốc-kế nên sử phải nhận rằng nhờ họ mà nước được yên trị. Nhờ có những công-quả này mà dân tin theo các chúa đi đánh họ Nguyễn luôn 45 năm tuy chẳng thắng lợi mấy khi.

Trừ sự xung-đột với họ Mạc có tính cách họ này giành nhau với họ kia, cũng như sau này Trịnh lại có chuyện với Nguyễn, dân theo Mạc cũng như theo họ Trịnh không phải là không tin tưởng hay vô ý-thức. Còn dân nổi lên chống Trịnh hay Mạc, ta không thấy có trong suốt thời-gian kéo dài từ 1527 đến 1738 nghĩa là đến đời chúa Trịnh-Giang.

Quả vậy,đến đời chúa Trịnh-Giang ta thấy một hiện-tượng khác thường là quả có sự chống đối của nhân-dân đối với triều-đình hay chế-độ của nhà Chúa. Lý-do là Trịnh-Giang thất-chánh, làm điều hay thì ít, mà điều dở thì nhiều : Trịnh-Giang giết vua

muốn sao thì cũng là điều dân không thích bởi vua Lê thường đã chịu an phận bù-nhìn rồi, Trịnh-Giang lại còn giết các đại-thần đang có uy-tín như Nguyễn công-Hẳng, Lê anh-Tuấn, và ăn chơi xa-xỉ, dâm-đãng khiến công quỹ thiếu hụt, phải lập ra nhiều sưu-thuế nặng nề.

Nếu đem cân, thì cái dở của chúa Trịnh-Giang 10 phần, cái hay của ông ta lại quá ít, xã-hội Việt-Nam bấy giờ vô cùng rối-ren, khổ-cực nên các vụ loạn của nông-dân phải bùng ra. Sau này dưới đời Vũ vương ở Nam-Hà. quyền-thần Trương phúc-Loan cũng vì quá tham-tàn những-lạm, bỏ-bê chánh-sự, nông-dân liền tiếp tay cho ba anh anh em Nguyễn-Nhạc, Nguyễn-Lữ Nguyễn-Huệ, rồi từ đấy nhà Tây-Sơn ra đời. Giáo-sư thạc-sĩ Chesneaux, tác-giả cuốn phụ khảo về lịch sử qnốc-gia Việt-Nam « *Contribution à l'histoire de la Nation Vietnamienne* » cho đây là phong-trào nông-dân chống lại một chế-độ mục-nát của vua quan (1).

Những vụ loạn-ly dưới đời Trịnh-Giang xảy ra khắp mọi nơi nghĩa là trên toàn-diện của lãnh-thổ thuộc quyền chúa Trịnh, cũng có tính-cách của phong-trào trên đây và nó đã đi trước phong-trào ở miền Nam một thế-kỷ.

Rậu đổ bìm leo, ngay cả quý-tộc, quan-liêu cũng thấy cần lợi-dụng phong-trào dân-chúng mà lật đổ Trịnh-Giang vừa cho bỏ ghét vừa là để tìm một lối thoát cho xã-hội bấy giờ.

---

(1)—Trong vụ phiến-loạn này dân quê không có vũ-khí phải mang búa, vác gậy đi theo. Và nói cho phải, Việt-Nam là một nước nông-nghiệp thì phong-trào cách-mạng hay chính-trị nào mà chẳng có yếu-tố nông-dân ? Chính ở nước Pháp, sau bốn chục năm cũng có cuộc cách-mạng nông-dân gọi là phong-trào Vendée đã xuất phát tại vùng Bretagne, Poitou, Anjou vào năm 1793. Nhưng hai năm sau (1795-1796) thì phong-trào này bị đàn-áp và tan rả.

Sử-gia Pháp, ông C. B. Maybon trái lại cho rằng quý-tộc nhà Lê không chịu nổi hành-động áp-chế, độc-tài của chúa Trịnh nên đã ngầm xui dân-chúng nổi-loạn. Lần này theo chúng tôi, ý-kiến ông Maybon không sát sự thực lắm. (1)

Nhìn vào bản-đồ Việt-Nam, ta thấy cuộc loạn lan-tràn từ Bắc tới Thanh-Nghệ, từ Đông qua Tây chẳng chỗ nào yên hết. Đây là một cuộc cách-mạng của nhân-dân có mục-đích phản-đối một chế-độ.

Mấy ông Hoàng thất-thế đời bây giờ như Lê duy-Mật, Lê duy-Quí, Lê duy-Chúc đâu có đủ uy-tín mà xui dân toàn-quốc đứng lên được. Nếu các ông làm được việc này các ông đã thành công rồi. Và cũng không thấy sử nói các ông có tổ-chức các vụ loạn ở trong nước thuở ấy hay ít ra có liên-lạc mật-thiết với các lãnh-lụ phiến-loạn.

Sự thật có thế chăng? Thiết tưởng các ông ấy đã chỉ nhân dịp này mà té nước theo mưa, nghĩa là kết bè lập đảng với mấy kẻ cận thần trong giới quan-liêu thì phải hơn. Loạn quí-tộc do ba ông Hoàng nói trên còn đang ở trong giai-đoạn âm-mưu đốt phá kinh-thành để hạ họ Trịnh thì bị bại-lộ. Các ông liền cùng bọn Phạm Công-Thế, Võ-Thước bỏ chạy.

---

(1) – C.B.Maybon viết : « Cependant les actes d'arbitraire et de despotisme des Seigneurs du Nord avaient fini par paraître insupportables à certains membres de la famille du Souverain qui n'acceptaient qu'à contre-coeur de se savoir parti-pris écartés des affaires. Ils fomentèrent des révoltes et soulevèrent le peuple contre les Trịnh... » Nhưng những hành-động độc đoán và chuyên-quyền của các ông chúa miền Bắc đã trở nên vô cùng khó chịu cho một số người trong hoàng-gia đã bất-mãn vì bị gạt ra ngoài lề sân khấu chính-trị. Họ đã nhúng tay vào các vụ phiến-loạn và đã súi dân nổi lên chống họ Trịnh... »

Ở các trấn bấy giờ có Nguyễn-Tuyển, Nguyễn-Cừ nổi lên tại làng Ninh-Xá, huyện Chí-Linh tỉnh Hải-Dương, Võ Trác-Oanh nổi lên tại làng Mộ-Trạch, huyện Đường-An (Hải-Dương) ở đất Sơn Nam có Hoàng Công-Chất, Võ Đình-Dung ; Sơn-Tây có Nguyễn Danh-Phương. Nguyễn-Diên, Tế, Bồng ; vùng duyên-hải (Bắc-Việt) có Nguyễn Hữu-Cầu sau ở Thanh Nghệ có sự hoạt-động của Lê Duy-Mật (từ Thăng-Long chạy vào).

Đây là những tổ-chức phiến-loạn lớn, còn các đám cướp hay giặc cỏ thì nhiều không kể xiết. Các tổ-chức phiến-loạn lớn đều tuyên-bố *« Phù Lê diệt Trịnh »*. Toán đông có tới hàng vạn người theo, toán nào ít cũng tới hàng ngàn đi đánh phá thành-thị, thôn-quê, quấn-lại địa-phương dẹp không nổi.

Tình thế trong nước rối ren như vậy mà Trịnh-Giang vẫn cứ dâm-dật vô-độ, đào hầm làm nhà ở dưới đất để khỏi sợ sấm-sét, chính-sự giao cho bọn hoạn-quan là lũ Hoàng Công-Phụ tha hồ làm điều xằng bậy, nhân dân ta thán không kể xiết.

Thấy thế nguy, một số đại-thần của phủ Liêu là Nguyễn Quí-Cảnh, Nguyễn Công-Thái, Võ Công-Tế họp nhau gây cuộc đảo-chính, truất được Trịnh-Giang rồi đưa em là Trịnh-Doanh lên thay. Sau khi nội-tình phủ-Liêu đã ổn-định một số tướng-lãnh có tài trị loạn được cử đi dánh dẹp, đó là các ông Hoàng Nghĩa-Bá, Hoàng Ngũ-Phúc, Phạm Đình-Trọng, Nguyễn-Phan, Bùi Thế-Đạt. Chúa Trịnh-Doanh và Trịnh-Sâm thân làm Tổng chỉ-huy đoàn quân bình-định đời bây-giờ trong khi này thế quân phiến-loạn đang rất mạnh.

VỤ LOẠN CỦA NGUYỄN-TUYỂN VÀ NGUYỄN-CỪ

Vụ khởi loạn đầu-tiên xảy ra vào năm Kỷ-Mùi (1739) tại Hải-Dương sau lan tràn ra vùng Từ-Sơn, Nam-Sách và Hồng-Châu (ba tỉnh Bắc-Ninh, Hải-Dương, Hưng-Yên) lĩnh-tụ là Nguyễn-Tuyển,

Nguyễn-Cừ. Vũ Trác-Oánh và Nguyễn-Diên·

Cừ chiếm đất Đỗ-Lâm thuộc Gia-Phúc.

Tuyền giữ Phao-Sơn thuộc Chí-Linh (Hải-Dương) cũng xây thành đắp lũy và liên-lạc với nhau chống quân triều (1). Binh lính của họ có tới mấy vạn người, quan quân đánh không nổi, nhiều người bị bắt là đẳng khác.

Năm Canh-Thân (1740) bọn Vũ đình-Dung, Đoàn danh-Chấn, Tú-Cao ở làng Ngân-Già thuộc trấn Sơn-Nam, cũng uà theo phong-trào, họp dân-chúng giết được quan Đốc-Lĩnh là Hoàng kim-Qua, thế cũng rất mạnh.

Năm Tân-Dậu (1741) lực-lượng của Nguyễn-Tuyền, Nguyễn-Cừ yếu dần. Quan Thống-lãnh Hải-Dương là Hoàng nghĩa-Bá phá được đồn Phao-Sơn, Tuyền bỏ chạy rồi chết. Vũ trác-Oánh biệt tích, còn Cừ chạy ngược lên Lạng-Sơn được ít tháng lại quay xuống Đông-Triều nhưng cạn lương-thực phải rút vào Ngọa vân-Sơn rồi bị quan Hiệp-đồng Phạm đình-Trọng bắt được đóng cũi đem về Kinh trị tội.

VỤ LOẠN NGUYỄN HỮU-CẦU.

Nhưng kiệt-hiệt nhất trong đám lĩnh-tụ loạn-quân đời bấy giờ có Nguyễn hữu-Cầu, người tỉnh Hải-Dương trước đi ăn cướp sau theo Nguyễn-Cừ làm tùy-tướng được mệnh danh là Quận-He.

Cầu có nhiều biệt tài, sức khỏe hơn người, nhiều mưu-cơ, đảm-lược, xuất quỷ nhập thần. Nhiều khi bị bao vây rất ngặt, chỉ một mình một ngựa mà Cầu vẫn phá nổi trùng-vi. Binh đội tan rã, chỉ mấy hôm sau Cầu lại kêu gọi được hàng vạn người theo

(1) — Nguyễn-Tuyền và Nguyễn-Cừ xuất thân ở làng Ninh-Xá thuộc tỉnh Hải-Dương.

rất dễ dàng. Nguyên do Cầu không làm loạn vì mình nên cướp được thóc gạo, của cải bao nhiêu đem chia hết cho dân nghèo, nhờ vậy quân của Cầu đi đến đâu cũng được dân ủng-hộ, quân lương muốn lấy bao nhiêu cũng có.

Khi chủ-tướng Nguyễn-Cừ bị bắt, Cầu mang dư-đảng về Vân-Đồn, giữ núi Đồ-Sơn, một thời vô cùng oanh-liệt, nổi tiếng là hùm thiêng vùng duyên-hải.

Năm Qúi-Hợi (1743) Cầu giết được Thủy-đạo đốc-binh là Trịnh-Bảng, tự xưng là Đông-đạo Thống-quốc bảo-dân Đại tướng-quân.

Đối-thủ của Hữu-Cầu, như Cầu thường thường tuyên bố là đám vua chúa mục nát, tham quan những lại, các nhà trọc-phú, các cường-hào, ác-bá. (1)

Với hai chữ " Bảo-dân ", Hữu-Cầu đã nêu cao chánh-nghĩa của cuộc chiến-đấu và thủ-đoạn quỷ-quyệt khôn lường của Hữu-Cầu, về quân-sự đã từng làm binh tướng của Triều-đình nhiều phen thất-điên bát-đảo, riêng có Phạm đình-Trọng là đủ can-trường đối phó với Hữu-Cầu (2).

---

(1)— Trong cuốn « Contribution à l' histoire de la nation Vietnamienne » Jean Chesneaux viết : « .. Dès 1743, Nguyễn Hữu-Cầu, un des compagnons du chef disparu reprend la lutte autour de Bắc-Ninh. dans une région voisine. Pillant les riches et aidant les pauvres, Nguyễn Hữu-Cầu fut toujours intelligent, puissant et populaire ».

(2) — Phạm đình-Trọng và Nguyễn hữu-Cầu thuở nhỏ cùng học một thầy. Một hôm hai người cũng làm chung một bài thơ do thầy đưa ra. Qua lời thơ, ông thầy thấy khẩu-khí của hai người đều ngang tàng lỗi-lạc, biết sau này Đình-Trọng có tài trị loạn và Hữu-Cầu sẽ là kẻ quấy nước chọc giời.

Được cử đi đánh Hữu-Cầu trước tiên, bấy giờ là Hoàng ngũ-Phúc (1) một đại tướng của chúa Trịnh, vì chúa không dám coi Hữu-Cầu như bọn giặc cỏ tầm thường. Quân triều vây quân phiến-loạn ở núi Đồ-Sơn. Hữu-Cầu phá chạy được về Kinh-Bắc (Bắc-Ninh). Tại đây quan Trấn-thủ Trần đình-Cẩm và quan Đốc đông Võ phương-Đề chống không nổi bỏ cả ấn-tín thoát thân.

Kinh-Bắc mất, Thị-Cầu cũng bị hạ, tin này chấn-động đến Thăng-Long.

Hoàng ngũ-Phúc và Trương-Khuông quay binh trở lại thâu được Kinh-Bắc nhưng thế quân của Hữu-Cầu đang mạnh, Trương-Khuông chống không nổi ở làng Ngọc-Lâm (huyện Yên-Dũng, tỉnh Bắc-Giang), thống-lĩnh Đinh văn-Giai cũng bại ở Xương-Giang (cũng thuộc Bắc-Giang) nhờ vậy loạn-quân lại trở về phong-tỏa Thị-Cầu.

Lần này chiến-trường là Xương-Giang. Chúa Trịnh-Doanh cử Phạm đình-Trọng đến hợp sức với Hoàng ngũ-Phúc. Hữu-Cầu thua trận mất một tùy-tướng là Vương-Thông và nhiều quân-nhu, chiến-mã.

Đến năm Bính-Tý, (1749), ngôi sao của Hữu-Cầu bắt đầu lu mờ nên Cầu cho người ngầm mang vàng về đút lót cho Đỗ thế-Giai và quan Nội-Giám là Nguyễn phương-Đĩnh để hàng.

Chúa Trịnh-Doanh bằng lòng phong cho Cầu làm Hưởng nghĩa-Hầu, cử quan Thiêm-tri là Nguyễn phi-Sảng đem Dụ ra cho Phạm đình-Trọng bảo bãi binh.

Trọng với Cầu có cái thù không đội trời chung bởi vì Cầu

---

(1) — Hoàng Ngũ-Phúc là một lão tướng có uy-danh đời bấy giờ, tước quận-công sau được cử vào đánh Thuận-Hóa, năm 1774 diệt được họ Nguyễn, đem Thuận-Quảng trở về với chánh-quyền họ Trịnh.

đã đào mả mẹ Trọng đổ xuống sông, nên Trọng cương-quyết đánh đuổi Cầu đến cùng.

Trọng trả lời Nguyễn phi-Sảng: « Kẻ làm tướng ở ngoài biên mới hiểu sự thế của ngoài biên, mệnh vua có khi không thể theo được. Ông được lệnh vua thì cứ đi gọi giặc về hàng, còn tôi có phận-sự đánh giặc thì tôi cứ đánh ».

Nói rồi Trọng cất quân đi luôn, hăng hái hơn bao giờ hết.

Bọn Đỗ thế-Giai thấy Trọng không tuân lệnh chúa, giận lắm nhân có việc Trọng cho người tuyển mộ tân-binh ở các huyện Tứ-Kỳ, Thanh-Hóa, Vĩnh-Lại và Thượng-Hồng đặt làm 4 cơ, giao cho hai thủ-hạ cai-quản liền dèm pha với chúa. (1)

Chúa không nghe vì tin sự trung-thành của Trọng nên gửi tặng Trọng một bài thơ cho Trọng yên lòng.

Thấy kế-hoạch của mình không thành, Hữu-Cầu đành vẫn phải theo đuổi chiến-tranh từ miền Đông qua miền Nam. Một hôm Hữa-Cầu bị đuổi đến Cẩm-Giàng (Hải-Dương), Hữu-Cầu tính ra kế đem quân lén về Thăng-Long đánh úp nhân lúc bất ngờ, cho rằng ai cũng nghĩ lúc này Cầu bại trận phải chạy xa.

Quân của Cầu lên đường về Thăng-Long, tới bến Bồ-Đề thì trời hửng sáng. Trịnh-Doanh đem quân ra bến Nam-Tân chống giữ thì vừa may quân của Phạm đình-Trọng cũng về kịp. Quân của Cầu bị hai phía đánh dồn lại, thua chạy.

Từ khi thất-trận ở Bồ-Đề, quân-lực của Hữu-Cầu bị suy-giảm nhiều, Cầu phải kết-hợp với đảng Hoàng công-Chất đi cướp phá vùng Thần-Khê, Thanh-Quan.

---

(1) — Quân-đội của Triều-đình bấy giờ không đủ để đánh giặc phải mộ linh mới để bổ xung quân số.

Phạm đình-Trọng và Hoàng ngũ-Phúc đuổi theo, Chất chạy vào Thanh-Hóa, Cầu vào Nghệ-An. Tại đây Cầu lại nhập với một lãnh-tụ khác là Diên ở Hương-Lãm (huyện Nam-Đường nay là Nam Đàn) và vẫn bị quan quân theo riết, đến Hoàng-Mai thì Cầu hết thời (Hoàng-Mai thuộc Thanh-Hóa), bị bắt đóng cũi giải về nộp cho chúa Trịnh (Tân-vị 1751, tức là năm Cảnh-Hưng thứ 12).

VỤ LOẠN NGUYỄN DANH-PHƯƠNG.

Phương cũng xuất-đầu lộ-diện gần cùng một thời với Hữu-Cầu, nghĩa là vào năm 1740, bắt đầu vào làm đàn em của hai loạn-tướng đời bấy giờ là Tế và Bồng ở Sơn-Tây. Tế và Bồng không may bị Võ tá-Lý lĩnh chức Chinh-Tây đại tướng-quân bắt được ở Huyện An-Lạc thuộc phủ Vĩnh-Tường (Vĩnh-Yên).

Danh-Phương mang dư-đảng về núi Tam-Đảo (tỉnh Vĩnh-Yên) tổ-chức lại hàng ngũ, trữ lương-thực và tuyển-mộ thêm người, bề khác Danh-Phương cho người đến điều-đình với các quan để ra hàng.

Trong giai-đoạn này nhiều tỉnh Đông-Nam đang bị rối-ren vì những cuộc đánh phá của Nguyễn hữu-Cầu và Hoàng công-Chất nên triều-đình tán-thành ngay đề-nghị của Danh-Phương để được rảnh tay ở địa-phương này. Nhưng thực ra Danh-Phương chỉ nói dối để có thì giờ sửa soạn thêm quân lương mà thôi và để nghiên-cứu thực-lực của quan quân. Sau đó Danh-Phương cũng hoạt động chẳng kém gì Hữu-Cầu và trở thành mối lo cho triều-đình tại vùng tam-giác Vĩnh-Yên, Sơn-Tây, Việt-Trì.

Năm Giáp-tí (1744), Phương có tới hơn một vạn quân, hạ đồn tại Việt-Trì, cướp phá Bạch-hạc là một huyện bên kia sông, chống nhau với Đốc-xuất Sơn-Tây là Văn đình-Ức. Danh-Phương bị vây nhưng lại thoát được sang làng Thanh-Linh, huyện Bình-Xuyên, tỉnh Thái-Nguyên.

Tại địa-phương này vừa có rừng núi, vừa có đồng bằng

đủ thế tiến thoái và rất lợi về chiến lược, Danh-Phương đóng Đại bản-doanh ở trên núi Ngọc-Bội (giáp huyện Bình-xuyên và Tam-Dương) lập thêm hai đồn, một ở Hương-Canh gọi là Trung-đồn, một ở Ức-kỳ (?), và tự xưng là Thuận-thiên khải-vận đại-nhân. Danh-Phương dựng cung-điện, đặt quan-chức, đánh thuế-má lên tới tỉnh Tuyên-Quang. Thanh-thế một thời vang dậy khắp vùng Trung-du đất Bắc luôn 10 năm ròng. Ai ai cũng khiếp uy-danh của Danh-Phương (Phương còn có một tục-danh nữa là Quận Hẻo).

Trước cái tầm quan trọng của vụ loạn này, chúa Trịnh-Doanh phải thân mang đại-quân đi đánh. Năm Canh-Ngọ (1750) quân của chúa tiến theo đường Thái-Nguyên, phá được ngoại-đồn của Phương (Ức-kỳ) rồi tấn công vào Trung-đồn (Hương-Canh). Loạn quân bắn như mưa để cản trở quân triều, Chúa Trịnh giận lắm rút gươm trao cho Nguyễn-Phan là một tướng chỉ-huy bên cạnh : « Phải phá cho được đồn này nếu không sẽ chiếu theo quân-luật trị tội ». Nguyễn-Phan cỗi chiến bào, xuống ngựa đi bộ hô hào các thủ-hạ : « Quân sĩ có tên trong sổ sách, thua trận thì bị quân pháp. Các người là chỗ thân tín của ta, hôm nay ta bỏ mình giúp nước thì cũng là ngày các người đền ơn ta. Ai có cha già con dại thì cho lui, còn thì ở lại cùng ta sống chết với giặc ! ».

Lời nói khẳng-khái này làm binh-sĩ cảm-động vô cùng và chẳng một ai rút lui hết. Trận đánh trở nên vô cùng mãnh-liệt chẳng mấy lúc đồn Hương-Canh bị hạ. Danh-Phương lui vào hậu-tuyến giữ Ngọc-Bội, Trịnh-Doanh và Nguyễn-Phan hô quân tiến theo, thế quân triều mạnh như nước lũ, quân của Danh-Phương chống không nổi bỏ chạy. Danh-Phương chạy đến núi Độc-Tôn, làng Tỉnh-luyện, huyện Lập-Thạch (Vĩnh-Yên) thì bị bắt. Trịnh Doanh đem quân trở về Thăng-Long, tới nửa đường (làng Xuân-Hi, huyện Kim-Anh, tỉnh Phúc-Yên) gặp quân Phạm đình-Trọng giải Hữu-Cầu tới. Chúa mở tiệc khao quân ở đây. Trước khi bị đưa về kinh để chịu tử-hình, Phương phải dâng rượu, Cầu phải thổi kèn cho yến tiệc của binh tướng triều-đình thêm phần vui vẻ.

Thật là : « Hùm thiêng khi đã sa cơ cũng hèn ».

VỤ LOẠN HOÀNG CÔNG-CHẤT.

Họ Hoàng nổi lên cùng một thời với các lĩnh-tụ phiến-loạn: Nguyễn hữu-Cầu, Nguyễn danh-Phương, Nguyễn-Tuyển, Nguyễn-Cừ và chiến đấu được lâu dài hơn các bạn đồng-thuyền, đồng-hội.

Hoàng khởi sự từ thời chúa Trịnh-Giang đóng vai chủ-tể miền Bắc tức là từ năm 1740 đến năm Kỷ-sửu (1769) mới tắt. Trường hoạt-động buổi đầu của họ Hoàng là đất Sơn-Nam, tung hoành từ phủ Khoái-Châu sang đến Xuân-Trường (Hưng-Yên và Nam-Định). Năm Ất-sửu (1745) quân-đội của Hoàng cũng rất mạnh, phá được lực-lượng của Trấn-thủ Sơn-Nam là Hoàng công-Kỳ, giết được ông này. Binh-sĩ của chúa Trịnh cũng phải huy-động rất nhiều và do các tướng-lĩnh có nhiều thành-tích điều-khiển, nhưng việc đánh dẹp cũng rất nhọc-nhằn và mãi mãi cũng không diệt được hẳn. Chất lưu động qua nhiều nơi họp với một lĩnh-tụ khác là Thành, khi thì cướp phá Thanh-Hóa, khi thì ra Hưng-Hóa. Năm Tân-tị (1761) Thành bị bắt, Chất yếu thế chạy lên đóng tại động Mạnh-Thiên (Bắc Hưng-Hóa) mượn thế rừng núi, trấn giữ mấy châu gần đó (có lẽ là Đồn-Vàng, Yên-Lập, Cẩm-khê thuộc tỉnh Phú-Thọ ngày nay). Vị-trí chiến-lược vùng này rất thuận-lợi vì Hưng-Hóa nằm bên cạnh sông Thao, gần hai đường thủy-bộ, khi mạnh thì tiến xuống được Việt-Trì sát vùng Trung-du hoặc xuống Hòa-bình vào Thanh-Hóa. Khi yếu thì chạy ngược lên Yên-Báy hay qua Tuyên-Quang là thượng-du xứ Bắc. Có hồi quân của Hoàng cũng đông tới hàng vạn người. Mãi tới năm Kỷ-sửu (1769) Thống-lĩnh-Đoàn Nguyễn-Thục được lệnh chúa Trịnh-Sâm mang đại quân từ Sơn-Tây đánh vào đại bản-doanh (Mạnh-Thiên) của Hoàng rất ráo-riết, nhưng quân triều vào tới nơi thì Hoàng đã bị bệnh mà chết. Con Hoàng là Hoàng công-Toản kháng cự không nổi chạy ngược lên Vân-Nam biệt-tích từ bấy giờ, còn dư-đảng củaHoàng cũng tan rã cả.

LOẠN QÚI-TỘC CỦA NHÀ HẬU LÊ

Với nhiều trang trên đây chúng tôi đã nói xã-hội Việt-Nam tới đời Uy-Nam vương Trịnh-Giang là một thời đại-loạn. Có thể nói rằng do sự đổ-đốn của các nhà cầm quyền đời bấy giờ ở miền Bắc suy sụp toàn-diện nghĩa là về chánh-trị, kinh-tế, quân-sự và xã-hội.

Bao nhiêu vụ loạn đã bùng ra và kéo dài tới vài chục năm mà các nhóm loạn quân chống đỡ và hoạt động được lâu bền như vậy làm ta nghĩ rằng quân lực của triều-đình cũng không mạnh lắm. Xét cho đúng Nguyễn hữu-Cầu, Nguyễn danh-Phương, Hoàng công Chất tuy là những tay kiệt-hiệt nhưng vẫn không phải là những con người sống nhiều với binh-thư, chiến-trận hoặc đã xuất thân ở các tướng-môn. Binh-sĩ của họ chỉ là những nông dân nghèo đói nên là những đoàn quân ô-hợp, thiếu rèn luyện. Vũ-khí chỉ là giáo mác, gậy gộc có khi vác cả nông-cụ (cầy bừa) đi để chiến đấu thì đủ hiểu. Quân lương không có điều hòa, dư-dả thế mà tranh chấp được đến một hai chục năm cũng đáng kể là nhiều. Còn quân đội của triều đình tuy rút cục vẫn thắng những cái thắng đó đâu đáng kể là oanh-liệt. Lịch-sử đời Lê-Mạt kể từ vua Lê Thuần-Tông, chúa Trịnh-Giang đã làm ta chú ý điểm này : chánh quyền bấy giờ đã gây công phẫn trên toàn diện xã-hội Việt-Nam, các thảo-dã anh-hùng cùng dân chúng đã lập nên các phong-trào nhân dân chống chánh quyền khắp trong nước mà qúy-tộc nhà Lê cũng nhân cái đà thất-chánh của vua, chúa mà tính chuyện thay đổi thời-thế do đó ta có dịp bàn đến vụ loạn của mấy ông hoàng đời Lê-Mạt

Dự vào cuộc phiến động chung năm Mậu-Ngọ (1738) có các Hoàng-thân Lê duy-Mật, Lê duy-Qúi, Lê duy-Trúc (Lê duy-Qúi và Lê duy-Mật là con vua Lê Dụ-Tông, Lê duy-Trúc là con vua Lê Hi-Tông). *Việt-Nam sử-lược* nói rằng ba người này âm-mưu giết họ

Trịnh nhưng chẳng may sự không thành phải bỏ chạy vào Thanh-Hóa. Sau Duy-Qúi và Duy-Trúc phải bệnh chết.

Sử-gia C. B. Maybon nói cuộc đảo-chính này bị bại lộ, Trúc và Quý bị họ Trịnh bắt được và giết chết. Riêng Lê duy-Mật chạy thoát vào Thanh-Hóa với một số đông đồng đảng.

Duy-Mật chạy vào Thanh-Hóa, xét ra là cả một sự khôn-ngoan. Nơi đây là chốn khởi-nghiệp của dòng họ Lê xưa kia tất-nhiên có thể hy-vọng được nhân-dân ủng-hộ nhiều. Ngoài ra rừng núi vùng Thanh-Nghệ cũng là những căn-cứ chiến-lược lợi hại cho các cuộc hành quân, mạnh thì tiến ra miền đồng-bằng Bắc-Việt, yếu thì nhờ vị-trí hiểm-trở này mà ẩn lánh, dung thân sau giải Hoành-sơn. Tại đây đã có những trận đánh kịch-liệt vào những tháng đầu năm Canh-Thân (1740), Lê duy-Mật có bắt được một tướng của Trịnh là Phạm-công-Thế. Duy-Mật hỏi « Ông là người khoa-giáp sao lại theo quân nghịch » (chỉ họ Trịnh) ?

Công-Thế cười đáp : « *« Lâu nay danh phận không rõ thì làm sao phân được thuận-nghịch »* Nói xong Công-Thế vươn cổ chịu chém.

Xem câu trả lời của Công-Thế là một trí-thức của thử-thời thì dư-luận Bắc-hà đã quá ngán cả vua lẫn chúa, danh nghĩa của triều-đình đã bị nhân dân coi rẻ ; từ người bình-dân đến kẻ có học chỉ biết mạnh đâu âu đấy và mạnh ai người nấy làm, lẽ thuận nghịch mờ tối như đêm ba mươi tháng chạp.

Năm ấy quân-đội của Duy-Mật vùng-vẫy từ đất Thanh ra Hưng-Hóa, lại được sự cộng-tác của một nhóm loạn-quân do tên Tương chỉ-huy giữ đồn Ngọc-Lâu thuộc huyện Thạch-Thành sau đồn này bị hạ, Tương tử trận. Duy-Mật không cầm cự nổi ở vùng Thanh phải rút vào Nghệ-An rồi sang Trấn-Ninh chiếm đóng núi Trình-Quang sửa hào, đắp lũy làm kế cố-thủ. Cũng có nhiều khi

quân của Lê duy-Mật kéo ra đánh phá ngoài Sơn-Nam (1) khiến Trịnh cũng không yên tâm.

Năm 1753, Trịnh-Doanh cho người vào Thuận-Hóa yêu-cầu Võ-vương để quân Trịnh qua đường Cam-Lộ vào đánh Lê duy-Mật. Võ-vương không chịu (hẳn ngại quân Trịnh lợi dụng đánh úp mình chăng?). Nhiều lần quân Trịnh cũng bắt được quân tướng của Duy-Mật nhưng vẫn không nắm được ông Hoàng thất thế này. Tuy Duy-Mật không mạnh lắm nhưng đối với thời-cuộc vẫn là cái dằm trong xương tủy của họ Trịnh.

Về phần Duy-Mật, năm Giáp-Thân (1764) cũng có cử người tới gặp Vũ-vương yêu cầu giúp đỡ. Vũ-Vương cũng không khứng chịu vì thấy cần giữ thái-độ trung-lập cho khỏi gây hấn với chính-quyền miền Bắc.

Năm Đinh-hợi (1767) Trịnh-Doanh qua đời, thế-tử Trịnh-Sâm lên làm chúa. Duy-Mật thấy quân-lực của mình đã khá, nhân cơ-hội Bắc-Hà đổi chủ liền tiến đánh vào đất Hương-Sơn và Thanh-Chương, thấy không lợi lại rút về Trấn-Ninh. Trịnh-Sâm cho người đem thơ vào dụ nhưng không xong, nên quyết tâm đánh Duy-Mật cho kỳ được. Năm Kỷ-Sửu (1769) ba đại tướng của Trịnh là Bùi-Thế-Đạt làm thống-lĩnh đất Nghệ-An, Nguyễn-Phan làm chánh đốc-lĩnh đất Thanh-Hóa, Hoàng đình-Thể làm đốc-binh đất Hưng-Hóa được cất ba đạo quân vào đánh Duy-Mật. Bùi Thế-Đạt và Nguyễn-Phan cho quân phong tỏa núi Trình-Quang. Duy-Mật thấy thế mình không đủ sức cự-địch liền cố-thủ, nhưng con rể Duy-Mật làm phản mở cửa lũy cho quân Trịnh vào. Duy-Mật biết

---

(1) — Sơn-Nam chia ra hai khu : Sơn-Nam-Hạ và Sơn-Nam Thượng. Các tỉnh miền Nam Trung-châu Bắc-Việt gồm Nam-Định, Thái-Bình, Hà-Nam, Ninh-Bình v.v... là Sơn-Nam-Hạ. Sơn-Nam-Thượng gồm các tỉnh miền Trung-du. Kinh-đô Thăng-Long đóng ở giữa.

không thoát chết liền cùng vợ con đứng trên một đống hòm thuốc súng tự đốt mà chết. (1)

Tóm lại cuộc kháng-chiến đáng kể là anh-dũng của Lê duy-Mật kéo dài được 30 năm tuy cũng đi đến chỗ thất-bại nhưng vẫn đáng khen còn hơn là phải sống nhục nhã dưới ách của những quyền-thần.

CHÚNG TA NGHĨ THẾ NÀO VỀ NHỮNG VỤ BẠO-ĐỘNG CỦA NÔNG DÂN VIỆT-NAM GIỮA THẾ KỶ XVIII TRÊN ĐẤT BẮC ?

Một vấn đề ngày nay là thời dân quyền, dân chủ cần phải xét lại là các vụ loạn xảy ra dưới các triều-đại quân-chủ và phong kiến. Cho tới bấy giờ những cuốn sử chép theo các sử-thần cận-kim còn lệ-thuộc ảnh-hưởng của chế-độ vua, quan, thường gán cho các vụ nổi loạn của nhân dân những danh-từ không tốt đẹp, không chính-đáng, nghĩa là nếu dân chống chánh-quyền thì dân là giặc, là phản-quốc, là phạm-pháp.

Chúng ta có thể đồng ý với quan-niệm trên đây nếu dân chúng nổi loạn chống một chính-quyền gồm những vua quan đứng đắn, biết thương dân yêu nước, đã hết lòng phục-vụ quyền lợi của đại-chúng và quốc-gia đang được thái-bình thịnh-trị. Nhưng đối với các vụ loạn xảy ra dưới một chế-độ vua quan mục-nát, chúng ta không thể quan-niệm như vậy được vì trong giai-đoạn lịch-sử này là đời Trung-hưng, các ông vua nhà Lê chỉ là những bù-nhìn cho nhà chúa và các ông chúa họ Trịnh từ Trịnh-Giang trở xuống, đáng lẽ biết lợi-dụng khoảng thời-gian

(1) — Sử ta chép Lê duy-Mật chết vào năm 1767, sử Pháp chép Duy-Mật tự-sát với gia-quyến vào năm 1770.

hòa-bình với Nguyễn, nước đã tạm yên, tiếp-tục chánh sách dưỡng dân, an dân như các tiền-triều thì đâu đến nỗi có những vụ phiến-loạn bùng khắp nơi trong nước.

Có người nghĩ rằng những vụ phiến-loạn này đã chịu ảnh-hưởng của những triều-đại trước, vì dân đã phải đóng góp quá nhiều sinh-mạng và tiền bạc cho cuộc chiến tranh Nam-Bắc, rồi đến đời Trịnh-Giang lòng hờn oán mỗi ngày chất một cao, nên dân đã nổi loạn để tỏ sự bất-mãn.

Nói như vậy lại nói sai sự thật. Ta chỉ thấy suốt thế-kỷ 16 một phần dân chúng theo Lê đánh Mạc, một phần theo Mạc đánh Lê, mỗi bên đều có một thái-độ rõ-rệt, còn ở khu-vực của Lê hay của Mạc ta không hề thấy dân chống lại các nhà cầm quyền trong khu của mình, vì Nam Bắc-triều thuở đó đều không có phạm vào một lỗi nào để nhân-dân oán trách.

Quả vậy, sau khi chiến-tranh Trịnh-Nguyễn chấm dứt vào năm 1672, riêng về miền Bắc ta thấy các chúa kế tiếp Trịnh-Tạc đã biết lợi-dụng thời thái-bình để tu-chỉnh lại mọi việc trong nước nên từ năm 1672 đến 1739 nhân dân được sinh sống vui vẻ, dễ thở. Các sử-gia ngoại-quốc cũng đã phải khen ngợi các chúa Trịnh-Tạc, Trịnh-Căn, Trịnh-Cương nhưng tới chúa Trịnh-Giang thì quả công ít tội nhiều. Ông này đã ăn chơi dâm-dật, đàng-điếm, công nhu trở nên thiếu hụt nên đã ra lệnh đánh nhiều thuế-khóa, lại giết hại một vài đại thần có uy-tín do đó nhà vua đã mất cảm tình, và dân chúng vì đói khổ nhiều, chịu không nổi phải dấy loạn khắp nơi. Sự-kiện này tỏ rằng : « *Thượng bất chính hạ tắc loạn* » thật là rõ ràng để chúng ta có thể cương-quyết quy-định trách nhiệm vào mấy ông chúa cuối cùng của họ Trịnh giữa thế-kỷ 18. Sử-học ngày nay không công nhận việc chống đối này của nhân-dân là những vụ phiến-loạn theo quan-niệm của đời phong-kiến.

Cuộc cách-mạng của nước Pháp sau này xảy ra vào năm 1789 cũng do quần-chúng công, nông và phe trưởng-giả gây ra cũng

không ngoài nguyên nhân vua quan đốn mạt, coi thường quyền dân, lợi nước thì những cuộc « *phiến loạn* » ở nước ta trước đó ngót 40 năm sao lại không đáng gọi là một cuộc Cách mạng hay Phong-trào cách-mạng nhân-dân chống chính quyền ? (mặc dầu cuộc Cách-mạng này sau một hai chục năm thì thất bại).

Tóm lại một *chánh-quyền* khi không làm trọn trách-vụ với dân với nước, trái lại còn làm những việc tổn hại cho quốc-gia thì không thể gọi là một chánh quyền nữa. Ta phải gọi là *ngụy quyền*, vua quan khi đó là giặc của nước, của dân mới đúng Nếu nhân dân dưới cái ách thống-trị của bọn giặc nước ấy mà không biết đứng dậy để lật đổ họ, nghĩa là nhân dân trong trường-hợp này không có ý-thức cách-mạng thì nhân-dân đã quá lạc-hậu, ngu tối còn nói làm sao được nữa ! Một dân tộc luôn luôn làm cách-mạng để đào-thải những chế-độ mục nát, hư hèn bằng cách ôn hòa, hay bạo động là một dân tộc sáng suốt, tiến-bộ, biết ý thức quyền lợi và sức mạnh của mình.

Để kết-luận, ta nên gạt bỏ hẳn những thành-kiến mà người xưa đã đặt vào trường-hợp các cuộc bạo-động của Nguyễn hữu-Cầu. Nguyễn danh-Phương v.v... và phong trào do các thảo-dã anh hùng này đã gây nên để cho có sự công bằng và hợp-lý đối với nhân dân.

CHƯƠNG III

KHÁI-LUẬN VỀ PHÁP-CHẾ VIỆT-NAM TỪ CẬN-CỔ ĐẾN CẬN KIM THỜI-ĐẠI

Pháp-chế của một quốc-gia trên phương-diện lý-thuyết cũng như trên phương-diện tổ-chức cũng là cái thước để đo lường văn-minh của quốc-gia đó cao hay thấp.

Từ đời nhà Trưng đến đời Lê-Mạt, nền tư-pháp Việt-Nam đã tiến một bước dài. Luật Hồng-Đức đến nay đã được coi là một sự vẻ-vang cho dân-tộc chúng ta và tuy bộ luật này được cấu-tạo dưới thời quân-chủ và phong-kiến mà dân-quyền, nhất là nữ-quyền không đến nỗi bị bỏ quên hay thiệt thòi quá đáng nếu so-sánh với nền luật-pháp của nhiều quốc-gia khác trên thế-giới, ngay cả gần đây. Tới thế-kỷ XIX, nhà Nguyễn ra đời, luật-pháp Việt-Nam đi sang một chỗ rẽ : nhà Nguyễn thay đổi nền pháp-chế cố-hữu của nước nhà tuy là nói theo luật Hồng-Đức nhưng trong khi đó ông Nguyễn văn-Thành (1) đã chép gần nguyên-văn bộ luật của nhà Thanh là một dị-tộc vào thống-trị Trung-Quốc.

Với bài biên-khảo dưới đây chúng tôi có mục-đích trình-bày một cách tổng-quát lịch-trình tiến-triển của nền pháp-chế

---

(1) — Năm Tân-Mùi (1811) vua Gia-Long sai Nguyễn văn-Thành làm Tổng-tài để soạn ra sách luật gồm 22 quyển, có 398 điều. Bộ luật này được in và phổ-biến vào 4 năm sau.

Việt-Nam và nêu ra ít nhiều đặc-điểm của nó để bạn đọc có thể ý-thức về luật-pháp của mỗi triều-đại trên phương-diện tổ-chức và lý-thuyết.

Việt-Nam có luật-pháp tự bao giờ ?

Trong *Việt-sử tân-biên* quyển I (trang 194 dòng 17) chúng tôi đã nói Mã-Viện sau khi dẹp được nhà Trưng có dâng sớ về Hán-Triều xin ban bố một chế-độ luật-pháp riêng biệt cho người Việt.

Ông Vũ-văn-Mẫu, giáo-sư luật-học trong cuốn *Khảo-luận về luật-pháp Việt-Nam* có nhắc rằng dưới đời Hai Bà Trưng đã có luật-pháp soạn thành văn để áp-dụng vào việc trị dân trong nước. Luật-pháp đời Trưng thế nào, nay không ai kiếm ra được tài-liệu, nhưng giáo-sư Vũ-văn-Mẫu đã phê bình rằng : ngay từ đầu kỷ-nguyên Tây-lịch nước ta đã có luật-pháp soạn thành văn, đó là một điều đáng hãnh-diện nếu nghĩ rằng nhiều nước Âu-châu, nhất là nước Pháp đến thế-kỷ 15 vẫn chưa có gì đáng kể về vấn-đề này vì thuở ấy mỗi trạm đổi ngựa là một nơi có luật-pháp riêng và phong-tục riêng. Kế tiếp là một ngàn năm Bắc-thuộc chúng ta bị đặt dưới chế-độ luật-pháp của người Hán và chịu ảnh-hưởng rất nhiều của chế-độ luật-pháp đời Đường. Kể từ thời tự-chủ là từ đời Ngô, Đinh, Lê (Tiền-Lê) đến Hậu-Lý, chúng tôi không thấy nói đến việc thiết-lập luật-pháp. Có lẽ từ thế-kỷ 10 đến thế-kỷ 13 là giáp đời Trần, ta chưa tự-túc về pháp-chế, hoặc-giả trong các thời đó triều-đình của ta có thể vẫn thi-hành luật-pháp của Tàu chăng ? Và có điều rõ-rệt từ Đinh qua Lý, chế-độ tư-pháp của ta chịu ảnh-hưởng của tôn-giáo và đạo-đức nhiều, mặc dầu đời Đinh đặt vạc dầu và chuồng cọp tại triều-đường để thị-uy với những lực-lượng phiến-động còn thoi thóp.

Với triều đại nào ta có các tổ-chức tư pháp ?

Nhà Trần lên thay nhà Lý thì chánh-quyền thuở ấy đã nghĩ ra việc xây dựng một nền công-lý riêng cho xã-hội Việt-Nam mà ta thấy có một vài sáng-kiến đáng kể là đặc-biệt.

DƯỚI ĐỜI TRẦN (1225—1400) Trong *Việt-sử Tân-biên* quyển 2, trang 138 chúng tôi đã nêu ra một số điều luật-pháp đã áp-dụng từ triều vua Thái-Tông, nhưng việc tổ-chức các cấp tư-pháp đời bấy giờ thế nào chúng ta chưa rõ lắm như với các triều sau này. Dầu sao chúng tôi cũng có cảm-tưởng rằng nền tư-pháp dưới đời Trần có lẽ đã được tổ-chức khá hoàn bị tới các hạ-tầng cơ-sở của quốc-gia, nhờ vậy đời Trần đã là một đời thịnh-trị luôn một thế-kỷ.

Thời bấy giờ là bắt đầu đặt chức Hình-độ Thượng-thư để trông coi việc hình-án toàn-quốc. Dưới triều vua Trần Nhân-Tông 1279—1293, Hình-bộ Thượng-thư là Nguyễn-Thuyên tức Hàn-Thuyên.

Về cuối đời nhà Trần, dưới triều vua Trần Thuận-Tông (1388-1398) việc tổ-chức tư-pháp được chú-trọng hơn các triều vua trước. Sở-dĩ được như vậy, là nhờ ở sáng-kiến của vị tướng-quốc lỗi-lạc lúc bấy giờ là Hồ Quý-Ly. Theo sử thì hồi đó, nước ta chia làm Lộ, Phủ, Châu, Huyện. Lộ coi Phủ, Phủ coi Châu, Châu coi Huyện. Lộ nào cũng phải có một tập sổ sách ghi các việc án-từ đã xét xử. Theo lệ thì cuối năm quan cai-trị mỗi Lộ phải đệ sổ đó về Kinh để triều-đình tiện việc kiểm-soát. Căn-cứ vào tài-liệu này, ta nhận thấy rằng riêng về phương-diện tư-pháp, chánh-sách trung-ương tản-quyền *(déconcentration)* đã được áp-dụng, nói một cách khác là nhà vua san xẻ quyền tư-pháp của mình cho đại-diện ở các địa-phương, nhưng để tránh các sự lạm-dụng mới đặt ra thể-lệ kiểm-soát như vừa thấy trên.

DƯỚI ĐỜI NHÀ HỒ (1400—1407) Hồ Quý-Ly tiếm ngôi nhà Trần và dựng nên nhà Hồ. Trong Sử không có tài-liệu gì chứng tỏ là có sự thay đổi trong tổ-chức các pháp-đình, có lẽ các tổ-chức tư-pháp cũ dưới đời vua Trần Thuận-Tông vẫn được giữ nguyên.

THỜI-KỲ NỘI-THUỘC NHÀ MINH (1407—1413) Nhà Minh mượn tiếng *Phù Trần, diệt Hồ*, đã manh-tâm đặt lại nền thống-trị tại nước ta. Vì vậy chế-độ quận, huyện lại được ra đời,

Hồi đó nước ta chia làm 17 phủ. Các quan nhà Minh đặt ra ba ty là Bố-Chánh Ty, Án-Sát Ty và Chưởng-đô Ty. Án-Sát-ty coi việc kiện-tụng trong nước. Ta không rõ các tòa án cấp dưới được tổ-chức như thế nào. Theo các tài-liệu hiện còn có thể tra cứu được thì hồi đó trong toàn quốc có tất cả 472 nha môn trông coi cả việc hành-chánh lẫn việc tư-pháp, Thượng-thơ người Tàu là Hoàng-Phúc trông coi cả Bố-chánh-ty lẫn Án-sát ty. Điểm này chứng tỏ rằng dưới thời đó tư-pháp vẫn không được biệt-lập với hành-chính.

DƯỚI ĐỜI NHÀ LÊ (1428-1646). Dưới triều vua Lê-Thái-Tổ (1428-1433) hình-luật được phỏng theo hình-luật nhà Đường bên Trung-Hoa, nhưng sử không chép rõ dưới quyền đời vua sáng nghiệp nhà Lê đó, các pháp-đình được tổ-chức như thế nào ?

Dưới triều các vị vua kế nghiệp vua Lê-Thái-Tổ, như vua Lê-Thái-Tông (1434-1442) và vua Lê-Nhân-Tông (1443-1459) ta cũng không tìm được tài-liệu chứng tỏ một cách đích-xác cách tổ-chức tư-pháp thời đó. Ta chỉ được biết một cách sơ-lược rằng về đời vua Lê Nhân-Tông, trong mấy năm mà bà Hoàng-Thái-Hậu chấp chánh có ban bố 14 điều Hộ-luật và tố-tụng. Có lẽ qua các điều luật tố-tụng nói đây, ta có thể biết được đôi chút về cách thức tổ-chức các pháp-đình cùng là các cấp bậc tố-tụng nhưng vì những sách vở biên chép các điều luật này bị thất lạc cả, nên ta không rõ nội-dung các điều luật này ra sao.

DƯỚI ĐỜI VUA LÊ THÁNH-TÔNG (1460-1497). Lúc bấy giờ nước ta sống trong cảnh thái-bình thịnh - trị, văn - trị của triều vua đó đã có tiếng lừng lẫy mà võ-công cũng hiển-hách không kém. Nhà vua là một vị minh-quân hiếm có, đã lưu-tâm chấn-chỉnh nền nội-trị trong nước. Cũng vì vậy mà cách tổ-chức tư-pháp thời đó đã được đặc-biệt chú trọng tới. Ngoài việc ban-bố một bộ luật còn lưu-truyền đến tận nay, bộ luật *Hồng-Đức*, nhà vua cũng chú trọng cả đến cách tổ-chức tư-pháp. Hồi đó nước ta chia làm 12 đạo, đạo chia ra Phủ. Phủ chia ra

huyện hoặc Châu ; dưới Huyện, Châu là Xã. Tòa Đô coi việc binh, tòa Thừa coi việc hành-chánh còn tòa Hiến coi việc Hình Án. Đứng đầu tòa Hiến có 2 vị quan : Hiến-sát chánh-sứ, phó-sứ. Tuy về sau Đạo được đổi tên gọi là Xứ, nhưng tòa Hiến cũng như tòa Đô và tòa Thừa vẫn được giữ lại. Hồi đó trong nước ta có 52 phủ, 172 huyện, và 50 châu. Các quan Phủ, Huyện, Châu đều có quyền xét xử các hình-án cả. Cứ xét như vậy thì dưới đời vua Lê Thánh-Tông các tòa án cấp dưới là các tòa án lập ở Phủ, Huyện hay Châu, còn các tòa án cấp trên ở mỗi Đạo là tòa Hiến. Tuy vậy ta không được biết đích-xác trên tòa Hiến còn có tòa án cao cấp nào nữa không ? Tòa án đó được đặt ở đâu, mang danh là gì, cách thức tổ-tụng như thế nào ? Dưới đời các vua kế nghiệp vua Lê Thánh-Tông như Lê Hiến-Tông, Lê Túc-Tông, Lê Tương-Dực, Lê Chiêu-Tông, Lê Cung-Hoàng rồi đến đời vua Lê Thần-Tông tức là đến năm 1649, sử không nói rõ các tổ-chức pháp-đình có được sửa đổi về điểm nào không ?

Theo ý chúng tôi, có lẽ các tổ-chức cũ dưới đời vua Lê Thánh-Tông vẫn được giữ nguyên.

TỪ VUA LÊ THẦN-TÔNG CHO ĐẾN HẾT ĐỜI LÊ (1649-1788). Vua Lê Thần-Tông trị vì từ 1649 đến 1662. Chính dưới đời ông vua này và các vua sau, các tổ chức tư-pháp nước ta đã tiến được một bước dài so với các triều vua Lê trước. Nói thật ra, thì những sự cải-cách đó sở-dĩ thực-hiện được cũng là nhờ ở sáng-kiến của các chúa Trịnh thời đó, nhứt là Tây-đô Vương Trịnh-Tạc.

Cách tổ-chức các thẩm cấp tố-tụng thời bấy giờ như thế nào ? Theo các tài-liệu hiện sưu-tầm được thì thời đó các thẩm cấp tòa án được ấn-định như sau

1 — Tòa đệ-nhất cấp là Tòa án cấp dưới cũng do các quan Huyện phụ-trách.

2 — Tòa đệ-nhị cấp đặt ở mỗi phủ và do quan Phủ chủ-tọa.

3 — Tòa đệ-tam cấp đặt ở mỗi đạo gọi là Thừa-ty.

Thừa-ty thật ra không phải là một pháp-đình chuyên-môn riêng biệt mà chỉ là một cơ-quan hành-chánh có nhiệm-vụ điều khiển các công việc hành-chánh ở đạo và kiểm-soát sự hoạt-động của các cơ-quan hành-chánh cấp dưới là Phủ và Huyện. Cơ-quan này, vì coi cả công việc hình-án nữa và có thẩm-quyền phúc lại các bản án do các Tòa án Phủ hay Huyện tuyên xử, nên được coi như là một Tòa án ở cấp Đạo. Đứng đầu Thừa-Ty là quan Thừa Chánh-Sứ (trật từ tam-phẩm). Các viên giúp việc Thừa chánh-sứ gọi là Tham-chính (chức quan trật ngũ phẩm) Tham-nghị (chức quan trật ngủ phẩm) Chủ-sự và Thôi-quan.

4 — Toà đệ-tứ cấp gọi là Hiến-Ty cũng được đặt ở cấp Đạo.

Giống như Thừa-Ty, cơ quan nầy thật ra không phải là một pháp-đình chuyên-môn. Đó là một cơ-quan hành-chánh có nhiệm-vụ kiểm-soát công việc của tất cả các cơ-quan hành-chánh và tư-pháp trong Đạo. ngay cả công việc làm của Thừa-Ty tuyên xử. Đứng đầu Hiến-Ty là một vị quan gọi là Hiến-sát-sứ, Có một điểm đặc-biệt đáng để ta chú ý tới là phẩm-trật của vị Hiến-sát-sứ, thấp hơn phẩm trật của vị Thừa-chánh-Ty (vị Thừa-Chánh-sứ như chúng tôi đã có dịp nói ở trên là một vị quan trật tam-phẩm)

5 — Tòa phúc-thẩm ở mỗi Đạo gọi là Tòa Giám-sát, có một vị quan đứng đầu gọi là quan giám-sát. Tòa án này có quyền phúc lại tất cả các bản án do các Tòa án dưới trong Đạo đã tuyên xử như Hiến-Ty, Thừa-Ty phủ nha và huyện nha.

6 — Tòa án cao cấp nhất trong nước gọi là Ngự-sử đài gồm có các quan Ngự-sử đóng ở kinh-đô.

Thật ra Ngự-sử đài cũng chưa hẳn đã là tòa án cao cấp

nhất trong nước ta. (1) Về cuối đời Lê, theo một Chỉ-dụ năm Vĩnh-Thịnh thứ 14 (1718) của vua Lê Dụ-Tông thì ngay đối với những bản án của Ngự-sử đài tuyên xử, đương-sự nếu bất phục tình vẫn có quyền xin tái thẩm những vụ án nầy lên Ngũ-Phủ, Phủ-Liêu.

Những pháp-đình mà chúng tôi vừa nói tới đây là những tòa án có quyền xét xử cả các việc kiện mà ngày nay chúng ta gọi là việc Hình và việc Hộ.

Nhưng cũng có những cơ-quan, hoặc nhà chức-trách chỉ có quyền xét xử riêng các việc hộ hoặc riêng các việc hình mà thôi. Đó là các xã-trưởng, cũng như hồi Pháp thuộc, vị Đề-Lĩnh ở Kinh-đô, các vị Trấn-thủ đóng ở các Đạo và các Lưu-thủ đóng ở các Phủ, Huyện. Xã-Trưởng chỉ có quyền xét các việc hộ còn các vị Đề-lĩnh, Trấn-thủ và Lưu-thủ là các chức quan trông coi công việc trị-an ở Kinh-đô, ở các Đạo, và các Phủ, Huyện chỉ có quyền xét xử các vụ cướp, trộm, làm chết người.

Muốn biết rõ quyền hạn của mỗi cấp bậc Tòa án vừa nói

---

(1) — Tuy vậy Ngự-sử đài vẫn là một cơ quan tối cao và quan-trọng nhất như một nha Tổng Thanh-tra Hành-chánh và Chánh-trị ngày nay, trên có quyền can vua, dưới có quyền kiểm-soát bộ máy triều-đình ra tới ngoài dân dã. Có thời cơ-quan này với nhiệm-vụ nói trên còn gọi là Đô-sát-viện. Trên nguyên-tắc nó là một cơ-quan đặt ra tuy đối-lập với chánh-quyền nhưng để cải-thiện chánh-quyền,

Về việc kiện tụng nhà vua còn cho phép dân đánh trống ngoài cửa Ngọ-Môn hoặc đón vua ở các cuộc du-hành để đệ đơn khiếu-oan. (Tất nhiên nếu dân lạm dụng lòng tốt của nhà vua thì không khỏi bị nghiêm trị).

Như vậy vào thời quân-chủ và phong-kiến độc-tôn, tinh-thần dân-chủ của các nhà đương-đạo không phải là mất hẳn.

trên đi tới đâu, theo ý chúng tôi, ta chỉ cần căn-cứ vào Chỉ-dụ năm Cảnh-Trị thứ tư, đời vua Lê Huyền-Tông (1666).

Chỉ-dụ này đặt ra các thể-lệ duyệt xét sổ sách cùng các án-văn và ấn-định rõ-ràng là cứ đến cuối năm thì Ngự-sử đài ở Kinh-đô có nhiệm-vụ duyệt lại sổ sách cùng các án-văn của Tòa Giám-sát ở các Đạo trong nước. Tòa Giám-sát của mỗi Đạo về phần mình cũng phải làm công việc duyệt-soát đó đối với các Hiến-Ty có quyền duyệt-soát công việc sổ sách án từ của Thừa-Ty: Thừa-Ty có quyền duyệt-soát công việc sổ sách của Phủ nha; Phủ nha có quyền này đối với các Huyện nha; còn các Huyện nha còn có quyền duyệt lại sổ sách của các Xã-trưởng thuộc Huyện mình; Chỉ-dụ nói rõ là các xã-trưởng phải kê trình Huyện nha rõ việc đã xét xử xong rồi và số việc chưa xét xử xong trong năm vừa qua. Không những cách tổ-chức các pháp-đình được ấn-định rõ-ràng mà cả các thể-thức đệ đơn khiếu-nại, cách thức điều-tra và xét-xử các việc tranh-tụng, cách-thức kháng-tố các bản án v. v... cũng đã được quy-định một cách rất minh bạch.

THỂ LỆ TỐ-TỤNG VÀ CÁCH THỨC XÉT XỬ

CÁCH-THỨC ĐỆ ĐƠN KIỆN.— Người dân khi đệ đơn thưa kiện về một về một việc gì ở trước các nha-môn, bất luận ở cấp-bậc nào, phải làm tờ cam-đoan xin chịu trách-nhiệm nếu lời khiếu nại không đúng sự thật — (Dụ Dương-Duệ thứ ba đời vua Lê Gia-Tông 1674): Kẻ man khiếu nại có thể bị trừng-phạt rất nặng: bị xử-tử nếu xét ra vu-cáo cho người khác phạm tội đạo kiếp (án mạng chẳng hạn).

CÁCH-THỨC XÉT-XỬ CÁC VỤ KIỆN.— Theo Chỉ-dụ năm Minh-Trị nguyên niên 1676, đời vua Lê Hi-Tông thì các vụ tranh tụng được chia làm 3 loại: các việc kiện thường mệnh-danh là tạp-tụng, các vụ án mạng (có người chết) và các vụ cướp, trộm làm chết người (đạo kiếp sinh án mạng).

a) Các việc tạp-tụng gồm có các việc về hôn nhơn, tranh

ruộng đất, và các việc hộ khác. Cơ-quan có quyền xét xử lần đầu tiên các vụ này là các xã-trưởng rồi đến các quan Huyện và các quan Phủ, nếu đương-sự không phúc-trình bản-án của Phủ Nha, Thừa-Ty sẽ phúc thẩm lại lần thứ nhất, rồi đến Hiến-Ty sẽ phúc-thẩm lần thứ nhì. Đương sự có quyền xin thượng tố bản-án của Hiến-ty vào Ngự-sử đài tuyên xử có tính cách chung thẩm.

b) Về các vụ án mạng (giết người) công việc điều tra và xét xử phải làm theo các thể-thức sau các quan Phủ và quan Huyện, có các chức-dịch Tổng và Xã phụ lực, phải hội-đồng với nhau để khám-nghiệm và xét xử. Tờ trình kết-quả công việc khám nghiệm và xét xử, Phủ nha phải đệ lên Hiến-ty và Thừa-ty. Thừa-ty xét lại trước tiên rồi đến Hiến-ty duyệt lại lần thứ nhì. Bút-lục vụ kiện sẽ được chuyển đệ Tòa Giám-sát ở Đạo. Nếu đương-sự xin thượng tố bản-án của Hiến-ty, Tòa Giám-sát sẽ xét toàn-thể vụ án, rồi tuyên án sau.

VỀ CÁC VỤ ĐẠO KIẾP CÓ ÁN MẠNG.— Các vụ cướp trộm làm chết người. Tòa-án có quyền xét xử các vụ này như chúng tôi đã có dịp nói ở trên, không phải là các tòa-án thường mà lại là các quan Đề-Cảnh, các quan Trấn-thủ, và các quan Phủ Huyện. Nếu không phục tùng bản án do các vị quan nói trên tuyên xử, đương-sự có quyền thượng-tố lên Hiến-ty (nhưng ta cần phân biệt như sau: là nếu vụ án mạng phát sinh ra tại kinh-đô, cơ-quan được xét xử đầu tiên là quan Đô-lãnh, còn cơ-quan có quyền phúc lại vụ án khi có sự khiếu nại của đương-sự là tòa Giám-sát tại Đạo có thẩm quyền đối với quan Đô-Lãnh). Thời hạn xét xử các vụ kiện cũng được ấn định rõ-ràng, mục-đích cốt để ngăn ngừa các pháp-đình không được kéo dài công việc điều tra và xét xử các việc kiện tụng. Theo Đạo-dụ năm Chánh-Hòa thứ tám, tức 1687 đời vua Lê Hi-Tông thì thời hạn xét xử các việc án mạng dài nhất chỉ có thể là 4 tháng, các việc đạo, hiếp, tranh-tụng điền-thổ là 3 tháng, còn các việc hộ, hôn nhơn, ẩu đã là 2 tháng

Năm 1694 dụ của Lê Hi-Tông có sửa đổi lại thể-lệ xét xử các

vụ kiện. Khác với khi trước, các vụ kiện không do một vị phán quan độc nhất xét xử nữa mà do một hội-đồng gồm ít nhất 2 vị phán quan xét xử. Đó là lần đầu tiên trong lịch-sử tư-pháp nước ta, mà nguyên-tắc hội đồng thẩm-phán (principe de la collégialité de juge) được nhà vua chính thức áp-dụng trong công việc xét xử các vụ kiện.

Về các việc hộ, hôn nhơn, tranh chiếm ruộng đất, cách thức xét xử như sau

Xã-trưởng xét xử trước tiên bất-luận việc quan-trọng hay không, các quan Phủ và quan Huyện sẽ hỏi lại để xét xử lần thứ nhì nếu được sự khiếu nại. Thừa-Ty và Hiến-Ty sẽ hội họp để phúc lại bản án của hai quan Phủ và Huyện nếu đương-sự bất phục tòng bản án này. Cơ-quan có quyền xét xử lần cuối cùng tất cả các việc nói trên, và bản án có tánh cách chung thẩm nghĩa là không thể sửa đổi lại được, là Ngự sử-đài ở Kinh-đô.

Chỉ-dụ năm 1694 của vua Lê Hi-Tông không nói gì đến các vụ giám-sát ở các Đạo, Lộ cả Ta không rõ trong công việc xét xử các việc hộ hôn-nhơn, tranh chiếm ruộng đất nơi đây, các Tòa Giám-sát có giữ nhiệm-vụ gì không ?

Về các việc án-mạng, nhà vua định rằng công việc khám-nghiệm tử-thi nạn-nhơn phải hết sức nhanh chóng và cẩn-thận, vì vậy tại xã nào xảy ra vụ án-mạng, giết người chẳng hạn, xã-trưởng và chánh tổng phải cùng đến khám-nghiện ngay và đồng thời đệ trình lên quan Phủ hay quan Huyện rõ kết quả công việc khám nghiệm. Các quan Phủ và Huyện phải hỏi lại để cùng điều-tra án mạng này, rồi đệ trình kết-quả cuộc thẩm-cứu lên Thừa-Ty và Hiến-Ty.

Chỉ-dụ năm 1694 của vua Lê Hí-Tông không nói rõ là Thừa Ty và Hiến-Ty khi tiếp nhận được hồ-sơ vụ kiện do các quan Phủ và quan Huyện thẩm cứu xong gởi lên sẽ hội lại để cùng xét xử

và tuyên án, hay là Thừa-ty sẽ xử trước tiên, rồi sau Hiến-ty mới phúc lại bản án khi được sự thỉnh cầu.

Do Chỉ-dụ năm 1694 cũng không nói rõ gì đến cách thức điều-tra và xét các vụ trộm cướp gây thành án mạng cả, có lẽ thủ-tục cũ vẫn thi-hành.

Về cuối đời nhà Lê, dưới triều vua Lê Dụ-Tông (1718) muốn chống các bản án do các Tòa-án cao cấp nhứt ở các Đạo, Lộ tuyên xử như các Trấn-Thủ, Hiến-Ty, Thừa-Ty, đương-sự có quyền đệ đơn khiếu nại lên Ngự-sử đài ở Kinh-đô. Ngự-sử đài sau khi nhận được đơn khiếu, sẽ bắt đương-sự phải làm tờ cam đoan xin chịu hết trách nhiệm về lời kháng án của mình, rồi giao cho vị giám-sát ở Đạo (nơi xảy ra vụ kiện) để điều-tra lại việc đó, xem sự thực như thế nào? Sau khi điều-tra xong, vị giám sát ở Đạo sẽ trình lên Ngự-sử đài kết-quả công việc điều-tra để cơ quan này tiện việc phúc lại bản án. Nhưng quyết-định của Ngự-sử đài cũng chưa hẳn là có tánh cách nhứt định vì theo Chỉ-dụ năm Vĩnh-Thịnh thứ 14 (1718) dưới đời vua Lê Dụ-Tông thì Ngũ-Phủ, Phủ-liêu có quyền tái thẩm lại vụ kiện. Và chỉ riêng những quyết định của Ngũ-Phủ, Phủ Liêu mới có tánh cách chung-thẩm không thể sửa đổi lại được nữa. Điều nên biết thêm là chúng ta không rõ Ngũ-Phủ, Phủ-Liêu đây được tổ-chức thế nào, khi tái thẩm các bản án của Ngự-sử-đài.

Nhưng chúng ta chỉ được biết Phủ Liêu là một danh từ để gọi các phòng giấy tại Phủ chúa Trịnh. Theo sử thì hồi cuối đời Lê, các chúa Trịnh vì muốn chuyên quyền nên bên cạnh triều-đình và Lục bộ Thượng-Thơ của nhà vua có đặt ra Phủ Liêu và Lục Phiên. Các vị quan làm việc tại Phủ Liêu và Lục Phiên, đều thuộc quyền trực tiếp của chúa Trịnh. Công việc của triều-đình và của Lục-bộ không có gì quan trọng cả. Trái lại, công việc của Lục Phiên và Phủ Liêu quan trọng vô cùng, vì quyền quyết-định về mọi việc lớn nhỏ trong nước đều thuộc về chúa Trịnh chớ không thuộc về nhà vua. Vì thế có lẽ Ngũ Phủ, Phủ Liêu chỉ

là một danh-từ dùng để chỉ các cơ-quan đặt tại Phủ Chúa và có nhiệm-vụ tái thẩm các bản án của Ngự-sử-đài khi có sự kháng-tố của đương-sự.

Trong các thể lệ tố-tụng thời bấy giờ, ta có thể nhận thấy một vài thể lệ có mục-đích bảo-vệ quyền tự do cá-nhân. Đại-khái như sau

Vị quan nào giữ công việc hành án mà xét xử không được minh mẫn, hoặc trễ nải trong công-vụ, sẽ bị giáng một trật, hoặc được phép nộp tiền phạt để chuộc lỗi.

Theo một Chỉ-dụ năm Cảnh-trị thứ ba (1665), đời vua Lê Huyền-Tông thì cách thức nộp tiền phạt nói trên được ấn-định rõ ràng như sau :

— Nếu vị quan có lỗi là quan nhất phẩm, tiền phạt là 100 quan tiền. Nếu là quan nhị phẩm tiền phạt là 75 quan.

— Còn nếu quan tam phẩm tiền phạt là 50, quan tứ phẩm tiền phạt 30 quan, ngũ phẩm phạt 25 quan, lục và thất phẩm 20 quan, bát, cửu phẩm phạt là 15 quan.

Chỉ-dụ không nói rõ là cơ-quan nào có quyền xét đoán cách xử-kiện các vị quan có lỗi đó ? Nhưng theo cách tổ chức tư-pháp vừa nói ở đoạn trên ta có thể phỏng-đoán rằng quyền xét đoán này thuộc Tòa-án cấp trên khi duyệt lại sổ sách án-văn hàng năm của các tòa án cấp dưới. Đại-khái quan Phủ có quyền xét đoán công việc làm về phương-diện tư-pháp của quan Huyện, còn Thừa-ty có quyền xét đoán công việc là của Phủ nha. Hiến-ty có quyền này đối với Thừa-ty v. v... (Một phần của bài này trích trong phụ-trương Nhật-báo Tin-Mai từ số 56 ra ngày 4-11-1954).

MỘT VÀI NHẬN XÉT VỀ TÌNH TRẠNG PHÁP-CHẾ VIỆT-NAM

Trước vấn đề này ông Vũ-Quốc-Thông giáo-sư trường

Luật-khoa Đại-học Hà-Nội có bài khảo-luận khá đầy đủ đăng trong *Phổ-thông* số 7 (tháng 4 năm 1952 xuất bản tại Hà-Nội) trang 48-54 gồm nhiều nhận xét khá xác đáng như sau :

1) *Điểm thứ nhất.*— Chế-độ tư-pháp của nước ta cho tới thời Trung-Cổ đã chịu ảnh-hưởng khá sâu-xa của nền văn-hóa Trung-quốc.

Cũng như ở Trung-Hoa, nguyên-tắc tập quyền về phương diện chính-trị đã được áp-dụng một cách triệt để. Hoàng-đế không những là vị lập-pháp tối cao mà cũng là vị phán-quan cao nhất trong nước. Các vị quan trông coi việc kiện-tụng trong nước chỉ là những người đại-diện của nhà vua mà thôi. Chính vì lẽ đó mà thời bấy giờ nguyên-tắc tư-pháp biệt-lập với hành-chính không được thừa nhận và cũng như nước Trung-Hoa, nước ta không có một ngạch phán quan riêng biệt như các nước dân chủ Âu-Tây vào cuối thế-kỷ thứ 18.

2)— *Điểm thứ nhì.*— Tuy nhiên các tổ-chức các pháp đình cũng như các thể lệ tố tụng càng ngày càng hoàn bị, nhất là từ cuối đời nhà Lê trở đi, tức là từ khoảng giữa thế-kỷ thứ 17 cho tới cuối thế-kỷ thứ 19 trước khi nước Pháp đặt nền bảo-hộ tại nước ta. Các thẩm cấp tố tụng đều được quy định rõ ràng. Các thể lệ kháng cáo cũng vậy.

3) — *Điểm thứ ba.*— Các pháp-đình thời đó có quyền xét xử tất cả các hạng người trong nước, kể cả các ngoại-kiều Trung-Hoa sang buôn bán, lập nghiệp ở nước ta. Sở dĩ thẩm-quyền của các pháp-đình rộng rãi như vậy, là vì nước ta thời đó là một nước « độc lập thực sự », có chủ-quyền đối nội cũng như đối ngoại một cách toàn vẹn (1).

---

(1) — Tuy thời đó nước ta ngoài mặt vẫn giữ lệ triều cống nước Trung-Hoa, và giữ bổn phận một nước chư hầu, nhưng về thực-tế thì nước Trung-Hoa không có quyền can thiệp vào công việc nội-trị của ta.

4) — *Điểm thứ tư.*— Các vị vua nước ta thời đó nhất là từ giữa thế-kỷ 17 trở đi đã chú trọng đến việc bảo đảm quyền-lợi của các đương-sự chống với các độc đoán hoặc nhầm lẫn của các phán quan (đại khái thể lệ kháng cáo ở dưới đời vua Thần-Tông, và ở dưới triều Nguyễn chẳng hạn).

Sau khi đã lược xét cách tổ-chức nội-bộ cùng sự hoạt-động của các pháp đình nước ta trước thời Pháp thuộc, ông Vũ Quốc-Thông có bàn về việc áp-dụng luật-pháp của các tòa-án Việt-Nam như sau :

NHÀ CẦM QUYỀN VIỆT-NAM ÁP-DỤNG LUẬT-PHÁP THẾ NÀO ?

a) Trong thời kỳ nước ta bị nội thuộc nước Tàu, các nhà cầm quyền Trung-Hoa sang cai-trị bên ta, đã thi hành chính sách đồng-hóa. Lẽ dĩ-nhiên, luật-pháp áp-dụng trước các pháp-đình thời đó phải là luật-pháp Trung-hoa. Hiện thời vì thiếu tài liệu để kê cứu kỹ càng nên ta không thể biết đích xác là luật pháp đó một khi được áp dụng tại nước ta có bị sửa đổi lại đôi chút cho hợp với phong-tục, tập-quán của dân ta không, và sửa đổi như thế nào ? Sử chép rằng khi vua Đinh Tiên-Hoàng thống nhất được lĩnh thổ, dựng nên nhà Đinh có phỏng theo chế-độ bên Trung-Quốc mà xếp đặt công việc triều-chính. Luật-pháp áp-dụng trước các pháp-đình thời đó được quy định như thế nào, các sử-gia đầu tiên của chúng ta không cho ta biết mà chỉ nói một cách sơ-lược rằng : Hình phạt về thời ấy rất nghiêm khắc, như kẻ có tội thường bị bắt bỏ vạc dầu hoặc ném cho hổ, báo ăn thịt. Vạc dầu đặt ngay trước sân điện nhà vua, hổ báo nuôi ngay trong vườn Thượng-uyển của nhà vua. Theo ý chúng tôi, có lẽ hình phạt thời đó nghiêm khắc như vậy, cũng chỉ vì loạn sứ-quân mới dẹp yên xong, muốn củng-cố địa vị chính-trị của mình, vua Đinh Tiên-Hoàng cần phải dụng uy bằng cách đặt ra các hình phạt thảm khốc như trên.

b) Đến đời nhà Lý, ảnh-hưởng của Phật-học rất mạnh (vị vua khai sáng triều Lý, ông Lý Công-Uẩn, theo sử, là con nuôi

nhà sư, còn các vị vua sau đều sùng đạo Phật cả), hơn nữa, tình hình trong nước đã được yên ổn, vì vậy các vị vua nhà Lý đã nhận thấy cần phải ban bố luật-pháp để ngăn giữ sự độc-đoán của các vị quan coi việc hình án.

Theo sử, thì năm Nhâm-Ngọ (1042), Vua Lý Thái-Tông cho soạn một bộ luật gọi là *Lý-Triều hình-thư* gồm ba quyển định các bậc hình phạt, các cách tra hỏi phạm nhân, cùng là đặt ra lệ cho chuộc tội bằng tiền. Bộ *Hình-thư* này về sau bị thất lạc thành thử muốn khảo cứu kỹ lưỡng về luật-pháp áp-dụng trước pháp-đình đời Lý ta đã gặp rất nhiều sự khó khăn. Tuy nhiên, chúng ta có thể biết đại khái rằng mục-đích của bộ *Hình-Thư* là ngăn giữ các quan coi việc kiện tụng không thể tự-do xử phạt phạm nhân một cách nghiêm-khắc quá ; cũng vì vậy mà lệ chuộc tội bằng tiền đã được ban bố : kẻ phạm nhân bị xử phạt tù có quyền nộp tiền chuộc tội để khỏi bị giam cầm. Tuy nhiên muốn cho luật-pháp được kính sợ, triều Lý đã phân biệt rõ trường hợp nào phạm nhân không được hưởng lệ khoan-hồng này. Theo bộ *Hình-thư* thì đặc-ân cho chuộc tội bằng tiền này không thể ban cho những phạm nhân nào can vàomột trong mười tội ác kể sau, gọi là thập ác :

1) Mưu bạn : tức là mưu làm hại xã tắc.

2) Mưu đại nghịch : tức là tội phá hủy lăng, miếu của nhà Vua.

3) Mưu phản tức là theo nghịch mà phản quốc.

4) Ác nghịch tức là đánh đập hay mưu giết hại ông, bà, cha mẹ.

5) Bất đạo tức là giết ba người vô tội trong một họ hay cắt da thịt người sống để làm bùa, thuốc.

6) Đại bất kính tức là thất kính đối với nhà vua, như ăn trộm đồ tế tự trong lăng, miếu của nhà vua, hay các đồ dùng của nhà vua.

7) Bất hiếu, chửi mắng, oán trách cha, mẹ, ông, bà, không để tang cha mẹ, ông bà.

8) Bất mục tức là mưu giết hay đem bán những người trong họ mà mình phải chịu tang.

9) Bất nghĩa tức là tội của người dân giết quan phụ mẫu, tội của người học trò giết thày học mình, tội của binh lính giết các quan tướng.

10) Nội loạn tức là tội loạn dâm, loạn luân.

Bộ *Lý-Triều Hình-thư* như ta vừa nhận thấy ở trên có lẽ chỉ quy-định các điều-luật Hình mà thôi. Về luật Hộ, với các tài-liệu hiện sưu-tầm được, ta có thể nói rằng mãi đến dưới đời vua Lý Thần-Tông, tức là vào khoảng đầu thế-kỷ thứ XII (1128-1138), mới đặt ra thể lệ về việc mua bán và xét xử các vụ tranh-chấp về ruộng đất. Những thể lệ đó như thế nào ta không được rõ. Ta chỉ biết rằng vua Lý Thần-Tông đã phải dáng Dụ hai lần để quy-định các thể lệ nói trên. Có lẽ *Luật Hộ* của xã-hội Việt-Nam ta manh-nha từ thời bấy giờ.

c) Đến đời nhà Trần. Sau khi giành ngôi của nhà Lý, giết hại các tông thất nhà Lý, và muốn cho dân-chúng trong nước khỏi tưởng nhớ đến triều vua cũ, vua Trần Thánh-Tông (1258-1278), đã ban-hành một bộ luật mới để thay thế cho bộ *Lý-Triều Hình-Thư*. Bộ luật này mệnh danh là *Quốc-Triều Hình-Luật*. Trái với hình luật triều Lý, luật-pháp qui-định trong bộ luật mới này rất là nghiêm-khắc. Đại khái, người phạm tội ăn cắp có thể bị chặt chân, tay, hay vứt cho voi dầy. Theo ý chúng tôi, có lẽ luật-pháp nghiêm-khắc như vậy cũng chỉ vì nhà Trần đã dành ngôi vua của nhà Lý, muốn củng-cố địa-vị, nhà cầm quyền cần phải dụng uy trước đã. Nhưng có lẽ cũng vì nước ta vừa trải qua một thời kỳ loạn lạc vào cuối đời nhà Lý, phong hóa suy-vi, số người phạm tội tăng lên nhiều, muốn chấn chỉnh lại luân-lý cương-thường, việc đặt ra thảm hình để trừng-trị kẻ phạm pháp là một điều cần thiết. Nhưng rất có thể cũng vì ảnh-hưởng của đạo Phật đối với các giới chính quyền không còn sâu xa như dưới các triều vua Lý, nên nhà lập-pháp đã tỏ vẻ bớt từ-bi hơn trước nhiều chăng ?

Bộ Hình luật triều Trần này được áp-dụng trước các pháp đình cho mãi tới đời vua Trần Dụ-Tông (1341-1369) thì được bổ-khuyết thêm bằng một bộ luật mới nữa. Như vậy, luật pháp triều Trần có thể coi như đã được quy-định trong hai bộ luật nói đây. Theo hai bộ luật này thì các hạng phạt dưới đời Trần như sau :

1) ĐỒ : kẻ phạm bị thích chữ vào trán và bắt phải sung vào việc cày cấy các công điền (ruộng công)

2) LƯU : Kẻ phạm bị đem đầy ở châu Ác-Thủy, tỉnh Quảng Yên.

3) TỬ : chết chém (kẻ phạm tội đại nghịch, tức là tội chống lại nhà vua, bao giờ cũng bị xử-tử),

Luật pháp áp-dụng dưới đời Trần có một đặc-điểm đáng để ta lưu ý tới là việc người chủ mất trộm có thể được quan cho phép tự xử phạt kẻ trộm của mình. Ta không rõ trong khi xử phạt như vậy người chủ mất trộm nói đây có được tự quyền ấn định hình-phạt hay chỉ có quyền thi hành bản án của pháp-đình đã tuyên xử đối với kẻ phạm-pháp mà thôi. (Bàn về pháp-chế đời Trần, luật-gia Vũ văn Mẫu nói rằng : « Theo Lê Quý-Đôn, vua Trần Thái-Tông đầu niên-hiệu Kiến-Trung cho nghiên-cứu thể-lệ các đời vua trước để làm thành luật(soạn thành quyển *Quốc Triều Thống Chế* nay không còn). Theo sách « *Cổ sự sao* » của Trần cương-Trung mà Phan huy-Chú đã chép lại (sách này mất rồi) thì luật hình đời nhà Trần rất nghiêm : kẻ trộm cắp, các nô tùy trốn đi khi bị bắt đều phải chặt ngón chân và giao lại cho chủ cũ được toàn quyền định đoạt về sinh mệnh, hoặc cho voi dầy Các hình phạt sở-dĩ nặng như thế để tránh các việc trộm cắp. Một bề căn-cứ vào việc tông tộc nhà Trần lấy lẫn nhau (loạn luân) để kẻ ngoài không chen chân vào được mà nhòm ngó, sinh ra cái họa ngoại-thích thường có trên lịch-sử của Tàu và của ta. Ông cho luật-pháp triều Trần tuy đối-lập với chủ trương của Khổng-Mạnh *(nhân trị)* nhưng cũng không thể coi là phản ảnh của chủ nghĩa *pháp trị*, bởi theo chủ trương của pháp-gia mà Hàn phi-Tử đã biểu-dương được

hết tinh thần, pháp-luật phải tề-nhất và bất di-dịch. Pháp-luật cũng phải là cái hàng rào ngăn giữ các người cầm quyền không được võ-đoán, ức-chế kẻ bị thống-trị, theo tình riêng hay quyền lợi riêng của họ. Nguyên-tắc này các vua nhà Trần coi quá nhẹ, vì chỉ biết ỷ vào bạo-lực để phục-vụ quyền lợi vị-kỷ của dòng dõi.» Ông kết-luận : « Có thể nói luật-pháp triều Trần đã đánh dấu một giai-đoạn suy-đồi trong pháp-chế-sử Việt-Nam bởi Trần triều chẳng theo nhân-trị mà cũng chẳng theo pháp-trị chỉ biết dựa vào bạo lực để phục vụ quyền-lợi cho một triều vua...»

Về phía chung tôi, đứng trên địa-hạt sử-học chúng tôi nghĩ khác : Nếu chỉ nhìn vào các tài-liệu về pháp-chế đời Trần quả nền tư-pháp đời này có điều nghiệt-ngã thật (chúng tôi có nêu các hình phạt đời Trần trong V. S. T. B. quyển 2 trang 138) nhưng vào thực-tế các nhà đương-cuộc thuở ấy không có áp-dụng triệt-để những điều đã được ấn-định trên giấy mực, Trần triều chỉ làm chuyện dơ cao đánh sẽ, hoặc giả vì buổi đầu là giai-đoạn địa-vị hoàng-gia chưa được vững vàng, quốc-gia còn lộn-xộn, các nhà cầm quyền cần ban bố nghiêm-hình để khuất-phục nhân-dân mà thôi cho tới khi lập xong trật-tự mới. Còn nhà Trần thi-hành chế-độ loạn-luân chỉ là để củng-cố cái ngai vàng vừa cướp được, nhưng việc này xét ra cũng chỉ thi-hành có tính-cách nhất-thời và riêng trong họ Trần, lại riêng ở chỗ những người thân nhất của nhà vua, còn dân-chúng có bắt buộc phải theo đâu? Chúng ta có thể quyết-đoán rằng cho tới ngày nay nhà Trần không có để lại một kỷ-niệm xấu-xa nào trên Lịch-sử để nhân-dân phải hờn oán, nghĩa là nhà Trần không hề ngự-trị dân-tộc Việt-Nam bằng những nghiêm-hình, bằng bàn tay sắt. Ngay cả chế-độ gia-đồng của Trần-triều lập ra cũng không bóc lột dân đen như ta tưởng. Tóm lại nhà Trần về mọi tổ-chức đều có tính cách cận dân, thân dân và anh em trong nhà đã sống một cách hòa-ái. Hội-nghị Diên-Hồng lập ra trước cuộc xâm-lăng năm Giáp-Thân (1284) đủ tỏ rằng nhà Trần có tinh-thần dân-chủ theo đúng chủ-trương *dân vi quý* của Thầy Mạnh (nhà Trần xúc tiến Khổng-giáo nhiều hơn nhà Lý). Chế-độ gia-đồng nếu là một

chế-độ nô-lệ hay chế-độ nông-nô (nhà Trần bắt dân nghèo khẩn hoang hay đắp đê ở vùng nước mặn để làm thành ruộng) thì hỏi một cậu nhỏ 16 tuổi như Trần Quốc-Toản có thể biến đoàn gia-nô của mình ra một đạo quân cảm-tử khiến giặc Mông-Cổ phải khiếp oai mỗi khi thấy lá cờ *« phá cường địch, báo hoàng ân »* chăng ? Ba phen chống 800.000 quân giặc Bắc nếu từ vua tôi đến dân nước không đồng-tâm nhất-trí, thiếu tình hữu-ái, liệu nước Việt ta còn sống sót với bọn hung-thần ác-quỷ là lũ chiến-sĩ khát máu Mông-Cổ cho tới ngày nay chăng ?

Chúng tôi muốn kết-luận: pháp-chế đời Trần cũng như đời Lý chịu ảnh-hưởng rất nhiều của triết-lý Nho, Phật, Lão thì không lẽ nào lại không nghiêng về nhân-trị. Ai quên rằng chính vua Trần Thái-Tông đã biên kinh *Khóa-hư*, vua Nhân-Tông là tác-giả nhiều câu kệ (*Trần triều thượng sĩ ngữ lục*) ? Tóm lại các ông vua họ Trần nếu không sùng đạo Phật như con cháu của Lý Công-Uẩn thì cũng mến chuộng tôn-giáo Phật, Lão không kém bao nhiêu. (Nhà Trần xuất hiện trên sân khấu Việt-Nam bắt đầu từ 1225, vậy mà hai năm sau đã mở ngay khoa thi tam-giáo và Trần Thủ-Độ cho đúc luôn một dịp 340 cái chuông thì đủ rõ cảm tình của nhà Trần đối với ba thứ tôn-giáo này là thế nào !... Nếu nhà Trần cay nghiệt với nhân dân ngay từ buổi đầu (suốt một thế-kỷ từ đời Trần Thái Tông đến Trần Minh-Tông 1225-1314) về luật-pháp cũng như chính-trị, kinh-tế, chắc chắn trong ba phen kháng Nguyên, Trần-triều đã không đủ sức mạnh để đánh bại được quân xâm-lăng và lập nên một triều đại thịnh-trị. Vậy công nhận Trần-triều thực-hiện được đại đoàn kết dân-tộc tức là ta có thể công-nhận nhà Trần có một chính-sách ưu-ái đối với nhân-dân, và nói rằng luật-pháp đời Trần đã đánh dấu một giai-đoạn suy-đồi của pháp-chế sử Việt-Nam ngay từ buổi đầu không khỏi là một ức-thuyết quá vội vàng và xa sự thực. Còn về sau tức là qua thế-kỷ XIV rất có thể rằng chính-sự nhà Trần đổ nát trong đó có cả việc luật-pháp nữa.

d) Dưới đời Lê : Luật-pháp áp-dụng trước các pháp-đình được san-định lại. Qua các tài-liệu hiện còn lưu-truyền đến nay

mà ta có thể kê-cứu được thì nước ta trong thời-kỳ này đã có một nền luật-pháp khá tinh-vi, cả về hình lẫn về hộ ; đặc-tính của nền luật-pháp này là được căn-cứ rất nhiều vào phong-tục và tập-quán của dân-chúng trong nước. Vua Lê Thái-Tổ (1428-1433), vị vua khai-sáng Lê-triều, theo luật-pháp nhà Đường bên Trung-Hoa, đặt ra năm hình phạt gọi là *ngũ-hình* và đồng thời đặt ra cả lệ *bát-nghị* nữa, tức là tám trường-hợp khoan-hồng đối với phạm nhân. Năm hình phạt nói đây là : *suy, trượng, đồ, lưu, tử*. (*Suy* là hình phạt đánh bằng roi mây ; *trượng* là hình phạt đánh bằng gậy ; *đồ* là trừng phạt bằng cách bắt phạm-nhân làm các công việc khó nhọc trong nhà lao ; *lưu* là trừng phạt bằng cách bắt phạm-nhân đi đầy, còn *tử* là chém đầu phạm-nhân).

Với lệ *BÁT NGHỊ*, kẻ phạm tội không bị khảo tấn và có thể được giảm tội. Những phạm-nhân nào ở vào một trong tám trường hợp nói dưới đây đều được hưởng lệ khoan-hồng này cả. Đó là :

1) người thân thích của nhà vua *(nghị thân)*.

2) người cố-hữu trong Hoàng-gia, hầu-hạ nhà vua (*nghị-cố*)

3) người có công trạng lớn với triều-đình như những vị khai-quốc công-thần chẳng hạn (*nghị công*)

4) người có đức-hạnh (*nghị hiền*)

5) người tài giỏi, khéo phụ-tá nhà vua (*nghị năng*)

6) người làm quan cần-mẫn (*nghị cần*)

7) người làm quan tò vào bậc cao quý nhất (nhất phẩm chẳng hạn— (*nghị quý*).

8) người tôn-thất của triều vua trước được liệt vào hạng thượng tân của bản triều (*Nghị tân*),

Vua Lê Thái-Tổ còn đặt cả lệ trừng phạt những kẻ rượu chè, cờ bạc. Kẻ nào có tiếng là bê-tha trong thôn xã mình có thể bị phạt đòn 100 trượng. Còn những kẻ cờ bạc có thể bị chặt ngón tay, nhưng chỉ chặt một phần mà thôi.

Cứ xét như vậy thì vua Lê Thái Tổ, ngay sau khi đánh đuổi được quân Minh ra khỏi nước giành lại được độc-lập rồi, cũng đã chú ý ngay tới việc san-định lại luật-pháp. Có tính-cách quan trọng đặc-biệt nhất trong đời Lê là việc biên soạn bộ luật *Hồng-Đức*, một bộ luật còn lưu truyền đến tận nay, và đã được ban-bố dưới đời vua Lê Thánh-Tông, vào khoảng cuối thế-kỷ thứ 15 (1483). Bộ luật này gồm cả các điều-khoản về hình-luật, hộ-luật, luật hành-chính và luật tố-tụng nữa đã biểu-lộ một cách rõ rệt tinh-thần quật-khởi của dân-tộc Việt-Nam hồi đó. Các quan được lệnh biên-soạn bộ luật này tuy có phỏng theo luật pháp của Trung-Quốc, luật nhà Tùy và luật nhà Đường, nhưng đã khéo châm-chước với phong-tục và tập-quán của dân-tộc ta, do đó bộ luật Hồng-Đức này mà các luật gia thường gọi là luật nhà Lê vẫn giữ được dân-tộc-tính của Việt-Nam.

Bộ luật này gồm có 6 quyển tất cả

Quyển thứ nhất và quyển thứ nhì nói về quan-chế binh chế (tức là cách tổ-chức hành-chính và binh-bị) cùng là các hình pháp.

Quyển thứ ba gồm có các điều-khoản về luật Hộ. Quyển này chia làm hai tiết :

Tiết thứ nhất nói về chế-độ gia-đình và hôn-thú. Tiết thứ nhì gồm có các thể-lệ về việc chuyển-dịch ruộng, đất như bán đoạn, bán đợ, cầm cố v.v...

Trong tiết thứ hai này còn có nhiều phụ-lục không ăn nhập gì với đầu đề tiết này cả, đại-để như : phụ-lục nói về việc lập sổ thuế, việc kiểm-tra dân tình và quân bộ thuế.

— phụ-lục nói về thể-lệ ly hôn và thất xuất (1)

— phụ-lục nói về việc cầm cố người v.v...

---

(1) Thất xuất là 7 trường hợp mà người chồng có thể dẫy vợ được (bỏ vợ).

Quyển thứ tư nói về sự trừng phạt các tội trộm, cướp và đánh người bị thương.

Quyển thứ năm nói về việc trừng phạt tội giả-mạo và các tội khác.

Quyển thứ sáu nói về cách thức tróc-nã các phạm-nhân để xét xử.

Bộ luật *Hồng-Đức* nói đây được áp-dụng trước các pháp-đình từ cuối thế-kỷ thứ 15 cho tới khi vua Gia-Long thống nhất được Nam, Bắc dựng nên triều Nguyễn, tức là cho mãi tới đầu thế-kỷ 19. Tuy trong sử không thấy nói rõ dưới đời nhà Nguyễn Tây-Sơn (1788-1802) các pháp-đình áp-dụng luật-pháp nào nhưng ta có thể tin rằng luật-pháp đời Lê, như bộ luật Hồng-Đức vẫn còn được thi-hành và nếu có sửa đổi về khoản nào thì những khoản đó cũng chỉ là khoản phụ mà thôi. Ta có thể nghĩ như vậy vì thời đó vua Tây-Sơn bận công việc tổ-chức binh-bị diệt ngoại-xâm và đề chống nhau với chúa Nguyễn nên không thể có thời giờ san-định lại luật-pháp.

TINH-THẦN CỦA PHÁP-CHẾ VIỆT-NAM TỪ CỔ-THỜI TỚI CUỐI THẾ-KỶ 18

Như chúng ta đã biết bộ *Lê Triều Hình-Luật* tức *Hồng-Đức Hình-Luật* đã được quốc-dân chúng ta hoan-nghênh từ ngót năm thế-kỷ nay vì đã có nhiều hiệu-lực để bảo-vệ dân-quyền, thuần-phong, mỹ-tục, xây dựng trật-tự và giác-ngộ những kẻ sa ngã trên con đường tội lỗi Nó là một tiêu-biểu đặc-biệt cho pháp-chế Việt-Nam. Nó không bị gò bó theo chủ-trương pháp-trị cứng nhắc của các pháp-gia Trung-quốc như Hàn-Phi-Tử đã quan-niệm cuộc sống càng ngày càng khó khăn mà vì cuộc cạnh tranh mỗi ngày một gay go thêm khiến lương-tâm, đạo-đức của con người dễ trở nên suy bại, như vậy cần có nghiêm-hình mới giữ nổi thăng-bằng của xã-hội về mọi phương-diện. Trái lại

thời nhân-trị chủ-nghĩa mà phái nho-gia đề-xướng, nhà tù và nhà giam chỉ nên dùng trong trường-hợp bất-bắc-dĩ và mọi vấn-đề xây-dựng con người, tu-tạo xã-hội ở đây đều lấy đạo-đức giáo-dục và lòng ưu-ái làm phương-tiện hay phương-pháp căn-bản. Vì thế, pháp-chế Việt-Nam không hẳn giống pháp-chế của các nước khác thuộc Đông-phương nói chung, pháp-chế của Trung-hoa nói riêng, bởi nó còn chịu khá nhiều ảnh-hưởng của các tôn-giáo (Phật-Lão v. v...).

Sau 1.000 năm lệ-thuộc Hán-tộc, nhà Lý ra đời, Phật-giáo thịnh-hành, ta thấy mầu sắc của tôn-giáo này đã nhuộm kỹ mọi ngành văn-hóa, chính-trị, kinh-tế, quân sự của Việt-Nam (vua Thái-Tông nhà Lý bắt được loạn-tướng Nùng trí-Cao, tổ lượng khoan hồng đã không giết lại còn phong tước cho về nguyên-quán với địa-vị như cũ. Mùa Đông năm 1055, vua Lý Thánh-Tôngnghĩ đến các tội nhân bị trói buộc trong ngục-thất thiếu ăn thiếu mặc, đói rét khổ cực, nhất là những người chưa được xét xong tội trạng đã tỏ lòng thương xót của Ngài với các quan hầu cận và hạ lệnh cung cấp đầy đủ mọi thứ. Lại mùa hạ năm Gia-khánh thứ 6 (1064) ngài xử kiện ở điện Thiên-khánh có công chúa Động-Thiên đứng hầu bên, ngài chỉ công chúa nói : « *Ta thương dân như con đẻ, tiếc rằng dân không hiểu luật-pháp nên hay phạm tội. Ta muốn rằng từ đây luật-pháp nên có sựkhoan hồng cho mọi người* » (1). Và cũng do ảnh-hưởng của giáo-lý từ bi, bác ái, vua Thái-Tông khi đánh Chàm bắt được Chế-Củ cũng không nỡ tận-pháp.

Rồi qua Trần, qua Lê (Hậu-Lê) đối với các bại-tướng, hàng-binh Trung-quốc hay Chàm, ngay cả thường-dân của

---

(1) — Ở các nước Âu-Mỹ, hầu hết các hệ-thống luật-pháp ngày nay đã thoát ly khỏi luận lý và tôn-giáo... Đây là nhận-định của Giáo sư luật-khoa thạc-sĩ Vũ-văn-Mẫu trong chương bàn về các hệ-thống pháp-luật trên thế-giới (Dân-luật khái-luận trang 87).

địch-quốc, các vua Việt-Nam đều tỏ lòng nhân đạo, có khi phải thiết quân-luật để ngăn việc tàn-sát quá đáng : trường-hợp vua Lý thái-Tông đi đánh Chiêm năm Giáp-thân (1044), khi trở về Ngài đem theo 5000 tù-binh cấp cho ruộng đất lập thành phường-ấp để làm ăn. (Giáo-sư Nguyễn đăng-Thục cũng đã từng thảo-luận và đồng ý với chúng tôi về điểm này.)

Bình định-vương Lê-Lợi cũng có quan-niệm quân-tử đối với kẻ thù đã bại trận nên đã tha hàng vạn tù-binh người Minh v. v... Xét như vậy pháp-chế đời nhà Lý là một pháp-chế được mầu thuần-hậu vì lấy tình thương nhân loại làm gốc, rồi nước Việt ta cường thịnh luôn trên hai thế-kỷ để sau 30 năm có một lực-lượng kháng Nguyên hiệu-quả rõ rệt dưới đời Trần.

Người Việt chúng ta không bao giờ tán-thành một nền luật-pháp thiếu tinh-thần nhân-bản, trái lại còn nghĩ rằng *pháp tận thì dân tàn*, lấy lòng hòa-ái để xây dựng con người và xã-hội vẫn là phải hơn.

« Đã đưa nhau đến cửa công,
« Ngoài thì là lý mà trong là tình.

Hai câu trên đã gần như nêu lên một nguyên-tắc cho các pháp-quan và nền pháp-chế này quả rất hợp với tình-trạng dân tộc chúng ta vốn thiên về tình-cảm và luân-lý, đạo-đức rất nhiều ở tầng lớp xã-hội nào cũng vậy.

Tóm lại, chúng ta có thể kết-luận một cách tổng-quát rằng : văn-trị, võ-công của nước ta cho tới đời Lê-mạt như vậy là rực rỡ, mà pháp-chế của ta còn đáng kể là đặc biệt vô cùng nữa. Nó đặc-biệt ở chỗ không nô-lệ luật-pháp của Trung-quốc tuy nó thoát thai ở đây. Nó có bản-sắc riêng để giữ trọn được dân-tộc-tính vốn ưa ôn-hòa là trạng-thái tốt đẹp của tình-cảm. Nó bảo-vệ được quyền lợi của mọi lớp người, nhân-luân và đạo-đức từ gia-đình ra ngoài xã-hội, nên quốc-gia không mất thăng-bằng, và tuy người dân sống

dưới chế-độ quân-chủ và phong-kiến nhưng vẫn có nhiều giai-đoạn dễ thở nếu so sánh với đời sống của nhiều dân tộc khác trên thế-giới.

Riêng về phần tác-giả thấy có vài điều đáng phàn nàn dưới đây :

1) Các sách luật của ta bị mất hầu hết qua các biến-cố trong nước. Bộ *Lê-triều Hình-luật* mười phần chỉ còn một hai. Nhà Mạc lên cầm quyền cho sao lục sách cũ nhưng chỉ được ít nhiều mà thôi. Năm Mậu-Tý đời niên hiệu Cảnh-Hưng (1768), Tĩnh-Vương Trịnh-Sâm (theo Phan huy-Chú) sau khi nhà Lê trung-hưng, ra lệnh kiếm bộ *Thiên nam dư hạ tập* (sách chép những chế-độ và qui-tắc luật-pháp của triều Lê cũng như bộ *Thông-điển và Hội-điển*) chỉ được chừng 20 quyển trong 100 quyển.

2) Các triều-đại kế tiếp cũng không làm được những điều-luật nào mới lạ, vẫn cứ theo khuôn phép cũ đúng như lời vua Lê Hiển-Tông đã nói : « *Vua Thái-Tổ đã gầy dựng nên cơ-đồ ; vua Thánh-Tông đã sửa sang mọi việc, nay ta chỉ nên gìn giữ nếp cũ và mở mang sự nhân chính ra cho sáng tỏ công đức của ông cha ngày trước* ». Lời nói đã miêu-tả rất đúng tình-trạng tiến-hóa của luật-pháp triều Lê, tuy dưới đời Lê Dụ-Tông (1705-1729) niên hiệu Vĩnh-Thịnh 14 tức là năm 1718, nhà vua có cho khảo-dịch lại *Quốc Triều Khám tụng điều-lệ*.

3) Dưới đời Lê Huyền-Tông năm 1662 trong cuốn « *Quốc Triều Chiếu Lệnh Thiện Chính* », người ta thấy có một đạo Chỉ-dụ quan trọng gồm 47 điều giáo-hóa dân chúng. Tóm lại từ đời Trung-Hưng, các vua Lê chúa Trịnh vẫn giữ nguyên luật-pháp cũ của đời Hồng-Đức và tuy có thay đổi ít nhiều điều, nhưng xét ra không quan-trọng lắm về mặt tinh-thần và nội-dung. Như vậy mực tiến-bộ của chúng ta về luật-pháp sau đời Hồng-Đức là mực chót, đáng lẽ chúng ta còn đi xa hơn nữa nếu con cháu vua Lê Thái-Tổ và đám trí-thức thời đó không suy kém.

CHƯƠNG IV

B.— SỰ-NGHIỆP CỦA HỌ NGUYỄN TẠI NAM-HÀ.

TRƯỚC khi Nguyễn-Hoàng vào trấn-thủ Thuận-Hóa thì ở đạo Quảng-Nam vua Lê đã đặt một quan Trấn-thủ tên là Nguyễn bá-Quỳnh. Nguyễn-Hoàng ra chầu vua Lê ở An-Tràng (1) năm Kỷ-tỵ (1566) rồi đến thăm chúa Trịnh-Kiểm, tỏ tình thân rất khéo léo, nên chúa Trịnh không ngờ vực gì nữa liền cho gọi Nguyễn bá-Quỳnh về giữ đất Nghệ-An. Thế là Thuận-Quảng hoàn toàn lọt vào tay Hoàng. Do sự-kiện này Hoàng thêm quyền, thêm đất

---

(1)— An-tràng bấy giờ là Kinh-đô tạm-thời của nhà Lê sau khi bị họ Mạc chiếm mất chánh-quyền ở Thăng-Long. An-tràng vốn là một làng khi được lựa làm kinh-đô gồm thêm mấy xã nữa là : Lam-Sơn, Quảng-Tủ, Vạn-Lai, Phúc-lập ở bên tả-ngạn sông Chu, tỉnh Thanh-hóa, dưới đập Bái-thượng độ vài cây số.

Nhìn vào bản-đồ chánh-trị của nước ta bấy giờ (thế-kỷ 16) ta thấy rõ rệt có ba lực-lượng : Bắc về tay Mạc kể từ trấn Sơn-Nam (vùng Trung-châu Bắc-Việt) trở ra. Nam gồm Thanh-Nghệ về tay con cháu nhà Lê. Đến đầu thế-kỷ 17 một một lực-lượng thứ ba chớm nở rồi lớn mạnh là lực-lượng của họ Nguyễn có ảnh-hưởng từ Nam Bố-chính trở vào Quảng-Nam.

Kể từ 1613 nước ta thành thế chân vạc như Trung-Hoa dưới đời Tam-quốc, cũng diễn ra cảnh nồi da xáo thịt bi-đát chẳng kém gì giống Hán. Sự-kiện này đáng kể là cái tội lớn của hai họ phong-kiến Trịnh-Nguyễn.

Đầu thế-kỷ của chúng ta những nhà khảo-cổ Pháp còn thấy di-tích hai vòng thành đất của An-tràng cũng như một phần bức thành nhà Hồ còn trơ dưới sương gió như mỉa-mai trò biển dâu kim-cổ.

và thêm cả tương-lai ở phương Nam. Kế-hoạch ông đã trù trước khi lên đường nay được thực hiện đầy đủ (1). Từ giai-đoạn này trở đi, họ Nguyễn gia sức kiến-tạo giang-sơn với hy-vọng biệt-lập và cát-cứ hẳn một địa-phương, chờ cơ hội để xưng hùng xưng bá. Buổi đầu họ Nguyễn có một số bà con, thân nhân ở cùng quê là Tống-sơn (Thanh-hóa) đem vào, sau nhiều người dân đói khổ và một số đẳng-tử, lưu-manh miền Bắc cũng đến, hoặc một ít binh-tướng, nho-sĩ, quan-lại bất-mãn với hai triều Lê.Mạc cũng tìm theo. Những người này cũng nuôi ít nhiều mộng-tưởng như vị lãnh-tụ thừa kế của Nguyễn-Kim là làm lại cuộc đời sau khi họ đã gặp nhiều khó khăn ở miền Bắc, rồi mảnh đất Thuận — Quảng đã đem lại cho họ nhiều nguồn hy-vọng mới. Quả vậy, họ có cái tâm-lý khuấy nước chọc trời của những kẻ giang-hồ phiêu-bạt, của một số người trong thời loạn, bất mãn với chế-độ, nên khi đã được làm chủ một chỗ đất mới họ trổ hết năng-lực để hoạt-động, do đó mà Thuận, Quảng và Phú-Yên (đất mở thêm do bàn tay của Nguyễn-Hoàng) dần dần trở nên những cảnh đồng phì-nhiêu, những xóm làng sầm-uất không hoang lạnh như khi còn thuộc về Chàm mới ngày nào. Giai-đoạn sơ-khởi này qua sau mười ba năm vô cùng gian-lao, vất vả. Rồi đến chúa Sãi thì miền Nam lại tăng phần tiến-bộ cả về mặt quân sự, nhất là về các công cuộc bố-phòng lãnh-thổ nhờ có sự xây dựng thành Đồng-Hới và Lũy Thầy của Đào-duy-Từ.

Giờ đây trong ấm, ngoài êm mặc dầu năm ba năm lại có một cuộc tấn-công của Bắc-Hà, họ Nguyễn và thần-dân vẫn tiếp

---

(1)— Việc rút Nguyễn-bá-Quỳnh về Nghệ-an là một điều thất sách ở nơi họ Trịnh và là một cuộc vận-động hết sức khéo léo của Nguyễn-Hoàng. Quỳnh ở Quảng-Nam là tai mắt cho Bắc-Hà, nhưng là cái gai trước mắt của họ Nguyễn, vì vậy Nguyễn-Hoàng cố ra Bắc phục-vụ nhà Lê luôn tám năm chỉ cốt gây cảm tình và tín-nhiệm rồi khi thâu trọn miền Nam, Hoàng dần dần thái-độ đến nỗi lương thuế của triều-đình Hoàng cũng lờ nốt. Tới Sãi-vương Nam-Hà ra mặt chống Bắc-Hà không cần úp-mở nữa.

tục mở mang kinh-tế, chánh-trị xã-hội v.v... Và nhìn vào các tổ-chức của Nam-Hà kể từ sau cuộc bãi chiến một trăm năm, ta thấy một sự phát-triển mạnh-mẽ rõ-rệt. Cương-giới của Nam-Hà mỗi ngày tiến sâu vào xứ Chàm, rồi Chàm bị lấn hết thì bóng người Việt di-dân lại thấp-thoáng tại các vùng Thủy-Chân-Lạp. Cuộc Nam-tiến được đà nếu không vấp-váp là nhờ ở chỗ con cháu Chế-Bồng-Nga mỗi ngày thêm suy-nhược mà hoàng-gia Chân-Lạp cũng luôn luôn lục-đục hồi cuối thế-kỷ XVII.

Được thụ-hưởng cả một nền văn-minh cũ của miền Bắc sáng ngời qua các tổ-chức, các qui-mô lập-quốc vô cùng tốt đẹp dưới đời Hồng-Đức, con cháu Nguyễn-Hoàng bắt đầu rập theo đúng khuôn mẫu của nhà Lê trong các việc cai-trị, đặt thuế, khai-khẩn, học-hành, thi-cử, tựu-trung miền Nam cũng có khi phải đối phó với ít nhiều nhu-cầu mới khác hẳn với Bắc-Hà.

THUẾ KHÓA.

Về việc lập sổ thuế, định các ngạch-thuế năm 1632 Sãi-Vương áp-dụng phương-pháp Bắc-hà (của vua Lê Thánh-Tông — 1465 —) cho đến bấy giờ còn đang được thi-hành nghĩa là cứ 6 năm lại có một cuộc kiểm-tra lớn, ba năm có một cuộc kiểm-tra nhỏ. Dân chúng thì chia ra làm 8 hạng (1) (Bắc có 6 hạng).

Để đánh thuế ruộng cho sát với thực-tế thì sau vụ gặt chính (vụ mùa) quan địa-phương đến khám xét để biết huê-lợi xấu tốt thế nào rồi mới định hạng ruộng nào phải nộp bao nhiêu thuế. Công-tác này đòi hỏi một tháng mới xong. Thuế hoa màu

---

(1) — Sáu hạng trên thì cũng như ở ngoài Bắc, còn thêm hai hạng nữa là hạng ốm yếu hay đào-vong, theo sự kê-cứu của Deloustal và của giáo-sĩ L. Cadière.

căn-cứ vào diện-tích của điền-thổ và những thứ mầu mỡ (ngô, khoai, đậu v.v...) đã được trồng trọt cùng giá-trị của ruộng đất nữa. Thuế nộp hoặc bằng thực-chất (là thóc, gạo hay ngô, khoai v.v..) hoặc bằng tiền bạc. Ruộng có giá-trị nhất phải nộp khoảng 117 ký thóc (theo cân tây) và 21 ký gạo đáng giá 3 quan tiền đời bấy giờ. Ruộng rẻ thuế nhất phải nộp 3/10 một quan (1).

Đời chúa Hiền đặt ra một ty khuyến-nông để giải-quyết vấn đề khẩn hoang và cũng để phân hạng các đất ruộng có cày cấy, trồng trọt. Nhiều dinh-điền hay đồn-điền (do quân nhân gây dựng) có từ thế-kỷ 15 do các vua chúa miền Bắc chiếm được của Chàm, nay nằm trong khu-vực của họ Nguyễn được đem cấp phát cho các quan lại có công lao nhiều nhất để làm thực-ấp. Ngoài việc điền thổ chia ra làm 3 hạng, chúa Nguyễn còn lập ra một thứ gọi là *thu điền* và *khô thổ* nghĩa là loại ruộng đất xấu nhất. Loại điền thổ này được đặt ra để có phần công bình hơn, vì liệt vào đệ-tam đẳng-điền vẫn là điều oan uổng cho dân. Ắt hẳn thứ ruộng này là thứ ruộng mà người ta thường gọi là *ruộng chiêm khô, mùa thối* gần như bỏ đi, có cày cấy thì kết quả cũng thường rất bất chắc. Công điền thì cấp cho dân cày cấy để nộp thuế, còn tư điền là đất khẩn hoang thành ruộng cho dân làm của tư.

THUẾ ĐINH.— Chúa Sãi lập ra 8 hạng thuế đinh đánh vào dân chúng và ngoại-kiều gọi là thuế tỷ-lệ nộp bằng tiền. Giá-biểu kể từ hai quan đến nửa quan. Ngoài ra còn nhiều thuế linh-tinh khác như thuế gia-súc, thuế cúng giỗ, thuế chuyển vận thóc lúa (ắt hẳn các quan thâu tại chỗ rồi tải về kho, đáng lẽ dân phải mang đi nộp tại tỉnh chăng ?)

THUẾ MỎ.— Tại Thuận-Hóa và Quảng-Ngãi có mỏ bạc, Bố-Chính có mỏ sắt. Việc khai khẩn các mỏ này đều mang lại cho các Chúa một số thuế lớn.

---

(1) — Chế-độ thuế khóa này có từ 1669,

THUẾ THƯƠNG CHÍNH. — Tàu bè của ngoại-quốc qua lại buôn bán ở nước ta đều phải nộp thuế gọi là thuế nhập-cảng và xuất-cảng. Tỉ-dụ tàu ở Thượng-Hải và Quảng-Đông tới phải nộp 3.000 quan, lúc trở ra phải nộp 1/10.

Tàu ở Macao (của Bồ-đào-Nha) và Nhật-Bản nộp 4.000 quan và ra 400 quan.

Tàu Tiêm-La ở Lã-Tống đến có lẽ mua bán kém hơn nên chỉ phải nộp 2.000 và 200 quan.

Tàu các nước Tây-Phương lại nộp gấp đôi tàu Macao và Nhật-Bản (8.000 quan và 800 quan).

Số thuế này chia làm 10 thành, nộp kho 6 thành còn bao nhiêu nộp cho quan lại và binh lính của ty Thương-chánh.

NGÂN-QŨY NAM-HÀ

Năm Quý-dậu (1753) đời Võ-Vương, ngân-qũy được kiểm điểm để xét việc chi thu thì thấy có năm thu được hơn 338. 100 quan mà chi ra lại nhiều hơn (364.400 quan). Có năm thu trên 423.300 quan, phát ra 369. 400 quan. Vàng thì có năm thu được 830 lượng, có năm được 890 lượng. Bạc thì có năm thu được 240 lượng giáp-ngân, 2.400 lượng dung-ngân (có lẽ là những thứ bạc thoi) có năm 390 lượng giáp-ngân, 1800 lượng dung-ngân ; bạc đồng(kê ngân) thì có năm được 10.100 đồng,có năm được 400 đồng, có năm không được đồng nào (số bạc đồng một phần là được ở quần đảo Hoàng-Sa do các tàu buôn ngoại-quốc bị đắm dạt vào để lại). Tính đồ đồng thì từ năm Bính-Dần (1746) đến năm Nhâm-Thân (1752), trong khoảng 7 năm số vàng thu được là 5.768 lượng, số bạc thu được là 9.978 lượng giáp-ngân, 14.276 lượng dung-ngân và 21.150 đồng gọi là kê ngân (bạc con gà). Số chi thu về lúa và sản-vật của Nội-phủ, cũng như số chi thu thuộc về các kho của Dinh thì không biết rõ.

Mỗi năm quan Chưởng thái-giám phải làm sớ kê rõ ngân-

quỹ có bao nhiêu vàng bạc để chúa biết, lệ cứ vào ngày mồng 3 tháng giêng. Tiền đồng và tiền kẽm của ta bấy giờ khắc hai chữ Thái-bình. Xét ngân-quỹ trên đây thì ta thấy miền Nam không được giàu lắm.

BINH CHẾ.

Đinh có hai loại đầu, cũng như ngoài Bắc trước việc quân dịch : những trai tráng khoẻ mạnh thì sung thẳng vào quân ngũ và một số được gọi dần có tính cách trừ-bị. Việc binh-bị đối với các chúa miền Nam là một việc quan-trọng nhất, gồm có những đơn-vị dưới đây :

— Ở hạ-làng là *thuyền* hay *tiểu-đội* có từ 30 đến 50 người cùng làng hay thuộc làng lân-cận.

— *Đội* có từ hai ba đến *5 thuyền* do một *đội-trưởng* hay một *cai-đội* chỉ-huy.

— *Cơ* gồm nhiều đội thường có tới từ 6 đến 10 thuyền, có cơ đặc-biệt gồm tới 60 thuyền. Quân-số có từ 250 đến 600 người do một *cai-cơ* hay *trưởng-cơ* chỉ-huy.

Đời bấy giờ có 5 cơ : Trung cơ, Tả cơ, Hữu cơ, Tiền cơ, Hậu cơ.

— Dinh có một số quân ngang với cơ do một *trưởng-dinh* điều-khiển. Dưới quyền trưởng-dinh có các trưởng-cơ (Theo sự khảo-cứu của các sử-gia Pháp, quân-số của các đơn-vị trong binh đội Nam-hà hay thay đổi về quân-số, nghĩa là có khi quân số trồi lên, có khi trụt xuống không nhất-định).

Trong số quân của miền Nam bấy giờ có độ 30.000 người.

Năm Tân-Mùi (1631) chúa Sãi mở trường bắn, trường tập voi, tập ngựa và sở đúc súng đại-bác (Trên đây đã có nói người Pháp lai Bồ-đào-Nha là Jean de la Croix đã giúp chúa

Sãi về việc này và nơi có sở đúc súng gọi là phường Đúc ở Huế ngày nay).

ĐỊA-HẠT HÀNH-CHÍNH.

Vào giữa thế-kỷ 18, sông Gianh đã thành đường phân-giới cho hai miền Nam, Bắc, họ Nguyễn chỉ còn mở cương-vực thêm về phương Nam.

Thời chiến tranh với Trịnh năm 1634, Nam-Hà mới có 4 Dinh : Quảng-Bình-dinh, Chính-dinh gồm Thừa-Thiên, Quảng-Trị vùng Nam và Trung-ương — Quảng-Nam-Dinh và Trấn-biên-Dinh (là tỉnh Phú-Yên ngày nay).

Năm Giáp-tí (1744) Vũ-Vương xưng vương-hiệu, đổi phủ ra điện và chia Nam-Hà ra làm 12 Dinh :

1) Chính-dinh (Phú-Xuân)
2) Cựu-dinh (Ái-Tử)... Quảng-Trị
3) Quảng-Bình-dinh
4) Vũ-xá-dinh
5) Bố-Chính-dinh
6) Quảng-Nam-dinh

CHÚ THÍCH : *Từ đời vua Lê Thánh-Tông (1481) đã có chính-sách mở* **đồn-điền** *tại các vùng đất chiếm được của Chàm để lấy lương thực nuôi quân đội. Khẩn hoang ở đây là việc của binh-sĩ và cả của các tội-phạm do triều-đình đầy tới. Đồn-điền lại còn có mục đích di-dân để vợi bớt cái nạn nhân-mãn ở đồng-bằng Bắc-Việt vừa để thành lập đội quân tiền-phong đi lấn đất và chiếm-hữu các vùng đất đai đã thôn-tính được. Đời Tấn vào thế-kỷ thứ 2 Tây-lịch Kỷ-nguyên đã áp-dụng chính-sách này ở ngoại-biên.*

7) Phú-Yên-dinh)
8) Bình-Khang-dinh) đất chiếm của Chiêm-Thành
9) Bình-Thuận-dinh)
10) Trấn-Biên-dinh)
11) Phiên-Trấn-dinh) đất chiếm của Chân-Lạp
12) Long-hồ-dinh)

Như vậy mỗi Dinh có thể coi như một tỉnh bấy giờ và người cầm đầu là một võ quan với chức-vụ Trấn-thủ để coi cả hành-chánh lẫn quân-sự, phụ-tá có cai-bộ là một ông quan coi về Ngân-khố và một Ký-lục tức là một phán-quan. Còn phủ Quảng-Nghĩa và Phủ Qui-Nhơn thuộc về Quảng-Nam, mỗi phủ có Tuần-phủ và quan Khám-lý trông nom mọi việc. Đất Hà-Tiên thì gọi là Trấn có quan Đề-đốc cai-trị. Dinh đầu tiên của Nguyễn là Ái-Tử thuộc huyện Đăng-Xương gần tỉnh-lỵ Quảng-Trị. Mười ba năm sau (1570) Nguyễn-Hoàng dời qua làng Trà-Bát cũng cùng huyện ấy tức là Cát-dinh. Đến năm Bính-dần (1626) chúa Sãi dời vào Phúc-An thuộc huyện Quảng-Điền, tỉnh Thừa-Thiên để xa chiến cuộc và đổi ra phủ.

Mười năm sau chúa Thượng lại rời phủ vào làng Kim-Long (huyện Hương-Trà, tỉnh Thừa-thiên).

Năm Đinh-Mão (1687) chúa Nguyễn phúc-Trân lập Chính dinh ở làng Phú-Xuân. Chỗ phủ cũ làm nhà Thái miếu thờ chúa Hiền.

QUAN CHẾ.

Ở Chính-dinh là chỗ thủ-phủ của chúa Nguyễn có đặt ra ba ty để giúp mọi việc chánh-trị ;

1.— *Xá sai-ty* việc từ tụng. văn án có quan Đô-tri và Ký-lục đứng đầu.

2.— *Tướng thần lại ty* giữ việc thâu thuế, phát lương-thực cho các đạo binh của chúa, có quan Cai bạ trông nom.

3.— *Lịnh-sử-ty* giữ việc tế-tự, tết nhất và cấp phát lương bổng cho quân đội của Chính-dinh, có quan Nha-úy phụ-trách.

Mỗi ty lại có quan Cai-hợp. Thủ-hợp và các Lại-ty để điều hành mọi việc.

Còn ở các Dinh khác, có nơi chỉ đặt Lịnh-sử-ty kiêm cả *Xá-sai-ty* và *Tướng thần lại-ty* giải-quyết mọi vấn đề quân dân chánh, thuế-khóa, từ tụng, đinh-điền, sổ sách v. v... Nơi nào quan trọng nhiều thì được xử-dụng nhiều nhân-viên.

Cấp hành-chánh dưới là các *phủ, huyện* có tri-phủ, tri huyện và các đề-lại, thông-lại. Ngoài ra có huấn-đạo, lễ-sinh chuyện việc cúng tế ở địa-phương.

Đến đời chúa Thượng (Nguyễn phúc-Lan (1635-1648) có thêm chức *Nội-tả, Ngoại-tả, Nội-hữu, Ngoại-hữu* gọi là tứ trụ tức là bốn đại-thần trong triều.

Xin nhắc vỏ-quan trên các cấp Chưởng-dinh, Chưởng-cơ, Cai-cơ, Cai-đội là các cấp người thường được giữ, còn những địa-vị quan-trọng hơn thì do các anh em và thân thuộc của nhà chúa giữ, tỉ-dụ chức Nguyên soái, Đô-đốc, Trấn-thủ v.v... Quan-lại phục vụ ở Kinh-Đô và ở các Dinh đều được tuyển dụng bằng khoa cử, tuy nhiên một số đã theo chúa Nguyễn-Hoàng từ 1558, và vào năm 1600 (khi Hoàng ra Bắc chuyến sau và chuyến cuối cùng khi trở về có được một số người theo) cùng những dịp lẻ-tẻ nhưng ta thấy rõ ràng họ Nguyễn không trông hẳn vào quan lại miền Bắc để dùng vào việc cai-trị ở Nam-hà. Từ 1632, chúa Sãi mở khoá thi để lấy người vào các chức-vụ tri-phủ, huấn-đạo, lễ-sinh. Trong chương trình khoa-cử sau, chúa Hiền có một sáng kiến : năm 1675, chúa mở thêm kỳ thi vấn đáp, trước kia chỉ có thi viết mà thôi. Với kỳ vấn đáp, các khóa sinh được hỏi về nhiệm-vụ của quân nhân và của công-dân đối với thời-cuộc, chánh quyền, quan-niệm của họ đối với nhà Lê và chúa Trịnh. (1) Hồi đó có 7 người được tuyển dụng vào 7 ty tư-pháp

(1) — Đây là một thử trắc-nghiệm để xét lập-trường chính-trị của khóa-sinh.

Ngoài những kỳ thi bất thường trên đây để lấy nhân tài, còn có những khoa thi cứ 6 năm một lần, mở ra tại các tỉnh vào mùa Xuân. Ai đỗ thì được miễn các tạp-dịch cho tới kỳ đại-khảo sau. Qua được kỳ thi ở các tỉnh, khóa-sinh được dự vào kỳ thi múa Thu thuộc bực cao hơn.

Năm Đinh-hợi (1647) chúa Nguyễn lập ra hai bực thi : thi *chính-đồ* và thi *hoa-văn*.

Chương trình thi *chính-đồ* gồm có kỳ đệ-nhất thi tứ lục — kỳ đệ-nhị thi thơ phú — kỳ đệ-tam thi văn sách. Hội-đồng giám-khảo gồm có quan tri-phủ, tri-huyện làm sơ khảo, quan Cai-bạ Ký-lục, Vệ-úy làm giám-khảo. Khóa-sinh đắc cử chia làm ba hạng : hạng nhất gọi là giám-sinh được bổ làm tri-phủ, tri-huyện — hạng thứ nhì gọi là sinh-đồ được bổ làm huấn-đạo ; hạng thứ ba cũng gọi là sinh-đồ được bổ làm lễ-sinh hoặc làm nhiêu-học. Thi *hoa-văn* thì mất ba ngày. Mỗi ngày khóa-sinh phải làm một bài thơ. Ai đậu được bổ làm tại Tam-ty (Phủ chúa).

Năm Ất-hợi (1695) chúa Nguyễn phúc-Chu (1691 — 1725) mở khoa thi tại phủ chúa gọi là thi *Văn chức* và thi *Tam-ty* (đã có giải thích về Tam-ty).

Thi *Văn chức* có tứ lục, thơ phú, văn sách.

Thi *Xá-sai-ty* thì khảo về binh lính, quân lương, từ tụng.

Thi *Tướng thần lại-ty* và *Lịnh-sử-ty* thì chỉ có một bài thơ thôi.

Năm Canh-Thân (1740) dưới đời Vũ-Vương, Nguyễn phúc-Khoát (1738 — 1765) quyền lợi của khóa sinh được định như sau những người đậu kỳ đệ-nhất gọi là nhiêu-học được miễn sai 5 năm ; đậu kỳ đệ-tam được miễn sai vĩnh-viễn : ai đậu kỳ đệ-tứ gọi là *Hương-Cống* sẽ bổ tri-phủ, tri-huyện.

Xét chương-trình thi cử ở Nam-hà lúc bấy giờ thấy sơ-lược quá nếu so sánh với các tiền-triều (Trần và Hậu-Lê) ; sự-kiện này đã phản-ảnh tình-trạng đời bấy giờ về việc học-hành ở Nam-hà còn

sơ-khoáng bởi nhà cầm quyền chỉ biết ngày đêm lo việc chiến-tranh, nhân dân cũng bị lôi cuốn theo trong công-chuyện này, nên tuy cuộc đình chiến kéo dài luôn một thế-kỷ mà nền văn-học, khoa-cử vẫn chưa tiến được nhiều.

XIN CẦU PHONG VỚI TÀU.

Năm 1702, Minh-vương thấy giang-sơn của mình đã mạnh, đủ sức đối-thủ với miền Bắc và không còn e-dè như xưa phải ẩn núp sau cái chiêu-bài phù Lê, đã cử một sứ-bộ mang đồ tiến cống và một tờ biểu sang Quảng-Đông xin cầu phong với Tàu, xin cam kết xưng thần nạp cống đều đặn. Đây là một thái-độ đáng làm cho người đọc sử phải suy nghĩ rằng phong-kiến đời xưa thường luôn luôn thi-hành thủ đoạn mượn danh nghĩa trung quân ái-quốc để hiệu-triệu nhân dân tham gia chiến tranh cho dễ. Thực ra chiến tranh của họ chỉ có mục-đích giúp họ tranh giành quyền lợi riêng tây là cái ngai vàng, bệ ngọc mà thôi, còn người dân đau khổ ra sao họ không cần biết đến.

Trong trường-hợp sau này, khi họ Nguyễn trở nên mạnh thì Nguyễn đã trắng trợn hất liền cái chiêu-bài *vì vua vì nước* rồi mang vàng bạc qua Tàu vận động tấn phong. Xét ra cử-chỉ này của họ Nguyễn mới đáng chê không như họ Mạc có bị dồn vào thế nguy mới phải chịu lụy nhà Minh (1). Xin nhắc Mạc cướp được ngôi nhà Lê xong chưa có hề nêu ra việc cầu phong với Tàu, Bị quan lại nhà Lê sang cáo tổ và xin viện binh, quân đội

---

(1)— Trong bài sớ « Bảy điều không nên *» của Đường-trụ dâng lên Minh Thế-Tông khi nhà vua quyết xâm-lược nước Nam, điều thứ 5 nói Mạc có mang cống-phẩm sang Bắc-triều nhưng không được biên-thần cho vào. Không thấy sử-gia ta hay Pháp nói có việc này trừ cuốn* Annam Quận, Huyện thời-đại chí *của Lê-Chinh-Phụ.*

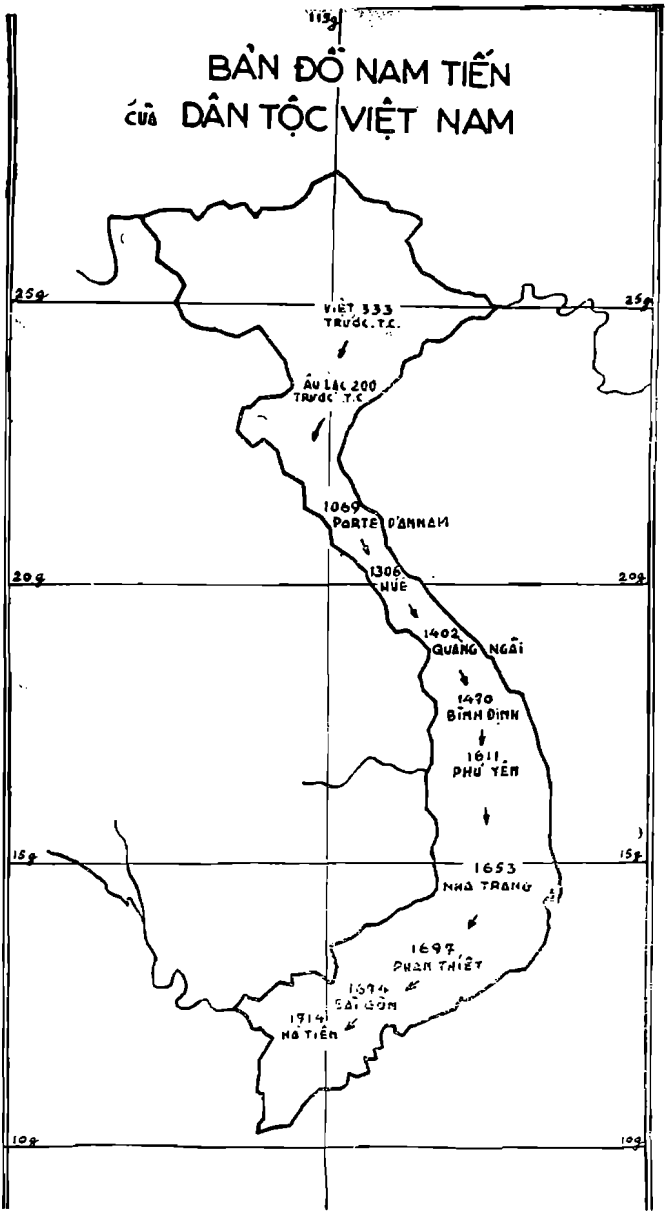
nhà Minh kéo sạng, họ Mạc mới chịu mở cuộc bang-giao với Bắc-triều qua nơi Đô-đốc Cừu-Loan và Tán-Lý quân-vụ Mao Bá-Ôn...Các sử của ta đều có ghi chép rõ ràng sự-kiện này

Còn việc cầu phong của Minh-vương có kết-quả không ?

— Xin trả lời rằng : không !

Triều-đình nhà Thanh tuy vẫn mê vàng bạc và các quý vật của nước Việt nhưng cũng không dám trâng-tráo vừa bắt tay với vua Lê lại cưới duyên với họ Nguyễn, do đó việc cầu phong cũng hỏng và lễ hậu phải trả về, căn-cứ vào lẽ không thể thừa-nhận hai chánh-quyền trên một quốc-gia chư-hầu..

Năm 1756 đến Vũ-vương, việc cầu phong lại tái diễn cũng vẫn bị thất bại.


BẢN ĐỒ NAM TIẾN
CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM
113g
25g
25g
VIỆT 333
TRƯỚC T.C.
ÂU LẠC 200
TRƯỚC T.C
1069
PORTE D'ANNAM
1306
HUẾ
20g
20g
1402
QUẢNG NGÃI
1470
BÌNH ĐỊNH
1611
PHÚ YÊN
15g
15g
1653
NHA TRANG
1697
PHAN THIẾT
1698
SÀI GÒN
1914
HÀ TIÊN
10g
10g

CHƯƠNG V

CHIÊM, LẠP TRÊN ĐƯỜNG NAM-TIẾN CỦA CHÚNG TA.

BÀN về Nam-tiến là một công cuộc mở đất nuôi dân từ năm bảy thế-kỷ trở về đây, chúng ta không thể phủ-nhận tầm quan-trọng vô-biên của nó. Từ đời Lý qua đời Trần, đến Hậu-Lê, nhờ sự yên ổn, vui hòa luôn bốn năm trăm năm, nhân-khẩu được tăng-gia mạnh khiến vùng Trung-châu Bắc-Việt xưa kia hoang-vu rộng-rãi là như thế mà nay đã thành ruộng ấp tốt tươi, nhưng lại cũng vì thế mà đồng-bằng Bắc-Việt đã trở nên mỗi ngày chật hẹp thêm về diện-tích canh-tác. Xưa kia đất nhiều, người ít, đến đầu thế-kỷ XV-XVI thì trái lại, đất bắt đầu trở nên ít mà người lại quá nhiều, như thế tất-nhiên nguồn sống của dân ta mỗi ngày mỗi đi dần đến chỗ bế-tắc.

Trông thấy trước cái nguy-cơ đó từ lâu, nhiều triều-đại Việt-Nam chỉ còn có thể nhìn về phương Nam để giải quyết vấn đề nhân-mãn và kinh-tế nông-nghiệp của dân tộc. Tiến về phương Bắc để đụng-độ với Hán-tộc là điều cần phải tránh vì Hán-tộc quá lớn, quá đông ; tiến về phương Tây, láng giềng Ai-lao chỉ có rừng với núi là những thứ không nuôi sống được người, chỉ còn một phương Nam là nơi đưa lại nhiều hứa-hẹn và có nhiều viễn-ảnh tốt đẹp.

Từ đời Tiền-Lê là thế-kỷ thứ X (980-1009) binh tướng Việt-Nam đã dẫm chân lên đất Chàm, vượt qua đèo Ngang vào tới Chà-Bàn do cái tiền-án lịch-sử của Chiêm-thành đối với dân tộc ta

(khi Chiêm còn đeo cái tên Lâm-ấp, từ năm Nhâm-dần (102) đời vua Hòa-đế nhà Đông-Hán, Chiêm hay đem quân quấy phá biên cảnh của chúng ta). Người Việt thấy những mảnh đất bằng phẳng rộng mênh-mông còn bỏ hoang do dân bản-thổ ít năng-lực và ươn lười không khai thác hết.

Từ Trần qua Hậu-Lê, người Việt lại bước sâu vào quá Hóa-Châu, Thi-Nại, Bình-Định lại càng thấy đồng ruộng phì-nhiêu bát-ngát hơn nữa.

Thiếu đất mà được đất, tất nhiên phải di-dân rồi từ thế-kỷ thứ X binh sĩ Việt-Nam đi trước, nông-dân Việt-Nam đi sau, nhiều khi một phần bộ-đội được ở lại hợp-tác với nông-dân lập ra các dinh-điền, sát cánh nhau kẻ cầy người cuốc và bảo vệ miền đất mới.

Thế là nguồn sống của con cháu người Lạc-Việt lại kéo dài, khơi rộng, khơi sâu, vượt núi rừng Thanh Nghệ để di-dân cho tới chỗ cuối cùng của giải Hoành-sơn.

Đầu thế-kỷ XVII cuộc nội tranh giữa hai họ chúa Nguyễn, Trịnh hay là cuộc tình-cờ của lịch-sử lại thúc đẩy mạnh hơn bao giờ hết ngọn trào Nam-tiến.

Đoan quận-công Nguyễn-Hoàng vì không thể đội trời chung với anh rể ở miền Bắc, phải xin vào trấn thủ đất Thuận-Hóa. Đối với con người có đầu óc, khi yên-vị xong ở xã Ái-Tử ít lâu, ông liền nghĩ rằng việc ông vào đây không nên chỉ để tránh cái nạn gần lửa rát mặt. Bên trong Thuận, Quảng còn bao nhiêu ruộng đất phì-nhiêu của Chàm, ngon lành như vậy sao không thôn-tính nốt để gây dựng cơ-đồ rồi hùng-cứ một phương mà tùy thời tiến thoái?

Dưới con mắt của nhà quân sự: Thuận, Quảng có Hoành-Sơn và Linh-Giang, đó là một ưu-thế chiến-lược, quanh Thuận, Quảng ruộng đất có nhiều, chỉ cần đánh chiếm mà lấy. Nhân-khẩu tăng-gia thì quân sẽ đông sẽ mạnh, khi đó sẽ tính đến vấn-đề họ Trịnh...

CHIẾM THÊM ĐẤT CỦA CHIÊM-THÀNH

Năm Tân-Hợi (1611), Hoàng xua binh vào đất Chiêm lấy đất lập ra phủ Phú-Yên chia ra làm hai huyện Đồng-Xuân và Tuyên-Hóa.

Việc đánh Chiêm không vất-vả, gian-lao như ngày xưa, vì từ hồi vua Lê Thánh-Tông mang đại quân vào đất Chiêm đến bấy giờ, Chiêm bị kiệt-quệ không sao ngóc đầu lên được. Đến khi họ Nguyễn vào hùng-cứ phương Nam, Chiêm-Thành vẫn không ra khỏi tình-trạng suy bại, rồi đôi khi có cựa quậy chỉ mua thêm sự thiệt-thòi mà thôi. Cũng nên nhắc rằng việc vua Thánh-Tông năm Canh-Thìn (1470), chia nước Chiêm ra làm ba (nước Hóa-Anh, Nam-Phan và Chiêm-Thành) quả vô cùng tai hại cho dân Chàm.

CHIA ĐỂ TRỊ.— Ai bảo người Việt giữa thế-kỷ XV đã chẳng tìm ra phương-pháp sâu độc nhất của nghề thực dân?

Năm 1617 họ Nguyễn lập Trấn-biên dinh cũng là đất lấn vào xứ Chiêm.

Năm 1653, chúa Chiêm là Bà-Thấm quấy phá phủ Phú-Yên bị chúa Hiền cử tướng Hùng-Lộc của ta đến đánh bại, phải dâng thư xin hàng. Lại thêm một dịp nữa cho người Việt mở rộng cương thổ: chúa Hiền lấy đất của Chiêm-lập ra Thái-Ninh phủ sau đổi ra Diên-Khánh (tức là Khánh-Hòa ngày nay) đặt dinh Thái-Khang giao cho Hùng-Lộc làm Trấn-thủ, còn từ Phan-Lang trở vào vẫn để cho Chiêm làm chủ.

Năm 1693 chúa Chiêm là Bà-Tranh bỏ việc tiến-công bị Minh-Vương (Nguyễn Phúc Chu) sai Tổng-binh Nguyễn phúc-Kính (con Nguyễn hữu-Dật) đem quân hỏi tội, bắt được Bà-Tranh với cận-thần là Kế bà-Tử và Tả trà-Viên cùng quyến-thuộc là Bà-Ấn đem về Phú-Xuân.

Đất-đai của Chiêm còn lại bị chúa Nguyễn đổi ra làm Thuận-Thành phủ. Tả trà-Viên và Kế bà-Tử được lãnh chức Khám-lý và ba người con của Bà-Ân được làm đề-đốc giữ Thuận-phủ.

Chúa Nguyễn lại bắt dân Chiêm thay y-phục, từ đó sinh-sống theo người Việt.

Năm sau (1694), Thuận-phủ lại phải đổi ra làm Thuận-thành trấn và Kế bà-Tử được làm Tả đô-đốc để trị dân và thâu thuế cho chúa Nguyễn (1).

Năm Đinh-Sửu (1697) chúa Nguyễn đặt ra phủ Bình-Thuận lấy Phan-Rí và Phan-Lang (tức là Phan-Rang, làm huyện Yên-Phúc và huyện Hòa-Đa). Thế là đất Chiêm từ đấy mất hẳn trên thực-tế sau khi các đại-thần và thân-nhân của hoàng-gia Chiêm đã thành những công-chức của người Việt và chính-quyền của Chiêm từ đó không còn uy-tín gì nữa.

Như vậy là họ Nguyễn đã tiếp-tục công cuộc di-dân và thực-dân của các tiền-triều, nhưng ở đây có nên nói rằng giữa họ Nguyễn và các tiền-triều tuy cùng đứng trước một công cuộc, cùng thi-hành một việc, nhưng động-lực thúc-đẩy sự-việc có khác nhau ? Các đời Tiền Lê, Trần, Hậu-Lê thi-hành chính-sách Nam-tiến là để giải-quyết nạn nhân-mãn ở đồng-bằng Bắc-Việt, mở thêm nguồn sống cho dân-tộc, để tổ-quốc trở nên phú-cường. Với họ Nguyễn thì việc di-dân, mở đất là để xây-dựng, củng-cố một địa-vị

---

(1) — Trong dịp này dân Chiêm được một người Tàu cầm đầu, nổi lên chống cuộc đô-hộ của dân Việt, nhưng cuộc khởi-nghĩa của họ thất-bại nên cuối năm 1694, chúa Nguyễn đặt Kế Bà-Tử lên làm Đô-Đốc để giữ cả quyền hành-chính và quân-sự. Đổi **Phủ** *ra* **Trấn**, *chúa Nguyễn có ý thiết lập đất này ra một đạo quan binh để áp-dụng một chính-sách sắt máu bởi dân Chiêm vốn không bao giờ chịu qui-phục hẳn.*

cho cá-nhân cho dòng họ để ít nhất sau này nếu không chống đối được với họ Trịnh thì cũng *«Nghênh-ngang một cõi biên-thùy»*.

Họ Nguyễn rất lưu-tâm đến việc bành-trướng cương-thổ nên đã trù-liệu đủ mọi kế-hoạch để thực-hiện mục-tiêu kể trên. Nhưng xa hơn nữa, ngoài khu-vực của Chiêm họ Nguyễn còn nhìn thấy nước Chân-Lạp tuy còn cách ta bởi một giải đất Chiêm khá dài từ Quảng-Ngãi vào tới Đồng-Nai nhưng họ Nguyễn cũng mở cuộc thông-hiếu.

XÂM NHẬP ĐẤT CHÂN-LẠP

Tình-trạng nước Cao-Mên (thuở đó gồm hai vùng Thổ Chân-Lạp và Thủy Chân-Lạp) bấy giờ hay bị nước Tiêm-La uy-hiếp. Trước 1620 đã hai phen người Việt vị tình hàng xóm láng giềng đã đẩy lui quân Tiêm cứu nước bạn.

Tình thân-thiện Việt-Miên còn khăng khít thêm nữa : năm 1620 chúa Sãi lại gả một nàng Công-chúa cho vua Chân-Lạp. Đó là công-chúa Ngọc-Vạn. Chàng rể là vua Chei-Chetta II (1618-1626) xưa kia đã sống trên đất Tiêm nhưng khi trở về nước lại rất ít cảm-tình với người Tiêm, trái lại rất mặn-mà với dân Việt.

Lấy vợ Việt, Chei-Chetta II không ngoài ý muốn nhờ vả Việt những khi có quốc-biến. Nhân dịp này chúa Sãi có điều-đình với vua Chân-Lạp, lập một dinh-điền đầu tiên và là một dinh điền chính-thức trên đất Chân-Lạp. tại Mô-Xoài (gần Baria ngày nay).

Xin nhắc thêm ở đây một việc quan trọng: *Ngoài việc chúa Sãi xin mở đất chính-thức ở đây để dân của chúa làm ăn, khai khẩn, trước đó trong thời Trịnh-Nguyễn phân tranh nhiều địa-phương lâm vào khói lửa hoặc mất mùa hay bị hạn-hán, một số nông-dân của ta đã tự-động lẻn vào Nam canh tác vùng đất hoang ở Biên-Hòa và Bàrịa.* Có thể lời yêu cầu của chúa Sãi với Chei Chetta II chỉ là để chính-thức-hóa công việc của đồng-bào mình đã xông vào

Chân-Lạp để canh-tác trước khi được vua Chân-Lạp cũng như người bản-thổ chấp-thuận, vì thế nên Việt-kiều của ta hay bị nhiều sự khó dễ. Sau này chúa Nguyễn phải lưu tâm dàn xếp với chính-quyền Chân-lạp để bảo vệ Việt-kiều là vì vậy.

Ngoài ra nhân dịp Việt-Miêm kết thân-gia, chúa Nguyễn lại đưa thêm một số lưu-dân mới nữa thuộc vùng Quảng-Bình vào Chân-Lạp, thế là không còn bỏ sót một cơ hội thuận tiện nào cả.

Tóm lại Nam-tiến từ giai-đoạn họ Nguyễn cát-cứ miền Nam vừa là sự-nghiệp của nhân-dân, vừa là sự-nghiệp của chính quyền nói chung và của họ Nguyễn nói riêng.

Việc Nam-tiến sau này có hai giai-đoạn thuận-tiện cho người Việt xâm-nhập vào đất Chân-Lạp thêm nữa :

GIAI-ĐOẠN THỨ NHẤT VÀO NĂM 1658

Việt-Nam lịch-sử giáo-trình của Đào-Duy-Anh chép rằng : « Năm 1658, vua Chân-Lạp là Nặc Ông-Chân (Ang-Chan) đem quân xâm-phạm biên-cương, chúa Nguyễn là Nguyễn Phúc-Tần sai Nguyễn Phúc-Yên, Phó-trưởng dinh Trấn-biên (Phú-Yên) đem 3.000 quân sang đánh Nặc Ông-Chân ở Mỗi-Xuy (tỉnh Biên-Hòa) Phúc-Yên bắt được Nặc ông-Chân đem về Quảng-Bình nộp cho chúa Nguyễn đương hành-quân ở đó, Phúc-Tần tha cho Ông-Chân, sai quân đem về nước, bắt phải xưng-thần nạp-cống và phải bênh vực người Việt sang làm ăn ở miền Mỗi-Xuy và Đồng-Nai... ».

C. M. Maybon cũng nói như Đào-Duy-Anh, hẳn là đã căn-cứ vào một số sử-liệu thiếu sự kiểm-soát cẩn-thận. Theo chúng tôi thì sự-việc xảy ra như sau :

« Năm 1658, viên đề-đốc Trấn-biên-dinh được lệnh của chúa Hiền đem 3.000 tử-sĩ chính-thức kéo vào đất Chân-Lạp là do lời cầu cứu của chú cháu vua nước này sau khi vị tiên-đế qua đời, ngôi báu đã trở nên trò tranh-đoạt. Quân Việt

bắt được vua Chân-Lạp là Nặc Ông-Chân đóng cũi đem về giam ở Quảng-Bình một độ nhưng rồi chúa Hiền lại thả về sau khi Ông-Chân chịu xưng thần nạp cống. Chúa Hiền cho một đạo quân hộ-tống vua Chân-Lạp về nước và buộc thêm một điều-kiện là phải bảo-vệ người Việt làm ăn trên đất Chân-Lạp.

Theo tài-liệu của hai sử-gia C.M. Maybon và Đào duy-Anh thì có phần sai lầm, vì đến năm 1697, Nam-hà mới chiếm hết đất Chiêm-Thành, có lý nào vào năm 1658, Chân-Lạp lại có thể vượt qua Chiêm-Thành để phạm biên-cương của Nam-Hà ? Đường bộ thì có Chiêm-Thành án-ngữ, mà đi đường thủy thì Chân-Lạp đâu có thủy-quân hùng mạnh để đủ sức đến đánh phá ta về mặt biển (Các sử sách đều không đả động gì đến việc Chân-Lạp có thủy-quân).

Trái lại binh đội của chúa Hiền đã vào bằng đường thủy để lập lại trật-tự ở Chân-Lạp và bắt Nặc-Ông-Chân đem ra giam tại Quảng-Bình.

GIAI-ĐOẠN THỨ HAI VÀO NĂM 1674

Năm Giáp-Dần (1764) Nặc-Ông-Chân mất, Nặc-Ông-Nộn (Ang-Non) nối ngôi, hoàng-gia Chân-Lạp lại lủng-củng với nhau Nặc Ông-Đài (Ang-Chei) là con dòng đích không nắm được ngôi báu nên đi cầu viện Tiêm-La về đánh Nặc Ông-Nộn.

Nộn sang xin chúa Hiền cho quân ở Dinh Thái-Khang sang giúp, sau đó Cai-cơ đạo là Nguyễn dương-Lâm và Tham-Mưu Nguyễn đình-Phái đem hai cánh quân vào đánh Nặc Ông-Đài ở Cao-Mên, phá được đồn Sài-Côn, rồi kéo tràn qua Nam-Vang (Pnom-Penh).

Nặc Ông-Đài bỏ thành Nam-Vang chạy rồi chết ở trong rừng, Nặc Ông-Thu (Ang Sor) là dòng con trưởng (em Ông-Đài) ra hàng quân ta và được phong làm chánh quốc-vương đóng tại

Long-Úc, còn Nặc Ông-Nộn làm đệ-nhị quốc-vương đóng ở Sài-Côn hằng năm phải nạp-cống. (1)

Năm Kỷ-Vị (1679) ba tướng của nhà Minh là Dương ngạn-Địch, Tổng-binh đất Long-Môn (Quảng-Tây), Phó tướng Hoàng-tiến Trần tượng-Xuyên Tổng binh châu-Cao, châu Lôi và châu Liêm

---

CHÚ THÍCH *(1) Về vụ này C. B. Maybon đưa ra nhiều tài-liệu khác; Theo* " Gia-Định Thông-Giám " *của Trịnh Hoài-Đức, bản dịch của Aubaret về sử-ký Nam-kỳ, và theo sử-liệu Cao-Mên do Doudart de Lagrée ghi chép, do Fr. Garnier xuất-bản thì việc Việt-Nam can-thiệp vào nội-tình Cao-Mên không như trên :*

Ông-Chân về nước chẳng bao lâu, Hoàng-gia Mên lại có loạn. Hai em Ông-Chân là các ông hoàng Ông Thu và ông Tan đánh anh, thắng được quân Việt và đuổi được quân Việt ra khỏi nước rồi tự lập làm vua (Theo sử-gia Pháp thì Chân có ba em là Sor, Tan và Sin, và việc này không có).

Năm 1672 (sử ta chép vụ này xảy ra vào năm Giáp-Dần 1674) Nặc Ông-Thu (Ang-Sor) đệ-nhất quốc-vương bị cháu rể ám-sát rồi người này lên cầm quyền; Tan là đệ-nhị quốc-vương chạy sang lánh nạn ở đất Việt. Kẻ tiếm-thần năm sau bị vợ của Tan giết, rồi cho con trai của Sor là Chi lên làm vua.

Việt-quân nhân vụ lộn-xộn này xen vào chính-sự của Mên, đánh tan được thành Sài-Côn, thành Khu-Bích (Kampot) và Nam-Vang (Pnom-Pênh). Việt-quân qua Oudoug, Chi bị đánh bất ngờ bỏ chạy mang theo rất nhiều vàng bạc và quân đội. Sau đó Miên-quốc một nửa về chú, một nửa về cháu. Hai năm sau Tan chết (1675). Con nuôi là Nộn được Hiền-Vương lập làm đệ-nhị quốc-vương, đóng đô ở Sai-Côn và con của Sor, anh em của Chi được làm đệ nhất quốc-vương ngự-trị ở Oudoug. Cả hai đều phải thần-phục chúa Nguyễn.

(cũng thuộc Quảng-Tây), Trần an-Bình Phó-tướng, không chịu theo nhà Thanh đem 300 quân và 50 chiến thuyền đến cửa Tư-Dung xin nhập-tịch Việt-Nam. Chúa Hiền liền cho họ vào khẩn hoang đất Chân-Lạp. Bọn này vào dựng trại ở Gia-Định (Đất Đông-Phố) và Biên-Hòa (đất Lộc-Dã và Mỹ-Tho (thuộc Định-Tường). Thứ-vương Chân-Lạp phải chia đất cho họ.

Đám binh tướng Trung-quốc có nhiều năng-lực nên chẳng bao lâu nổi được sự-nghiệp, mở mang được nhiều đồng ruộng,

---

Trong chuyện này còn vài tình-tiết ly-kỳ dưới đây

Ông Hoàng Sor lên làm đệ nhất quốc-vương xong thì con trai ông là Chi có gả con gái cho một người cháu thân yêu nhất. Chi muốn con rể cướp chánh-quyền của cha, đã lánh vào rừng. rồi con rể của y đã giết quốc-vương vào năm 1672.

Đệ-nhị quốc-vương Tan hoảng sợ chạy qua Việt-Nam. Vợ của Tan ở lại mưu với một số người Mã-Lai giết được ông vua bất nhân này.

Theo thư-tịch của các giáo-sĩ thì bà này đã làm cho kẽ thoán quốc lộng-thần kia say mê mình. rồi mỹ-nhân kế của bà thành-công. Dân định bầu bà lên ngôi nhưng đáng lẽ bà nên lợi-dụng cơ-hội này nắm lấy địa vị cao quý-bà tại cho tìm Chi là con cả của Sor, đệ-nhất quốc-vương cho hợp danh nghĩa hơn. Nhưng khi Chi được phục-hồi vương-vị liền cho người hạ-sát bà.

Rồi Tàn chết vào năm 1675. Cháu là Nộn, con trai của em mà Tân lấy làm con nuôi, lên nối ngôi nhưng không được coi là thuộc dòng chính-thống trong sử sách của Hoàng-gia Mên. nghĩa là Nộn bị coi là kẻ cướp ngôi trước mắt người Mên.

Sau này con của Sor nhờ thế của quân Tiêm-La, nổi lên giành quyền, khiến Ông-Nộn phải đào tẩu. (Xin nhớ Ông-Nộn đã được chúa Hiền phong làm đệ-nhị quốc-vương ở Sài-Côn.)

phố phường được các nhà buôn ngoại-quốc ra, vào buôn-bán rất sầm-uất (các thương-gia Tây-phương : Bồ-đào-Nha, Hòa-Lan, Pháp Anh, Tây ban-Nha v. v... và thương-gia Á-châu có người Nhật, Tàu, Chà-và, Xiêm v. v...)

Nhưng 9 năm sau, Hoàng-Tiến làm loạn ở Mỹ-Tho, giết chủ-tướng Dương ngạn-Địch rồi lập đồn ở Nam-Khê, đóng tàu chiến, đúc súng đồng, làm những việc cướp phá vào Oudong. Trong dịp này Tiến hợp tác với Ông-Nộn để uy-hiếp vua Cao-Mên.

Vua Cao-Mên là Nặc Ông-Thu cũng đào hào, đắp lũy ở Nam-Vang, Gò-Bích và Ngã-ba Cầu Nam (Ba-Nam) rèn xích sắt và đóng bè chắn ngang cửa sông, tạo chiến thuyền, đúc súng đại-bác để phòng thủ. Ông-Thu còn cấm người Việt buôn bán ở Cao-Mên không được giao thông về nước, e tiết-lộ các kế-hoạch chính trị và quân sự của mình. Rồi từ đó Ông-Thu bỏ cống cho rằng biến-cố này do chúa Nguyễn gây nên.

Trước biến-cố này chúa Nguyễn Phúc-Trăn (chúa Hiền đã chết năm 1687), phải lập-mưu giết được Hoàng-Tiến để bắt Chân-Lạp lại tiến cống như cũ. (1) Chúa bèn cử Mai Vạn-Long phó-tướng dinh Thái-Khang cùng với Thắng-Long và Tân-Lễ làm tả hữu vệ-trấn, Hoàng-Tiến làm tiên-phong đem quân đi chinh-phạt Ông-Thu. Bề ngoài thì như vậy, nhưng bên trong chúa Nguyễn thấy cần phải diệt Hoàng-Tiến bởi đã thấy rõ tính-cách lưu-manh của y. Rồi Hoàng-Tiến bị giết và Chân-Lạp lại trở về với chúa Nguyễn như cũ.

Sử của Maybon nói hơi khác một chút không phải bọn Hoàng-Tiến đã chủ-động trong việc đánh phá vào giang-san của Thu mà chính Nặc Ông-Nộn đã lợi-dụng đám binh tướng lưu vong người Trung-Hoa và một số quân Chàm để đánh Ông-Thu không phải để cướp đất mà để bắt người lấy của, đòi tiền chuộc nhưng về mặt quân-sự thì dầu được Liên-quân Tàu-Chàm giúp

---

(1) Nguyễn Phúc-Trăn kế nghiệp chúa Hiền năm 1687 đến 1691 thì chết, thọ 45 tuổi.

sức, Ông-Nộn vẫn bị đánh bại và phải rút về Sài-Côn, Việc Maybon chép xảy ra vào năm 1682.

Nhưng tới 1688 Ông-Nộn và bọn Hoàng-Tiến lại lủng-củng với nhau. Ông-Nộn cầu-cứu chúa Ngãi (chúa lên làm chúa bấy giờ vừa được ngót 2 năm — chúa là con thứ hai của Hiền-Vương).

Cuối năm đó chúa Ngãi cho quân vào Nam tuyên-truyền là đem quân chỉ để đánh Oudong (La-Bích) cho bọn Tàu khỏi ngờ, sau đó bắt được Hoàng-Tiến và giết đi. Chúa lại cho triệt-hạ sào huyệt (1) rồi gọi Trần Thượng-Xuyên ở Biên-Hòa xuống trao cho quyền kiểm-thúc quân phiến-loạn. Công việc không phải

---

(1) Cuốn « **Việt-Sử giai-thoại** » của Đào Trinh-Nhất cho thêm những chi-tiết dưới đây :

« Nguyễn hồi 1679, có 4 viên cựu-tướng nhà Minh là Dương Ngạn-Địch, Hoàng-Tiến, Trần Thượng-Xuyên và Trần An-Bình nổi lên ở Long-Môn chống lại Thanh-triều bị thất bại, đem 50 chiến-thuyền cùng mấy nghìn bộ-hạ chạy sang Quảng-Nam xin quy-thuận làm dân nước ta. Lúc ấy chúa Hiền (Nguyễn-Phúc-Tần 1648-1687) đang có chính-sách mở rộng trồng dâu ở xứ Chân-Lạp, bèn cấp lương-thực, cày bừa cho họ vào Đồng-Phố tức Gia-Định sau này làm việc khai khẩn.

« Bọn Dương Ngạn-Địch chia nhau đất Lộc-Dã, Ban-Làn (thuộc Biên Hòa) và ở Mỹ-Tho, cày ruộng làm nhà, lập nên chợ búa, phố-phường, có người Mã-Lai, người Nhật, người Tàu đến tụ hợp buôn bán vui vẻ.

Hồi đó toàn cõi Nam-Việt còn là đất nước Chân-Lạp nhưng họ thần phục chúa Nguyễn, cứ vài năm một lần nạp cống cho ta như ta nạp cống cho Trung quốc vậy. Chúa Nguyễn bênh vực họ mỗi khi trong nước có việc nội loạn hay ngoại xâm, nhất là chống với Tiêm-La

đến đây là hết vì ta còn thấy Việt-quân qua Nam-Vang. Nặc Ông-Thu biết không chống nổi xin hàng và xin nộp cống theo thường lệ.

---

thường hay tràn sang uy hiếp Chân-Lạp. Đánh đổi lại công ơn ấy Chân-Lạp phải để cho người nước ta đến trú-ngụ, khai-khẩn tự-do vì xứ họ đất rộng, dân thưa, ruộng bãi còn hoang-vu nhiều lắm. Đất rộng đến nỗi năm 1674, chúa Nguyễn phong cho hai vua : Nặc-Thu là dòng đích làm vua nhất, đóng đô ở Long-Áo, Nặc-Non làm vua nhì đóng đô ở Sài-Côn cùng trông coi việc nước.

Tháng sáu năm Mậu-Thìn (1687) Hoàng-Tiến nổi loạn giết chủ-tướng Dương Ngạn-Địch ở cửa bể Mỹ-Tho rồi tự xưng là Phấn đũng-Hổ uy tướng-quân đem bộ-hạ dời qua Nam-Khê, đắp lũy giữ các chỗ hiểm-yếu, lại đúc súng đại bác và đóng chiến thuyền, tính cuộc xưng hùng độc lập, Tiến thả quân lính đi hiếp đáp dân chúng cướp bóc tứ tung, người Chân-Lạp vô cùng khổ sở.

Vì thế Nặc-Thu (vua nhất) sinh oán, tưởng là chúa Nghĩa (Nguyễn Phúc-Trăn 1687-1691) ngầm xui Hoàng-Tiến làm loạn để lấy cớ xâm chiếm Chân-Lạp. Nặc-Thu bèn cùng bề tôi là Ốc-Nha-Cống-Sa mưu tính bỏ lệ xưng thần nạp cống và đắp ba đồn lũy Bích-Đôi, Câu Nam, Nam-Vang, đặt lưới sắt khóa chặt cửa sông làm cách cố-thủ chống nhau cả với Hoàng-Tiến lẫn chúa Nguyễn.

Nặc-Non nghe rõ mưu ấy, sợ không nói ra thì sau này vạ lây đến mình, lật-đật tới dinh Trấn-biên tố-giác mọi sự với tướng Mai Vạn-Long và tình-nguyện hợp binh với chúa Nguyễn cùng trừ kẻ nghịch.

...Rồi Vạn-Long sai người nói khéo đánh lừa được Hoàng-Tiến đi thuyền đến chỗ hẹn gặp. Hoàng vừa bước lên bờ, phục-binh bốn mặt đổ ra đánh, Hoàng chạy ra cửa bể Lôi-Lạp, trốn thoát. Vạn Long vào đồn lũy bắt vợ con Hoàng đem chém và chiêu-tập dư-đảng Long-Môn giao cho Trần Thượng-Xuyên quản lĩnh làm tiền-phong.

Việt-quân liền rút về Sài-Côn. Ông-Thu đến thời hạn vẫn không thực-hiện lời cam-kết nên quân Việt lại trở qua Nam-Vang bắt được Ông Thu đem về (1). Sách Pháp cũng như « *Gia định thông giám* » nói Ông-Thu đã ra hàng chúa Nguyễn và nhường ngôi năm đó (1700) cho cháu rể là Nặc Ông-Yêm (Ang-Em), đến năm 1722 mới chết. Điều đáng chú ý là sau những vụ lộn-xộn này tất cả lĩnh-thổ của Thủy Chân-Lạp lọt dần vào tay người Việt cho tới khi Nặc Ông-Nộn qua đời thì chúa Nguyễn không cho đặt người Mên làm quốc-vương ở vùng đất này nữa.

Năm 1698 chúa Nguyễn cho Nguyễn Hữu-Kính (con Nguyễn Hữu-Dật) làm thống-soái vào thiết-lập các địa-hạt hành-chính tại Chân-Lạp, lấy xứ Đồng-Nai làm huyện Phúc-Long, đặt Biên-Hòa làm Trấn-biên dinh và Gia-Định làm Phiên-trấn-dinh (2), Sài-Côn đổi làm huyện Tân-Bình. Mỗi dinh có một quan Lưu-thủ đứng đầu một quan Cai-bộ coi ngân-khố, một quan Ký-lục coi hình-án, một

---

(1) Quân Việt trở lại. Ông-Thu liệu không chống nổi liền sai một cô gái rất đẹp, có tài biện-thuyết tên là Chiêm Dao-Tân đem vàng lụa dâng cho Vạn-Long và xin khoan hạn để vua Mên đến tạ tội. Vạn-Long nghe theo, một bề cho người về xin chúa Nguyễn dong dự cho vua Mên, một bề chia quân đóng giữ các nơi để khai khẩn.

Sau thấy lâu Ông-Thu không ra hàng, lại theo lời mật-tấu của Thắng-Long rằng Vạn-Long bị mỹ-nhân kế, chúa Nguyễn cách hết chức quyền của Vạn-Long.

Đến lượt Nguyễn hữu-Hào tới thay Vạn-Long cũng bị trúng đòn của cô gái Mên và bị lột hết chức quyền như người trước. Không bao lâu chúa Phúc-Trăn chết (1691) việc kinh-lý Cao-mên phải hoãn lại (Việt-Nam lịch-sử giáo-trình trang 74-75).

(2) Tại đây chúa cho người Tàu dựng một xã gọi là xã Minh-hương và ở Biên-Hòa họ cũng có một làng gọi là xã Thanh-Hà,

lực-lượng quân-sự tinh-nhuệ gồm hai ngành thủy-lục trấn đóng ở đây để thực-hiện và bảo-vệ chủ-quyền của người Việt ta. Thiết-lập xong bộ máy hành-chánh và quân-sự, chúa Nguyễn lưu-tâm luôn đến vấn-đề mở mang nông-nghiệp do đó có việc kiểm-tra nhân-số. Bấy giờ ở Chân-Lạp, ta có chừng 200.000 dân (40.000 gia-đình) chúa liền cho chuyển thêm nhiều gia-đình lưu-dân từ Quảng-Bình vào làm ăn trên các miền đất bỏ hoang. Tính ra về đất đai, ta mở rộng được ở đây thêm hơn một ngàn dặm. Những làng mạc, phố phường, thôn xóm chẳng bao lâu mọc lên như nấm rồi trở nên phong phú, đông đảo, biến cải các chốn rừng sâu đồng lầy thành những trang trại đầy sinh-khí, hoạt-động. Rồi những đất đai có lợi-tức được đo-đạc để đóng thuế. Sổ đinh cũng như sổ điền được lập ra phân minh, người Việt người Tàu đều phải chịu đóng góp mọi việc như nhau.

Nhưng cuộc Nam-tiến không phải đến đây là hết, làn sóng thực-dân của người Việt còn tràn qua xuống miền Hậu-giang cho tới sát vịnh Tiêm-la mới thôi. Việc này đã được gặp một cơ-hội rất may mắn vào những năm cuối cùng của thế-kỷ XVII (1) Nguyên một người Tàu tên là Mạc-Cửu sinh quán ở Liêu-Châu (Nam Quảng-Đông) cũng bất mãn với triều Thanh tìm đến sinh sống trên đất Mèn, Mạc-Cửu qua đây vào thứ năm 19 đời vua Khang-Hy nhà Thanh tức là năm 1680. (2) Xin nhắc rằng người Mãn-Châu

---

(1) — Cuối thế-kỷ XVII (1698) Chiêm-Thành cùng mất hết đất về tay người Việt. Như vậy có thể nói rằng Chiêm-Lạp suy-vong cùng một thời để cùng mất một lúc trước cuộc thôn-tính của Việt-Nam.

(2) — Việt-Nam lịch-sử giáo trình *traug 76 nói Mạc-Cửu đi-cư đến ở phía Tây đất Sài-Mạt từ năm 1708 là không đúng vì bọn bô-thần nhà Minh đều bỏ nước Trung-Hoa đi tị-nạn chính-trị vào năm 1679-80 hết. Chính Dương ngạn-Địch và đồng bọn đã qua nước ta từ 1679 là thời-kỳ có phong-trào bất cộng-tác với Mãn-Thanh thì không lý gì 29 năm sau Mạc-Cửu mới lên đường khứ quốc.*

cướp được nước Tàu tức là ngoại-tộc vào làm vua giống Hán đã là một sự đau khổ cho người Hán. Chính-sự của người Mãn dĩ-nhiên buổi đầu có phần khắc-nghiệt với dân bản-địa khiến họ đã phẫn-uất nhiều rồi, huống-hồ các nhà cầm-quyền Mãn-Thanh còn thi-hành cả chính-sách di- phong, đảo-tục là bắt người Hán dóc tóc, đeo bím đồng-hóa theo mình. Đây là một sự-kiện càng khiến cho người Hán bất-bình thêm, nên số người trước kia làm quan với cựu-triều tủi hổ phải di-cư qua đất Việt chúng ta (trường hợp của bọn Hoàng-Tiến, Dương ngạn-Địch, Mạc-Cửu v.v...).

Trên bờ vịnh Tiêm-La bấy giờ trong miền mà người Mên gọi là Préam và Mang-Kham, người Việt gọi là Phượng-Thành sau

---

CHÚ-THÍCH. Vài hàng về lịch-sử nước Tiêm-La:

Tiêm-La là một quốc-gia nhỏ ở Đông-Nam-Á, phía Đông-Nam giáp sông Cửu-Long, Bắc giáp Miến-Điện, Tây giáp Ấn-Độ. Theo sử Tàu, vào thượng-cổ trước Tây-Lịch, Tiêm-La cũng là một phần của nước Phù-Nam. Vào khoảng thế-kỷ thứ sáu và thứ bảy (quãng đời nhà Tùy và nhà Đường bên Tàu) Phù-Nam chia ra làm hai: nửa về phía Đông là Chân-lạp gồm nhiều giống người ở Mã-Lai đến qui-tụ và sinh-sống; nửa về phía Tây gọi là nước Xích-thổ.

Đến thế-kỷ XI và XII, nước Xích-thổ lại chia làm hai: một gọi là Tiêm, một gọi là La-hộc. Lúc nhà Nguyên chiếm cứ được Trung-hoa (thế-kỷ 13-14) nước này xưng thần nạp cống. Sau hai nước nhập làm một gọi là Tiêm-La-hộc.

Đến đầu nhà Minh (thế-kỷ 14) nước này lại cầu phong với Tàu được vua Thái-Tổ nhà Minh gọi vắn tắt là Tiêm-La.

Khi còn yếu-hèn, Tiêm-La hay bị Chân-lạp bắt nạt, rồi vào thế-kỷ XVI-XVII, khoảng năm Vạn-Lịch nhà Minh, Tiêm-La mạnh, lại đến lượt Tiêm áp-chế Chân-Lạp.

Dân số ngày nay của Tiêm-La là 18 triệu và diện-tích của nước này được 531.521 thước vuông lấy Băng-Cốc làm kinh-đô, gần đây đổi tên là Thái-Lan để nêu danh chủng-tộc.

là Hà-Tiên, người Tàu gọi là Cancao (cửa sông), lân-cận Sài-Mạt ở cửa Rạch Giang-Thanh có một khu khá quan-trọng cho các việc buôn lậu của mọi tay giang-hồ, tứ-chiếng, Việt có, Tàu có, Mã-Lai có, Mên có. Mạc-Cửu nhắm thấy địa-điểm này tốt liền xin cư-ngụ và điều-đình với các nhà cầm-quyền Mên, tổ-chức ngay một sòng bạc lớn để kiếm lời (nghề mở cờ bạc vốn là một sở-trường đặc-biệt của người Tàu). Ít năm sau Mạc-Cửu thâu lượm được nhiều tiền bạc, chiêu-mộ các tay vong-mạng đến lập ấp, làm vườn, sau dựng được nhiều làng xã phồn-thịnh nhất là ở Kampot, đảo Phú-Quốc, Hà-Tiên, Rạch-giá và Cà-Mâu. Mạc-Cửu thấy thế của người Việt mạnh liền xin thuộc về chúa Nguyễn và được phong làm Tổng-binh Hà-Tiên.

Trong giai-đoạn này là giai-đoạn người Việt nắm hết ảnh-hưởng chánh-trị. kinh-tế ở Thủy-Chân-Lạp lại được người Tàu phụ-họa nhiệt-liệt, đáng lẽ người Mên phải lo tranh đấu, trái lại lúc nầy hoàng-gia Mên lại vô cùng chia rẽ, khiến thế nước đã yếu lại yếu thêm và càng dễ cho người Việt có nhiều thì giờ củng-cố và bành-trướng thế-lực. Nhưng cũng do các biến-cố của triều-đình Mên mà sự-nghiệp của Mạc-Cửu cũng sụyt tan tành ra tro bụi.

Nguyên Nặc Ông-Thu năm 1700, có lẽ để hòa-hoãn với người Việt, đã tạm-thời rời ngôi cho em rể là Nặc Ông-Yêm (Ang Em) là người được chúa Nguyên có cảm-tình. Năm sau Thu lại trở lại với ngai vàng nhưng đến 1702 lại thoái-vị, lần này thì Nặc Ông-Thu nhường vương-vị cho con đẻ của mình (1) là Nặc Ông-

---

(1) VNSL chép năm Kỷ-Mão (1669) Nặc Ông-Thu đem quân chống với chúa Nguyễn, chúa sai quan Tổng-suất Nguyễn Hữu-Kính sang đánh. Quân ta tiến đến thành Nam-Vang, Nặc Ông-Thu bỏ chạy, con Nặc Ông-Nộn là Nặc Ông-Yêm mở thành ra hàng. Sau Ông-Thu cũng về hàng, xin theo lệ triều-cống như cũ. Quân ta rút về.

Được ít lâu, vua thứ hai là Nặc Ông-Nộn mất, vua thứ nhất là Nặc ông-Thu phong cho con Ông-Nộn là Ông-Yêm làm quan và lại

Thâm (Thomo Racha) do đó năm 1714 ,Ông-Thâm cùng em là Nặc-Ông-Tôn lấy quân Tiêm về đánh Yêm. Yêm chạy sang Gia-Định nhờ chúa Nguyễn và người Lèo đem quân sang vây thành Lovet (thành này ở Bắc Oudong và đã là kinh-đô của Mên từ đầu thế-kỷ 16) khiến anh em Ông-Thâm bị nguy-khốn luôn ba tháng, sau mới trốn thoát về Ayuthia (đất Tiêm). Do sự thắng lợi này Ông-Yêm được trở lại Oudong và được Ông-Thu hứa sẽ truyền ngôi cho.

Nhưng năm 1715 mười lăm ngàn quân Tiêm-La lại sang tỉnh Battambang giúp Nặc Ông-Thâm về tranh ngôi với Ông-Yêm, Yêm không chịu thỏa-hiệp và trước thế mạnh của Việt, quân Tiêm-La thấy không có thể thắng lại rút về nước nhưng năm sau họ lại sang với Ông-Tôn do sứ-mạng của Ông-Thâm gửi về để xui dân nổi loạn. (1) Nặc Ông-Yêm liền cùng quân Việt chặn đón quân Tiêm. Ông-Tôn bị thương chạy trốn lên núi thuộc tỉnh Pursat chờ quân cứu viện của triều đình Băng-Cốc. Vua Tiêm-La nhất quyết đánh

---

gả con gái cho (Dân Thái cũng có phong-tục người trong họ lấy lẫn nhau). Ông-Thu già yếu, truyền ngôi cho con là Ông-Thâm.

Năm Ất-dậu (1705) Ông-Thâm nghi Ông-Yêm làm phản, bèn khởi binh đánh nhau. Nặc ông-Thâm lại đem quân Tiêm-La về giúp mình. Nặc ông-Yêm phải chạy sang cầu cứu Gia-Định.

Chúa Nguyễn sai quan Cai-cơ là Nguyễn cửu-Vân sang đánh Nặc ông-Thâm. Cửu-Vân phá được quân Tiêm đem Ông-Yêm về thành La-Bích. Từ đó Ông-Thâm ở Tiêm-La thỉnh thoảng lại đem quân về đánh Nặc ông-Yêm.

(1) Sử ta chép chỗ này có khác : Nặc ông-Thâm mượn sức quân Tiêm về lấy thành La-Bích và vây đánh Ông-Yêm rất nguy. Yêm phải cho người sang cầu cứu Gia-Định, quan Đề-đốc Phiên-Trấn (Gia-Định) là Trần thượng-Xuyên và quan phó-tướng Trấn-Biên (Biên-Hòa) là Nguyễn Cửu-Phú phải binh sang đánh vây Nặc ông-Thu và Ông-Thâm. Bọn này bỏ chạy về Tiêm-La và Ông-Yêm được tiếp-tục làm vua Chân-Lạp.

Mên cả hai mặt, vừa cho quân tiến về phía Đông, vừa tự mình dẫn 3000 thủy quân đánh vào Hà-tiên. Mạc-Cửu chống lại rất giỏi nhưng vì không có thành-lũy nên không cầm-cự được lâu dài. Quân Tiêm vào đây cướp phá rất hại nhưng ít bữa sau hạm-đội của họ bị bão đánh tan, họ đành phải triệt-thoái.

Trong lúc này thì lục-quân của họ tới Oudong (La-bích) được nhiều người Mên quy phục. Yêm mang binh cự-địch nhưng rồi lại thôi và xin đầu hàng vua Tiêm-La và dâng nhiều vàng bạc. Quân Tiêm liền rút về. Kết quả chính-yếu của những chiến-dịch trên đây là triều đình Ayuthia được quốc-vương Nặc ông-Yêm thần phục và Yêm cũng hy-vọng rằng Tiêm-la có thể bảo-vệ được cái ngôi báu của mình lâu dài, bởi ngôi này luôn luôn bị anh em trong nhà giành-giật. Nhưng tiếc thay Tiêm đã không giúp nổi người Mên trong ước-vọng này, rồi ta thấy hai phen quân Việt tấn công (năm 1731 và 1732) vào đất Mên, quân Mên đại bại bỏ chạy, quân Việt vượt sông Cửu-Long lên tới Long-hồ (Vĩnh-Long) lập nên hai tỉnh mới là Định-Tường và Long-Hồ.

Về phần Mạc-Cửu, sau khi bại trận đã trốn lên gần vùng sông Long-Ki là con sông chảy về phía Tây tỉnh Kampot, khi chiến cuộc hầu yên liền cử đại-diện đến Phú-Xuân xin qui-phục chúa Nguyễn, xét rằng Mên-hoàng không đủ sức che chở cho mình.

Chúa Minh-vương (1691-1725) tuy trên thực-tế chưa đặt được ảnh-hưởng gì ở vùng Hà-Tiên nhưng cũng chấp-thuận ngay lời yêu-cầu của họ Mạc, rồi họ Mạc thân-hành ra Phú-Xuân cảm tạ chúa. Được yên tâm, Mạc-Cửu trở về, chuyến này ra sức tái tạo cơ-đồ, đào hầm, đắp lũy, rèn quân, luyện tướng, dựng đồn trại ở các nơi hiểm yếu, tuyển mộ nhân tài, đặt quan cai-trị, uy-thế lại bốc lên như gió. Năm Ất-Mão (1735) Mạc-Cửu tạ thế (mộ của ông hiện nay còn ở núi Binh-San tỉnh Hà-Tiên) giữa lúc giang-sơn của ông đang trù-phú.

Mạc thiên-Tứ là con, lên kế-nghiệp được sự chấp-thuận của chúa Nguyễn và được cấp ba chiến thuyền lớn cùng được mở ra một xưởng đúc tiền kẽm để dân tiêu. Rồi Tứ làm được

nhiều công-tác đặc-biệt khiến một thời Hà-Tiên đã trở nên một tiểu-quốc gồm đủ mọi tổ-chức chánh-trị, kinh-tế, văn-hóa, quân-sự v.v... rất đáng cho ta khen ngợi. (1)

Cao-Mên thuở ấy vẫn chưa dứt với tình-trạng rối ren nội bộ. Con của Nặc ông-Yêm là là Nặc ông-Tha (Satha II) năm 1736 lên thay cha, đến năm 1747 bị các chú là Nặc ông-Thâm, và Nặc-Tôn mang quân Tiêm-La về gây biến phải chạy sang Gia-Định cầu cứu chúa Nguyễn (1738). Loạn quân chiếm được thành Nam-Vang rồi năm sau tràn lấn xuống cả Hà-Tiên. Chiến cuộc ở đây khá gay go. Quân Tiêm-La bị đánh lui. Võ-Vương Nguyễn phúc-Khoát (1738) được tin Mạc thiên-Tứ thắng trận gởi lời khen ngợi nhiệt-liệt và phong cho Thiên-Tứ chức Đô-Đốc. Từ đấy quốc-vương Mên không còn dám gây chuyện với Hà-Tiên nữa. Nhưng Nặc-ông-Nguyên kế nghiệp Nặc-ông-Thâm (chết cuối năm 1747) vì xâm lấn biên cảnh của Việt-Nam nên đã phải trải thêm một cuộc binh-đao hết sức tàn hại nữa (2). Thực ra thì Tiêm-La lúc này đang lúng túng với cuộc xâm-lăng của Miến-Điện, Võ-Vương nhân dịp này mở thêm lãnh-thổ về phía Cao-Mên thì phải hơn. Chúa phái một đạo quân vượt Tày-giang đánh lui quân Mên rồi tiến vào thành

---

(1)— Thời cha con Mạc-Cửu cai-trị vùng Hà-Tiên có lập ra Hà-Tiên Thi-xã *cũng được nổi tiếng. Như vậy họ Mạc chẳng những có công mở mang kinh-tế, nông-nghiệp và lại còn gây dựng được phong trào văn-hóa ở miền Nam cũng đáng kể là một thành-tích đáng khen, nhất là việc này cho tới giờ phút đó chưa được chúa Nguyễn lưu tâm bằng việc khuyếch trương nông-nghiệp và quân-sự.*

(2) Ông-Nguyên (Outey II) là Ông-Thâm đuổi Ông-Tha để chiếm ngôi rồi năm 1750 Ong-Nguyên đem binh xâm-phạm Côn-Man là đất của con cháu người Chiêm còn lại phía Tây Bình-Thuận. Võ-Vương Nguyên Phúc-Khoát bấy giờ đã giữ vai bảo-hộ cho người Chiêm liền phái quân năm Dinh đánh thẳng đến thành Nam Vang, Ông-Nguyên phải chạy ra Hà-Tiên nhờ Mạc Thiên-Tứ mở cuộc điều-đình với chúa Nguyễn.

Nam-Vang. Nặc ông-Nguyên em của Nặc-Đôn phải trốn xuống Vĩnh-Long.

Năm sau Việt-quân họp ở Mỹ-Tho, 10.000 binh-sĩ được xuất phát nhưng bị quân Mên đẩy lui khỏi Tây-Ninh, Việt-quân phản công lại và tiến được tới Nam-Vang, hạ được thành này. Nặc-Nguyên chạy qua nhờ Mạc-Thiên-Tứ điều-đình với chúa Nguyễn. Chúa thỏa-thuận nhưng đòi Mên-hoàng nhường hết cả miền Nam Gia-Định đến hạ-lưu sông Cửu-Long tới Mỹ-Tho tức là Mên mất cả hai quận Gò-Công và Tân-An xưa là hai phủ Lôi-Lạp và Tầm-Bôn. Năm 1757 Nặc Nguyên mất. Chú là Nặc-Nhuận lên làm nhiếp-chánh xin thụ-phong với Võ-Vương chịu mất thêm vùng Bassac và Prea-Pateng (hai phủ cũ là Trà-Vinh và Ba-thắc).

Nội-bộ Mên lại lung-tung Con Nặc-Nhuận là Nặc, Tôn bị uy-hiếp chạy xuống Hà-Tiên. Mạc Thiên-Tứ và trấn-thủ Gia-Định lại yêu-cầu Võ-Vương can-thiệp, lần này Việt-quân lại đem Nặc-Tôn lên ngôi sau khi đã khôi-phục được trật-tự trên đất Chùa Tháp. Để tạ ơn chúa, Mên lại hiến đất Tầm phong-Long (Vùng Bắc Bassac). Còn Mạc Thiên-Tứ thì được năm phủ là Hương-Úc, Cần-Bột, Trực-Sâm, Sài-Mạt và Linh-Quỳnh (Kampot và Kompong-Son). Họ Mạc liên xây thành đắp lũy ở Rạch-Giá và Long-Xuyên. Các đất mới được phân-chia thành các địa-hạt hành-chính lớn, nhỏ (phủ, huyện) rồi các quan người Việt đến cai-trị.

Còn chúa Nguyễn cũng cho thiết-lập ngay những thành lũy ở Sa-Đéc và Châu-Đốc để củng-cố chánh-quyền của mình trong khi họ Mạc quản-trị cả một giải đất chạy dài tới Vịnh Tiêm La gồm Kampot và Cà-Mâu. Thế là toàn-diện Thủy Chân-Lạp (lục-tỉnh Nam-Việt ngày nay, thay thầy đổi chủ. (1)

---

(1) Việc Nam-tiến có thể nói đã thành-tựu một cách trọn vẹn vào cuối đời Vũ-Vương nhà Nguyễn (1738-1765), tất cả đất đai của Chân-lập tại lục-tỉnh ngày nay thành lãnh-thổ của Việt-Nam,

Theo trên, chúng ta nhận thấy người Mên lục-đục với nhau chỉ có lợi cho người Việt. Mỗi lần anh em, chú cháu giành nhau quyền-vị thì là một lần mất đất bằng cách này hay cách khác. Về phía Tiêm-La cũng xen vào nội-bộ Cao-Mên để trục lợi và giành nhau với người Việt, nhưng không thành-công, bởi không đủ sức mạnh để cản trở bước tiến của chúng ta.

Sau này Tiêm-La nhờ được một người lai Huê-Kiều là Trịnh quốc-Anh, người Triều-Châu hai đời cư-ngụ ở đây, làm xã-trưởng ở đất Mang-tát (một quận miền Bắc) nổi lên cầm quyền trong lúc Miến-điện bắt mất vua là Phong-vương và đánh bạt được hoàng-gia. (1) Trịnh khôi phục dần được tình-trạng của quốc-gia Tiêm sau cuộc chiến-tranh hết sức tai hại với Miến-Điện (Quân Miến đã chiếm được quốc-đô của Tiêm-La bấy giờ là (Ayuthia vào ngày 8-4-1767). Rồi Trịnh quốc-Anh lên làm vua, đòi Chân-Lạp phải xưng thần nạp cống. Vua Chân-Lạp là Nặc-Tôn không chịu, cho rằng Trịnh quốc-Anh không thuộc dòng vua chính-thống, tức thì Trịnh cho người mang Nặc-Nộn (từ lâu tá-túc ở đất Tiêm) về làm vua Chân-lạp. Quân Tiêm và Mên kịch-chiến ở Angkor nhưng quân Tiêm không thắng được Mên, phải trở về mang theo được một số dân bị bắt làm tù binh.

Tiện đây xin kể qua vài việc đã xảy ra trên đất Tiêm hồi quân Miến thắng thế. Hai con vua Tiêm là Chiêu-Thúy và Chiêu-sĩ-Khang trước biến-cố này đã chạy sang nấu mình ở Hà-Tiên, Trịnh quốc-Anh biết bọn này ngày nào còn chưa bị diệt thì còn là mối hậu-họa, nên tháng 10 năm Tân-Mão (1771) Trịnh đem binh sang vây đánh Hà-Tiên. Mạc thiên-Tứ chống không nổi phải bỏ chạy. Quân Tiêm-La đánh được thành Nam-Vang rồi việc đặt Nặc-Nộn lên làm vua Chân-Lạp nhất thời thành-tựu. Tháng 6 năm sau quân Việt được lệnh sang đánh quân Tiêm do Nguyễn cửu-Đàm lĩnh chức Điều-khiển. Quân Tiêm thua chạy về Hà-Tiên, Nặc-Nộn cũng lánh về Cần-bột. Nặc-Tôn lại về làm vua như cũ. Vua Tiêm tới Hà-

---

(1) Phong vương không thấy được nêu tên thật là gì, chỉ biết sử gọi là Phong vương vì ông vua này mắc bịnh cùi (hủi).

Tiên liền cho tìm Mạc thiên-Tứ đến giảng-hòa nhưng Tứ không chịu. Vua Tiêm liền bắt con gái Mạc-thiên-Tứ và Chiêu-Thúy về nước. Sau họ Mạc đành xin hòa với Tiêm. Vua Tiêm liền phóng-thích con gái Mạc còn Chiêu-Thúy thì bị đem giết; Mạc-thiên-Tứ lại trở về quản-trị đất Hà-Tiên như trước.

Theo sử-gia C. B Maybon, chiến-cuộc giữa Tiêm-La và Việt-Nam diễn ra như sau : Mạc thiên-Tứ chạy lên Long-Hồ là vùng thuộc ảnh-hưởng của quân đội Việt-Nam, còn Nặc-Tôn khi thấy quân Tiêm tới gần cũng tìm đường lẩn tránh. Trịnh-quốc-Anh liền xua quân vào Nam-vang, truất-phế Nặc-Tôn rồi đặt Nặc-Nộn lên làm vua Chân-Lạp. Nhưng cuộc chinh-phục này cũng không được bền-bỉ vì Việt - quân sau cuộc hành binh bất ưng của Tiêm-La, bị bỡ ngỡ một ít lâu rồi được lịnh tích-cực chống trả lại cuộc xâm-lấn của Trịnh-quốc-Anh.

Nguyễn cửu-Đàm và Trần phúc-Thành do chúa phái đem quân đội ở Khánh-Hòa và Bình-Thuận vào Nam. Đại-quân vượt sông Tiền-giang, cùng một lúc hai cánh quân khác cũng được tiến theo để ủng hộ, một đi lối Châu-Đốc bằng đường sông Hậu-giang, một cũng dùng đường thủy từ Rạch-giá tới. Hai quân xô-xát kịch-liệt tại Nam-Vang. Việt-quân thắng. chiếm được thành này. Trịnh quốc-Anh phải chạy xuống Hà-Tiên rồi rút về Bangkok. Nặc-Non cũng vội chạy xuống Kampôt khi quân Tiêm đại bại, còn Nặc-Tôn được trở về ngôi cũ.

Năm sau (1773) Mạc thiên-Tứ mở cuộc giảng hòa với Trịnh quốc-Anh được Trịnh tán thành ngay và chịu lui binh, (quân Tiêm khi đó đang chiếm đóng Hà-Tiên). Quân Tiêm đi rồi, Hà-Tiên chỉ còn là một thị-trấn xơ-xác, hoang-tàn vì chiến tranh đã làm dân chúng siêu - bạt đi nơi khác, nhà cửa bị đốt phá, ruộng đất tiêu-điều không sao kể xiết. Tứ cho con là Mạc tử-Hoàng triệu-tập dân chúng trở lại.

Nặc-Tôn tuy khôi phục được địa-vị nhưng vẫn không yên lòng và có ý chán nản nhất là Nặc-Nộn vẫn mưu việc chống đối, Muốn tránh những sự đau khổ cho nhân-dân do cuộc tranh giành của Hoàng-gia, Nặc-Tôn cương-quyết nhường ngôi cho đối-thủ

(theo sự ghi chép của sử Chân-Lạp) sau khi đã họp bàn với quần-thần.Nặc-Nộn lên ngôi, đồng thời em cựu-Hoàng là Nặc Ông-Thâm cũng được cử làm đệ-tam quốc-vương (việc-này không có ghi trong các cuốn sử Việt-Nam). Tuy có sự sắp đặt chu đáo này Nặc-Nôn vẫn không đủ an tâm vì còn phải rèn quân luyện tướng phòng một ngày kia đối-phó với quân Việt. (1)

Lúc này nhà Tây-sơn đấy nghiệp đánh phá nhiều nơi đang làm cho chúa tôi họ Nguyễn hết sức lúng túng. Năm 1776 quan Trấn-thủ Gia-định thương-lượng với Nặc-Nộn giúp sức đánh Tây-sơn nhưng bị từ chối. (Theo Giáo-sĩ Leclère thì không phải Trấn-thủ Gia-định yêu cầu vua Chân-lạp giúp sức mà là Mạc thiên-Tứ, Đô đốc Hà-Tiên) Sau vụ này thì quân Việt đánh Nặc-Nộn liền nhưng thất bại. Trong khi Nặc-Tôn thoái vị thì Huệ-vương lên thay Võ-vương mất vào năm Ất-Dậu (1765), đáng lẽ người kế vị là thế-tử Nguyễn phúc-Hiệu con thứ 9 của chúa, nhưng Hiệu vắn số từ 5 năm trước (2) ; con trưởng của chúa mất rồi thì người con thứ hai là Chương-Võ được cử vào chức-vụ cao-quý này.Chương-Võ trước đây cũng đã được dự chánh quyền vài năm rồi. Nhưng một phe mạnh trong đám triều thần của chúa đã truất-phế Chương-Võ, đặt một đứa nhỏ 12 tuổi tức là Định-vương rồi tuyên bố bảy rằng việc này được thi-hành đúng di-chúc của tiên-chúa. Định-vương là con thứ 16 của chúa, mẹ là một cung-nhân được sủng-ái nhất. Rồi người ta lập hội-đồng nhiếp-chánh gồm những đại-thần đã có chủ-trương này và đứng đầu là

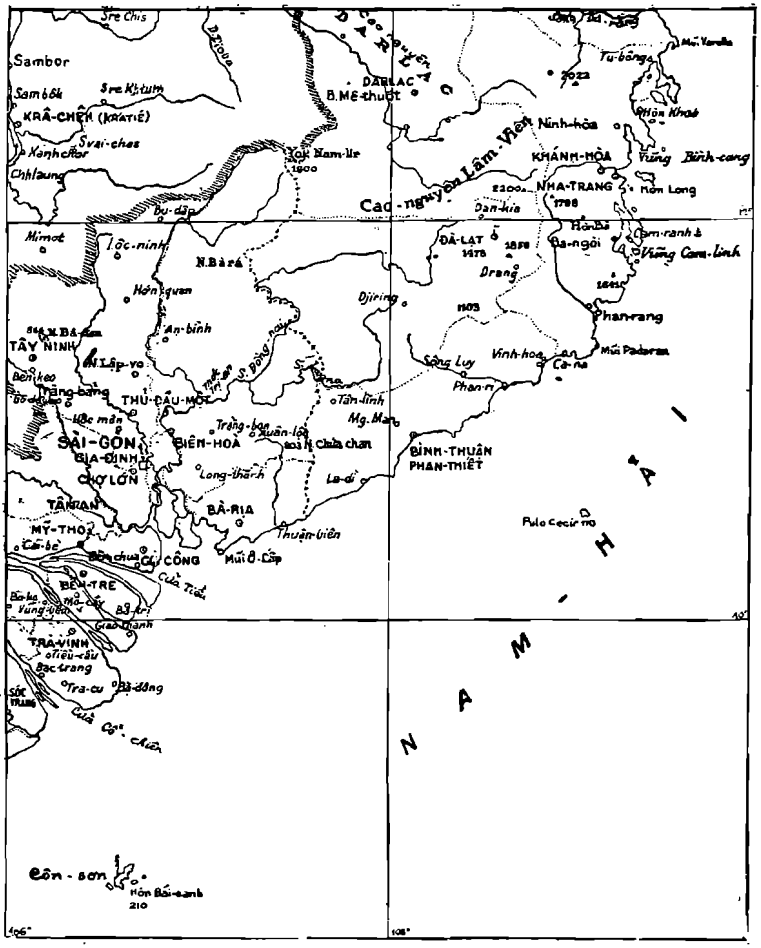
(1) Ông-Nộn cho rằng người Việt quen lập vua này bỏ vua khác thì địa-vị của mình không khỏi ở vào thế cheo leo nên không chịu đi với triều-đình Phú-xuân. Nói là triều-đình vì kể từ đời Vũ-vương chúa Nguyễn đã công nhiên đối phủ ra triều-đình rồi.

(2) Con thế-tử Nguyễn phúc-Hiệu khi đó nhỏ tuổi nên không được tôn lập, nhưng sau này họn Trương phúc-Loan lập người con thứ 16 của chúa cũng chẳng lớn hơn. Nguyên-nhân họ Trương lập Định-vương là do chỗ Định-vương là cháu ngoại của y để dễ nắm hết quyền-bính trong triều hơn.

Trương phúc-Loan (1). Trương từ đó đã thao-túng mọi việc và đã thác sinh ra một chế-độ tham-nhũng, tàn ác kinh-khủng khiến nhân dân vô cùng oán giận.

Được biết Nam-hà đang chìm đắm trong cảnh mục nát, suy-bại, tháng 10 năm Giáp-ngọ (1774) Tĩnh-đô vương Trịnh-Sâm vội nắm lấy cơ-hội này đem quân vượt Linh-giang tiến thẳng được tới Phú-Xuân năm sau. Lúc này anh em nhà Tây-sơn cũng đang hoạt-động lật đổ chánh-quyền của họ Nguyễn. Những chương dưới đây sẽ cho các chúng ta thấy rõ mọi chi-tiết về cơn gió lốc của thời-đại trong khoảnh khắc đã làm rơi rụng ngai vàng, nghiệp chúa của ba dòng họ Lê, Trịnh, Nguyễn vào những năm chót của thế-kỷ XVIII.

(1) Xin coi bài chú thích ở những trang sau.



Đây là những vùng đất do Nam-hà chiếm cứ được của Chiêm-Thành và Chân-lạp từ năm 1611 đến 1674

CHƯƠNG VI

CUỘC CHIẾN-TRANH CUỐI CÙNG CỦA HAI HỌ TRỊNH-NGUYỄN (1774)

TĨNH-ĐÔ VƯƠNG TRỊNH-SÂM VÀ TƯỚNG HOÀNG NGŨ-PHÚC VÀO THUẬN-HÓA.

TRỊNH-Sâm lên làm chúa thay Minh-đô vương Trịnh-Doanh (1740-1767) hai năm sau khi triều-đình Nam-hà của Vũ-vương gặp biến (Vũ-vương mất 1765) ; quyền-thần Trương-phúc-Loan chuyên quyền, chế-độ hà-khắc và tham-nhũng của y cùng bè lũ đã đưa nhân dân đến chỗ phải nổi lên chống đối, tìm lối thoát chẳng khác chi những phản-ứng của đồng bào nông-dân Bắc-hà dưới đời chúa Trịnh-Giang, Trịnh-Doanh 25 năm về trước. Đáng chú-ý trong những cuộc phiến-động ở Nam-hà bấy giờ có nhiều thương-nhân cũng là nạn nhân của chế-độ tham-tàn. Ai có thể quên rằng từ đầu thế-kỷ XVII nhiều người ngoại-quốc từ bốn phương kéo nhau vào các cửa biển miền Nam cũng như vào miền Bắc mua bán rất sầm-uất, lập thương-điếm ở Hải-phố (Faifoo), Qui-Nhơn, và cửa Hàn sau đó cả ở miền Hà-Tiên. Một số khá đông người dân của chúng ta đã rời bỏ nông-thôn ra làm ăn ở các thị-trấn, giao-dịch với họ, và ngay từ thời đó giới thương-nhân Việt-Nam bắt đầu thành hình. Theo Giáo sư Chesneaux trong cuốn Phụ-khảo về lịch-sử quốc-gia Việt-Nam (*Contri-*

bution à l'histoire de la Nation Vietnamienne), lĩnh-đạo đám thương nhân bấy giờ là anh em ông Nguyễn-Nhạc, Nguyễn-Lữ và Nguyễn Huệ, vốn cũng là những nhà buôn. Gia-đình ông Nhạc làm nghề bán cau tuy ông ta một thời đã giữ chức biện-lại ở Vân-Đồn. Và khi cuộc biến loạn bùng nổ thì không riêng nông-dân nổi dậy chống bọn quan lại thối nát mà còn cả giới thương-nhân ở các thị-thành cũng ùa theo vì quyền lợi của những người này cũng bị đẽo gọt.

Năm 1761, trước khi lên làm chúa, Trịnh-Sâm đã đánh dẹp được nhiều vụ loạn ở Hưng-Hóa. Ông đang còn nức lòng vì những cuộc chiến thắng trên đây thì nay Nam-Hà suy-sụp như thúc dục ông thôn-tính nốt miền này mà xưa kia tiền-nhân của ông suốt 45 năm ròng không giải-quyết nổi. Năm 1770, Sâm xua quân vào Trấn-Ninh để khởi đầu cuộc Nam-chinh cũng lượm được nhiều thắng-lợi dễ dàng. Xin chú ý rằng sự quyết-định đem quân vào Thuận-hóa của chúa Sâm không do cuộc dấy loạn của anh em ông Nhạc khuyến-khích mà do thân-vương Nguyễn phúc-Vân, một nạn-nhân của Trương phúc-Loan thân hành ra tới Thăng-Long cáo tỏ tình-hình quân dân miền Nam đang rời rã như cát-khô, cơm nguội và chính-quyền Phú-xuân đang bị lay động từ gốc đến ngọn.

Trấn-thủ Nghệ-An là Bùi thế-Đạt bấy giờ cũng dâng sớ về triều Lê xin nắm lấy thời-cơ. Đề-nghị này được ngay sự tán đồng của Việp quận-công Hoàng ngũ-Phúc và Đại-tướng Nguyễn-Nghiễm (tổ-phụ của tác-giả Kim vân-Kiều, Nguyễn-Du).

Chúa Sâm liền cử Hoàng ngũ-Phúc làm Thống-tướng, Bùi thế-Đạt làm phó, Phan lê-Phiên và Uông sĩ-Điển làm tham-biện ; Đoàn nguyên-Thục làm đốc-thị Nghệ-An ; ngoài ra lại có thêm mấy danh tướng như Hoàng phùng-Cơ, Hoàng đình-Thể, Nguyễn-Lệ và Hoàng đình-Báu lĩnh quân đội thủy lục của 33 Dinh từ Thanh-Hóa vào Nghệ-An và của các đạo Đông-Nam có tới 36.000 người.

Vì Thuận-Hóa ít lâu nay bị nạn đói kém (1) do bị mất mùa nên quân Bắc-Hà phải lo tự-túc về lương-thực.Chúa cho lập ba kho thóc một ở Mỹ-Lộc (thuộc Nam-Định ngày nay)tại trấn Sơn-Nam, đặt dưới quyền kiểm-soát của Nguyễn đình-Điền,và Điền có nhiệm-vụ mua thóc của các tỉnh Bắc Ninh, Hải-Dương và Sơn-Tây rồi tải dần vào Nghệ-An ; kho thứ nhì lập ở Nghệ-An và Hà-Trung tại phía Nam Hà-tĩnh, giao cho Đoàn nguyên-Thục cũng mua thóc gạo của các nhà giàu ở địa-phương rồi chuyển vào Quảng-Bình hoặc do đường bộ hay đường thủy tùy theo sự thuận tiện. Rồi ở ngay Quảng-Bình là kho thứ ba đặt tại Đông-Hải do Ngô-Dao phụ-trách để cung cấp cho quân đội.

Để trấn-tĩnh nhân-tâm ở miền ranh-giới (chắc là Nam bố-chính) họ Hoàng được lệnh gửi thư cho viên Trấn-thủ ở đây nói rằng quân Bắc-hà chỉ có mục-đích đem quân vào trừ « giặc Tây-sơn ». Nếu quân Tây-sơn bại rồi thì quân Bắc sẽ rút về ngay. Đây là một thủ-đoạn của họ Trịnh để tránh sự nghi ngờ của quân dân miền Nam. (*Theo Cương Mục*).

---

(1) Bàn về nạn đói ở Thanh-Hóa trước kia họ Trịnh đem quân vào đánh Thuận-Hóa, sử-gia Pháp chép rằng người chết la liệt ở các dọc đường và trong nhiều gia-đình người ta ăn thịt cả thân nhân.

Một nhân chứng đã thật-mục sở-thị là Giáo-sĩ Labartette đến thăm Thuận-Quảng hồi đó nói chiến-tranh và nạn đói ở đây đã lượm đi mất một nửa số dân chúng của chúa Nguyễn. Và đây là :

THƯ CỦA GIÁO-SĨ LABARTETTE GỬI GIÁO-SĨ BOIRET NĂM 1775 VỀ TÌNH-TRẠNG NAM-HÀ TRONG THỜI TÂY-SƠN DẤY NGHIỆP (1775-1779)

Thợ-đúc, ngày 21 tháng 7 năm 1775.

Tôi đã thấy xứ này ở trong một tình trạng vô cùng đau khổ

Đến Hà-Trung, Hoàng ngũ-Phúc gửi ngay thư này, và bức thư được chuyển luôn tới tay Huệ-Vương. Tướng bắt được thư trả lời ngay nhưng cũng là lúc Tống hữu-Trương được cử làm Thống-suất quân đội ở Lưu-Đồn và ông hoàng Nguyễn phúc-Thiệp trấn-thủ Bố-chính thi-hành nhiệm-vụ cản đường quân Trịnh.

Tính ra quân Trịnh khởi xuất vào tháng 5 năm Giáp-ngọ (9-6 đến mồng 8 tháng 7-1774) và những vụ thư đi thư lại xảy ra vào tháng ba, tháng bảy, tám và chín.

---

dọ những trận giặc nổi lên ở đây từ hai năm nay. Hiện thời có ba lực-lượng giành nhau cái ngai vàng ở Nam-Hà :

1) Ông vua đã bị người Bắc-hà đánh bật ra khỏi địa-vị và theo lời của dân chúng nhà vua đã chạy trốn vào vùng Đồng-Nai (Nam-phần ngày nay và vị vua nói đây là Định-Vương.)

2) Cháu nhà vua (Đông-cung Dương) bây giờ được coi là ông vua chính thống (vì được thay Định-Vương).

3) Quân-đội Bắc-hà—Lực-lượng này tự cho là mình có quyền thôn tính Nam-hà vì đất này là đất của nhà Lê và do nhà Lê cướp được của người Chàm trước đây. Quân Bắc đã chiếm được ba tỉnh rồi.

. . . Nạn đói và thần chiến-tranh đang làm cho nhân-dân hết sức kinh-khủng : nhưởng như Thượng-đế trút hết mọi sự hờn giận của Ngài xuống cái xứ xấu số này : rất nhiều người chết đói, ai ai cũng đều rách rưới, ghẻ lở đầy người và còn mang nhiều tật bệnh khác tương tự.

Xưa kia xứ này phồn-thịnh. phì-nhiêu là thế, nay thì hoàn-toàn kiệt-quệ, nghèo túng. Những thứ cần cho sự sống hàng ngày thì vô giá ; vàng bạc lại càng vô nghĩa ; đồng bạc bây giờ chỉ ăn vào một quan và một tiền...

. . . Quân giặc phần nhiều là người Tàu làm đủ mọi điều tệ ác. Chúng ăn cả thịt người, cho rằng thịt người tốt hơn mọi thứ thịt.

Hiện chúng tôi đang thấy bệnh dịch nguy hiểm nhất sắp phát sinh bởi nạn đói mỗi ngày một lớn, rồi do xác chết đầy đường làm cho không khí ô-uế, lại thêm thời-tiết oi-ả thì ông đủ hiểu...

Vào tháng 9 (5-10 — 3-11) Hoàng ngũ-Phúc vào tới Bắc Bố-chính. Viên Tri-phủ Trần-Giai (người của Chúa Nguyễn) cai-trị ở địa-phương này làm phản, tố cáo mọi điều lợi hại của chúa Nguyễn nên Ngũ-Phúc vừa ra lệnh cho Nguyễn ngô-Điền dựng trại ở gần chợ Ba-Đồn, vừa cho một cánh quân vượt qua sông Gianh trong đêm tối đến chiếm đóng ở Cao-Lao trên tả-ngạn con sông này.

Bấy giờ quân Tây-sơn đánh rát riết ở mạn trong, Huệ-Vương phải thân chinh vào tháng 7 năm ấy (7-8—5-9 1774) nhưng đến cửa Tư-Dụng thì ngừng lại bởi được tin quân Trịnh đã tiến vào nội-địa của mình ở miền Bắc. Chúa vội trở ra Huế cùng với Hoàng-tử Nghiêm cho viên Cai-đội Quí-Lộc và viên Câu-Kê (1) Kiêm-Long ra đón quân Bắc và mở tiệc khao quân để làm kế hoãn binh.

Ngũ-Phúc hiểu nội-tình bối rối của Nam-Hà nên cứ tiến quân, Hoàng-tử Thiệp Trấn-thủ Nam-bố-chính và Ký-lục Bảo-

---

...Chủ-nhật trước tôi rất ngạc nhiên được thấy một ông hoàng, cháu nhà vua, hãy còn ít tuổi trước đây đã giữ một địa-vị quan trọng đến khất thực ở nơi tôi với đứa con trai của ông. Cả hai cha con đều rất rách rưới quá lắm.

Thật nếu ông có mặt ở đây mới có thể tưởng-tượng người ta khổ sở đến thế nào, chưa bao giờ lại có nhiều tai-ương dồn dập đến một lúc như ở đây.

1 tháng 8 năm 1776

...« Chiến tranh và nạn đói tàn phá ở đây dữ dội đến nỗi người ta cho rằng có đến nửa phần dân số trong xứ đã bỏ mạng. Một gạt thóc xưa kia đáng độ bốn năm tiền thì nay đắt tới 14 hay 15 quan. Thật là cái gì ghê gớm nhất mà người ta có thể thấy được ở trong các sử sách. Có nhiều gia đình chết ngay cả một lúc bằng thuốc độc để khỏi chết lẻ-tẻ vì đói ; có nhiều khi mẹ phải thịt những đứa con còn đang bú. Ngoài chợ thường có treo bán cả thịt người...»

(1) Câu-Kê là một chức quan thủ-lại ở mỗi phòng sở hành-chính.

Quang thấy quân Trịnh mạnh quá liền rút về thành Đồng-Hới thì quân của tướng Trịnh là Hoàng-đình-Thể đã đến chân thành Trấn-Ninh. Các Cai-đội coi kỵ-binh của Nguyễn là Hoàng văn-Bật, Lê thập-Chí và nhiều tướng-tá khác của Nam-hà đều mở cửa thành xin hàng. Nghe quân Trịnh đến nơi, Hoàng-tử Thiệp là Trấn-thủ Quảng-Bình và Thống suất quân-đội ở Lưu-Đồn là Tống Hữu-Trương bỏ chạy. Quân Trịnh liền phá ngay lũy này, chiếm đóng hết tỉnh Quảng-Bình và tiến đến Hồ-Xá tức là giáp giới Quảng-Trị về phía Bắc.

Việc này diễn ra vào tháng 11 (3.12.1774 - 1.1.1775). Tĩnh-Đô-Vương Trịnh-Sâm thấy việc Nam-chinh có nhiều thắng-lợi vội-vã đem thêm quân vào tăng cường cho tướng Hoàng ngũ-Phúc.

Quân của chúa Trịnh chia ra bốn đạo : Tiền quân trao cho Phạm huy-Định chỉ-huy ; hậu quân do Trương-Khuông ; Tả hữu-quân có Nguyễn-Nghiễm và Lê bỉnh-Chấn, còn đại-quân thì do chúa lĩnh-đạo. Đại quân đến Hà-Trung vào tháng 11 ta, gần lúc họ Hoàng tới Hồ-Xá.

Tại đây, Hoàng tuyên-bố với quân-dân Nam-hà chủ-trương của quân Bắc là tới trừ quyền-thần Trương phú-Loan, sau đó là diệt " giặc Tây-Sơn " chớ không có ý gì khác. Triều-đình Nam-hà cảm thấy sự hèn yếu của mình vội bắt họ Trương nộp cho quân Trịnh, Hoàng vẫn tiến quân, nhưng để yên lòng dân, binh đội không có trương cờ và đánh trống. (1)

Lại một phen nữa Hoàng ngũ-Phúc gửi thư cho Huệ-vương yêu cầu hợp quân trừ Tây-Sơn. Dĩ-nhiên chúa Nguyễn không chịu mắc lừa nên cho hai hoàng-tử Thiệp (2) và Đặng đem đại quân ngăn quân Trịnh.

---

(1) — Theo Hoa-Bằng tác giả Quang-Trung Nguyễn-Huệ, Trương Phúc-Loan đã đút lót hàng ngàn lạng vàng cho tướng Trịnh để mua lại cái đầu của mình mà vẫn không xong.

(2) — Việt-Nam sử lược chép là Thiệp.

Bề khác của chúa Nguyễn cho Cai-Đội Tuyên-Chính và Tham-mưu Thành-Đức trá hàng để tìm cách phá quân của Ngũ-Phúc. Trong lúc này Cai-đội Phạm-Bình được cử ra Quảng-Bình và Bố-chính vận động nhân dân đánh vào hậu-tuyến của Trịnh.

Kế-hoạch nàocủa chúa Nguyễn cũng đều thất bại Phạm-Bình bị bắt, hoàng-tử Thiệp bị tướng Trịnh là Nguyễn tấn-Khoan và Hoàng phùng-Cơ đánh bại. Hoàng-tử Đặng bỏ trốn không dám giao tranh. Không bị sức kháng cự nào đáng kể, quân Ngũ-Phúc bấy giờ chỉ còn cách kinh-thành Phú-Xuân độ 20 cây-số.

Chúa Nguyễn cố thủ, cử Hoàng-tử Chất là con thứ 6 của Võ-Vương lĩnh lục-quân, hoàng-tử Dinh lĩnh thủy-quân ra ngăn quân Bắc. Tại đây lực-lượng còn lại của Nam-hà rất mong manh, ít ỏi rõ rệt nên chống trả rất yếu-ớt, sau đó quân Bắc vượt được qua sông Ba-Trực. Tại đây, binh tướng của Nguyễn hoặc bị giết hoặc chạy dài, thảm hại không sao kể xiết.

Còn lại Chưởng-Cơ của Nam-Hà khi đó là Nguyễn văn-Chính (1) thì bất tài, không đảm-đương nổi trọng-trách án-ngữ quân Trịnh nên cũng bị tử trận ngay tại chỗ, rồi ngày 28 tháng 12 (29-1-1775) quân Trịnh kéo vào Kinh-đô của họ Nguyễn.

Huệ-vương cho Tống phúc-Đạm làm Tham-mưu trưởng của quân đội Hoàng-gia tập hợp tàn quân cố ngăn quân Trịnh ở cửa Bắc để những đội-trưởng các đội Tả-thủy, Trung-thủy và Tiền-thủy do Võ di-Nguy, Nguyễn-Cúc và Trương phúc-Đĩnh chỉ-huy có đủ thời giờ gấp rút sửa soạn thuyền bè cho chúa chạy trốn,

Cuối năm Ất-vị, (ngày 30-1-1775,) thuyền chúa Nguyễn lần qua cửa Tư-Dung tiến ra biển chạy vào Quảng-Nam, Thế-tử Nguyễn phúc-Dương con thế-tử Hiệu cũng rút bằng đường bộ qua đèo Hải-Vân vào cửa Hàn.

Thuận-Hóa thất thủ.

---

(1) — Việt-Nam sử lược chép theo các sử chữ nho nói Nguyễn văn-Chính được cử ra chặn đường quân Trịnh ở Bái-Đáp giang nay gọi là Phù-Lệ ở huyện Quảng-Điền.

Từ giờ phút này quân Bắc giữ quyền chủ-động ở chiến trường cho tới khi Quảng-Nam mất nốt. Sau đó đối-thủ của họ Trịnh chỉ còn có Tây-Sơn mà thôi.

Bấy giờ quân của chúa Tĩnh-Đô Vương ở Hà-Trung nghe tin Hoàng ngũ-Phúc đã chiếm xong Phú-Xuân, mừng lắm, cho người đem 100 lạng vàng thưởng cho Ngũ-Phúc và 500 lạng bạc cho các tướng-sĩ, lại phong cho Ngũ-Phúc chức Đại Trấn-Thủ ở Thuận-Hóa để giải-quyết nốt mọi việc ở Nam-Hà rồi rút về Thăng-Long.

Tháng 6 năm Bính-thân (26-6—24-7-1776) đánh dấu thời Trung suy của con cháu Nguyễn-Hoàng, và trái lại từ giai-đoạn này tại Nam-Hà một lực-lượng mới xuất-hiện để mở thêm vài trang sử huy-hoàng cho dân-tộc chúng ta : Nhà Tây-Sơn.

PHẦN THỨ TƯ

NHÀ TÂY-SƠN

PHẦN THỨ TƯ

NHÀ TÂY SƠN

CHƯƠNG I

TÂY-SƠN DẤY NGHIỆP

I.— TRƯỚC CUỘC KHỞI NGHĨA CỦA TÂY-SƠN

KHẢO về hiện-trạng xã-hội Việt-Nam trước cuộc khởi-nghĩa Tây-Sơn, Giáo-sư J.Chesneaux cũng đưa ra những nhận xét sau đây :

Nông-dân Việt-Nam dưới chế-độ Hoàng-gia, phong-kiến từ thế-kỷ XVI đến thế-kỷ XVIII đã vô cùng khốn cực chẳng khác chi cảnh-ngộ của các người nông-dân nước Pháp từ trung-cổ đến cận-kim thời đại, nghĩa là người dân đã phải chịu những chế-độ thuế-khóa nặng-nề (thuế muối, đò giang, ngư lợi, buôn bán v.v...). chế-độ sưu-dịch, chế-độ tô-tức với các địa-chủ thường là các ngài lá ngọc cành vàng, khiến gã tiều-phu của *La Fontaine* cực chẳng đã phải kêu gọi đến thần chết xin cho mãn kiếp. Và nếu bài *« Thần chết và gã tiều-phu »* đã nói lên tất cả nỗi đau khổ của người dân Pháp về nhiều phương-diện, thì tập *« Chinh-phụ ngâm »* của Đặng trần-Côn qua bản dịch của nữ-sĩ Đoàn thị-Điểm, cũng đưa ra một vài khía cạnh bi-dát của chiến-tranh, mà nạn nhân vẫn là đám cùng-dân, thủ-phạm vẫn là đám con vua, cháu chúa. Khảo về Lịch-sử nước ta trong giai-đoạn này, Giáo-sư J. Chesneaux đại-ý nói

rằng : « *Dân cày sống bằng đồng ruộng mà đồng ruộng lại vào tay các ông Công, Hầu, Bá, Tử, và lũ tuỳ sai của họ là kỳ-hào ở các hương-thôn, thường già tay nặn bóp, khiến người dân thường đau khổ ta-thán không ngớt miệng* »,

Thực ra nếu hai họ Trịnh, Nguyễn không giành nhau ảnh-hưởng nước Việt-Nam, không có nội-tranh, việc lạm thế, lạm quyền hẳn không nhiều thì tình-trạng nông-dân chắc chưa đến nỗi quá đau khổ, nếu so-sánh với đời sống dưới các tiền-triều đã thường được ca-ngợi và tưởng nhớ.

Rồi cùng thì phải biến, những vụ loạn của các nông dân miền Trung-Châu và các cư-dân vùng Thượng-du phải bùng ra từ cuối thế-kỷ XVII qua thế-kỷ XVIII (các vụ bạo-động của Nguyễn-Cừ, Nguyễn-Tuyển, Nguyễn hữu-Cầu v.v... đã nói ở trên). Về điểm này ta thấy các chúa Nguyễn ở miền Nam đỡ mệt hơn vua Lê, chúa Trịnh ở miền Bắc, bởi nông-dân ít bị cái nạn bóc lột của phong-kiến do miền Nam dân thưa lại chiếm được của Chàm và Chân-Lạp khá nhiều đất-đai phì-nhiêu. Vậy vấn-đề dân cày với đồng ruộng ở đây hầu như không thành đề đưa ra xét cứu nhưng với nông-dân ở các miền Quảng-Ngãi và Bình-Định thì có chuyện bê-bối bởi nạn tham nhũng của quan lại và thuế điền-thổ quá cao từ đời Định-Vương (1765) do đó mới có vụ dấy-loạn của anh em Tây-sơn vào cuối thế-kỷ XVIII. Phải chi vua quan của miền Nam cũng như miền Bắc, để tâm ngó xuống đám bần dân, sửa đổi lại chính-sách cai-trị cho người nông dân dễ thở bằng cách chia lại ruộng đất, giảm thuế khóa và bài-trừ tham nhũng, thì thế-kỷ XVIII ở Việt-Nam đâu có thể xảy ra nhiều vụ rối-ren khắp xứ kéo dài luôn hai ba chục năm ròng.

Lại một điều đáng chú ý là chính-quyền đời bấy giờ thiếu hẳn một chánh-sách kinh-tế và thương-mại. Từ thế-kỷ XVII qua thế-kỷ XVIII nhiều nhà buôn ngoại-quốc như người Bồ đào-Nha, Tây ban-Nha, Hòa-Lan, Anh, Pháp, Tàu, Nhật đã kéo nhau vào trao đổi hàng hóa với vua quan và dân chúng Việt-Nam, lập bao nhiêu thương-điếm vô cùng sầm-uất. Nếu vua quan Việt-Nam biết mở cho dân con đường mới này là con đường thực-nghiệp thì ngoài việc canh-tác, dân chúng lại

có thêm một nguồn sống nữa có thể rất dồi-dào và phát-đạt để tự cứu lấy mình trong những tình-thế khó-khăn. Trái lại, ở nước này người ta chỉ biết có Sĩ và Nông là hai nghề được công nhận có giá-trị, còn những nghề khác gần như bị coi rẻ nếu không nói là bị khinh-bỉ ?

Do sự lầm lỗi này, các nhà cầm quyền thử-thời chỉ bảo vệ quyền lợi của hoàng-gia và quan-liêu mà không để tâm săn sóc đến đám cùng-dân đã nuôi họ bằng mồ hôi và nước mắt. Lại xin nhắc rằng, đám quan liêu bóc lột dân nghèo đã đủ chết, đời bấy giờ còn bọn cho vay lãi nữa tuy không thành một giai-cấp nhưng cũng đã trở nên một thứ sâu mọt đục khoét không kém phần khốc-hại cho đám bình-dân Việt-Nam thuở đó.

Việc buôn bán không những không được khuyến-khích, nâng-đỡ, bọn quan lại đóng ở các nơi gần sông, gần biển hay ở các vùng biên giới cũng luôn luôn lạm quyền để làm tiền những nhà buôn có máu mặt trong khi nhờ có sự xúc-tiếp với các nhà buôn Tây-phương, giới con buôn của ta bắt đầu tấn-phát.

Làm ruộng đã chẳng đủ ăn vì nạn đóng góp thuế khóa, buôn bán hay làm công nghệ lại thường bị chuyện khó dễ, người dân bị đẩy đến chỗ đường cùng, tất nhiên phải nổi loạn. Những nhà sử-học ngày nay đã coi những vụ loạn này, dầu thành công hay thất bại, dầu dài hay ngắn, cũng là những phong-trào cách mạng. Những phong-trào nông dân cách-mạng ở Bắc-hà vào tiền bán thế-kỷ XVIII do các thủ-lãnh Nguyễn-Tuyển, Nguyễn-Cừ, Nguyễn hữu-Cầu lĩnh-đạo không thắng lợi, nhưng vụ bạo-động của Tây-Sơn ở miền Nam đã thành-công là nhờ cái triều-đình có ông chúa mới 12 tuổi và vị nhiếp-chánh họ Trương (Trương phúc-Loan) quá tham tàn nên nhân dân vô cùng oán ghét.

Năm 1772 Lịch-sử Việt-Nam ghi rằng có ba anh em họ Nguyễn, anh cả là Nhạc, người thứ hai là Lữ, thứ ba là Huệ, xuất-thân ở giới thương-nhân thuở đó đã tổ-chức cuộc khởi-nghĩa quanh vùng

Qui-Nhơn và An-Khê (1). Chữ Tây-Sơn chỉ rằng ; trongthời khởi thủy giấy núi phía Tây (Qui-Nhơn) đã là sào huyệt của anh em họ Nguyễn.

Cuộc khởi nghĩa được toàn-thể nhân dân hưởng-ứng, tức là có cả nông-dân lẫn thương-nhân và một số khách-trú, (theo tài-liệu của các giáo-sĩ và của nhà du-hành Barrow đã đặt chân vào đất Tây-Sơn năm 1793). Gia đình của anh em Nguyễn-Nhạc chuyên buôn bán cau là một sản-phẩm rất thông dụng ở khắp các thị-trường trong nước.

Phong-trào khởi nghĩa của Tây-Sơn, cứ lời thuật lại của giáo-sĩ Diego de Jumilla đã bắt đầu hoạt động mạnh vào tháng tư năm 1773. Quân-đội của Tây-Sơn đã từ miền núi xuống các thôn quê, vào các chợ-búa giữa ban ngày. Họ có đủ gươm, giáo, súng, nổ nhưng không hại tính mạng và tài sản của ai hết. Trái lại, họ tuyên-ngôn làm các việc công bằng, thẳng thắn, chỉ trừ khử bọn quan tham lại nhũng, những kẻ trọc-phú, lưu-manh và trộm cướp. Họ lấy của người giầu phân phát cho kẻ nghèo, chỉ giành cho mình một phần nào thóc gạo mà thôi. Ai chống lại thì họ giết, biết điều thì thôi.

Một giáo-sĩ Tây-Ban-Nha kể rằng họ đã tự xưng là những người theo mệnh trời để thi hành công-lý và giải-phóng nhân dân khỏi ách quan liêu, phong-kiến đúng như điều mà các nhà cách-mạng xã-hội ngày nay của chúng ta đang chủ-trương.

Cũng như những cuộc khởi nghĩa của nông dân Âu-châu đời Trung-Cổ, họ được giới nhà chùa, Phật-giáo và Lão-giáo ủng-hộ nhiệt-liệt. Chính Nguyễn-Lữ cũng là một nhà sư trước đây và sau này Lữ đã thành gần như một giáo-chủ ở Nam-hà ; ngoài ra

---

(1) Ngày nay du-khách qua vùng An-Khê, cách Pleiku chừng 85 cây số, có thể tới thăm làng Cửu-An trước kia phụ-thuộc tỉnh Bình-Định, và được gọi là Tây-Sơn-ấp. Ở đây,giữa những khu rừng âm-u hiu quạnh, đột khởi một quả núi, tục gọi núi Chà Diêm. Khoảng năm 1778, ba anh em Nguyễn-Nhạc đã dùng hang núi này làm kho thuốc súng trong khi khởi nghĩa.

các người Mọi, cùng các sắc-dân thiểu-số khác, và theo sử-gia Pétrus Ký, có cả vị vua của người Chàm tiếp tay cho họ.

Rồi quân Tây-Sơn đi đến đâu, thắng đến đó như trận cuồng phong lướt cỏ.

TIỂU-SỬ CỦA BA ANH EM TÂY-SƠN

Sử ta chép về lý-lịch của anh em nhà Tây-Sơn có đưa ra một số chi-tiết như sau :

« .... Ông tổ của ba anh em họ Nguyễn thực ra là họ Hồ và cũng là ông tổ của Hồ Quý-Ly, con người đã cương-quyết làm cuộc cách-mạng quốc-gia hết sức táo-bạo dưới đời Trần về mọi phương-diện (*Việt-sử tân-biên* quyển hai đã nói đến).

Đến đời anh em Nguyễn-Nhạc thì chi-nhánh của bọn Nhạc đã lưu-lạc vào tới huyện Phù-Ly nay đổi là Phú-Cát thuộc tỉnh Bình-định. (Xưa kia họ Hồ phát-tích ở tỉnh Chiết-Giang bên Tàu, tổ là Hồ-hưng-Dật sang nước ta từ đời Ngũ-Quý đến ở làng Bào-Đột huyện Quỳnh-Lưu, sau dời ra Thanh-Hóa).

Sự lưu-lạc của các ông Nhạc, Lữ, Huệ xảy ra từ đời Trịnh-Nguyễn phân tranh. Các ông đó cũng như nhiều đồng-bào khác bị bắt đưa vào ở Ấp Tây-Sơn (1), thôn Cửu-An, thuộc phủ Hoài-Nhơn, theo chương-trình khẩn hoang các vùng đất mới chiếm của Chàm. Thân-sinh ra các ông là Hồ phi-Phúc, sau dời sang ấp Kiên-Thành, nay là làng Phú-Lạc, huyện Tuy-Viễn... »

Sử cho rằng các ông đổi sang họ Nguyễn là họ mẹ để cuộc khởi-nghĩa dễ được cảm tình của nhân dân. *Việt-Nam Sử-lược* bàn rằng lý-do của việc đổi họ Hồ sang họ Nguyễn vì « xứ Nam vẫn là đất của chúa Nguyễn ». Chúng tôi nghĩ rằng anh em ông Nhạc muốn tránh cái tiếng họ Hồ, vì Hồ đã bị giới trí-thức phong-kiến của đời trước phản tuyên-truyền quá nhiều

---

(1) — Danh hiệu Tây-Sơn mà anh em ông Nhạc được mang là do nơi cư-ngụ này.

thì phải hơn (các cuốn sử đời Hậu-Lê cho tới Nguyễn-triều vẫn còn ghi họ Hồ là nghịch-thần và phạm tội thí-quân thoán-quốc v. v...). Thực ra họ Nguyễn đến các chúa Vũ-Vương, Huệ-Vương Định-vương, lại thêm nạn quyền-thần Trương phúc-Loan gây nên bao nhiêu thảm cảnh nước loạn dân tàn, dân chúng chết đói đầy đường đầy chợ, anh em nhà Tây-Sơn đâu có coi việc đeo họ Nguyễn (tức họ mẹ) là được khoác một cái nhãn-hiệu đẹp đẽ. Việc cải ra họ Nguyễn, theo chúng tôi thì chỉ có mục-đtch ẩn-dấu tông tích cũ và lấy họ Nguyễn mà không lấy họ Trần, họ Đinh, họ Phạm v. v... bởi họ Nguyễn có tính « thông biến » hơn cả. Nhiều vua, chúa đời xưa sau khi thất-thế đều đổi họ là chuyện thường trong lịch-sử của chúng ta, để tránh những sự thù ghét của các nhà cầm quyền và của nhân-dân.

Vài điều đáng chú-ý về anh em nhà Tây-Sơn : như trên chúng ta đã từng nói, những đồng-bào di-dân vào Nam-hà từ thế-kỷ XVI thường có những cá-tính đặc-biệt. Khi đồng bằng đất Bắc đã trở nên chật hẹp do nạn nhân-mãn, lại thêm ảnh-hưởng của chiến tranh bởi các dòng chúa Mạc, Trịnh, Nguyễn gây nên, những con người tha hương vào đất Chàm hầu hết là những tay tù đồ, vong-mạng, giang-hồ, hảo-hán, chọc trời khuấy nước, lại cũng có cả những nông dân giàu năng-lực hay khí phách cương-cường. Hơn thế nữa, một số có tinh-thần hiệp-sĩ, ngang tàng lỗi-lạc. Những đặc tính này làm chúng ta liên-tưởng đến, cũng vào thời bấy giờ (thế-kỷ XVI) trên tân-lục-địa tức là nước Mỹ ngày nay, từ bốn phương trời trôi dạt đến nhiều giống người, loại người khác nhau cũng có những tính-tình như vậy đã dựng nên một Mỹ giầu mạnh cho tới hiện giờ. Họ xuất thân là những tay chăn bò (cow-boy) (1) chuyên đánh nhau với thổ-dân để cướp đất, coi cái chết nhẹ như lông hồng, họ còn là những tay thám-hiểm giầu đởm-lược và hăng-hái, những chiến-sĩ cả về mặt chánh-trị, kinh-

(1)— Ở nước ta dùng tiếng cow-boy theo ý xấu xa, trái lại người Mỹ lấy làm hãnh-diện có ông cha là Cow-boy, vì ở Mỹ cow-boy thường là những người nghĩa-hiệp, ngang-tàng, ngay-thẳng.

tế, xã-hội, chỉ thiết-tha làm những việc cao xa, nhờ vậy mà Hợp-chủng-quốc đã trở nên một đàn anh của thế-giới ngày nay...

Trong các bút-ký của các nhà du-hành ngoại-quốc, của các giáo-sĩ, anh em nhà Tây-Sơn và cuộc khởi nghĩa của họ được khen lao nhiều lắm.

Nguyễn-Nhạc bấy giờ xuất thân chỉ là một biện-lại tại Vân-Đồn, hay cờ bạc, rồi vì tiêu sạch tiền thuế đến lúc cùng đường phải trốn vào rừng và đi làm giặc.

Người ta quên hẳn rằng xã-hội Nam-Hà với cái nạn bóc lột của bè lũ Trương phúc-Loan, với cái cảnh kiệt-quệ của các đồng-bào từ miền quê ra tới các thành-thị, trước nạn đói rách đến chết ngót nửa dân-số, thì cái chính-quyền ung nhọt như thế, vô trách-nhiệm như thế đã thành nguỵ-quyền rồi còn chi nữa. Chỉ có bụt đất mới ngồi yên mà không cựa quậy ! Trong trường-hợp này, Nhạc có tiêu tiền thuế vào cờ bạc thì cũng chỉ là một phản-ứng như nhiều phản-ứng khác của nhân dân đời bấy giờ mà thôi, và biết đâu Nhạc đã chẳng dùng tiền thuế đó vào việc chiêu-binh mãi-mã, để khởi nghĩa lật đổ đám vua quan mục nát? Lại nữa, làm biện-lại để thâu tiền thuế cho triều-đình, gia-thế của Nhạc hẳn cũng phải là phong-túc lắm mới được giao nhiệm-vụ này, ngoài ra nếu anh em Nhạc chỉ là những tên vô-lại, đãng-tử của địa-phương, liệu anh em ông ta có thể hiệu-triệu nhân-dân để lật đổ chánh-quyền buổi ấy chăng ?

Dầu sao thì người ta cũng không thể chối cãi được khi bọn Nhạc nổi lên, lòng dân nô-nức theo như nước chảy. Phải chăng nhân dân hy-vọng ở cuộc khởi nghĩa này một lối thoát và những bạo-hành buổi đầu của Tây-Sơn như trừ bọn quan lại tham-nhũng, đoạt của các nhà giàu đem giúp các người nghèo khó và tiêu-diệt các bọn trộm cướp ở địa-phương đã đi đúng với sở-nguyện của nhân dân đời bấy giờ ? Trái lại, trước thời khởi-nghĩa, quân cướp đường, cướp chợ như ong, nhân dân bỏ cả việc làm ăn, buôn bán. Nhưng từ ngày anh em nhà Tây-Sơn xuất đầu lộ diện các người ngoại-quốc đi lại được dễ dàng và việc giao-thương có tín-nghĩa, không như đám vua quan thuở ấy mua bán với người

ngoại-quốc thường lần-khân về tiền bạc khiến trong các bút ký họ tỏ ra nhiều ý bất-bình, khinh bỉ (1). Nguyễn-Nhạc lại là con người can-đảm và mưu-trí nên việc hạ thành Qui-Nhơn để khởi thanh thế của ông đã thành một câu chuyện kỳ thú : ông ngồi vào cũi giả bị nhân dân bắt đem nộp quan tỉnh lấy thưởng. Tuần-phủ ở đây là Nguyễn-Khắc-Tuyên tưởng thật cho khiêng cũi vào thành nhưng đến nửa đêm Nhạc tháo cũi chui ra, mở cửa thành cho quân đội mình xông vào đánh đuổi quan quân một cách bất ngờ nên họ trở mình không kịp.

Thành Qui-Nhơn lọt vào tay Tây-Sơn, từ đấy anh em Nhạc, Huệ có một căn-cứ để xuất-phát đi các nơi khác. Một số người Tàu có hai lãnh-tụ là Lý-Tài và Tập-Đình cũng mộ quân theo.

Quân Tây-Sơn đặt xong đại bản-doanh ở đây, tổ-chức binh-đội có qui-củ và trang-bị đầy đủ khí-giới là lúc ngọn cờ cách-mạng tiến lên Quảng-Nam rồi chẳng bao lâu Quảng-Nghĩa, Bình-Thuận cũng đổi chủ.

Ngay lúc đầu, chúa Nguyễn bị quân Trịnh do tướng Hoàng ngũ-Phúc đuổi cũng chạy vào Quảng-Nam nương náu chưa được vài tháng ở Bến-Ván. Tại đây chúa lập cháu là Nguyễn Phúc-Dương lên làm Đông-Cung để lo việc khôi phục và phòng xa nếu mình bị rủi ro thì đã có người kế-vị.

Tây-Sơn vẫn tiến lên, quân Bắc vẫn đi xuống, chúa Nguyễn giữa hai gọng kìm trốn tránh vào Trà-Sơn rồi cùng cháu là Nguyễn Phúc-Ánh xuống thuyền chạy vào Gia-Định.

Đông-Cung Nguyễn phúc-Dương ở lại xứ Quảng, đóng đồn ở làng Câu-Đề thuộc huyện Hòa-Vinh cũng không làm được gì đang kể. Nhạc liền nghĩ ra kế-hoạch lợi-dụng danh nghĩa của ông Hoàng đang thất-thế này để vơ-vét lấy thêm một số người trong giới quân-dân còn đang theo giúp Đông-Cung hoặc vẫn

(1) Vua quan bấy giờ hay gửi các tàu buôn ngoại-quốc mua bán nhiều thứ hàng, hoặc mua những quý-vật của tàu buôn ngoại-quốc đem đến, rồi khi bị đòi nợ hay dở mặt làm khó dễ.

có cảm tình với dòng Chúa. Rồi Nhạc cho dụ Đông-cung về Hải-Phố như để cùng chống quân Bắc.

Tại đây ít ngày sau, Tây-Sơn phải đương đầu với quân của Hoàng ngũ-Phúc đã vượt qua đèo Hải-Vân, đánh được đồn Trung-Sơn và Câu-Đề. Nhạc cho Tập-Đình làm tiên-phong, Lý-Tài làm trung-quân, tự mình làm hậu-tập. Binh-sĩ của hai viên tướng Tàu nầy phần đông là người Quảng-Đông, vóc to lớn mình để trần, ai nầy đều xử-dụng một thanh-phạng có vẻ rất lợi hại, dữ-tợn.

Chiến trường bấy giờ là làng Cẩm-Sa (thuộc Hoa-Vinh).

Tiền-đội của Trịnh đánh không nổi, Ngũ-Phúc phải cử ngay Hoàng đình-Thể và Hoàng phùng-Cơ đem kỵ-binh đánh áp lại hai bên, quân Tập-Đình núng thế phải rút về giữ bến Bản, và Đông-Cung được đưa về Qui-Nhơn trong khi chiến-cuộc đang khai-diễn.

Sau trận đại thắng này, quân Trịnh vào đóng ở Quảng-Nam.

CHƯƠNG II

NGUYỄN MẠT, TRỊNH VONG,

CHIẾN CUỘC GIỮA TÂY-SƠN VÀ HỌ NGUYỄN

NHƯ ta đã thấy chiến-trường từ 1775 có ba lực-lượng :

a) *Lực lượng của Trịnh.*— Hoàng ngũ-Phúc lúc này đóng ở Quảng-Nam và ngừng lại vì quân Trịnh ở xa vào, nhọc mệt lại bị lam-chướng, cảm-mạo, chết dịch khá nhiều.

Chủ-tướng họ Hoàng, trước tình-thế này bắt đầu xuống tinh-thần, lại thêm thấy hùng-khí của Tây-Sơn cũng đáng ngại, do đó hồi còn hành binh ở Châu-Ổ (Quảng-Ngãi) Hoàng đã tuyên-bố với các tướng-sĩ : « Tây-Sơn bây giờ như gió bốc mạnh. Tôi già rồi e các ông khó lòng đối-địch nổi với họ ».

Rồi quân Trịnh ngừng lại để nghỉ ngơi, sau đó ít lâu, Ngũ-Phúc được chúa Trịnh gọi về nhưng đến nửa đường thì tạ-thế.

Đáng chú ý một điều là quân Trịnh tại đây, hai năm sau đã hòa-hảo xong với Tây-Sơn liền áp-dụng ngay chính-sách đồng-hóa Nam-Hà và xây đồn, đắp lũy từ Hải-Vân vào đến Thuận-Hóa (1).

Các dấu-tích của một triều-đình biệt-lập từ ngày họ Đào xây thành đắp lũy cũng như chánh quyền của nó giờ đó cũng bị xóa nhòa hẳn.

---

(1) — Sau khi họ Nguyễn bị đuổi ra khỏi Thuận-Hóa, lực-lượng chiếm đóng của Trịnh tại Thuận-Hóa là 3.000 đồn-binh (tức là quân để giữ các địa-điểm hành-chính) và 30.000 thủ-binh (tức là quân chiến-đấu).

Theo lệnh của Tĩnh-đô-Vương để giữ Thuận-Hóa khi chủ-tướng họ Hoàng được triệu về Bắc

— Hoàng phùng-Cơ và Phạm ngô-Cầu làm đại-tướng,

— Hoàng đình-Thể làm phó-tướng,

— Nguyễn trọng-Đăng xuất-thân tiến-sĩ, làm đốc-thị để giúp các võ-tướng về việc chính-trị và mưu-lược (Theo *Quang-Trung Nguyễn-Huệ* của Hoa-Bằng trang 46, nói tướng trấn-thủ Thuận-Hóa khi Ngũ-Phúc lên đường là Bùi thế-Đạt sau tới là Phạm ngô-Cầu) (1).

b) *Lực-lượng Tây-Sơn.*— Thấy quân Trịnh có binh hùng tướng mạnh, anh em Nguyễn-Nhạc, một bề chuyển vàng bạc về dấu ở Tây-Sơn-thượng, đem Đông-cung Dương về Hà-Liêu và An-Thái (2), một bề cho người đến điều-đình với Hoàng ngũ-Phúc xin hàng và chịu điều-kiện xưng thần nạp cống và lĩnh chức tiều-tướng để coi ba phủ Quảng-Ngãi, Qui-Nhơn và Phú-Yên.

Nhạc còn xin lĩnh quân tiên-phong theo Trịnh vào truy-kích chúa Nguyễn đang đào-vong ở Gia-Định. Đề-nghị này hợp với tâm-sự của Hoàng ngũ-Phúc, nên được tán-thành ngay, sau đó Nhạc được Phúc phong chức Tây-Sơn hiệu-trưởng, tráng-tiết tướng-quân.

Gia-khách của họ Hoàng là Cống-Chỉnh (Nguyễn hữu-Chỉnh lúc này đang làm Chưởng thư-ký cho Hoàng) được lệnh đem gươm, cờ ấn, sắc, áo mão và ngựa vào cho Nhạc.

Thu xếp với Trịnh xong, Nhạc lại xoay sang phía Nguyễn,

---

(1) — Bọn Bùi-thế-Đạt có Nguyễn đình-Đống làm phó, Phạm lê-Phiên, Uông sĩ-Điền, Nguyễn lệnh-Tân làm tá-nhị. Sau lại có Lê quí-Đôn và Nguyễn mậu-Dĩnh làm Hiệp-đồng để kinh-lý mọi việc về hành-chính và chính-trị.

(2) — An-Thái là tên một cái ấp thuộc tỉnh Qui-Nhơn.

cũng vẫn dùng chước phục-tùng tại nơi quân-thứ của Nguyễn phúc-Hiệp (1) lúc này có mặt ở Phú-Yên.

Nhạc lại gả Thọ-Hương là con gái mình cho Đông-cung Dương và ép Đông-Cung lên ngôi chúa tuy chúa Duệ-Tông Định-Vương vẫn còn hoạt-động (2), nhưng Đông-Cung không chịu. Lúc này Đông-Cung đã được mang về Bồng-giang.

Nhạc cho người tới xin Nguyễn phúc-Hiệp lập Hoàng-tử Dương lên ngôi chúa rồi bắt thình-lình Nguyễn-Huệ đánh úp luôn Phú-Yên (3). Huệ bấy giờ cũng được Trịnh phong làm Tây-Sơn hiệu tiền-phong tướng-quân.

c) *Lực-lượng của họ Nguyễn.*— Ở lại để chống chọi với Trịnh lẫn Tây-Sơn thuở đó là Nguyễn phúc-Hiệp. Mùa đông năm Ất-Mùi (1775) khi Phú-Yên bị Tây-Sơn hạ thì hai phủ Thăng-Bình và Điện-Bàn còn ở tay quân Nguyễn dưới quyền điều-khiển của Nguyễn-Quyền và Nguyễn-Xuân. Nhưng Nguyễn-Quyền ở đây gặp một điều rất rủi là Quảng-Nam mất mùa, đã đói khổ lại thêm nạn binh hỏa nên tinh-thần chiến-đấu của bọn Nguyễn-Quyền xuống rất thấp.

Nhạc nhân quân Nguyễn thiếu lương-thực, chán nản, nên đem binh-sĩ đánh rất hăng, quân Nguyễn tan-rã rất lẹ. Xin chú-ý Tây-Sơn có lối đánh rất giống quân Mông-cổ là đánh rất mạnh, rất mau và chuyên lợi-dụng lúc địch bất ngờ.

Quân Tây-Sơn thắng rồi thì Nguyễn văn-Huệ giữ Quảng-Nam, trong khi Nhạc chuyển quân xuống Qui-Nhơn.

---

(1) — Nguyễn-phúc-Hiệp là một thân-vương của họ Nguyễn đang lĩnh trọng-trách đối phó với tình-thế ở đây trong khi Duệ-Tông trốn vào Gia-Định.

(2) — Chúa Duệ-Tông tức Định-Vương bấy giờ được 20 tuổi

(3) — Xem những hành-động của Nhạc trên đây ta thấy Nhạc cũng là một tay mưu-cơ quyền biến ghê gớm.

Lúc này (1776) Tây-Sơn đang thắng thế, mở việc tuyển-binh được mọi sự dễ dàng vì được dân chúng tin tưởng

Chiến-sự miền Nam cũng rất gay go.

Nguyễn-Lữ làm Tiết-chế đánh chúa Duệ-Tông bạt sang Gia-Định rồi qua Trấn-Biên (Biên-Hòa) chiếm được Sài-Côn, nhưng tại đây một tướng Nguyễn là Đỗ thành-Nhân lại dấy quân, tái chiếm được Sài-Côn cho họ Nguyễn. Những của cải tại thành này là thóc lúa thì bị quân Tây-Sơn vét sạch đem về Qui-Nhơn rồi.

Bắt đầu từ 1776 thanh-thế của Tây-Sơn đã lớn lắm. Nhạc sai đắp lại thành Chà-Bàn cho kiên-cố thêm. Thành này có một vị-trí rất lợi-hại, phía Tây có Kim-Sơn đứng trấn, phía Đông có Cánh-Tiên hộ-vệ, phía Nam có Tam-Tháp chầu vào, phía Bắc có Thập-tháp che đỡ. Ngoài ra Phong-sơn ở bên hữu cũng đáng kể là một hàng rào thiên-nhiên, bể Thị-Nại ở bên tả như là một cái hào, phía trong có núi Cù-Mông, phía ngoài có đèo Bến-đá.

Nhạc cho làm cung-điện, lấy chỗ nầy làm kinh-đô rồi đúc ấn vàng, xưng là Tây-Sơn vương (tháng hai năm Bính-Thân 1776). Nhạc lại phong cho Lữ làm Thiếu-phó, Huệ làm Phụ-chính và cắt đặt các chức quyền và ban thưởng cho các tướng-tá.

Cũng nên nhắc : thủ-hạ của Nhạc như trên, hầu hết là những tay giang-hồ, vong-mạng lại thêm một số anh-hùng bất-đắc-chí. Nguyễn hữu-Chỉnh thuộc loại này và nhờ trước đây đã được Hoàng ngũ-Phúc cử mang sắc phong cho Nhạc, tới khi chính-sự Bắc-Hà biến chuyển bất lợi cho phe Hoàng đình-Bảo là chủ của Chỉnh, Chỉnh liền nhân Tây-Sơn chiêu-hiền đãi-sĩ bước qua hàng ngũ của Tây-Sơn, đưa ra kế-sách *diệt Trịnh phù Lê* và đẩy thời-cuộc Bắc-Hà sang một bước quanh rất rộng lớn của Lịch-sử.

Vẫn trong năm Bính-Thân, Đông cung Dương vượt biển trốn khỏi tay Tây-Sơn vào Gia-Định. Lý-Tài là người Tàu trước đã theo Tây-Sơn nay lại bỏ Tây-Sơn theo Nguyễn, ít lâu sau lại phản Nguyễn, chiếm-cứ Chiêu-thái-sơn, nghe Đông-cung Dương trốn về liền tìm đến, rồi đánh chiếm được thành

Sài-Côn, lập Dương lên làm Tân-chính vương và tôn Duệ-Tông làm Thái-thượng-vương.

Năm Đinh-Dậu (1777) Nhạc cho sứ ra Bắc-Hà xin chúa Trịnh làm Trấn-thủ Quảng-Nam được Trịnh phong cho chức Tuyên-Úy đại-sứ Cung quốc-công (1).

Từ giờ phút này Tây-Sơn được yên trí. Hai cánh quân thủy-bộ do Huệ, Lữ chỉ-huy ào-ạt tiến vào Gia-Định đánh tan bọn Tân-Chính vương về Định-Tường, sau đến Long-xuyên thì bắt được Tân-chính-Vương và Duệ-Tông, cả hai đều bị giết (1777).

Sau chiến-dịch này, tổng-đốc Chu, Hồ-tướng Hãn và Tư-khấu Oai trông coi miền Nam để bọn Huệ trở ra Qui-Nhơn.

Năm sau là Mậu-Tuất (1778), uy-thế nhà Tây-Sơn đã vang dậy khắp miền Nam, từ xứ Quảng trở vào, nên Nguyễn-Nhạc tự xưng đế, đặt niên-hiệu là Thái-Đức, gọi Chà-Bàn là Hoàng-đế thành, phong Nguyễn-Huệ làm Long-nhương tướng-quân.

Kể từ lúc nhảy vào trường tranh-đấu với manh áo vải (1771) cho tới năm tự khoác cho mình chiếc hoàng-bào để cũng ngai vàng, bệ ngọc như ai, Nguyễn-Nhạc đã mất 8 năm gian lao, không tài, không chí, sao làm nổi sự-nghiệp đó giữa một thời đại loạn ?

NHỮNG ÂM-MƯU CỦA NGƯỜI PHÁP ĐỐI VỚI NAM-HÀ VÀO LÚC CÓ CHIẾN-CUỘC GIỮA TÂY-SƠN VÀ HỌ NGUYỄN

QUẬN-CÔNG DE CHOISEUL-PRASLIN MƯU LẤY NAM-HÀ LÀM CĂN-CỨ CHO PHÁP Ở VIỄN-ĐÔNG.

Từ thế-kỷ XVIII Anh, Pháp, Bồ đào-nha, Hòa-Lan v. v...

---

(1) Việc xin phong tước lần thứ hai này của Nhạc không ngoài ý dò xét tình-ý của triều-đình Bắc-Hà. Khi hiểu Bắc-Hà có thiện cảm, Tây-Sơn mới yên tâm đem toàn lực diệt Nguyễn theo chương-trình hùng-cứ phương Nam trước nhất, rồi lấy phương Nam làm bàn đạp để tiến ra Bắc sau.

cạnh tranh với nhau ráo-riết vừa để kiếm thị-trường cho các sản phẩm kỹ-nghệ của mình vừa giành đất đai ở Viễn-Đông để đặt ảnh-hưởng chính-trị, hòng thâu đủ các mối lợi quan trọng.

De Choiseul-Praslin bấy giờ là Bộ-trưởng Hải-quân của nước Pháp (1766-1770) có lẽ đã được coi bản ký-ức-lục của Rothé về việc cần lập một căn-cứ ở Nam-hà và theo lời của Rothé đã họp bàn với Pierre le Poivre là người được xét có thẩm quyền về vấn đề này. Ngày 29-2-1768 De Choiseul-Praslin đã nêu ra nhiều câu hỏi rất thiết-yếu về cách thức và phương-tiện chiếm đánh.

Đây là bức thư của Quận-công De Choiseul-Praslin gửi cho Poivre lúc này đang giữ chức Tổng thanh-tra quân-chính ở đảo Pháp-quốc và đảo Bourbon.

Versailles ngày 29-2-1768

« Công ty Ấn-độ của ta trước đây rất để ý đến vấn đề Nam-hà và có cả dự-định lập một căn-cứ thương-mại ở đây nhưng vì chiến-tranh xảy ra nên chuyện này đã bị đình lại.

« Gần đây tôi có được coi một ký-ức-lục về vụ này, tôi không thể hỏi ai hơn là ông vì người ta cho biết ông đã ở xứ này khá lâu năm...

« Nay ta đặt căn-cứ ở đây bằng cuộc điều-đình theo lối ngoại giao hay chỉ nên đưa vài nhà buôn ra vận động hoặc dùng lực-lượng của hải-quân để đánh chiếm thì thành-công hơn ?...

« Nếu ông cho rằng dùng thương-gia vận-động thì tiện hơn ông có thể thu xếp thẳng với các nhà đương-cục ở đảo Pháp-quốc cho khỏi chậm trễ.

« Ông đã có những chiến-thuyền của Hoàng-đế, các thủy-quân và sĩ-quan tùy-thuộc rồi... Tôi tin hoàn-toàn ở sự khôn-khéo của ông.

Pierre le Poivre trả lời :

1 tháng 8 năm 1768

« Tự tay tôi viết để trả lời ông Bộ-trưởng... Nam-hà hiện có 400 con voi, 90 thuyền chiến có 60 tay chèo, khoảng 20.000 bộ-

binh rải-rác khắp xứ cho tới sát biên-giới Cao-Mên. Khi tôi còn ở đây thì Cao-Mên hoàn-toàn lệ-thuộc Nam-hà. Số binh-sĩ này đều bị cưỡng-bách nhập ngũ ; thiếu ăn, thiếu mặc..... Vua Nam-hà chỉ có thể trông cậy ở 2.000 binh-sĩ để phòng-vệ cho mình và để phục-vụ trên các chiến-thuyền, xét ra bọn này cũng bị bạc đãi và chẳng có kỷ-luật gì hết.

Tài nguyên ở đây là các mỏ vàng ; bạc thì không ai biết là gì vì không có.

... Làm cho họ quen dùng các sản phẩm kỹ-nghệ của ta, đó là chuyện phải nhiều năm — Và để làm việc này ta phải làm chủ hải-cảng Tourane hay là Faifoo.

Dân ở đây rất thuần-phác, nhưng những kẻ dính-líu với triều-đình thì rất bất lương. Tôi nghĩ rằng không thể nào không dùng võ-lực nếu muốn thiết-lập căn-cứ ở Nam-hà, phải đánh bất thần vào Hoàng-thành để cướp các báu-vật bằng cách phô trương lực-lượng hải-quân như ta đã có thể tin chắc sự thành-công của lực-lượng này. Mặc dầu quanh Hoàng-thành có đặt nhiều đại-bác nhưng chẳng có đạn-dược hay thuốc súng dự-trữ cho ngành trọng-pháo.

Có thể đổ bộ ở cửa sông Hương rồi đi ngược lên bằng các tàu nhỏ, còn nếu đột-nhập vào Hoàng-thành thì phải nhiều người bởi Hoàng-thành rộng lắm.

.... Dân chúng thì sẵn-sàng theo đạo Thiên-Chúa, nhưng việc truyền đạo phải dựa vào sức mạnh, nếu không, chính-quyền ở đây rất đa nghi sẽ sinh nhiều điều khó dễ. Phải làm thế nào bắt buộc được quốc-vương và hoàng-gia cùng các quan lại ở đây theo đạo Công-giáo như người Tây-Ban-Nha đã làm ở Tân Mễ-Tây-Cơ và ở Phi-Luật-Tân.

Vũ-lực là phương-tiện duy nhất để dùng, nhưng không nên tấn-công nước này một cách trắng-trợn. Hãy cử một người thông-minh lanh-lợi giả bộ đi buôn để nghiên-cứu tình-hình xứ này, nhất là phải xem con sông Hương, Hoàng-thành và những sự thay đổi từ 1750 là năm tôi đã từ-giã Nam-hà. Tôi chưa thấy ở trên thế-giới một dân-tộc nào dễ xúc-cảm như dân chúng ở đây.

Đảo Pháp quốc của ta hiện không có hàng-hóa gì đáng dùng cho Nam-hà, không có đồ gì tiện làm quà cho vua xứ này, không có tiền bạc gì cho các người Âu-châu mà tiền bạc lại là thứ chính-yếu để đổi-chác ở Nam-hà, tôi không thể tổ-chức quân-đội như ông bộ-trưởng đã cho phép. Tôi cũng không thể có một kế-hoạch phong-phú vì đã biết xứ này 17 năm rồi. Ở đảo của ta cũng không ai có thể tổ-chức được những cuộc võ trang. Và nếu muốn làm thì xin gửi cho 20.000 đồng bạc, 20.000 thước vải màu đỏ thẫm, các thứ dạ xanh và đỏ, đồ sắt và đồ nữ-trang.

...Nếu ông Bộ-trưởng thấy nên, thì xin cho tôi các thứ đã kể ra đây để tổ-chức võ trang đánh Nam-hà, tôi chắc rằng thế nào cũng có lợi...

...Một căn-cứ ở Nam-hà sẽ cho ta các nguồn lợi hết sức lớn lao. Ta sẽ buôn bán với Trung-hoa được nhiều mối lời hơn là với Quảng-Đông (tác giả chưa phân biệt được Quảng-Đông cũng là lĩnh-thổ Trung-hoa bấy giờ). Đảo Pháp-quốc của chúng ta sẽ nhờ vào đó mà phát đạt thêm. Căn-cứ này chỉ có thể xây dựng chắc-chắn bằng sức mạnh mà thôi. Tôi không có phận sự quyết-định thái-độ của bọn Anh ở Ấn-độ, dầu sao theo thiển-ý, chúng ta cũng cần có một chỗ đứng ở đây đã. (Nam-hà).

Phải đồ bộ 2.000 người, không kể những nô-lệ lấy ở hai thuộc-địa này (đảo Pháp-quốc và đảo Bourbon) nên thêm cả một số mọi da đen vì dân Nam-hà sợ người da đen lắm. Mưu-kế đáng kể hơn là sức mạnh.

Mùa thuận tiện để đi Nam-hà là vào tháng 5 hay tháng 6. Trong hai tháng này các cửa biển ở đây đều đầy những thuyền buôn của người Trung-hoa. Nếu tin ta chiếm-cứ Nam-hà bay sang tới Trung-quốc, các nhà buôn của chúng ta ở Quảng-Đông chắc sẽ không khỏi bị ngầy ngà. Nên ngại cả bọn Anh khi bị đẩy ra khỏi đất Trung-hoa sẽ gây sự với ta, sẽ đòi chia quyền lợi với ta ở căn-cứ của chúng ta, như vậy lại thêm một vụ bất-hòa nữa.

Đi Nam-hà thì phải qua eo biển Sonde hay qua Malacca. Chúng ta lại không có căn-cứ nào ở đây như vậy thì bọn Anh và Hòa-Lan rất có thể ngăn trở sự giao-thông của ta với Nam-hà khi

Nam-hà thành một căn-cứ mới của chúng ta. Tôi xin đệ trình ông những điều thắc-mắc này và xin tùy sự quyết-định của ông...»

(Viết theo tài liệu lịch-sử liên-hệ đến Nam-Hà và Cao-Mên — *Đông-Dương tạp-chí* năm 1904 trang 82-96)

Đọc các tài-liệu trên đây ta thấy người Pháp hồi hậu-bán thế-kỷ XVIII đã nhòm ngó nước ta nhiều lắm. Mỗi kẻ tới đây đều có con mắt gián-điệp, có đầu óc thực-dân cả.

Âm-mưu của d'Estaing và của Quận-công De Choiseul-Praslin sau này đều bị bãi bỏ khi bắt đầu đem ra thực hiện, vì Bộ hải-quân của Choiseul bị đổ và Công-ty Ấn-độ của Pháp cũng bị tuyên bố giải tán năm 1770.

Nhưng 5 năm sau, hai người Pháp là Vergeunes và Sartine lại nêu ra, và Pháp-đình không muốn xích-mích với người Anh nên đã lánh mặt, rồi đẩy Rothé ra với tư-cách tư-nhân để thi hành mưu mô xâm-lược này vào năm 1775.

Ngày 23 tháng 9 năm 1775, chánh-phủ Pháp ra lệnh cho các nhà cầm quyền hải-quân ở quân-cảng Lorient võ-trang tàu Nourrio là một chiến-hạm của Hoàng-gia, trọng-tải 350 tấn, có 4 khẩu đại bác yểm-hộ, đặt dưới quyền xử dụng của Rothé trong 20 tháng với một số thủy-binh có 60 người do Thiếu-Tá Le Floch de la Carrière chỉ huy. Thuyền-trưởng ở đây là Moreau đã từng qua lại Nam-hà.

Le Floch de la Carrière tính mang một tặng phẩm đến cho vua Nam-hà rồi xin tự do mua bán với dân chúng và được tiếp-tục giấy phép giao-thương vừa đây đã cấp cho Poivre.

Trong dự-định của Rothé đề là : **NHỮNG Ý-KIẾN CHÍNH-TRỊ VÀ BÍ-MẬT VỀ CÁC VƯƠNG-QUỐC NAM-HÀ VÀ CAO-MÊN (1776)** đã có kết-luận bằng mấy câu dưới đây :

« Hình như chỉ còn xứ Nam-hà là chưa lọt vào con mắt
« của người Anh, nhưng có thể tự-hào là họ sẽ chậm để ý
« đến nơi này chăng ? Nếu họ quyết định trước ta, ta sẽ
« bị trục-xuất mãi mãi, chúng ta sẽ mất một điểm tựa quan

« trọng ở phần đất này của Á-châu. Ta sẽ chẳng được dóng « vai chủ để ngăn trở việc thương mại của họ với Trung- « Hoa trong thời chiến và bảo-vệ việc làm ăn của ta trên « toàn-cõi Ấn-độ cũng làm cho họ phải luôn luôn lo ngại. »

Thêm một lần nữa, âm-mưu đánh chiếm Nam-hà vẫn là mộng-tưởng vì không-khí căng thẳng giữa hai nước Anh-Pháp trong cuộc chiến tranh giành độc-lập của Mỹ-quốc, lại vì cả sự kiệt-quệ về tài-chánh của nước Pháp thuở đó.

Rồi phe phản đối dự-định của Rothé được nói câu cuối cùng : « Cấp một chiếc tàu của Hoàng-gia cho dự-định trên đây là làm một cuộc phiêu-lưu trên những mặt biển xa lạ... làm kinh-động việc buôn bán một cách vô ích...tiền đã chẳng đủ để chi tiêu cho đảo Pháp-quốc, lập các đồn lũy ở Ấn-độ, xây dựng một căn-cứ chắc chắn ở Madagascar là nơi cổng ngõ của mình đã đủ mệt lại còn tính mở thêm căn-cứ khác ở Nam-hà nữa sao !

Năm sau (1776) chính-phủ Pháp cho Rothé hay về phần chính-phủ thì việc này không thể làm được, nếu Rothé làm thì *được ăn. thua chịu lấy.*

Dĩ-nhiên Rothé cũng rút lui nốt.

Về việc này ta có thể kết-luận rằng nếu nước Pháp từ 1768 đến 1775 có hoàn-cảnh thuận-tiện thì thời-cuộc nước ta vào hậu-bán thế-kỷ 18 chưa biết rối-ren hay biến chuyển hay dở thế nào, nhưng ít nhất ngày nay Lịch-sử có thể ghi rằng trước khi Giám-mục Bá đa-Lộc mang binh đội Pháp vào nước Nam, một số người Pháp đã có nhiều mưu-toan thực-dân-hóa nước ta rồi. Ngoài ra, cũng nên nói rằng việc Giám-mục Bá đa-Lộc làm sau này chỉ là nối chí-hướng của De Choiseul Praslin, Rothé v.v... không hơn,không kém.

THIẾU-TÁ CHANDERNAGOR CHEVALIER THÚC ĐẨY VIỄN TOÀN-QUYỀN DE PONDICHÉRY CAN-THIỆP VÀO VIỆC TÂY-SƠN THẾ NÀO ? (1778).

Với bài Quận-công De Choiseul Praslin mưu lấy Nam-hà làm căn-cứ cho Pháp tại Viễn-đông ở trang trên đây, chúng ta đã thấy

nước Pháp và các đại-diện quân, dân, chính của Pháp từ lâu có mặt ở hải-ngoại đã lo cạnh tranh gắt gao với người Anh hơn cả, ở nhiều nơi trên Thế-giới. Người Anh lúc này đang giành được nhiều ưu-thế chính-trị và kinh-tế ở Á-châu, nhưng Anh càng xây dựng được nhiều vị-trí ở các lục-địa nhất là tại Ấn-độ, Nam-Dương, Mã-lai bao nhiêu lại càng làm cho Pháp hoảng-hốt bấy nhiêu.

Giờ đây Anh-Pháp chỉ còn đất Việt và đất Tàu để đặt ảnh-hưởng. Có lẽ thấy đất Tàu rộng lớn, người nhiều của lắm nên Anh đã thấy cần chạy tới trước Pháp chớ không phải là không biết đến bán-đảo Hoa-Ấn của chúng ta. Bằng chứng là từ thế-kỷ XVII qua thế-kỷ XVIII một số người Anh đã đặt gót lên đất Bắc-Hà Nam-hà cùng trên đảo Côn-Lôn, cũng như đã có giao-thiệp với các chúa Trịnh, Nguyễn.

Pháp yếu thế hơn Anh về nhiều phương-diện nên chống đỡ với Anh ở nhiều nơi đã mệt, nay chỉ mong nơi nào Anh chưa chiếm và có thể nắm trọn thì Pháp cố làm, vì vậy Pháp luôn luôn để mắt vào bán-đảo Hoa-Ấn nói chung, Nam-hà và Cao-Mên nói riêng (quả vậy sau này vào hậu-bán thế-kỷ XIX Pháp đã thực-hiện dự-định nói đây, còn Anh thì quá no-nê trên đất Tàu cũng không thiết gắm-ghè nữa với Pháp ở nước Việt).

Trong những người săn-sóc đến tương-lai của nước Pháp ở Hải-ngoại, có thiếu-tá De Chandernagor Chevalier là khôn ngoan và nhiệt-thành hơn cả.

Ông này tới Ấn-Độ năm 1753 tuy phải lo việc thương-mại cho nước Pháp mà còn rất lưu-tâm đến các vấn-đề chính-trị tổng-quát. Theo ông, nước Pháp tập-trung hết mọi nỗ-lực vào Pondichéry là lầm, trái lại nên tung lực-lượng thêm qua các nơi khác như Sumatra, Tiêm, Nam, Bắc-hà. Rồi ông ta bỏ cả tiền riêng để gửi tàu đi lấy tin tức ở Nam-hà và gửi về điện Versailles nhiều dự án xâm-lăng nước Nam, nhưng thường không được thấy dư-âm.

Đến khi nhà Tây-Sơn khởi-nghiệp ở Qui-Nhơn (1771) do tin tức của tàu Diligente đi Nam-hà trở về, De Chandernagor Chevalier vội gửi bức thư dưới đây cho De Bellecombe là Toàn-quyền Pháp ở Pondichéry vào tháng hai 1778, đề-nghị đem quân

giúp chúa Nguyễn. Đề-nghị này, theo người Pháp là cả một điều tiên-tri đối với chương-trình viện-trợ cho chúa Nguyễn-Ánh vài năm sau của Giám-mục Bá-Đa-Lộc. Sự thực chúng ta có thể nói chắc rằng Giám-mục đã phỏng theo quan-điểm của Chevalier trong thời-kỳ ông còn lưu-trú ở Pondichéry, nên Bá đa-Lộc đã không bỏ lỡ cơ-hội nắm chặt lấy họ Nguyễn.

Rồi giáo-sĩ Loureiro và các quan của chúa Nguyễn cử đến Ấn-độ (Calcutta) xin sự giúp đỡ của người Pháp để chống lại Tây-Sơn càng tăng-cường chánh-kiến của Chevalier là phải hành-động ráo riết, mau lẹ ở Nam-hà trước người Anh.

Những bức thư rất khẩn-thiết của thiếu-tá Chandernagor lần này cũng không đem lại kết-quả nào hết. Versailles ở xa quá mà các người của Hoàng-đế (1) ở Ấn-độ lại rất ít thẩm-quyền để giải quyết sở-nguyện của Chevalier. Xin nói thêm rằng đầu năm 1778 Pháp súyt có chuyện chiến-tranh với Anh về các thương-điếm của Pháp ở Ấn-độ lúc này đang bị uy-hiếp nặng nề. Chandernagor và Pondichéry lần lượt mất về tay Anh vào tháng 7-1778 và tháng 9-1778.

Ngoài ra, có thể nói là suốt thế-kỷ XVIII, người Anh không có hoạt-động gì đặc-biệt ở Đông-Dương. Sau được tin (do giáo-sĩ Loureiro) Nam-hà đang có cách-mạng nổi lên, viên toàn quyền Waren Hastings có gửi một đại-diện đến Nam-hà là Chapman, một nhân-viên của công-ty Anh, với sứ-mạng nối lại các liên-lạc thương-mại và thăm dò tình-thế. Chapman không gặp được chúa Nguyễn nhưng được vào tiếp kiến chúa Tây-Sơn là Nguyễn-Nhạc.

Nhạc ngỏ ý rất khẩn-thiết nhờ người Anh giúp mình để diệt Nguyễn. Nhạc hứa cả việc cắt đất nhường cho người Anh, nếu được Anh ủng-hộ. (2)

Chapman cũng có ra Thuận-Hóa. Y gặp nhiều sự khó khăn với quan lại ở đây về việc y đòi tiền hàng rồi sau phải nổ súng đại-bác mới ra khỏi.

Trở về Calcutta vào tháng hai 1778, Chapman báo cáo

---

(1) Chỉ vua nước Pháp.

(2) Xét tâm-thuật của nhà Tây-Sơn chưa dễ việc này là một thành-ý.

rằng có thể khai-thác được nhiều mối lợi trong tình-trạng rối ren hiện-thời của Nam-Hà và đề-nghị nên gửi binh giúp ông chúa đang thất-thế và lập một thương-điếm ở Tourane. Nhưng Waren Hastings đã quá mệt với công-cuộc thống-trị Ấn-độ và khuếch-trương thương-mại trên đất Tàu nên bỏ qua đề-nghị của Chapman...

Chúng tôi xin lược-dịch ra đây bức thư của Chevalier gửi cho De Bellecombe, Toàn-quyền Pháp ở Pondichéry.

Chandernagor ngày 12-2-1778.

Tôi vội tin để Ngài hay những điều tôi vừa được biết về Nam-hà do một thương-thuyền tôi đã gởi đến. Những biến-cố xảy ra ở đây có thể mang lại cho nước chúng ta một tương-lai sáng sủa nếu chánh phủ cho phép Ngài dược lợi dụng mọi cơ hội để mở-mang thế lực Đế-quốc, xúc-tiến mọi cuộc doanh-thương và nếu Ngài được nắm giữ đầy đủ phương-tiện và tiền bạc trong tay.

Đây là những điều-kiện để Ngài có thể kinh-doanh được nhiều việc lớn lao ở đất Ấn cũng như ở nhiều xứ khác tại Á-châu. Nhưng rất buồn là người ta đã lãnh đạm quá với các dự-định lớn lao này do đó chúng ta sống mãi trong một tình-trạng uể-oải.

Tàu Diligente (1) mà tôi gửi đến Nam-hà đặt dưới quyền xử dụng của đại-úy Cuny đã vào cửa Touron (Tourane) thấy Nam-hà đang bị tàn phá nặng-nề do cuộc xung-đột giữa vua Nam-hà với phiến-loạn Tây-Sơn lúc này đang có thanh-thế lớn. Sau khi đã hủy-diệt được các chiến-thuyền của nhà vua, Tây-Sơn đốt phá cả Faifo và Tourane. Người Anh lúc này cũng có một chiếc tàu đậu ở ngoài bến. Viên đại-úy của tàu này dọa bắn vào Tây-Sơn, họ phải rút lui ngay tức khắc. Còn đại-úy Cuny của ta thì không có dính-líu vào vụ xung đột, ông ta cho ngay chiếc Diligente mở máy chạy luôn đi Macao mặc dầu người Anh bàn với ông hợp sức cùng giúp nhà vua, đuổi

(1) Tàu Diligente cập bến Tourane tháng 9-1777. Lúc này Nam-hà đang ở cảnh hoang-tàn, theo như đại-úy Cuny đã viết, đến gạo cũng không có mà ăn,

quân phiến-loạn và mang lại sự yên-ổn cho xứ này.

Viên đại-úy Anh ở lại, thảo-luận với vua quan nhưng y chỉ có năm sáu thủ-hạ người Âu-châu thì làm được trò trống gì! Công việc tới đây thì Đại-úy Le Fer tới với một chiến-hạm lớn, chiếc Lauriston có 26 đại-bác với một đoàn thủy-thủ đa đen (Lascar) và 15 người Âu-châu. Ông ta gửi ngay lập tức tới Touron một giải-phẫu-sư của tàu, tên là Philibert, vốn rất được dân-chúng ở đây quen biết và quý mến trong thời mà ông Dupleix đã tổ-chức ở đây một thương-điếm. Ông ta được các quan đón tiếp niềm-nở vì xưa kia đã có quen biết sẵn. Các quan đề-nghị với Philibert cho tàu tiến vào để bảo-vệ căn-cứ của nhà vua và dẹp loạn-quân. Nhưng Philibert thấy mình không đủ quản-lực đành yêu cầu các quan trình nhà vua tin chắc tấm tình thân-ái thành thực giữa nước Pháp với nhà vua, còn việc giúp nhà vua thì chưa có sự thuận tiện. Ông lại nói lúc này ông cần kíp đi Trung-hoa kẻo hết mùa gió nồm. Dân chúng trước đây tưởng rằng tàu của chúng ta tới sẽ giúp được họ, họ đã mừng nay biết sự tình như vậy rất là ngạc nhiên và chán nản đã tiễn Philibert ra tận bến, nước mắt ròng ròng. Còn các quan thì xin ông ta chuyển trở lại, giúp cho vũ-khí và đạn dược.....

... Thưa Ngài, trong trường-hợp này nên gửi một cơ đội đến giúp nhà vua về các việc đã nói trên đây rồi do các công việc đó ta sẽ nhân danh hoàng-đế của ta mà ngự-trị xứ này, chiếm độc quyền thương-mại trong nước có hơn không ?.... 150 người âu-châu và 200 người da đen hợp vào với quân-đội của nhà vua thì thừa sức trừ phiến-loạn và củng-cố ngai vàng của nhà vua cùng đem lại an-ninh trật-tự.

Đây là một việc rất có lợi cho nước ta và chẳng tổn-phí bao nhiêu về nhân-lực cũng như về phương-tiện.

Tôi chắc rằng việc này chẳng cần phải bảo, tại Anh cũng sẽ làm. Nếu chuyện xảy như vậy thì qua sang năm họ chiếm được nước Nam, bấy giờ ta chỉ còn cách gạt nước mắt mà thôi.

Tôi lại được biết rằng Đại-úy Rumbold đã gửi dự-án này về

Madras và Calcutta và chẳng bao lâu nữa ông ta sẽ đến đây để khẩn-khoản Hội-đồng...

Còn ta, sự thực chẳng phải là không thể bỏ tiền ra để làm việc đó, nhưng có phải là Ngài ngại nếu làm không có lệnh triều-đình sẽ bị quở trách chăng? Quả đây là những trở-lực đã làm cho các vị toàn-quyền của ta ở Ấn-độ liên-miên lúng-túng, chẳng bao giờ dám có hành-động gì bạo-dạn, ích-lợi. Còn bọn Anh, trái lại, họ được thả sức thực-hiện những gì có thể khuyếch-trương thế-lực nước họ và việc buôn bán.

...Lúc này là lúc chúng ta dễ trở nên chủ-nhân-ông xứ Nam-hà, và lập ở đây một quyền lực lớn-lao. Nếu để lỡ cơ-hội này, người Anh sẽ nắm được nhiều mối lợi chỉ tại chúng ta ít hoạt động và lơ-lảng.

Từ lâu chiến-tranh ở đây đã bùng ra và còn đang tiếp diễn. Nhiều giáo-sĩ Pháp đã bỏ mình mà tôi ngán không muốn trình để Ngài rõ.

Ngài có thể bí-mật làm một cuộc cách-mạng như đã nói ở trên. Tàu Le Brillant hiến Ngài phương-tiện: đáng lẽ tàu này về Âu-châu nghỉ ngơi trong mùa đông hoặc ở đảo của Hoàng-đế, Ngài cho nó đi luôn đến Nam-hà với 100 tên lính và vài tên da đen. Ta sẽ thâu được nước này, rồi các cửa lể sẽ mở hết cho các thương thuyền của ta. Còn gì thú hơn nữa?

Nếu việc Nam-hà đối với Ngài là quan-trọng theo sự xứng đáng của nó và nếu Ngài cương-quyết theo đuổi, tôi xin hiến thân ra đi và hứa với Ngài chắc-chắn sẽ làm nổi việc.

Tôi còn có thể kiếm được một cái tàu sẵn-sàng lên đường mà không tổn-phí đến một đồng của chính-phủ, chỉ cần có người, lương-thực, vũ-khí, đạn-dược cần thiết mà thôi.. Và nên đi vào tháng 7 tới... Ngài có thể dùng thêm cả chiếc Le Brillant vào việc nầy. Xét ra tổn-phí ở Nam-hà hay ở Pondichéry thì cũng vậy, đối với chính-phủ thì có hơn kém gì đâu, rồi ta sẽ trình lên chính-phủ một công-nghiệp vĩ-đại làm chính-phủ được vẻ-vang đời đời mà Tổ-quốc cũng sẽ ghi ơn Ngài mãi mãi một cách hợp-lý và xứng-đáng,

Ba hôm sau Chevalier lại gửi cho Bellecombe một bức thư nữa.

Chandernagor 15-2-1778.

«.... Tôi vừa được tin chiếc tàu Le Rumbold của người Anh đã đi Nam-hà vừa trở về — có mang theo một giáo-sĩ dòng Tên (Jésuite) quốc-tịch Tây-ban-Nha tên là Loureiro. Cùng đi với giáo-sĩ Loureiro, có một vị đại-thần Nam-hà. Cả hai hiện đang có mặt tại Calcutta và tôi tin chắc họ tới đây để điều-đình với người Anh về vấn-đề cứu-viện.

Giáo-sĩ Loureiro từ lâu rất có tín-nhiệm ở triều-đình Nam-hà. Ông là y-sĩ của nhà vua, rất thông-minh, rất uyên bác và tháo-vát. Tôi theo dõi việc này và không quản ngại một điều gì để khám phá ra cái phần kết-cấu của nó. Tôi đã biệt-phái một giáo-sĩ đến thăm Loureiro và ủy giáo-sĩ cố gắng mời Loureiro đến Chandernagor vài bữa. Chắc rằng giáo-sĩ này sẽ tới thăm tôi và tôi sẽ dùng đủ mọi cách để thâm nhập vào bí-mật của ông ta, để ông ta nghiêng về chúng ta hơn là nghiêng về phía người Anh (1).

...Thưa ngài, theo tôi, việc này xét về mọi phương-diện phải được chúng ta coi là quan-trọng bậc nhất vì ảnh-hưởng của nó sẽ vô cùng to-tát cho một quốc-gia hùng cường, hoạt-động và khôn ngoan là quốc-gia Anh.

---

(1) Chevalier đã dụ dỗ được giáo sĩ Loureiro. Cuối tháng 4-1778, ông ta dùng chiếc tàu nhỏ đưa Loureiro qua Pondichéry. Loureiro nhận giúp nước Pháp việc kể trên và trở lại Nam-Hà để điều-đình nếu Betlecombe ưng như vậy. Theo Chevalier và Loureiro, phải gửi gấp cho chúa Nguyễn 200 lính Âu-châu với một số đại-bác, từ hai đến ba trăm lính da đen, tất cả sẽ do một số sĩ-quan khôn ngoan, ôn hòa, vui tính điều khiển. Giáo-sĩ đề-nghị với nhà vua một thỏa-hiệp liên-minh tấn công và liên-minh thủ-thế cùng nhượng cho Pháp một khu-vực theo ý muốn của Pháp cùng sự tự do buôn bán và miễn thuế hạ neo. Sau đó y tính sẽ có thể điều đình giữ độc quyền thương mãi ở đây và di-dân đến chỗ lập thành một đế-quốc.

« Thật vậy, ta nên nói trắng ra rằng nếu Anh gửi quân cứu viện cho Nam-hà thì chẳng bao lâu nhất định họ sẽ là chủ-nhân-ông của xứ này, như ở Mạnh-gia-Hạp (Bengale) và ở nhiều thuộc-địa tại Ấn-độ. Sau đó Anh lại mở rộng phạm-vi đế-quốc qua Siam và Bắc-hà. Như thế Anh sẽ xây dựng được một đế-quốc mới nữa và đế-quốc này do lợi tức, do vị-trí và các thổ-sản phong-phú của nó càng làm cho Anh giàu mạnh thêm. Rồi đây ai có thể đừng bảo người Anh sẽ không thể vùng vẫy ở đất Trung-hoa nữa ? Ở đây của báu thật vô biên sẽ gợi thêm lòng tham của họ...

...Tất cả các duyên-cớ này làm tôi nhiệt-liệt mong muốn ngài có thể đi trước người Anh bằng cách gửi gấp tàu Brillant với 150 lính Âu-châu, 30 lính da đen và vũ-khí, đại bác cùng đạn dược. Việc võ trang này khi tới Touron (cửa Hàn) sẽ cho biết rằng người Pháp bao giờ cũng giữ tình thân-thiện với triều-đình và có lòng tri-ân vì đã được triều-đình biệt-đãi từ trước đến nay, giờ đây người Pháp lấy làm sung sướng được đem quân đến cứu-viện cho nhà vua để chống kẻ nghịch.

Chắc hẳn rằng chúng ta sẽ được tiếp đón nồng-nhiệt và trong những việc như thế này kẻ nào tới trước bao giờ cũng nắm được hết phần lợi. Còn người Anh nếu tới sau thì chỉ có nước lui gót mà thôi.

Nếu chúng ta không áp-dụng sớm những phương-lược này, thì từ xa chúng ta sẽ thấy một đế-quốc vĩ-đại đang sắp thành hình cho Anh-quốc. Trái lại, chúng ta đi trước họ thì đế-quốc này sẽ lọt vào tay ta, và là cái kết-quả của mọi sự hoạt-động và sáng suốt ở nơi chúng ta.,.»

NGUYỄN-HUỆ DIỆT QUẦN XIÊM

Bắt đầu từ năm Nhâm-Dần (1782) ngôi sao của Nguyễn-Huệ, em thứ ba của hoàng-đế Thái-Đức bắt đầu sáng rực, để ít năm sau dựng nên một sự-nghiệp chói lòa sử xanh.

Nguyễn-Huệ có những tài-đảm thế nào ? Sử sách biên soạn dưới triều Nguyễn là triều-đại thù-nghịch số một của nhà

Tây-Sơn cũng đều công nhận ông có một thiên-tài đặc-biệt về quân-sự. Lối hành-quân của ông là *tốc-chiến, tốc-thắng*, biến-hóa như thần. Hiệu-lệnh của ông ra rất nghiêm minh ; kỷ-luật của ông là kỷ-luật thép và đức tính làm tướng của ông đáng kể nhất ở chỗ biết chia bùi, xẻ đắng với binh-sĩ, lấy ân-uy và đảm-lược để chinh-phục lòng người.

Ra trận ông đi trước ba quân, lúc nguy-hiểm ông tỏ ra bình-tĩnh hơn ai hết ; gặp những vấn-đề khó-khăn, những việc mà người ta phải bở-vía, kinh-hồn thì ông lại thường nảy ra nhiều mưu-kế lợi-hại tỏ ra một khối óc thông-minh, linh-hoạt phi-thường.

Có thể nói rằng, từ lúc ông bước vào nghề tướng giữa lúc nước nhà ly-loạn khắp nơi. xông-pha trăm trận ông chưa hề biết có chiến-bại.

Lúc này vua Thái-Đức lo củng-cố mọi vấn-đề chánh-trị, xây-dựng triều-đình, lập các qui-mô như các đế-vương, thì Huệ là người trước nhất được trao quyền đại-tướng đi đánh Đông dẹp Bắc.

Tại miền Nam, con cháu họ Nguyễn và thủ-hạ còn cựa quậy. Huệ bốn lần mang quân vào Gia-Định, quân Nguyễn thấy bóng cờ của Huệ là mất ngay tinh-thần.

Năm ấy tại Ngã-bảy (Thất kỳ-giang) một trận đại-chiến đã xảy ra. Huệ đem mấy trăm chiến thuyền vượt cửa Cần-Giờ xung đột với Nguyễn quân ở đây. Quân Nguyễn bại tẩu.

Vào tháng tư, Huệ kéo quân đến Lữ-phụ bày trận ngảnh lưng xuống nước đánh nhau với Nguyễn-Ánh, lại thắng oanh-liệt hơn bao giờ hết, khiến Ánh phải bỏ chạy tháo-thân ra đảo Phú-quốc.

Có một người Pháp giúp Ánh tên là Manuel điều khiển thủy-quân trong lực-lượng của họ Nguyễn không trốn nổi phải tự đốt tàu mà chết,

Năm sau (Qúi-Mão 1783) Huệ và Lữ lại đánh tan quân của Chu văn-Tiếp, cũng vượt cửa Cần-Giờ. Quân của Tiếp từ

Phú-Yên vào cứu Gia-Định để đón Nguyễn-Ánh đã từ Phú-quốc trở về nội-địa

Trong trận này một tướng kỳ-kiệt của Nguyễn-Ánh là Nguyễn huỳnh-Đức bị bắt. Bấy giờ Đức có phận sự ở đoạn-hậu cho Ánh chạy ra Côn-lôn. Nếu trời không mưa to gió lớn, sóng gió mịt-mù thì Ánh có thể đã bị phò-mã Tây-Sơn là Trương văn-Đa bắt được rồi. Thuyền của Tây-Sơn bấy giờ bị đắm nhiều, quân Tây-Sơn đành phải rút lui, còn họ Nguyễn lại trốn ra Phú-quốc.

Xong trận nầy Huệ lại về Qui-Nhơn: Trương văn-Đa được làm Trấn-thủ Gia-Định.

Năm Giáp-Thìn (1784) một việc cần phải nêu ra là việc Nguyễn Ánh rước quân Tiêm-La về giúp. Việc này có ghi trong *Việt-Nam sử-lược* (trang 353).

Nguyên do lời yêu cầu của Nguyễn-Ánh hai tướng Tiêm là Chiêu-Tăng và Chiêu-Sương kéo sang Nam-Việt hai vạn quân và 300 chiến thuyền. Bọn này đi đến đâu quấy nhiễu dân chúng rất là tai hại.

Quân Tiêm thắng được Trương văn-Đa, tiến đến tận Long-hồ. Được tin này Nguyễn-Huệ vội vào ngay Gia-Định, áp-chiến-thuật lùi để nhử địch vào các địa-điểm chiến-lược của mình là Định-Tường.

Tại Xoài-Mút, Huệ đặt phục-binh bên Rạch-Gầm. Quân Tiêm đến thì phục binh đổ ra bất thình-lình đánh cả hai mặt thủy, bộ. Quân Tiêm xoay trở không kịp, chết và bị thương, mười phần chỉ còn một hai, chạy về nước vẫn chưa hoàn hồn, lại vía.

Nhân đây, xin nhắc từ mấy năm trước thành Sài-Côn và Gia-Định luôn luôn thay thầy đổi chủ, khi Nguyễn trở về, khi Tây-Sơn ra đi rồi trở lại, Nguyễn-Ánh đã có đặt liên-lạc với Tiêm-La để phòng khi ngộ-biến (thời cuộc năm 1777), có nơi cứu giúp.

Năm Canh-Tí (1780) Ánh xưng-vương, phong Đỗ thành-

Nhân làm Ngoại-hữu, phụ-chính Thượng quốc-công. đặt quan cai-trị, thu thuế, mộ binh, làm chiến thuyền.

Những việc kể trên xét ra rất cần vì phải làm gấp theo kế-hoạch khôi-phục địa-vị của dòng họ Nguyễn, thứ nhất là phải có người thân của chúa Nguyễn đứng ra làm đầu mối cho hợp danh-nghĩa mới gây được thanh-thế, người đó ngoài Ánh ra thì không ai hơn, vì Ánh là cháu ruột Thái-Thượng vương và gọi là Võ-Vương bằng ông, thứ hai là tái-chiếm xong Sài-Côn, Gia-Định phải đặt ngay bộ máy cai-trị. để nắm lấy một khu-vực làm đất dung thân và làm nơi xuất-phát binh-đội phục-quốc, lại có nhân-dân để làm hậu-thuẫn và căn-bản cho cuộc đấu tranh. Những công-cuộc này đã được thực-hiện do các bề tôi trung là các tướng Nguyễn văn-Hoàng, Tổng phúc-Khương, Tống phúc-Lương, Đỗ thành-Nhân. Lê văn-Câu, rồi cái triều-đình lưu-vong này khởi binh từ Long-Xuyên và Sa-Đéc, tiến đánh Sài-Côn, hạ được thành này cho tới ba năm sau (1780) thì Ánh xưng-vương.

Trong giai-đoạn này, đã có phen Ánh cử Đỗ thành-Nhân và Hồ văn-Lân đem binh can-thiệp vào việc Chân-Lạp, lập con Nặc-Tôn là Nặc-In lên làm vua và để Hồ văn-Lân ở lại giữ quyền bảo-hộ.

Trong dịp này Đỗ thành-Nhân cậy công lộng quyền bị Nguyễn vương giết đi, quân Đông-Sơn là quân bản-bộ của họ Đỗ, nổi lòng công phẫn bỏ đi, một số chống lại một thời cũng đã gây cho họ Nguyễn nhiều chuyện phiền phức. (1)

Tháng mười năm Tân-Sửu (1781) Tiêm-La cho quân xâm lấn Chân-lạp (Cao-Miên) do lệnh của quốc-vương Trịnh quốc-Anh Hai tướng Chất-Tri và Xô-si điều-khiển binh-sĩ kéo vào đất của Nặc-In khi đó đặt dưới quyền bảo-hộ của chúa Nguyễn.

---

(1)— Năm 1777 Tây-Sơn chiếm được Saigon, Đỗ thành-Nhân đem quân Đông-Sơn đánh chém được Tư-Khấu Oai của Tây-Sơn. Nhờ chiến công này Nguyễn-Ánh được phấn khởi liền sai Lê văn-Quân ra đánh Bình-Thuận và Diên-Khánh.

Nguyễn-Ánh liền sai Chưởng-cơ là Nguyễn hữu-Thụy và Hồ văn-Lân đem 3.000 quân sang Chân-Lạp cứu nguy. Tại Chân-lạp bọn tướng Tiêm giải hòa với tướng Việt rồi đem quân trở về gây cuộc đảo-chính. Trong dịp này, quốc-vương Tiêm-La cho bắt vợ con của hai anh em Chất-Tri đem giam giữ.

Đoàn quân xâm-lăng của Chất-Tri trở lại thì vừa đúng lúc Tiêm-La đang bị nhiều cuộc nội-loạn và thủ-lĩnh của loạn-quân là Phan-nha văn-Sản. Về đến nước, Chất-Trí truy-tầm được quốc-vương Trịnh quốc-Anh giết đi và tự lập làm vua, xưng là Phật-Vương sau khi trừ được cả bọn Phan-nha văn-Sản.

Em là Xô-Si được phong làm đệ-nhị quốc-vương, cháu là Ma-lạc làm đệ-tam quốc-vương rồi họ Chakkri lưu-truyền đến ngày nay và các vua đều xưng là Rama.

— CHIẾN-CUỘC GIỮA TÂY-SƠN VÀ HỌ TRỊNH —

NGUYỄN-HUỆ TIẾN RA THUẬN-HÓA.—

Trong những ngày tháng cuối cùng của năm Giáp-Thìn (1784) người ta có thể nghĩ rằng Tây-Sơn đã kiểm soát hết Nam-hà vào tới Hà-Tiên (Mạc-Thiên-Tứ lúc này cũng chết rồi) còn Nguyễn-quân tuy chưa bị tan rã hoàn-toàn nhưng chỉ còn là một lực-lượng không đáng kể, phải đào-vong ra nước ngoài hầu như không có tương-lai nữa. Tại Thuận-Hóa tướng-lĩnh của Bắc-hà trước kia là bọn Bùi thế-Đạt, Lê quý-Đôn và Phan-lệ-Phiên, nay là Tạo Quận-công Phạm ngô-Cầu, trấn-thủ cũ của Sơn-Nam, tính hay mê tín, nhu-nhược và tham-lam.

Nguyễn hữu-Chỉnh là người làng Đông-Hải, huyện Chân-Phúc, trấn Nghệ-An sinh trưởng ở một gia-đình lái buôn, gia-tư rất là phong-túc.

Giống cha, Chỉnh dáng người thanh-tú, rất thông-minh và được ăn học đầy đủ từ thuở nhỏ, năm 16 tuổi, Chỉnh đã đậu hương-cống và được thu-dụng làm môn-hạ cho Việp Quận-công Hoàng ngũ-Phúc.

Trong văn-giới đời Lê mạt, Chỉnh đã nổi tiếng giỏi thơ-văn bằng quốc-âm và là con người có nhiều hoài-bão lớn-lao. Cái chí lớn của Chỉnh đã từng được biểu-lộ trong

bài « *Quách lệnh công phú* », một văn-phẩm bằng tiếng Nôm. Với bài phú này. Chỉnh ca ngợi sự-nghiệp của Quách tử-Nghi đời Đường và cũng có ý muốn làm Quách tử-Nghi thứ hai ở nước Việt.

Bài phú này được rất nhiều người truyền tụng.

Trong khi chưa đi sâu vào đường danh lợi, Chỉnh ham chu-du thiên-hạ, kết-giao vơi các danh-nhân, thi-hữu. Ở nhà Chỉnh lúc nào cũng có vài chục tân khách chỉ uống rượu, ngâm thơ, luận-bàn thế-sự ; Chỉnh lại còn đặt các bài hát để phổ vào đàn nhị cho nhạc-công và ca-kỹ hòa tấu quanh năm, do đó một thời Chỉnh đã nổi tiếng hào-hoa phong-nhã bậc nhất Kinh-kỳ.

Ngoài ra người ta còn chú-ý đến Chỉnh ở cái tài khôi hài, biện-bác rất hoạt-bát và có duyên...

Buổi đầu đến với Hoàng ngũ-Phúc. Chỉnh chỉ được coi đội Thiện-tiểu là một chức nhỏ ở một cửa tướng, sau Chỉnh giữ việc tử-hàn (văn-phòng) rất được cảm tình của Việp Quận-công.

Trước đó Chỉnh cũng có nghiên-cứu binh-thư, vũ-nghệ nên khi đến với Việp Quận-công, Chỉnh được dịp tỏ cả khả nang quân-sự lẫn chính-trị, mỗi ngày được tin dùng thêm.

Năm Ất-Mùi (1775) được lĩnh việc đi phong tướng cho Nguyễn-Nhạc, trở về Chỉnh đã trình với họ Hoàng rằng anh em Tây-Sơn là những người có chí lớn, không chịu khuất-phục ai lâu dài đâu.

Ngũ-Phúc qua đời, Chỉnh theo Huy quận-công Hoàng-đình-Bảo là con nuôi của Phúc với chức Hữu tham-quân chuyên phụ-trách việc phòng ngự mặt biển và thủy-chiến rất đắc-lực được mệnh danh là « *Hải-diêu* » (1). Bấy giờ Huy Quận-công cùng Chỉnh đóng ở Nghệ-An.

Cuối đời Cảnh-Hưng, chúa Tĩnh-đô Vương Trịnh-Sâm bỏ trưởng lập ấu (bỏ Trịnh-Khải là con lớn, lập con bà ái-phi Đặng-

(1) Hải-diêu là chim biển. Đây cũng là một sước-hiệu để gọi Chỉnh hồi bấy giờ.

thị-Huệ là Trịnh-Cán còn non nớt) đã dùng Hoàng đình-Bảo và một vài thân-vương để trông nom thiếu-chúa, nhưng khi Trịnh-Sâm mất, xác hãy còn quàn ở nội-cung, thì phủ-liêu đã bị một cuộc đảo-chính do nơi bọn lính Tam phủ tức Kiêu-binh (1). Việc này xảy vào năm Nhâm-Dần (1782) tháng mười, sau đó Trịnh-Cán bị hạ xuống làm Cung Quốc-Công, còn Đình-Bảo thì bị giết.

---

(1) — Lịch-sử thời Lê-mạt có đánh dấu một sự-kiện rất quan-trọng đó là sự hiện-diện của bọn lính Tam-phủ đời bấy giờ.

Lính Tam-phủ là lính nào ?

Ta nhớ rằng nhà Lê dấy lên từ Thanh-Hóa, trong lúc này nhà Mạc làm chủ toàn-diện miền Bắc kể từ trấn Sơn-Nam trở ra.

Nay nhà Lê muốn khôi-phục, tất-nhiên phải tuyển-binh mộ tráng và không thể giải-quyết vấn-đề nhân-sự ở nơi nào khác ngoài ba phủ : Hà-Trung, Thiệu-Hóa và Tĩnh-gia thuộc hai tỉnh Thanh, Nghệ.

Rồi nhờ cảm-tình của dân chúng ở đây là gốc-gác của vua Thái-tổ, Nguyễn-Kim và vua Trang-Tông có dần dần một đội quân mỗi ngày một lớn và làm thành sự nghiệp Trung-hưng. Sau này Lê đuổi được Mạc ra khỏi Thăng-Long thì quân Tam-phủ được coi là thân binh và ưu-binh bởi họ đã nằm gai nếm mật, tranh đấu gian lao với vua và chúa trong khi tương-lai còn mờ mịt. Rồi do đó, họ cậy công sinh ra kiêu căng, không coi luật vua phép nước ra gì hết, dân chúng bấy giờ đặt cho họ cái tên là Kiêu-binh là như vậy.

Đời Lê Gia-tông niên hiệu Gia-Đức thứ hai (1663), không hài lòng về việc thuyên-bổ và thăng-thưởng, Ưu binh (hay nhất binh) đã nổi dậy làm loạn, giết Bồi-tụng Nguyễn quốc-Hòe, đốt nhà và cướp của-cải của quốc-lão Phạm công-Trứ.

Qua năm Cảnh-Hưng thứ nhất (1740), họ bất-bình với Tham-tụng Nguyễn quí-Cảnh cũng bạo-động như trên (theo Lịch-triều hiến-chương, quyển 3).

Tháng chín năm Nhâm-Dần (1782), Trịnh-Sâm mất, Kiêu-binh

Tin này bay vào tới Nghệ-An khiến Chỉnh lo sợ, vì Chỉnh là tay chân thân-tín của Huy Quận-công, nay chủ bị hại, thời-cuộc Bắc-hà vào trong tay địch-thủ tất-nhiên địa-vị của Chỉnh bị đe dọa trông thấy. Chỉnh liền bàn với Trấn-thủ Vũ tá-Dao liên-kết với Phó-tướng Thuận-Hóa giết Phạm ngô-Cầu, chẹn đường Hoàng-Mai và chiếm đóng Quỳnh-Lưu rồi tùy thời-cơ xoay trở.

Ý-kiến này không được họ Vũ tán-thành, Chỉnh đành mang vợ con vào Qui-Nhơn phò-tá Tây-Sơn. Do đã được xúc-tiếp

---

cậy sức mạnh, hạ Điện-đô vương Trịnh-Cán. lập Trịnh-Khải là người chúa Sâm đã bỏ, rồi lập Hoàng-tôn Duy-kỳ là vua Lê Chiêu-Thống sau này. Sau vụ đảo-chính này, Kiêu-binh cậy công ra mặt, một vài đại-thần cương-quyết trừng-trị chúng thì chúng gây loạn thẳng tay sát hại, vua chúa còn phải van lạy họ để tha chết cho những người thân là đàng khác.

Đối với nhân dân thì, Kiêu-binh hiếp đáp khiến đi đâu dân chúng cũng phải khiếp sợ như gặp ôn-dịch rồi những thuế đò, thuế chợ, đầm, hồ v.v... Ktêu-binh cũng giành lấy để tự-do lạm thu khiến thời Lê-mạt không còn kỷ-cương gì nữa,

Riêng về nạn Kiêu-bihh lộng hành, ngai vàng, nghiệp chúa của Lê, Trịnh cũng đủ đổ, hoống hồ vua chúa và quun lại cũng hư hèn. Và ta có thể nói, riêng đối với nhà Lê trung-hưng, kiêu-binh buổi đầu có chút công lao phò tá nhưng sau này vì các vua, chúa không biết điều khiển họ, họ trở thành lũ con hư, rồi chính họ đã lạm-dụng quyền-thế để làm bậy khiến họ Lê và họ Trịnh phải đổ vỡ. Tới khi Tây-sơn mang binh ra Thăng-Long thì Tây-sơn thành cơn gió lốc để làm sập cái cây bị sâu mọt đục nát và sâu mọt đó là những ai, nếu không là lũ Kiêu-binh Thanh, Nghệ, Tĩnh ?

Gia-chính cũng như quốc-chính thác sinh ra lũ con cưng đó, tất-nhiên phải đưa thiên-hạ đến chỗ đại loạn. Lịch-sử không trách lũ Kiêu-binh nhưng phải qui trách-nhiệm cho những người cầm đầu dân-tộc đã vụng suy đại nghĩ.

với Chỉnh thuở Hoàng ngũ-Phúc còn ở Thuận-Hóa, anh em Nguyễn-Nhạc biết Cống Chỉnh là một nhân-vật kỳ-kiệt của Bắc-hà, tuy chưa đắc thời, nay được Chỉnh về giúp thì mừng lắm, bởi lúc này thủ-túc của Tây-Sơn chỉ là những tay võ-biền, còn người lắm mưu, nhiều kế chưa có một ai, nhất là người để dự vào các việc xây dựng quốc-gia và để giải-quyết vấn-đề Bắc-hà sau này.

Chỉnh được thâu-nạp, liền lo tập trận, luyện binh, kén tướng, mở khoa thi, lựa chọn nhân-tài, đêm ngày tỏ ra là người rất tận-tâm và trung-thành với Tây-Sơn (1).

Năm Bính-Ngọ (1786), Phạm ngô-Cầu cho Nguyễn phú-Như vào dò xét nội-tình Tây-Sơn. Khi Phú-Như gặp Nguyễn-hữu-Chỉnh là cố-nhân, những điều hay dở của Thuận-Hóa, Phú-Như cho lọt hết vào tai Chỉnh. Đã vậy, Bắc-hà lúc này lại đang bị nạn đói, dân chết như ngả rạ đến nỗi chúa Trịnh phải gán-ghép các nhà giàu các chức tước để có tiền chẩn-cấp.

Từ câu chuyện của biền-sinh Hoàng viết-Tuyển về cuộc đảo-chính của lính Tam-phủ ở Thăng-Long đến những lời tiểu-dị của bọn Nguyễn phú-Như và Vũ vĩnh-Thành về nội-tình Thuận-Hóa cho tới việc tiến quân của Tây-Sơn ra Bắc-hà không xa là bao nhiêu.

Ngày 18 tháng 5 năm ấy, Huệ làm Long-Nhương Tướng-quân Tiết-chế Thủy-bộ Chư-quân, Vũ văn-Nhậm làm Tả Đô đốc, Nguyễn hữu-Chỉnh làm Hữu Đô-đốc, vừa do đường thủy, vừa đường bộ vượt Hải-Vân đánh vào đồn An-Nông. Tướng Hoàng nghĩa-Hồ cố chết chống đánh cho tới khi hết đạn, hết sức thì tự-vẫn.

---

(1) — Đoan-Nam Vương Trịnh-Khải cũng biết rằng Cống Chỉnh về với Tây-Sơn là mối nguy cho mình sau này, đã cho em rể Chỉnh vào dụ. Chỉnh thẳng tay chém người này, vua Tây-Sơn từ đó lại có lòng tin-tưởng nhiều hơn. Xét ra Chỉnh không trở ra Bắc nữa là phải, vì họ Trịnh có thành-thực trọng-dụng mình đâu.

Lúc này tại Thuận-Hóa một thuật-sĩ người Tàu đo Tây-Sơn gửi đến dụ Phạm ngô-Cầu lập đàn chay, cúng bái để trừ tai, cầu phúc. Có lẽ tên này đã làm nhiệm-vụ gián-điệp cho Tây-Sơn để dò xét nội-tình Thuận-Hóa. Sau đó, khi quân Tây-Sơn sắp tới, Cầu vẫn còn đang mải cúng bái.

Trong dịp này, Cầu còn bị một độc-kế thứ hai nữa: Tây-Sơn cho lạc một bức thư vào tay Cầu, trong thư có chuyện mật thông giữa Cống Chỉnh và phó-tướng của Cầu là Hoàng đình-Thể.

Thêm vào sự hoang-mang của Cầu, còn có mấy điều làm cho viên chủ-tướng thành Thuận-Hóa thêm chán nản, đó là những hành-động kiêu-ngông, tàn-ngược của chư-quân đối với dân chúng. Cầu biết lòng dân chẳng ủng-hộ thì cũng khó lòng chống địch nên cho rằng chỉ còn chước hàng là hơn cả.

Khi Tây-Sơn đã hiện ra trước cửa thành, Cầu cử Thể ra đánh cùng với hai con. Thể xông-pha giết được vài trăm quân Tây-Sơn, nhưng khi hết đạn thì không được tiếp-tế.

Thể liền quay trở lại định giết Cầu thì cờ hàng đã bay trên thành.

Hai con Thể vì bị trọng-thương đã ngã gục ở chiến-trường.

Tỳ-tướng Vũ tá-Kiên cũng tử-trận. Thể đành tự-vận trên mình voi cho khỏi nhục.

Trong trận này, theo « *Đại-Nam chính-biên liệt-truyện* », Tây-Sơn gặp một dịp may mắn đặc biệt là vách thành Thuận-Hóa kề ngay bên sông, cách mặt nước độ hai trượng, thủy-quân của Tây-Sơn ở thấp bắn lên cao là cả một sự khó khăn. Rồi thình-lình, đại bác Trịnh bắn xuống, một chiếc thuyền của Tây-Sơn bị chìm, quân Tây-Sơn đã có phần bối-rối.

Giữa tình thế này, nước sông bỗng dâng lên dữ-dội, do mấy trận nước lũ đổ xuống dồn-dập, thuyền Tây-Sơn nổi lên cao ngang mặt thành. Cuộc tấn công của Tây-Sơn trở nên lợi hại, đại-bác lại khạc đạn như tưới. Ta biết rằng các lực-lượng quân sự đời bấy giờ đều có hỏa lực khá mạnh cả. (Trên đây đã

có nói người ngoại-quốc mang đại-bác đến bán cho hai vùng Nam, Bắc, và ở Phú-Xuân chúa Nguyễn còn có cả một xưởng đúc súng do Jean de la Croix điều-khiển).

Cuộc tấn công của Tây-Sơn có kết quả, Phạm ngô Cầu tự trói mình mình đến hàng Nguyễn-Huệ, sau bị đưa về chịu tử hình ở Qui-Nhơn.

Các sử ta cũng như sử Pháp chép : Tây-Sơn vào Thuận-Hóa quân dân ở đây bị sát hại rất nhiều, thây chất đầy sông làm nghẽn cả nước chảy. Xét ra, quân Bắc ở đây chỉ có tới vài trăm thôi, nhưng thường dân bị thiệt hại khá nhiều vì Nghệ-An trước đó ít lâu bị mất mùa, số dân địa-phương này di-cư vào Thuận-Hóa để tránh nạn đói thì lại gặp nạn chiến tranh. (*Đại-Nam chính-biên liệt-truyện, tờ 19 - quyển 30. Cương - Mục tờ 16, quyển 46, Lê-quí kỷ-sự cũng công-nhận có sự trạng này, Cương-Mục đưa ra chi-tiết Ngô-Cầu mở cửa thành, xe quan tài xuống hàng).*

Phú-Xuân thất-thủ rồi đến lượt hai đồn Cát - Doanh, Động-Hải, một ở địa-phận Ái-Tử, huyện Đăng-Xương, thuộc tỉnh Quảng-Trị, một thuộc huyện Lệ-Thủy, thuộc Quảng-Bình, cũng bị hãm do quân của Nguyễn-Lữ. Tướng giữ hai đồn này thấy Thuận-Hóa mất cũng hết tinh-thần và bỏ chạy.

Tính ra, mảnh đất mà chúa Trịnh-Sâm vừa giành được của họ Nguyễn ít năm, tổn-phí khá nhiều công của và sinh-mạng, nay sang hết tay anh em vua Thái-Đức một cách quá mau-lẹ.

Chiến-cuộc bắt đầu từ 18 tháng 5 (năm Bính-Ngọ 1786) dồn dập và biến-chuyển như chớp nhoáng, vậy mà mãi đến mồng 3 tháng 6, triều-đình Bắc-hà mới được dịch-thư (1) do trấn Nghệ-An gửi ra.

Mặc dầu các nhà đương-cục cố bưng-bít sự thất-bại này, nhưng chẳng bao lâu dân-chúng Đàng ngoài cũng biết hết, do đó giặc dã lại nổi lên như ong, nhất là ở vùng duyên-hải, triều-

(1) — *Thư chạy bằng ngựa trạm.*

đình phải cho quân đi đánh dẹp liên-miên mà vẫn không lập nổi trật-tự.

NGUYỄN-HUỆ TIẾN RA THĂNG-LONG

Quân Tây-Sơn thắng ở Thuận — Quảng mau lẹ như thế nào, thì tình-trạng quân, dân, chính của họ Trịnh tại Thuận-Hóa là cả một lời giải-thích.

Đến việc Nguyễn-Huệ ra Bắc rồi diệt Trịnh sau một cuộc chiến-tranh chớp-nhoáng, ắt cũng do những nguyên-nhân tương-tự.

Xin coi dưới đây xã-hội Bắc-Hà thuở đó bê-bối thế nào ?

Chúng ta hãy đi thẳng ngay vào vấn-đề cơm áo của nhân dân qua chế độ thuế-khóa : Dưới đời Trần Thái-Tông (1225-1258) thuế đinh chỉ đánh vào những ai có ruộng đất tức là những người tư-sản bằng tiền và thóc. Người có một hay hai mẫu đóng một quan, có ba bốn mẫu đóng hai quan, có 5 mẫu trở lên đóng ba quan.

Thuế tư-điền phải nộp 3 thăng thóc ; mỗi mẫu trồng dâu phải nộp 9 hoặc 7 tiền.

Nếu so-sánh với thuế-khóa đời Lê Trung-hưng thì thuế đời Trần rõ-rệt, nhẹ và ít vì dưới đời Trung-hưng ai ai cũng phải nộp thuế đinh từ một quan đến quan tám (giàu đóng nhiều, nghèo đóng kém đi một ít). Như trên đã nói trong chương bàn về sự-nghiệp của họ Trịnh từ năm Kỷ-Dậu (1669) đã đặt phép « bình lệ », làng đã có bao nhiêu đinh thì cứ bấy nhiêu mà đóng thuế mãi mãi : chết không trừ, mới đẻ cũng đã phải chịu.

Từ năm Kỷ-Hợi (1719) đến Tân-Sửu (1724) triều-đình đặt thuế công điền, phép tô, thuế tuần-ty, thuế muối, thuế thổ-sản, đủ mọi thứ. Đã vậy nhân dân lại gặp luôn mấy năm loạn lạc, phải đi linh thú liên-miên ; ở các nơi kinh-thành, trị-trấn thì Kiêu-binh hiếp đáp ; trên hàng quan lại, những người đứng đắn chỉ biết có thở dài (1) ngắm nhìn thời-cuộc, bọn lưu-

---

(1)— Tang-thương ngẫu-lục (tập dưới tờ 46) do tác giả là Tùng-Niên viết có nói về Bùi huy-Bích như sau :

manh chánh-trị thì kéo bè, kéo cánh, nào là phe bà Tuyên-Phi (Đặng thị-Huệ tục gọi là bà chúa Chè), phe Trịnh-Khải, thật là đại loạn.

Nhưng cái tai-hại nhất vẫn là vấn-đề thiếu cơm áo, an-ninh và sự hỗn-loạn nơi đền Vua, phủ Chúa ở chốn kinh-kỳ đã làm cho giới lĩnh-đạo mất hết thể-diện và tin-tưởng. (2)

Năm Nhâm-Dần (1782), đời Cảnh-Hưng (1740-86) Điện-đô vương (Trịnh-Cán) lên cầm quyền trong tuổi thơ-ấu, gần xa đều nao nao. Nay 25 tháng 10, năm Nhâm-Dần (1782), binh Tam-phủ làm loạn, ủng-hộ Trịnh-Tông (Khải) con cả của cố vương (Sâm) ấy là Đoan-nam vương...

... Bấy giờ kẻ dưới thì lăng-loàn, người trên thì suy-đồi, giềng-mối triều-đình mỗi ngày một hư-hỏng. Ông Bùi huy-Bích lo âu về nỗi ấy, thường hay than thở trong khi đứng ở triều-đình. Ông từng làm bài văn khóc ông Hồ sĩ-Đống, chức Quyền-phủ, có câu rằng : « Trên chốn triều-đình, các việc chính trị không ra sao, lại thêm nỗi nước lụt, sâu hoàng trùng ! ». *Tiểu-cao Nguyễn văn-Mai trong* « Việt-Nam phong-sử » *cũng nói* : « Khoảng đời Cảnh-Hưng — Chiêu-Thống (1740-89), dân bị mất mùa, đói khổ, cha phải bỏ con, vợ phải xa chồng vì không nương nhờ được nhau..»

« Khâm-định Việt-sử thông-giám cương-mục, *quyển 44, 33, 34, khảo về đời sống của nhân-dân buổi ấy viết :* « Mùa thu năm Bính-Thân (1776), đại-hạn, đồng ruộng cháy khô, nhà nông bỏ hết việc cày cấy. Dân nghèo tìm đến các nhà giàu mà cũng không có việc làm, do đó mà trộm cướp nổi lên như ong ».

(2) — Theo « Hoàng-Lê nhất-thống chí » *trang 42, thấy tình-thế quá hỗn-loạn, chính Trịnh-Khải cũng muốn diệt Kiêu-binh nhưng diệt không nổi. Sau Khải cho Tri công-phiên Phạm quý-Thích làm bài* TRÁCH CUNG-VĂN. *Bài này có lẽ đã đọc trước miếu-đường để chúa nhận lỗi của mình không biết sửa trị việc nước. Ngày xưa mỗi khi có tai trời ách nước hoặc quốc-sự ngửa nghiêng, các vua chúa hay đưa ra những bản Tuyên-ngôn đọc trước lăng-miếu rất*

Sự-kiện này đã dọn đường cho Nguyễn-Huệ vào thành Thăng-Long, để chấm dứt một tình-thế đã trở nên ngạt thở và có thể coi đạo quân Bắc-tiến của nhà Tây-Sơn là đạo quân cứu tử cho tất những người dân thuở đó đang sống dưới thời Lê-mạt. Sử-thần của nhà Nguyễn không chép những điều này, nhưng ta có thể nghĩ như vậy, căn-cứ vào cuộc thắng trận quá mau lẹ của Nguyễn-Huệ và việc tuần Trang, Ba Chúc nộp chúa Khải cho tướng Tây-Sơn.

Tây-Sơn thắng trận có cứu chữa được tình-trạng này chăng ? Nhà chép sử ngày nay có thể trả lời ngay rằng dân Việt-Nam ta còn bạc phước từ đó đến cuối thế kỷ XIX nữa.

Vào những ngày cuối tháng 5 năm Bính-Ngọ (1786), tin Huệ vượt Hải-vân quan bay dồn-dập về Bắc-hà. Chúa Trịnh cho họp bàn tìm kế cự-địch.

---

long trọng hoặc thông-cáo ra ngoài dân-chúng để xét lỗi mình. Chúng tôi xin trích ra đây một đoạn để các bạn coi

«... Hoàng-triều Cảnh-hưng từ thập ngũ-niên, tuế thứ Giáp-thìn, nhị nguyệt kiến Đinh-mão, sóc Bính tứ, sơ thập nhật, Ất-dậu, tự tôn Đại-nguyên-súy tổng-quốc-chính Đoan-Nam Vương chi phụng tiên quán huấn hồi, xử nhân thiên nghĩa chi vị năng ! Ôi ! thừa tiên đại cơ cần, dị đại đầu gian chi hạt xứng ! Dĩ chí bào trạch ức vạn nhân chi oán, tối nan chi kỳ phản hiếu ! Vĩnh duy chiêu mục thiên bách thế chi truyền, khủng bất kham ư phụ hạ ! »

Dịch ra Việt-văn :

« Nhớ lời dạy bảo đứng tiên-quân làm sao mà ở Nhân theo Nghĩa. Nối việc cơ cần từ lớp trước, nào xứng đâu việc lớn lúc gian nguy ! Để đến nỗi vạn ức người oán giận, tới ngày nay vẫn chưa nguôi được mảy may ».

« Nối người xưa sợ chẳng được nào.

« Đỡ gánh trước lo không đủ sức ».

Một hoạn-quan thân với chúa tiến cử tên Mẫn là con nuôi, làm đô-thống chực cầm quân để đối phó với Tây-Sơn, nhưng bàn luận hồi lâu, việc này lại bị bác bỏ.

Sợ chiến-tranh nhất là bọn quân Tam-phủ, nên mỗi khi bàn đến việc điều binh, khiến tướng chúng phá liền. Tỉ-dụ Nguyễn Lệ, cựu tham-tụng, từ Nghệ-An ra đề-nghị : « Lê-Hoàng và chúa rút đi Sơn-tây để lợi dụng thế hiểm của các miền thượng-du Bắc-Việt, kinh-thành trao cho quân-đội giữ Thủy-đạo từ Thường-tín (tức là từ bãi Tự nhiên) đến Hưng-Yên sẽ rắc đầy chông-chà để ngăn cản chiến-thuyền của địch ; dùng thủy-phỉ quấy hậu-phương của địch...

Kế-hoạch này có hiệu-lực, một phần ngăn bước tiến của Tây-Sơn, quan-trọng hơn nữa là để vua lánh xa, Tây-Sơn sẽ không nắm được nhà vua để hiệu-triệu thần-dân (Lúc này Tây-Sơn đã tiến vào Sơn-Nam và tung ra lời hịch *Phú Lê, diệt Trịnh*), sau đó họ sẽ tiến-thoái lưỡng nan, quân lương cạn dần ; và triều-đình sẽ vận-động các thổ-hào miền Thanh, Nghệ dấy binh chẹn lối họ về...

Nguyễn-Lệ còn nói : *Đánh nhau với Tây-Sơn thì bại trông thấy vì không thể dùng được Kiêu-binh...*

Lời nói này càng chọc giận Kiêu-binh, chúng vu cho Lệ đưa kế-hoạch này là có ý rước giặc vào nhà, rồi rủ nhau tìm Lệ giết, may Lệ kịp chạy lên Sơn-Tây.

Trước đó, nhiều kẻ có đầu óc thoái-bại bàn : « Thuận-Hóa không là đất của triều-đình. Triều trước đi chinh-phục là làm một chuyện phiền phức, thất sách bởi nay đặt thú-binh, mai chinh phạt, hao công tốn của. Bây giờ địch lấy được Thuận-Hóa cũng là cái may để khỏi phải đặt thú-binh và lo lắng khó nhọc. Miền trong chỉ cần có Thanh-Hóa vì đây có lăng-tẩm các tiên-đế và có địa hiểm tiến thoái của ta .Nay địch chiếm được Thuận-Hóa đủ no nê rồi còn dám đâu đi xa hơn nữa... »

Người ta tán-thành ngay luận-điệu này rồi từ đó không bàn đến việc quân nữa. Thật là một điều đáng xấu-hổ cho đám

tướng-lãnh, đại-thần thuở đó đã quá hèn nhát, hàng ngày hưởng lương cao bổng hậu tới khi hữu-sự thì nguỵ-biện để lẩn trốn trách nhiệm *giặc đã tiến đến cổng ngõ mà dám nói chúng sẽ chẳng vào nhà, lại chẳng bố-trí cuộc giao-tranh, sửa soạn quân-đội và lo các việc phòng thủ.*

Chẳng qua kẻ nào cũng sợ Tây-Sơn như gà sợ cáo, nếu bàn đến việc đối phó ắt phải thân-hành ra trận hoặc anh em, con cháu phải dự chiến, ham sống sợ chết quá nhiều nên chúng chỉ biết lo giữ đầu. giữ của, giữ vợ, giữ con, còn nước mất mặc nước, vua chết mặc vua. Một triều-đình gồm toàn những kẻ đốn-mạt như thế, hàng ngày dân đã chẳng được nhờ thì gặp loạn tất nhiên dân không mong gì hơn là sự sụp đổ của nó...

Việc phải đến đã đến !

Trước khi mở chiến-dịch đánh chiếm Bắc-hà và đã đồng ý về việc chinh phục Bắc-hà, Huệ thảo luận với Chỉnh hai vấn-đề : tình-trạng Bắc-hà và lý-do của cuộc Bắc-tiến. Huệ : « Bắc-hà còn nhiều nhân-tài, không thể coi thường được. »

Chỉnh trả lời « Bắc-Hà không còn nhân-tài nào nữa, Chỉnh này đã đi rồi là hết, ông đừng ngại. »

Huệ mỉm cười tiếp : « Chính vậy, chẳng ngại ai mà chỉ ngại ông thôi ! »

Lời nói này làm Chỉnh giật mình và tái mặt, rồi Chỉnh biết lỡ lời liền nói : « Tôi chỉ là một kẻ ngu muội, hèn mọn, vậy mà Bắc-hà không ai hơn tôi đủ rõ Bắc-hà bây giờ không có ai đáng sợ nữa. Tôi nói quá một chút cho rõ ý mà thôi ».

Huệ an-ủi Chỉnh và bàn đến vấn-đề lý-do cho rằng đi đánh phá một nước đã cố-cựu, không có danh nghĩa thì cũng khó.

Chỉnh quả-quyết rằng không khó bởi Bắc-hà đã có vua lại có Chúa, đó là một đại-biến cổ-kim chưa hề có. Họ Trịnh tuy bề ngoài là phù-chính, nhưng bề trong giữ đủ quyền thiên-tử lại hiếp đáp nhà vua, lòng người bất mãn..., nay lấy danh-nghĩa « *Phù Lê diệt Trịnh* » ắt thành-công.

Sự thực, Nguyễn-Huệ giờ phút này có lạ gì nội-tình Bắc-hà (nhân sự, sự thất nhân-tâm của họ Trịnh, sự nghèo khổ của nhân dân) chẳng qua bàn để dò ý Chỉnh và dù Chỉnh chẳng đề-cập vấn đề đánh Bắc-hà thì Huệ cũng đã nghĩ tới rồi. Đoàn quân bách chiến bách thắng của Long-nhương tướng-quân đang đầy hào-khí, có lẽ đâu tiến đến Thuận-Hóa thì ngừng lại !

Sau cuộc nói chuyện này, mọi công-tác được phân-phối như sau Chỉnh đem thủy-quân làm tiên-phong vượt biển ra Bắc trước, Huệ mang hậu-quân ra sau, hai bên sẽ gặp nhau ở bến Vị-Hoàng (Nam-Định). Chỉnh sẽ chiếm kho lương ở đây rồi đốt lửa làm hiệu cho quân Huệ.

Còn Nguyễn-Lữ thì ở lại trấn giữ Thuận-Hóa, việc cất quân ra Bắc sẽ báo về Qui-Nhơn cho « vua Trời » biết (1).

– QUÂN TRỊNH VÀ TÂY-SƠN GẶP NHAU Ở SƠN-NAM

Quân Tây-Sơn cả hai đạo thủy-lục rầm-rộ tiến ra Bắc-hà thế mạnh như gió bão.

Chỉnh ra cửa Việt-hải (sau này đổi ra Việt-An) rồi vào bến Nghệ-An, cho du-binh đánh phá lung-tung khiến dân tình bên Trịnh xao-xuyến vô cùng.

Tướng giữ thành Nghệ-An là Bùi thế-Tuy (con Bùi thế-Đạt) người làng Tiến-Lý, (thuộc huyện Đông-Thành, tỉnh Nghệ-An) đốt doanh-trại bỏ trốn.

Tướng giữ thành Thanh-Hóa là Tạ danh-Thủy cũng chạy. Do không có sự trở-ngại, quân của Chỉnh tiến dễ dàng tới Vị-Hoàng lấy được trăm vạn hộc thóc (mỗi hộc có chừng 60 lít). Việc này xảy ra vào ngày 6 tháng 6 Bính-Ngọ (1786). Và dĩ-nhiên quân-lực của Trịnh ở đây cũng đã biết trước khi thấy ngọn cờ Nam-hà phấp-phới.

---

(1) Vua trời là vua Thái-Đức. Hồi đó, quân dân Đàng trong đều gọi Nhạc như vậy,

Chỉnh cho đốt lửa. Ngọn lửa từ Non Côi bốc lên khiến ở xa Huệ đang dẫn một ngàn chiếc-thuyền theo gió Đông-Nam tiến ra trông thấy, biết là Chỉnh đã thực-hiện được điều đã dự-định.

Chẳng bao lâu, hai quân gặp nhau ở Vị-Hoàng, thế càng mạnh thêm, Triều-đình Bắc-hà được tin vô-cùng sửng-sốt, vội cử Trịnh tự-Quyền thống-lĩnh 27 cơ hiệu ra ngăn quân Tây-Sơn.

Quyền đã loanh-quanh mất 10 ngày mới chuyển được quân khỏi thành Thăng-Long được 30 dặm, chúa Trịnh cử thêm Đinh tích-Nhưỡng là một danh-tướng về thủy-chiến (Nhưỡng là dòng dõi Đinh văn-Tả, chức Liễn trung-hầu, quê ở Hàm-giang, huyện Gầm-Giàng, tỉnh Hải-Dương. Thời bây giờ có câu : *Đánh giặc họ Đinh, làm quan họ Đặng.*)

Vùng Sơn-Nam đã trở nên bãi chiến-trường cho hai bên, trong khi dân chúng già trẻ, lớn bé đều hoảng-hốt bồng bế nhau đi lánh nạn. Bọn quan lại, văn cũng như võ, việc nước thì lo ít việc nhà thì lo nhiều, chỉ chú ý đến việc chôn dấu của cải, gìn giữ vợ con ; giữa lúc này khói lửa chiến-tranh bốc mù trời.

Trịnh tự-Quyền coi lục-quân đóng đại quân ở Kim-Động (thuộc Hưng-Yên, bên sông). Đinh tích-Nhưỡng đem năm vệ thủy quân ở cửa sông Lục-môn về phía dưới tức là huyện Nam-Sang tỉnh Hà-nam là tỉnh giáp giới, dàn thành hàng chữ nhất. Năm vệ thủy quân là : Vệ tả, Vệ hữu, Ngũ-hầu, Ngũ-thiên, Ngũ-trung-trạch.

Chương trung-Hầu Đỗ thế-Dận, Trấn-thủ Sơn-Nam, đem bộ binh đóng ở địa-phận bãi Phù-Sa, huyện Đông-An cũng thuộc tỉnh Hưng-Yên.

Nước lụt bấy giờ mới cạn, gió Đông-Nam thổi không ngừng. Thuyền Tây-Sơn dương buồm thẳng tiến. Quân Trịnh nạp đạn vào súng Bảo-lân bắn ào-ạt. Quân Tây-Sơn lui vào bên sông chờ tối đến mới từ từ thả vài chục chiến-thuyền sang mặt trận của Trịnh có đủ binh-sĩ, kẻ giáo, người kích. Quân Trịnh bắn như mưa để ngăn lại. Thuyền Tây-Sơn chìm dần trong im-lặng. Trời tảng sáng, nhìn ra Nhưỡng mới biết đã bắn hết đạn vào những thuyền không và lũ binh-sĩ kết bằng rơm của địch.

Biết mắc mưu, Nhưỡng liền cho quân bỏ thuyền chạy lên cạn thì đại-đội thủy-quân Tây-Sơn xấn đến, đạn bắn vèo-vèo như chuyền cả núi sông, các cổ-thụ bên bờ cũng gãy đổ răng-rắc. Quân Trịnh cứ lùi. Quân Nam xông lên đuổi, quân Bắc chết như rạ. Hai cánh quân làm thế ỷ-dốc cho Nhưỡng của Trấn-thủ Sơn-Nam và của Trịnh tự-Quyền thấy thủy-quân đại bại, mất tinh-thần, liền chưa đánh đã vỡ.

Thủy-quân Tây-Sơn không gặp sức kháng-chiến nào đáng kể nữa liền tiến vào mãi Hiến-Doanh (Phố-Hiến tỉnh Hưng-Yên) Sử chép : Sơn-Nam thất-thủ ngày 24 tháng 6, năm Bính-Ngọ (1786).

MẶT TRẬN THỨ HAI CỦA TRỊNH BỊ TAN VỠ.

Bọn Trịnh tự-Quyền và Đinh tích-Nhưỡng bại trận càng làm cho triều-đình Bắc-hà điên-loạn. Trong đầu óc đám vua chúa hèn yếu của Thăng-Long cũng như trong tâm-trí lũ bề tôi bất-lực, lúc bấy giờ đều đầy những tư-tưởng thoái-bại.

Ưu-binh và Nhất-binh (lính Tam-phủ) hàng ngày vẫn võ ngực khoe trung-thành với vua và chúa vì thuộc Qui-hương (1), bảo nhau mỗi nhóm rút một nơi. Ở lại đương đầu với quân Nam-Hà chỉ còn quân Bắc Nghĩa-binh và vài tướng-lãnh có liêm-sỉ và tiết-nghĩa : Thạc Quận-công Hoàng phùng-Cơ với 500 quân nghĩa-dũng từ Sơn-Tây về hộ-vệ Kinh-thành. Quận Thạc cùng 8 con (kể cả rể) đem binh ra đóng ở hồ Vạn-Xuân (2) dàn

---

(1) — Vua Lê, chúa Trịnh xuất thân ở Thanh-Hóa nên chỉ tin ở đám binh sĩ Thanh — Nghệ — Tĩnh. Bọn họ rất được biệt đãi, do đó mà giữa họ với quân tứ Trấn và dân chúng đời Trung-hưng có sự chia rẽ. Gặp biến, sự thế lại càng bi-đát. Kiêu-binh bỏ chạy trước và chạy đến đâu thì dân chúng giết đến đấy. Với đám quân dân nghịch nhau như nước với lửa, ngai vàng nghiệp chúa của Lê, Trịnh cũng đủ đổ rồi, còn kể chi những nguyên-nhân khác nữa.

(2) — Hồ Vạn-Xuân tức là đầm Vạn-Phúc, thuộc huyện Thanh-Trì, tỉnh Hà-Đông ở bên ngoài thành Thăng-Long.

chu-sư (đội chiến thuyền) ở bến Thúy-Ái (cũng thuộc huyện Thanh-Trì).

Chúa Trịnh đem hết tinh-binh ra ngoài cửa Tây-Long (1), bày trận dưới Ngũ-long-lâu.

Trận này khai-diễn vào ngày 25 tháng 6, năm Bính-Ngọ.

Quân Tây-Sơn thừa-thắng ở Sơn-Nam liền nuốt giải trường-giang (Nhị-hà), tiến lên bến Nam-Dư để đánh bất-thần vào quân Trịnh. Quả vậy, đại đội chu-sư của Nguyễn-Huệ tới nơi, thì tại bến Thúy-Ái quân Trịnh còn neo thuyền lên bãi chơi, chưa có phòng-bị gì hết. Tây-Sơn tới, quân Trịnh hoảng-hốt không kịp xuống thuyền nữa, chạy tán loạn trong khi súng Cự-thuần của Nam-hà bắn như tưới.

Một kẻ can-đảm : Ngô cảnh-Hoàn, Quản Tiền-phong cơ của Trịnh, cương-quyết ở lại chống địch rồi bị tử trận trên mặt sông Thúy-Ái (2). Tiền-phong cơ gục rồi mà Hoàng phùng-Cơ không hay. Đang khi Hoàng ăn cơm, quân Tây-Sơn đã vây chung quanh khiến Phùng-Cơ chỉ còn nước bỏ chạy. Một đội quân Trịnh do Mai thế-Pháp cố chặn đường Tây-Sơn nhưng bộ thuộc tan-vỡ dần, Pháp túng thế nhảy xuống sông tự-vẫn.

Trong trận này, 6 con của Quận Thạc bị trúng đạn chết cả, Quận Thạc thấy thế nguy đành kéo con trai là Hoàng phùng-Gia

---

(1) — Tây-Long hay Tây-Luông cũng là một, xưa ở địa-phận thôn Hậu-lâu, huyện Thọ-Xương, thành Hanoi. Ở đấy có một ngôi đền của người Tàu thờ Quan-đế, ngoài cổng có biển đề : " Tây-Long cổ miếu ", tọa-lạc vào góc phố Hàng than và ngõ Hồng-Phúc ngày nay.

(2) — Cái chết của Ngô cảnh-Hoàn để lại trên " Văn-học sử " một nguồn thơ cho thời-nhân, đáng kể là bi-thiết Ái-thiếp của Ngô là Phan thị-Thuấn, khi chồng chết vẫn tự-nhiên và ăn vận thường-phục Người quen thuộc chê là kẻ vô-tình, bạc-nghĩa. Khi Tây-Sơn rút về Nam-hà, nàng mới mặc đồ-tang, làm chay cho chồng bên sông Thúy-Ái, khóc suốt đêm rồi bơi thuyền ra giữa dòng tự-vẫn theo người chiến-sĩ xấu số.

và con rể là Nguyễn trọng-Thu, cùng vài chục binh-sĩ liều chết mở một đường máu chạy về Hưng-Hóa. Trong khi này, hồ Vạn-Xuân lá mồ chôn hầu hết quân Trịnh.

Vượt được tiền-tuyến của Trịnh tức là sau khi đánh tan quân Hoàng phùng-Cơ, Nguyễn-Huệ rầm-rộ xông lên bến Tây-Luông. Tiếng hỏa-hổ nổ ầm-ầm ghê-rợn, tiếng binh-sĩ hò-hét và rên-rỉ, biến trận Tây-Luông thành một cảnh địa-ngục hỗn-loạn gớm ghê, máu chảy đầu rơi kinh-khủng.

Chúa Trịnh phất cờ lịnh, hò ba quân tiến. Quân Tây-Sơn như hùm beo thấy mồi, lăn xả vào địch như đề nuốt chửng. Nhưng xông vào trận chỉ có quân Nam-hà mà thôi, còn quân Bắc-hà chẳng ai dám liều mạng. Tây-Sơn còn tung ra những ống thuốc súng, lửa cháy làm đỏ ngòm mặt trận. Hỏa-hổ đốt, voi của Trịnh bỏ chạy càng làm cho thế trận của Trịnh núng thêm. Chúa Trịnh liền thúc voi quay về vương-phủ thì trên cửa Tuyên-võ cờ Tây-Sơn đang phấp-phới bay !

Lịch-sử ghi Chúa Khải bỏ Thăng-Long sau cuộc bại trận hết sức bi-thảm vào ngày 26 tháng 6, năm Bính-Ngọ (1786).

NGÀY TÀN CỦA MỘT ÔNG CHÚA

Trịnh-Khải rút khỏi cố-đô với một ít tàn-quân tiến theo đường đi Sơn-Tây, tính đến ẩn náu ở làng Giao-Cốc là quê quán của Hoàng phùng-Cơ.

Khi qua làng Hạ-Lôi, huyện Yên-Lãng, tỉnh Phúc-Yên ngoảnh lại thì lũ thân-binh đã trốn hết, Khải nhớ Lý trần-Quán trước đó được ủy-nhiệm làm hịch triệu nghĩa-binh tại địa-phương này nên dừng bước ở một hàng nước, nhờ người vào kiếm Quán. Khải cũng khôn ngoan, giả xưng mình là quan Hành-tham Bùi huy-Bích chạy loạn. Gặp chúa, Lý trần-Quán xụp lạy. Khải đưa mắt có ý gạt đi để khỏi bị lộ hình-tích. Cạnh Khải bấy giờ chỉ còn một viên nội-thị. Những cử-chỉ khác thường của hai người đã lọt vào mắt Nguyễn-Trang tức tuần Trang và Nho Liễu (hoặc Nho Nứa) người làng Hạ-Lôi, môn-sinh của Quán. Rồi khi

biết rõ không phải là quan Hành-tham họ Bùi mà là chúa Trịnh, bọn tuần Trang liền họp vài chục tráng-đinh ập đến bắt đưa ra khỏi làng. Tại đây, một kẻ khác cũng xông đến cướp chúa để lập công. Đó là tên Ba Chúc làng Vân-Điềm, nhưng không được vì bọn tuần Trang đông hơn. Lý trần-Quán được tin bọn Trang bắt chúa đi vội lật đật chạy tới, lấy lời ôn-tồn can-ngăn. Trang đã lạnh-lùng đáp *« Sợ thầy không bằng sợ giặc, yêu chúa không bằng yêu mình! »*

Câu nói ngắn ngủi này như khóa miệng Quán lại. Viên Thiêm-sai tri-lại-phiên chỉ còn rớt nước mắt nhìn chúng giải chúa đi. Chúng dẫn Khải xuống thuyền giữa đêm tối mò. Khải biết chúng chở mình về Thăng-Long nộp cho Tây-Sơn, nhân lúc bọn Trang sơ ý và nhờ bóng tối đặc trong thuyền, Khải rút dao đâm cổ nhưng vết thương còn nhỏ, Khải lấy tay móc rộng thêm ra rồi chết. Hôm ấy là đêm 28 tháng 6, năm Bính-Ngọ. Quãng đường Khải trút hơi thở cuối cùng thuộc làng Nhật-Chiêu nay là Nhật-Tảo cách Thăng-Long không xa.

Về phần Lý trần-Quán, sau khi chúa chết được hai hôm cũng sửa soạn chết theo.

Quán cầm bút viết mấy lời bi-phẫn :

« Nước mất nhà tan, lĩnh chức phủ-dụ mà chẳng làm nổi sự việc, thà chết, chỉ hận không được chết trước chúa » (1).

Quán nhờ người đào huyệt và sắm quan-tài, rồi mũ áo chỉnh-tề, thản nhiên vào nằm trong quan-tài nhờ người đậy nắp tự chôn sống. Năm ấy, Quán 52 tuổi. Về cái chết của Quán, mỗi cuốn sử viết mỗi khác. *Lê-triều dã-sử* chép : « Khi Quán thấy chúa Khải bị bắt, vội phân trần : « Tôi lòng ngay dạ thẳng, không ngờ đã

---

(1) — Xét lời cuối cùng của Lý trần-Quán thì việc tổ-chức và kêu gọi Nghĩa-binh mà chúa Trịnh giao cho một số trung-thần đã thất-bại vì dân hết thảy đã chán cả vua lẫn chúa, đến nỗi trong khi tuần Trang bắt Chúa, bọn chúng chỉ có vài chục tên mà Lý trần-Quán cũng không có nổi một lực-lượng nào để giải thoát được Chúa thì đủ hiểu.

hóa ra làm hại Chúa » ! Rồi Quán tự mổ bụng trước mặt Chúa để tỏ lòng trung. *Việt-sử bổ-di* cũng nói Quán tự mổ bụng.

Ủng-hộ Nguyễn văn-Tố theo « *Nam-sử tập-biên* » quyển 16, tờ 16a — 17a *Tri-Tân số 75* : viết « Lý trần-Quán là người chất-phác, chí hiếu, Quán bảo chủ hàng rằng : « Tôi là bề tôi mà làm nhầm chúa, tội nên chết, không chết thì lấy gì tỏ được lòng này với trời đất ! » Nói rồi, Quán nhờ chủ hàng sắm cho một cỗ quan-tài và một chỗ đất chôn, ngảnh về hướng Nam, lạy hai lạy. Xong xuôi Quán vào nằm trong áo quan, miệng đọc : « *Tam niên chi hiếu dĩ hoàn, thập phần chi trung vị tổ* » (tức là hiếu ba năm đã đã trọn, trung mười phần chưa nên). Rồi bảo chủ hàng rằng : « phiền đem câu này dặn lại con cháu, dán ở gia-từ để thờ ta, đa tạ chủ nhân và xin đậy áo quan hộ ».

Thật là một cử-chỉ rất đẹp, đời xưa cũng như đời nay, ai mà chê được ! Ăn cơm vua, hưởng lộc chúa, chữ trung là cái đạo chính của con người. Lầm dùng thủ-hạ để hại chúa thật ra Quán vô tội, nhưng con người nặng lòng trung-hiếu sao khỏi ân-hận ? Cái chết của Quán là gương sáng cho đời nay, nhiều kẻ coi tình-nghĩa như cỏ rác, nhất là những kẻ thay thầy đổi chủ, mạnh đâu âu đấy, như vậy những ai không biết xu-thời có là ngu dại chăng ?

Còn xác của chúa Khải được đem về nộp cho Nguyễn-Huệ tại Thăng-Long. Huệ cho đặt ở ngoài cửa Tuyên-võ, phơi ba ngày để cho dân chúng thấy, sau hạ lệnh cho Hoàng-điệt Lê-duy-Quyết theo lễ vương-giả tống-táng tại làng Dịch-Vọng thuộc phủ Hoài-Đức, tỉnh Hà-Đông.

Còn số phận bọn tuần Trang ra sao ?

Theo Hoa-Bằng, tác-giả cuốn « *Quang-Trung Nguyễn-Huệ* », trang 83, kê cứu ở nhiều cuốn sử chữ nho, thì Trang được chúa Tây-Sơn bổ làm Trấn-thủ Sơn-Tây, phong làm Tráng-liệt hầu. Nhưng « *Việt sử bổ-di* » chép : trong việc bắt chúa Đoan-nam vương có cả Ba Chúc.

Huệ hỏi Ba-Chúc : có thật xác Trịnh-Tông không ? Ba-Chúc đáp : « Thưa phải ».

— Sao mi biết ?

— Thưa, tôi là gia-thần trước đây của họ Trịnh.

Huệ liền mắng :

— Làm tôi phản chúa thì đáng tội chết rồi, còn gì mà thưởng ?

Huệ bèn hạ lệnh chém Ba Chúc.

Có sách chép việc giết Ba Chúc là do nơi Hữu-quân Nguyễn hữu-Chỉnh ; còn « *Nam-sử tập-biên* » ghi : « Sau khi Tây-Sơn rút về Nam-hà, vua Lê Chiêu-Thống (1787-89) làm lễ truy-phong Lý-trần-Quán làm Thượng-thư, còn Nguyễn-Trang bị bắt về đem xé xác trước mộ Trịnh-Khải ». Ta có thể tin rằng việc giết Ba Chúc ở Nguyễn hữu-Chỉnh, chớ Nguyễn-Huệ đã phong thưởng rất hậu cho tuần Trang thì lẽ nào lại giết Ba Chúc là kẻ đã cộng-tác với Trang vào việc bắt chúa ?

Xem việc Ba Chúc, tuần Trang bắt chúa Trịnh để nộp cho Tây-Sơn chỉ do mục-đích kiếm danh chuốc lợi. Nếu quan-niệm ngày xưa thì tội bán chúa, bán vua là bất trung, đáng khinh, đáng ghét. Nhưng thử hỏi nếu vua ra vua, chúa ra chúa thì khi vua chúa lâm nạn, dân có nỡ lòng nào bắt vua, chúa bán cho giặc ? Nghĩ như vậy, ta có thể tha thứ cho tuần Trang, Ba Chúc, tiếc rằng hai người này chỉ là những kẻ lưu-manh, lấy việc bán chúa Khải cầu vinh thì bị phanh thây, xé xác cũng đáng. Lại xem chúng không chịu nghe Lý trần-Quán, là thầy học, thì đủ rõ chúng không còn một chút lương-tâm nào nữa. Tuần Trang đã nói với Lý trần-Quán : « *Sợ thày không bằng sợ giặc, yêu chúa không bằng yêu mình!* »... đến thế là hết nhân-tình. Chuyện đời vay trả, quả báo nhãn tiền, những kẻ bất-nhân không mấy khi tránh khỏi lưới trời lồng-lộng.

NGUYỄN-HUỆ GẶP VUA LÊ

Trong khi quân Tây-Sơn sửa-soạn kéo vào thành Thăng-Long thì một cảnh hỗn-độn xảy ra ở đây rất bi-thảm. Dân chúng già trẻ, lớn bé kéo nhau đi chạy loạn, tìm nơi trú-ẩn, nhưng các

quan lại, tông-thất ra khỏi thành có gì quý-giá đều bị dân-chúng các vùng ngoại-ô lột mất cả; các Kiêu-binh chạy đến đâu thì dân kể tội khi trước kiêu-lộng bắt mà giết đi, không còn ẩn lánh được vào đâu hết. Theo "*Hoàng-Lê nhất-thống chí*", riêng từ kinh-thành ra tới ngoại-ô, linh Tam-phủ đã chết có tới ngàn mạng. Xa gần, nhiều làng mạc bị đốt phá, cũng có những vụ báo ân, trả oán giữa các nhóm người hương-đảng. Lại thêm những tàn-binh sẵn khí-giới, tản vào thôn xóm, chỗ năm trăm, chỗ ba trăm rủ nhau đi ăn cướp, khiến nhân-dân lầm than không sao kể xiết. Chúng vào các làng tha-hồ giết trâu mổ bò, ai thấy chúng đều bỏ chạy thục mạng. Trái hẳn quân Tây-Sơn vào đóng giữ hoàng-thành lại rất trật-tự, yên-ổn và nghiêm-chỉnh. Họ không động chạm đến tài-sản và tính mạng của một ai bởi có thiết quân-luật.

Theo « *Cương-Mục* » quyển 46, tờ 23b — 25b thì trong khi còn hành quân ở Vị-Hoàng, Huệ đã phái một tì-tướng đem binh bí-mật đến Thăng-Long để hộ-vệ cho Hoàng-gia (vua Lê). Khi quân Tây-Sơn tới, các hoàng-tử hoảng-hốt nhưng viên tì-tướng dâng tờ tấu của Huệ. Trong thư, Huệ nói quân-đội phải đến có mục-đích gìn giữ Hoàng-gia và vấn-an nhà vua, bấy giờ vua Lê mới an lòng.

Ngày 26 tháng 6, Nguyễn-Huệ cho báo trước sẽ vào yết-kiến vua Lê Hiển-tông, rồi hôm sau Huệ dẫn bọn Cống Chỉnh và các tướng-tá vào cung Vạn-thọ. Trước mặt nhà vua, chúa Tây-Sơn có những cử-chỉ hết sức khiêm-nhượng. Huệ nói việc quân Nam-hà ra Bắc chỉ có ý phù Lê diệt Trịnh và làm theo đạo trời. Trong cuộc hội-kiến giữa vua Lê và chúa Tây-Sơn, các cựu-thần đi lánh nạn hết không còn một ai, sau vua Lê nghe lời Chỉnh cho đi tìm Phan lê-Phiên, Trần công-Sán, Uông Sĩ-Điền, đến lo việc thù tiếp vị thượng-khách.

Rồi ít bữa sau, dân chúng lại lục-tục kéo nhau trở về, chợ búa lại họp, các hoạt-động thường nhật lại tiếp-tục theo nhịp sống bình thường. Các quan liêu cũng dần-dần hồi-triều gần đủ mặt. Sau đó có việc thiết đại lễ tại điện Kính-thiên để Tây-Sơn ra mắt đồng-bào Bắc-hà, đồng thời để tỏ rõ thái-độ

chính-trị của quân Nam-hà. Nguyễn-Huệ cầm đầu các tướng, dưới bóng cờ quạt la-liệt từ cửa Đoan-môn nghênh-ngang bước vào làm lễ ngũ bái, tam khấu rồi dâng lên vua Hiển-Tông sổ sách quân-dân. Lúc này, nhà vua đang đau và đã già yếu nhiều, nhưng cũng cố gượng chủ-tọa buổi lễ. Ngay bấy giờ, ngoài cửa Đại-hưng niêm-yết tờ chiếu thư « *Nhất-thống* »

Qua hôm sau, vua Lê sai người sang phong cho Nguyễn Huệ (Huệ trú tạm bên Trịnh-phủ) làm Nguyên-súy Dực-chính phù-vận Uy Quốc-công. Huệ nhận rồi sai người vào hoàng-cung tạ ơn, nhưng trong lòng có ý bất mãn, nghĩ rằng triều đình Bắc-hà lấy chức tước phong cho mình có ý lung-lạc và coi Huệ vào loại người không biết gì chăng. Cống Chỉnh khéo léo lắm mới làm cho Huệ nguôi giận và sang thảo-luận với vua Lê kiếm cách làm đẹp lòng người đang nắm trong tay vận-mệnh Hoàng-gia và Bắc-hà. Rồi người ta đi đến chỗ gả cho chủ-súy Tây-Sơn cô gái thứ hai mươi mốt của nhà vua là Ngọc-Hân công-chúa bấy giờ mới 16 tuổi, nhan-sắc rất mặn-mà (1). Ngọc-Hân còn được gọi là chúa Tiên, được rèn cặp kinh-sử, tập-tành thơ-văn khá nhiều. Qua bữa sau bệnh tình của nhà vua thêm trầm-trọng, rồi Ngài mất vào ngày 17 tháng 7 năm Bính-Ngọ (1786), sau 47 năm ở ngôi làm bù-nhìn cho họ Trịnh.

Do sự chấp-thuận của Nguyễn-Huệ, Hoàng-tôn Lê Duy-Kỳ được nối ngôi, lấy niên-hiệu là Chiêu-Thống (2).

---

(1) Thời nào người đàn bà cũng đóng những vai trò hết sức quan-trọng để giải quyết những nỗi khó khăn trong những tình-thế đặc-biệt. Ở đây, người ta mượn cái nụ cười của giai-nhân để dẹp ngọn lửa giận của Chúa Tây-Sơn có thể đốt cháy cả Bắc-hà bấy giờ.

(2) Về việc Duy-Kỳ lên ngôi, « Lê-quý kỷ-sự » chép « Tự tôn không xin phép chúa Tây-Sơn trước, vội lên ngôi ngay trước linh-cữu của vua Hiển-Tông rồi lại tự tiện phát tang xong mới cho người sang báo với Huệ. Huệ giận lắm. Công-chúa Ngọc-Hân phải mật sai người tin cho Duy-Kỳ sang xin lỗi, Huệ mới yên. »

Sau lễ đăng-quang cho Duy-Kỳ thì người ta lo làm lễ thành-phục cho vua Hiển-Tông ở nội-điện. Lấy tư-cách là con rể, Huệ mặc áo trắng đứng bên tả dự lễ. Một tiểu-lại hơi mỉm-mỉm cười khi hành-lễ, Huệ liếc mắt bắt gặp cho thế là khinh-mạn liền hạ lệnh chém ngay. Các triều-thần nhà Lê từ đấy lại len-lét sợ.

Rồi ngày 25 có lễ Ninh-lăng, Huệ đi hộ tang cho đến bến sông, lại sai Nguyễn văn-Kỷ và Cống Chỉnh đi hộ tống tới Bàn-thạch Lăng (thuộc huyện Lôi-Dương, tỉnh Thanh-Hóa. Các vua nhà Lê đều chôn hết ở đấy vì là nơi quê-hương). Cách cư-xử của Huệ đến thế thật là chu-đáo.

CHƯƠNG III

NGUYỄN-HUỆ VỀ NAM

TRƯỚC khi cất quân ra Bắc-hà, Huệ sợ « kiều mệnh » nên theo lời của Nguyễn hữu-Chỉnh đã gửi thư (1) về Qui-Nhơn xin « *Đại cử Bắc phạt* ». Vua Thái-Đức có ý không bằng lòng vì Huệ chưa có lệnh đã tự-tiện xuất-quân, hơn nữa Nhạc e Huệ thành công thì lại khó kiềm-chế Huệ mai sau. Nhạc vội cho người ra Phú-Xuân, đòi đình chỉ việc Bắc-tiến thì Huệ đã ra tới Thăng-Long và đã hạ được hết thảy mọi lực-lượng của Bắc-hà. Nhạc đành sửa soạn lên đường, biết rằng cử người ra gọi Huệ về ắt không được.

Tháng 8 năm Bính-Ngọ, với 500 thân binh và 100 con voi Nhạc lật-đật ra Thăng-Long, tuyên-bố ra tiếp-ứng cho Nguyễn-Huệ để tránh mọi điều dị-nghị.

Lại một phen, cờ Tây-Sơn tiến ra Bắc.

Dân-chúng nôn-nao, hoang mang vô cùng. Đó là cái tâm-trạng của một dân-tộc đã bị điêu-đứng nhiều về chiến-tranh hễ thấy cờ bay, quân đến là như gà thấy cáo.

Triều Lê được báo động. Quần-thần bàn với vua Chiêu-Thống: vua Thái-Đức tới thì dâng biểu xin hàng.

---

(1) — Huệ sợ chưa có lệnh vua anh đã đem quân ra Bắc là mạn phép, làm liều.

Sau bảy ngày đêm quân Phú-Xuân ra tới Thăng-Long, Vua Chiêu-Thống mang bách-quan ra quỳ đón ở bên đường, còn mình thì thân đón ở cửa Nam - Giao. Vua Thái-Đức đi thẳng không đếm-xỉa đến vua quan Bắc-hà, chỉ cho người bảo vua Lê-cứ về cung.

Tuy vậy, không đợi triệu, hôm sau vua Lê Chiêu-Thống cũng cùng các đại-thần lóp-ngóp sang nơi hành-doanh của vua Thái-Đức. Vua Thái-Đức nghe Chỉnh, thuận tiếp Chiêu-Thống theo lễ « hai vua tương-kiến ».

Vua Lê chào mừng rồi ngỏ ý xin cắt đất khao quân, vua Thái-Đức gạt đi và nói rất chững chạc

« Họ Trịnh chuyên quyền, chúng tôi đem quân ra đây chỉ có ý giúp nhà vua mà thôi. Nếu đất Bắc-hà của Trịnh thì một tấc chúng tôi cũng lấy, mà của nhà Lê thì một tấc chúng tôi cũng không màng, chỉ mong nhà vua giữ vững kiền-cương rồi « *hai nước* » chúng ta đời đời giao-hảo ».

Trước sự dứt-khoát này, binh tướng Tây-Sơn hoan-hỉ, họ chỉ mong sớm được trở về với gia-đình. Trong dịp này, Vũ văn-Nhậm vốn ghét Nguyễn hữu-Chỉnh, liền bàn với Nguyễn-Huệ bí-mật rút về Nam, bỏ Chỉnh lại cho dân Bắc-hà sửa trị.

Nói cho đúng, chẳng riêng Nhậm không ưa Chỉnh mà còn nhiều tướng-tá khác nữa, phần họ thấy chúa Tây-Sơn ngờ vực Chỉnh, phần họ cũng nhận thấy Chỉnh có nhiều thủ-đoạn, nếu được trọng dụng mãi không khỏi có nhiều ảnh-hưởng bất lợi cho họ.

Nhậm đã nói một câu rất kích-thích :

— Chỉnh trước đây vì cùng đường mới chạy tới ta, nhưng đâu đã dứt tình với cố-quốc. Ta phí hàng vạn người để làm vây cánh cho y, chẳng dại lắm sao ! Người Bắc chẳng ưa y, ta kéo về để hắn ở lại cho dân Bắc thanh-toán hắn là tiện hơn cả. Chỉnh chết rồi, ta sẽ lấy lại Bắc-hà cho rảnh ».

Cho tới khi lên đường, anh em Tây-Sơn tỏ ra rất thuận-hòa và đối với vua Lê cũng rất chu-đáo. Thái-Đức còn sửa lễ

vật vào yết Thái-miếu nhà Lê, và đối với Chỉnh suốt ngày 17 tháng 8 năm Bính-Ngọ, Huệ chuyện trò rất vui vẻ và không lộ ý sắp từ giã đất Bắc. Rồi giữa canh ba đêm ấy, quân Tây-Sơn lặng lẽ kéo đi, vét sạch của cải kho đụn Bắc-hà sau khi cho người đến bí-mật từ-giã riêng vua Chiêu-Thống.

Sớm hôm sau, Chỉnh mới biết tin-hốt-hoảng cùng vài chục gia-nhân chạy ra bờ sông, cướp một chiếc thuyền buồm chèo gấp vô Nghệ. Một số người kẻ-chợ đuổi lấy gạch đá ném theo. Chỉnh tự tay giết vài người mới đi thoát. Quân Huệ đến Nghệ-An thì Chỉnh cũng tới kịp. Huệ có ý bẽn-lẽn bên ngoài, mà bề trong thì rất khó chịu, nhưng cũng vỗ-về Chỉnh. Huệ nói

« Người Bắc chưa thật lòng với ta, danh-tướng của họ như Đinh tích-Nhưỡng, Hoàng phùng-Cơ vẫn còn hoạt-động, ông nên ở lại Nghệ-An cùng Nguyện văn-Duệ để đề-phòng mai hậu mới được ».

Sau đó, Huệ dặn ngầm Vũ văn-Nhậm rằng : « Chỉnh ở lại Nghệ-An là quê-hương của hắn, phải xem xét mọi hành-động, đồng-thời theo dõi xem lòng dân đối với hắn yêu ghét thế nào, cấp báo cho ta hay ».

Xem xét các việc đã xảy ra, ta thấy ảnh-hưởng chính-trị của Tây-Sơn đã lan-tràn khắp nước ta từ Nam ra Bắc, do đó mà Thái-Đức tự xưng là Trung-ương Hoàng-đế, đóng ở Qui-Nhơn, coi giữ Quảng-Nghĩa, Qui-Nhơn, Phú-Yên và Nha-Trang ; Nguyễn-Huệ được phong làm Bắc-bình Vương, đóng ở Quảng-Nam, coi Phú-Xuân và khống-chế Bắc-hà ; Nguyễn-Lữ được phong làm Đông định-Vương giữ Gia-Định, Bình-Thuận, Đồng-Nai, Balạt và Hà-Tiên.

Lại thêm một lần nữa ; tuy bề ngoài nước ta thống-nhất nhưng thế chân vạc đã xuất-hiện trên bản-đồ chính-trị của nước Việt-Nam từ Cà-mâu ra tới Phú-Xuân, riêng trong gia-đình họ Nguyễn Tây-Sơn, và dĩ-nhiên vì cái thế tam phân này mà chính-quyền của nhà Tây-Sơn sau này sinh ra nhiều điều lủng-củng.

Từ năm Đinh-Mùi (1787), lịch-sử Việt-Nam vẫn tiếp-tục

ghi thêm nhiều biến-cố quan-trọng nữa. Bắc-hà vừa trải qua cơn khói lửa vô cùng kinh-khủng do cuộc xung-đột giữa Tây-Sơn và chúa Trịnh, nay lại có cuộc nội-tranh giữa hai đảng cùng dòng họ là đảng Trịnh-Lệ và đảng Trịnh-Bồng (1).

Mỗi bên được một số tướng-lĩnh văn-thần ủng-hộ : Trịnh-Lệ có Dương trọng-Tế từ Kinh-Bắc đem binh về Thăng-Long hiệu-triệu bách-quan, tự tôn làm chúa — Trịnh-Bồng có Đinh tích-Nhưỡng và Hoàng phùng-Cơ từ Chương-Đức đưa về đế-đô.

---

(1) « Hoàng-Lê nhất-thống-chí » do Cát-Thành dịch, trang 8, viết về Trịnh-Bồng và Trịnh-Lệ như sau : *Trịnh-Bồng và Trịnh-Lệ bấy giờ đều mang tước Quận-công, tuổi ngoài 40 cả. Bồng là con chúa Giang, bác họ của chúa Khải, tính nết khoan-hậu, hiền lành, được nhiều người mến. Chúa Trịnh-Sâm trước đây khi chưa biết tôn con cả hay con thứ, có hồi đã tính lập Quận Bồng, sau lại thôi.*

Đời chúa Khải, Kiêu-binh lộng-quyền, đã có lần đến nhà Quận Bồng, ngỏ ý tôn Bồng thay Khải. Bồng phải vào gặp Khải để tự sự, rồi trốn đi.

Quận Lệ là con chúa Doanh, em chúa Sâm, chú ruột chúa Khải, là người thông-minh, có chí, đương đời chúa Doanh, đã có ý tranh ngôi với con cả. Đến khi chúa Sâm được lập, Quận Lệ với gia-thần là Tiến-sĩ Phạm huy-Cơ mưu nổi loạn bị Trọng-Tế phát giác. Chúa Sâm nghĩ tình em ruột, không nỡ giết, chỉ cách chức bắt giam thôi. Đến khi Khải lên cầm quyền, Lệ được phục chức.

Lúc Kiêu-binh nổi lên, Quận Lệ lại muốn tự lập phen nữa, việc lại bại lộ, may có Dương thái-phi che chở mới được yên. Lúc Văn-Huệ ra, kinh-thành thất-thủ, Bồng chạy ra Chương-Đức, Lệ ẩn nấp bên họ ngoại là Hầu Thì-Trung ở huyện Văn-giang, mật chiêu-binh, luyện mã. Tới ngày quân Tây-Sơn từ-giã Bắc-Hà thì cả hai người đều ra hoạt-động và tranh-giành nhau quyền chúa như trên đã nói. Sự xuất-hiện của họ nhằm đúng lúc vua Chiêu-Thống cần binh tướng để khôi-phục an-ninh, trật-tự đời bấy giờ.

Vua Lê Chiêu-Thống còn quá non nớt, bị bọn Bồng uy-hiếp nên phải phong Bồng làm nguyên-súy Yến đô-vương, kế tiếp chúa Đoan-nam Vương Trịnh-Khải (1).

Tại Cầu Muống (gần Khâm-thiên — Hanoi) hai bên xung đột với nhau. Lệ bại trận phải chạy về mạn Bắc.

Bồng lại theo vết xe cũ, thao-túng chính-quyền như các chúa trước và tình-hình chính-trị từ Thăng-Long ra ngoài dân dã các nơi xa-xôi rất là lộn-xộn. Nhà vua sau khi Tây-Sơn rút về gửi thư đi khắp nơi triệu các cố thần dấy binh vào vệ (2). Trong dịp này một số hào-mục ở nhiều địa-phương cũng tuyển mộ binh sĩ lấy danh nghĩa vua Lê, trở nên quân-phiệt ; nhân dân lại sống những ngày loạn-lạc, rối-ren như cũ, thêm vào đó là nạn đói kém, dịch-lệ, càng tăng-gia cảnh lầm-than, thê-thảm.

« Đại-Nam Việt-sử ký » trong trang 60 — 61 có viết : *« Các xã thôn đánh nhau lộn bậy, chẳng ai can thiệp, chỗ nào cũng xảy ra những vụ giết người cướp của. Năm ấy lại đại hạn, rồi bão, lụt.*

« Đê-điều vùng Nam-Định bị vỡ, hai huyện Quỳnh-Lưu, Đông-Thành thuộc trấn Nghệ-An đói khổ không thể tưởng-tượng được. Có xã không còn ai, hoặc chết đói, chết bịnh hết.

---

(1) — Theo « Hoàng Lê nhất thống chí » *trang 89, vua chỉ muốn phong Trịnh-Bồng tước công để tránh cái nạn lạm quyền cũ, nhưng Bồng và bè đảng cương quyết đòi phong vương cho mạnh uy-thế như xưa, sau vua phải chịu với điều-kiện quyền-chính phải ở tay vua hết. Đây là ý-kiến của Đinh tích-Nhưỡng bàn với vua còn trước đây vua chỉ thuận cho Bồng làm Tiết-chế thủy-bộ chư-quân bình-chương quân quốc-trọng sự, Côn quốc-công. Ngoài việc Bồng lạm vua uất ức, lại có Hoàng phùng-Cơ cũng hiếp vua, hội các quan chia nhau chức tước nữa. Giữa lúc quân cô thế-yếu, vua đành chìu họ rồi nảy ý mời Chỉnh trở ra Bắc-Hà.*

(2) — Vào vệ : tổ chức quân đội ở các vệ sở để trấn giữ các nơi hiểm yếu phòng Tây-Sơn trở ra.

« Không có thóc gạo, người ta ăn cả cỏ như trâu bò, nhai cả rễ cây, củ chuối sinh bịnh dịch, chết lại dữ hơn.

« Bão lớn làm đổ nhà sập cửa, cây cối hoa màu đều tan nát hết. Nước biển tràn vào làm hỏng lúa má, sâu keo (hoàng trùng) cũng phá thêm, tai hại vô cùng. Vụ mùa năm ấy đã mất mà thóc gạo năm trước còn ít nhiều thì giặc cướp lấy hết, do đó mà xảy ra nạn đói kể trên. Những nhà có tiền bạc cũng chết đói vì trong dân chẳng có gì để bán cho nhau cả.. »

Ta đã thấy xã-hội Việt-Nam đời bấy giờ thế nào trước hai điểm chính-trị và dân sinh. Như vậy, dĩ-nhiên giữa sự đau khổ nghèo nàn, cơ-cực, nhân dân phải tìm một lối thoát. Với vua nhu-nhược non-nớt như Chiêu-Thống, người dân có thể đặt-để những hy-vọng gì ? Với Trịnh-Bồng cũng lộng-quyền, cũng ích-kỷ tham tàn như các chúa trước, dân đã chán-chường, lẽ tự nhiên trong cảnh-huống này dân chỉ còn tự cứu lấy mình, thì Nguyễn-Huệ buổi đó xuất hiện trên sân khấu chính-trị Việt-Nam vừa đúng lúc lòng người đang mong-mỏi, khao-khát.

Tình-trạng Việt-Nam lúc này giống tình-trạng nước Pháp, một phần lớn trước khi Hoàng-đế Nã-phá-Luân lên ngôi : chính-sự của triều-đình đổ nát, dân chúng từ thôn-quê đến thành-thị bị Hoàng-gia, phong-kiến, tăng-lữ bóc lột quá đáng khiến nạn đói rách, thất-nghiệp nảy-nở tràn khắp nước ; an-ninh trật-tự quốc-gia chỉ còn là những danh từ xuông vì cướp trộm lung-tung ở mọi nơi. Dân đi tới chỗ cùng nên đã nhiệt-liệt ủng-hộ một vị anh hùng cương-quyết lật nhào cái thế biến đó, lập lại trật-tự, tất-nhiên trong cuộc cách-mạng của nhân dân còn có mục-đích đào thải những phần-tử mục nát của các giới kể trên. Người anh-hùng đó xưa kia là Nã-phá-Luân Bonaparte, mà trên Lịch-sử Việt-Nam là Quang-Trung Nguyễn-Huệ...

Từ khi Trịnh-Bồng cùng bè đảng ra mặt hiếp vua, vua lấy làm bực tức lắm, nên mật cho người vào Nghệ-An triệu Nguyễn hữu-Chỉnh.

Về phần Chỉnh, từ ngày không được theo sát Bắc-bình Vương Nguyễn-Huệ, Chỉnh đã thấy mình ở cái thế tiến cũng khó

mà ở yên cũng dở. Chỉnh biết con người Nguyễn-Huệ cũng quỷ-quyệt, cũng cơ-mưu ghê gớm, đã không tin thì tai họa chưa biết giờ phút nào. Đi thì mắc núi, trở lại thì mắc sông, Chỉnh đành ngày đêm lo tạo cho mình một lực-lượng để phòng thân, rồi thời thế xoay trở đến đâu thì lo liệu đến đấy. Từ ngày Huệ về Phú-Xuân cũng là ngày Chỉnh ráo riết kiếm các tay lưu-vong, đãng-tử lập thành cơ-ngũ ngầm có ý chiếm hẳn Nghệ-An làm đất dụng võ.

Nhưng chẳng bao lâu sứ-giả của vua Lê Chiêu-Thống tới khẩn thiết mời Chỉnh ra Bắc-Hà yên dân trừ loạn, Chỉnh lúc này như đang ngồi trên lửa được vậy mừng rỡ vô cùng (1). Đây là cơ-hội cho *« chim Bằng »* cất cánh. Chỉnh liền bàn với người tay chân là Lê-Duật ở lại với Nguyễn văn-Duệ, còn mình dẫn quân đội, phất cờ *« hộ vệ »* kéo ra Thăng-Long.

Quân của Chỉnh tới đâu, quân Trịnh-Bồng bỏ chạy đến đó, Chỉnh ung-dung bước vào Thăng-Long, tiền hô hậu hét. Cái địa-vị cao quí của ông chúa cuối cùng họ Trịnh, một buổi mai đã sang tay chủ mới : Nguyễn hữu-Chỉnh.

Vua Lê Chiêu-Thống phong cho Chỉnh chức Bình-chương quân-quốc trọng-sự, Đại tư-đồ Bằng trung-công để ân thưởng việc dẹp được kẻ lộng quyền (2).

Việc đầu tiên của Chỉnh ở triều Lê là chiếm đóng Trịnh-phủ làm Đại bản-doanh, xin phong cho con là Nguyễn-hữu-Du làm *« thế-tử »* lập dinh ở phía Đông, cắt đặt tay chân vào các địa-vị trọng-yếu trong triều và ở các trấn. Sau này các quan lại

---

(1) — Chỉnh chạy theo Bắc-bình Vương về đến Nghệ-An thì bị lưu lại ở đây. Rồi chính-sự Bắc-Hà rối nát, vua mời Chỉnh ra, Chỉnh dẹp xong Trịnh-Bồng. Sau đó ít lâu Chỉnh lại phải đương-đầu với Vũ văn-Nhậm. Xét ra thời-cuộc nước nhà lúc này biến-chuyển quá mau lẹ, riêng đọc Lịch-sử tới đoạn này ta cũng thấy điên đầu, nhức óc, huống chi người trong cuộc bấy giờ.

(2) — Trịnh-Bồng sau cuộc bại-vong đã bỏ đi tu, và từ đó không ai thấy tông-tích của ông ta nữa.

tâu vua Chiêu-Thống phong cho Chỉnh tước Nhất-tự-công, được mở phủ và đúc ấn quân Võ-thành, viện khu-mật thuộc về cả đấy (1).

Từ đó, mọi việc Chỉnh đều quyết-đoán lấy, không hỏi ý vua Lê, rút-cục về phần vua Lê tránh được nạn Trịnh-Bồng thì lại rơi vào tay Cống-Chỉnh, chuyên quyền không kém gì chúa Trịnh *(xin coi bài phê-bình ở chương sau để rõ lý-do về sự độc-đoán thuở ấy của Cống-Chỉnh)*.

Không khí chính-trị Bắc-Hà lại nặng-nề như trước. Vua ngán, dân buồn, con thuyền quốc-gia vẫn bồng-bềnh trong cơn sóng dữ. Chỉnh dò xét biết nhiều người bất mãn với mình, bởi các quan có một số cáo bệnh về ở ẩn nơi núi, bể hay đồng ruộng nên tìm cách mua chuộc bằng việc mở khoa thi, tuyển dụng nhân tài. Chỉnh bàn với Duy-Phiên xin vua cho mở mười khoa thi, theo phép nhà Tống bên Tàu xưa kia. Bắt đầu có chế khoa : quan văn từ tam phẩm trở lên, biết ai là người khá thì cứ giới-thiệu lên. Người được cử sẽ vào trong đền để đối sách. Danh-sĩ trong nước nhiệt-liệt hưởng-ứng,

Bấy giờ Điện-thí có hơn 200 người dự. Chỉnh muốn thâu dụng cả, đến lúc tuyển lựa chỉ có Trần bá-Lãm, Nguyễn gia-Cát hợp-cách. Chỉnh không hài lòng. Qua mùa Đông có Hội-thí ở lầu Ngũ-long, lấy bọn Bùi dương-Lịch cả thảy 15 người đỗ Tiến-sĩ.

Rồi trước những việc lộng-hành của Chỉnh, đã có phen Chiêu-Thống mưu với bọn cận-thần là Ngô duy-Qúy vời Nguyễn hữu Chỉnh vào tiền-điện để đánh thuốc độc cho chết, nhưng khi vua gặp Vũ-Trinh đem chuyện này ra bàn thì Trinh gạt đi, lấy lẽ đang có tin Tây-Sơn lăng-bức ngoài biên-thùy, triều-đình lại chưa ổn, lòng dân còn xao-xuyến, hãy còn cần Chỉnh làm móng vuốt, nhất là Chỉnh chưa có hình-tích gì gian-trá bất-tín. Chiêu-Thống nghe

---

(1) Phủ quân Võ-thành có uy-quyền như Bộ Tổng Tư-lệnh quân-đội ngày nay.

ra mới bỏ việc này đi, nhưng sau cũng có người báo cho Chỉnh biết.

Chỉnh từ đó có ý chán nản, ít nhòm ngó vào việc nước mà hào-kiệt ở các nơi lại rạo-rực.

TRẤN CÔNG-SÁN ĐỜI XỨ NGHỆ

Nguyễn hữu-Chỉnh thuộc loại người có chí lớn và dám làm việc lớn. Bấy giờ tuy ngồi giữa Bắc-hà mà Chỉnh vẫn có tin-tức về tình-trạng Nam-hà do nơi Trấn-tướng Nghệ-An là Nguyễn hữu-Duệ.

Sở-dĩ Chỉnh nhòm ngó Nam-hà là vì tại Bắc-hà, Chỉnh đã nắm được quyền chủ-tể, nay được Duật từ Nghệ-An ra cho biết anh em Tây-Sơn đang lủng-củng với nhau, Chỉnh liền có ý muốn lật đổ Tây-Sơn, mật giao-kết với Nguyễn hữu-Duệ thực-hiện mưu " *Nam Bắc phân-trị* ". (1)

Vũ văn-Nhậm trước đây đã được giao-phó nhiệm-vụ dò xét bọn Duệ và Chỉnh được rõ dự-định này liền dùng binh-phù gọi Duệ về Nam ; Duệ không chịu, e rằng anh em vua Tây-Sơn đang bất hòa với nhau, mình là tướng cũ của Nhạc về chuyến này với Huệ có điều bất lợi chăng, huống-hồ Duệ lại còn chuyện thông-đồng với Chỉnh để cùng chống lại Bắc-bình Vương. Trong việc này Duệ có sự kết-cấu với Tham-nghị Nguyễn đình-Viện.

---

(1) Mưu Nam -Bắc phân-trị là lấy Hoành-sơn và Linh-Giang (sông Gianh) làm phân-giới rồi chia làm hai miền Nam-Bắc như các tiền triều để cùng hưởng phú quý. Lại có sách chép : Nghe tin Duệ có ý thông-đồng với Chỉnh, Bắc-bình Vương liền phái Nguyễn văn-Đức ra đóng ở Diễn-châu (Nghệ-An) để cùng trông coi trấn này, nhưng khi Duệ và Đức biết Nam-hà đang có mâu-thuẫn nội-bộ bèn viết thư cho Chỉnh, bàn cùng hợp lực kéo vào Nam gây loạn, khi thành công sẽ chia nhau đất đai như trên. Chỉnh do-dự nên việc này không thành.

Vũ văn-Nhậm cho chạy thư vào báo-cáo với Bắc-Bình Vương tình hình Nghệ-An, Vương trao ngay cho Nhậm quyền giải-quyết vấn-đề Duệ và Chỉnh : thứ nhất là bắt tướng chiếm đất (trường hợp đối-phó với Duệ), thứ hai là viết thư hỏi tội Chỉnh, nếu Chỉnh sợ oai thì cho tạm-hoãn ; nếu Chỉnh có thái-độ gằng-trì thì vịn cớ này ra đánh xứ Bắc.

Quân Nhậm đi gấp, sau một ngày đêm đến trại Kỳ-Hoa. Duệ dặn Đình-Viện giữ lấy Nghệ-An, còn mình trốn về với Nhạc.

Tại đây tướng lĩnh Nghệ-An bất đồng chánh-kiến. Đình-Viện cùng các con đánh lộn nhau với Nguyễn-Thuyên là bộ-tướng của Duệ bị tử trận hết nên khi Vũ văn-Nhậm tới thì Nghệ-An lại sang tay quân-đội Nam-hà, Nhậm chẳng phải ra tay.

Trong khi bầu trời chánh-trị Việt-Nam còn vẩn-đục, một việc khá buồn cười đã xảy ra là triều-đình Bắc-hà cử sứ-bộ do Trần công-Sán cầm đầu vô Nam đòi Nghệ-An (việc này xảy vào tháng 3 năm Đinh-Mùi (1787) sau khi Tây-Sơn cử Vũ văn-Nhậm ra chiếm trấn này (1).

---

(1) Việc đòi hỏi xứ Nghệ thuở đó đáng buồn cười là bởi nêu ra không đúng lúc. Tây-Sơn và nhà Lê chưa thật tình ở tốt với nhau, lại còn đang nghi ngờ nhau là đàng khác. Việc đòi hỏi xứ Nghệ trở thành một việc chọc giận Bắc-Bình vương, thêm nữa Vương đã cho quân ra Bắc-Hà trong khi sứ-bộ vừa tới Phú-Xuân, Vũ văn-Nhậm lại cho Trần công-Sán biết việc Bắc-phạt đã quyết-định. Ngô-Nho khuyên Sán thay chiều đổi hướng, rồi tùy cơ ứng phó, Trần công-Sán không nghe. Lòng khẳng-khái của ông tuy đáng khen, nhưng ông quên vai-trò chính-trị của mình trong một tình-thế vô cùng nghiêm-trọng. Nếu ông khéo-léo hơn, biết đâu Bắc-Bình vương thuở đó chẳng hạ lệnh lui binh thì tình-thế Bắc-Hà hẳn chưa xụp đổ sớm như vậy. Ngày nay ta có thể tiếc cho cái tài ăn nói của Công-Sán nhưng tiếc cho ông chỉ vì kém ý-thức chánh-trị nên đã chẳng lợi gì cho đại-cục lại còn thiệt-thân riêng mình là đằng khác. Phải chăng Sán thuộc về loại nhà nho gàn, hủ ?

Sứ-bộ còn có tiến-sĩ Ngô-Nho bấy giờ làm Hộ-khoa cấp-sự trung và hoàng-thân Lê duy-Hiên (*Hoàng-Lê nhất-thống chí* chép là Lê duy-Án trang 129).

Sán biết rằng mình được giao một nhiệm-vụ nguy-hiểm và việc nước biến-chuyển chưa biết thế nào, nên trước khi lên đường bàn với Chỉnh việc bố-phòng các nơi hiểm-yếu trên bộ dưới thủy bởi Tây-Sơn hay áp-dụng chiến-thuật hành-quân vào những trường-hợp bất ngờ.

Chỉnh đáp lại ý của Sán bằng sự tin-tưởng vững chắc ở mình cho Sán yên lòng lên đường.

Sứ-bộ đến Nghệ-An thì Vũ văn-Nhậm đã có mặt ở đây rồi. Nhậm mở tiệc khoản đãi sứ-giả rất trọng-hậu. Trong cuộc đàm-thoại, Nhậm tỏ lòng mến-phục tài biện-bác của sứ-giả, nhưng có ngỏ ý bất bình về việc vua Chiêu-Thống trọng-dụng Cống Chỉnh. Nhậm còn cho hay có thể cờ Tây-Sơn trực-chỉ Bắc-Hà phen nữa, vừa để lấy đầu Chỉnh và thâu cả Bắc-Hà, nếu không, Bắc-Hà cũng sẽ qua tay kẻ khác.

Đối với mục-tiêu đòi đất Nghệ-An, Nhậm bảo rằng « Nghệ-An là một cái ấp nhỏ, có nghĩa lý gì đối với đại-cục mất còn, còn sứ-bộ nếu cứ đi thì chỉ mệt sức mà thôi... *chỉ e chim đã lìa lồ, trở về khó có cành mà đậu* ».

Câu này làm cho Ngô-Nho hoảng-sợ rồi Nho bàn với Công-Sán đổi quốc-thư đòi đất Nghệ-An làm bức thư cầu Tây-Sơn cho vua Lê được tập-phong, nhưng Công-Sán không chịu.

Đến Phú-Xuân, quốc-thư dâng lên, Bắc bình-vương cầm coi một cách lạnh-lùng, biết rằng thủ-mưu việc này không ai ngoài Cống-Chỉnh,

Bắc-bình vương xem xong nổi nóng liền mạt-sát ngay Chỉnh và mắng triều-đình Bắc-Hà luôn luôn thiếu sự thành-thực. Sứ-giả không đổi nét mặt, ung-dung biện-luận từng điểm.

Vương nói : « Năm xưa ta đem quân ra Bắc, phá Thăng-Long, diệt họ Trịnh, thần dân Bắc-hà đều bỏ tay — khi đó nếu ta

xưng đế, xưng vương, muốn chi chẳng được. Song vì kính mến tiên-đế, ta trả lại hết cả đất-đai, việc thống-nhất là do tay ta tái-tạo. Triều Lê báo đáp ta bằng tước thượng-công ! Thượng-công là cái chi ? Được cái thượng-công ta có hơn gì ?... Đến việc tiên-đế thăng hà, tự-vương nối ngôi cũng do ta lo liệu. Nhà Lê chưa đền ơn trả nghĩa ta lại dùng kẻ phản-thần (Chỉnh) rồi hằn-học tranh giành với ta xứ Nghệ. Các người làm vậy có ai nhịn được chăng ? Ta đã phải hai vạn binh ra lấy đầu cha con thằng Chỉnh rồi đó ! Hắn Chỉnh đã bức-bách tự-quản rồi, trong vòng tên đạn, ngọc-đá xô-bồ, tự-tôn có hề chi không ?

Công-Sán đáp từng khoản :

« Vua Thái-Tổ xưa đánh đuổi giặc Ngô, công đức như núi cao biển cả truyền đến Thánh-tông : trời Nam một giải, trăm họ được hưởng thái-bình từ Thạch-bi ra Bắc, từ Đại-lĩnh vào Nam, dân nước ai mà không tôn kính. ? Sau đó hơn một trăm năm, họ Mạc tiếm ngôi ai nấy đau lòng. Tiên-vương (Nguyễn-Kim) họp các tôi trung, lập lại dòng chính-thống, sau họ Trịnh nổi lên cũng phải lót miệng bằng tiếng phù Lê nên mới hiệu lệnh được bốn phương nhân-sĩ. Và đời sau tuy Trịnh lạm-quyền, nhưng vẫn không dám đổi thay chính-sóc. Đại-vương dẫu có danh lớn, oai to nhưng cũng vin vào nghĩa tôn-phù mới được nhân-dân tin phục. Nếu không, Ngài bước chân vào nước người ta có đâu dễ như vậy ? (1). Tiên-đế đãi Đại-vương, trước phong công sau phong vương theo điển lễ sẵn có của bản-triều, như thế là vô cùng trọng hậu, Đại-vương hà nên coi rẻ. Khi Tiên-đế sắp qua đời, tự-hoàng lên nối, mọi việc đều bẩm-bạch trước, người chủ-trương đại sự chẳng là Đại-vương đó ru ? Đã đến bước không sao đừng được thì cũng là lý, thế tất phải như vậy. Chúng tôi chẳng dám bợ-đỡ Đại-vương đâu »

(1) — Từ đời Nguyễn, Nam-Bắc đã coi nhau như hai nước trên văn-tự cũng như ngôn-ngữ.

Vẫn từ tốn và mạnh-dạn, sứ-giả cãi thêm :

« Hồi đại quân rút về, Nguyễn hữu-Chỉnh đi theo, Đại-vương cho ở lại giữ Nghệ-An, sao lại gọi là phản bạn ? Nghệ-An là đất cũ của nhà Lê, sao gọi là tranh giành được ? Đại-vương đem quân ra Bắc thỉnh-an, bản-triều tiếp theo điển-lễ, nếu không, người xưa đã nói : nước lớn có quân chinh phạt thì nước nhỏ cũng có cách chống giữ. Ngày nay sự-thế lại biến đổi, tôi ra ngoài cõi không dám biết đến, còn Tự-hoàng nước tôi có chân-mệnh đế-vương tưởng tên đạn cũng phải nể, xin Đại-vương đừng mệt lòng. Đại-vương theo ý trời, thuận lòng dân mà giúp rập nhà Lê, người nước ai không kính mến ! Công-đức như vậy, quên chẳng được đâu dám giận ? Nếu không, việc đời đã thay đổi, sau trước thế nào chúng tôi không thể đoán trước được... ».

Xét ra Công-Sán không chịu nhượng bộ lời nào, lý-luận có rào trước đón sau khiến Bắc-bình vương phải kiêng nể. Vương nhớ hồi còn ở Thăng-Long, Vương đã để ý đến cử-chỉ đàng-hoàng tự-nhiên của Công-Sán. Lòng riêng Vương vẫn mến phục.

Bấy giờ trời đã tối, Vương bảo Sán « Các ông cứ về quán-khách nghỉ ngơi, để ta nghĩ kỹ vài lần rồi sẽ liệu định ».

Sán đỡ lời luôn : « Đại-vương nghĩ một lần cũng đủ, nghĩ vài lần e lẫn chăng ? Tôi đây xin liều chết cho rồi ».

Vương giận lắm truyền nhốt sứ-bộ mỗi người vào một nơi.

Bề ngoài thì Vương nạt-nộ nhưng trong bụng Vương đã có ý muốn thâu-dụng con người trung-trực và dũng-cảm ấy. Nhưng con người đạo-đức, hiên-ngang như Sán thì danh lợi nào mà mua chuộc được ?

Nằm trong ngục, Công-Sán vẫn bình-tĩnh. Ông đề một đôi câu đối lên vách ?

« ĐẠT ĐỨC HỮU TAM, TÚNG VỊ NĂNG CHI, NGUYỆN HỌC,
TIỂU TÂM VÔ NHỊ, HÀNH KỲ TỐ DÃ, HÀ VƯU ? »

Dịch :

Ba đức được tôn, dẫu chưa hay xin thử học.
Một lòng không đổi, cứ để mộc, dám trách ai ?

Tướng Trần văn-Kỷ và Lễ-bộ Vũ văn-Trụ được mật lệnh vào thuyết Công-Sán. Văn-Kỷ nói : « Cụ ơi, tội gì mà tự đày-đọa thân mình cho khổ ? Sán nghiêm-nghị đáp : (Số mệnh cả!) Vũ văn-Trụ nối lời : « Đã là người trí thì phải liệu thời cơ, sao lại bó tay phó mặc số mệnh. Đánh sóc đĩa còn có chẵn lẻ, phải liệu chiều mà đánh « mặt rền » mới là tay lỗi-lạc ».

Sán trả lời ngay : « Đấy là mẹo cờ bạc, các ông ạ... đạo người quân-tử đâu có thể như vậy. Sán này nghe người xưa nói « *Làm tôi phải chết trung* ».

Biết không thể lay chuyển nổi lòng vị sứ-giả Bắc-hà, bọn Trần văn-Kỷ trở ra bảo nhau : « Trần công-Sán như Tô tử-Khanh nhà Hán, đáng ghét mà cũng đáng thương ! »

Bấy giờ giữa Huệ và Nhạc đang có sự bất hòa.

Người ta ngại nội-tình bất ổn này lọt vào mắt của phái-bộ Bắc-hà sẽ có những tiếng chẳng hay bay ra Đàng-ngoài nên họ vội dục sứ-giả lên đường.

Bắc-bình Vương đưa 1 trăm lạng bạc nói là của Công-chúa (Ngọc-Hân) gửi tặng sứ-bộ. Rồi đô-đốc Vũ văn-Nguyệt tiễn sứ-bộ về Bắc bằng đường biển cùng 20 kẻ tùy-tùng đến cửa bể Đan-nhai. Nguyệt ngầm sai đục thuyền, cả phái đoàn chìm-lỉm. Hôm ấy là ngày 11 tháng 4 năm Đinh-Mùi.

Xong việc, bọn Nguyệt chạy lên bờ, giả-đò sống-sót, phao đồn rằng : « Thuyền bị bão lớn nên sứ-bộ chết đuối hết ! » (1)

---

(1) — " Hoàng-Lê nhất-thống chí " trong vụ này có ghi :

Võ văn-Nguyệt đưa sứ-bộ trở ra Bắc-hà 30 ngày đến cửa bể Đan-Nhai xứ Nghệ, Văn-Nguyệt sai ghé thuyền vào bờ lên bộ. Có người học-trò Công-Sán đỗ Giám-sinh tên là Nguyễn-Hiền thuộc làng Châu-Lộc nghe thấy thày được trở về mừng lắm đến hầu. Hiền thấy sắc mặt Nguyệt có vẻ khác thường khuyên Công-Sán xin

Thật đúng như lời Sán đã nói với Chỉnh trước cuộc hành trình : « Tôi đi chưa chắc có ngày về ! »

Trong khi sứ-bộ có mặt ở Nam-hà thì tại Bắc-hà cũng xảy ra vài việc rối-ren quan-trọng.

Nguyên dư-đảng của họ Trịnh còn tản-mác ở nhiều nơi không chịu phục tòng Nguyễn hữu-Chỉnh.

Mùa hạ năm Đinh-Mùi (1787) Dương Trọng-tế (1) bị Chỉnh đánh bại trước đây không lâu hưng binh từ Kinh-Bắc sang Thăng-Long hiệu-triệu bách-quan tôn Trịnh-Lệ lên ngôi Chúa. Thua trận, Trọng-Tế chạy qua Lạc-Đạo (vẫn thuộc Kinh-Bắc, huyện Gia-Lâm) cùng với cháu là Dương-Vân, học trò của Nguyễn mậu-Nễ mộ quân ở đây, đắp lũy từ làng Như-Kinh (nay là làng An-Xá, thuộc huyện Thanh-Miện, tỉnh Hải-Dương) đền làng Phú-Thị (cũng thuộc huyện Gia-Lâm, Trấn Kinh-Bắc), Chỉnh cho Hoàng viết-Tuyển đem binh đi đánh và bắt được. Trọng-Tế bị đưa về Thăng-Long và bị giết ở nhà Thái-học.

đi đường bộ. Văn-Nguyệt gạt đi nói rằng dùng đường thủy yên-ổn hơn, đi bộ thì phải vượt núi, trèo đèo vất-vả.

Rồi thuyền lại trở ra khơi, tới một quãng khá xa thì Nguyệt cho đục thuyền. Cả sứ-bộ đều làm mồi cho cá. Nguyễn-Hiền đứng trong bờ trông thấy khóc-lóc giờ lâu mới trở về.

(1) Trọng-Tế là một tiến-sĩ xuất thân, dấy quân đánh Chỉnh tung lời hịch kể tội Chỉnh và cáo cả vua là bè đảng của Chỉnh, là giặc Hồng-Mao, lại phạm tội xé tờ chiếu-thư của vua Lê do sứ-giả đem tới trước đây vào dịp Trịnh—Lệ đòi sách-phong làm chúa. Do đó mà sau này vua giận Trọng-Tế hơn Chỉnh. Về phần Chỉnh, Trọng-Tế không được kể là địch-thủ nên khi Trọng-Tế bị bắt thì chính vua Lê thiết-tha làm tội Trọng-Tế hơn. Ngoài ra mục đích của Trọng-Tế là khôi-phục nhà Chúa, mà Trịnh-Lệ bấy giờ chưa nắm được uy-quyền và nhân dân đã ra bộ hống-hách khinh vua.

Hoàng phùng-Cơ hồi tháng 8 cùng năm đó, cũng truyền hịch đi các nơi từ Sơn-Tây kéo quân về Thăng-Long. Chỉnh cử Nguyễn-Duật ra quân, còn mình thân xuất đại binh ứng-tiếp. Đôi bên gặp nhau ở làng Đại-Phùng (thuộc huyện Đan-Phượng. tỉnh Hà-đông). Hoàng phụng-Cơ bị mắc mưu Nguyễn-Duật rồi bị bắt cũng đưa về kinh-sư làm tội, vua Lê thương tình cho uống thuốc độc mà chết.

Cuối mùa thu, đến lượt Trịnh-Bồng được Đinh tích-Nhưỡng ủng-hộ mang quân từ Bắc-Ninh, Đông-Triều sang đánh Chỉnh. Nhưỡng là một danh tướng của Bắc-Hà thuở ấy, vậy mà cũng bị Hoàng viết Tuyền đánh bại.

Trịnh-Bồng chạy về huyện Đông-quan rồi xuống ấp Bái-hạ (tỉnh Thái-bình). Quân của Bồng chạy ra Yên-Quảng (Mong-cáy —Quảng-Yên) lên Lạng-Sơn rồi tới đây mất tích (1).

Trong giai-đoạn này Chỉnh rất được đắc chí nhưng dân luôn luôn bị nạn binh-đao càng bị thêm sự đau-khổ, bởi vậy khi quân Bắc-bình Vương trở ra miền Bắc, cuộc thành công được mau lẹ hết sức, xét ra dân chúng Bắc-hà đã chán-ngán tình-trạng đời bấy giờ đến tột-độ rồi.

" CHIM BẰNG " GÃY CÁNH.

Giữa lúc Nguyễn hữu-Chỉnh đang sống những giờ phút vinh-quang nhất, thì Vũ văn-Nhậm theo kế-hoạch của Bắc-bình vương liền viết thư ra hỏi tội thông-đồng với Nguyễn văn-Duệ. Khi ấy, Chỉnh đã hiểu rõ Nghệ-An đối chủ rồi và cũng biết sức mình còn kém Tây-Sơn, vội viết thư trần-tình cũng Vũ văn-Nhậm.

Đại ý thư của Chỉnh gồm những lời sau đây :

---

(1) — Theo Hoa-Bằng, tác-giả « Quang-Trung Nguyễn-Huệ » và Ngô thời-Chí, tác-giả « Hoàng-Lê nhất-thống chí », Trịnh-Bồng sau mấy phen thất-bại rút lui và bí-mật vào núi để tu-hành, tự xét mình vô duyên với quyền vương nghiệp-bá.

« Chỉnh theo Đại-vương (chỉ Nguyễn-Huệ) chốc đã bốn năm hết lòng trung thành, khi Đại-vương đang ở Bắc bất-ưng kéo về Phú-Xuân không cho biết, vậy mà Chỉnh cũng vội lên đường theo, như vậy Chỉnh trước sau vẫn quyết-tâm theo Đại-vương mặc dầu người Bắc cố nài Chỉnh ở lại.

« Đại-vương thử lòng Chỉnh thì nay Đại-vương đã rõ. Tới Nghệ-An, Đại-vương bảo Chỉnh ở lại bởi các tướng của Trịnh là Thạc, Nhưỡng vẫn còn hoạt-động phải lo trừ cho hết. Vì thế Chỉnh phải tuân lời, nay Thạc đã dẹp yên, nhưng Nhưỡng còn vẫy vùng ở Hải-Dương, công chuyện còn giang-dở chưa kịp về hầu.

« Chỉnh ở lại Bắc-hà, kẻ yêu người ghét nên phao vu nhiều điều, còn khi Đại-vương về Nam, trở ra Bắc sau 10 ngày thì đâu kịp âm-mưu gì với Văn-Duệ ?

« Còn giữa Chỉnh với tướng quân, đồng sự với nhau đã lâu. nếu có điều gì hẳn cũng không sao dấu được.» mong mang tình ý thưa giùm lên Đại-vương cho... »

Được thư Chỉnh, Nhậm cũng hồi-âm, an-ủi Chỉnh và khuyên Chỉnh dẹp nốt Nhưỡng rồi về Nam để tỏ lòng ngay thẳng.

Sau này Huệ và Nhạc giảng hòa với nhau. Bắc-bình vương trong một hội-nghị quân sự tại Quảng-Nam đã nêu ra vấn-đề Nguyễn hữu-Chỉnh.

Bắc-bình vương cáo tội Chỉnh ôm chân vua Lê như họ Trịnh xưa kia, rồi truyền lệnh cho Ngô văn-Sở và Phan văn-Lân ra Nghệ-An họp bàn với Vũ văn-Nhậm để mở cuộc Bắc-phạt.

Nhưng trước khi hai tướng trên đây lên đường, Bắc-bình Vương tiểu-dị rằng Vũ văn-Nhậm là một tướng tài nhưng cũng không đáng tin lắm, phải canh chừng (1).

---

(1)— Văn-Nhậm là tả-quân của Bắc-bình vương nhưng là rể của vua Thái-Đức. Bắc-bình vương có bụng ngờ cho rằng Văn-Nhậm dầu sao vẫn có cảm-tình với bố vợ nhiều hơn với mình, rồi kinh-nghiệm cho hay trên trường chính-trị khi người ta đã nghi nhau là sẽ kiếm cách giết nhau.

Tháng 11 năm Định-Mùi, đoàn quân bách-chiến của Tây-Sơn đã ra tới Thanh-Hóa.

Tướng nhà Lê, trấn-thủ Thanh-Hóa là Lê-Duật biết chống không nổi, vội thu quân về giữ Trinh-Sơn, và tại Bắc-hà một ngày đến chín lần nhận được tin báo về cuộc Bắc-tiến của Tây-Sơn.

Ngựa trạm chạy rầm-rập trên đường.

Thành Thăng-Long lại bị chấn động như ngày nào.

Quang-cảnh nhân dân chạy loạn, già trẻ, lớn bé bồng-bế nhau nheo-nhóc, lại tái-hiện trong làn không-khí đầy lo-âu gần như nghẹt thở.

Vua Lê nhóm quân-sự hội-nghị ngay tại phủ của Chỉnh. Vua và các quan tỏ vẻ băn-khoăn, riêng Chỉnh vẫn ung-dung, bình-tĩnh.

Sau một cuộc thảo-luận, Nguyễn như-Thái được cử làm Thống-lĩnh, Ninh-Tốn làm Tham-tán quân-vụ cùng tiến quân vào Thanh-Hóa.

Tại đây quân của Lê-Duật đã bị quân của Ngô văn-Sở đi men núi, lén qua sông Tất-Mã (sông Mã) (1) đánh tập hậu. Vậy mà lúc này Duật nhận được thư của Vũ văn-Nhậm nói sẽ qua sông nếu Duật không hàng thì bầy trận sẵn để đánh nhau. Duật chưa biết xử trí ra sao quân Tây-Sơn do Văn-Sở điều khiển đã ập tới.

Quân Duật phải bỏ chạy giữa đêm tối, đến Cao-Động lại thấy quân của Văn-sở đàng trước mặt. Lâm vào thế gọng kìm trước sau dồn lại, quân của Duật tan vỡ trong cơn hoang-mang, khủng-khiếp.

Khi đại-quân của Nguyễn như-Thái tới Châu-cầu (2) thì

---

(1) Sông Mã ở vào khoảng tiếp-giáp ba huyện Thụy-Nguyên, An-Định và Vĩnh-Lộc thuộc tỉnh Thanh-Hóa.

(2) Châu-Cầu là xã sở-tại. Thuộc huyện Thanh-Liêm tỉnh Hà-nam.

được tin Lê-Duật tử trận rồi. Quân của Thái được hai vạn gồm quân tinh-nhuệ ở bản-đạo và các đạo khác.

Ninh-Tốn bàn đem quân giữ núi Tam-Điệp (đèo Ba-dội) lợi-dụng thế hiểm và chỗ cao, nơi này còn là hàng rào ngăn cách Đàng-trong với Đàng-ngoài — Giữ được địa-điểm này thì còn nắm được đất-đai từ Trường-Yên trở ra Bắc, trái lại, mất chỗ này, quân Tây-Sơn sẽ lọt được vào miền đồng-bằng Bắc-hà thì khó ngăn cản được họ.

Quân của Thái vội gấp rút đến giữ bến đò Gián-Khẩu, một phần lớn đi tắt đến bến đò Nghệ (1) tính đánh vào phía sau quân Tây-Sơn, nhưng đến Điềm-xá (2) thì gặp một lực-lượng Đàng-trong, Thái đại bại chạy đi Sơn-Minh (3).

Kế-hoạch của nhà Lê là chiếm trước đèo Ba-Dội thì khi quân Thái bắt đầu lên đường, quân Tây-Sơn thắng Lê-Duật xong liền vội đến chiếm ngay núi Tam-Điệp rồi.

Đã bất lợi ngay trận đầu, nay lại được tin quân Tây-Sơn cách mình chỉ có vài dặm, Thái hoảng-hồn không ngờ Tây-Sơn đã tiến nhanh quá sức tưởng-tượng. Một trận kịch-chiến xảy ra từ sáng đến trưa, đã cô-thế lại không có quân tiếp-ứng, Thái và binh-sĩ bị đánh tan-hoang, riêng Ninh-Tốn lần được và thoát chết.

Tin Nguyễn văn-Thái, Ninh-Tốn đại-bại như đã đem lại một cơn sốt rét cho chính-quyền Bắc-hà. Chỉnh đang ăn cơm phải buông đũa đứng dậy cùng con là Nguyễn hữu-Du tính việc.

Xét ra cho người đi gọi Tuyển ở Sơn-Nam, Thước ở Kinh-Bắc cũng không kịp với sự hành-binh mau-lẹ của Tây-Sơn, Du liền tình nguyện đi chống nhau với Vũ văn-Nhậm.

---

(1) — Bến đò Nghệ thuộc Trại-Nghệ, làng Đại-Hữu, huyện Gia-Viễn tỉnh Ninh-Bình.

(2) — Một làng thuộc huyện Gia-Viễn,

(3) — Tục gọi là Sơn-miếng, nay thuộc phủ Ứng-Hòa, tỉnh Hà-đông.

Vua Lê Chiêu-Thống cũng hoảng-hốt chạy sang trao cho Chỉnh cờ Tiết và cây Việt để Chỉnh toàn quyền đối phó với tình-thế.

Chỉnh vẫn làm ra vẻ cứng để an lòng vua Lê, rồi thân mang ba vạn quân kéo xuống Hoàng-Mai, cắt Hữu-Du cầm Ngũ-Duệ cơ-quân đi trước.

Du đến sông Thanh-quyết thì ngừng lại, đắp lũy ở bắc ngạn sông ấy và dựng 18 đồn. Bấy giờ vào tháng chạp, đêm xuống càng rét nhiều, quân lính của Du đang đốt lửa sưởi thì quân Vũ văn-Nhậm đã tới, cứ nhằm chỗ có lửa sáng mà bắn.

Quân Du vỡ ngay lập-tức.

Du nổi hiệu thu quân chỉ còn độ một phần ba, phải lên giữ Châu-Cầu, chờ viện-binh tới. Chỉnh ở Bình-Vọng (tức làng Bằng thuộc phủ Thường-Tín, tỉnh Hà-Đông) nghe báo quân Du thua vỡ, đang bối-rối thì Du chạy về tới.

Chỉnh hạ lệnh rút về Thăng-Long để mời vua Chiêu-Thống sửa-soạn đi lánh nạn và cho gia-quyến của mình chạy đi Kinh-bắc (1).

Việc chạy qua Kinh-Bắc trong ý của Nguyễn hữu-Chỉnh là dựa vào Nguyễn cảnh-Thước là một tướng dũng-lược đáng tin cậy và ở đây thành-trì kiên-cố, lại có sông ngăn cản, ít nhất cũng lợi về thế-thủ trong khi chờ gọi được quân Cần-Vương tới.

« Cương-mục » quyển 47, tờ 15 b - 17 a nói « Khi được báo tin thất-bại của quân Chỉnh, vua Chiêu-Thống bàn chạy về Thanh-Hóa do đường thượng-đạo phía Tây, tính nhờ địa-điểm và dân-chúng ở đây như trước thời Trung-hưng rồi cho đi mời Chỉnh, nhưng Chỉnh không tới (có lẽ Chỉnh không tán-thành kế-hoạch này bởi chạy về Thanh thì là bỏ hết Bắc-hà cho Tây-Sơn rồi còn gì nữa). Chỉnh cho Tham-tri chính-sự đến gặp vua nói nên qua Kinh-bắc, bởi tại địa-phương này, nhà Lê còn tướng Nguyễn

(1)— Thật ra vợ con Chỉnh còn ở làm tin bên Tây-Sơn ; khi Chỉnh ra Bắc lần sau chỉ có nàng hầu và con nàng hầu mà thôi.

cảnh-Thước là tướng dũng-lược, lại có thế hiểm để giữ nhau với Tây-Sơn trong khi chờ quân các trấn Hải-Dương, Sơn-Nam, Thái-Nguyên, Sơn-Tây tới, rồi hợp quân các nơi vào làm một, có thể có một đạo binh lớn, tùy thời-cơ mà đối phó. Vua Lê đành theo ý Chỉnh, tảng sáng hôm sau hoàng-đệ Duy-Lưu hộ-vệ hoàng-gia đi trước. Vua vào nhà Thái-miếu khóc lạy, bấy giờ các quân hầu chạy trốn gần hết.

Rồi vua Lê sang nhà Chỉnh. Chỉnh lạy khóc đón ngự-giá cùng gấp rút lên đường.

Chập tối Vũ văn-Nhậm đã kéo được quân vào thành Thăng Long. Lúc này Chỉnh đã mang vua và hoàng-gia chạy được qua Kinh-bắc (1). Đến đây quân lính trốn hết quá nửa chỉ còn 430 người và 60 cỗ ngựa (phút cuối cùng Hữu-Chỉnh còn thu nhặt được vài ngàn binh để ủng-hộ vua qua sông Nhị-hà).

Bộ-tướng của Vũ văn-Nhậm là Nguyễn văn-Hòa được lệnh đuổi theo đám người bại trận. Tới núi Tam-tầng thuộc huyện Việt Yên, tỉnh Bắc-Giang thì Hòa theo kịp Chỉnh. Hòa chia quân làm hai đạo, một đạo đi vòng sau núi đánh tập-hậu. Chiến-thuật này làm quân của Chỉnh rối loạn ngay.

Hữu-Du bị bắt và bị chặt đầu tại chỗ, còn Chỉnh đang phóng ngựa chạy thì bỗng bị ngã vật xuống vì ngựa bị thương.

---

(1) — Lúc vua và Hoàng-gia cùng quan lại bỏ thành chạy, dân chúng đón đường tranh nhau lột áo để lấy của. Chính vua Chiêu-Thống cũng bị dân dằng lại khám người. Xin nhắc rằng vua nhà Mạc (Mạc mậu-Hợp), chúa Trịnh Khải, sau này vua Tây-Sơn là Nguyễn quang-Toản và một ít tướng-tá cũng bị dân bắt nộp cho giặc, Ở một nước có chế-độ vua quan từ ngàn đời mà dân có thái-độ như vậy đối với vua quan là bởi sao? Sự-kiện này có thể coi là một phản-ứng của nhân dân với các nhà cầm quyền chăng? Trái lại, những thời vua quan tích-cực chống xâm lăng, định-quốc an-dân thì dân đã sống chết và hy-sinh với vua quan thế nào, ta cũng đã từng thấy rất nhiều trên Lịch-sử của chúng ta vậy.

Quân Tây-Sơn liền trói Chỉnh bỏ vào cũi mang thẳng về Thăng-Long.

Với dọng hách-dịch, Vũ văn-Nhậm kể tội Chỉnh từ chân tơ, kẽ tóc rồi vặn hỏi tại sao làm phản. Chỉnh không van nài, chỉ điềm-nhiên đáp gọn một câu : *« Chỉ vì cái thế như vậy. »*

Rồi Chỉnh bị xé xác.

BÀN VỀ NGUYỄN HỮU-CHỈNH.

Trong Lịch-sử Việt-Nam, con người Nguyễn hữu-Chỉnh không phải là một thứ nhàm-thường. Quả vậy, Chỉnh đáng kể là một nhân-vật có tài, nhiều thủ-đoạn nên mấy phen đã làm mưa, làm nắng trên sân khấu chính-trị nước nhà từ Nam ra Bắc.

Hoa-Bằng, tác-giả *« Quang-Trung Nguyễn-Huệ, anh-hùng dân-tộc »*, trang 134 viết : Chỉnh đã xoay hẳn thời-cục Bắc-hà và đại-thế Việt-Nam ở cuối thế-kỷ XVIII.

Điều đó có đúng không ?

Rồi có người chê, thóa-mạ thì phải hơn, rằng Chỉnh là kẻ gian-hùng, phản-phúc nên đã bị phanh thây, xé xác, âu cũng là do cái nghiệt-quả mà Chỉnh đã gây ra !

Các sử-thần đời Trịnh, Nguyễn đều hết lời buộc tội Chỉnh như trên, và ngày nay nghe nói đến Chỉnh là người ta nghĩ ngay đến kẻ gian-hùng, hiểm độc như Tào-Tháo đời Tam-quốc đối với dân Hán.

Nhiệm-vụ chúng ta ngày nay dưới một chế-độ dân-chủ, tự-do là phải chỉnh-đốn lại mọi nguồn dư-luận cho hợp lẽ công bằng. Chúng ta không thể quan-niệm Trung, Trinh, Hiếu, Để theo kiểu một số nho thần ăn cơm vua, mặc áo chúa, rồi múa bút nịnh sằng chưởi bậy. Phải chi ông Khổng, thầy Mạnh sống lại mà nghe thấy quan-niệm Trung, Trinh của họ cũng phải lắc đầu cười ngất.

Từ đầu cuốn Lịch-sử của chúng ta, mỗi khi quốc-gia thay trò đổi chủ thì nhà viết sử đời sau ra công thóa-mạ đời trước,

những ai nhảy ra lật nhào các vua quan mục nát thì bị kết tội luôn là thí-quân, thoán-quốc ; những ai canh-cải thời-thế, làm việc phi-thường thì cũng được mang cái án gian-hùng, nghịch-tặc.

Có lẽ cái lưỡi của một số trí-thức đời phong-kiến đã bị vua quan uốn nắn, kiềm-thúc quá nhiều, nên văn-hóa thuở đó chậm tiến hay phản tiến-bộ không phải là không có nguyên-nhân.

Giờ đây Lịch-sử phải nói lên những cái gì khách-quan, trung-trực do dân nghĩ, dân tán thành hay chán ghét. Vậy ta hãy mang Nguyễn-hữu-Chỉnh ra bàn để kiểm-soát sự phê-phán của người xưa và của cả người đời nay.

— Nguyễn-hữu-Chỉnh là người thế nào ?

— Nguyễn-hữu-Chỉnh đã làm những gì ?

— Hoàn-cảnh xã-hội Việt-Nam trong đời Chỉnh ra sao ? Xin theo dõi từng việc.

Hoa-Bằng chép : « Chỉnh khi mới lọt lòng mẹ, oe-oe mấy tiếng khóc đã làm cho ông giám-sinh họ Đỗ, ở xã Thanh-chương (Nghệ-An) phải thốt ra mấy lời kinh-hãi lúc qua cổng nhà Chỉnh ở Đông-Hải, huyện Chân-Phúc, trấn Nghệ-An : — Đứa bé khóc đây sẽ là một tên gian-hùng đời loạn...»

Tài-liệu để viết tiểu-sử của Nguyễn hữu-Chỉnh, thuộc cuốn « *Tang-thương ngẫu-lục* » tờ 18. là một trong những cuốn dã-sử đời Trịnh, Nguyễn. Chúng ta nghĩ thế nào về sử-liệu này ?

Theo chúng tôi, nghe tiếng khóc của một trẻ sơ-sinh mà biết được cả thân-thế, sự-nghiệp của nó rồi lại đoán cả được tuần-vận của dân nước thật là kỳ-tài ! Ông giám sinh này thuộc loại Nguyễn bỉnh-Khiêm chăng, hay chỉ là một chuyện bịa để bôi nhọ một nhân-vật, để gây một thành-kiến không đẹp cho nhân-vật đó vì đã có tài-năng xuất-chúng. Cho tới ngày nay, chịu ảnh-hưởng của một nền văn-hóa xây-dựng trên lý-trí, trên những nguyên-tắc thực-tiễn mà chúng ta còn chịu mãi những ấn-tượng do những câu chuyện vu-vơ, vô căn-cứ rải-rác trong sử-sách mãi sao !

Ở đây ta chỉ nên chú-ý có một điều rõ-rệt là Chỉnh sinh

vào giữa một thời-loạn, tiền-bán thế-kỷ XVIII, một thời vô kỷ-cương, vô trật-tự, trên chẳng ra trên, dưới chẳng ra dưới, chinh-chiến, loạn-ly liên-miên.

Cái xã-hội tam phẩn, ngũ liệt ở nước nào cũng sinh ra một hạng người phi-thường để đưa nhân-dân sang một khúc quanh của Lịch-sử, từ chỗ cùng ra chỗ biến và từ chỗ biến ra chỗ thông. Hạng người này chậm xuất đầu lộ diện bao-nhiêu thì dân-chúng càng khổ bấy nhiêu vì phải luẩn-quẩn mãi trong cái ngõ bí...

Chỉnh đỗ Hương-cống (cử-nhân) rất sớm, tính-tình phong nhã, ăn nói hoạt-bát và rất thông-minh. Thấy thời-loạn, quân-nhân được dùng hơn văn-nhân, Chỉnh xoay ra tập võ-nghệ đã có phen lên kinh thi Tạo-sĩ nhưng không đỗ.

Chỉnh tìm gặp Việp quận-công Hoàng ngũ-Phúc để tiến thân, được Phúc mến tài rồi cho theo đi quân-thứ.

Năm Giáp-Ngọ (1774) Chỉnh tỏ ra có nhiều cơ-mưu, quyền biến về quân-sự nên được cất nhắc dần vào những việc quan trọng.

Năm Ất-Mùi (1775) Chỉnh được Ngũ-Phúc cho mang sắc, ấn, cờ. kiếm sang cho Tây-Sơn, trở về Chỉnh nói ngay với Ngũ-Phúc : « Anh em Tây-Sơn có nhiều tham vọng, chẳng ở dưới quyền ta lâu đâu ! ».

Nhận xét ấy quả rất tinh-tế.

Ngũ-Phúc qua đời, Chỉnh về với Hoàng đình-Bảo là con nuôi Ngũ-Phúc cũng là một võ-tướng có uy-tín dưới triều Lê bấy giờ.

Bảo đóng ở Nghệ-An, sung Chỉnh vào chức Hữu tham-quân coi về thủy-quân. ở ngành này Chỉnh tỏ ra có nhiều khả-năng đặt-biệt nên được mệnh danh là «Hải diêu» (một thứ chim dữ ở biển) tuy là một sước-hiệu nhưng không phải là không có ý phục tài.

Chẳng bao lâu Chỉnh đươc phong làm Bằng-lĩnh hầu. Bảy năm sau nhà Chúa có biến. anh em Trịnh-Khải, Trịnh-Cán chia

thành hai phe trước khi chúa Sâm chết được ít lâu, rồi khi xác chúa còn quàn ở trong điện thì Khải « đảo-chính », bước lên ngôi chúa.

Hoàng đình-Bảo bị phe Khải hạ sát.

Chỉnh khi ấy đang đóng ở Nghệ-An nghe tin này giật mình kinh sợ vì mình thuộc về phe đối-lập của tân-chúa đâu còn đất đứng giữa triều Lê, có thể một sớm phe Khải sẽ gọi về để trị tội như họ đã từng xử những ai là tay chân của Đặng thị-Huệ (mẹ chúa Cán).

Không có đường sống nữa với Bắc-hà, mà muốn đứng một mình một thế ở Nghệ-An, bạn đồng-sự là Vũ tá-Dao lại không có gan tán-thành và cộng-tác. Chỉnh đành đem vợ con chạy vào Qui-Nhơn nương nhờ Tây-Sơn.

Ở đây ta phải ghi rằng : *Trong giai-đoạn này Chỉnh lâm vào tình-thế phải bỏ Bắc-hà.*

Qua hàng ngũ của Tây-Sơn đang lúc Tây-Sơn cần mưu-thần võ-tướng, Tây-Sơn là một đất mới, lẽ tất-nhiên Chỉnh phải thi-triển mọi tài-ba của mình để xây-dựng một tư-thế. Tại đây Chỉnh gặp một cái may là được trọng-dụng, nhưng lại gặp một điều vô phúc là cái tài-ba của Chỉnh quá trội, lọt vào con mắt xanh của Nguyễn-Huệ, con người này cũng rất kiệt-hiệt mà cũng vô cùng hiểm-độc, đa nghi, lại thêm các tướng tay chân của Huệ phần đông vô học đều giầu lòng đố-kỵ. Rồi trong bụng thày trò Văn-Huệ, Chỉnh là vật để khai-thác nhất thời, để lợi-dụng theo chính-sách : được chim bẻ ná, được cá đốt nơm. Sau này khi bàn đến nhân-sự Bắc-hà, Chỉnh vừa nói : *« Bắc-hà vô nhân, ông đừng ngại gì... »* thì Văn-Huệ cười bảo *« Thật đấy, chẳng ngại ai chỉ ngại ông đó thôi ! »* Câu này chẳng đã lộ ra sự thắc-mắc trong lòng Văn-Huệ đó sao, và cũng tiên báo một bản án tử-hình của Tây-Sơn đã dành sẵn cho Chỉnh một ngày không xa.

Chiến-dịch Bắc-hà thành công, Huệ được nổi danh nhà sấm vang, như lửa dậy, Huệ được khen là hào-hiệp đối với như

Lê vì đã thống-nhất được Bắc-hà cho con cháu vua Thái-Tổ ; Huệ được làm thượng-khách đất Thăng-Long, được gả duyên với Ngọc-Hân công-chúa, điều con người áo vải của đất Qui-Nhơn xưa kia không bao giờ dám nghĩ tới, vậy mà giữa bao vinh-quang, hạnh-phúc ấy, Huệ cùng bọn bề tôi nỡ bàn nhau bí-mật rút về Nam bỏ Chỉnh lại cho người Bắc-hà làm thịt. Vậy trên thực-tế, Tây-Sơn có bất nhân không ?

Nếu Văn-Huệ là con người đạo-đức, quảng-đại, lúc này được tận hưởng bao nhiêu phú-quý bảo Chỉnh rằng : « Ông là người có tài vì không có đất sống ở Bắc-hà mà vào với tôi, ông cứ hết lòng trung với tôi thì tôi cũng hết lòng tin dùng rồi chúng ta cùng nhau chia ngọt xẻ bùi... » Biết đâu lời đó chẳng làm cho Chỉnh cảm-động rơi nước mắt, nếu có manh-tâm, dị-chí hẳn cũng thôi đi.

Nhưng không, trái lại Văn-Huệ đóng kịch và đóng rất khéo-léo để lừa Chỉnh trước buổi lén rút về Nam, (1) Văn-Huệ đã tươi cười giữ Chỉnh suốt ngày hôm trước, chuyện vẫn rứt không ra, cốt để bộ-hạ sửa - soạn lên đường không cho Chỉnh biết.

Thuyền của Huệ ra khơi đã xa rồi, bố con Chỉnh mới biết, Chỉnh vội-vã cướp một chiếc thuyền chạy theo, suýt bị người Bắc-hà hè nhau bắt giết. Vì sao ? Vì ai cũng biết, nếu chẳng do Chỉnh bày ra kế-hoạch thôn-tính Bắc-hà, ít nhất Chỉnh cũng là tác-giả của cái chiêu-bài « *Phù Lê diệt Trịnh* », nó đã hấp-dẫn rất mạnh nhân-dân xứ Bắc theo ngọn cờ Tây-Sơn trong khi nhân-dân đang chán-ngán chế-độ vua chúa, quan liêu thuở đó ...

Tâm-sự của Chỉnh lúc này hẳn là não-nề lắm : xây dựng vinh-quang cho người ta rồi bị người ta bỏ rơi một cách trắng trợn giữa đất nghịch. Nhưng Chỉnh vẫn phải chạy theo Văn-Huệ, *cái thế phải như vậy vì... còn đường nào mà đi nữa ?*

---

(1) Anh em vua Quang-Trung lén rút về Qui-Nhơn vào đêm hôm 17 tháng 8 năm Bính-Ngọ, Cảnh-hưng thứ 47 (1786)

Đến Nghệ-An thuyền Chỉnh đuổi kịp thuyền của Huệ. Lúc này hẳn Huệ thấy mình quá tàn-nhẫn với Chỉnh, nhưng vẫn không muốn cho Chỉnh theo mình vào Phú-Xuân, liền an-ủi Chỉnh và bảo Chỉnh ở lại Nghệ-An để phòng đối-phó với Bắc-hà.

Lại một phen nữa Chỉnh bị bỏ rơi.

Hết đường tiến thoái, Chỉnh phải nấn-ná tại đất Nghệ và đến giai-đoạn này thì uất-hận của Chỉnh đã ngút trời xanh rồi. Chỉnh cảm thấy tương-lai hết sức bấp-bênh, đen tối vì thái-độ bạc-bẽo của Huệ đã quá rõ rệt. Biết bao kẻ đã rụng đầu, mất xác với anh em chúa Tây-Sơn khi đã không còn được tin dùng, ba bốn năm trời sát cánh với họ, Chỉnh còn lạ gì.

Do cuộc khủng-hoảng tinh-thần này, Chỉnh lo tự-vệ và trong khi chờ thời, Chỉnh phải gấp tuyển mộ một số binh-sĩ tùy thân, sửa đồn trại, chu-biện lương-thực, một mặt viết thư nói khéo cho Văn-Nhậm đừng kéo quân ra, một mặt cho người bí-mật đến gặp vua Chiêu-Thống xin làm Trấn-thủ Nghệ-An.

Vua Chiêu-Thống nghe lời nhưng còn do-dự chưa ban chiếu-mệnh, Chỉnh phao đồn đã được vua ưng-thuận và làm lễ-nghi rước sắc-thư giả, nhờ vậy các hào-mục không ưa Chỉnh cũng phải nức lòng theo. Về phần vua Lê sau muốn chống bọn Trịnh-Bồng đã cho người triệu Chỉnh đem quân về triều. (1)

Từ giai-đoạn này Chỉnh dầu muốn dầu không, đã đến cái thế cưỡi hổ, lên dễ xuống khó.

« Một liều ba bảy cũng liều,

Đành như con trẻ chơi diều đứt giây »

Ra tới Bắc-hà, Chỉnh đánh tan quân của Trọng-Tế, Đinh-tích-Nhưỡng, sau này lại bắt được Trọng-Tế hạ được Hoàng phùng-Cơ, danh tiếng vang lừng đất Bắc. Chỉnh giữ toàn-quyền chỉ-huy

(1) Trước khi Chỉnh được triệu ra Thăng-long vào tháng một năm Bính-ngọ (1786), thấy vua Lê còn do-dự hẳn lòng Chỉnh bồn-chồn hết sức.

binh-đội, lập phủ quân, cắt đặt các thủ-hạ thân tín trong triều ngoài trấn. Sự-kiện này làm cho một số văn-quan, võ-tướng Bắc-hà không thuộc chỗ tay chân của Chỉnh nổi lòng công-phẫn vì mất quyền lợi, nhưng vào địa- vị Chỉnh đã sẵn bị nhiều người ghét sợ từ thuở đi với Tây-Sơn. Chỉnh có thể cộng-tác với những kẻ cựu-thù của mình chăng ? Tất-nhiên không ! Còn với vua Chiêu-Thống, Chỉnh có lạm quyền, Chỉnh có độc-đoán thật. Xét ra vua vẫn có ý ngờ Chỉnh, tính-tình lại hay bất nhất, thì Chỉnh phải nắm hết quyền binh không phải là vô lý. Chỉnh kiêu-ngạo ư ? Thì quả bấy giờ vua non-nớt, văn-thần võ-tướng đớn hèn. lại luôn luôn quay chiều đổi hướng (ngay cả với vua) Chỉnh có thể tôn trọng họ được chăng ?

Bảo rằng Chỉnh không mở mang việc nước, thu-phục nhân tâm để tỏ lòng vị quốc, vị dân? Nói cho phải, ta thấy từ lúc trở ra Bắc-hà cho tới khi bị giết, Chỉnh mới đủ thì giờ sắp lại bộ máy triều-đình và bộ máy quân đội đủ tạm để đánh dẹp những tướng- lãnh phe đảng của họ Trịnh. Chỉnh mở khoa thi lấy nhân-tài không ngoài ý thâu dụng một số người vừa để gây cảm-tình vừa để đào-thải những kẻ chống đối thuộc. Chỉ trong ngót một năm trời Chỉnh lo từng này việc cũng đã mệt rồi, nếu như Tây-Sơn không ra sớm, biết đâu Chỉnh sẽ chẳng thành-công bởi ngay thời đó Chỉnh đã làm chủ được tình - thế miền Bắc rồi.

Còn về việc Chỉnh bị quân của Vũ văn-Nhậm ra đánh, Chỉnh đại-bại, có phải là vì chểnh-mảng việc quân, say mê phú-quý ? Ta có thể tin lời của vài ông sử-thần luôn luôn bất-công và bất-minh chăng ? Ta có thể tin những sử-liệu nói về Nguyễn hữu-Chỉnh khi mà người ta đã có những ác-ý cố-định với Chỉnh chăng ?

Việc tổ-chức binh-đội trong một thời-gian ngắn ngủi kể từ Chỉnh rời Nghệ-An đến lúc quân Tây-Sơn trở ra Bắc lần thứ hai vỏn vẹn 10 tháng, sao cho chu-đáo, nhất là binh-đội lại thâu lượm ở một xứ mà dân-chúng đau khổ,hết tao này đến tao khác vì binh-hỏa, làm sao gây ngay nổi một tinh thần dũng-mãnh như đoàn quân bách

chiến bách thắng đã có nền-nếp gần 10 năm như quân Tây-Sơn ?

Chỉnh bại vong là lẽ tất-nhiên.

Một vài điểm nữa ta cần phải minh-xác: 1) Chỉnh có phản vua Lê chăng ? 2) — Chỉnh có bất-nhân với Bắc-bình Vương chăng ? 3) — Chỉnh có vẽ đường cho Tây-Sơn đánh chiếm Bắc-hà chăng ?

Với điểm thứ nhất chúng tôi nghĩ rằng: nếu Chỉnh muốn lật đổ vua Lê thì khi Nguyễn-Huệ bị triều-đình nhà Lê tiếp đãi một cách vụng-về trong việc phong-tước, trong việc tôn-lập tự-quân Duy-Kỳ và tự-tiện phát tang vua Hiển-tông không nói cho Huệ biết, thì chỉ một lời chọc giận của Chỉnh cũng đủ làm nhào lộn cái ngai vàng của vua Chiêu-Thống và rụng đầu bao nhiêu kẻ quan lại đời bấy giờ (1)

Nguyễn-Huệ đang bất mãn về cái tước hão của vua Lê phong, Chỉnh liền lật-đật sang hoàng-cung bày việc gả chúa Tiên (2) cho Nguyễn-Huệ khiến Huệ thay đổi hẳn thái-độ có lợi cho Bắc-hà. Kẻ này vô cùng khôn-khéo bởi một khi Huệ thành quý tế của nhà Lê, là chú rể (dượng) của vua Chiêu-Thống, Huệ có thể dở mặt cướp Bắc-hà được chăng ? Thật ra trong thâm tâm của Huệ, thâu đoạt bao nhiêu tiền của và quý-vật của Bắc-hà còn chẳng ngượng, huống-hồ cả giang-sơn đất Bắc thì còn đáng mê biết bao ! Ở đây Huệ đã chỉ còn ngại sự nghi-ngờ của vua Thái-Đức nên đã ngừng lòng tham tại chỗ này, lại thêm Bắc-hà từ ngàn năm có nhiều anh hùng, hào-kiệt nếu suy-nhược cũng

---

(1) Hai phen trở lại Bắc-hà : lần đầu đi với Nguyễn-Huệ, lần sau do vua triệu, uy-quyền sấm sét trong tay mà Chỉnh không bắn chém ai ở triều-đình Bắc-hà hết, trừ Đinh Trọng-Tế và Hoàng Phùng-Cơ dấy binh đánh Chỉnh. Chủ-tâm của Chỉnh chỉ hạ họ Trịnh mà thôi, và xin hỏi quí vị độc-giả, họ Trịnh bấy giờ có đáng tồn tại nữa chăng ?

(2) Chúa Tiên là cái mỹ-hiệu trong cung nhà Lê để gọi Ngọc-Hân công-chúa.

chỉ nhất thời, nếu có chiếm lấy cũng chỉ là nắm được của báu một lúc trong tay mà thôi. Bảo rằng Huệ hoàn-toàn không vụ lợi trước vấn-đề Bắc-hà thì thật không hiểu gan ruột Huệ chút nào. Tóm lại trong những ngày Huệ có mặt ở Thăng - Long, Chỉnh đã chỉ đưa ra những kế-sách có lợi cho nhà Lê, bảo Chỉnh không tốt với vua Lê là làm một việc vu-hãm.

Điểm thứ hai : Giữa Chỉnh và Bắc-bình vương, người ở bạc trước là Bắc-bình vương chớ không phải là Chỉnh ; nếu bảo Chỉnh chẳng vì tình nghĩa nào mà đến với Tây-Sơn thì vợ chồng, cha con, xóm giềng, bè bạn có gặp nhau, có sống với nhau thăng trầm vinh nhục với nhau mới thành tình nghĩa,đâu có thể bỗng nhiên mà nên tình, nên nghĩa? Trong mối liên hệ giữa hai kẻ anh-hùng này, một bên là cùng đường phải tìm đến, một bên cần nhân-tài mà thâu dụng, nếu kẻ này có độ-lượng với người kia thì làm gì phải tranh giành rồi chém giết nhau. Nhưng xét kỹ anh em, bác cháu nhà Tây-Sơn còn chẳng nhường nhau thì kể gì sự bất-nhân giữa Huệ với Chỉnh ! Hoặc giả trên trường chính-trị chỉ có chuyện lợi dụng nhau, ai khéo thì ăn, ai mạnh thì được, như thế thì ta chẳng nên luận gì đến nhân nghĩa, đạo đức nữa.

Điểm thứ ba : Bảo rằng Chỉnh vạch đường cho Huệ ra Bắc-hà, ta thấy cũng không vững,vì không có Chỉnh, Huệ lại không biết nỗi Bắc-hà chăng ? Nếu ta nhớ bàn đến chuyện Bắc-hà. khi cả hai còn ở Phú-Xuân,Huệ đã tỏ ra thông-thạo mọi vấn-đề kém gì Chỉnh đâu. Làm việc dưới trướng của Huệ, Chỉnh biết mà không nói, Huệ cũng ngờ, mà nói ra Huệ cũng vẫn nghi. Cái khổ tâm của Chỉnh là ở chỗ đó. Có tài mà không thi-thố thì ai dùng, mà thi-thố thì người trên sinh ngại, kẻ dưới cũng ghét ghen, đi mắc núi, trở lại mắc sông, vậy bảo Chỉnh đứng vào thế nào bây giờ ?

Tới khi Chỉnh bị bắt, chỉ trả lời Nhậm một cậu : *Chỉ vì cái thế mà thôi* ! Sự thực từ trước tới sau Chỉnh bị nghịch-cảnh thúc đẩy, tạo-hóa xoay vần rồi đa tài thành đa nạn, trên trường chánh-trị, Chỉnh chỉ là kẻ xấu số đáng thương.

Bài«*Than thân*»dưới đây của Chỉnh đủ tỏ cho ta dễ hiểu tâm

trạng Chỉnh và nhân-tình đối với Chỉnh :

Tóc chen hai thứ chửa danh chi !

Thân hỡi là thân, thì hỡi thì !

Chưa trả chưa đền ơn đệ-tử ;

Thêm buồn thêm tủi chí nam-nhi.

Kẻ yêu nên ít bề cao hạ

Người ghét thêm nhiều tiếng thị-phi...

Tay bé khôn bưng vừa miệng thế

Giãi lòng ngay thảo cậy thiên tri.

Đến đời chúng ta, người ta thông-cảm với Nguyễn hữu-Chỉnh hơn : Cát-thành dịch-giả *« Hoàng-Lê nhất-thống-chí »* xuất-bản năm1924 trang 133 viết : «...Vua nhà Lê mất nước ai chẳng bảo là vì Cống Chỉnh, nhưng phải đâu chỉ vì Cống Chỉnh mà bởi vì quan văn võ nhà Lê, không ai hơn Chỉnh để đến nỗi Chỉnh coi khinh. Nước mất dân khổ, tội bởi ai ? Đã làm quan vì nước vì dân, đừng để cho Cống Chỉnh coi khinh là Bắc-hà vô nhân thì mới khỏi tội với quốc dân được...»

Riêng tác-giả nghĩ rằng trong thời đại-loạn, chính-nghĩa đã không còn ở ai, nhà cầm quyền bất tài, thì chánh-quyền trở nên vô quyền hay đã đổi qua ngụy-quyền ; vua quan đã là một loại ký sinh-trùng của quốc dân thì chữ trung đã thành vô lý. Vậy cờ đến tay ai người ấy phất, được là vua thua là giặc, khuấy động cái thế xã-hội lúc này dù ở nơi ai vẫn là điều cần, người nào là anh-hùng hào-kiệt cứ việc mạnh dạn bước ra lập lại trật-tự, dựng lại quốc-gia, khôi-phục hòa-bình, có lẽ đâu nhà đột cứ khoanh tay ngồi chịu mưa nắng ?

Ngoài ra, bo-bo theo đám vua quan hủ-bại với quan-niệm trung-nghĩa cố-chấp, u-mê thì người dân chỉ nên cam tâm hay chỉ có bổn phận làm nô-lệ cho hết bọn phong-kiến này

đến bọn phong-kiến khác mà thôi chăng ? (1)

Ngoài ra, trên đường sự-nghiệp có kẻ thành-công, có kẻ thất bại, thành-công chưa hẳn là vì có tài nhiều, thất bại chưa hẳn là vì hèn kém. Giữa cuộc tranh sống, có nhiều may rủi như ngồi trên chiếu bạc, kẻ đỏ người đen.

Nguyễn hữu-Chỉnh đã ngã ngựa, xúm nhau vào chê bai một kẻ ngã ngựa như người đời đã đối-xử với Nguyễn-hữu-Chỉnh, điều đó có nên chăng ? Có khó lắm chăng ?

Hiểu tình-trạng xã-hội, hiểu tâm-lý thế-nhân, hiểu những chuyện ghen-ghét, ích-kỷ, cạnh tranh giữa các con người của thời-đại, có lẽ người ta sẽ rộng lượng với Chỉnh hơn và nếu cần định công, luận tội không phải chỉ có riêng Chỉnh đáng ra đứng trước tòa án của Lịch-sử. Và xét dư-luận của *« Hoàng-Lê nhất thống-chí »* cũng như của nhiều cuốn sử khác dưới đời Lê, Nguyễn, ta thấy rõ ràng các nhà viết sử của hai triều-đại này thiếu hẳn sự vô tư. Người đời nay cần phải công-bằng, ngay-thẳng hơn người xưa, trước những bản án hàm-hồ còn để lại trong một số sách cũ.

---

(1) — Sau này Bắc-bình vương đem quân ra Bắc-hà lần thứ hai, vua Chiêu-Thống phải phiêu-bạt bốn phương trời, Tây-Sơn lập Sùng-nhượng Công Lê duy-Cẩn làm Giám-quốc. Tại đền Chính-trung quan lại nhà Lê lục-tục ra trình diện, lãnh chức mới và lạy Nguyễn-Huệ như lạy ông chủ mới. Sao các nhà viết sử đời Lê, Nguyễn chẳng nhắc-nhở chữ trung với đám quan-liêu này ?

PHẦN THỨ NĂM

BẮC-HÀ TRƯỚC NHỮNG BIẾN-CỐ LỚN LAO CUỐI THẾ-KỶ XVIII

PHẦN THỨ NĂM

NHÀ LÊ DIỆT VONG

CHƯƠNG I

BẮC-BÌNH VƯƠNG RA THĂNG-LONG LẦN THỨ HAI

BẮC-bình vương như ta thấy nếu là con người đa tài thì lại là con người đa nghi nữa. Tính nết này hầu như là cái thông-bệnh của nhiều vị lãnh-tụ chánh-trị trên thế-giới tự cổ chí kim, vì vậy Hán Cao-tổ không dung Hàn-Tín, Anh-Bố, Bành-Việt ; Câu-Tiễn không trọng-dụng lâu dài được Văn-Chủng, Phạm Lãi ; Lê Thái-Tổ giết Trần nguyên-Hãn, Lê-Xí v.v... là những công-thần bậc nhất, những người đã trải trên mười năm sinh-tử cùng mình suốt thời kháng-chiến...

Khởi đầu Bắc-bình vương gặp Chỉnh, biết Chỉnh là một tay kiệt-hiệt đời bây giờ, vương dùng vì cần người, nhưng dùng theo chánh-sách giai-đoạn, nghĩa là nhất thời, ngoài ra trong lúc dùng vẫn luôn luôn thắc-mắc. Bọn thủ-túc thấy chủ đa nghi thường tâng công, do đó những lời xiểm nịnh đã mỗi ngày chồng chất thêm những tội lỗi vào hồ-sơ của nạn-nhân. Rồi về phần nạn-nhân như Chỉnh vốn thông-minh, linh-lợi thấy bị nghi-ngờ mà

sinh ra dị-chí, có dị-chí tất nhiên có sự đề-phòng hay phản-ứng, đó là căn-nguyên của những cuộc tương-tàn sau này.

Bàn về Cống-Chỉnh, chúng tôi đã phân-tích ra nguyên-nhân nào thúc đẩy Chỉnh đến con đường chống lại Bắc-bình vương, sau này thêm vụ Vũ văn-Nhậm là cháu rể của vương nữa. Trước đây Nhậm là tướng của chúa Nguyễn, bị bại trận hồi tháng 5 năm Bính-Ngọ (1786) tại Gia-Định, Nhậm đã toan tự vẫn cho vẹn tiết thì Nguyễn-Huệ dụ hàng bởi Nhậm đã từng làm Tiết-chế của Nam-hà tỏ ra là một tướng có tài. Huệ mang Nhậm về làm tả tướng, rồi Nhậm được vua Thái-Đức gả con gái cho. Địa-vị của Nhậm như vậy đáng kể là tốt đẹp. Sau ít lâu anh em Tây-Sơn bất-hòa (1), Nhậm cố giữ thái-độ trung-lập nhưng vẫn không quên mình là rể của Trung-ương Hoàng-đế rồi trong khi có

---

(1) — Sau khi anh em vua Thái-Đức ở Bắc-hà về Nam thì có chuyện hiềm-khích với nhau. Mối hiềm-khích này không ngoài vấn-đề quyền-lợi vật-chất và tinh-thần. Nhạc biết Huệ tài giỏi hơn mình, có uy-thế đối với tướng-lãnh và nhân dân, lại có chí lớn tất một ngày kia có thể nguy hại cho địa-vị của mình nên tính chuyện kiềm-chế Huệ lại. Việc Huệ tự ý đem quân ra Bắc đã gieo mối nghi ngờ và tức giận vào lòng Nhạc rất nhiều, do đó Nhạc đã vội-vã ra Thăng-Long như ta đã thấy.

Đây là nguyên-nhân sâu-xa, còn nguyên-nhân trực-tiếp theo « Trần-công Sán sử trạng » *(sách trường Bác-cổ số A-2136) thì khi hồi Nam, Nhạc về thẳng quốc-thành (Qui-Nhơn) Huệ đến Phú-Xuân đóng binh lại, sửa thành đắp lũy, nghiêm hiệu-lệnh. Huệ giữ lại hết quân-khí và các báu vật thâu được trong cuộc Bắc-chinh. Nhạc cho gọi Huệ vào chầu. Huệ lấy cớ Bắc-hà chưa yên nên không tuân lệnh rồi tự ý phong thưởng các tướng-sĩ. Nhạc cho đem sắc phong Huệ làm Bắc-Bình Vương và đòi các báu-vật. Huệ bảo sứ-giả của anh rằng : « Tấc đất tấc vàng ở Bắc-hà còn nhiều, thiếu gì mà phải đòi !» Sau việc này, Huệ đem quân vào vây thành Qui-Nhơn rất nguy ngập Nhạc phải lên mặt thành kêu khóc : « Chú nỡ lòng làm chuyện nồi da xáo thịt sao ?» Huệ cảm động lui binh về Thuận-Hóa.*

nội-biến Nhậm đã có phen xin về Qui-Nhơn triều-kiến. Huệ tất nhiên không thuận lại còn đẩy ra Nghệ-An rồi trao cho sứ-mạng Bắc-phạt để trừ Cống-Chỉnh. Nhậm đã thành-công như ta đã thấy rồi giữ vai chủ-tể tại Thăng-Long giữa lúc vua tôi nhà Lê lạc-lõng bốn phương trời. Cái công lớn này càng làm cho Huệ nghi ngại, nhất là bọn Ngô văn-Sở, phần muốn lập công, phần khó chịu về sự độc-đoán của Nhậm trước kế-hoạch thôn tính Bắc-hà, thường gửi báo-cáo mật về Phú-Xuân cho Bắc-Bình Vương (1). Những báo-cáo này tất-nhiên là những bản-án nặng-nề đối với Chế Nhậm.

« Thanh-triều sử lược » và *« Lê-kỷ dã-sử »* cho rằng Nhậm khi đó có ý tự-vương, điều này chỉ là ức-thuyết bởi làm Đại-tướng một cõi, sau cuộc chiến thắng lớn lao, phải tỏ có uy-quyền thì cũng dễ để cho những kẻ tiểu-nhân sinh lòng ghen ghét thêu-

---

Để rõ việc Nguyễn-Huệ cũng có tham-vọng thôn-tính Bắc-hà xin coi câu này trích trong bức thư Huệ gửi cho La-sơn phu-tử Nguyễn-Thiếp với mục-đích mời phu-tử ra giúp mình.

.... « Không những riêng nước tôi may mắn mà mười hai thừa-tuyên ở Bắc cũng rất được may. Chớ để tôi thất vọng, phu-tử lượng cho..,

Hoàng-Xuân-Hãn tác-giả cuốn « La-sơn phu-tử » *trong trang 99 phê-bình bức thư này nói : « Lời thật khéo-léo. Nhưng đoạn cuối thư tỏ ý muốn làm chúa cả Bắc-hà ».*

Chúng tôi hoàn toàn tán đồng. Người làm chính-trị đời xưa cũng như đời nay có mấy khi không có tham-vọng công-danh phú-quý, chỉ có thánh-nhân, hiền-triết mới thật lòng vị-tha mà thôi.

(1) Mối bất hòa sau này giữa Nhậm và Ngô văn-Sở là việc đặt Lê Duy-Cận, con thứ tư của vua Hiển-Tông lên làm Giám-quốc. Sở cho rằng cứ việc lấy Bắc-hà, không cần dùng chính-sách lập bù-nhìn. Nhậm nói : « Các ông cứ việc đánh cho khoẻ, còn việc đó đã có tôi chủ-trương ! »

Lời nói nặng-nề này khiến Sở tức giận.

dệt chuyện này, chuyện nọ, rồi Nhậm cũng bị chuyện không may này như bao nhiêu danh-tướng trước mình và sau mình.

Được tin của Sở, Bắc-bình Vương lập tức cho quân lên đường gấp, sau 10 ngày ra đến Thăng-Long. Bấy giờ là tháng tư năm Mậu-thân (1788), đêm hồi canh tư Huệ ập vào tổng hành-dinh của Nhậm giữa lúc Nhậm đang ngủ say. Huệ cho võ sĩ đâm Nhậm chết ngay trên giường.

Về việc này « *Cương-Mục* » quyển 47 tờ 28 b-29 có nêu ra vài chi-tiết khác chút ít : « Huệ sai Văn-Nhậm ra Bắc nhưng vẫn nghi ngại; nên cử bọn Ngô văn-Sở và Phan văn-Lân làm tham-tán để chia bớt quyền-hành của Nhậm rồi dặn rằng : « Nhậm là con rể của anh ta, ta và vua Thái-Đức có hiềm-khích, Nhậm tất không yên lòng ; nay hắn cầm đại-binh ra ngoài, chưa biết việc biến sẽ ra sao mà liệu trước. Ta không lo gì về Bắc-hà mà chỉ lo về Nhậm thôi ... có thế nào phải cấp báo cho ta biết.»

« Sau khi đã bình-định được đất Bắc, Nhậm tự ý đúc ấn-chương và làm việc một cách chuyên-chế. Sở liền vu cho Nhậm có ý phản nên Huệ vội-vã ra ngay Thăng-Long.

« Gặp Nhậm ra đón, Huệ vẫn không để lộ tình-ý lại còn vỗ-về, nhường ngựa cho cưỡi, nhường lọng cho che, nhưng vào đến hành-doanh, Huệ thét trói Nhậm và hỏi tội. Nhậm trả lời trôi chảy và tuy không tìm ra chứng-cớ về sự loạn-nghịch của Nhậm, Huệ vẫn quyết-đoán : « Không cần phải biện-bạch nhiều, ngươi giỏi hơn ta thì ngươi không phải là người ta dùng được. » Rồi Huệ cho chém luôn Nhậm nhắc Ngô-văn-Sở lên làm Đại-tư-mã kiêm chức Trấn-phủ Thăng-Long.»

Giải-quyết xong vấn-đề Vũ-văn-Nhậm, Bắc-bình-Vương liền tập-hợp các quan văn võ của mình và của nhà Lê để xây dựng một tân chính-quyền. Ngài đề ra việc làm biểu liên-danh khuyến-tiến để có người thay vua Lê Chiêu-Thống nhưng ý-định này thất-bại bởi một vài cố-thần nhà Lê không chịu do lòng trung của họ đối với ông vua đang lưu-vong. Người có can-trường nghịch lại ý của chúa Tây-Sơn là Tham-tri chính-sự Nguyễn-huy-

Trạc. Bắc-Bình Vương đành xếp việc này lại để đặt bộ máy cai-trị ở bốn trấn.

Bốn trấn-tướng phụ-trách quân-sự tại Sơn-Tây, Kinh-Bắc Hải-Dương là Hòa-Nghĩa hầu, Lôi-Quang hầu, Nguyệt-Quang hầu và Hám-Hổ hầu. Bốn võ quan khác giữ Bộ Hộ, Ước-Lễ hầu giữ Bộ Lễ và Lộc-Tài hầu giữ bộ Hình cũng là tay chân của Vương từ Phú-Xuân ra(1).Tất cả những người này đều thuộc quyền Đại tư-mã Ngô văn-Sở và thuộc cấp bộ Trung-ương. Một số quan nhà Lê như Phan huy-Ích, Ngô thì-Nhậm, Vũ huy-Tấn, Trần bá-Lâm tuy danh cao vọng cả nhưng chỉ đóng vai phụ-thuộc trong bộ máy chính-quyền đời bấy giờ mà thôi (2).

Ở cấp phủ, huyện thì Vương cho đề-cử, nghĩa là theo lối giới-thiệu để có các quan cai-trị địa-phương gồm hai loại : văn-phân-tri, võ-phân-xuất. Còn những lại-viên thuộc các Ty thì tùy sự bổ-dụng của Ngô văn-Sở.

Chúng tôi nhận xét thấy ở đây có một chế-độ bán văn, bán võ hay một chánh-quyền bán quân-sự do nội-tình Bắc-hà chưa yên hẳn, và cấp thống-trị tối cao là Trung-ương thì hoàn-toàn ở tay các tướng.

Rồi trước khi về Nam-hà, Vương tuyên-bố một câu rất chính-trị : « Mai kia ta vô Nam, thật không lấy Bắc-hà làm lợi. Tự-hoàng ngu-muội bị Cống-Chỉnh nó xoay nên tự chuốc lấy vạ. Nay ta lập Sùng-nhượng công làm Giám-quốc để giữ việc thờ cúng nhà Lê. Song sợ Tự-hoàng tranh-giành với Giám-quốc, người nước lại đổ cho ta gây loạn nên phải để Đại tư-mã Ngô văn-Sở ở lại tạm ít lâu, sau này bốn phương yên-ổn ta sẽ triệu về.... »

Các cơ-cấu hành-chính và quân-sự thiết lập xong thì Ngô văn-Sở cho quân đuổi bắt vua Chiêu-Thống khi ấy đang lang-thang

---

(1) Đây là 4 trấn quan trọng nhất, thực ra bấy giờ từ Bắc vào tới Nghệ-An là toàn bộ đất đai của nhà Lê có 11 Trấn tất cả.

(2) Quan nhà Lê cộng tác với tân chính-quyền bấy giờ chỉ có một số nào mà thôi, còn nhiều người bỏ trốn và cũng có kẻ tuẫn-tiết.

bên Kinh-Bắc tính nhờ Nguyễn cảnh-Thước nhưng không xong ; nhà vua lại đến với Nguyễn trọng-Linh thổ-mục ở Bảo-lộc. Linh cho đắp một cái lũy ở phía Bắc sông Nguyệt-Đức nhưng lũy này cũng không đương nổi sự tấn-công của Tây-sơn, Chiêu-Thống liền chạy sang Chí-Linh nương nhờ Trần quang-Châu và Lê-Ban mưu đánh lấy Hải-Dương làm căn-cứ nhưng cả bọn đều bị Tây-sơn đánh tan. Chiêu-Thống chạy vào Nghệ-An, ra Thanh-Hóa rồi lại lẩn khuất ở vùng Tứ-Sơn, thật là gian-lao khổ-cực, không sao kể xiết (1).

Nỗi đau lòng của nhà vua đã được phô bày trong hai câu gửi cho Trần danh-Án :

« XÃ-TẮC HỮU-HOÀI. THƯỜNG UẤT-KẾT
« GIANG-HỒ BÃO LỊCH, KHỔ LƯU-LIÊN (2)

Cuối cùng nhà vua hướng về đất Tàu mong nhờ Thanh-đình giúp mình hưng-phục. Đây là những hy-vọng cuối cùng.

Trong lúc này cung-quyến của vua Lê gồm có Thái-hậu, Nguyên-tử và bọn thị-thần Lê-Quýnh tất cả là 62 người chạy lên Cao-Bằng từ mồng 9 tháng 5, năm Mậu-Thân (1788) do quan Đốc-đồng Nguyễn huy-Túc hướng dẫn, vượt sông Phất-Mễ qua đất nhà Thanh suýt bị quân Tây-Sơn bắt được. Tuần-phủ Tôn vĩnh-Thanh trình việc này lên vua nhà Thanh là vua Kiền-Long (1736-1797), Kiền-Long hạ lệnh cho quyến-thuộc vua Lê được tá-túc và cấp dưỡng đầy đủ trên đất của mình. Nguyễn huy-Túc còn vận-động

---

(1) — Trong dịp vua Chiêu-Thống chạy trốn qua nhiều địa-phương, ngài được một số cựu-thần phù-tá rất tận-tụy, nhưng cũng có một số phản-bội và đáng chú-ý nhất là Đinh tích-Nhưỡng thuộc một dòng họ đã 18 đời làm quận-công với nhà Lê, đã cho thủ-hạ là Trần-Liên mật-báo với Ngô văn-Sở biết nơi ẩn-tránh của nhà vua, may là bọn Châu, Ban mang vua đi thoát.

(2) — Hoa-Bằng dịch :

Xã-tắc ngửa nghiêng lòng nghẽn thắt
Giang-hồ lay lắt, cảnh long-đong.

lên Tả-giang binh-bị-đạo Lưỡng-Quảng Tổng-đốc Tôn sĩ-Nghị để Thanh-đình can thiệp vào việc Việt-Nam. Về phía vua Chiêu-Thống cũng có phái-đoàn Lê duy-Đản và Trần danh-Án tới gặp bọn biên-quan của Tàu cùng một mục-đích, dĩ-nhiên việc này cũng tới tay họ Tôn.

ÂM-MƯU THỰC-DÂN CỦA NHÀ THANH

Tác-giả kế-hoạch : *ngoài thì dựa thế thượng-quốc, trong thì dấy quân Cần-vương* là Ngô thời-Chí, nhưng có lẽ bài sách « trung-hưng » này đã có thảo-luận giữa các người tòng-vong của vua Chiêu-Thống, ta xem rồi đây kết-quả của nó dở, hay thế nào để biết cái tài phù-nguy cứu-khổ của các nho-thần đời Lê-mạt.

Cùng một lúc, Tổng-đốc Lưỡng-Quảng được báo cáo về lời cầu viện của bọn Nguyễn huy-Túc và Lê duy-Đản. Họ Tôn vốn có đầu óc thực-dân liền đón tiếp tin này rất niềm-nở và qua Long-bằng doanh bàn với Tuần-phủ Tôn vĩnh-Thanh.

Tôn-vĩnh-Thanh đưa ra một vài nhận xét rất thực-tế :

1— Vĩnh-Thanh đồng ý là hoàn-cảnh của Lê Chiêu-Thống đáng thương và nên giúp nhưng cho rằng Tây-Sơn đánh đổ được « cái triều-đình hơn 300 năm » thì không thể coi thường được.

2 — Gây sự với Việt-Nam là một nước lớn, chuyện đó rất lợi hại, huống hồ nước Tàu đã nghỉ việc binh đao luôn hai thế-kỷ rồi, đánh chưa chắc đã được, mà được cũng chẳng vinh gì, chỉ nên giữ vững bờ cõi là hơn. Cái gương Trương-Phụ, Hoàng-Phúc còn sờ-sờ trước mắt (1403-1424)... (1)

---

(1) — *Khi Mạc cướp ngôi nhà Lê, bọn quan lại nhà Lê sang cầu viện bên Tàu. Vua quan nhà Minh đã thảo-luận hàng tháng về vấn-đề này, dư-luận phần đông không tán-thành việc xâm-lược Việt-Nam vì biết rằng dân-tộc chúng ta chẳng phải vừa. Vậy ý-kiến của Tuần-phủ Tôn vĩnh-Thanh hẳn đã được căn-cứ rất sát vào những việc đã qua nhưng xét ra đời nào thực-dân Bắc-phương cũng mờ mắt về miếng mồi ngon là nước Việt-Nam ta vì có nhiều quí-vật và dân-số.*

Nhưng Nghị vẫn có ý chủ-quan và đưa ra luận-điệu giả nhân-nghĩa này « Nhà Lê đời đời xưng thần nạp cống, nay gặp biến loạn cầu-cứu đến mình mà mình làm lơ được sao ? »

Rồi Nghị cho bọn Lê-Quỳnh vào coi một bản-đồ về nước ta hỏi xem các địa-điểm sơn xuyên, đường sá có đúng không. Quỳnh đã vạch ra nhiều chỗ sai lầm. Tức thì họa-công vẽ ngay lại. Sau việc này Nghị cho bọn Túc về trước để liên-lạc với vua Chiêu-Thống, thám-thính tình-hình Tây-Sơn và dâng biểu lên vua Kiền-Long. Đây là đại-ý chiếu-thư của vua Thanh gửi cho Tôn Sĩ-Nghị :

...Hiện Duy-Kỳ đã có mặt tại Long-Châu. Vậy truyền Tôn-sĩ-Nghị hỏi tận nơi Duy-Kỳ, họ Nguyễn (Tây-Sơn) vì cớ gì mà gây biến ? Duy-Kỳ lánh nạn sang nước ta chỉ là để bảo-toàn quyến-thuộc còn đất đai nhường cho họ Nguyễn chăng ? Bọn thần-hạ của Duy-Kỳ liệu có thể khôi-phục được giang-sơn cho Duy-Kỳ không ? Xét hỏi cả bọn Huy-Túc về vấn-đề này...

« Nếu bọn trấn-mục của Duy-Kỳ triệu-tập được dân binh, dẹp tan được hung-nghịch, đón tự-tôn về được là điều cố-nhiên hay lắm rồi. Còn nếu họ Nguyễn chỉ chiếm một dải đất của đô-thành nhà Lê mà thôi, bọn trấn-mục tuy không diệt được họ Nguyễn, cũng cứ đón tự-tôn về rồi bấy giờ ta sẽ tùy liệu...»

Trong một mật-chiếu khác vua Thanh có những lời sau đây cho Tôn sĩ-Nghị : *« Nay Duy-Kỳ dẫu phải bôn-vong nhưng đất đai của họ Lê chưa mất hết : Dân trong nước cũng còn nhớ đến vua cũ thì vẫn có cơ phục-hưng được. Vậy ta đem quân đóng ở biên-thùy làm thanh-viện cho quân ứng-nghĩa, chẳng cần xuất binh cho nhọc công và tốn của. Khi việc thành rồi thì đưa Duy-Kỳ về, nếu y không đủ tài năng và Tây Sơn vẫn hoành-hành thì đem binh hỏi tội rồi thừa cơ chiếm lấy nước Nam...»*

Khi quân Thanh sắp được lên đường, Sĩ-Nghị có lời tâu như sau : *« ... Họ Lê yếu dần rồi, chắc có thu-phục được đất nước cũng khó lòng mà giữ nổi. Họ đã cầu cứu chẳng lẽ làm thinh, xin nhân dịp này nếu họ Lê có phục-hưng được cũng nên đem*

thủ-binh giữ lấy nước Nam. Thế là đối với họ Lê, thiên-triều vẫn được ơn mà được cơ-hội tốt này để lấy nước Nam cũng là một điều lợi không nên bỏ qua...»

Tóm lại, qua lời bàn của vua Kiền-Long và của Tôn-sĩ-Nghị, ta thấy họ có *dã tâm, trước dùng nghĩa sau mưu lợi.*

Theo *« Hoàng-Lê nhất-thống chí »* trang 235 do Ngô Thời-Chí biên soạn, thì Tôn vĩnh-Thanh không tán thành hẳn ý của Tôn sĩ-Nghị nên đã tỏ bày như sau :

« Thiên-triều mượn tiếng khôi-phục họ Lê, họ Lê không thể giữ nổi, lại sai quân đóng ở nước họ, đó là khởi đầu bằng nghĩa, kết-cục bằng lợi, thần trộm nghĩ không nên ». Rồi Vĩnh-Thanh đề ra phương-lược *:« Án binh bất động, chờ Lê và Tây-Sơn cùng kiệt-quệ bấy giờ đánh cũng chưa muộn ».*

Việc đã quyết-định xong, triều Thanh liền huy-động binh mã bốn tỉnh Vân-Nam, Quí-châu, Quảng-Đông và Quảng-Tây được tất cả là 200.000 người, chia làm ba đạo kéo vào nội-địa nước ta (1).

Đạo thứ nhất do chính họ Tôn và Đề-đốc Hứa thế-Hanh chỉ-huy do đường Nam-Quan đổ xuống. Đạo thứ nhì do Đề-tổng họ-Ô, lĩnh quân Vân-Quý (hai tỉnh Vân-Nam, Quí-Châu) từ Tuyên-Quang tiến sang. Đạo thứ ba do Điền-châu tri-phủ Sầm Nghi-Đống từ Cao-Bằng kéo vào.

---

(1) Trước khi quân Thanh lên đường, Tôn sĩ-Nghị họp tướng-sĩ đưa ra tám điều quân-luật dưới đây :

1.— Đại binh ra ải, cốt để dẹp giặc yên dân. Đi qua các nơi ; đội ngũ đều phải nghiêm-chỉnh, không được quấy nhiễu nhà người, cướp bóc chợ búa.

2.— Ngoài ải toàn là đồi cao núi hiểm, đất đó rất dễ mai phục, nên phải rẫy sạch đường-sá, phát hết nửa rừng, để cho trông thấy quang đãng có thể vững lòng mà đi. Nếu gặp chỗ nào đất mới, sốp lổng thì phải để ý xem xét, cho khỏi mắc phải quỉ-kế của giặc.

QUÂN THANH THẮNG LỢI TRẬN ĐẦU

Ngô văn-Sở được tin quân Thanh kéo sang tới-tấp liền nhóm các văn-võ, quan liêu nhà Lê sau khi tướng Trấn-thủ Lạng-sơn là Phan khải-Đức hàng giặc, Phó-tướng Nguyễn văn-Diễm thế-cô vội rút về Kinh-Bắc với Nguyễn văn-Hòa.

Một bức thư kỷ tên Giám-quốc Sùng nhượng-Công Lê duy-Cẩn được đưa sang xin hoãn binh với Tôn sĩ-Nghị. Chưởng-phủ Nguyễn văn-Dụng bàn theo kinh-nghiệm thời Lê Thái-Tổ dùng phục binh đánh tan được bọn Hoàng-Phúc, Trương-Phụ, Liễu-Thăng là những danh tướng của Minh-triều trước đây...

---

3. — Đại binh đóng chỗ nào, trước hãy xem xét địa-thế, tìm lấy những nơi dễ kiếm nước cỏ, không gần rừng cây, bốn mặt đào hào đắp lũy, sai các binh-sĩ đêm ngày tuần phòng, lại cho quân đi dò-la ở ngoài mười dặm. không được gây huyên-náo để bị kinh-loạn,

4.— Người Nam đánh trận hay dùng sức voi. Lối đó nội-địa không quen nên hễ gặp phải, ắt đều chạy trước để tránh. Nhưng không biết rằng: sức voi tuy khỏe, nó cũng là thân máu thịt, không thể địch lại hỏa-khí của ta. Nếu như thấy voi ra trận, xa thì bắn súng, gần thì dùng cung và đao, khiến bị đau mà chạy lộn lại, dầy xéo lẫn nhau, quân ta thừa-cơ tiến lên mà chém, quyết là phải thắng. Cần phải nói cho mọi người biết rõ như thế mới được.

5.— Quân Nam không có « sở-trường » gì khác. Họ chỉ dùng các « ống phun » làm thứ lợi-khí. Thứ lợi-khí ấy gọi là « Hỏ lửa ». Trong khi hai bên giáp nhau, trước hết họ dùng vật ấy đốt cháy quần áo ta, để cho ta phải lui. Nhưng cái thuật ấy cũng chỉ như thế mà thôi, so với súng ống của ta, còn kém xa lắm. Hiện đã chứa sẵn vài trăm « lá chắn » bằng da trâu sống, nếu gặp « ống phun » của người Nam phun lửa, quân ta một tay chắn đỡ lửa, một tay cầm gươm chém bừa, họ sẽ phải lướt ngã:

Ngô thì-Nhậm gạt đi bảo rằng : *« Hoàn cảnh giống nhau nhưng nhân-tâm ngày nay với xưa khác nhau. Ngày xưa dân oán chế-độ Minh-thuộc nên nức lòng tham-gia kháng-chiến do đó dễ thắng. Ngày nay quân Thanh lấy danh-nghĩa phù Lê thì trái lại có thể được sĩ-dân trong nước hưởng-ứng, như vậy kẻ mai-phục có thể bị cáo tỏ vì nạn nội-công. Quân-cơ bại lộ thì đánh úp được ai. ? »*

Rồi Nhậm bàn hai cách đánh và giữ. Đánh thì dễ bị nguy vì dân Bắc-hà không đi với Tây-Sơn, lính Bắc-hà sẽ đào-ngũ ; cố-thủ thì cũng khó tin ở lòng người và sẽ có nội-biến, chỉ còn cách nhử giặc vào sâu nội-địa ; thủy-quân rút vào Biện-sơn trước, lục-quân kéo vào đóng giữ lấy núi Tam-điệp rồi báo tin vào cho Bắc-bình vương. Chiến-lược này được chấp-thuận và binh các đạo đều được lịnh về hội ngay dưới cờ Tiết-chế Ngô văn-Sở tại bờ sông Nhị vào năm hôm sau. Sở bàn kế-hoạch lui quân. Phan văn-Lân khẳng khái đem 1.000 quân đi đánh. Trời bấy giờ rét buốt. Quân Tây-Sơn vượt sông Nguyệt-đức đánh vào quân Thanh đang đóng ở núi Tam-tầng. Súng đạn của Thanh bắn như mưa. Quân tả,hữu-dực bắn châu vào quân Tây-Sơn chết rất nhiều. Tôn sĩ-Nghi lại phái một toán

---

6.— Đại binh đi đường, nếu gặp khe suối, giòng sông, những chỗ nước sâu, thì phải chặt lấy tre gỗ bắc làm cầu phao để binh mã sang cho tiện. Chỗ nào sông hẹp, nước nông, viên coi binh biền phải dò đích-xác rồi cho binh lính theo hàng xâu cá mà đi. Lúc xuống nước bùi-dùi, thuốc súng không được bạ đâu ném dấy, lỡ bị ướt thì hỏng.

7.— Rau củ của đại binh dùng hàng ngày, đã có tiền quan cấp phát. Chỉ được trao đổi với người Nam bằng cách thuận tình, không được tự-tiện trèo lên chặt lấy cây cối ở các làng xóm để sinh ra sự tranh giành. Nếu tới chỗ nào chỉ cách rừng núi độ một hai dặm, cũng phải sai các biền-binh hộ-vệ cho kẻ kiếm củi, không được tự ý đi xa để gây ra những chuyện khác. Còn việc múc nước nấu cơm, viên coi binh-biền cần phải xét nghiệm cẩn thận. Hễ thấy đích là sạch-sẽ, không độc mới cho múc uống.

kỵ-binh từ mạn thượng-lưu vượt qua sông đánh úp lấy đồn Thị-Cầu. Đồn này phát hỏa, Lân cả sợ rút về.

An-Nam nhất thống chí chép : « Tướng-sĩ vốn sợ oai Lân phải liều rét lội qua sông. Nhiều người bị chết cóng giữa giòng còn những người lên bộ được thì bị lính vận tải của giặc giết chết. Lân phải tháo lui, một số tàn quân Tây-Sơn trốn vào các nơi dân gian thì bị bắt nộp cho quân Thanh, chỉ còn Nội-hầu Lân một người một ngựa chạy thoát...»

Lê-kỷ dã-sử viết : Lân lùa hết binh mã năm trấn có tới 12 vạn người, đêm vượt sông Thương đến bình-minh hôm sau thì gặp quân Thanh ở núi Tam-Tầng (1). Quân Thanh nhờ vị-trí cao

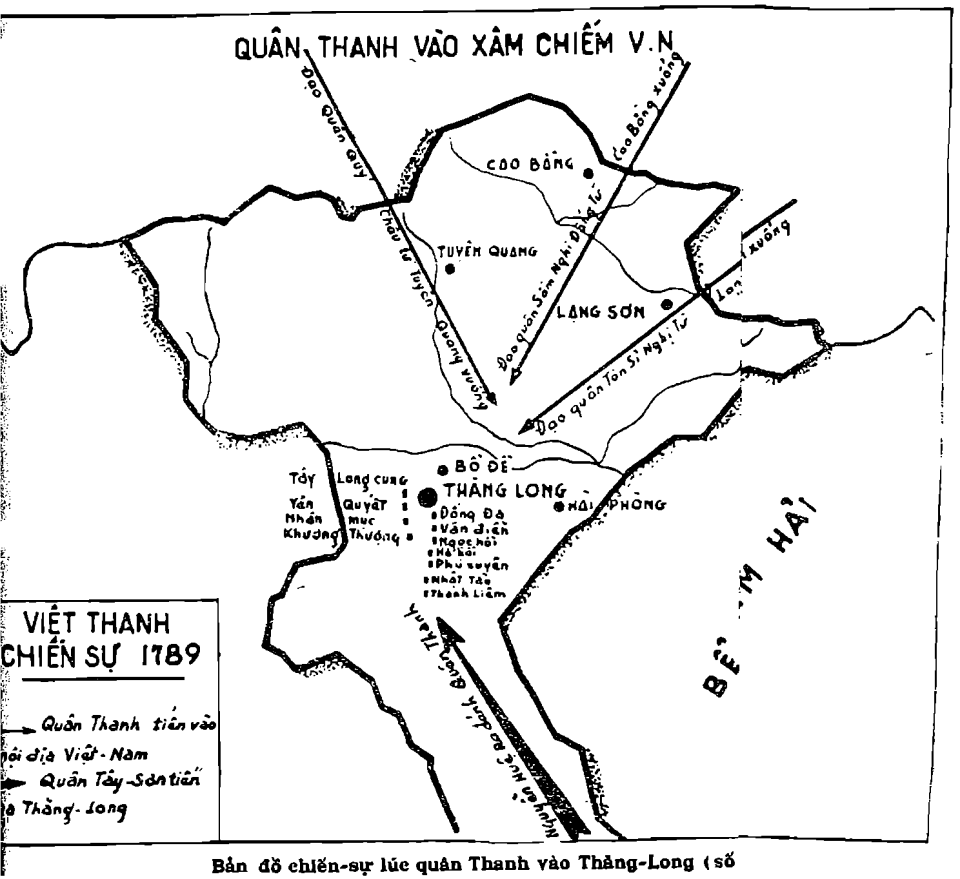
---

8.— Quân lính bị thương, viên cai-quản cũng phải nghiệm xét đích thật làm giấy bẩm trình, cho đưa về dinh điều-trị, để tỏ ra sự hưu-tuất. Nếu có kẻ nào giả đau ốm hòng được về nhà, khi đã tra ra, sẽ phải « chính-pháp » lập tức. Vả lại lần này quân-sĩ phải ra chỗ biên-ải xa-xôi, triều đình đã có hưu tuất tột bực, mỗi tên lính lại được cấp một tên phu. Các viên cai-quản cần phải hiểu-dụ cho lính với phu phải thương xót nhau, không được sai khiến một cách tàn ngược. Quân lính đi đường đều phải mang lấy khí-giới, không được tự mình đi không, đồ đạc giao mặc phu dịch, khiến họ vác đội không nổi, giữa đường bỏ trốn. Số phu quá nhiều, tra kiểm rất khó, có thể dinh trước lẫn vào dinh sau, kẻ nọ kẻ kia, không quen biết nhau, dễ sinh lộn-xộn. Phải cấp cho mỗi tên phu một miếng bài đeo lưng. Trong thẻ viết rõ tên họ hiệu, dinh cho tiện nhận xét, phân biệt.

Quân-luật trên đây. biền-binh đều phải nghiêm-ngặt tuân theo. Kẻ nào làm trái, sẽ bị quân-pháp xử trị không tha.

Sau này các điều luật kể trên có được thực-hiện hay không, xin coi đoạn dưới.

(1) — Quân số chép trong « Lê-kỷ dã-sử » có lẽ không đúng vì đại-quân Tây-Sơn không bao giờ tới 120.000 người. Ngay khi Bắc-bình vương huy-động toàn thể quân-đội, kể cả quân tuyển mộ ở dọc đường cũng chỉ tới 100.000 mà thôi.



Bản đồ chiến-sự lúc quân Thanh vào Thăng-Long (số

dương cung, bắn súng xuống rào-rào như mưa trút. Lân thua lớn, binh-sĩ chết đuối có tới hàng vạn, Lân chạy về Thăng-Long chỉ còn 28 kỵ binh. »

Biết thế không đương nổi, Văn-Sở cho rút quân khỏi Thăng-Long (1), ngày 20 tháng 11 năm Mậu-Thân 1788 thì tới núi Tam-Điệp (đèo Ba-dội) và bắt liên-lạc được với thủy-quân ở Hải-phận Biện-sơn.

Xem như vậy, kế-hoạch của Thị-Nhậm đáng kể là tinh khôn, nhưng tướng-sĩ Tây-sơn cho tới ngày đó vốn chưa nếm mùi chiến bại nên hăng-hái tiến đánh quân Thanh, họ bị thua, và quân Thanh lúc đó không thể coi là vô giá-trị ; nhưng rồi đây tình-thế đôi bên đổi hẳn, ta sẽ rõ cái tài làm tướng của vị thảo-dã anh-hùng đất Qui-Nhơn, xuất-sắc và thần-diệu tới mực nào.

HOẠT-ĐỘNG CỦA VUA CHIÊU-THỐNG TẠI THĂNG-LONG.

Ngày 21 tháng 11 năm Mậu-Thân (1788) thành Thăng-Long bỏ ngỏ, quân của Nghị vào đóng, và tướng-doanh của Nghị đặt tại Tây-long cung. Theo lời vua Thanh đã dặn lấy được thành này rồi thì trao ấn cho Duy-Kỳ để tấn-phong làm Annam quốc-vương. Đây là một chước để ràng buộc lấy lòng dân.

Ngày 22, Sĩ-Nghị làm lễ sách-phong vua Chiêu-Thống ở điện Kính-thiên. Trong văn-kiện về việc sách-phong có câu rất thủy chung nhân nghĩa như sau :

Phi thập hữu nhất đạo chi đề phong, nguyên phi lợi phù thổ-địa.

Tố bách ngũ thập niên chi chức cống, năng bất niệm kỳ tổ tông (2).

Mặc dầu được địa-vị hão này, trong các văn-thư vua

(1) — *Việt-Nam sử-lược không thấy ghi trận đánh này.*

(2) — *Dịch : Mở đề phong mười một đạo, lợi đâu dám ở đất đai ? Trải chức cống trăm rưỡi năm, tình nghĩ cảm vì tổng-tổ.*

Lê vẫn không dám đàng-hoàng dụng niên-hiệu Chiêu-Thống trái lại dùng niên-hiệu Kiền-Long (bấy giờ là Kiền-Long năm thứ 57).

Giữa lúc quân Thanh tới, tình-trạng Bắc-hà thế nào ? Đây là một điều cần biết.

Trước biến-cố năm Mậu-Thân, nông dân Bắc-hà đã mất luôn mấy vụ mùa liền, cảnh-huống rất là nheo-nhóc, bi-thảm. Quân Thanh tới, nhân-dân càng điêu-đứng thêm. Đã đói lại loạn luôn mấy năm thì còn sức nào chịu nổi. Bọn ngoại-nhân ỷ thế làm bậy hàng ngày như đánh người, cướp của, hãm-hiếp đàn bà con gái không còn kiêng nể một thứ gì.

Bọn Huê-kiều sống lâu năm ở đất nước ta, làm ăn ở Hà-khẩu-phường trong thành Thăng-Long, phố Cơ-xá bên Kinh-Bắc và phố Hiến cũng nhờ gió bẻ măng trong dịp đồng-bào chúng tới. Chúng lập riêng cái điếm mệnh danh là « Liễu-đề » công-nhiên tác yêu tác quái như đã nói trên (1).

Việt-nam phong-sử viết : Năm Đinh-Mùi (1787) Bắc-hà trải bao tai trời ách nước : nào gió to, nào bão lớn, đê điều bị nước biển tràn ngập đổ vỡ lung-tung. Nhân-dân đói khổ xiêu bạt, tan-tác. Ở vùng Bắc cũng như vùng Nam,xưa nay là những đồng ruộng mênh-mông mà dân chúng đến nỗi phải luộc cỏ mà ăn, nhà cũng bị trôi dạt đến nước phải nằm ngoài trời. Vậy mà khi quân Thanh đến, vua quan nhà Lê còn bắt thêm cái tội cung đốn lương-thực, rượu thịt, rơm cỏ,lá tre, ngô thóc cho lừa ngựa của chúng. Ai thiếu gánh cỏ, đấu thóc thì đòn vọt nát người, gông cùm tù ngục. Đã mất của lại còn khổ công chầu-chực, rồi một tang hai ngoại cho kẻ thừa hành lạm dụng, cũng phải bấm bụng chịu vì còn kêu được vào đâu? Đến đám quân-đội ứng nghĩa, phò Lê cũng vô cùng cực nhục vì phải tự túc bởi triều-đình còn tiền gạo đâu mà phát cho. Lúc này đám « khách-binh » sống chết mặc ai, thả sức ăn chơi phè-phỡn. Còn

---

(1) — Năm 1945 quân của Long-Vân, Lư-Hán sang Việt-Nam giải giáp quân Nhật, sau cuộc đại-chiến thứ hai, cũng đã thành một dịp cho một số Huê-kiều ở đây nghênh-ngang và làm bậy.

nữa ! Tình dân đã rối ren mà hoàng-gia cùng quan liêu hết sức lủng-củng do tính nhỏ-nhen vụng-dại của Chiêu-thống, khiến nhiều người sinh chán-nản. Nguyên vừa về đến Thăng-Long vua Chiêu-Thống đã nghĩ ngay đến sự đền ơn trả oán : đàn bà trong tông-thất lấy tướng-tá của Tây-Sơn đã có mang,vậy mà vua Chiêu-Thống sai mổ bụng, lấy thai quăng đi để chết cả mẹ lẫn con ; ba vị hoàng-thúc bị chặt chân quăng ra giữa chợ (1), Trấn-thủ Tuyên-Quang Phạm-như-Tụy, Phò-mã Dương-Bành Ngô thì-Nhậm, Phan-huy-Ích, Nguyễn-Hoàn, Phan-lê-Phiên, Mai-thế-Uông v. v... kẻ bị tử hình, người bị cách-chức, giáng-chức khiến bà Thái-Hậu phải bất-bình : « Ta cay đắng mới xin được quân cứu viện đến. Nay đền ân mai trả oán, phá hoại thế này nước nhà phỏng còn gì nữa ? Việc hỏng đến nơi rồi ! »

Đến việc quân thì Chiêu-Thống hoàn-toàn ỷ-lại vào quân Thanh chẳng hề nghĩ phải tự-động và tranh-thủ thời-gian trong khi nhiều đạo quân Cần-Vương đang hăng-hái muốn đánh Tây-Sơn. Viên Phó-hiến ở trấn Kinh-Bắc là Ngô tưởng-Đạo dâng sớ dục vua Chiêu-Thống nhân dịp này đem đại quân đuổi theo bọn Văn-Sở và Văn-Lân, vì có thể hai xứ Thanh — Nghệ sẽ hưởng ứng, Nguyễn-Huệ còn mắc ở phía Nam Hoành-Sơn, Sở và Lân chưa bắt được liên-lạc với Nam-hà, tiến vào ngay sào-huyệt của họ thì có cơ hội chiến-thắng. Vua Chiêu-Thống cho họp bàn, nhiều người cho là phải, Lê-Quỳnh liền sang trình họ Tôn, Tôn ung-dung tự-đắc cho là không cần phải vội-vàng, cho rằng

---

*(1) — Ba ông Hoàng-thúc can tội thông nhau với giặc và gả con cho giặc (*Hoàng-Lê nhất thống chí *nói bị chặt chân vất xuống cái giếng trong cung). Phạm như-Tụy bắt sống Hoàng-đệ Duy-Lưu nộp cho giặc. Phò-mã Bành dẫn đường cho giặc đuổi theo vua. Nguyễn-Hoàn, Phan lê-Phiên quì gối ở sân giặc. Trương đăng-Quỹ bỏ vua giữa lúc tòng vong. Nguyễn quý-Nha, Trần bá-Lãm, Vũ huy-Tấn viết thư hộ giặc nhân danh Sùng nhượng-Công xin hoãn binh bị hạ ngục, Ngô thì-Nhậm, Phan huy-Ích bị cách hết chức tước về quê chịu mọi việc sai dịch v.v...*

đánh Tây-Sơn là việc lấy đồ trong túi, *« lấy sớm thì được sớm lấy muộn thì được muộn »* chỉ cho đóng ba cái đồn cách đô-thành về phía Nam chừng sáu chục dặm, chờ qua năm mới sẽ hành quân. Ba cái đồn này được đắp lũy ở ba khu đất : một khu ở Bắc-ngạn sông Thanh-quyết thuộc huyện Thanh-Liêm tỉnh Hà-Nam. Một ở làng Nhật-Tảo thuộc huyện Duy-Tiên (Hà-Nam), và một ở làng Ngọc-Hồi thuộc huyện Thanh-Trì tỉnh Hà-Đông, rồi chia binh đóng giữ. Sau đó Tổng-đốc họ Tôn suốt ngày say mê rượu ngọn, gái đẹp, nhã-nhạc như giữa một thời thái-bình vô sự.

Trước sự bê-bối, đồi-trụy này mọi người đều thất-vọng và trở nên lãnh-đạm đến nỗi một cung-nhân từ Trường-Yên đến cũng tỏ ý ngao-ngán về thời-cuộc với Lê thái-hậu.

Theo cung-nhân này thì : « Vua về nước đã gần một tháng mà hiệu-lệnh của nhà vua chỉ mới thấy đến tới vùng Ứng-Hòa, Thường-Tín, Từ-Sơn, Thuận-Thành, Quảng-Oai là 5 lộ mà thôi. Còn từ Ninh-Bình về Nam là đất căn-bản, Nghệ-An là đất tay chân thì vẫn ở trong tay giặc, tin tức ra sao không ai biết. Tôn Tổng-đốc là người ngoại-quốc chỉ hiểu đại-khái tình-thế ở đây mà thôi, các vị-trí chiến-lược, các mưu-mô của giặc sao biết được bằng mình. Lê-Quýnh trước đây nói nước nhà nhiều nơi còn mến vua cũ, có thể trông cậy được, nếu được đại-binh sang làm thanh-viện thì việc khôi-phục có thể xong ngay. Lời đối trá này có lợi để quân Bắc tin tưởng mà sang gấp, nhưng bây giờ lại vì thế mà phóng tâm khinh địch cũng vô cùng nguy hại. Xét lời kịch của Tôn Tổng-đốc thì có nhiều điều buộc cho nhà vua, và không biết Bắc-bình vương là tay hành-quân rất giỏi, chước quỉ, mưu thần, biến-hóa khôn lường, chẳng vậy bắt Nguyễn hữu-Chỉnh như bắt con nít, giết Vũ văn-Nhậm như giết con heo và Bắc-quân chẳng qua chỉ là khách, họ đến coi sự thế khó dễ để tiến lui, việc mình chẳng lo liệu lấy thì họa đến nơi chẳng bao lâu nữa...»

Thái-hậu đem lời này nói cho Chiêu-Thống nghe, nhà vua bấy giờ mới biết sợ liền sai Lê-Quýnh sang nài Tôn sĩ-Nghị ra quân. Nghị gọi Quýnh vào mắng : « Sao không nói rõ ngay từ trước để nhân đang thắng mà đánh địch lúc đang nguy. Nay cơ

hội đã lỡ, Tây-Sơn đã đủ thời giờ sắp đặt, đành phải tính lại việc cho kỹ đã...»

Sau đó Nghị quyết-định sang Xuân vào mồng 6 sẽ xuất-sư và bảo : « Nếu muốn đi gấp thì thày trò nhà ngươi cứ việc đem quân tiến trước cũng được ».

Lê-Quýnh vốn là kẻ bất-tài, chỉ giỏi rượu chè, cờ bạc, văn sự, võ-bị thì mờ-mịt, vì là con nhà quí-tộc nên được vào làm gia-thần của vua. Trong dịp qua Tàu, y nói nhiều lời khoác-lác khiến Sĩ-Nghị cả tin nên đệ lời của Quýnh lên vua Kiền-Long, do đó mà quyết-định của triều-đình Mãn-Thanh đã rất sai lầm về vấn-đề Việt-Nam. Phải chi Quýnh nói thật, có lẽ kế-sách diệt Tây-Sơn của Mãn-Thanh hoặc thái-độ của Thanh-đình có thể đã khác hẳn. Rồi từ ngày về nước Quýnh xui vua báo ân, trả oán, ăn của đút, hại người ngay nên nhiều người tức giận, mà nhà vua cũng trở nên thất nhân-tâm. Nay được vua trọng-dụng, Quýnh nắm quyền to mà chẳng biết xoay trở ra sao. Bây giờ Nghị bảo tiến quân, Quýnh không biết việc trận mạc thế nào liền lấy cớ không muốn xa vua, sai luôn Trấn-thủ Sơn-Tây đem quân đóng ở Gián-Khẩu (một địa-hạt giữa Hà-Nam và Ninh-Bình) mặc thời-cuộc biến đổi hay dở vì y không nghĩ ra được kế-hoạch nào khác.

Rồi ngày cuối năm tới, cả cái triều-đình của vua Chiêu-Thống chỉ bận rộn về việc cung-đốn nghi-phẩm cho « *Thiên-sứ* » trong khi quân đội Nam-hà dưới quyền điều-khiển của Bắc-bình vương đang hăm-hở mài nanh, dũa vuốt, tạt gió, rẽ mây tiến ra xứ Bắc.

CHƯƠNG II

VŨ-CÔNG OANH-LIỆT BẬC NHẤT CỦA VIỆT-NAM CUỐI THẾ-KỶ XVIII

BẮC-BÌNH VƯƠNG ĐUỔI QUÂN THANH

NGÀY 24 tháng 11 năm Mậu-Thân (1788) Ngô văn-Sở từ núi Tam-điệp cho tin cấp báo về Phú-Xuân việc Tôn sĩ-Nghị dưới danh nghĩa *« cứu Lê »* đem quân vào Thăng-Long, khí-thế rất mạnh-mẽ.

Bắc-bình vương tỏ ra rất bình-tĩnh chẳng khác chi Trần-quốc-Tuấn và Lê-Lợi trong dịp dẹp Nguyên và phạt Minh giữa giai-đoạn Lịch-sử đen tối và nguy-ngập nhất của nước nhà.

Ngài nói : « Anh em cần gì mà hoảng-hốt đến thế ! Chúng đến đây chỉ là để mua lấy cái chết mà thôi ! »

Rồi các tướng sĩ yêu-cầu Ngài hãy chính-vị hiệu để buộc lấy nhân-tâm, dương thanh-thế rồi sẽ tiến quân ra Bắc. Bắc-bình vương cho là phải, liền cho đắp đàn Giao ở Bàn-Sơn, phía Nam núi Ngự-Bình tế cáo Trời, Đất và làm lễ Đăng-quang.

Cũng như trường-hợp Nã-Phá-Luân đệ-nhất, Bắc-bình-vương tự đội mũ miện, khoác áo hoàng-bào, tuyến-bố niên-hiệu Quang-Trung nguyên-niên để thay hai niên-hiệu Chiêu-Thống thứ hai và Thái-Đức thứ 11.

Thế là dân-tộc chúng ta có cả thảy ba vua trên giải đất Việt-Nam vào ngày 25 tháng 11 năm Mậu-Thân, đặc-biệt là hai vua tự-động đăng-quang và một vua chịu thụ-phong với Tàu.

Từ giã Bàn-Sơn, đoàn quân thủy-bộ của Bắc-bình vương như hùm beo tràn đầy hùng-khí, rầm-rộ tiến ra Bắc-hà mạnh như thế chẻ tre, bạt núi. Ngày 29, đại-quân tới Nghệ-An. Ở đây Vương cho lấy thêm lính mới, cứ ba xuất đinh lấy một, quân-số cộng lại được 10 vạn và tượng-binh được vài trăm con.

Thân-quân Thuận, Quảng chia làm 4 doanh : Tiền, Hậu, Tả, Hữu. Lính mới sung đi vào giữa.

Sau đó Bắc-bình vương ra trước mặt toàn-thể quân đội cất lên mấy lời hiệu-triệu căn-cứ vào việc đang xảy ra trên đất nước :

« *Điểm thứ nhất :* Báo tin quân Thanh đã kéo sang nước ta với mục-đích cướp nước và hiện đang có mặt ở Kinh-đô Thăng-Long.

Điểm thứ hai Ta ở phương Nam, người Hán ở phương Bắc, trong vòng trời đất đã có sự phân chia như vậy, đáng lẽ ai biết phận nấy đừng giành-giật quyền lợi đất đai của nhau. Bắc, Nam lại là hai giống khác-biệt mà từ đời Hán, đời Đường, người Tàu cứ liên-tiếp mang quân sang xâm-lấn, vơ-vét của cải rất là tàn-nhẫn, dân ta không ai là không nghĩ đến sự quật-khởi để cứu nhà cứu nước.

Điểm thứ ba : Qua các đời Hán, Tống, Nguyên, Minh người nước ta, già trẻ như gái trai không ai chịu bó tay chờ chết, do đó mà có các cuộc khởi nghĩa của hai bà Trưng, cuộc kháng Tống của Lê Đại-hành, cuộc bình Nguyên của Trần Hưng-Đạo, cuộc phản-đế của Lê-Lợi. Chuyện xưa đã rành-rành chứng-minh rằng có chiến-đấu mới có sống, và từ đời Đinh nếu dân ta cam chịu làm nô-lệ hẳn đến ngày nay cũng chưa hết cái nạn Bắc-thuộc...

Điểm thứ tư Giặc Thanh quên việc cũ là sự thất bại của các tiền-triều, nay lại tái-diễn trò xâm-lược, chúng ta phải góp

tài sức, tuyệt-đối hy-sinh cho nên việc lớn. Những ai có lòng phản-trắc sẽ bị trừng phạt nghiêm-ngặt không tha... »

Lời nói hùng-hồn và tha thiết của Vương khiến chư-quân hết sức cảm-động và ai nấy đều hăng-hái giết giặc.

Việc hành-quân của Tây-sơn như ta thấy có điều hết sức đặc-biệt mà các binh-gia cổ kim Âu-Á ít người làm được là áp-dụng chiến-thuật đánh mau, đánh mạnh, đánh bất ngờ, nó có hiệu-quả khiến địch-thủ không kịp xoay trở và bị đẩy ngay vào thế bị-động.

Trừ đám tân-binh, còn những thân-quân của Vương vốn được tập-tành thuần-thục đã lâu, chiến đấu dẻo-dai, bơi lội giỏi, đi đứng rất nhanh. Vương nẩy ra sáng-kiến để cuộc Bắc-tiến được cực-kỳ thần-tốc, cho hợp ba người làm một tốp rồi lần lượt thay phiên để võng nhau (chắc hẳn lúc đó võng làm bằng tre, vì tre là thứ vật-liệu dễ có nhất ở nước ta ở khắp xứ và có thể làm thành chiếc võng dẫn-dị và mau chóng nhất).

Nhờ có sự chuyển-vận tối-tân và kỳ-dị này quân Tây-Sơn đi rất nhanh và đỡ cả sự mệt nhọc. Ngày 20 tháng 12 năm ấy, đại quân đến núi Tam-Điệp nơi tiếp-giáp của hai tỉnh Thanh-Hóa và Ninh-Bình. Tư-mã Sở và Nội-hầu Lân ra đón cùng xin chịu tội đã phải rút lui trước quân địch, vua Quang-Trung quở trách qua loa. Đáng chú ý, trong lời của vua Quang-Trung lúc này có nêu ra vị-trí chiến-lược của thành Thăng-Long. Theo nhà vua chung quanh Thăng-Long là đồng bằng, không có thế hiểm để giữ, bốn mặt đều có thể là chiến-trường, do đó năm xưa nhà vua ra đánh Bắc-hà, chúa Trịnh-Khải đã tan-tành sự-nghiệp. Nhà vua lại nhấn mạnh rằng nếu không có mưu-kế lui binh ra khỏi Thăng-Long của Ngô thì-Nhậm thì ngoài giặc Thanh đánh vào, trong người Bắc (1)

---

(1) Lời nhận xét của vua Quang-Trung rất đúng vì lúc đó dân-tâm Bắc-hà chưa về hẳn với Tây-Sơn. Họ còn căm giận là đằng khác bởi chịu khổ mãi vì chiến-tranh.

làm nội-công đánh ra thì xoay trở sao được (1) !

Ngài quay ra an-ủi Sở và Lân :

— « Các khanh chỉ thạo nghề đánh giặc, nhưng cơ chế-thắng thì không phải ngón sở-trường nên trước khi về Nam ta để Ngô thì-Nhậm ở lại là do ý đó. Nay quả Nhậm đã thi-hành được một mưu-kế rất có lợi. Còn việc đánh quân Thanh nay mai đã có sẵn kế-hoạch, thế nào tất cũng quét xong bọn chúng. Chỉ hiềm nước Tàu lớn gấp mười nước ta, kéo dài chiến-tranh với họ là điều tai-hại cho nhân dân. Vậy nay mai xong việc ta sẽ nhờ đến Ngô thì-Nhậm liệu lời nói khéo cho êm chuyện...» Rồi với một giọng cả quyết và sang-sảng, vua Quang-Trung tuyên bố : *« Chỉ nội mười ngày nữa ta sẽ đuổi hết được giặc Thanh ! Bữa nay ta ăn Tết Nguyên-đán trước (hôm ấy là 20 tháng chạp) sang Xuân ta sẽ ăn tết Khai-hạ vào ngày mồng 7 ở Thăng-Long ! ».*

Để nuôi lòng kiêu-căng của giặc, vua Quang-Trung vừa cho gấp rút tiến quân, vừa cử một sứ-đoàn gồm 8 người đi theo Trần danh-Bình đến gặp Tổng-đốc họ Tôn với ba đạo bẩm-vàn (một của Lê Duy-Cẩn, một của các cựu-thần nhà Lê, một của nhân-dân) bày tỏ sự tình phải thay nhà Lê và ngỏ ý « cung thuận » với « Thiên triều », đồng thời nhà vua lại nộp trả bọn tuần-dương binh của nhà Thanh có bốn chục người bị tướng Tây-Sơn bắt được khi còn đóng ở Thăng-Long. Tôn sĩ-Nghị xé thư, giết Trần danh-Bình và giam toàn-thể nhân-viên sứ-đoàn, lại truyền hịch kể tội vua Quang-Trung và cho biết sẽ bắt nhà vua cùng đánh tới Quảng-Nam cho sạch cả gốc lẫn ngọn.

---

(1) Theo vua Quang-Trung, việc quân Tây-Sơn không ham chiến buổi đầu có hai điều lợi : bên trong khiêu mối tức của quân mình — bên ngoài làm tăng khí kiêu-căng của địch. Có thể thì quân mình lúc được đánh sẽ rất hăng-hái mà địch kiêu-căng, coi thường quân mình sẽ thiếu sự đề-phòng và chuẩn bị dễ bị thua.. Ai bảo các nhà làm tướng xưa kia không biết xử dụng khoa tâm-lý-học ?

KẾ-HOẠCH CHIẾN-ĐẤU CỦA VUA QUANG-TRUNG.

Do lệnh hành-quân của nhà vua

— Đại Tư-mã Sở và Nội-hầu Lân phụ-trách tiền-quân.

— Đại Đô-đốc Lộc, đô-đốc Tuyết lãnh Tả-quân kiêm thủy-quân vượt biển tiến vào sông Lục-đầu. Tuyết còn nhiệm-vụ tiếp-ứng tại miền Đông ; Lộc đón đường chận giặc tại Lạng-sơn, Bắc-Giang ở hai vùng Phượng-Nhỡn và Yên-thế.

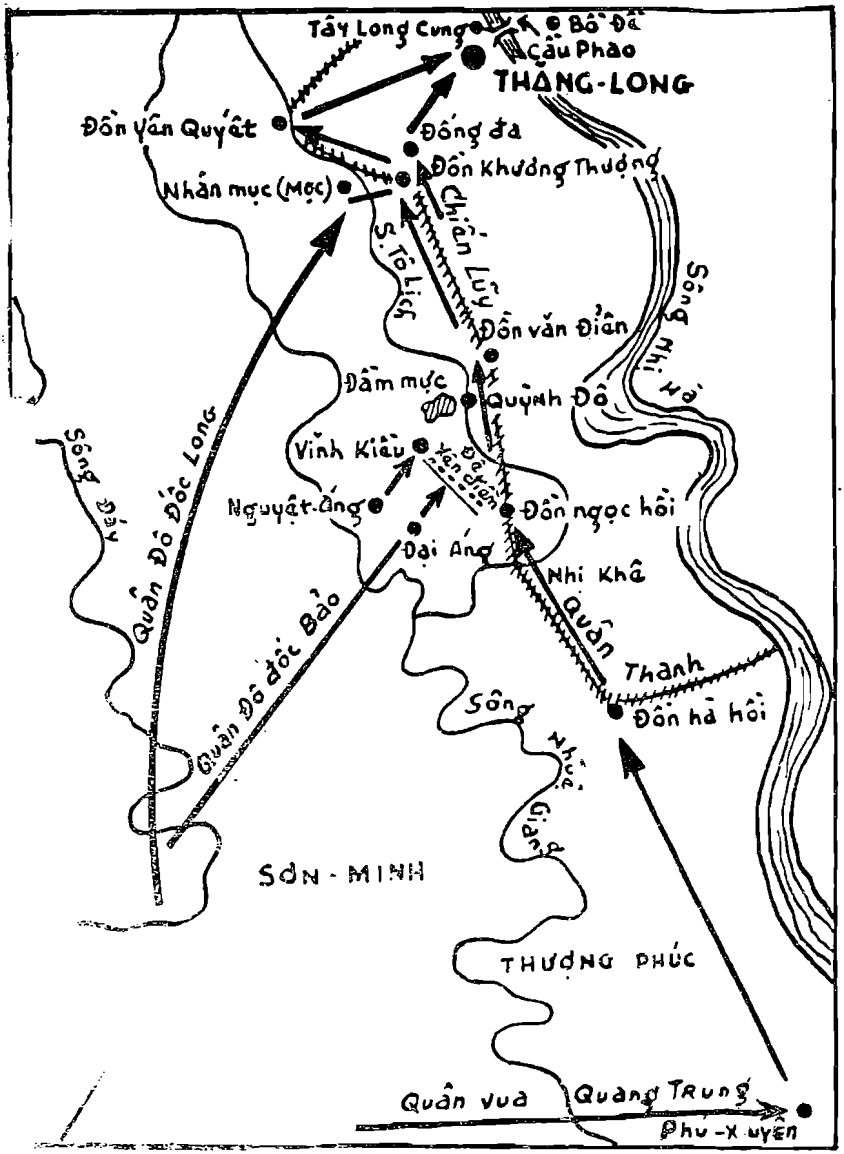
— Đại Đô-đốc Bảo và Đô-đốc Long lĩnh hữu-quân đánh vào các căn-cứ của giặc tại huyện Chương-Đức, tiến ra làng Nhân-Mục rồi đến Khương-Thượng diệt quân của Sầm nghi-Đống đang đóng tại khu chùa Bộc cạnh Đống-Đa (các căn-cứ này đều thuộc tỉnh Hà-Đông và sát thành Thăng-Long trên dưới 10 cây số) Đội tượng-binh sẽ hoạt-động từ Sơn-Minh (Ứng-Hòa, Hà-Đông) ra làng Đại-Áng (Thanh-Trì, Hà-Đông) tiếp ứng cho hữu-quân.

Ngày 30 tết, quân Tây-Sơn vượt qua bến đò Giáp-Khuất. Tướng nhà Lê, trấn giữ Sơn-Nam (Nam-Định) là Hoàng phùng-Nghĩa hoảng sợ chạy về sông Nguyệt-quyết thuộc huyện Thanh-Liêm tỉnh Hà-Nam. Bọn thám-tử của nhà Thanh cũng bỏ vía lần nốt chạy đến Phú-Xuyên (Hà-Đông) thì bị bắt hết. Giặc mất liên-lạc nên không biết chiến-cuộc đã xảy ra bất lợi cho chúng tại miền Nam trung-châu xứ Bắc thuở đó.

Mồng 3 tháng giêng năm Kỷ-dậu (1789) !

Nửa đêm giặc Thanh đang ngủ kỹ trong đồn Hà-Hồi, tiếng loa, tiếng trống bỗng nổi lên, tiếng gào thét thay đổi nhiều giọng như của thiên binh vạn mã đã ập tới, gây nên một cuộc khủng-khiếp như trời sắp long, đất sắp lở. Quân Thanh không còn hồn vía liền kéo ngay cờ hàng. Quân của Vương ở đây không tốn một mũi tên, một hòn đạn, đàng-hoàng vào tiếp-thu quân-nhu và khí giới của giặc.

Ngày mồng 5 !



Bản đồ chiến-sự diệt Thanh số 2

Đầu trống canh năm, vua Quang-Trung cho thu quân-lương vào một khu rồi truyền đốt sạch. Ngài quấn chiếc khăn vàng ở cổ tỏ lòng quyết-tử với giặc, rồi xắn áo cưỡi voi thúc quân xung phong vào phá đồn Ngọc-Hồi ; đi trước Ngài là đạo tượng binh hơn một trăm con. Đạo tượng-binh này có hiệu-lực như một đoàn thiết-giáp-xa, phá đồn trại rất mạnh. Quân Thanh ứng-chiến bằng kỵ-binh, nhưng ngựa gặp voi hoảng sợ, rống lên rồi chạy nhảy tán loạn. Địch bị tan vỡ ngay hàng ngũ, vội vã rút vào trong, cố giữ. Lũy của giặc có cắm chông sắt tua-tủa. Đạn của giặc trong đồn bắn ra như mưa. Quân ta vẫn tiến một cách cảm-tử. Để tránh tên đạn quân ta lấy 60 tấm ván gỗ, cứ 3 tấm xếp lại thành một bó, ngoài phủ rơm nhào với bùn, rồi 10 người khiêng một bó đi trước lưng đeo đoản đao. Theo sau 20 khinh-binh tiến thành hàng chữ nhất.

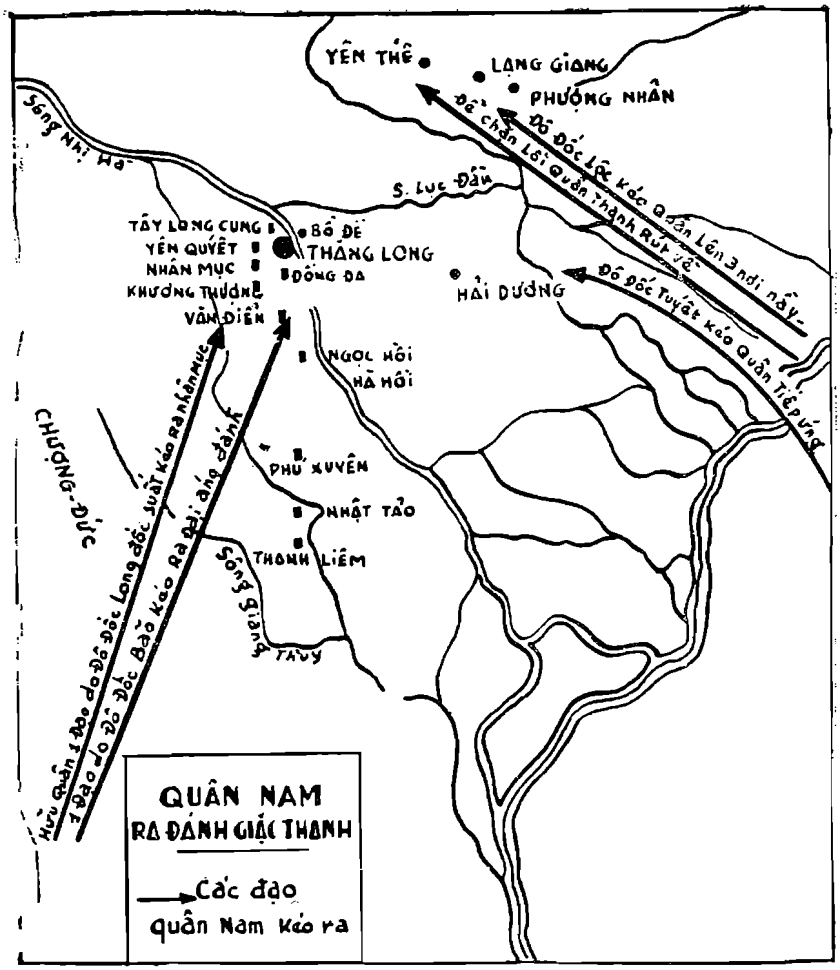
Trời tối mịt, không trăng, không sao. Quân Thanh đốt thuốc súng khói mù-mịt bốc ra do gió Bắc thổi tới, quân ta mờ mắt, thế-trận gần như ngừng lại rồi lát sau trời quay gió nồm khói lại tạt trở lại phía địch. Đám quân có ván rơm liền lăn xả vào tiền tuyến, quăng ván xuống đè lên chông, bọn có đoản-đao ùa theo, lướt qua làn đạn, phá cửa lũy tràn vào đồn như nước lũ.

Tại đây hai quân đánh giáp lá cà. Lớp này ngã, lớp kia lại xông tới. Sắt thép va vào nhau vang lên những tiếng lanh-lảnh, như gào thét ghê hồn. Thân người đổ xuống như ngả rạ. Mùi thịt cháy khét lẫn với mùi thuốc súng và máu tanh nồng, lộn mửa. Lửa đỏ rực góc trời. Người ngựa chỉ là những bóng đen nhào lộn, lăn xả vào nhau vung gươm giáo đâm nhau tới-tấp như diễn một cảnh loạn-xạ trong âm-ti, địa-ngục. Súng nổ rền động cả không-gian trong đêm dầy đặc. Muôn nghìn tiếng hò hét, tiếng kêu khóc chen nhau giữa tiếng trống, tiếng loa, tiếng thanh la gây nên một không-khí đầy khủng-khiếp đè nặng xuống chiến trường. Cuộc chém giết mỗi lúc một thêm ác-liệt man-rợ, cuồng-nhiệt. Quân Thanh chịu không nổi cắm đầu, cắm cổ chạy. Chính họ lại rơi vào các máy ngầm hay các nơi có rắc chông do họ đặt sẵn từ trước. Địa-lôi nổ ầm làm chúng tan ra như xác pháo. Đồn Ngọc - Hồi thất-thủ.

Rồi đoàn quân chiến thắng của ta hò reo tiến thẳng về phía Thăng-Long hạ thêm được hai tiền-đồn của giặc ở đây, là đồn Văn-Điển và Yên-Quyết. Giặc tổn-thất quá nửa phần quân-số, tai hại nhiều nhất là về các tướng-lãnh : Đề-đốc Hứa thế-Hanh, tiên-phong Trương triều-Long, Tả-dực Thượng duy-Thăng v. v... bỏ mạng ngay tại chiến-địa. Cùng lúc này là lúc quân Tây-Sơn đang thắng ào-ạt, một đạo quân do Đô-đốc Long cầm đầu theo kế-hoạch, đã tiến đến Khương-Thượng, vây kín đồn binh của Sầm nghi-Đống. Quân Bắc cố cầm cự, nhưng khi kiệt sức đến nơi vẫn không được tiếp-ứng người và đạn-dược. Chủ-tướng họ Sầm không chịu hàng, trốn ra một cái gò, thắt cổ tự-vẫn trên một cành đa, (gò này gọi là gò Đống Đa).

Cuộc chiến-đấu đã kéo dài được suốt một đêm, tới sáng thì dứt. Tàn binh của giặc chạy tản-mác khắp nơi. Vua Quang-Trung đã liệu trước, đặt sẵn quân từ Thanh-Trì sang Hà-Đông chỗ thì đón đánh, chỗ làm nghi-binh, khiến từ làng Đại-Áng sang đến làng Quỳnh-Đô hàng vạn quân Thanh bị bị chết vì voi giày đạp hay bị phục-kích. Khoảng giờ Thân (4 giờ chiều) mồng 5 tết, vua Quang-Trung cùng đại quân và 80 thớt voi ung-dung tiến vào Kinh-đô nhà Lê như lời hẹn từ 20 tháng chạp. Chiếc áo bào đỏ của người anh-hùng dân tộc qua nhiều trận huyết-chiến đã đổi ra màu đen cháy vì hơi khói của thuốc súng.

Ngày hôm trước (mồng 4) Tôn sĩ-Nghị được tin báo cấp tốc rằng các đồn Hà-Hồi, Ngọc-Hồi bị phá, đã cho Thang hùng-Nghiệp đi cứu, thì sáng sớm đã thấy phía Tây-Bắc chìm trong khói lửa, súng nổ không ngớt. Kỵ-binh đi dọ thám về cho hay đồn Điền-Châu cũng đã bị hạ, quân Nam đang ầm-ầm kéo vào các cửa ô. Nghị mất tinh-thần không kịp đóng yên ngựa cùng vài thân binh vượt cầu phao trên sông Nhị-Hà chạy sang Bắc-Ninh. Quân-đội các doanh cũng chạy theo chủ-tướng, xô đẩy nhau không còn chút gì là trật-tự. Cầu phao bị đè nặng, chịu không nổi rồi hàng vạn con người bị hắt xuống lòng sông, làm tắc cả giòng nước. Tiếng rên than, kêu khóc vang cả một góc trời. Nghị chạy đến Phượng-Nhỡn nghe nói Tây-Sơn từ mặt Đông sắp tới chẹn đánh,



Bản đồ chiến-sự diệt Thanh số 3
(vẽ theo bản đồ của Hoa-Bằng)

sợ quá. Mấy kẻ thủ-túc vất cả sắc-thư, cờ hiệu, bài-lệnh, ấn-tín cho dễ thoát thân. Hai đạo quân của Vân-Nam, Quí-Châu vừa sang tới Sơn-Tây nghe Nghị đại bại cũng vội rút lui nốt.

Thế là chỉ trong 7 ngày chiến đấu ào-ạt, vua Quang-Trung đã tiêu-diệt được hai trăm nghìn quân Thanh mau như chớp nhoáng. Đây là một vũ-công oanh-liệt đáng xếp vào bậc nhất trong các vũ-công lớn lao của các danh tướng cổ kim ta.

Nhưng quân ta còn bắt được một tài-liệu vô cùng quí-giá do Tôn Sĩ-Nghị quẳng bỏ hay đánh rơi trong lúc hốt-hoảng trên con đường gần Phương-Nhỡn. Đó là một sắc-thư bí-mật của vua Kiền-Long gửi cho họ Tôn có những chỉ-thị đầy dã-tâm đế-quốc :

« Nghe lời khanh Trẫm đã cho binh ra khỏi ải, nhưng đừng nên vội-vã, hãy truyền hịch ra oai, thả dám Lê-thần về trước chiêu-tập binh-sĩ phù Tự-Tôn rồi để họ chống nhau với Nguyễn-Huệ. Ta đợi họ thắng hay bại rồi định kế-hoạch.

« Nếu dân nước Nam còn nhiệt-liệt phù Lê, hết lòng chiến đấu tất Nguyễn-Huệ phải thua. Tự-tôn có cơ thắng đuổi theo Nguyễn-Huệ thì ta tiến binh tiếp-ứng ắt sẽ thành công mà ít hao tổn.

« Nếu người trong nước chỉ có nửa phần giúp Tự-Tôn thì Huệ vẫn còn thế vững, khanh sẽ viết thơ dụ-dỗ xem sao.

« Thủy quân của ta đã từ Mân, Quảng (1) kéo ra khơi thì cứ tấn-công Thuận, Ngãi rồi cho lục quân tiến lên ép Huệ vào giữa khiến trước sau đều bị đánh phải hàng-phục.

« Được như vậy ta sẽ chia Thuận, Quảng cho Huệ về phía Nam ; Hoan, Ái đồ ra Bắc cắt đứt cho Lê Tự-tôn. Ta đóng đại-binh ở giữa quản-trị cả đôi bên, đây là chước thứ hai trong khi chờ đợi biện pháp thích-ứng hơn nữa...»

---

(1) — Mân, Quảng là Phúc-Kiến và hai tỉnh Quảng-Đông, Quảng-Tây. Tỉnh Phúc-Kiến vì ở sát bờ biển nên có nhiều người giỏi bơi lội thường được tuyển vào thủy quân của mọi triều-đại.

CUỘC GIAO-THIỆP CỦA TÂY-SƠN VỚI THANH-ĐÌNH

Tin Tôn sĩ-Nghị và hai chục vạn quân Thanh đại bại ở Thăng-Long bay về đến Bắc-triều làm cho vua Kiền-Long và các đình-thần như điên, như dại. Lập tức họ Tôn bị gọi về Kinh để xét tội, đồng thời có việc cử ngay Phúc khang-An làm Tổng-đốc lưỡng Quảng để xuất 50 vạn quân 9 tỉnh định ngày tiến xuống miền Nam. Khang-An trước cuộc vong bại của Tôn sĩ-Nghị và cuộc thắng trận rất oai-hùng của Nguyễn-Huệ không còn bụng dạ nào chủ-trương tiếp-tục chiến-tranh, nhưng trước khi đề nghị bãi bỏ cuộc binh đao Thanh-Việt, y liền phong-văn hùng-khí của Nạm quân và tài dùng binh thần-vũ của vua Quang-Trung để lung-lạc triều-đình. Còn dân chúng Trung-Quốc ở hai tỉnh Quảng-Đông và Quản-Tây tưởng quân Tây-Sơn sẽ tràn qua biên-giới, già trẻ lớn bé bồng bế nhau chạy đi lánh nạn tới vài trăm dặm. Cùng một tâm-lý như Khang-An, Tả-giang binh-bị đạo Thang hùng-Nghiệp được lời thư giảng hòa của vua Quang-Trung có câu: « *Bộc tòng vô xâm biên phạm cảnh dĩ đắc tội vu thượng quốc* » (1) liền mật khuyến-dụ Tây-Sơn nên nhân dịp này vận động để thay thế họ Lê. Nghiệp sẽ là người ngầm giúp đỡ.

Lần theo từng điểm trong mật-thư của Thang hùng-Nghiệp, vua Quang-Trung cho Ngô thì-Nhậm thảo tờ biểu và cử Phó Đô-đốc Hô hổ-Hầu đem sang Thanh-triều với hai sứ-giả nữa là Nguyễn hữu-Chỉnh và Vũ huy-Phác, sứ-đoàn đến gặp họ Thang đưa ra tờ biểu của vua Quang-Trung đại-khái như sau :

«.... Tôi là Nguyễn Quang-Bình, ở khuất nẻo bên An-Nam, bấy lâu vẫn được tắm gội trong thanh giáo.

Nguyên từ hai trăm năm tới nay, Quốc-Vương họ Lê tôi

---

(1) « Tôi không hề có ý xâm-phạm biên-giới để mang tội với thượng-quốc ».

mất quyền, việc nước vẫn do bầy tôi là họ Trịnh cầm nắm. Kịp đến Tiên-vương Lê Duy-Chuyên (tức vua Hiển-Tông nhà Lê) tuổi già, tiền phụ-chính Trịnh-Đống mờ tối, biếng nhác : binh kiêu, dân oán, việc nước rã rời !

Tôi vốn là kẻ mặc áo vải ở Tây-Sơn, nhân thời-thế rối rem mà nổi lên. Mùa Hạ năm Bính-ngọ (1786), cất quân ra dẹp họ Trịnh, trả lại nước cho nhà Lê.

Năm ấy (Bính-ngọ 1786) tiền Lê vương tạ-thế (1), tôi lại phò lập Tự-tôn là Duy-Kỳ (Chiêu-Thống) lên nối ngôi. Duy-Kỳ là người dâm bạo, không lo chính-sự nước nhà : trong thì kỷ-cương nát bét ở Triều-đình, ngoài thì gây hiềm-khích với biên-giới. Lại còn hãm hại kẻ trung-lương, giết chết người đồng-tông là khác nữa ! Thần dân trong nước chạy đến kể lể với tôi, nài xin đem binh ra trừ kẻ loạn.

Tôi nghĩ : nước này là nước đã được Thiên-triều phong cho, lẽ đâu dám tự-tiện làm việc phế-truất ?

Mùa Đông năm Đinh-mùi (1787), tôi sai một viên tiểu tướng đem quân ra hỏi tội những kẻ ở bên tả hữu giúp Kiệt làm xằng thì Duy-Kỳ lại sợ bóng sợ gió, đương đêm chạy trốn, tự chác lấy cái lo vào mình !

Mùa Hạ năm Mậu-thân (1788), tôi tiến đến đô-thành nhà Lê, lại giao cho Duy-Cẩn, con tiền Lê-vương giữ lấy nước, coi việc thờ tự. Tôi từng sai sứ-giả sang gõ cửa ải, hòng đem hết nội-tình trong nước mà trình bày.

Nhưng mẹ Duy-Kỳ đã sang Đầu-áo ải (có sách viết là « Khả-lưu ải ») trước kể lể xót xa với Tổn sĩ-Nghị, tổng-đốc Lưỡng-Quảng, rồi lăn lưng cầu cứu.

Sĩ-Nghị là kẻ đại thần ở biên cương, đáng lẽ phải xét kỹ cặn-do, dò tìm cái cớ tại sao Duy-Kỳ lại trốn bỏ nước và tại sao tôi phải vào nước, rồi tâu cùng Đại hoàng-đế, đợi ngài phân xử để dẹp mối loạn.

---

(1) — Vua Lê Hiển-Tông (1740-1786) mất ngày 17 tháng 7 năm Bính-ngọ 1786.

Trái lại, vì ham tài sắc, chỉ nghe lời đàn bà (chỉ mẹ vua Chiêu-Thống), Nghị xé biểu chương của tôi, ném xuống đất, làm nhục sứ-giả, xua đuổi về. Ý hắn muốn khua dân dấy binh, tấn công gây chuyện !

Mùa Đông năm Mậu-thân (1788), Nghị điều-bát, huy động nhiều quân kéo ra khỏi cửa ải, mượn tiếng khôi-phục nhà Lê, truyền hịch đi khắp trong nước đổ tội cho tôi ! Hắn chực đánh Quảng-Nam, đào cây đánh rễ, để trừ mối lo sau cho Duy-Kỳ,

Tôi ở hẻo lánh tận tít chân trời, đường sá xa xôi, núi sông cách trở, chẳng hay việc đó có hẳn do ý Hoàng-đế sai làm hay do Tôn sĩ-Nghị vì một người đàn bà (mẹ vua Chiêu-Thống) xui khiến, rồi mong kiếu hãnh lập công ở biên-thùy để hòng kiếm lợi lớn ?

Hay tin có binh mã Thượng-quốc ra khỏi cửa ải, tôi nghĩ : tấc lòng «sợ mạng Trời, phục nước lớn» của mình bấy nay đã bị kẻ khôn-thần ngăn trở mà cái cớ Duy-Kỳ trốn bỏ nước kia lại bị che lấp không thông đạt lên được, sau này mối binh tranh bùng ra thì tai vạ không phải là ít !

Ngô hồng-Chấn, viên tiểu-tướng của tôi, bấy giờ đang đóng ở Lê-thành. Tôi sai nhóm hỏi ý-kiến họ hàng Lê-vương, văn võ, thần-liêu và kỳ-lão cùng hào-mục trong nước, thì muốn miệng một lời, ai cũng theo về với tôi.

... Bản tâm tôi không phải tham đất đai và nhân dân của nhà Lê đâu, song vì lòng dân ép buộc, tôi muốn từ chối cũng không sao được.

Vì thế, tôi phải sai viên gia-tướng là Trần danh-Bình cùng tám người sứ-thần đem ba đạo bẩm-văn của Duy-Cận, con tiền Vương, và của quần-thần cùng dân chúng, đến gõ cửa tướng-doanh, khẩn khoản nài xin Tôn sĩ-Nghị hãy cứ đóng quân ở nơi quan ải, tra rõ nội-tình trước đây đã.

Cùng một lúc ấy, tôi lại sai thả trả bọn tuần-dương binh Hắc Thiệu-Tông bốn mươi người mà Ngô hồng-Chấn (tướng Tây-Sơn) đã bắt được. Thế là tôi vẫn chăm chăm tỏ ý cung thuận, chứ có dám công-nhiên chống-cự đâu.

Vậy mà Tôn sĩ-Nghị riêng nghe lời ton-hót, đặt-để của mẹ Duy-Kỳ, xoay hại Trần danh-Bình, giết bọn tuần-dương binh (1), giam-cầm sứ-giả, lùa quân vượt sông Nhị-Hà (2), thẳng tới Lê thành (Thăng-Long). Tướng tá của tôi phải rút quân về Nam.

Tôn sĩ-Nghị được thể, tàn sát dữ quá ! Hắn lại ra lệnh cho các quan nhà Lê lùng những tướng sĩ của tôi ẩn náu ở các thôn trại để bắt đem nộp. Ngày nào hắn cũng giết đến ba, bốn chục người ! Chưa dồn lại có tới hàng nghìn mạng !

Duy-Kỳ nhân dịp tốt ấy, tha hồ chém giết những chức-viên sắc-mục (3) đã theo tôi. Đến đỗi va phanh mổ cả những đàn bà có mang, không để sót giống lại ! Cái ngón thâm độc ấy còn gì quá-quắt hơn nữa ?

Ôi, kể ra nhân-dân ở nơi góc biển này, ai chẳng là con đỏ của triều-đình, Đại Hoàng-đế là bực « cứu quá hóa thành », há lại ưa viển vông, ham công lợi, hoặc gây sự ngoài biên-cương, khiến hạng dân vô tội phải sa vào vòng tên đạn ?

Thế mà Sĩ-Nghị không biết lựa theo đức-ý bề trên, lại đi giết người như ngóe, chẳng những riêng muốn cam tâm một mạng tôi, lại còn chực bắt giết cho kỳ tuyệt vây cánh của tôi nữa ! Hắn rao toạc lên tờ hịch, cốt dồn người ta vào chỗ chết mới nghe.

Ôi, cứ kể nhân, sĩ, giáp binh ở một giải bờ biển này sánh với Trung-quốc; không được một phần muôn. Nhưng lạch sâu trước, cọp dữ ở sau, lòng người sợ chết, tất ai cũng phải cố-gắng hăng-hái.

Tôi không tránh cái tiếng « ném chuột vỡ đồ », bèn đem năm ba tên trai tráng trong làng trẩy ra.

---

(1) Bọn lính tuần-dương này là người của nhà Thanh. Chẳng hay khi vua Quang-Trung đã tha, giao trả Tôn Sĩ-Nghị rồi, tại sao Nghị lại giết chết đi ? Có lẽ vì Nghị muốn gây sự với nước ta, nên mới làm việc khiêu-khích ấy để gieo ác-cảm giữa vua Kiền-Long và vua Quang-Trung chăng ?

(2) Nguyên văn chép là sông Phú-lương.

(3) Nguyên văn là « viên mục »

Mồng năm tháng giêng năm nay (Kỷ-dậu 1789) tôi tiến đến Lê-thành, những mong Tôn sĩ-Nghị nghĩ lại, họa may có thể đem ngọc lụa thay đồ can qua, xoay bình xa làm hội xiêm áo ? Tôi nhẫn nhặn xin yết-kiến, nhưng Nghị không hề trả lời.

Qua bữa sau, quân Sĩ-Nghị xông xáo đánh trước ; vừa mới giao phong đã đổ vỡ, chạy tan bốn ngả, xô đè lẫn nhau mà chết. Thây xác đầy nội, nghẽn sông ! Còn những quân chạy trốn ra các thôn-trang ngoài thành lại bị dân gian đánh giết hầu hết. Ấy vì trước đây Nghị đóng đồn quanh thành, hắn không biết ngăn cấm quân-gia để chúng hiếp gái, cướp chợ, làm cho nhân dân căm giận đến tận xương tủy !

Ngay bửa vào thành, tôi lập tức ngăn cấm trong xứ hễ thấy bại binh chạy trốn, nhân dân không được phép giết. Bọn tàn binh ấy được đưa đến đô-thành còn hơn 800 người tất cả. Tôi đã sai lấy lương thực trong kho mà ban phát cho.

Trộm nghĩ : Binh đao vẫn là việc bất-đắc dĩ của thánh nhân. Đại Hoàng-đế thâm nghiêm ngự nơi cửu trùng. Những truyện cương trường, Tôn sĩ-Nghị không hề tâu rõ từng việc một ! Hắn che lấp tai mắt nhà vua đến nỗi làm cho sự thế rối-ren đến thế.

Châu-chấu đá xe, tôi thật không dám. Song, cửa vua xa cách muôn dặm, hễ tôi nhúc-nhích làm gì liền bị kẻ khôn-thần hiếp đáp. Không sao nhịn nổi, nên hình tích mới dường như chống cự.

Thiết nghĩ : nước tôi từ Đinh, Lê, Lý, Trần trở đi, thế-đại đổi thay, chẳng phải chỉ là một họ. Hễ ai có thể làm rào-giậu ở phương Nam thì Thiên-triều, lượng rộng như biển, thường vẫn làm ngơ lỗi nhỏ, lựa theo đạo trời, cốt giữ lòng rất công bình, rất nhân từ, mà vun xới cho cái cây đã mọc, mặc dầu có những chuyện như bọn Ô mã-Nhi và Hoàng-Phúc đã làm bất lợi cho nước nhỏ này.

Nay lòng trời đã chán nhà Lê, con cháu họ Lê đốn kém, hèn yếu, không được lòng dân theo về.

Tôn sĩ-Nghị, vì cớ nông nổi, không thấu suốt sự tình và lý-do, nên mới chực gây-dựng lại cho họ Lê ấy. Hắn gây mối

binh-tranh, khiến cho sinh-linh phải cay đắng, khốn khổ! Hắn lừa dối bề trên, tàn ngược kẻ dưới đến thế là cùng.

Tôi đóng quân ở Thành Long-Biên (Thăng-Long) nghển cổ ngóng trông về cửa trời... Gọi có tờ biểu tạ tội và trần tình này nhờ quan Quảng-Tây phân tuần Tả-giang binh-bị đạo (chỉ Thang hùng-Nghiệp) chuyển tâu bày giúp.

Nép nghĩ : Đại Hoàng-đế là bậc theo ý trời, ban trị hòa, làm cành khô lại xanh tươi, cây kiệt lại nảy nở. Xin Ngài lựa theo tự nhiên, thứ cho cái tội đón đánh Sĩ-Nghị và xét cho tấc thành mấy phen đã gõ cửa ải, dâng lời tâu bày. Xin Ngài lập kẻ tư-mục để chăn dân, dựng nước phên giậu để vững thế, ban ơn mệnh mới cho tôi làm An-Nam quốc vương, đứng làm phiên bình một phương, kính giữ các chức phiên-mục, khiến cho bản-quốc có người cầm đầu cai quản.

Tôi xin kính cẩn sai sứ sang cửa cung khuyết, xưng phiên, sửa lễ cống (1). Lại sẽ xin đem sổ người (tù binh) hiện còn của nhà vua mà dâng nộp để tỏ tấc dạ rất thật này »

(Tài-liệu này trích trong cuốn « Quang-Trung Nguyễn-Huệ» của Hoa-Bằng).

Vua Quang-Trung lại gửi tặng vua Thanh 10 dật vàng, 20 dật bạc (2) và cho Thang hùng-Nghiệp 100 lạng bạc kèm một bức thư riêng với những lời lẽ không kém phần ngạo-nghễ, khiêu khích tuy cũng có những câu nhún-nhường, cung thuận. Nhưng đọc từng giòng, xét từng ý thì ai cũng có thể nhận rằng sự nhún-nhường, cung-thuận chỉ là bề ngoài mà thôi. Bởi trước việc đánh Tôn sĩ-Nghị cùng 200.000 binh bốn tỉnh miền Nam Trung-quốc, vua Quang-Trung đã chẳng tỏ ra hết sức nhũn nhặn đó sao ? Rồi đến lúc đọ gươm thử sức thì Nam-quân đã đi trước. Nay các võ-sĩ đã lên khán-đài, sở-trường, sở-đoản của nhau đã

(1) — Chuyến cống này có các đồ phương-vật là 10 dật vàng 20 dật bạc.

(2) — Mỗi dật là 24 lạng Tàu, đơn-vị cân lường xưa.

biết, phần thắng lại chẳng về Bắc-phương, thái-độ của người Nam rõ-rệt không phải chỉ là dám hăm-dọa xuông mà thôi.

Nay xin lưu-ý bạn đọc thái-độ nhìn thẳng mặt kẻ thù, vung tay nói chuyện của Quang-Trung với đại-diện Thanh-đình qua bức thư mà vua Quang-Trung gửi cho Thang hùng-Nghiệp:

«..... Ôi quân lính cốt hòa-thuận không cốt đông, cốt tinh nhuệ không cốt nhiều. Người khéo thắng là thắng ở chỗ rất mềm dẻo, chứ không phải lấy mạnh đè yếu, nhiều hiếp ít. Vì bằng chút tình trước đây không được bày tỏ, Thiên-triều không chịu khoan-dung một chút, cứ muốn động binh để tranh chiến, thế là làm cho nước nhỏ không được phục sự nước lớn thì bấy giờ Đại quốc (chỉ nhà Thanh) có dạy bảo gì, tôi cũng chỉ xin theo ý thôi (ý nói có muốn đánh nhau thì ta sẽ đánh cho mà coi).

Nay có một tờ hịch của Tôn sĩ-Nghị trong nói toàn là những lời lăng loàn, chọn tức, gây hấn, xin đình trình một thể...»

Đọc lời thư trên đây Thang hùng-Nghiệp rụng rời, đổ dốt nói với sứ-giả : « Bây giờ hai nước không còn tính chuyện giao tranh nữa mà sao lại có những giọng đầy khiêu-khích như vậy ? Muốn cầu-phong thì phải chủ-trương ôn-hòa chứ ? »

Rồi Thang hùng-Nghiệp dấu bức thư của vua Quang-Trung để được êm-thắm cho cả hai bên mà về phần y cũng muốn hòa-bình giữa hai quốc-gia để khỏi lo lắng vấn-đề trách-nhiệm của kẻ biên-thần Nói cách khác y không muốn đến lượt y phải chịu cái nhục như Tôn sĩ-Nghị.

Có điểm ta phải thắc mắc là khi chưa có cuộc chiến-tranh Việt — Thanh lúc còn ngồi thảo-luận ở núi Tam-Điệp, vua Quang-Trung đã bàn rằng sau này thắng trận thì Ngô thì-Nhậm giỏi từ-lệnh nên liệu lời ngoại-giao khéo-léo để vuốt giận vua tôi nhà Thanh, nay vào việc thì nhà vua lại có ý cương-cường, ngạo nghễ là thế nào ?

Phải chăng vua tôi nhà Tây-Sơn sau cuộc chiến thắng vô cùng oanh-liệt vừa qua đã biết binh tướng nhà Thanh mất mật,

bay hồn rồi thì thả ra những lời khiêu-khích, hờn giận cho họ biết khí hào-hùng của con người phương Nam, chưa chắc họ dám tái-diễn cuộc xung đột ? Hoặc giả họ có tình ý gì bất-thường, ta xoa dịu vẫn có thể xong. Rồi đây trong nhiều cuộc giao-thiệp khác vua Quang-Trung bắt thóp cái tâm-lý kiêng nể của Bắc-triều cứ luôn luôn bày trò « chơi trèo » mà Thanh-đình vẫn cứ bóp bụng khứng chịu.

Quả vậy, cuộc bang giao Việt — Thanh từ đây đã ghi nên nhiều trang kỳ-thú cho ta kết-luận rằng chỉ có sức mạnh mới giữ vẹn được thể-diện cho cá-nhân cũng như cho quốc-gia, và việc bang giao tốt đẹp nhiều hay ít cũng theo tỉ-lệ của sức mạnh giữa hai dân-tộc.

Rồi kết-quả trên thực-tế là 50 vạn binh mà Thanh-triều đã cho lệnh động-viên ở 9 tỉnh miền Hoa-Nam được bãi bỏ cũng như cái cờ « *Đề-đốc cửu tỉnh binh-mã* » của Phúc khang-An chỉ để hư trương thanh-thế nhất thời mà thôi, nay cũng cho ngã nốt.

Người Thanh thấy giải-pháp hòa-bình vẫn hay hơn cả, một là vì Khang-An vận động riêng với các thần Hòa-thân (tay chân của vua Kiền-Long cùng giống Mãn) để vua Thanh thấy rõ việc gây sự ở biên-thùy chỉ hại người, hại của mà sự thua thiệt với dân Nam xét qua Lịch-sử Hán-Việt chẳng phải lần này là lần đầu (Hòa-thân đã tâu rằng : « Từ xưa đến nay chưa một triều-đình Trung-Quốc nào đắc chí ở phương Nam xin nhà vua coi cái gương đó... »), hai là vì cuộc chiến-tranh đã bày rõ cái thế của quân-đội Tây-Sơn không thể coi thường như các phiên-quốc khác được.

Khang-An còn đưa ra ý-kiến nên phong vương cho Nguyễn-Huệ, vì con cháu nhà Lê không còn đủ tư-cách làm chủ nước Nam nữa.

Nhưng để gỡ thể diện, vua Kiền-Long buộc vua Quang-Trung phải lập cho Đề-trấn Hứa thế-Hanh một đền thờ, để Xuân-Thu trí-tế viên tướng tử trận ấy. Ngoài ra vua Quang-Trung sang năm nhân dịp Bát tuần khánh-thọ của vua Kiền-Long phải

thân sang triều-cận. Còn mọi việc mong muốn của vua Quang-Trung đều được chấp thuận hết.

Về phần vua Quang-Trung sau khi giải quyết xong vấn-đề Bắc-hà cũng lên đường về Nam, trao lại mọi việc cho các vũ-tướng và văn-thần là Ngô văn-Sở, Phan văn-Lân, Ngô thì-Nhậm và Phan huy-Ích.

Núi Nùng, sông Nhị đồng nổi lên tiếng hoan ca tiễn người anh hùng dân-tộc trở về Thuận-Hóa.

CHƯƠNG III

SỰ-NGHIỆP CỦA NHÀ TÂY-SƠN

VIỆC ĐỐI NGOẠI.

XÉT cái hùng-oai của nhà Tây-Sơn ngoài việc đánh đuổi 20 vạn quân của Tôn sĩ-Nghị vào năm Kỷ-dậu 1789, cũng nên nhắc trước đó, vào năm Mậu-tuất 1778, Nguyễn-Ánh khi cùng đường chạy vào Gia-Định đã cho Cai-cơ là Lưu phúc-Trưng sang Tiêm-La tu-hiếu và tìm cách liên-lạc với Mạc thiên-Tứ cựu trấn-thủ Hà-Tiên bị đánh bạt từ ngày quân Tây-Sơn mang đại binh vào miền Nam, năm lần dằng co nhau thành Sài-Côn.

Năm Giáp-Thìn (1784) quân Tiêm-La đến cứu viện với 2 vạn thủy-quân và 300 chiến thuyền do hai tướng Chiêu-Tăng, Chiêu-Sương lĩnh đạo. Trên đây chúng tôi đã nói đến việc này và quân Tiêm đã thất bại nặng-nề tại Mỹ-Tho đến nỗi chỉ còn vài ngàn tàn binh ôm đầu chạy về nước.

Ngày 11 tháng 7 năm Canh-Tuất (1790) khi giả-vương còn có mặt trên đất Thanh, tướng Tây-Sơn là Phạm quang-Chương đi tuần biển đã gặp chiến thuyền của bọn Trần triều-Cầu là thuyền hộ ở huyện Tuy-Khê tỉnh Quảng-Đông bị bọn hải-tặc bóc lột. Chương đánh giết được bọn giặc, thu lại được chiến thuyền cho Triều-Cầu. Vua Kiền-Long khi đó đang tiếp Giả-vương ở Bắc-Kinh nghe tin ấy lấy làm bằng lòng lắm gửi ngay hai tấm đoạn lớn

để giả-vương đem về tặng thưởng cho Phạm quang-Chương. Vua Kiền-Long còn ân-cần yêu-cầu Quốc-vương bảo-vệ an-ninh cho miền Việt-Đông là nơi giáp Nam-Hải hay có giặc, cướp Tàu chạy lẫn trốn sang bên địa-phận nước Nam. Nếu bọn này chống cự thì các đồn-tướng và trấn-mục của Việt-Nam cứ thẳng tay trừng trị.

Sau này Ngô văn-Sở làm Thủy-quân Đô-đốc đã hội binh với quân Thanh tiễu trừ được 20 tên giặc khách, bắt sống được hai tên trao cho Đề-sảnh là Cơ-quan tư-pháp của nhà Thanh làm tội. Việc này cũng được vua Kiền-Long biết đến và nhà vua cho Phúc khang-An đem nhiễu, chè tàu, ngân bài đáp ơn đám tướng-lĩnh của ta.

Với hai xứ láng giềng miền Tây biên-cảnh nước ta là Ai-Lao và Diến-Điện từ đời Lý Thánh-Tông (1054-1072) lúc thì có sự giao hiếu (tiến cống) lúc thì đứt đoạn, có khi quân Ai-Lao còn sang xâm-phạm đất Việt-Nam ; thời Minh thuộc, Ai-Lao có phen ủng-hộ Bình-Định Vương Lê-Lợi, có phen lại giáo giở vào hùa với quân Minh đánh úp quân ta. Tới năm thứ 9 đời chúa Hi-Tông (Nguyễn), Ai-Lao và các bộ-lạc phía Tây-Bắc xưng phiên và chịu tiến cống.

Năm Tân-hợi (1791) quốc-vương Ai-Lao là Chiêu-Ấn nhân chánh tình Việt-Nam biến-chuyển (Nguyễn mạt) đả lơ-lảng với chánh-quyền Tây-Sơn. Vua Quang-Trung liền sai Đốc-trấn Trần quang-Diệu làm Đại Tư-Lệ đem hơn 10 ngàn binh sang đánh. Quân Ai-Lao đại bại. Diệu vào thành thu được nhiều của báu, voi, ngựa rồi chia quân chiếm đóng nước Vạn-tượng (Ai-Lao được gọi là Vạn-Tượng từ cuối đời Lê).

Sau Quốc-vương bản-xứ phải xin thông-sứ, và Diến-Điện cũng chịu giáo-hiếu (Theo « *Đại-Nam chính-biên liệt-truyện sơ-tập* », quyển 33 tờ 2a)

VÀI GIAI-THOẠI KỲ-THÚ TRONG VIỆC GIAO-NGOẠI VIỆT-THANH

Xét việc bang-giao của ta với các triều-đình Trung-Hoa từ bốn ngàn năm trở về đây, nhà Tây-Sơn đã thâu-đoạt được nhiều

vinh-dự nhất, nghĩa là người Tàu đã ưu-đãi nhà Tây-Sơn một cách đặc-biệt nếu so với các phiên-bang khác thuộc ảnh-hưởng chánh-trị của Trung-quốc thuở ấy. Xin kể vài tỉ-dụ :

1.— *VỀ VIỆC CẦU PHONG.*— Trong cuộc giao-dịch với Trung-quốc xưa nay chỉ có hai việc đánh và hòa, chớ không bao giờ nước ta có thể biệt-lập hoàn-toàn, do đó từ nhà Tiền-Lê đến nhà Trần, nhà Hậu-Lê đuổi xong quân xâm lăng ra khỏi bờ cõi là phải mở ngay cuộc hòa-hiếu, và hòa-hiếu là phải chịu phong và ba năm một lần nạp cống. Cái khổ của các nước nhỏ là ở chỗ không thể và không dám theo đuổi một cuộc trường-chiến bởi người ít của kiệm, chứ lực-lượng ngang nhau thì các phiên bang nhất là Việt-Nam chưa dễ đã chịu khuất-phục dễ dàng.

Vua Quang-Trung tuy ngang-tàng lỗi-lạc, tuy đã đánh bại quân Thanh vô-cùng vẻ-vang mà cũng phải tính hòa với nhà Thanh trong một giai-đoạn ít nhất là 10 năm. Dĩ-nhiên đã chủ-hòa thì phải theo các điều-kiện cổ-truyền. Xưa nay việc thụ-phong đều được thiết-lập ở Thăng-Long là cựu-đô của nước ta. Vua Quang-Trung đóng-đô ở Phú-Xuân (Huế) là một nơi mới ; nếu làm lễ sách phong ở đây thì là điều không hợp với điển-lễ đã có giữa hai nước. Vậy nhà vua phải ra Thăng-Long, đó là nguyên-tắc nhưng vua Qnang-Trung không muốn như vậy, Ngài liền tìm cách thoái thác.

Ngày 26 tháng 7 năm Kỷ-dậu (1789) có Chỉ-dụ của vua Kiền-Long phong Ngài làm An-Nam quốc-vương, Ngài kiếm cớ : từ Thanh-Hóa ra Bắc hay lụt vào mùa Hạ, mùa Thu mà thụ-phong ngày đó thì trên hành-trình của nhà vua ra Thăng-Long, đường sá, cầu cống phải tu bổ lại mới được e chậm trễ ngày đón sứ và làm lễ. Nhà vua đề-nghị lui ngày sách-phong vào trung-tuần tháng 9 năm ấy.

Ngày 27 tháng sau là lúc sắp đến dịp chịu lễ, Ngài lại kiếm cớ thoái-thác rằng việc lên đường ra Bắc bị ngăn trở vì lúc này có một trăm chiếc thuyền " lạ " trương cờ Thanh và có vũ-khí Thanh, hình như đang cướp phá miền duyên-hải nên Ngài phải vội-vã trở về Phú-Xuân.

Ngài ủy thân-tử là Nguyễn quang-Thùy và các thân-thần Ngô Văn-Sở, Loan hồi-Đại cùng Ngô thì-Nhậm ra Thăng-Long đón sắc.

Đến một bức thư nữa, vua Quang-Trung càng tỏ ý không muốn ra Thăng-Long. Ngài viết rằng :

« Thành Thăng-Long từ khi nhà Lê suy-mạt cũng mất hết vượng-khí, núi Tản-viên thì bị lở, sông Phú-Lương bị cát bồi, gia-dĩ sau nhiều vụ tao-loạn, thành quách cung điện bị hoang-tàn, dân cư cũng siêu tán đi gần hết. Còn thành Phú-Xuân của Cựu Nguyễn (chỉ họ Nguyễn) nay sang tay tiều phiên (vua Quang-Trung tự xưng) được vỗ trị, tuy xưa là chỗ mọi rợ mà nay cũng đã trở nên thuần lương, đông đảo. Tứ dân đến ở qui tụ, sầm-uất hơn cả các xứ khác trong nước.

Tiều phiên từ khi tiếp được hồi-thư của tượng-tướng (ông tướng coi quân đội có voi) *Phan văn-Lân và Nguyễn văn-Danh liền định ngày 28 tháng 8 ra nghinh Sắc và ngự-thị nhưng vì gần đây xông pha nắng gió nên bị cảm thương-hàn, tuy vậy cố gượng ra đi nhưng đến huyện Đông-Thành trấn Nghệ-An chứng cũ lại tăng không sao gắng-gỏi hơn được. Nay xin cử thân-tử và các thân-thần ra Thăng-Long. Khoảng mười lăm ngày nếu có khỏi sẽ xin tiếp sứ cùng vô thành Phú-Xuân để tuyên thị Sắc-thư và ngự thị, cáo thành điển lễ...»*

Thành-Lâm cầm đầu sứ-bộ Trung-quốc cho thế là **trái lệ**, không chịu vào Thuận-Hóa nên đôi bên cứ dùng-dằng mãi sau vua Quang-Trung phải kết-thúc bằng cách cho cháu là Phạm công-Trị mạo thay nhà vua nhận sắc phong. Việc giao-thiệp từ đấy được vui-vẻ, êm thấm.

2.— *VIỆC MUA NHÂN SÂM* — Sau việc giao hảo với người Thanh, vua Quang-Trung cần nhân sâm là vị thuốc bổ vô cùng quý giá chỉ riêng người Cao-Ly mới có, người Cao-Ly bán cho Tàu (cho tới bấy giờ sâm Cao-ly chưa hề được nhập-cảng vào đất Việt nên được ham chuộng bậc nhất). Nhà vua liền cho Nguyễn hoành-Khuông sang Tàu với một bức thư nói cần mua nhân sâm cho

Quốc-Thái (mẹ vua) để Quốc-Thái được mạnh khỏe cho nhà vua an lòng qua triều-cận Hoàng-đế. Khang-An xem thư vội vã kiếm ngay bốn lạng nhân sâm trao cho Thang hùng-Nghiệp cắt người ruổi ngựa đưa sang tận Lạng-Sơn nhờ chuyển giao lên vua Quang-Trung.

Cũng vẫn việc mua sâm kể trên, Tuần-phủ Tôn vĩnh-Thanh tâu lên vua Kiền-Long. Vua vội cho xuất kho Thượng-phương một cân sâm thượng hạng để gấp rút đưa sang Việt-Nam cho kịp trước ngày Quốc-vương khởi trình, dặn rằng : « Phải đặc cách cho chạy ngựa trạm, giao sâm cho Tuần-phủ Tôn vĩnh-Thanh sai người đem đến ải Nam-Quan chuyển tới viên Trấn-mục nước Nam « đệ lên Quốc-vương thụ nhận » (*Đại-thanh thực lục* quyển 1348, tờ 14).

Vua Kiền-Long trong tờ dụ khác đã nói : *« Nhân sâm không phải là của để kiếm dược, thiên-triều ban cho Quốc-vương như vậy, thật là cái ơn chan chứa ngoài lệ thường ».*

Sự việc có như vậy. Hai lần vua tôi nhà Thanh lo cung cấp quý vật cho vua Quang-Trung, trong Lịch-sử bang-giao giữa Bắc-triều với các phiên-quốc, hẳn chưa bao giờ có việc này.

3— GIẢ-VƯƠNG NƯỚC NAM SANG TRIỀU-CẬN VUA THANH.— Có lẽ khát-vọng của vua Kiền-Long bấy giờ là được gặp mặt Quang-Trung Nguyễn-Huệ, người anh-hùng đã làm tan rã quân đội bốn tỉnh miền Nam Trung-quốc, sau một cuộc chiến thắng chớp nhoáng từ 30 tháng chạp Mậu-thân đến mồng 5 tháng giêng Kỷ-dậu,

Cuộc chiến thắng này đã gây nên một tiếng vang rất lớn từ miền Nam Trung-quốc tới triều-đình Bắc-kinh. Vua Kiền-Long hạ chiếu cho Phúc khang-An nhân dịp Bát tuần Vạn thọ mời quốc-vương nước Nam đến Nhiệt-Hà. Vua Quang-Trung thoái thác là có tang mẹ, sai con là Quang-Thùy đi thay. Khang-An cho thế là không nên liền sai người sang dỗ dành rằng nếu cùng lắm thì quốc-vương chọn lấy một người giống mình đi thay thì tốt hơn.

Việc này được sự thoả-thuận của Phú-Xuân rồi triều Thanh nhộn-nhịp sửa soạn sự tiếp đón quốc-vương nước Nam. Sự thực người đi mừng thọ vua Kiền-Long đây là Phạm công-Trị cháu gọi vua Quang-Trung bằng cậu. (*An-Nam nhất thống chí* chép khác : Đi thay vua Quang-Trung là Nguyễn quang-Thực người làng Mạc-Điền, huyện Nam-Đường (Nghệ-An) có dung mạo đoan-chính, giả làm Quốc-vương).

Các nghi-thức ngoại-giao được quyết-định giữa Thanh-đình và sứ-thần nước Nam là Nguyễn hoành-Khuông : « Quốc-vương lên đường vào tháng ba năm ấy (Canh-tuất 1790) — Sứ-đoàn gồm có : Ngô văn-Sở, Đặng văn-Chân, Phan huy-Ích, Vũ văn-Tấn, Vũ danh-Tiêu, Nguyễn tiến-Lộc, Đỗ văn-Công v.v... và một số quan tùy tùng. Trong sứ-đoàn còn có cả thái-tử Nguyễn quang-Thùy là con trai thứ của Quốc-vương, Tất cả sứ-bộ có 150 người, gồm có một ban nhạc-công đem theo 10 bài từ-khúc chúc thọ để hát mừng vua Thanh trong dịp bát tuần. Tác-giả của 10 bài từ-khúc này là Phan huy-Ích. Bài chúc-hỗ này được viết vào kim-tiên. Việc chúc thọ được đặt như sau :

— Sứ-đoàn đến nơi được dự yến ngay ở ngự-điện,

— Nhạc-công của ta được mời vào cung vua dạy những người « *Lê viên* » tức là người hát bội của nhà Thanh, hát tiếng Nam cùng đội mão tú tài, vận áo cổ tràng (giao lĩnh-y) tập hòa tấu trước với nhau giữa tiếng đàn, tiếng sênh và trống. Khi mở tiệc hai ban nhạc-công Nam, Bắc đứng thành hai hàng đối-diện nhau mà hợp-tấu và đồng ca... »

Ngày 29 tháng ba, sứ-đoàn lên đường, khởi hành từ Nghệ-An, tới Lạng-Sơn vào 13 tháng 4, qua cửa Nam-Quan vào ngày 15-4. Quan lại văn-võ của nhà Thanh ngựa xe, cờ quạt rợp trời ra đón tiếp sứ-đoàn, Phúc khang-An làm bạn đồng hành để hướng dẫn quốc-vương tiến Kinh. Nhất cử, nhất động hàng ngày của sứ-đoàn đều có ngựa trạm phi-báo cho vua Kiền-Long. Tỉ-dụ sự có mặt của Quang-Thùy được vua Thanh rất mãn ý, tưởng là Thế-tử Quang-Toản định sắc phong làm « *An-Nam quốc-vương thế-tử* » nhưng sứ-đoàn trả lời Quang-Thùy chỉ là con thứ, tuy vậy việc sắc phong này vẫn được thực-hiện với những lời văn rất vuốt ve, trìu mến còn;

với Quang-Thùy vua Thanh cũng tỏ ý rất ân cần ban cho nhiều đồ quý, (một đôi hà-bao nhỏ, bốn hộp hương-khí) Dọc. đường Quang-Thùy bị đau, vua Thanh gửi cho một cái như-ý bằng ngọc kèm theo lời chúc lành và phái người đưa Quang-Thùy đến trước để phục thuốc, còn giả-vương và sứ-đoàn cứ thuận đường tiến bước.

Từ Châu Ninh-minh, tỉnh Quảng-Tây dưới thủy cũng như trên bộ, sứ-đoàn đi qua đến đâu đều có các nhà chuyên-trách Mãn-Thanh tiếp-tế cung-ứng, đủ các thứ gạo, bột, rau, thịt hàng ngày rất trọng hậu, ngoài yến tiệc rất là linh-đình tại các nhà trạm nghỉ chân. Hễ có của ngon vật lạ, vua Thanh cho ngựa trạm đưa ngay đến để đãi vị thượng-khách, kể từ chiếc bánh sữa, cái quạt và đồ hương-khí. Vua Thanh lại cho chế sẵn áo mão đúng kiểu để thưởng cho giả-vương khi tới Kinh và cả chiếc *« hoàng-kim thinh đới »* tức là cái đai da sắc đỏ nạm vàng xưa nay chỉ tặng cho các tông-phiên mà thôi *(Tông-phiên là phiên thần cùng họ với nhà vua)*. Đó là không kể nhiều quý vật khác đã gửi tặng quý khách trước rồi. Trong các tặng phẩm của vua Thanh, đáng chú-ý nhất là cuốn *« Ngự chế tập, Thạch cổ thi tự, mặc khắc »*. *(Khắc mộc bản, in mực đen)*.

Tháng 5, giả-vương tới Giang-Tây.

Mồng 8 tháng 6, giả-vương rời khỏi Nam-Xương thuộc Giang-Tây lại được hưởng cái thú ngắm trăng rằm ở Hoàng-Cương của tỉnh Hồ-Bắc.

Ngày 24 tháng 6, hoa cỏ Hứa-châu được dịp đón chào sứ-đoàn nước Nam. Từ đấy đến Nhiệt-Hà là nơi vua Kiền-Long nghỉ mất chỉ còn 2100 dặm. Vua cho ngựa trạm mang lại cho Quang-Trung (giả-vương) 5 trái vải tươi mới hái (hai tặng nhà vua, một tặng Ngô văn-Sở còn là phần của Phúc khang-An. Đối với người Tàu vải là một thứ quý vật do Mân-nam dâng tiến).

Mồng một tháng 7, sứ-đoàn đến Từ-Châu thuộc tỉnh Trực-lệ tức là sắp đến Kinh-đô nhà Thanh. Lễ-bộ Thị-lang của triều Mãn là Đức-Minh đã có mặt tại Long-Hương để chào mừng.

Đến Hành-cung Nhiệt-Hà, giả-vương được làm lễ *« bảo kiến, thỉnh an »* rất là thân mật. Lễ này chỉ dành cho đại-thần nào có huân lớn, công to, vua Kiền-Long tặng bài thơ đại ý nói:

« Năm trước nhà vua đem binh sang Nam là do mục-đích khôi phục nhà Lê, nay Lê không còn được trời tựa nữa nên phong cho Nguyễn (Tây-sơn) vì Nguyễn thật tình quy phục. Nay Nguyễn nên giữ gìn lấy đất nước chớ để cho họ khác nổi lên và dặn con cháu phải hết lòng thần phục Đại-Thanh, như vậy sẽ tắm gội ơn trời mãi mãi ».

Giả-vương cho Phan huy-Ích làm thơ để đáp vua Thanh cùng tỏ ơn được dự lễ trọng-hậu khiến vua Thanh khen ngợi, hoan-hỉ vô cùng.

Ngày 20 tháng 8, sứ-đoàn được ban chỉ lên đường về nước sau khi dự yến ở đền Chính-đại Quang-minh.

Một điều rất đặc-biệt là khi giả-vương vào bệ-kiến để từ biệt, vua Thanh vỗ vai và an-ủi ôn-tồn, rồi sai họa-công vẽ một bước chân dung để tặng làm kỷ-niệm ngay bên giường ngự. Vua Thanh còn tặng giả-vương áo mão, các đồ dùng, các đồ thượng-phương trân-ngoạn (đồ quý báu của nhà vua chơi) bốn đôi hà-bao nhỏ đựng đồ bát bảo bằng vàng và bằng bạc. Thêm vào đó là những món quà văn-tự để gây tình thân-mật và chúc tụng, nhà vua tự viết bốn chữ :

« CỦNG CỰC QUY THÀNH »

và hai câu đối :

« CHÚC HỖ HIỆU TÔN THÂN VĨNH THỈ ĐAN THẦM TRI PHẤT THẾ,

« CẬN QUANG ƯNG SỦNG TÍCH, TÁI KÊ THANH SỬ VỊ TIỀN VĂN ».

Bốn chữ « *Củng cực qui thành* » có nghĩa là : Triều củng sao Bắc đẩu, thật lòng theo về với.

Hai câu đối nói : Sang chúc phúc, tỏ ý hết lòng tôn thân, ghi tạc vào lòng son lâu dài không bỏ. Thần đi triều cận được ban ân-sủng, xét suốt sử xanh từ trước đến giờ chưa hề thấy có sự ưu đãi như vậy. Chu-đáo hơn nữa, vua Kiền-Long tính sứ-đoàn về tới nước nhà thì Xuân sắp sang, nên lại tặng hai chữ « PHÚC » và « THỌ »

cũng do tay mình viết. Hai sứ-thần là Phan huy-Ích và Vũ huy-Tấn cũng được đặc cách vời đến bên nhà vua hưởng rượu *« đề hồ »* đựng trong chén ngọc-bích do chính vua Kiền-Long rót mời. Trần dụng-Phu là một thân-thần được lệnh hộ-tống sứ-đoàn suốt dọc đường.

Mồng 4 tháng 10 sứ-đoàn về đến Hồ-Nam, tới ải Nam-Quan vừa đúng ngày 29 tháng 11.

Tại sao nhà Thanh lại có sự ưu-đãi vô cùng đặc-biệt này với vua Quang-Trung Nguyễn-Huệ ? Xét ra từ trước tới nay, Lê-đại-Hành đánh Tống, Lý thường-Kiệt chiếm Ung-Châu, Trần hưng Đạo đuổi Mông-Cổ, Lê-Lợi diệt Minh cũng đã gây nên những cuộc chiến thắng lẫy-lừng tuy được giảng hòa, giao hiếu nhưng chưa bao giờ có sự kính nể của Bắc-triều đến thế. Riêng về phần tác-giả nghĩ rằng ở đời chỉ có kẻ anh hùng mới biết trọng kẻ anh hùng.

Vua Kiền-Long vốn là ông vua rất bình-dân lại có tính-tình phong-lưu mã-thượng, hào-hiệp, quang-minh nên đã coi chiến-công năm Kỷ-dậu của vua Quang-Trung không cho là một chuyện đáng thù nghịch, trái lại là điều đáng vô cùng cảm.phục. Người tài có dạ liên tài, rồi đồng thanh tương-ứng, đồng-khí tương-cầu đó là lẽ tất nhiên trong trời đất. Vua Kiền-Long quả đã khác hơn các vị hoàng-đế trước và sau nhiều lắm trên lịch-sử của người Trung-quốc.

VIỆC NỘI-TRỊ

Sau khi nhà Thanh đã thừa nhận vua Quang-Trung là Quốc-vương An-nam, Lê duy-Kỳ (vua Chiêu-Thống) ở lại đất Tàu, nhưng ở trong nước, em là hoàng ba Lê duy-Chi vẫn hiệu-triệu các cố-thần nhà Lê mưu việc khôi-phục.

Duy-Chi nhờ có thổ-tù châu Bảo-lạc, trấn Tuyên-Quang là Khoan-Triều chiêu-binh mãi-mã, khi ẩn khi hiện ở vùng thượng-du Bắc-hà. Binh đội Tây-Sơn dẹp mãi không yên. Sau này Duy-Chi hoạt-động dần xuống các vùng Trung-Du như Mục-Mã, Thái-Nguyên và chiếm giữ Tuyên-Quang, Cao-Bằng làm căn-cứ để xuất phát xuống Thăng-Long. Tại đây Duy-Chi được bọn Nùng phúc-Tấn và Hoàng văn-Đồng giúp sức.

Có thời ông hoàng ba nhà Lê đã liên-kết được cả với chính-quyền Vạn-Tượng, Trấn-Ninh, Trịnh-Cao và Qui-Hợp mưu đánh phá Nghệ-An.

Năm Canh-tuất (1790) Đại-tổng-quản Trần quang-Diệu và Đô-đốc Nguyễn văn-Uyển đem 5.000 binh-sĩ của trấn Nghệ-An đi đánh dẹp.

Từ tháng 6 đến tháng 8 năm ấy, quân Tây-Sơn tấn công ráo-riết bắt được hai tướng Thiệu-Kiều, Thiệu-Đế là lãnh-tụ tại Trấn-Ninh, và dẹp được cả lực-lượng xứ Trịnh-Cao, Qui-Hợp, đuổi được quân Vạn-Tượng đến biên-giới Tiêm-La và chém được nguyên-súy Vạn Tượng là Tả Phan-Dung và Hữu Phan-Siêu vào hai tháng sau. Thắng được liên-quân của nhà Lê ở đây, quân Tây-Sơn vây luôn vùng Bảo-Lạc là nơi rừng sâu núi rậm, ba mặt có núi đá vách đứng như thành, mặt Bắc tiếp-giáp với đất Thanh, quân Tây-Sơn gần như bị thúc-thủ. Tướng giữ ải Tụ-long gần đó là đã Quận Diễn, một cựu-thần nhà Lê, lúc này thấy Tây-Sơn nắm quyền bá-chủ khắp lãnh-thổ nước Nam liền đưa đường cho quân Tây-Sơn luồn qua đất Thanh (đi mất ba ngày) sấn vào thành Bảo-Lạc. Duy-Chi bị bắt sống cùng với hai thổ-tù kể trên nhốt vào cũi đem về Thăng-Long. Vua Quang-Trung ngầm sai đem trầm-hà nhưng bề ngoài vẫn nói là Duy-Chi bị giam mà thôi cho khỏi buồn lòng Ngọc-Hân công-chúa. Rồi ngài cho báo tin thắng trận sang Thanh-đình. (Về vụ phản-bội này, theo *« Lê-Kỷ dã-sử »* Điều Bat-Lợi là tướng Tây-Sơn đang khi uống rượu mừng thắng trận bỗng nẩy ý bắt Diễn và cả họ đem chém. Tất cả 113 người gồm đủ già trẻ, gái trai bị giết).

Ngoài việc đề-kháng của Lê Duy-Chi đáng kể hơn cả, còn những vụ chống đối lẻ-tẻ có tính cách địa-phương như vụ Trần quang-Châu vào năm Quang-Trung thứ nhất (1788) cầm đầu một số hương-binh đánh nhau với Tây-Sơn tại sông Thiên-Đức (sông Đuống thuộc tỉnh Bắc-Ninh). Châu được phong làm tiên-phong đại-tướng-quân theo lệnh vua Chiêu-Thống dẫn quân Thanh đi đóng đồn trại ở nhiều địa-điểm trong nước ta theo chương-trình xâm-lăng của họ. Sau quân Thanh bị đuổi ra khỏi bờ cõi,

Châu về hợp sức với Trần danh-Án, Dương đình-Tuấn và Lê trọng-Vĩ để tiếp-tục việc khôi phục. Việc này kéo dài được vài năm, sau Châu bị bắt và bị giết vì không chịu về với tân-triều. Cùng một thời với Trần quang-Châu, Dương đình-Tuấn người huyện Yên-Thế (Bắc-Giang) đem hai con và cháu chống nhau với Tây-Sơn khi vua Chiêu-Thống chạy đến huyện Nhân-Mục (1788). Tuấn bị thua và bị thương, quyến-thuộc có 7 người đều tử trận. Sau Tuấn dẫn hương binh lên đón quân Thanh ở Nam quan và tiễn đưa vua Chiêu-Thống qua ải. Trở về Tuấn vẫn hoạt động bị quân Tây-Sơn vây đốt cả nhà và cả làng của Tuấn. Tuấn chạy vào rừng chẳng bao lâu thì chết.

Tại Vũ-Giàng (Bắc-Ninh) gia-đình Phạm đình-Đạt gồm hai em là Tạo-sĩ Phạm đình-Phan và tiến-sĩ Phạm đình-Dữ, con trưởng Phạm-Duật cũng tổ-chức binh đội cùng chí-hướng như Trần quang-Châu và Dương đình-Tuấn kháng-chiến tại vùng Lạng-Giang (Lạng-Sơn). Cuộc chiến-đấu cũng thất bại. Phan kết liễu cuộc đời bằng chén thuốc độc. Phạm đình-Chẩn là em thứ tư của Đạt gắng một lần chót với 500 dân-binh, đánh Tây-Sơn cũng thua. Sau hai con của Đạt là Đình-Cù, Đình-Ninh cũng bị bắt và bị giết.

Ngoài số người không tán-thành chính-quyền Tây-Sơn đã chiến-đấu một cách tuyệt-vọng và tiêu-cực (Vì sức cả một triều-đình lúc đang có hai, ba vạn binh-sĩ còn không đương nổi) để mua lấy cái chết, ta còn thấy một số nhân-sĩ khác cũng bất cộng tác với tân-triều như Nguyễn đăng-Trường bề tôi của chúa Nguyễn (Duệ-Tông) đã cương quyết không theo Nguyễn-Huệ năm Giáp-ngọ (1774) tuy Huệ yêu tài lấy lễ tân sư (vừa coi là bạn vừa coi là thày) mà đối-đãi.

Trương-Quán là dòng-giõi công-thần nhà Lê cũng được thu dụng, nhưng không chịu. Huệ cũng cho về hưởng tự-do nơi cỏ hoa mây khói, duy Trường sau này bị giết vì còn võ-trang chống đối Tây-Sơn, bị bắt và dụ hàng phen nữa không được, Huệ phải trừ đi. Trước đây Huệ đã bảo Trường: *« Tiên-sinh đi chuyến này liệu xoay lại trời đất được chăng ? Nếu việc chẳng thành*

ăn-năn đã muộn ! » Trường khảng-khái trả lời : « *Tài trai ở đời lấy trung, hiếu làm đầu. Tôi nay dắt mẹ đi tìm chúa cho vẹn với đại nghĩa. Còn cùng hay thông, thành hay bại, đó là số mệnh, dám đâu ăn-năn !* »

Xét ra những người trên đây đã đứng hẳn trên lập-trường triệt-để tôn-quân cho rằng mình là bề tôi phải sống chết với vua, đã ăn cơm của vua, đã mặc áo của vua thì không thể thay lòng đổi dạ dầu ông vua đó, triều-đại đó đã trở nên suy tàn và có hại. Nếu họ đứng trên lập-trường quốc-gia, dân-tộc tất nhiên họ đã có thái-độ khác. Họ phải nghĩ : vua chỉ là tiêu-biểu cho quốc-gia nhưng khi đã bất tài, bất lực và hôn ám thì không còn lý do mà tồn tại nữa... Hay nói một cách khác : « Vua là công-bộc của quốc-gia. bề tôi cũng là công-bộc như vua mà thôi. Làm quan với thiên hạ, với quốc-dân, phục vụ gia-đình xứ-sở sao lại chỉ nhìn vào một cá-nhân, một dòng họ, nhất là cá nhân và dòng họ đó trở nên vô dụng ?»

Nếu có người biết nói rằng : « *Ta làm quan là vì thiên hạ, vì muôn dân chớ không vì một họ, cơm ăn áo mặc của ta là của nhân dân đâu phải của vua, của chúa !* » được vậy dân tộc chúng ta đã không vô phước từ mấy trăm năm nay.

VIỆC QUÂN SỰ

Vua Quang-Trung lên ngôi từ 1788 đến 1792 thì mãn phần, như vậy chánh quyền trong tay ngài không được dài lâu là bao nhiêu. Lại nữa trong 5 năm đó ngài ít có khi được ngơi tay, rảnh trí để lo việc nội-trị nếu ta bàn đến việc nội-trị của ngài.

Ngoài ra triều-đại Tây-Sơn cách chúng ta tuy chẳng xa nhưng vì nó ngắn ngủi tất nhiên sự-nghiệp của nó chưa được nhiều lắm, huống hồ sử sách ghi chép về triều-đại này cho đầy đủ tất nhiên là điều mà triều Nguyễn chẳng ưng, dầu có lớn lao cũng chẳng ai dám cầm bút để biên soạn chu-đáo. Đến nay ta chỉ được biết ít nhiều công việc của nhà Tây-Sơn qua mấy cuốn chính-sử, dã-sử và bút-ký của các nhà truyền giáo ngoại-quốc.

Điều chắc chắn mà không ai có thể cãi là sự-nghiệp chống

xâm lăng, phục Mên, Lào, đuổi Tiêm-La và thống-nhất Nam-Bắc cũng đủ làm cho vị anh hùng áo vải cờ đào đó thành vĩ-nhân bất tử và được thế đã là quá nhiều với một thời-gian ngắn-ngủi. Các vị anh-quân, danh-tướng của Lịch-sử cổ-kim, của bất cứ một dân-tộc nào có khi suốt đời làm được một hai việc trong từng ấy việc cũng còn là hết sức hiếm.

Một điều nữa là con người Nguyễn - Huệ tuy ít học nhưng phải một khối óc thông-minh lỗi-lạc phi-thường mới có nhiều thần-mưu quỷ-kế về chiến-lược, chiến-thuật, lại có cả những sáng-kiến đặc-biệt về chính-trị, văn-hóa và kinh-tế.

Ta hãy coi việc tổ-chức binh-chế đời Tây-Sơn. Như nhiều triều đại trước, Tây-Sơn cũng có ngũ quân : Tiền, Hậu, Trung, Tả, Hữu. Đó là 5 đạo quân trong hồi đánh nhau với nhà Thanh. Ngoài ra nhà vua còn nhiều đội quân đặc biệt khác lấy hiệu là : Tả-bật Hữu-bật, Ngũ-chế, Kiến-thành, Thiện-Cán. Thiên-trường, Thiên-sách, Hổ-bôn, Hổ-Hầu. Thị-lân, Thị-loan. Ta có thể đoán ngũ quân là năm đạo quân căn-bản và 11 đội quân sau đây là những đội quân đặc-biệt để tăng-cường cho ngũ quân và thường được cử đi bình-định hay chiến đấu ở các địa-phương. Chỉ có khi nào mở cuộc chiến tranh đại qui-mô mới xử-dụng đến cả ngũ quân. Ngũ quân và 11 đội quân trên đây hợp lại thành quân chủ-lực của quốc-gia.

Còn ở các phủ, huyện thì quân Tây-Sơn chia ra từng Đạo, Cơ, Đội : lấy Đạo thống-cơ, Cơ thống đội, có Võ phân-xuất cầm đầu.

Dưới triều Tây-Sơn vì đánh ngoại-xâm là một việc hết sức quan-trọng, đã có phen chính-quyền tổng-động-viên đinh-tráng từ 15, 16 đến 60 tuổi.

Tinh-thần chiến-đấu của binh-đội Tây-Sơn theo nhận xét của một nhà truyền-giáo ngoại-quốc, rất là cao. Người lính nào cũng gan dạ, thuần-thục, một chống nổi mười nên đánh đâu thắng đấy.

Nghe lời Ngô thì-Nhậm, vua Quang-Trung theo chính-sách nhà Chu, nhà Hán lấy người đồng-tính làm tay chân để giữ vững

địa-vị và chính-quyền do đó ngài phong cho con cả là Quang-Toản làm thái-tử, Quang-Thùy làm Khanh-công, lĩnh Tiết-chế Bắc-thành thống-xuất thủy-bộ chư-quân. Quang-Bàn làm Tuyên-công, lĩnh Đốc-trấn Thanh-hóa kiêm Tổng-lý quân-dân-chính

Bên cạnh ba vị hoàng-tử này có các huân-thần, danh tướng giúp sức.

QUAN CHẾ. — Bộ máy triều-đình có những quan chức như sau : (Cấp trung-ương)

— Tam-công, Tam-thiếu, Đại chủng-tể, Đại tư-đồ, Đại tư-khấu, Đại tư-không, Đại tư-cối, Đại tư-lệ,

— Thái-úy, Ngự-úy, Đại tổng-quản, Đại đổng-lý, Đại đô-hộ, Đại đô-đốc, Đô-đốc, Nội-hầu, Hộ-giá, Điểm-kiểm, Chỉ huy-sứ, Đô-tư, Đô-úy, Trung-úy, Vệ-úy, Quản-quân, Tham-đốc, Tham-lĩnh, Trung thư-sảnh, Trung thư-lệnh, Phụng-chính, Thị-trung đại học-sĩ, Hiệp-biện đại học-sĩ, Thị-trung ngự-sử, Lục-bộ thượng-thư, Tả Hữu đồng-nghị, Tả, Hữu phụng-nghị, Tư-vụ, Hàn làm.....

Tại các trấn có : về võ có Trấn-thủ, về văn có Hiệp-trấn

Tại mỗi huyện có Võ phân-suất, Văn phân-tri, Tả quản-lý, Hữu quản-lý.

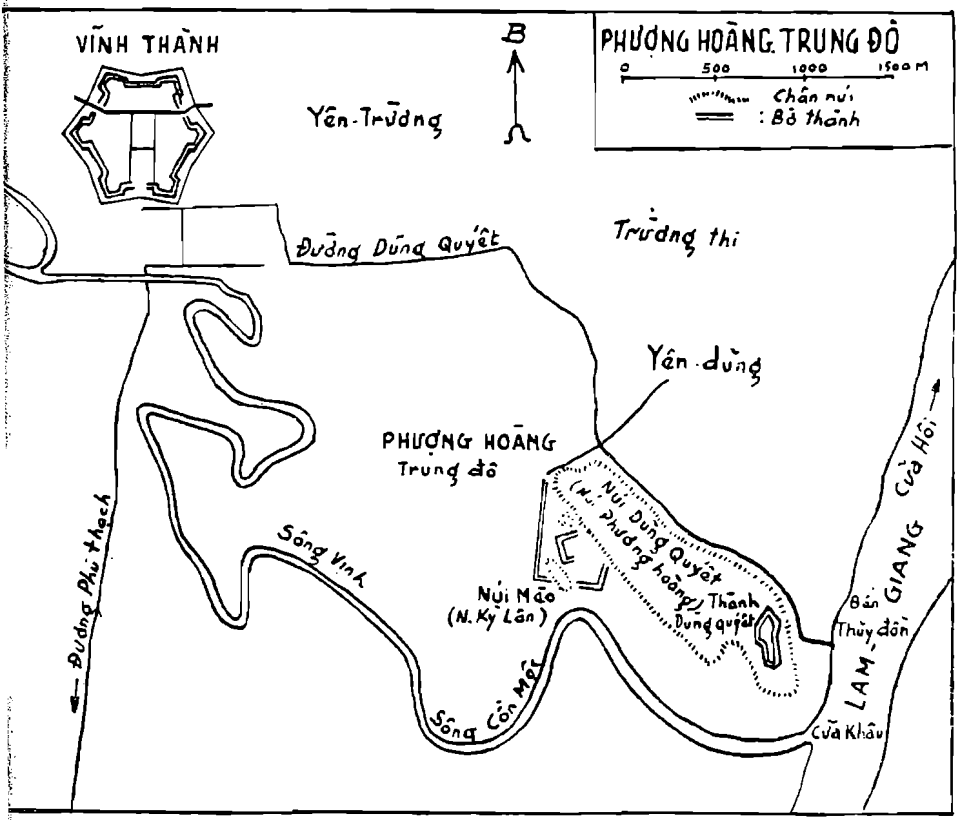
Văn quan phụ-trách binh lương, thuế-khóa, từ-tụng, võ quan thì cai-quản và thao-luyện binh-đội.

Hành-chính xã thôn có :

— Xã-trưởng, thôn-trưởng, tổng-trưởng (như chánh tổng đời nay).

CÁC ĐỊA-HẠT HÀNH-CHÍNH TRONG NƯỚC. Tình-hình chính-trị, xã-hội trong nước dưới triều Tây-Sơn mới được ổn-định hoàn-toàn từ Đàng trong ra tới Đàng ngoài tức là từ Trung-Việt trở ra Bắc-Việt. Còn miền Nam-Việt bấy giờ thuộc Đông Định-Vương Nguyễn-Lữ nhưng vẫn luôn luôn bị quân cựu-Nguyễn (Nguyễn Ánh) đánh phá nên chưa sắp đặt, mở mang được là bao nhiêu.

Riêng về đất đai thuộc ảnh-hưởng của triều Quang-Trung



Bản đồ vẽ kinh-đô của triều Quang-Trung

thì phải kể từ Thuận-Hóa ra Bắc. Vua Quang-Trung cho Nguyễn-Thiếp tức La-sơn phu-tử xây dựng tại Nghệ-An một đô-thành nữa gọi là Trung-đô. Nhà vua dời ra đó có ý muốn khống-chế miền Bắc về chính-trị cũng như quân-sự.

Trung-đô thành lập xong thì Thăng-Long đổi ra Bắc-thành hẳn để người ta quên dần nhà Lê, một vương-triều dài 360 năm đã đặt nhiều kỷ-niệm sâu đậm trong lòng nhân-dân.

Bắc-hà từ đời Lê đã chia ra làm 11 xứ (hay trấn) :

1) Xứ Nam (Sơn Nam) — 2) Xứ Đông (Hải-Dương)

3) Xứ Bắc (Kinh-bắc) — 4) Xứ Đoài (Sơn-Tây)

5) Xứ Yên-quảng (Hải-Ninh) — 6) Xứ Lạng (Lạng-Sơn)

7) Xứ Thái (Thái-Nguyên). — 8) Xứ Tuyên (Tuyên-Quang)

9) Xứ Hưng (Hưng-hóa) — 10) Xứ Thanh (Thanh-hóa)

11) Xứ Nghệ (Nghệ-an).

Chín xứ trên được để nguyên vẹn, duy hai xứ Sơn-Nam và Thanh-hóa có sự thay đổi như sau :

A) Sơn-Nam nay thành hai Trấn : phía trên gọi là Nam-thượng hay Thượng-trấn. Phía dưới giáp biển gọi là Nam-hạ hay Hạ-trấn.

Phố Hiến trước là lỵ-sở của Sơn-nam, bây giờ lỵ-sở của Hạ-trấn đóng ở Vị-hoàng cách phố Hiến vài dặm ; còn lỵ-sở của Thượng-trấn thì đóng ở Châu-cầu tỉnh Hà-nam.

B) Thanh-hóa cũng chia làm hai : nửa ra Bắc gọi là Thanh hóa-ngoại ; nửa về Nam gọi là Thanh-hóa-nội.

Mỗi xứ (tức tỉnh) gồm có một số phủ, huyện và châu (nếu gần sơn-cước). Rồi mỗi phủ, huyện chia ra nhiều tổng, xã, nếu xã lớn thì chia thêm ra thôn.

Kẻ-chợ là thành Thăng-Long trước đây, nay gồm một phủ, hai huyện và mười tám phường.

THUẾ-KHÓA VÀ NÔNG-CHÍNH.— Dưới đời nhà Lê, dân phải đóng một thứ tiền xâu-dịch cũng có thể coi như là một thứ thuế dùng vào các việc đê-điều, tạp-dịch. Thuế này còn được gọi

là « *điệu* » hay « *điệu tiền* ». Nhà-nước thu của dân rồi khi có các việc tạp-dịch lấy tiền này mà mướn người làm. Đây là một thứ thuế bắt chước phép cố-dịch của nhà Đường (618-906) Đến đời Quang-Trung thì phép đánh thuế này bỏ đi có ý giảm bớt sự gánh vác cho dân.

Từ năm có giặc Thanh sang nước ta (1788) loạn-ly đã hại, dân lại mất mùa luôn luôn, thêm vào dịch-lệ tràn khắp nơi, dân chết đến ba phần tư, nhà nước phải đánh thuế vào các tư-điền để lấy gạo, lúa. Trong giai-đoạn này đinh thì ít, điền thì nhiều, nhiều nhà giàu bỏ ruộng không nhận để đỡ nộp thuế.

Tập " *Hàn-các anh hoa* " của Ngô thì-Nhậm có chép bài chiếu " *Khuyến nông* " của vua Quang-Trung nêu ra hai điều mà chánh quyền đời bấy giờ lo lắng nhất là :

1) Sao cho ruộng đất xuất-sản được nhiều.

2) Sao cho nhân-khẩu gấp rút tăng-gia để dân-số chóng đông-đảo.

Đối với điều thứ nhất, vì ruộng bị bỏ hoang nhiều nên kém sinh-sản-lượng, nhà-nước ra lệnh cho những người di-cư trốn tránh sưu-dịch hay sang ở quê mẹ, quê vợ, hay vì đi buôn bán xa-xôi nếu đã ngụ đâu thì trên ba đời mới được ở lại nơi đó, còn phải trở về sinh-quán làm ăn. Những người này được hay phải lĩnh ruộng đất để cầy cấy, không được từ chối. Các xã-trưởng, thôn-trưởng phải xem lại sổ đinh và điền thực sự có bao nhiêu. Ba thứ sổ sách này phải đệ lên các viên phân-suất, phân-trị ở huyện để triều-đình xét rồi quan sẽ đến khám lại cho việc bổ thuế được công bằng. Nếu xã nào không cương-quyết áp-dụng lệnh hồi-cư và thể-lệ cư-ngụ thì bị nghiêm-trị. Nếu xã nào để ruộng hoang đến hạn mà chưa khai-khẩn thì chức-dịch phải chịu trách-nhiệm, nghĩa là chiếu theo ngạch thuế điền cũ mà nộp gấp bội. Ruộng tư khi đã sát-nhập vào hạng công-điền thì thuế tính theo ngạch công-điền.

Các mệnh-lệnh trên đây xét ra chỉ có mục-đích đem

lưu-dân về làng cũ, khuyến-khích và thúc đẩy các nông-gia cầy cấy, để xây nền thịnh-vượng chung cho quốc-gia mà thôi.

Ruộng tư và ruộng công bấy giờ được chia làm 3 hạng để chịu riêng mỗi hạng một thứ thuế.

CÔNG ĐIỀN : Hạng nhất mỗi mẫu nộp thóc thuế : 150 bát

Hạng nhì mỗi mẫu nộp thóc thuế 80 bát

Hạng ba mỗi mẫu nộp thóc thuế 50 bát

Cả ba hạng, mỗi mẫu phải nộp một tiền quý về thuế thập vật và 50 đồng kẽm về thuế khoán kho. (mỗi bát nói đây độ nửa lít).

TƯ ĐIỀN : Hạng nhất mỗi mẫu nộp thóc : 40 bát

Hạng nhì mỗi mẫu nộp thóc thuế : 30 bát

Hạng ba mỗi mẫu nộp thóc thuế : 20 bát

Cả ba hạng đều phải nộp mỗi mẫu 30 đồng kẽm về tiền khoán kho, còn tiền thập-vật thì theo như ruộng công trên đây.

Ngoài thuế ruộng, triều Quang-Trung cũng theo lệ cũ đánh những thứ thuế như *dụng tiền* (thuế thân do chúa Trịnh đặt ra từ năm Qui-mão 1723 mỗi xuất là một quan hai tiền), *cước mễ v.v...*

Năm Quang-Trung thứ tư, trong nước khắp nơi đều được mùa và mưa hòa gió thuận. Cuộc sinh-hoạt đã bắt đầu đầm ấm, phát-đạt tới nửa phần thuở thanh-bình trước, do chính sách ưu-ái nhân dân của triều-đình. Xin nhắc rằng nếu năm nào có tai trời ách nước, triều đình lại ra ơn xá thuế, giảm tội cho dân chúng.

Chính-sách nhân-hậu này của triều Tây-Sơn đã được nhiều người ngoại-quốc ca ngợi và minh-chứng : Tỉ-dụ nhà du-hành người Anh là ông Crawfurd đến viếng nước ta vào năm 1822 (là năm vua Gia-Long đã mất, và Minh-Mạng lên ngôi được 3 năm). Ông này chống hẳn lại những lời phê-bình bất công của một số sử-gia Tây-phương đối với nhà Tây-Sơn và viết như sau :

« Bảo rằng nhân-dân khao-khát dòng vua chính-thống được khôi-phục, như một số người Tây-phương chỉ biết có tán-tụng vua Gia-Long chưa chắc đã đúng và triều Tây-Sơn đâu có thất nhân-tâm đến thế. Tôi được một số nhà buôn Trung-Hoa đã sinh sống

lâu năm tại xứ này dưới quyền chúa Nguyễn và cả dưới quyền nhà Tây-Sơn đoan chắc với tôi rằng các nhà cầm quyền Tây-Sơn cai-trị dân chúng còn công bằng và khoan-hòa hơn nhà vua hiện tại (chỉ Minh-Mạng) và phụ-vương của ngài (Gia-Long)...»

VIỆC DÙNG NHÂN-TÀI, VIỆC HỌC VÀ KHOA-CỬ.

Quang-Trung hoàng-đế tuy là một quân-nhân thượng-võ, múa gươm trên mình ngựa mà lấy thiên-hạ, nhưng sau cuộc đại-bình cũng tỏ ra rất chú trọng đến nhân-sự, văn-hóa và chính-trị. Trong các sự việc này nhà vua lại có nhiều sáng-kiến đặc-biệt phát-sinh tự một tinh-thần cách mạng và quốc-gia rất sáng-suốt và mạnh-mẽ.

Trong việc dùng người nhà vua rất phục-thiện nghĩa là nghe ai là kẻ tài giỏi hoặc hiền-đức, nhà vua biết lấy lễ tân sư (vừa coi là khách vừa coi là thầy) để mời tham-gia việc nước. Đó là trường-hợp đối xử với Nguyễn-Thiếp tức La-Sơn phu-tử (1), Nguyễn đăng-Trường. Ngô thì-Nhậm, Phan huy-Ích v. v. . .

---

(1) — La-Sơn phu-tử, họ Nguyễn tên Thiếp (Quang-Trung viết thơ cho cụ gọi lầm là Thiệp), sinh năm Quí-Mão (1723) tại làng Mật-thôn, tổng Lai-thạch, huyện La-Sơn (nay là phủ Đức-Thọ tỉnh Hà-Tĩnh). Lúc bé ông có thiên tài, sáng suốt, không đi học ở trường mà thụ giáo với chú là tiến sĩ Nguyễn-Hành. Năm Qúi-Hợi (1743) cụ đậu hương-giải, nghỉ sáu năm vì bị bệnh, đến năm Kỷ-Tỵ (1749) cụ thi hội đậu tam trường, nhưng không trúng cách. Đến năm Bính-Tí (1756) cụ được bổ làm huấn-đạo, rồi làm tri-huyện đến năm Mậu-tí (1768) cáo bệnh xin về, lên ở núi Thiên-nhận, thành một nhà ẩn-sĩ, dạy vài ba đứa học trò, lúc rảnh rang đọc sách, coi địa-lý. Năm 1786 và 1787, Quang-Trung Nguyễn-Huệ viết thư mời cụ ba lần, để hòng đại dụng, nhưng cụ đều từ chối. Sau 3 lần mời không được, đến tháng tư năm sau (1788) Nguyễn-Huệ từ Phú-Xuân ra Bắc để trừ Vũ văn-Nhậm, sai Cận-tín-hầu Nguyễn quang-Đại lên mời cụ đến đại-doanh đóng ở núi Nghĩa-Liệt (Nghệ-An) để được gặp mặt và nhờ

Về việc học nhà vua cho lập trường từ ở các thôn xã trở lên, dùng đền chùa làm nơi giảng dạy. Các huấn-đạo được cử đến đây để khuếch-trương giáo-dục. Dưới quyền các quan huấn-đạo là các nho-sĩ lựa trong đám người có học, có hạnh. Khoa thi Hương được mở ra để lấy khóa-sinh Tú-Tài, hạng ưu được bổ vào quốc-học, hạng thứ cho vào xã-học.

Các ông Cống triều Lê cũng được đắc dụng, nếu chưa làm chức gì, triều-đình vời ra nhận các chức huyện quan hay huấn-đạo. Các cựu nho-sinh và sinh-đồ phải đợi khoa thi, nếu là hạng ưu thì lấy đỗ, hạng liệt thì bãi về xã học. Còn loại sinh-đồ mua bằng ba quan (đời Lê cần tiền đã có việc buôn quan, bán tước, việc học hành thi cử cũng thành chuyện thương mãi nên mất cả giá trị) thì bị loại làm dân, nghĩa là phải chịu những sự gánh vác, các tạp dịch như mọi người chớ không được miễn như xưa.

Đáng chú ý là việc trọng dụng chữ nôm, nó biểu lộ một tinh thần quốc-gia mãnh liệt, một ý-niệm cách-mạng rất thực-tế của vua Quang-Trung, tuy trong khoa-cử, học hành chữ nho vẫn được dùng, nhưng chiếu, biểu, sắc, dụ, thi phú, văn nôm đã được đặt vào một địa-vị quan-trọng. Tỉ dụ : Mỗi khoa thi, các sĩ-tử vào

---

cụ coi địa-lý lập đô ở xứ Nghệ-An. Nguyễn-Huệ không những không dùng áp-lực đối với La-Sơn Phu-tử mà còn tỏ ra vẫn một lòng kính nể cái thanh-phong, cao tiết của vị danh-sĩ ấy.

Sau tuy không dự trực-tiếp vào chánh-sự, vì cảm tình tri-ngộ, Thiếp cũng giúp vua Quan-Trung một vài việc như xây Trung-đô (dựng xong vào năm Quang-Trung thứ 5 (1792), nhà vua định dời về đây nhưng chưa kịp thì đã mất). Tại đây lập Sùng-chính thư-viện, Nguyễn-Thiếp được cử làm viện-trưởng để trông coi việc giáo-dục quốc-dân, phiên-dịch Kinh-truyện ra tiếng nôm để tiện việc truyền-bá giáo-lý Khổng, Mạnh nêu ba điều quân-đức, dân-tâm và học-pháp là những yếu-tố căn-bản của một nhân chính. Công chuyện mới làm được ít nhiều thì vua Quang-Trung tạ-thế ; những dịch-phẩm này bị Nguyễn-Triều tịch thu và thiêu hủy hết, và nhân chính cũng chưa thi-hành được bao nhiêu.

được đến đệ tam trường là kỳ thứ ba đều phải làm thơ, phú bằng quốc âm (1).

Vài việc khác cũng tỏ ra không kém về tinh-thần độc-lập và óc tổ-chức cùng mở mang của nhà vua rất đáng tán thưởng.

1) Đối với các tôn-giáo của dân ta, triều Quang-Trung cũng biết tôn-sùng Nho, Phật, Lão và Bách-thần. Ngay đối với đạo Gia-Tô là một tôn-giáo đến nước ta sau hết, nhà Tây-Sơn cũng không tỏ ra gắt gao như với các chúa Trịnh, Nguyễn qua nhiều thời đại trước.

Ngày 18 tháng 7 năm 1793, giáo sĩ Le Roy gửi thư cho Blandin nói : *« Từ khi nhà Tây-Sơn ra cầm quyền, tôn-giáo được tiến-bộ »*. Lời nói này nhắc rằng trước triều Tây-Sơn, Lịch-sử Công-giáo Việt-Nam đã nhuộm bao nhiêu máu và nước mắt, chỉ do chỗ vua chúa Trịnh, Nguyễn e ngại người ngoại-quốc lạm dụng Công-giáo để mưu đồ việc chánh-trị, và về phía các giáo-sĩ vì muốn thâu lượm được mau lẹ nhiều linh-hồn cho Thiên-chúa không phải là không phạm vào nhiều điều lầm lạc bất lợi cho chính-quyền bản địa.

Ngoài ra thời nào cũng có một số người lạm dụng tôn-giáo. Đời Lý nhiều kẻ *« trốn việc quan đi ở chùa »* nên các nhà cầm quyền thử thời đã ra lệnh hoàn-tục một số tăng ni nhơ-nhớp ; — đời Trần, Hồ qui-Ly cũng đã mở khoa thi để sát hạch những kẻ tu-hành lấy người thực-sự có trí-thức và đạo-hạnh, đến vua Quang Trung, ngài cũng chấn chỉnh Phật-giáo, sa thải nhiều kẻ dựa dẫm cửa Phật để kiếm ăn và lẫn tránh bổn phận công-dân.

Một ý-kiến khác không kém phần đặc-biệt là ngài cho bỏ

(1 Xin nhắc rằng lúc này danh nho, khoa giáp thuộc khu ảnh-hưởng của Tây-Sơn không thiếu gì như Phan huy-Ích, Ngô thì-Nhậm, Nguyễn huy-Lượng, nhưng Quốc-văn vẫn được trọng dụng là do sự nhiệt-thành của vua Quang-Trung.

bớt những chùa nhỏ, bắt làng góp công, góp của làm chung ở mỗi phủ, huyện những ngôi chùa lớn cho có thể-thống hơn.

2) Tháng 6 năm Quang-Trung thứ ba (1790) do chương-trình Bắc-phạt (đánh Thanh) nhà vua lo việc mở mang quân-sự, chuẩn-bị chiến-tranh. Về ý-nguyện này, ngài từng ngỏ với các thân-thần của ngài từ trước việc đánh Tôn sĩ-Nghị vào năm Kỷ-dậu (1789).

Việc đầu tiên là phải kiểm-tra nhân-số, tức là làm lại sổ đinh, nhất là dân-số từ miền sông Gianh trở ra Bắc-hà có nhiều việc ẩn-lậu.

Đinh tráng với ngài có 4 hạng

1.— Hạng vị cập-cách : từ 2 đến 17 tuổi

2.— Tráng-hạng : từ 18 đến 53 tuổi

3.— Lão-hạng : từ 54 đến 60 tuổi

4.— Lão-nhiêu-hạng : từ 61 tuổi trở lên.

Mỗi người trong bốn hạng dân trong nước kể trên đều được phát cho một cái thẻ gọi là « *Tín bài* » trong in 4 chữ lớn « *Thiên-Hạ Đại-Tín* ». Trên mặt thẻ ở chỗ hồi văn có đề tên-quê-quán và in đầu ngón tay của người có thẻ.

Thứ thẻ này có tính-cách tùy thân, ai gian lậu sẽ bị phạt, xung làm phòng-quân hay đi khẩn-hoang ở các rừng núi. Tổng-trưởng và Xã-trưởng phải liên-đới chịu trách-nhiệm về các vụ ẩn-lậu này.

VIỆC ĐÚC TIỀN VÀ VIỆC THAY ĐỔI THÁI-ĐỘ ĐỐI VỚI MÃN-THANH

Vốn là con người có óc thực-tế, vua Quang-Trung sau khi lên ngôi liền nghĩ ngay việc đúc tiền bằng đồng để tiêu-dùng trong nước.

Rồi đồng tiền « Quang-Trung thông bảo » được thay đồng tiền Cảnh-Hưng ở khắp chợ cùng quê.

Năm Quang-Trung thứ tư (1791) do cần chuẩn-bị việc đánh Mãn-Thanh, nhà vua đã cho thu hết các đồ đồng tốt trong nước vừa đem làm binh-khí, vừa đúc tiền cho rộng tài-nguyên.

Nhà vua lại chú-trọng đến việc khuếch-trương kinh-tế thương-mãi ra tới bên ngoài nên phái người sang điều-đình với Mãn-Thanh mở chợ ở Bình thủy-quan thuộc tỉnh Cao-Bằng và ở Du-thôn-ải tỉnh Lạng-Sơn. Vua Quang-Trung còn xin lập Nha-hàng ở phủ Nam-Ninh thuộc tỉnh Quảng-Tây cũng không ngoài mục-đích đưa dân ta sang làm ăn buôn bán với Trung-quốc.

Các điều yêu cầu trên đây được vua Thanh thỏa-mãn cả, nhưng một việc vua Thanh không được hài lòng, đó là chuyện đòi bảy châu thuộc Hưng-hóa xưa. Nguyên từ cuối đời Lê, 6 châu thuộc Hưng-hóa và 3 động thuộc Tuyên-Quang bị tụi thổ-tù nhà Thanh xén lấn rồi đem sát-nhập vào bản-đồ Lưỡng - Quảng (Quảng-Đông và Quảng-Tây).

Vua Quang-Trung liền nhờ Tổng-đốc Lưỡng-Quảng chuyển đạt tờ biểu lên vua Thanh xin minh-định lại vấn-đề biên-giới. Các nhà cầm quyền triều Thanh nại cớ rằng từ lâu bờ cõi đã định không thể thay đổi được nữa. Vua Quang-Trung tức giận lắm và càng mạnh ý-chí vẽ lại bản địa-đồ Việt-Hòa bằng sắc máu để rửa cái hận nghìn thu trên Lịch-sử bị mất đất về phương Bắc.

Nhưng trước khi tính chuyện đánh Thanh, nhà vua cho quấy rối nội-địa Trung-Quốc bằng cách ám-trợ đảng « *Thiên địa hội* » làm chuyện quấy rối Mãn-Thanh. Người của đảng chính-trị này là những di-dân, chí-sĩ của nhà Minh thuộc giống Hán vốn bất phục triều Thanh, bí-mật tổ-chức cơ-quan này tính xoay lại thời-thế.

Họ hoạt-động ở Tứ-Xuyên, được vua Quang-Trung trợ lực để cướp phá vùng biên-thùy Việt-Hoa, nhất là các đường giao-thông thuộc hải-phận Trung-Quốc về mé Đông-Nam.

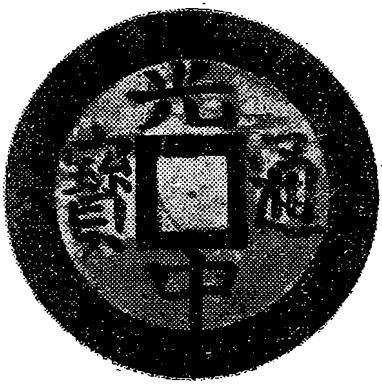
Các biên-thần nhà Thanh tuy biết rõ Đại-Việt có bí-mật nhúng tay, nhưng cũng phải bấm bụng chịu vì thấy lực-lượng quân sự của nước ta lúc này đang thịnh-phát.



Ấn của vua Quang-Trung



Canh-Thịnh thông-Bảo



Quang-Trung thông-Bảo

VIỆC CỐNG NGƯỜI VÀNG.

Một quốc-hận đáng kể cho người Việt từ đời Hậu-Lê tới ngày nay là việc cống người vàng.

Nguyên trong cuộc kháng Minh vào ngày 20 tháng 9 năm Đinh-Mùi (1427) hai tướng của Bình-định Vương Lê-Lợi, là Lê-sát và Trần-Lựu chém được Chinh-Lỵ tướng-quân An-viễn hầu Liễu-Thăng của địch tại Mã yên-sơn (làng Mai-sao, thuộc Ôn-châu tỉnh Lạng-Sơn) nhà Minh lấy làm đau đớn lắm, vì Liễu-Thăng là một danh tướng của họ. Sau này hai nước mở cuộc giảng hòa, Minh-triều đã bắt đền chúng ta phải đúc người vàng thế mạng cho viên tướng tử trận.

Vua Lê Thái-Tổ thấy dân tình đau-khổ, từ cuộc thất-bại của nhà Hậu-Trần, nhà Hồ, rồi lại thêm 10 năm chiến trận sau nữa, cộng tất cả là ba chục năm ròng, nếu kéo dài thêm chiến-sự e kiệt hết sức dân-tộc và tài-nguyên quốc-gia, đành nhắm mắt chấp nhận điều-kiện trên đây của Minh-triều. (Xin nhắc thêm ý-nghĩa việc đòi đại thần kim nhân này : người Minh đòi người vàng vừa vụ lợi về vật-chất và còn muốn lấy uy-thế cả về tinh-thần, vì người vàng phải đúc giống hình quốc-vương để thay việc sang triều-cận. Thật ra cái sáng-kiến đây là của nhà Nguyên trước kia khi đòi vua Trần sang chầu, vua Trần luôn kiếm cớ từ chối, do đó mà Nguyên-chủ mới đặt ra điều-kiện này. Tuy vậy ta vẫn không chịu, cãi rằng từ xưa chưa bao giờ có lệ ấy, sau cũng được miễn).

Sau Lê mất, nhà Mạc thay cũng phải nộp người vàng và người vàng lớn hơn. Sự khác-biệt này đối với việc nạp cống của Lê triều không ngoài nguyên-nhân nhà Mạc bấy giờ đang ở vào cái thế rất chênh-vênh do nội-công, ngoại-kích. Hẳn bọn Mao bá-Ôn và Cừu-Loan đã giúp cho nhà Mạc mánh-khóe cầu hòa với Minh là làm tượng vàng lớn hơn để thỏa-mãn ý tham của Minh-đế thì việc giao-hiếu dễ đạt tới mục-đích. Chúng ta cần phải hiểu tâm-lý của các nhà chính-trị đời xưa, trong một hoàn-cảnh trên

đe dưới búa, chớ có ai muốn phao-phí tài-nguyên quốc-gia làm gì. (1)

Năm Bính-Thân, năm Quang-Hưng thứ 20 (1597) vua Lê Thế-Tông đuổi nhà Mạc ra khỏi Thăng-Long nối lại cuộc giao-hiếu với nhà Minh cũng bị khó dễ về truyện người vàng lớn nhỏ sau nhờ tài ngoại-giao của Trạng-nguyên Phùng khắc-Khoan việc này mới êm, nghĩa là Minh thuận theo hình-thức cũ của đời Tiền-Lê (2).

Năm Mậu-tuất, niên-hiệu Vĩnh-Thịnh thứ 14 (1718) vua Lê Dụ-Tông (1705-1728) cử Bính-bộ Thị lang Nguyễn công-Hãng sang sứ cầu phong. Theo « *Tang thương ngẫu lục* », Công-Hãng khéo nói rằng Liễu-Thăng là tướng của nhà Minh bị người Nam giết thì Minh bắt bồi thường còn có ý nghĩa, nay nhà Thanh rộng muôn nước đòi người Nam cống người vàng theo nhà Minh chẳng là làm chuyện báo thù cho kẻ địch của mình hay sao ?

Nhờ sự lý-luận khôn ngoan, kích-thích rất mạnh lòng tự-ái của Thanh-đình, lệ cống người vàng và nước rửa ngọc-

---

(1) — Xin nhắc rằng nhà Mạc chỉ nạp cống cho Minh-triều khi có binh-lực của Minh Thế-Tông xuất-phát tới sát biên-thùy. Theo « Ngự giao-ký » quyển 3 thiên 6, vào mùa Đông năm Gia-Tĩnh thứ 15, vua Minh sinh hoàng-tử định hạ chiếu sang An-Nam để nước ta biết mà mang lễ sang mừng thì Lễ-bộ Thương-thư là Hạ-Ngôn tâu : « Nước Annam đã không nạp cống từ 20 năm » *nên vua Minh rất giận rồi lấy cớ họ Mạc đã cướp ngôi của nhà Lê lại không nạp cống để hưng-binh. Đây là một bằng-chứng tỏ rằng họ Mạc không muốn đem vàng đi đổ sông Ngô vậy, ta nên biết cho khỏi có sự ngộ-nhận oan-uổng về tư-cách của người xưa.*

(2) — Trong Sử chữ Hán của ta xưa quen gọi đời Lê Quang-phục là Tiền-Lê (1428-1527) đời Lê Trung-hưng là Hậu-Lê (1592-1789). Đến nay ta thường quen hiểu nghĩa chữ Tiền-Lê là triều Lê Đại-Hành như Tiền-Lý (Lý Nam-đế) với Hậu-Lý (Lý Công-Uẩn).

trai mới được bãi bỏ. (1)

Nhưng đến đời Tây-Sơn, thực-dân Bắc-phương, do lòng tham vẫn mè-nheo chuyện cống người vàng, cái nợ truyền-tử nhược-tôn kể trên.

Vua Quang-Trung chịu chăng ?

Xin coi bức thư do Ngô thì-Nhậm viết gửi cho Phúc khang-An được dịch ra văn nôm dưới đây

«..... Xưa, các đời Trần, Mạc vì có tội với Trung-quốc, phải dâng người vàng để thế hình.

Quốc-trưởng nước tôi từ khi bước ra là một người áo vải, nhân thời-thế, vùng lên làm việc, đối với Lê-vương vốn không có cái vai lứa ai là vua, ai là tôi chi cả. Còn hay mất là ở số trời ; theo hay bỏ, là ở lòng người. Quốc-trưởng nước tôi có ý lấy nước của Lê đâu mà sánh với kẻ giành cướp được ?

Và trước đây Tổng-đốc họ Tôn (Sĩ-Nghị) đem binh lính đến, Quốc-trưởng nước tôi bất-đắc-dĩ phải ứng-phó lại chứ không hề xâm-phạm bờ cõi để có tội với Thượng-quốc.

Nay thấy ngài (Phúc khang-An) theo lệ Trần, Lê, Mạc cũ bắt cống người vàng, như vậy Quốc-trưởng nước tôi được nước một cách quang-minh chính đại, tẻ ra lại phải liệt vào hàng tiếm ngụy như nhà Mạc, mà chút lòng cung-thuận ra từ tấc thành sợ Trời, thờ nước lớn lại phải chịu chung một luật như nhà Trần bắt Ô-Mã-Nhi, nhà Lê giết Liễu-Thăng ư ?

Thế thì kể về tình, Quốc-trưởng nước tôi có điều bị ức, không thể không trông ở ngài cân nhắc cho vậy.

---

(1) Người Minh bắt ta cống nước giếng Cổ-Loa để rửa hạt châu, đến chuyến Công-Hãng đi sứ (1718) cũng có mang thứ nước này nhưng chẳng may bị đánh đổ mất ở dọc đường. Công-Hãng liền lấy nước giếng Ba-Sơn thế vào. Người Thanh không thấy ứng-nghiệm có ý quở-trách. Công-Hãng trả lời : « Cái khí thiêng của giếng Cổ-Loa lâu ngày biến đi rồi » Thế là việc này cũng được bỏ nốt.

Xưa kia, chư-hầu đến triều-kiến thiên-tử, hoặc chực ở phương-nhạc, hoặc chầu ở kinh-sư. Ai đi được thì tự mình đến, ai không thân đi được thì sai con em vào hầu, chỉ cốt dâng ngọc thám, tỏ đồ tin, để cho cái tình trên dưới được thông suốt.

Đến như bắt lấy người vàng thế hình vào chầu thì suốt từ Đường, Ngu, Tam-đại (Hạ, Thương, Chu) đến Hán, Đường và Tống đều chưa làm thế bao giờ.

Ngài đã rao truyền tiếng tăm giáo-hóa của thượng-quốc, cũng nên đem phép hay, ý tốt của triều-đại thịnh-trị đời xưa mà sai bảo mọi nước dưới, chứ bắt chước làm gì việc làm của Nguyên, Minh không học theo cổ lệ ấy ?

Mong ngài soi xét, miễn cho sự đúc dâng người vàng....»

Kết quả là vua Quang-Trung được thắng lợi.

QUANG-TRUNG XIN CƯỚI CÔNG CHÚA NHÀ THANH.

Với những chương trên đây chúng ta thấy vua Quang-Trung cho làm lại sổ đinh tức là kiểm-tra dân số, tổ-chức lại quân-đội và luôn luôn mở các cuộc thao-diễn, tất cả các công việc này đều nhằm mục-đích cường binh, và cường binh để một ngày không xa mở cuộc Bắc-phạt. Ngài muốn làm một việc rất phi-thường và bất-thường trên Lịch-sử Việt-Hán là đánh để thâu-hồi Lưỡng-Quảng, phần đất cũ của gia-đình Bách-Việt chúng ta xưa kia, nhưng thử hỏi cái mộng của ngài có phải chỉ là giành lấy miền Hoa-Hạ mà thôi như sử sách đã nói chăng?

Theo chúng tôi, việc này đâu có thể giản-dị như vậy. Nếu vua Quang-Trung chỉ tính đòi Lưỡng-Quảng bằng đường lối ngoại-giao thì nói thế được, nhưng nhà vua chủ-trương dùng võ-lực thì có thể rằng chiến-sự phải tràn khắp nước Tàu khi máu đã đổ. Ngoài ra nếu có cơ thắng, cờ Việt chẳng phải chỉ bay ở miền Hoa-Nam mà về phần Trung-Hoa chiến-tranh với Việt-Nam, mang tiếng là đại-cường-quốc, là *« Thiên triều »* mất Hoa-Hạ, mặt mũi nào mà mở cuộc điều-đình ! Tóm lại, phải suy-xét đến điểm này mới thấy rằng vua Quang-Trung thuở ấy đã

dám tính một việc vô cùng táo-bạo, một là chiếm hết nước Tàu, hai là mất cả nước Việt-Nam. Hẳn ngài đã nghĩ: Mông-Cổ vào làm vua Hán-tộc, Mãn-thanh chiếm được Trung-quốc, Việt-Nam sao lại không? Chúng tôi nêu ý-kiến này để cùng các bạn hiểu rõ cái óc trùm trời, cái hoài-bão vô cùng vĩ-đại của vị anh-hùng dân-tộc đất Qui-Nhơn.

Rồi năm Nhâm-tí tức Quang-Trung thứ 5 (1792) nhà vua bắt đầu công-chuyện nói trên. Ngài gửi cho bọn biên-thần nhà Thanh hai bức thư liên tiếp nhờ đệ-đạt lên vua Kiền-Long ý muốn cầu-hôn với công-chúa Thanh và đòi đất Lưỡng-Quảng để làm quốc-đô. Sự thực nhà vua chỉ muốn làm một việc khiêu-khích để lấy cớ khởi binh nếu Thanh-triều bác bỏ lời yêu-cầu của Đại-Việt.

Chúng ta hãy coi tờ sắc-lệnh gửi cho Đại đô-đốc Vũ quốc-công. (Vũ văn-Dũng) dưới đây đã có những chỉ-thị thế nào. (Tài-liệu này có chép trong gia-phả họ Vũ do Vũ vĩnh-Thứ cháu ba đời của Vũ văn-Dũng soạn năm Bính-ngọ, niên-hiệu Tự-Đức thứ 20 (1870) đã có đăng trên báo *Trung-Bắc chủ-nhật* số Tết Quí-mùi (1943) trang 20, 21, 28):

« Sắc sai Hải-dương Chiêu-viễn Đại đô-đốc Đại-tướng-quân dực-vận công-thần Vũ quốc-công được tiến phong làm chức Chính-sứ, đi sứ nước Bắc kiêm toàn quyền trong việc tâu thực xin lại hai tỉnh Quảng-Đông, Quảng Tây để dò ý, cầu hôn một vị Công-chúa để chọc giận. Cẩn thận đấy! Cẩn thận đấy! Hình thế dụng binh ở như chuyến này cả. Ngày khác làm tiền-phong chính là khanh đấy. Kính thay lời sắc sai này!

« Ngày rằm tháng tư, năm Quang-Trung thứ tư (1791)

Đi sứ lần này sao lại là một võ tướng?

— Xin thưa, vua Quang-Trung cử Vũ văn-Dũng mà không cử Phan huy-Ích hay Ngô thì-Nhậm là hai vị danh-nho, bởi sứ-đoàn chuyến này có hai nhiệm-vụ: vừa làm việc ngoại-giao, vừa làm công-tác gián-điệp là phải dò xét sông núi Trung-Quốc hiểm-yếu thế nào, đường-sá gần xa ra sao, binh-lực của nhà Thanh mạnh

hay yếu rồi về thảo-luận kế-hoạch Bắc-phạt với nhà vua. Và chỉ có Vũ quốc-Công làm nổi nhiệm-vụ này mà thôi. Rồi sứ-giả Đại-Việt đã dâng lên vua Kiền-Long bức thư của Quang-Trung dưới đây :

«...Kính nghĩ Đại Hoàng-đế Bệ-hạ đức ngang với trời, đất, đạo cao hơn vua Hiên-viên, vua Ngu, Thuấn vỗ-về cho chư-hầu mến phục. dịu dàng cho người xa hướng về, không choèn-choèn theo cái lối thường của các triều-đại gần đây.

« Thần lạm được Thánh-thượng coi như con ruột, liệt vào hàng các thân-vương. Phận này dẫu tận nơi xa khuất, nhưng tình ấy vẫn được kể như để nuôi.

Thiết nghĩ : muôn vật không dấu hình với giời đất, con cái không giấu tình với cha mẹ, thì câu chuyện tâm-sự về gia-đình dám chẳng giải tỏ ở trước bậc chí tôn ? Mới đây nhà thần gặp vận rủi ro, thiếu người giữ việc dâng cơm canh thờ cúng ! Trên nền gây dựng phong-hóa đang thiếu người đỡ đần, vậy muốn núp dưới bóng cây ngọc. hòng bám vào gốc vững.

« Ngước thấy thánh triều phát tích từ Trường-bạch (1), đầy dẫy phúc lành, con cháu hàng nghìn hàng ức, nối đời phồn thịnh. Bấy nay lề lối nhà vua, vẫn chọn những chỗ quý hiển gần gụi để gả công-chúa, chứ không có lệ gả tràn đến các bầy tôi ở ngoại phiên. Cái phận đã nghiêm chia trong ngoài như thế, thì thật khó bởi đâu mà chói với được. Chỉ vì một niềm tôn mến, lòng riêng ngóng trông, nên cứ trằn trọc không sao thôi được.

« Trộm mong cành ngọc nhà trời lan rộng đến cả kẻ ngoại-phiên ở dưới, ngõ-hầu thần được ngửa đội ơn lành, gần gũi gối lân, đem phong hóa Quan-thư ban ra những phúc nguyên cát. Những điều kính mến hòa thuận từ nơi gia-đình sẽ nêu làm khuôn-mẫu cho người trong nước, để họ tập quen cái dư phong của chốn trung-hạ, trút bỏ cái thói cũ của nơi bờ biển khiến thần dân trong nước của thần được thỏa sự trông mong ở trong vòng đức-hóa...»

---

(1) — Tên một núi ở phía Nam tỉnh Cát-lâm, cao 8.900 thước tàu.

Sau này hai việc yêu sách (1) của vua Quang-Trung nêu trong tấu-chương đều được đem ra hội-nghị và đều được chuẩn y cả : Về việc xin hai tỉnh Quảng-Đông và Quảng-Tây thì vua Thanh ưng cho một, tức là cho tỉnh Quảng-Tây để đóng đô — Về việc cầu hôn được mỹ-mãn hơn, nghĩa là sau ngày tiếp Nam-sứ ở Ỷ-lương-các, vua Kiền-Long liền sai Bộ-Lễ sửa soạn nghi-lễ cưới gả và định ngày cho công-chúa lên đường.

Xem thế ta đủ hiểu thuở bấy giờ nhà Thanh đã nhượng bộ đến bực nào đối với Đại-Việt ta.

Tiếc thay sau đó mấy hôm thì sứ-đoàn được tin vua Quang-Trung mất vào ngày 29 tháng 7 (Nhâm-tí 1792), miếu-hiệu là Thái-tổ Vũ-hoàng-đế) (2).

Câu chuyện khôi phục Lưỡng-Quảng trên bản đồ của người Việt hay cuộc đánh chiếm Trung-quốc và cuộc nhân duyên Việt-Thanh từ đấy tan ra mây khói vì vua Quang-Trung qua đời rồi, triều Mãn còn kiêng nể ai nữa ?

---

(1) Theo « Đại-Nam chính-biên liệt-truyện » *sơ tập quyển 30, tờ 41 b cũng như gia-phả của họ Vũ thì có việc cầu hôn và đòi Lưỡng-Quảng trên đây, nhưng nhiều sách khác chép thì có khác vài chi-tiết sau : là khi sứ-đoàn đến đất Tàu nghe được tin vua Quang-Trung mất liền bỏ tờ biểu khiêu-khích kể trên và đổi ra tờ biểu « CÁO AI » báo tin buồn cho Thanh-đình biết.*

(2) Vua Quang-Trung bị chứng huyết-vận mà mất. (Huyết-vận là chứng bệnh bị hoa mắt, choáng váng cả người) Sử chữ Nho, theo Hoa-Bằng chép : «.... Một hôm vào buổi chiều đang ngồi chợt bị huyết vận....»

VỊNH QUANG-TRUNG

HAI TRĂM NĂM SỬ CŨ : QUANG TRUNG,
ÁO VẢI MÀ GÂY DỰNG NÚI SÔNG !
ĐUỔI GIẶC MỘT TAY HƠI KIẾM BẠC,
RA QUÂN TRĂM TRẬN PHẤT CỜ HỒNG !
MỘNG CÒN GẮM-GHÉ MIỀN TRUNG-QUỐC.
CHÍ MUỐN ÔM TRÙM CÕI Á-ĐÔNG !
ƯỚM HỎI DANH NHÂN TRONG BỐN BIỂN.
MẤY AI TAY BÉ VUỐT RÂU RỒNG ?

VÔ DANH

Mục lục

—:— Sunday, July 30, 2017

Trang

- Lời tác-giả. V
- Sách tham-khảo VIII

PHẦN THỨ NHẤT

CHƯƠNG I

NHÀ MẠC

- Tình trạng Việt-Nam đầu thế-kỷ XVI. 14
- Mạc Đăng-Dung trên lịch-sử. 18
- Vụ Trần thiêm-Bình thứ hai. 21
- Vụ án Mạc Đăng-Dung. 33
- Tình-trạng Nam-Bắc-triều 47

CHƯƠNG II

TRÒ TAM PHÂN NGŨ LIỆT TRÊN ĐẤT VIỆT-NAM GIỮA THẾ-KỶ XVI

- Nguyễn-Kim và Trịnh-Kiểm. 52
- Biến-cố tại Nam-triều 56
- Những cuộc thất-bại của Bắc-triều 58
- Tiểu-sử của Nguyễn Bỉnh-Khiêm 66

CHƯƠNG III

NƯỚC VIỆT-NAM TỪ BẮC VÀO NAM

- Họ Trịnh làm chúa miền Bắc. 71
- Vài biến-cố của Trung-quốc trong thời Trịnh-Mạc. . 74
- Họ Nguyễn xưng hùng tại phương Nam . . . 75
- Tiểu-sử Đào Duy-Từ 92
- Tiểu-sử Phùng Khắc-Khoan (tức Trạng Bùng). . . 97
- Các vua chúa trong thời-kỳ Nam-Bắc phân tranh . . 103

PHẦN THỨ HAI

TRỊNH NGUYỄN PHÂN TRANH

CHƯƠNG I

- Giai-đoạn công-khai gây hấn 177
- Đại chiến lần thứ nhất (Đinh-Mão 1627) 122
- Một âm-mưu đảo-chính thất-bại 124
- Binh-lực của chúa Trịnh năm Đinh-Mão (1627) . . 126
- Đại chiến lần thứ hai (Canh-Ngọ 1934) 127

- Đại-chiến lần thứ ba (Ất-Hợi 1643) 130
- Cuộc giao-dịch giữa nhà Lê và Tây-phương . . . 132
- Đại chiến lần thứ tư (Mậu-tí 1648) 138
- Quân số của quân Nam dưới đời chúa Hiền . . . 141
- Đại-chiến lần thứ năm (Ất-Vị 1655) 142
- Đại chiến lần thứ sáu (Tân-Sửu 1661) 155
- Đại-chiến lần thứ bẩy (Nhâm-Tị 1672) 158

CHƯƠNG II

- Lý-do thắng-lợi của họ Nguyễn 165
- Lũy Trường-Dục và thành Đồng-Hới 167
- Bàn về thái-độ của hai họ Trịnh-Nguyễn đối với nhà Lê. 174

CHƯƠNG III

XÃ-HỘI VIỆT-NAM DƯỚI QUYỀN CHÚA TRỊNH VÀ CHÚA NGUYỄN

- Một vài nét về tình-trạng miền Bắc 178
- Phố-Hiến 185
- Vài thương-cảng của chúng ta. 187
- Miền Nam có gì đáng chú ý ? 189
- Kinh-đô của chúa Nguyễn 190
- Vũ-Vương và các quan triều-thần. . . . 191
- Việc buôn bán giữa ngoại-quốc và Nam-hà cuối thế-kỷ XVI. 195
- Y-phục người Đàng trong 199
- Ký-sự về đảo Côn-Lôn cuối thế-kỷ XVII. . . 201
- Bá-tước d'Estaing định cướp vàng bạc của chúa Nguyễn . 202

PHẦN THỨ BA

SỰ-NGHIỆP CỦA HAI HỌ TRỊNH-NGUYỄN

CHƯƠNG I

HỌ TRỊNH ĐÃ LÀM ĐƯỢC NHỮNG GÌ CHO DÂN TỘC VIỆT-NAM 211

- Vấn đề họ Mạc. 214
- Việc giao-thiệp với nhà Thanh. 215
- Luật-pháp 219
- Binh-chế 220
- Quan-chế 221
- Chế-độ thuế khóa. 225
- Việc đúc tiền. 229
- Sự đo lường 230
- Học-chính và khoa-cử 231
- Việc chép sử 233

CHƯƠNG II

NHỮNG VỤ BẠO ĐỘNG DƯỚI ĐỜI CHÚA TRỊNH

- Vụ loạn của Nguyễn-Tuyển và Nguyễn-Cừ . . . 240
- Vụ loạn Nguyễn Hữu Cầu. 241
- Vụ loạn Nguyễn Danh Phương 245
- Vụ Hoàng Công-Chất 247
- Loạn quý-ộc đời Lê-Mạt 248
- Chúng ta nghĩ thế nào về những vụ loạn giữa thế-kỷ 18 trên đất Bắc ? 251

CHƯƠNG III

KHÁI LUẬN VỀ PHÁP-CHẾ VIỆT-NAM TỪ CẬN-CỔ ĐẾN CẬN-KIM THỜI-ĐẠI 254

- Thể lệ tố-tụng và cách-thức xét-xử 261
- Một vài nhận xét về tình trạng Pháp-chế Việt-Nam. . 265

CHƯƠNG IV

SỰ-NGHIỆP CỦA HỌ NGUYỄN Ở NAM-HÀ

- Thuế khóa 281
- Ngân-quỹ Nam-hà. 283
- Binh-chế 284
- Địa-hạt hành-chính 285
- Quan-chế 286
- Xin cầu phong với Tàu. 289

CHƯƠNG V

- Chiêm, Lạp trên đường Nam-tiến của chúng ta . . 291
- Chiếm thêm đất của Chiêm Thành 293
- Xâm nhập đất Chân-Lạp 295

CHƯƠNG VI

- Cuộc chiến tranh cuối cùng của Trịnh-Nguyễn. . . 315

PHẦN THỨ TƯ

NHÀ TÂY-SƠN

CHƯƠNG I

TÂY-SƠN DẤY NGHIỆP 325

- Tiểu-sử của ba anh em Tây-Sơn 329

CHƯƠNG II

NGUYỄN MẠT — TRỊNH VONG

- Chiến cuộc giữa Tây-Sơn và họ Nguyễn 334

- Những âm mưu của người Pháp đối với Nam-hà lúc có chiến-cuộc giữa Tây-Sơn và họ Nguyễn . . . 338
- Nguyễn-Huệ diệt quân Xiêm 350
- Chiến-cuộc giữa Tây-Sơn và họ Trịnh (Nguyễn-Huệ ra Thuận-Hóa 354
- Nguyễn-Huệ tiến ra Thăng-Long 361

CHƯƠNG III

NGUYỄN-HUỆ VỀ NAM

- Trần công-Sán đòi xứ Nghệ 385
- Chim Bằng gẫy cánh 392
- Bàn về Nguyễn hữu-Chỉnh 398

PHẦN THỨ NĂM

BẮC-HÀ TRƯỚC NHỮNG BIẾN-CỐ LỚN LAO CUỐI THẾ-KỶ XVIII

CHƯƠNG I

NHÀ LÊ DIỆT-VONG

- Bắc-Bình Vương ra Thăng-Long lần thứ hai . . . 411
- Âm-mưu thực-dân của Thanh 417
- Quân Thanh thắng trận đầu 420
- Hoạt động của vua Chiêu-Thống ở Thăng-Long . . 423

CHƯƠNG II

MỘT VŨ CÔNG OANH-LIỆT NHẤT CỦA VIỆT-NAM CUỐI THẾ-KỶ XVIII

- Bắc-Bình Vương đuổi quân Thanh 428
- Kế-hoạch chiến-đấu của vua Quang-Trung . . . 432
- Cuộc giao-thiệp của Tây-Sơn với Thanh-đình . . 436

CHƯƠNG III

SỰ NGHIỆP CỦA NHÀ TÂY-SƠN

- Việc đối ngoại 445
- Vài giai-thoại kỳ-thú trong việc ngoại-giao Việt-Thanh . 446
- Việc nội trị 453
- Việc cống người vàng 467
- Vua Quang-Trung xin cưới công-chúa nhà Thanh . . 470
- Mục-lục 475

Đính chính

Trang	giòng	*Đã in lầm*	*Xin sửa lại*
VI	6	*... luôn luôn xuất hiện*	... luôn luôn xảy ra
19	5	*... rất thịnh*	... rất thịnh
20	cuối	*Chúng nghĩ rằng tôi*	Chúng tôi nghĩ rằng
21	23	*... dùng cái vai trò*	... đúng cái vai trò
22	15	*... bạc-hành*	... bạo-hành
25	12	*... người Thanh*	... người Minh
27	11	*... thì đâu cung cấp*	... thì lấy đâu cung cấp
29	2	*....điền thổ sang*	... điền thổ, dân sinh
30	24	*... với đoàn phải*	... với phái-đoàn
32	12	*... lá liễu*	... lá liền
32	16	*... khó đánh chìm*	... khó đánh chìm
45	cuối	*... năm 1527 đến 1667*	... năm 1527 đến 1677
90	chú-thích	*(3)*	(1)
102	«	*Tạm dịch ra rên*	Tạm dịch ra trên
103	2	*Niên-hiệu : Thận-Đức*	Niên-hiệu : Thuận-Đức
113	1	*... được tên lên*	... được tôn lên
147	19	*... lực lượng Bắc-hà*	... lực lượng Bắc-hà hác
150	17	*Quảng rõ ệt không*	Quảng rõ-rệt không
160	6	*... sông Lý-hòa*	... sông Kỳ-hoa
166	4	*, Nguyễn bổ có thể*	, Nguyễn có thể bổ
178	5	*... quân sự thì linh*	... quân-sự thì lính
180	20-21	*... ở Pan tam*	... ở Bantam
192	13	*... khi hì trắng*	... khi thì trắng
196	29	*Theo ý tôi thì*	Theo ý chúng tôi thì
197	7-8	*... dèm dèm pha*	... dèm pha

Trang	Giòng	*Đã in lầm*	*Xin sửa lại*
205	5	*... căn cứ tốt đẹp cứ hành quân*	... căn-cứ hành quân tốt đẹp
212	20	*... hát-tử*	... Thái-tử
215	12	*... Tương-Dực*	... Tương-Dực
215	25	*... cháu Trinh-Tạc*	... chúa Trịnh-Tạc
216	16	*dồ, lưu, từ nhẹ*	dồ, lưu, tử, từ nhẹ
222	20	*... vì sao vua Lê*	, vì dầu sao vua Lê
230	19	*« Ngày mai tớ hỏng tớ đi ngay*	« Sách đèn phó mặc đàn con trẻ
230	20	*« Thưng đấu nhờ lưng một mẹ mày ».*	Thưng đấu nhờ tay một mẹ mày ».
248	4	*... nghĩa là về chánh-trị*	... nghĩa là về cả chính-trị
256	8	*... Hình-độ thượng-thư*	... Hình-bộ thượng-thư
262	30	*... các việc đạo, hiếp*	... các việc đạo, kiếp
295	5	*Nhưng xa hơn nữa*	Xa hơn nữa..,
317	18	*... nạn đói ở Thanh-hóa*	... nạn đói ở Thuận-hóa
356	14	*... Thiệu-Hóa*	... Triệu-Hóa
378	13	*... chỉ có ý*	... chỉ có ý
379	6	*... biết tin - hốt hoảng*	... biết tin, hốt-hoảng

ĐÃ PHÁT HÀNH

VIỆT-SỬ TÂN BIÊN

CỦA

PHẠM - VĂN - SƠN

gồm 7 cuốn :

Cuốn 1 : Thượng Cổ và Trung Cổ thời đại xuất bản năm 1956 và tái bản năm 1965

Cuốn 2 : Trần-Lê thời đại

Cuốn 3 : Loạn phong-kiến Việt-Nam.

Cuốn 4 : Từ Tây Sơn đến Nguyễn Sơ.

Cuốn 5-6-7 tức Việt-Nam kháng Pháp sử.

(Các sách này đã ấn hành từ 1955-1960)

Từ nhà kho Quán Ven Đường